Nicolas Vassilievitch Gogol

NHỮNG LINH HỒN CHẾT

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn

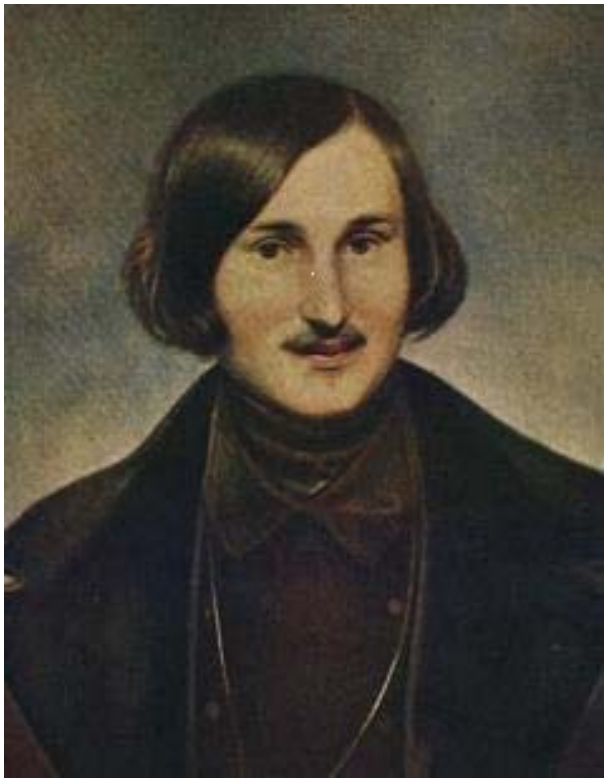

vnthuquan.net, 2009

MỤC LỤC

GÔGÔN VỚI NHỮNG LINH HỒN CHẾT
PHẦN THỨ NHẤT
Chương thứ nhất
Chương thứ hai
Chương thứ ba
Chương thứ tư
Chương thứ năm
Chương thứ sáu
Chương thứ bảy
Chương thứ tám
Chương thứ chín
Chương thứ mười
Chương thứ mười một
BỐN BỨC THƯ CỦA TÁC GIẢ
PHẦN THỨ HAI
Chương thứ nhất
Chương thứ hai
Chương thứ ba
Chương thứ tư

N.V.GÔGÔN* VỚI NHỮNG LINH HỒN CHẾT

Thiên tài của Gôgôn là một thiên tài nhiều mặt, ít thấy ở một nhà văn. Mới hai mươi sáu tuổi, Gôgôn đã có những tác phẩm mẫu mực của năm loại văn rất khác nhau, tựa hồ của nhiều nhà văn khác nhau: truyện dân gian quái dị với ***Những đêm trong thôn gần Đikanka***, tiểu thuyết sử thi hùng tráng với ***Tarax Bunba***, truyện châm biếm hài hước với ***Câu chuyện về sự bất hòa giữa Ivan Ivanovits và Ivan Nikiforovits***, tiểu thuyết hiện thực phê phán với ***Một đôi vợ chồng trang chủ kiểu xưa*** và ***Cái áo khoác***, hài kịch đả kích xã hội với ***Quan thanh tra***. Với cái thiên tài nhiều mặt, mà mặt nào cũng lớn và đang độ phát triển, dồi dào sinh lực ấy, Gôgôn bắt tay vào viết tác phẩm chủ yếu của đời mình, lớn hơn tất cả các tác phẩm kia: ***Những linh hồn chết***.

Từ lúc ấy, cuộc đời của Gôgôn còn mười sáu năm nữa, nhưng chỉ còn có một mục đích, một công việc, một sứ mạng: hoàn thành ***Những linh hồn chết***, phấn đấu gian lao, đau khổ khủng hoảng tinh thần, lịch sử mười sáu năm cuối của đời Gôgôn chính là lịch sử của ***Những linh hồn chết***.

Ý định viết tác phẩm lớn ấy đến với Gôgôn, như trong ***Sám hối của một tác giả***, văn hào viết: "Chính Puskin làm cho tôi quan niệm vấn đề một cách nghiêm túc. Từ lâu Puskin khuyến khích tôi bắt tay viết một tác phẩm lớn; Puskin bảo tôi: "-Tại sao có cái tài đoán ra chân tướng con người để chỉ phác vài nét là lẽ ra như nó sống thật, mà anh lại không bắt tay vào viết một tác phẩm lớn? Như thế thật quả là một tội lỗi!". Để kết luận, Puskin cho tôi đề tài mà chính anh dự định viết thành một trường ca và, theo lời anh, thì không bao giờ nhường lại cho bất kỳ một ai. Đó là đề tài của ***Những linh hồn chết***".

Puskin từng khuyên Gôgôn sáng tác ***Những linh hồn chết*** thành một thiên "trường ca" – poema – Chữ "poema" đây không phải có nghĩa là một tập thơ, mà là một tiểu thuyết trường thiên có tính chất sử thi rộng lớn. Đến khi xuất bản tác phẩm, Gôgôn cho in lên bìa chữ "poema" to hơn tên sách.

Càng viết và càng nghĩ, Gôgôn càng thấy cái tầm rộng lớn của tác phẩm; vì vậy mà những cuộc phiêu lưu buồn cười của nhân vật chính Tsitsikôp họp thành tình tiết của thiên trường ca đã được khoác một ý nghĩa biểu tượng: Tsitsikôp không phải chỉ là một tên bịp bợm đi mua nông phu chết, mà còn là Gôgôn đi tìm những "linh hồn sống", nhưng chỉ gặp toàn những "linh hồn chết" – trong

tiếng Nga cái từ "đusi" có cả hai nghĩa "những linh hồn" và "những nông phu". Năm 1843, trong một bức thư Gôgôn viết rõ ràng: – "Quả thật có thể tin được điều người ta nói là: tất cả đều chết hết rồi, rằng ở nước Nga, những linh hồn sống đã nhường chỗ cho những linh hồn chết". Bởi vậy mà nhan đề của thiên trường ca trước dự định là ***Những cuộc phiêu lưu của Tsitsikôp*** (Pôkhôjdênia Tsitsikôva) với phụ đề là ***Những linh hồn chết*** (miôrtvưe đusi) phải đổi lại là ***Những linh hồn chết*** với tiêu đề ***Những cuộc phiêu lưu của Tsitsikôp***.

Mùa hè 1841 phần thứ nhất ***Những linh hồn chết*** được hoàn thành. Tháng chín Gôgôn mang về nước để xuất bản. Ngày 12 tháng 11 bản thảo nộp cho Ủy ban kiểm duyệt Mạc tư khoa và dĩ nhiên là gặp ngay phải vô số khó khăn. Nhờ phu nhân Xmirnôva và mấy bạn vương công thần thế bảo trợ văn học, ***Những linh hồn chết*** mới được phép in, chỉ phải chữa lại đoạn nói về đại úy Kôpêikin.

Ngày 23 tháng 5 năm 1842, ***Những linh hồn chết*** xuất bản lần thứ nhất. Tờ ***Người đương thời***, trong bài phê bình, đã suy tôn tác giả cuốn sách là đệ nhất văn hào Nga; quả là một danh hiệu chính

đáng; từ trước Biêlinxki vẫn nói rằng Puskin sớm chết thì Gôgôn đã thay vào chỗ mà Puskin để lại trong văn học Nga.

Với những điều hiểu biết của một nghệ sĩ thiên tài, Gôgôn đã "vẽ lại cuộc đời với bộ mặt thật của nó", và cái bộ mặt của xã hội Nga với các tầng lớp thống trị của nó thời ấy là ghê tởm; thì Gôgôn đã bắt các đại diện của chúng ta, "giật bộ trang phục mỹ lệ và cái mặt nạ anh hùng" của chúng, bắt chúng "đem thân cho thiên hạ mua cười".

Chỉ với ***Những linh hồn chết***, sự nghiệp của Gôgôn cũng đã xứng đáng đặt ngang hàng với sự nghiệp của một nhà văn lớn khác của thế giới: Xervantex với bộ ***Đông Kisôt***. Thuộc thể tiểu thuyết phê phán và châm biếm phong tục, – thể tiểu thuyết Picaret theo thuật ngữ văn học, do cái từ Tây Ban Nha picarô, chỉ tên bịp bợm, mà ra, – thì ***Những linh hồn chết*** của Gôgôn, ***Đông Kisôt*** của Xervantex và ***Những di văn của câu lạc bộ Pickuych*** của Dickenx là ba kiệt tác đứng hàng đầu trong văn học thế giới, và so với các tác phẩm cùng thể tài châm biếm ấy thì ***Những linh hồn chết*** đậm tính chất chân thực, gần với cuộc đời hơn cả.

NGƯỜI DỊCH

** Về thân thế, sự nghiệp và các tác phẩm khác của N.V.Gôgôn, xin xem lời giới thiệu trong hai cuốn: Tarax Bunba – Văn hóa 1959 và Quan thanh tra – Văn học 1963.*

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn

PHẦN I - Chương 1

Cỗ xe ngựa tiến vào cổng một khách sạn ở tỉnh lỵ N.N. đó là một chiếc xe Britska {*Xe ngựa nhẹ để đi đường trường*} nhỏ, khá đẹp, có díp, kiểu xe mà những kẻ độc thân thường dùng, - những hạng thiếu tá và đại úy tham mưu đã về hưu, những hạng trang chủ có chừng trăm nông nô, - tóm lại tất cả những kẻ thường được xem là quý tộc bậc trung. Ngồi trong xe là một người đàn ông, chẳng đẹp cũng chẳng xấu, không béo mà cũng không gầy, tuổi thì chưa có thể nói là già, nhưng cũng chẳng còn trẻ trung gì nữa. Y đến thành phố này, chẳng ai xôn xao, bàn tán gì, chẳng đem lại một việc gì đặc biệt; chỉ có hai người mujik Nga đứng ở cửa một tiệm rượu đối diện khách sạn, trao đổi với nhau vài lời, nhưng lại nói về cỗ xe, chứ không phải về người trong xe. Một người nói:

- Này, nhìn cái bánh xe kia xem liệu khi cần có đi được tới Mạc-tư-khoa không nào?
- Tới được chứ, - người kia đáp.
- Còn đi Kazan thì xem chừng chẳng đến được đâu nhỉ?
- Ờ, đi Kazan thì không được.

Câu chuyện chỉ đến đấy là hết. Khi đã vào sát khách sạn, cỗ xe đi qua mặt một người trẻ tuổi mặc quần Kanifax {*Vải dệt pha, chỉ*

một nửa bằng bông để mặc mùa mát} trắng, ống ngắn, bó sát vào chân và áo Frac {*Áo dài chẽn bó lấy người*} đúng thời trang, cổ xẻ rộng để lộ một vạt sơ mi trắng, ghim một chiếc kim găm bằng đồng đen Tula {*Thành phố đúc đồng có tiếng ở Nga chuyên sản xuất ấm lò, vũ khí và đồ trang sức*}, hình khẩu súng tay. Người trẻ tuổi ngoái lại, nhìn cỗ xe, đưa tay lên giữ chiếc mũ lưỡi trai đang chực bay mất, rồi đi thẳng.

Xe vào đến sân; ra đón khách là một người hầu, hay một người pôlêvôi như người ta vẫn thường gọi trong các quán trọ Nga. Anh chàng này linh hoạt, lăng xăng đến nỗi khó mà trông thấy rõ được nét mặt của hắn. Hắn chạy ra, tay vắt một chiếc khăn ăn, mình dài thườn thượt, mặc chiếc áo vạt dài bằng vải dêmicôtôn {*Vải dệt một nửa bông, theo tiếng Pháp*} cổ áo cao che khuất cả gáy, lắc lắc mái tóc bờm xờm, rồi nhanh nhẹn đưa khách qua cái cầu thang gỗ có lợp mái đi lên tầng trên và chỉ cho khách căn phòng mà Thượng đế đã an bài cho. Căn phòng ấy chẳng có gì là đặc biệt cả; nghĩa là giống hệt mọi khách sạn ở các tỉnh lỵ; nơi mà khách lữ hành ghé lại, bỏ hai rúp một ngày, thì thuê được một căn phòng yên tĩnh. Những con gián, béo tròn như những quả mận, từ khắp các ngóc ngách nhô ra; một cái cửa thông sang buồng bên, lúc nào cũng có một cái tủ ngăn chắn ngang; bên ấy là một người khách láng giềng trầm tĩnh, ít nói, nhưng lại hết sức tò mò, muốn biết cặn kẽ tất cả những gì xảy ra bên này. Mặt trước của khách sạn cũng cùng một điệu với bên trong tòa nhà: hai tầng dài lê thê; tầng trên quét màu vàng, theo tục lệ thông thường, bất di bất dịch; tầng dưới vách không trát vữa, phô trần những viên gạch đỏ thẫm, vốn đã khá bẩn, lại còn bị thời tiết thay đổi thất thường làm cho đậm màu thêm. Ở đấy có những hàng bán đai ngựa, bán dây thừng và bán bánh mì. Gian buồng ở góc nhà cạnh cửa sổ là cửa hàng của người bán rượu xbiten {*Thứ rượu gây bằng mật ong với nước và ngâm nhiều hương liệu, rất thông dụng trong dân gian*} ngồi cạnh cái xamôva {*Ấm lò của người Nga thường bằng đồng*} bằng đồng đỏ; mặt ông ta cũng đỏ như chiếc ấm lò, đến nỗi từ xa nhìn vào, người ta có thể ngỡ là có những hai ấm lò đứng trên cửa sổ, nếu một trong hai cái không có bộ râu đen như bồ hóng.

Trong khi khách xem xét căn phòng thì người ta mang hành lý vào: trước hết là một chiếc hòm da trắng đã hơi sờn tỏ ra nó đi du lịch lần này không phải là lần đầu. Hai người khiêng hòm áo vào là gã xà ích Xêlifan, người thấp bé, mặc áo tulup {*Áo bằng lông cừu may lộn vào trong để mặc rét*} ngắn và gã hành bộc {*Người hầu theo chủ những khi đi ra ngoài*} Pêtruska, trạc ba mươi, diện chiếc áo đuôi én rộng thùng thình thừa hưởng của chủ; vẻ mặt hơi khắc khổ, mũi to, môi dày. Tiếp theo hòm áo là một cái tráp gỗ hồng tâm giát gỗ bách dương xứ karêlia {*Ở miền Bắc nước Nga, giáp Phần Lan, có nhiều gỗ quí*}; một đôi cốt ủng {*Vật bằng gỗ để nút vào ủng giữ cho ủng được thẳng*} và cuối cùng là một con gà quay gói giấy xanh. Khi đồ đạc đã mang vào đủ, gã xà ích Xêlifan ra tàu ngựa lăng xăng quanh mấy con vật, còn gã hành bộc Pêtruska thì dọn dẹp căn phòng xép bên ngoài, chật hẹp và tối tăm như cái chuồng chó. Hắn đã có đủ thì giờ mang vào đấy cái áo khoác cùng với cái mùi cố hữu của hắn; bây giờ lại mang thêm vào cái túi đựng các thứ quần áo hành bộc và cái mùi đó lại truyền sang tất cả cái túi. Hắn kê sát tường một cái giường hẹp chỉ có ba chân, trải lên giường một thứ ổ rơm nhỏ, mỏng dính như chiếc bánh kẹp {*Bánh làm bằng bột, trứng, đường và tráng mỏng trên khuôn thoa mỡ như bánh trứng rồi gấp lại như chiếc bánh quế, nhưng rất mềm*} và có lẽ cũng lắm mỡ như chiếc bánh ấy, mà hắn phải van nài mãi mới mượn được của nhà chủ.

Trong khi hai gã đầy tớ lăng xăng dọn dẹp, thì ông chủ đi xuống phòng khách chung. Những phòng khách chung ấy như thế nào là khách lữ hành chẳng ai còn lạ gì: cũng là những bức tường quang dầu, phần trên thì ám khói lò sưởi, phần dưới thì đóng ghét vì lưng của khách trọ và nhất là của các ông lái sở tại, những ngày phiên chợ, thường kéo năm, kéo bảy, đến đấy uống trà; cũng vẫn cái trần nhà ám khói, cũng vẫn bộ đèn treo với vô số những chuỗi thủy tinh lòng thòng, cứ nhảy lên và kêu lanh canh mỗi lần người hầu chạy đi, chạy lại trên tấm vải sơn mòn nhẵn; tay hoa cái khay đựng đầy những tách, chen chúc nhau như một đàn chim trên bờ biển; cũng vẫn những bức tranh sơn dầu treo kín cả tường; tóm lại là tất cả những thứ mà người ta vẫn thấy bất kỳ đâu. Chỉ khác một điều là

trên một bức tranh có vẽ một mỹ nhân với bộ ngực thỗn thện mà bạn đọc chắc chưa thấy bao giờ. Và những cái kỳ quan của thiên nhiên này cũng thấy có trên một số bức tranh lịch sử, nhập vào nước Nga chẳng biết từ đời nào và do ai mang đến; đôi khi là do các vương công sính nghệ thuật của chúng ta; họ đã mua ở Ý theo lời khuyên của những kẻ chỉ dẫn cho họ.

Người khách bỏ mũ lưỡi trai, tháo cái khăn quàng cổ bằng len ngũ sắc, kiểu khăn quàng mà các bà vợ thường tự tay đan lấy để tặng chồng với những lời dặn dò cẩn thận về cách quàng khăn; còn đối với những kẻ độc thân thì tôi không thể nói ai là người lo sắm cái của ấy cho họ, có họa trời biết; riêng tôi thì chưa quàng cái kiểu khăn đó bao giờ. Sau khi đã bỏ khăn quàng ra, khách gọi ăn.

Người ta dọn lên những món ăn thường lệ của các khách sạn: xúp bắp cải kèm theo một miếng Patê xếp thành lá dành cho khách lữ hành đã để từ mấy tuần rồi, óc xào đậu pơtipoa, xúc xích với dưa bắp cải thái nhỏ, một con gà mái to quay, một quả dưa chuột muối và bánh gatô xếp lá muôn thuở, bất cứ trường hợp nào cũng dùng được. Trong khi người hầu bày các thức ăn, món thì nguội, món thì hâm lại, khách hỏi anh ta đủ các chuyện vặt vãnh. Khách sạn lời lãi bao nhiêu? Trước kia là của ai? Lão chủ hiện thời có phải ngày trước là một tên trùm bịp bợm không? Đáp lại câu hỏi sau cùng, người hầu trả lời như thường lệ.

- Ồ, thưa ngài, đúng đấy ạ, một tên chúa xỏ lá!

Nước Nga bây giờ đang văn minh lên, chẳng kém gì các nước Âu châu: ở đây cũng nhan nhản những ông khách đáng trọng, trong khi ở khách sạn, không thể không gạ chuyện và đôi khi bông đùa nhả nhớt với người hầu nữa. Vả lại, khách không phải chỉ hỏi những câu nhảm nhí, vô ích. Khách hỏi cặn kẽ tên họ của các quan tỉnh trưởng, chánh án, chưởng lý, tóm lại là của tất cả các quan lại cao cấp. Khách lại hỏi đến các trang chủ khá giả quanh vùng, rất kỹ càng, nếu không phải là thiết tha: họ có bao nhiêu nông phu {*Nông nô đàn ông mà trang chủ phải đóng thuế thân cho nhà nước và có tên trong sổ đinh, còn nông nô đàn bà thì không phải đóng thuế và không ghi tên trong sổ*}, họ ở cách tỉnh bao xa, có hay lên tỉnh không, tính tình họ thế nào? Khách hỏi kỹ lưỡng về tình hình

trong vùng: ở đây có xảy ra dịch tễ gì không? sốt ác tính, đậu mùa hay bệnh nào tương tự không? Tất cả những điều ấy được hỏi đi hỏi lại tỏ ra khách không phải chỉ tò mò suông mà thôi. Trong phòng khách, khách có vẻ một vẻ ung dung, đĩnh đạc và xỉ mũi rất kêu: tôi không biết y làm thế nào mà xỉ mũi được như vậy, chỉ biết là cái mũi kêu vang lên như cái kèn đồng. Nguyên một đặc điểm thường thường ấy cũng đủ làm cho gã người hầu rất kính nể và cứ mỗi lúc nghe tiếng xỉ mũi kia là hắn lại lắc lắc mái tóc bờm xờm, lấy dáng điệu cung kính hơn nữa và cúi đầu hỏi:
- Ngài dùng gì ạ?
Ăn xong, khách nhấp một tách cà phê, rồi ngả xuống chiếc ghế dài, lưng tựa vào một cái gối dựa mà, trong các quán trọ Nga, người ta thường độn một chất gì tựa hồ gạch hay đá lát đường, thay cho bông. Rồi khách ngáp dài, bảo người dẫn về buồng ngủ hai giờ liền. Khi trở dậy, đã khỏe khoắn, khách ghi vào một mảnh giấy con: tên, họ, chức, hàm, theo yêu cầu của gã người hầu để trình nhà chức trách. Vừa xuống thang gác, hắn vừa đánh vần: "Paven Ivannôvitis Tsitsikôp, tư vấn bộ {*Chức quan văn bậc thứ sáu trong quan giai của đế chế Nga, quy định từ triều Piotr I, đầu thế kỷ XVIII, tương đương với chức đại tá bên hàng quan võ, người có chức này đã được thuộc hàng quý tộc, nhưng chưa được thế tập*} trang chủ, đi có việc riêng".
Gã người hầu chưa đọc xong mảnh giấy thì Paven Ivannôvits Tsitsikôp đã thân hành đi thăm thành phố và thành phố này hình như cũng làm cho khách thích thú, vì y không thấy thua kém các tỉnh lỵ khác tí nào cả. Màu vàng chói chang của các nhà đá nổi bật bên màu xám khiêm tốn của các nhà gỗ. Các nhà đều chỉ một tầng, có khi hai tầng hay chỉ có gác thấp, cái gác cố hữu, mà theo các kiến trúc sư tỉnh nhỏ là rất đẹp. Có chỗ, những ngôi nhà này tựa hồ lạc lõng giữa một đường phố rộng thênh thang như một cánh đồng và một dãy hàng rào vô tận; có chỗ lại chen chúc nhau từng cụm và ở đấy phố xá có vẻ nhộn nhịp, trù phú hơn. Lác đã thấy những tấm biển, bị nước mưa xóa gần sạch, vẽ những chiếc bánh khô giòn, những đôi ủng; có nơi thì biển vẽ một chiếc quần xanh với tên hiệu của một anh Thợ may ở Arsava {*Tức Varsava, thủ đô Ba*

Lan} nào đó, nơi khác lại vẽ mấy cái mũ lưỡi trai vải, lưỡi trai da với nhãn hiệu "Vaxili Fiôđôrốp, Ngoại kiều" {*Vaxili Fiôđôrốp chính là một cái tên Nga thuần túy mà lại đề "Ngoại kiều" vì khách hàng vốn có thị hiếu theo thời thượng là chuộng thợ ngoại kiều hơn thợ Nga*}. Xa một tí là một bàn bi-a, có hai người đang đánh, diện áo Frac theo kiểu những "khách" bước lên sân khấu vào màn cuối của các vở kịch; hai người đang ngắm đích, tay đưa nhẹ nhàng ra đằng sau, còn chân thì dạng ra như vừa nhảy xong bước Antrasat {*Một điệu nhảy nhẹ, lấy hai chân đập vào nhau nhiều lần trước khi đặt xuống đất*} trong không khí. Tấm biển mang dòng chữ: "Đây là trụ sở". Có nơi thì bàn kê la liệt ngay giữa đường phố, bày hạt hồ đào, xà phòng, những chiếc bánh ngọt thơm nom như những bánh xà phòng con; nơi thì một cái dĩa xọc vào lưng một con cá to tướng làm biển hiệu cho một quán ăn mạt hạng. Khắp nơi nhan nhản những con đại bàng hai đầu đen sì, những vật tiêu biểu của quốc gia, ngày nay đã được thay bằng mấy chữ văn tắt: "Ty rượu". Đá lát đường nơi nào cũng hỏng. Khách liếc nhìn vào khu công viên của thành phố, trông mấy chòm cây gày xác, chống đỡ bằng những cái nạng hình tam giác sơn màu lục. Những cây ấy chẳng cao gì hơn cây sậy; nhưng các báo thì đã tường thuật buổi lễ khánh thành công viên như sau:

"- Lòng chiếu cố ân cần của quan thị trưởng của chúng ta vừa đem đến cho thành phố một công viên phong phú những cây cối sum sê, um tùm, mà bóng mát sẽ rất quý giá trong tiết đại thử. Nhìn thấy quả tim của đồng bào chúng ta rung lên vì biết ơn và những đôi mắt tuôn hàng suối lệ để biểu lộ lòng cảm tạ đối với ngài *gradonatsannik* {*Thị trưởng, chuyên coi việc cảnh sát trong nội thành và ngoại ô tức là cảnh sát trưởng*} thì quý vị không thể nào cầm lòng cho đặng".

Sau khi hỏi một người lính tuần cảnh con đường gần nhất đi đến nhà thờ, công sở {*Ở các tỉnh lỵ Nga, tất cả các cơ quan hành chính, tư pháp đều ở chung một tòa nhà lớn gọi chung là "công sở", prixuxtvennia miexta*} và dinh tỉnh trưởng, khách đi ra ngắm dòng sông chảy qua chính giữa thành phố. Dọc đường, y bóc một tờ áp phích đóng đinh ở một cái cột để mang về phòng mà đọc cho

thoải mái và nhìn chòng chọc vào một người đàn bà khá đẹp đi trên hè phố lát gỗ, có một chú tiểu đồng mặc áo dấu kiểu nhà binh tay ôm một cái gói đi theo. Liếc nhìn khắp phố phường một lần cuối như để nhớ kỹ các nơi, khách đi thẳng về khách sạn, tựa khẽ vào anh hầu mà leo lên thang gác. Uống trà xong, khách ngồi vào bàn, bảo đem đến một ngọn nến, rút tờ áp phích trong túi ra, đưa sát vào ngọn nến và bắt đầu đọc; vừa đọc vừa nheo con mắt phải. Tờ giấy ấy không có gì đáng chú ý lắm: người ta quảng cáo buổi diễn một vở kịch của ông Kôtxêbuê do ông Pôpliôvin thủ vai Kôla và Cô Ziablôva vai Kôra {*Đó là vở Cái chết của Rôla của nhà soạn kịch Đức ở Nga lâu năm là Aoguxt Kôtxêbuê (1761-1819), rất được hoan nghênh trong mấy chục năm đầu thế kỷ XIX nhất là ở các tỉnh nhỏ; rồi sau đấy chẳng còn ai nhớ tới nữa*}; những diễn viên khác thì lại càng ít ai biết tên tuổi hơn nữa. Tuy vậy khách vẫn đọc hết tên họ, đọc đến giá tiền chỗ ngồi, khách còn nhận thấy rằng tờ áp phích in ở nhà in của chính phủ ở tỉnh lỵ, rồi lật ra phía sau xem còn có gì nữa không; đến khi không thấy gì khách mới dụi mắt, gấp tờ giấy lại, đút vào tráp con là nơi y vẫn cất tất cả mọi thứ nhặt được. Kết thúc ngày hôm ấy, hình như khách ăn một mẩu thịt bò non nguội, điểm một chai kvax {*Rượu cất bằng bánh mì đen và mạch nha, có khi pha nước trái cây ép để lấy hương*} sùi bọt rồi ngủ, "cửa đóng, then cài cẩn thận", như người ta thường nói ở một số miền trong đế quốc Nga rộng lớn.

Ngày hôm sau hoàn toàn để dành cho những cuộc thăm viếng. Khách đến trình diện tất cả các nhà chức trách; trước tiên là đến hầu tỉnh trưởng. Cũng như Tsitsikôp, ngài không gầy, nhưng cũng không béo, cổ đeo chiếc huân chương Thánh Anna và theo lời đồn đại thì ngài còn được đề cử để thưởng lên huân chương Thánh Anna hạng nhất nữa; nhưng vốn ngài là một người hiền từ, đôi khi lại còn thích tự tay thêu thùa lên vải tuyn nữa kia. Ở dinh tỉnh trưởng ra, Tsitsikôp đến quan phó tỉnh trưởng, chưởng lý, chánh án, cảnh sát trưởng, vị trưng thuế rượu, vị quản đốc các công xưởng nhà nước v.v… Thật tiếc là khó lòng mà nhớ hết được tất cả những kẻ quyền quý trên đời này, - nhưng cũng chỉ cần nói rằng Tsitsikôp không bỏ ai hết, đến chào cả viên thanh tra y tế, cũng

như viên kiến trúc sư tỉnh lỵ. Sau đó, ngồi trong xe, y còn nghĩ mãi hồi lâu xem còn ai có thể đến thăm nữa không, nhưng trong thành phố chẳng còn kiếm ra viên quan lại nào nữa. Tiếp chuyện những nhà cầm quyền, y khéo tâng bốc từng người. Với tỉnh trưởng thì y nói rằng bước vào địa phương của ngài trong trấn, y tưởng chừng như lạc vào cõi thiên đường, đường sá đều êm dịu tựa nhung và các bậc đại thần đã bổ nhiệm được những vị trưởng quan quân tử như ngài thật quả là đáng ca tụng công đức. Với cảnh sát trưởng, y nói mấy lời tán dương trật tự tề chỉnh của lính tuần cảnh thành phố. Tiếp chuyện phó tỉnh trưởng và chánh tòa án, y cố ý lầm lẫn, gọi các ngài hai lần là "đại nhân" và hai viên tư vấn quốc gia {*Tư vấn quốc gia là chức quan văn ở bậc thứ năm, tương đương với thiếu tướng bên quan võ; theo quan chế Nga thì chưa được gọi là "đại nhân" vì quan văn thì phải từ chức quan bậc thứ tư trở lên mới được gọi như vậy*} ấy rất lấy làm thích thú. Bởi vậy, tỉnh trưởng mời y đến dự một buổi tiếp tân thân mật trong gia đình ngay tối hôm ấy; các quan lại khác thì kẻ mời ăn bữa chiều, kẻ rủ đánh bôxtơn, kẻ đón về uống trà.

Hình như khách cố tránh không muốn nói đến mình nhiều, mà có nói chăng cũng dùng toàn những lời khách sáo và nói với một giọng rất sách vở: - "Thân phận giun dế tầm thường như kẻ tiểu nhân này, đâu đáng được quý vị hạ cố đến. Bình sinh nó đã phải chịu biết bao là thử thách; ra làm việc quan thì tính cương trực làm cho lắm kẻ hiềm thù; có kẻ đã ám hại cả đến tính mạng nữa. Giờ đây thì nó đi tìm một chỗ ẩn dật yên tĩnh; và nhân đi qua, tự thấy có bổn phận đến hầu thăm các nhà chức trách thượng cấp".

Tất cả những điều mà người ta được biết về con người mới đến ấy chỉ có thế; nhưng y thì không bỏ lỡ dịp được đến dự buổi dạ hội ở dinh tỉnh trưởng. Y sửa soạn hơn hai tiếng đồng hồ và chú trọng đến trang phục một cách khác thường. Sau một giấc ngủ trưa, y dậy, bảo lấy nước, rửa ráy, kỳ cọ đôi má rất lâu, đệm cái lưỡi cho má căng phồng lên để sát xà phòng vào cho kỹ. Xong y giật lấy cái khăn vắt ở vai người hầu, mồm phì vào chính giữa mặt anh ta hai lần, lau cẩn thận bộ mặt phúng phính từ hai tai trở đi; rồi ngắm mình trong gương, sửa lại vạt trước áo sơ mi cho chỉnh, nhổ hai cái

lông thò ra khỏi mũi và mặc vào một chiếc áo dài chẽn màu tía lốm đốm.
Xe đưa y đi lăn bánh trên những con đường rộng thênh thang, vô tận, từng quãng xa mới có tí ánh sáng yếu ớt, từ mấy khung cửa hắt ra. Trái lại, dinh tỉnh trưởng thì sáng trưng; xe cộ đều lên đèn, hai viên sen đầm gác trước cửa, tiếng bọn xà ích gọi xa xa; tóm lại chẳng còn thiếu gì cho một buổi vũ hội nữa. Bước vào phòng lớn, Tsitsikôp phải nheo mắt lại một lúc vì ánh đèn, ánh nến và những bộ trang phục rực rỡ làm cho y chói mắt. Khắp gian phòng tràn ngập ánh sáng; những bộ áo đen thấp thoáng qua lại nơi này, nơi kia như những con ruồi trên một bánh đường trắng tinh, trong một ngày tháng bảy nóng nực, khi bà quản thiện già đứng cạnh chiếc cửa sổ mở rộng, chặt thành từng miếng lóng lánh. Bầy trẻ xúm xít chung quanh, tò mò theo dõi mỗi cử động của cánh tay khẳng kheo giơ con dao lên; trong khi một đàn ruồi bay luôn trong không khí nhẹ nhàng, mạnh dạn như những chủ nhân, sà xuống những miếng đường ngon lành, lợi dụng cái ánh nắng chói chang làm cho đôi mắt bà lão vốn đã kém, lại càng chẳng thấy gì nữa. No nê vì bao nhiêu thức ăn ngon lành mà mùa hè phong phú đã đem cho chúng; đàn ruồi bay lượn không phải để kiếm ăn, mà chính là để phô mình; chúng bay lượn trên đống đường, xoa đôi chân trước hay đôi chân sau vào nhau, lấy chân vuốt vuốt dưới cánh, duỗi đôi chân trước ra mà vuốt quàng lên đầu, rồi bay đi, nhưng lại tức khắc trở về, kéo theo những đội ngũ ruồi khác đông đúc hơn.
Tsitsikôp chưa kịp định thần thì tỉnh trưởng đã khoác tay y dẫn đến giới thiệu với phu nhân. Một lần nữa, Tsitsikôp lại tỏ ra là người lịch thiệp: y nói một câu chúc tụng rất thích hợp ở cửa miệng một kẻ quá niên và quan chức không cao lắm, mà cũng không thấp lắm. Khi các đôi bạn nhảy đã dàn ra, và mọi người đã đứng thành hàng dọc theo tường để nhường chỗ cho họ; thì Tsitsikôp, tay chắp sau lưng, chăm chú nhìn trong khoảng hai phút những đôi lứa lượn qua trước mặt. Khách phụ nữ nhiều người phục sức rất lịch sự và hợp thời trang; cũng có người ăn mặc theo kiểu tỉnh nhỏ. Cũng như ở mọi nơi khác, đàn ông chia làm hai hạng. Hạng gày thì suốt buổi theo tán tỉnh phái đẹp. Vài người trong bọn họ thật khó mà phân

biệt được với các công tử ở Pêterbua; cũng như bọn ấy, họ chải bộ râu má rất diêm dúa, hay phô ra những bộ mặt trái xoan cạo nhẵn thín cũng như bọn ấy, đối với phụ nữ họ có những điệu bộ tự nhiên, tựa hồ lơ đãng và nói những câu chuyện bông đùa nhẹ nhàng bằng tiếng Pháp. Hạng thứ hai là những người béo hay không béo, không gày như kiểu Tsitsikôp {*Người hầu trong nhà*}, thì chẳng để ý đến các bà, các cô cho lắm và lúc nào cũng chăm chú chờ người nội bộc mang bàn đánh bài uyxt ra. Mặc họ phì nộn, tròn trĩnh; người thì có hạt cơm, kẻ thì rỗ hoa lỗ chỗ; tóc họ không tỏa thành chùm, cũng không xoáy thành ốc, cũng không bờm xờm theo cái kiểu *quỷ sứ bắt ta đi*, như người Pháp thường nói, mà cắt ngắn hay chải dính sát vào thái dương, làm cho vẻ mặt càng thêm phương phi và đường bệ. Họ là những quan lại cao cấp nhất trong tỉnh. Than ôi! Trên cõi đời này, hạng béo lại khéo thu xếp công việc của họ hơn hạng gày. Hạng này thường chỉ là những viên chức được sai phái những việc nhất thời; họ nhảy nhót nơi này, nơi kia; đời sống của họ bấp bênh, chẳng có gì chắc chắn cả. Hạng béo trái lại không bao giờ giữ chức gì thuộc lại cả, họ chễm chệ ở những chức vụ chính yếu; đã ngồi vào đâu là họ ngồi thật vững, thật chắc; đến nỗi chẳng bao lâu chỗ ngồi oằn xuống, kêu răng rắc dưới sức nặng của họ; nhưng họ thì chẳng bao giờ chịu thả ra đâu. Họ không thích vẻ hào nhoáng vỏ ngoài: áo họ tuy không khéo cắt bằng áo bọn gày, nhưng hòm bạc của họ đầy hơn. Chỉ độ ba năm là anh gày không còn lấy một nông phu mà cầm cố nữa; trong lúc ấy thì anh béo, nhẹ nhàng, êm ái, lấy tên vợ, tậu một cái nhà ở đầu tỉnh, rồi cái nữa ở cuối tỉnh, rồi một thôn xóm ở ngoại thành, rồi cả một xã lớn với tất cả đất đai phụ thuộc. Cuối cùng, anh béo, sau khi đã phụng sự đắc lực Thượng đế và Nga Hoàng để được mọi người kính nể, lui về trí sĩ trên điền trang, chè chén linh đình, sống cuộc đời sung túc của ông chúa nông thôn; nhưng rồi chẳng bao lâu, những kẻ gày, kế thừa họ, sẽ tiêu tán sạch sành sanh cái gia tài của họ, theo đúng kiểu người Nga.

Phải thú thật rằng những điều ấy đại khái là những lập luận của

Tsitsikôp, trong khi đứng ngắm đám tân khách dự hội; cho nên cuối cùng y đến với bọn người béo. Trong bọn họ, y gặp ngay những bộ mặt đã quen: quan chưởng lý với đôi lông mày rậm và con mắt trái hơn hấp háy, tựa hồ muốn bảo nhỏ: "này, ta sang phòng bên đi, tôi có điều này muốn nói với anh"; nhưng lại là một người rất mực nghiêm trang và ít nói; ông giám đốc bưu vụ, một lão lùn dí dỏm và hay triết lý; quan chánh án; người thận trọng và nhã nhặn. Mọi người đón chào Tsitsikôp như một người bạn cố tri; đáp lại các lời chúc mừng, y cúi chào, hơi nghiêng mình chênh chếch sang một bên, khá duyên dáng. Bây giờ, người ta giới thiệu y với hai tay quý tộc hương thôn là Manilôp, một người rất lễ độ, nhã nhặn {*Đối với tác giả, tên các nhân vật đều có ý nghĩa, phần nhiều tượng trưng cho tính tình của nhân vật, Manilôp có ý chỉ tính tình dịu dàng, nhưng hơi lạt lẽo*} và Xôbakiêvits nặng nề thô lỗ {*Xôbakiêvits có từ căn Xôbaka nghĩa là "chó" chỉ rõ tính tình thô lỗ, tục tằn của lão trang chủ này*} thoạt mới gặp đã xéo ngay lên chân y và mồm nói: "xin lỗi".

Người ta đưa cho Tsitsikôp một quân bài, mời y đánh Uyxt, y cầm lấy và lễ phép cúi chào như lúc nãy. Họ ngồi quanh cái bàn trải dạ màu lục và không đứng dậy nữa, mãi cho đến bữa ăn khuya. Tất cả mọi câu chuyện đều chấm dứt hẳn, đúng như người ta bắt tay vào một công việc quan trọng. Tuy tính rất ba hoa, ông giám đốc bưu vụ, khi đã cầm bài trên tay, liền lên ngay một vẻ mặt đăm chiêu, đôi môi mím chặt và giữ bài, ông ta đấm bàn và kêu – "tiến lên, mẹ già!" - nếu đó là một con đầm hay – "cố thủ đi, lão mujik ở Tambôp", nếu đó là một con K, và ông chánh án đáp lời ngay: "còn tôi thì tôi vặt râu nó đi, vặt râu nó đi". Có lúc, nóng nảy, các tay chơi quật bài xuống và kêu lên: "Ra sao thì ra, không có gì khác thì tấn công bằng quân rô vậy!" hoặc chỉ quát lên: "pits… pitkentxia… pitkentrax… pitsuruc… pitsura… hay pitsuc…", theo những biệt danh mà họ đặt cho các loại hoa bài.

Canh bạc tàn thì như thường lệ, nổi lên một cuộc cãi nhau khá ồn ào. Tsitsikôp cũng dự vào, nhưng với một vẻ lịch sự, thiệp thế ai cũng thấy rõ. Y có cãi ai cũng là cãi một cách nhã nhặn, đáng mến. Y không nói: "- Ngài đã đi quân nọ, quân kia." Mà nói "- Ngài đã

chiếu cố đi cho…" "- Chúng tôi đã được hân hạnh dập con hai của ngài", vân vân… Muốn cho lời nói của mình được các đối thủ tán đồng hơn nữa, cứ nói mỗi câu là y lại chìa về phía mọi người một hộp thuốc lá bằng bạc tráng men, có ướp một đôi hoa tím để lấy hương, y chú ý nhất đến hai trang chủ Manilôp và Xôbakiêvits mà chúng ta đã có dịp giới thiệu trên kia. Y mời quan chánh án và ông giám đốc bưu vụ ra một nơi, rồi lập tức hỏi dò về hai tay trang chủ này. Sau khi hỏi kỹ về số nông dân và tình hình đất đai của họ; Y mới chú ý tới tên họ của hai lão chúa nông thôn ấy; trình tự cuộc điều tra lý lịch như vậy tỏ rằng y không những có óc hiếu kỳ, mà còn có trí phán đoán chắc nịch nữa. Chỉ một lát sau, y đã chinh phục được cả hai trang chủ. Manilôp, người còn trẻ, đôi mắt hiền hậu ngọt như đường mỗi khi cười là lại nheo nheo, thì say mê Tsitsikôp như điếu đổ. Chàng ta xiết chặt tay y rất lâu, khẩn khoản mời y quá độ đến thăm ấp mà theo lời chàng thì chỉ cách tỉnh độ mười lăm verxta {*Đơn vị đo lường dài cũ của Nga bằng 1,067 mét*}. Tsitsikôp cúi đầu lễ độ, nhiệt thành siết tay Manilôp và đáp rằng không những y rất vui mừng nhận lời, mà còn xem đó là một bổn phận thiêng liêng nhất của mình nữa. Đến lượt Xôbakiêvits thì hắn bảo y với một giọng hơi cộc lốc: "- Cũng xin mời đến chơi tôi nữa!", vừa nói vừa giậm gót ủng xuống sàn; đôi ủng to tướng mà có lẽ ngoài hắn ra, không ai có thể xỏ chân vừa được; nhất là thời buổi này, mà trên đất nước Nga đã bắt đầu mất dần cái nòi Bôgatưa {*Bôgatưa, là nhân vật to lớn khỏe mạnh trong văn học Nga*} rồi.

Hôm sau, Tsitsikôp đến ăn chiều và chơi buổi tối tại nhà cảnh sát trưởng; ở đây người ta đánh uyxt liên miên từ khi ăn xong lúc ba giờ chiều, cho đến hai giờ sáng. Ở đây, y gặp một trang chủ khác tên là Nôzđriôp {*Tên Nôzđiôp có từ căn nozđria nghĩa là "lỗ mũi", chỉ vẻ mặt phúng phính và tính hưởng lạc thô lỗ của anh chàng này*} một kẻ vui đời, tuổi trạc ba mươi, sau đôi ba câu là đã cậu cậu, tớ tớ ngay. Nôzđriôp cũng cậu cậu, tớ tớ với ông chưởng lý và ông cảnh sát trưởng mà hắn xem như là cánh hẩu; nhưng khi bắt đầu đánh ăn to thì các ngài đều theo dõi rất cẩn thận, mỗi khi hắn rút bài của hắn đi. Ngày hôm sau nữa, Tsitsikôp đến chơi buổi tối ở

nhà ông chánh án; ngài mặc bộ áo ngủ không lấy gì làm sạch ra tiếp các tân khách, mà trong số đó có cả hai vị phu nhân. Rồi Tsitsikôp dự một dạ hội ở dinh phó tỉnh trưởng, một bữa tiệc lớn ở nhà người trưng thuế rượu, một bữa ăn xoàng – nhưng chẳng kém gì một bữa tiệc lớn, - ở nhà ông chưởng lý, một bữa điểm tâm nhẹ sau buổi lễ nhà thờ, - nhưng cũng chẳng kém gì bữa ăn chiều, - ở nhà ông cảnh sát trưởng.

Tóm lại, Tsitsikôp chẳng còn rỗi rãi lấy được một giờ nữa; y có thể trở về khách sạn cũng chỉ để ngủ mà thôi. Vả lại, y thật là một người lịch thiệp vẹn toàn trong giới xã giao. Dù có luận đàm vấn đề gì, y cũng biết làm cho câu chuyện hào hứng. Nói chuyện trại nuôi ngựa chăng, thì y nói về trại nuôi ngựa; nói về chó săn ư, y cũng lại nhẹ nhàng đưa ra vài nhận xét đúng đắn; bàn về một cuộc điều tra của Viện kiểm soát kế toán chăng, y tỏ ra rất am hiểu về những lỗi lầm của ngành tư pháp; tranh luận về bi-a, về rượu pơns {*Thức uống pha một thứ rượu mạnh với nước chanh quả, đường, nước trà, nguyên của người Anh*} chăng, y lại là một tay thạo bi-a và rượu pơns; nói đến đức hạnh thì y rơm rớm nước mắt; đến thuế quan, thì y tựa hồ một tay thu thuế lão luyện. Điều đặc biệt là không bao giờ y mất vẻ điềm đạm, trang nghiêm và bao giờ lời ăn tiếng nói cũng rất đúng mực. Y nói không to quá, cũng không nhỏ quá, chỉ vừa đủ nghe. Tóm lại, ở đâu y cũng vẫn được xem là con người mẫu mực. Y đến đâu là tất cả các quan lại đều vui mừng. Nói đến y, tỉnh trưởng gọi y là một người đầy thiện ý, chưởng lý gọi là một người tài ba, đại tá cảnh binh – là một người uyên bác, chánh án – là một người học thức và đáng trọng; cảnh sát trưởng – là một người đáng quý, đáng mến; bà cảnh sát trưởng – là con người lịch sự nhất, dễ ưa nhất. Cả đến Xôbakiêvits, thường chẳng mấy khi nói tốt cho ai, sau khi ở tỉnh về, đêm đã khuya, đặt mình nằm cạnh mụ vợ gày đét, cũng nói: - Mình có biết không, tôi ăn chiều ở nhà cảnh sát trưởng, dự dạ hội ở dinh tỉnh trưởng và quen được lão Paven Ivannôvits Tsitsikôp, tư vấn bộ; cái tay mới tuyệt làm sao!

Mụ vợ đáp: - Hừm! Và lấy chân hích vào người lão ta.

Dư luận tốt đẹp ấy tồn tại cho đến ngày mà một hành động lạ lùng

của người khách, một việc phiêu lưu mà bạn đọc sắp được biết, làm cho hầu hết mọi người trong thành phố đều sửng sốt.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 2

Từ hơn một tuần rồi, người khách ở trong thành phố, hết tiệc chiều đến tiệc đêm, sống một cách khá thích thú. Sau cùng y quyết định mở rộng phạm vi thăm viếng đến vùng chung quanh và giữ lời hứa với các trang chủ Manilôp và Xôbakiêvits. Có thể là y tuân theo một động cơ nghiêm chỉnh hơn; cũng có thể là y nhằm một việc quan trọng hơn, hợp với lòng y hơn. Bạn đọc sẽ được biết dần dần và đúng lúc nếu chịu khó đọc hết cái truyện khá dài, và càng về cuối càng lắm việc này; như ta vẫn biết, đoạn kết thường hoàn thành toàn bộ tác phẩm một cách tốt đẹp.
Mới sáng tinh mơ, gã xà ích Xêlifan đã được lệnh thắng ngựa vào chiếc britska trứ danh. Pêtruska phải ở nhà trông coi căn buồng và hòm quần áo. Bạn đọc làm quen với hai chú nô bộc của nhân vật chính của chúng ta thì rất có ích đấy. Tất nhiên họ chỉ là nhân vật hạng nhì hay hạng ba nữa cơ; những diễn biến trong bản trường ca này không dựa vào họ; nhưng mà tác giả vốn thích chính xác trong mọi việc và dù có là người Nga, thì về mặt này cũng vẫn muốn tỉ mẩn như một người Đức. Vả lại, việc này cũng chẳng đòi hỏi mấy thì giờ và giấy mực; vì ngoài các chi tiết mà bạn đọc đã được biết rồi thì chỉ cần thêm rằng Pêtruska mặc một cái áo lễ dài, cũ của chủ, màu vỏ quế, hơi rộng và hắn ta có đôi môi và cái mũi dày dặn như đa số những người cùng thân phận như hắn. Vốn lầm lì, hắn có một lòng say sưa cao quý đối với việc học tập, nghĩa là với việc đọc những sách mà hắn chẳng cần quan tâm đến nội dung mấy: truyện phiêu lưu tình ái, sách dạy đánh vần, kinh nhà thờ, hắn đều đọc tất cả và đều đọc chăm chú như nhau; mà giá có ai đưa cho một cuốn sách hóa học thì hắn cũng chẳng từ. Hắn không thích thú

những điều nói trong sách, bằng cái việc đọc, cái hành động luôn luôn cho phép ta lấy cái chữ cái chắp lại thành những từ có nghĩa, và nhiều khi rất khó hiểu. Thường hắn giải trí như vậy ở trong căn phòng xép, nằm dài trên ổ rơm và cái ổ này cũng vì sức ép thường xuyên ấy mà bẹp gí như cái bánh đa. Ngoài cái thói đọc sách cuồng nhiệt ấy ra, hắn còn hai thói quen đặc biệt nữa là để nguyên cả quần áo mà ngủ và phát ra khắp nơi cái mùi cố hữu, mùi mồ hôi của vật hấp hơi; hắn chỉ cần dọn chỗ ngủ đến nơi nào, - dù là một cái buồng bỏ không, - mang cái bành tô và quần áo của hắn đến là tức khắc người ta tưởng rằng cái buồng đã có người ở từ mười năm rồi. Khi ngủ dậy, hít không khí, thì dù có là con người tế nhị, Tsitsikôp cũng phải cau mày, lắc đầu và nói "- lắm mồ hôi quá, cậu ạ. Đi tắm đi, quỷ sứ". Để khỏi trả lời, Pêtruska làm ra vẻ đang chăm chú vào một việc gì cần kíp; cầm lấy cái bàn chải, hắn tiến về phía bộ lễ phục của chủ hay vớ được đồ vật gì là xếp xếp, dọn dọn. Trong lúc ấy thì hắn nghĩ gì? Có lẽ hắn tự nhủ: "- Ông có khỏe thì cứ mà nói cái chuyện ấy mãi đi!...". Thật tình thì cũng khó mà biết được một đầy tớ nghĩ gì khi bị chủ mắng.

Đấy là tất cả những gì có thể nói về Pêtruska trong lúc này. Còn gã xà ích Xêlifan thì lại là một con người khác hẳn. Nhưng, kinh nghiệm cho biết rằng những tầng lớp thấp kém thường chẳng gợi được thích thú gì, nên tác giả ngần ngại không dám bắt bạn đọc phải lưu ý đến những nhân vật hèn mọn như vậy. Người Nga là như thế: họ khao khát được làm quen với bất cứ ai cao hơn họ, dù chỉ là một cấp và thích những quan hệ qua quít với các bá tước hay công tước hơn là lạc thú của một tình bạn thâm giao. Tác giả cũng lấy làm lo ngại cả cho nhân vật chính của mình, một viên tư vấn bộ bình thường mà thôi. Các tư vấn viên thì có lẽ muốn làm quen với y; nhưng các triều thần, cấp tướng {*Tư vấn viên là chức quan văn bậc thứ bảy dưới chức của Tsitsikôp là tư vấn bộ một bậc, còn triều thần cấp tướng là từ chức thiếu tướng bên quan võ và tư vấn quốc gia bên quan văn trở lên nghĩa là những chức quan bậc thứ năm, trên Tsitsikôp một bậc*} thì chắc chỉ nhìn y bằng một cái khinh khỉnh như con người ta lúc kiêu ngạo thường đoái nhìn kẻ cấp dưới; hay là, tệ hơn nữa, chẳng thèm để ý đến y chút nào cả và

làm cho tác giả thất vọng vô cùng. Dù hai cách có thể xảy ra như vậy đều có khó chịu đến đâu đi nữa, chúng ta cũng phải quay về với nhân vật chính của chúng ta.
Vậy là, hôm trước đã ra lệnh cho hai nô bộc, hôm sau y dậy lúc tinh mơ, rửa mặt, bôi nước hoa từ đầu đến chân, theo thói thường của y trong những ngày lễ - mà hôm ấy cũng đúng là ngày chủ nhật thật; - y cạo râu nhẵn thín để cho đôi má bóng và ánh lên như xa tanh, mặc chiếc áo đuôi én màu tía lốm đốm, và cái áo khoác, cổ lông gấu to tướng; xuống thang gác vừa đi vừa tựa vào người hầu của quán trọ, khi thì ở bên phải, khi bên trái; rồi ngồi vào xe britska. Chiếc xe ầm ầm ra cổng; một ông pôp {*Ông Cha đạo Chính thống Nga*} đi qua gật đầu chào mấy đứa bé mặc áo vải thô bẩn, ngửa tay kêu:
- Lạy ngài phúc đức, thương kẻ côi cút!
Gã xà ích nhận thấy một đứa thích trèo lên sau xe; liền vụt cho nó một roi. Một lát sau, xe lăn bánh khấp khểnh trên các đường phố: Tsitsikôp không khỏi sung sướng nhìn thấy đằng xa cái ngáng đường màu sặc sỡ, báo hiệu rằng sự hành tội của đá lát đường đã sắp chấm dứt; quả thật, bị thêm mấy cái cộc vào đầu khá khó chịu nữa rồi y đã thấy mình được đưa đi nhanh trên mặt đất mềm. Phố phường vừa mới qua hết thì hai bên đường đã trải ra cái cảnh đơn điệu của thiên nhiên Nga; những túp lều lụp sụp, những khu rừng bách, những khóm thông gày, những bụi thạch thảo, những thân cây cháy đen và nhiều vật trang trí khác cùng loại. Làng xóm thì nhà cửa trông như những khúc gỗ chất chồng lên nhau và xếp thành những hàng thẳng tắp như kẻ chỉ; mái nhà màu ghi, đầu hồi chạm trổ theo hình những khăn tay thêu. Ngồi trên những ghế dài trước cửa, vài người mujik mặc áo tulup ngáp ngắn, ngáp dài theo thường lệ. Những người đàn bà, mặt phì phị, áo dài thắt bó lấy ngực sát dưới vú, nghiêng mình ra ngoài các khung cửa sổ tầng gác; ở các cửa sổ tầng dưới thì hiện ra một con bê hay cái mõm của một con lợn con, phong cảnh quen thuộc mà thôi. Xe đi qua trước cột chỉ verxta thứ mười lăm, Tsitsikôp chợt nhớ ra rằng, theo lời Manilôp thì ấp của chàng gần chứ không xa; nhưng mà các nhà lữ hành của chúng ta đến cột chỉ verxta tiếp theo vẫn chẳng thấy làng

mạc nào cả. May mà gặp được hai người dân quê mới khỏi lúng túng. Nghe tiếng hỏi làng Zamanilôpka có còn xa nữa không, hai người mujik bỏ mũ chào; và anh chàng nhanh nhẩu nhất, cái gã có bộ râu cằm nhọn hoắt, trả lời:
- Có lẽ là Manilôpka chứ?
- Đúng, phải rồi, Manilôpka…
- Manilôpka! Vậy thì đi một verxta nữa rồi rẽ sang bên phải.
- Bên phải à? – Anh xà ích hỏi lại.
- Bên phải, vâng, - người mujik nói, - đó là đường thẳng đến Manilôpka, Manilôpka đấy nhé, tên thật của làng như thế; chúng tôi chẳng biết có làng Zamanilôpka nào cả. Đi thẳng trước mặt, trên một quả gò thấy một cái nhà chủ bằng đá, đẹp, một tầng: đó đúng là Manilôpka. Còn Zamanilôpka, thì ở đây không có, xưa nay không hề có.
Các nhà lữ hành của chúng ta liền tìm đến Manilôpka. Đi được hai verxta, họ rẽ vào một con đường làng và đi thêm từ ba đến bốn verxta nữa, mà chẳng thấy cái nhà đá một tầng hiện ra. Khi một người bạn mời anh đến chơi ấp trại của họ, nói rằng ở cách mười lăm verxta, thì phải tính đường xa lên hai lần; nhân dịp này, Tsitsikôp mới nhớ đến chân lý ấy.
Địa thế ấp Manilôpka chẳng hữu tình gì lắm. Ngôi nhà của chủ ấp nằm một mình trên một cái gò, cỏ mọc lưa thưa và bốn bề gió lộng. Trên bãi cỏ theo kiểu Anh ấy, rải rác hai hay ba khóm tử đinh hương và dạ hợp hoa vàng, năm hay sáu cây bạch dương ngọn vàng úa. Dưới bóng hai cây là một cái đình nhỏ, nóc tròn màu lục, có những hàng cột màu xanh và mang dòng chữ: *Đền Trầm tư Mặc tưởng*; ở chỗ thấp hơn có một cái ao mọc đầy cỏ dại là cái vật làm cảnh cổ điển trong những vườn kiểu Anh của các nhà quý tộc hương thông của chúng ta {*Bấy giờ trang trí vườn theo kiểu Anh là mốt thời thượng đang thịnh hành ở Nga*}. Dưới chân gò và cả trên sườn gò, rải rác những nhà gỗ màu xám và nhân vật chính của chúng ta, vì những lý do bí ẩn, liền ước lượng tổng số và đếm được hơn hai trăm túp. Giữa cái đống xà gỗ ấy, chẳng có lấy một cây con, một đám lá xanh. Làm cho phong cảnh sinh động chỉ có hai người đàn bà quê: váy xắn cao, lội nước đến đầu gối; họ nắm hai

cái cây, kéo một cái lưới rách dưới ao; trong lưới thấy óng ánh một con cá dày và có thể đoán là có hai con tôm; hai người trông như đang cãi nhau, sỉ mạ nhau. Xa xa, cái khối âm u của một khu rừng thông làm thành một vệt xanh ảm đạm. Bầu trời cũng một màu xám tẻ ngắt như màu những bộ binh phục cũ, làm cho chốn này đã buồn lại buồn thêm. Để cho bức tranh phong cảnh được đầy đủ, còn có một con gà trống gáy báo hiệu thời tiết thay đổi; dù đầu nó đã bị mỏ của các tình địch mổ thủng sâu đến óc, nó vẫn gáy oang oang và lại còn vỗ cả đôi cánh tả tơi như chiếu rách nữa. Xe vào sân, Tsitsikôp đã thấy chủ nhân đích thân đứng trên tam cấp chính trước nhà mặc áo lễ dài bằng len thường, màu lục, tay đặt lên trán làm thành cái mái che cho đôi mắt, để nhận ra những khách đang đến. Chiếc britska càng vào gần, đôi mắt chủ nhân càng sáng lên, và nụ cười càng nở to,

- Paven Ivannôvits! {*Gọi một người bằng tên thánh của họ và bố của họ, theo lối xưng hô của người Nga, là cách gọi cung kính*} - chủ nhân kêu lên khi Tsitsikôp nhảy xuống xe. Bác còn hạ cố đến chúng tôi kia ư!

Hai người bạn ôm chầm lấy nhau, rồi Manilôp kéo khách vào. Dù họ đi qua phòng áo, nhà ngoài, buồng ăn chỉ mất một thời gian ngắn thôi, ta cũng cố lợi dụng lúc này để nói vài lời về chủ nhà. Tác giả phải thú thật rằng đó là một việc khó. Miêu tả những cá tính rộng lớn dễ hơn việc này nhiều; chỉ việc mạnh tay quệt màu lên tấm vải: mắt sáng, mày rậm, trán nhăn, áo choàng đen hay đỏ rực như lửa, thế là xong bức chân dung. Nhưng những con người, thoạt mới nhìn, toàn giống hệt nhau, đến khi quan sát kỹ thì có biết bao đặc điểm khó nhận thấy; những kẻ ấy không phải dễ mà vẽ ra được. Muốn phân biệt được các chi tiết nhỏ nhất, gần như không thể nhận ra thì phải căng thẳng tất cả sức chú ý và lại còn phải luyện cái nhìn đã thành thạo trong nghệ thuật quan sát cho thật sắc bén nữa.

Chỉ có Chúa họa may mới có thể xác định được bản tính của Manilôp. Có những người không thế này, cũng chẳng thế kia, không ra Bôgđan ở thành thị, cũng chẳng ra Xêlifan ở hương thôn {*Lối nói Nga đại ý là môn chẳng ra môn, khoai chẳng ra khoai*}

như người ta thường nói, và có lẽ Manilôp thuộc vào cái tập đoàn này. Con người tóc vàng ấy có đôi mắt xanh, miệng cười mơn trớn và dung mạo tốt tươi. Nét mặt không phải không có duyên, nhưng một cái duyên quá dịu ngọt; cử chỉ và lời nói quá khéo léo. Mới bắt chuyện với chàng, người ta phải tự bảo: "- Con người trung hậu và đáng mến làm sao!". Nhưng chỉ một lát là người ta chẳng tìm ra gì để nói nữa; rồi sau đấy người ta phải lẩm bẩm: "- có quỷ mới biết được cái thằng cha!" và đi ra chỗ khác cho thật nhanh để khỏi chết vì chán ngấy. Chàng ta không bao giờ buột mồm nói ra một tiếng nặng nề hay gay gắt mà ai cũng không giữ được, khi có người nói đến cái chuyện mà mình thích. Mỗi người có một cái thú riêng: người này, say mê chó săn; người kia cho rằng mình hiểu sâu âm nhạc; người thứ ba thạo việc ăn ngon, người thứ tư tin chắc là đóng được một vai trò cao hơn cái vai mà họ được chỉ định, dù chỉ là một tấc; người thứ năm ước vọng khiêm tốn hơn, chỉ mong được gò cương ngựa song song với một sĩ quan phụ tá để lòe bạn hữu hay khách qua đường; người thứ sáu ngứa tay, thèm thuồng được gặp con xì hay con hai rô, còn tay người thứ bảy thì nóng nảy khát khao được lập lại trật tự, bạt tai người trưởng trạm hay mấy anh phu trạm. Tóm lại, mỗi người có cái mê say của riêng mình, nhưng Manilôp thì chẳng có mê say nào cả.

Ở nhà, chàng chẳng hề nói năng gì, thường trầm mặc suy nghĩ và họa có Chúa mới biết chàng nghĩ những cái gì. Chàng ít quan tâm đến việc làm cho trang ấp phát đạt và chẳng bao giờ nhìn ngó đến ruộng đất. Cứ phó mặc cho công việc đến đâu thì đến. Khi người quản lý nói: "- Nên làm thế này hay thế nọ" thì chàng thường trả lời: "- Cũng được đấy", vừa nói vừa hít những hơi dài với cái tẩu thuốc lá; đó là cái thói mà chàng đã quen khi tòng ngũ và ở trung đoàn, chàng có tiếng là viên sĩ quan khiêm tốn nhất, tế nhị nhất, học thức nhất. "- Ừ, ừ được đấy!" chàng nhắc lại. Khi một nông nô đến gặp chàng và vừa gãi gáy vừa xin phép nghỉ ít lâu để đi kiếm tiền nộp tô, thì chàng vừa ngậm tẩu vừa nói: "- Được, được" và chàng cũng chẳng hề nghĩ rằng cái anh chàng khốn nạn chỉ muốn chè chén. Thỉnh thoảng, đứng trên tam cấp trước nhà, nhìn sân và ao, chàng nghĩ nên làm một con đường hầm từ nhà xuống làng hay

là bắc qua ao một chiếc cầu đá, hai bên cầu có quán hàng bán lẻ những đồ vặt vãnh thông dụng cho dân ấp. Bấy giờ đôi mắt chàng dịu dàng hết sức, vẻ mặt chàng sung sướng, tự tại hết sức.
Tất cả những dự định ấy chỉ là lời nói hão. Trong buồng làm việc, chàng giữ một cuốn sách có cái chắn đánh dấu trang 14 mà chàng vẫn đọc dở từ hai năm nay. Đồ dùng trong nhà, chàng không bao giờ sắm đủ. Trong phòng khách đồ đạc khá đẹp đều phủ một thứ lụa quý, trừ hai cái ghế bành, vẫn phủ một lần chiếu thường vì thiếu lụa; và từ bao nhiêu năm nay, tiếp ai chủ nhà vẫn phải dặn khách: "- Xin đừng ngồi lên cái ghế đó, vì chưa kịp bọc lụa".
Trong nhà có những phòng trống không, dù chàng đã quyết định, từ ngày trăng mật: "quả tim của anh ạ, anh phải nghĩ đến việc trang trí cái phòng này, dù là tạm thời". Tối đến, người ta đặt lên bàn một cái giá cắm nến bằng đồng đen rất lịch sự, hình Ba nàng Nhã tiên, chao đèn bằng ngọc trai xinh xắn và bên cạnh thì lại là một tượng thương binh bằng đồng đỏ, thọt, người vặn vẹo, đầy những mỡ bò chảy xuống; mà cả thầy lẫn tớ chẳng ai để ý gì đến cả.
Vợ chàng ư?... Không cần phải nói dài; họ thật là xứng đôi vừa lứa. Dù đã lấy nhau sắp được chín năm rồi, họ vẫn đem cho nhau một cái kẹo, một hạt dẻ, một góc quả táo, vừa cho vừa nói một giọng ngọt ngào xứng đáng với tình yêu hoàn hảo: "Há mỏ ra, quả tim của tôi, quả ngon, quả ngọt nhé". Và cái mỏ liền há ra, đáng yêu nhất trần đời. Sinh nhật của họ, họ dành cho nhau những sự ngạc nhiên bằng cách tặng nhau, chẳng hạn, một ống đựng tăm bằng ngọc trai giả. Và, lắm khi, ngồi sát vào nhau trên ghế dài, người bỏ tẩu thuốc lá ra, kẻ bỏ đồ thêu xuống, để trao cho nhau một cái hôn say đắm lâu đến nỗi người ta có đủ thì giờ hút trọn một điếu thuốc lá trong lúc họ làm cái trò đó.
Tóm lại một chữ, họ là cái mà người ta thường gọi là những người sung sướng. Dĩ nhiên, người ta có thể nhắc họ là trong đời sống vợ chồng còn có nhiều việc khác ngoài những việc làm cho nhau ngạc nhiên và hôn nhau kéo dài, người ta có thể đặt cho họ những câu hỏi này nọ khó chịu. Chẳng hạn, tại sao bếp nước không ra gì? Tại sao tủ thức ăn chẳng có gì? Tại sao chị tớ gái lại ăn cắp? Tại sao bọn tớ trai toàn là những bợm say rượu bẩn thỉu? Tại sao lũ tôi đòi,

một nửa thì giờ thì ngủ và một nửa thì lêu lổng? Nhưng mà đó là những điều quan tâm quá ty tiện đối với một người có giáo dục tốt như bà Manilôva. Như người ta biết, nền giáo dục tốt là nền giáo dục của các học hiệu có ký túc xá; và cũng chẳng ai mà không biết rằng trong các học hiệu có ký túc xá; tất cả các đức hạnh đều tóm lại trong ba môn học: môn tiếng Pháp cần thiết cho hạnh phúc vợ chồng; môn dương cầm để làm cho người chồng được vài chốc lát thích thú; sau cùng là môn gia chánh thực sự, nghĩa là môn dạy đan những cái túi và vật khác gây cho người ta sự ngạc nhiên. Đối với các phương pháp giáo dục ấy, cũng có vài sự cải tiến, nhất là trong thời nay; tất cả đều nhờ vào lịch duyệt và khả năng của các bà giáo, chủ nhân các học hiệu có ký túc xá. Ở trường này thì môn dương cầm đứng hàng đầu, rồi đến môn tiếng Pháp và môn gia chánh thì ở sau cùng. Ở trường kia thì môn gia chánh nghĩa là môn đan túi, chiếm hàng đầu, rồi đến môn tiếng Pháp, cuối cùng là môn dương cầm. Người ta cũng thấy đấy, các phương pháp đều có thay đổi cả. Kể ra cũng phải ghi là bà Manilôva… nhưng mà, xin thú thực là tôi rất lúng túng khi nói đến các bà, và tôi vội vàng quay trở lại các nhân vật nam của chúng ta; họ đã dừng lại từ mấy phút rồi trước cửa phòng khách và cứ thi nhau lịch sự, nhường nhau bước trước vào phòng.

- Xin bác, thực tình, mời bác đi trước, Tsitsikôp nói.

- Không dám, Paven Ivannôvits ạ, không dám, bác là quý khách của tôi, Manilôp chỉ cái cửa đáp lại.

- Thực tình, thực tình, xin rước bác đi trước!

- Xin bác bỏ lỗi, tôi rất hiểu bổn phận đối với một vị quý khách như bác.

- Bác nói đùa. Xin rước bác!

- Sao lại thế?

- Vì rằng!… Manilôp nói với một nụ cười đáng yêu.

Cuối cùng đôi bạn cùng bước chênh chếch qua cửa và không khỏi chạm vào nhau.

- Xin phép bác để giới thiệu tiện nội với bác, Manilôp nói. – Đây, quả tim của tiểu đệ; còn đây, Paven Ivannôvits!

Tsitsikôp đứng trước mặt một phu nhân ngồi trên ghế dài, mà vì

mải nhường, mời nhau quá lễ phép trước cửa phòng khách, y không trông thấy. Khá xinh, nàng mặc một chiếc áo trong nhà bằng lụa màu nhạt, dệt hoa nổi, rất hợp với người. Bàn tay xinh xắn của nàng vội vàng ném xuống bàn không biết cái vật gì đang cầm, để vo vo một chiếc mùi soa bằng vải gai mịn, thêu ở góc. Nàng đứng dậy, Tsitsikôp là hoan hỷ hôn tay nàng. Nàng nói, giọng chả chớt một tí, rằng Tsitsikôp là một tân khách rất quý hóa, rằng nàng rất vui mừng vì được gặp Paven Ivannôvits mà chồng nàng ngày nào cũng nói chuyện với nàng.

Manilôp cũng xác nhận: - Đúng đấy ạ, nàng vẫn luôn luôn hỏi tôi: "Tại sao mà bạn anh mãi không thấy đến? – Hãy kiên tâm, em ạ, thế nào cũng đến". Thế là hôm nay bác đem đến cho chúng tôi cái hân hạnh quá bộ đến tệ xá. Bác làm cho chúng tôi vui sướng biết bao! Thật bác làm cho lòng chúng tôi như mở hội!...

Thấy rằng người ta đã đi đến "ngày hội của tấm lòng", Tsitsikôp, bẽn lẽn, đáp lại một cách khiêm tốn rằng tên tuổi không mấy người biết và địa vị tầm thường của y không xứng đáng với cuộc tiếp đón ân cần đến như thế.

- Đáng chứ, đáng chứ, - Manilôp ngắt lời Tsitsikôp với một nụ cười nữa; - bác có đủ tất cả mọi thứ để làm cho người ta vui sướng và hơn thế nữa!

- Bác nghĩ thế nào về thành phố của chúng tôi? Bà Manilôva hỏi. Bác ở đấy có thấy thú không?

- Thành phố của quý vị đẹp lắm, Tsitsikôp trả lời, ở đấy tôi rất thích thú; nhân dân rất lịch thiệp.

- Thế còn quan tỉnh trưởng của chúng tôi thì thế nào? Nàng hỏi.

- Có phải là con người đáng yêu hơn cả, đáng kính hơn cả, phải không nào? Manilôp nói thêm.

- Rất đúng như thế, Tsitsikôp xác nhận, - con người đáng trọng hơn cả. Và ngài xứng đáng với nhiệm vụ biết bao, ngài có ý thức cao cả về chức trách của mình biết bao! Thật nên cầu mong cho được nhiều vị cầm cân, nẩy mực như ngài.

- Ngài tiếp đón tân khách lịch thiệp biết bao! Cử chỉ của ngài thanh nhã biết bao! Manilôp thêu dệt thêm, vừa nói vừa lim dim đôi mắt, thích thú như con mèo được người ta cù nhè nhẹ vào phía sau tai.

- Một con người rất có duyên, Tsitsikôp nói tiếp, và lại rất khéo tay. Ngài thêu đẹp đến mê li đi được; trông thấy rõ ràng mà tôi cứ tưởng là mình trông lầm. Ngài có đưa tôi xem một cái đồ thêu của ngài, một cái túi; chẳng mấy vị phu nhân thêu được như thế.
- Còn quan phó tỉnh trưởng, cũng là người thật tốt, phải không nào? Manilôp lại nói, vừa nói vừa lim dim đôi mắt.
- Một người rất, rất có phẩm chất, Tsitsikôp trả lời.
- Xin phép bác; còn quan cảnh sát trưởng, theo bác thì thế nào? Thật tình ông ta rất đáng yêu.
- Rất đáng yêu! Và rất tài trí biết bao, học thức biết bao! Quan chánh án, quan chưởng lý và chúng tôi có đánh uyxt với ông ta đến gà gáy! Một con người rất, rất có phẩm chất!
- Còn bà vợ quan cảnh sát trưởng, bà Manilôva hỏi, theo bác thì thế nào? Một người rất dễ thương có phải không?
- Ồ, đó là một trong những vị phụ nữ đáng kính nhất mà tôi được biết, Tsitsikôp trả lời.
Người ta không quên quan chánh án, cũng không quên ông giám đốc bưu vụ và người ta điểm qua gần hết các quan chức mà tất cả, vị nào cũng được xem là những người chính trực nhất thế giới.
- Các bác vẫn ở mãi nông thôn thế này à? Đến lượt Tsitsikôp hỏi.
- Ở phần lớn thời gian, Manilôp trả lời. Chúng tôi vẫn ra phố từng đợt ngắn để giao du với những người lịch sự. Cứ sống mãi giữa bốn bức tường rồi ra thành ngu độn.
- Đúng thế, đúng thế, Tsitsikôp tán thành.
- Tất nhiên, Manilôp nói tiếp, giá mà chúng tôi có những hàng xóm có thể cùng nhau chuyện trò về những cách giao thiệp lịch sự hay cùng nhau chuyên tâm nghiên cứu vấn đề gì, có thể nói là cho phép linh hồn bay bổng…
Chàng sắp tiếp tục nói theo cái giọng ấy; nhưng tự thấy mình lúng túng, nên kết luận với một cử chỉ đẹp mắt:
- … như thế thì có lẽ nông thôn và cảnh cô tịch mới có lý thú được… Nhưng, không có ai để giao du, thì chỉ còn cách là thỉnh thoảng đọc tờ "Con trai của Tổ quốc" {*Tạp chí chính trị, lịch sử và văn học xuất bản ở Pêterbua từ 1812 đến 1852, có khuynh hướng phản động*}

Tsitsikôp tán thành: sống một cuộc đời ẩn dật, vui với thiên nhiên, đọc cuốn sách này, còn gì thú hơn nữa?
- Tuy vậy, Manilôp chêm vào, không có bằng hữu để thổ lộ nỗi lòng…
- À! Bác nói đúng thật, Tsitsikôp ngắt lời. Nếu thế thì kho tàng, của cải còn cần gì nữa! Một nhà hiền triết đã nói: *Chẳng thà có bạn còn hơn nhiều tiền*.
- Và, bác có biết không, Paven Ivannôvits ạ, - Manilôp vừa nói vừa làm cho vẻ mặt dịu dàng quá đáng, như một thày thuốc lịch thiệp pha mật vào thuốc quá nhiều, tưởng là làm cho người bệnh dễ uống, - có bạn thì có thể nói rằng người ta cảm thấy một lạc thú tinh thần… Cũng như giờ đây, chẳng hạn, số phận dành cho tôi hạnh phúc duy nhất là đàm đạo với bác và được hưởng thụ câu chuyện lý thú của bác…
- Xin bác, câu chuyện của tôi thì có gì là lý thú?... Tôi quả thật là hèn mọn hết sức, Tsitsikôp phân trần.
- Ồ, Paven Ivannôvits! Bác cho phép tôi thành thực, tôi hết sức sẵn lòng đem một nửa gia sản ra để được đổi lấy một phần những tài năng của bác.
- Về phần tôi thì trái lại, tôi cho là cái lớn lao nhất…
Tôi không hiểu là những nỗi thổ lộ tâm tình qua lại chứa chan như thế sẽ đi đến đâu, nếu một người đày tớ không vào báo là bữa ăn chiều đã dọn xong.
- Xin rước bác! Manilôp nói. Xin bác vui lòng thứ lỗi cho chúng tôi, ở đây không có sự sang trọng của giới thượng lưu, cao lương mỹ vị của các kinh thành. Bữa ăn mà chúng tôi chỉ đạm bạc: món ăn cổ truyền của người Nga thôi, nhưng thế khách với tấm lòng chân thành. Xin mời bác!
Một cuộc tranh chấp mới lại nổi lên: ai sẽ bước vào phòng ăn trước? Hết sức nhường mà không có hiệu quả, Tsitsikôp đành phải bước chênh chếch qua cửa phòng. Trong phòng đã có hai chú bé, con trai của Manilôp đã đến tuổi được ngồi vào bàn ăn với bố mẹ, nhưng phải ngồi trên những chiếc ghế cao. Một gia sư dạy dỗ hai chú; chàng ta mỉm cười lễ độ cúi chào. Bà chủ nhà ngồi ngay trước liễn xúp và mời Tsitsikôp ngồi giữa mình và chồng, trong lúc một

người hầu buộc khăn ăn vào cổ hai chú bé.
- A, các chú kháu quá! Tsitsikôp vừa ngắm chúng vừa nói. Các chú bao nhiêu tuổi?
- Cháu lớn sắp lên tám, cháu bé mới được sáu năm hôm qua, bà Manilôva trả lời.
- Thêmixtôklux, Manilôp gọi đứa lớn, đang cố gỡ cái cằm bị vướng trong khăn ăn. Nghe cái tên Hi Lạp này mà không hiểu tại sao Manilôp lại cho thêm cái âm *ux* ở cuối {*Thêmixtôklux ex (525-640) là tên của vị tướng Hi Lạp, trước cuộc xâm lược của quân Ba Tư, chủ trương bảo vệ Tổ quốc bằng hải quân và đánh tan quân địch ở trận thủy chiến nổi tiếng Xalamin (480). Manilôp lấy tên danh nhân lịch sử đặt cho con là một điều lố bịch, lại dốt nên thêm vào tên người ta một âm sai là âm ux, làm biến dạng cả tiếng Hi Lạp*}, Tsitsikôp hơi rướn đôi lông mày lên, nhưng lại cố gắng lấy ngay lại vẻ mặt bình thường.
- Thêmixtôklux, kinh đô nước Pháp là gì?
Người gia sư chăm chú nhìn Thêmixtôklux; tựa hồ sẵn sàng nuốt chửng lấy thằng bé, nhưng lại hoàn toàn trấn tĩnh và gật đầu tán thành khi nghe câu trả lời: - Pari.
- Thế thành phố nào lớn nhất nước Nga? Manilôp lại hỏi.
Lần nữa, vẻ lo ngại lại lộ ra trên mặt người gia sư.
- Pêterbua, Thêmixtôklux đáp.
- Còn thành nào lớn thứ nhì?
- Mạc tư khoa.
- Hoan hô chú bé! Tsitsikôp kêu lên, và nói tiếp với Manilôp, vẻ khâm phục vô cùng, - nhưng này, bác có thấy rằng cháu rất có thiên tư không nào?
- Ồ! Bác chưa biết đấy! Manilôp nói; cháu khôn bằng bốn người. Cháu bé, Ankit {*Tục danh của Hêraklex, anh hùng sức khỏe và lao động trong thần thoại Hi Lạp*} thì chậm hơn, nhưng hễ thấy một con vật gì, như con cánh cam chẳng hạn là cháu trợn mắt, chạy theo quan sát. Cháu lớn, tôi định cho theo ngành ngoại giao. Thêmixtôklux, con có thích làm đại sứ không?
- Con rất thích, Thêmixtôklux vừa đáp vừa nhai bánh mì, đầu lắc lư khi sang bên phải, khi sang bên trái.

Đúng lúc ấy, người hầu, đứng sau ghế lấy khăn tay lau mũi cho ngài Đại sứ, rất kịp thời, vì ngài sắp để rơi một giọt nước mũi to tướng xuống đĩa ăn.
Trong bữa ăn, câu chuyện lại xoay quanh những lạc thú của cuộc đời ẩn dật, nhưng bỗng bà Manilôva lại tự nhiên nhận định mấy câu về Nhà hát Thành phố với ban hát của nó. Người gia sư chú ý nhìn những người nói chuyện, và cứ thấy họ sắp mỉm cười là mở hoác mồm ra cười một cái cười thực sự. Có lẽ, anh chàng cho như thế là biết ơn sự biệt đãi của Manilôp đối với mình. Tuy vậy, có một lần, chàng ta lấy vẻ mặt dữ tợn và gõ xuống bàn mấy tiếng mạnh và ngắn, mắt nhìn chằm chằm vào các cậu học trò ngồi trước mặt. Thái độ ấy có lý do: Thêmixtôklux cắn Ankit vào tai. Cậu này, mắt nhắm, mồm há, sắp hét lên; nhưng hiểu rằng khóc ré lên thì có thể bị cấm ăn một món, nên vội ngậm miệng và vừa thút thít, vừa gậm lại một cái sườn cừu, đôi má bóng những mỡ.
Chốc chốc, bà chủ nhà lại làm khổ Tsitsikôp:
- Bác chẳng xơi gì cả, bác không lấy món nào cả.
Và mỗi lần, Tsitsikôp lại đáp.
- Xin cám ơn bác, tôi no lắm rồi. Một câu chuyện nhã thú làm cho người ta no hơn món ăn ngon nhất.
Ăn xong, Manilôp, hài lòng đến tột độ, đặt tay lên lưng Tsitsikôp và muốn đưa sang phòng khách, nhưng bỗng Tsitsikôp nói với giọng quan trọng rằng muốn nói chuyện về một việc cần kíp.
- Vậy, xin rước bác vào phòng giấy, Manilôp vừa nói vừa dẫn y vào một phòng nhỏ trông ra rừng thông xanh xanh. Đây là chỗ tôi ưa thích nhất, chàng nói.
- Chỗ này thích thật, Tsitsikôp ngắm nghía xong rồi nói.
Căn phòng thật ra cũng không phải là không xinh xắn. Tường sơn lơ nhạt phơn phớt màu ghi; bốn cái ghế, một ghế bành, một cái bàn trên để cuốn sách có cái thẻ đánh dấu trang mà chúng ta đã nói đến; vài tờ giấy đã dùng rồi và nhất là rất nhiều thuốc lá: thuốc lá trong gói, thuốc lá trong túi, thuốc lá để thành đống trên bàn. Trên cửa sổ, từng đống tàn thuốc, đổ từ các tẩu ra và xếp có nghệ thuật; rõ ràng là chủ nhân thỉnh thoảng lấy cái trò chơi ấy làm thú vị.
- Xin mời bác, ngồi ghế bành này, Manilôp nói. Ngồi đây dễ chịu

hơn.
- Bác cho phép tôi ngồi ghế tựa này.
- Xin phép bác là không thể để bác ngồi thế được. Manilôp nói và mỉm cười. Đây là ghế bành riêng dành cho khách quý: dù muốn, dù không, cũng xin bác ngồi đây cho.
Tsitsikôp vâng lời.
- Xin phép bác, cho tôi được tiếp bác một tẩu thuốc.
- Xin bác, tôi không hút thuốc, Tsitsikôp trả lời, giọng có vẻ tiếc.
- Sao thế ạ? Manilôp hỏi, cũng một giọng như thế.
- Tôi tránh cái thói quen ấy: người ta bảo là thuốc lá làm cho ngực khô đi.
- Đó là một thành kiến. Xin phép bác, tôi nói chắc như vậy. Theo tôi nghĩ thì hút còn hơn là hít. Ngày chúng tôi còn ở trung đoàn, có một viên trung úy lúc nào cũng ngậm tẩu, ở bàn ăn, ở cả nơi khác, xin lỗi bác. Bây giờ ông ta đã ngoài bốn mươi rồi mà, ơn Chúa, sức khỏe chẳng ai bì kịp.
Tsitsikôp không phản đối: theo y thì trong thiên nhiên có lắm cái mà những bộ óc lớn nhất cũng không thể cắt nghĩa được.
- Nhưng bác cho phép chúng tôi được hỏi… Tsitsikôp lại nói tiếp, giọng nói có một âm điệu lạ lùng. Y lại vô cớ liếc nhìn ra đằng sau và không hiểu tại sao Manilôp cũng ngoái nhìn lại như vậy.
- Bác nộp tờ khai dân số đã lâu chưa ạ?
- Hình như đã khá lâu rồi; nhưng thật ra tôi cũng chẳng nhớ rõ nữa.
- Và từ đấy, bác có mất nhiều nông dân không ạ?
- Thật tình, tôi chẳng biết tí gì; đó là việc của lão quản lý. Này, đứa nào đấy! Gọi cho ta lão quản lý; hôm nay là ngày hắn phải đến đây.
Viên quản lý vào. Một gã, trạc độ bốn mươi, râu cạo nhẵn, và mặc cả áo dài, đã có một lối sống khá an nhàn; cái mặt bị thịt, phị ra, nước da vàng vàng, đôi mắt ti hí, chứng tỏ hắn đã quá quen với mền nhung mao và đệm hồng thúy. Người ta có thể đoán ngay rằng con đường tiến thân của hắn là con đường của tất cả mọi lão quản lý: trước chỉ là thằng nhỏ để sai vặt, rồi học được mấy chữ cái, lấy một ả giữ kho Agaska nào đấy được bà chủ dùng làm thị tì tín cẩn, thăng chức giữ kho rồi quản lý. Và được thăng lên chức

này thì tất nhiên hắn đã hành động như tất cả mọi đồng nghiệp của hắn: chơi thân và ăn cánh với bọn chóp bu trong làng, bắt dân đen gánh vác đủ mọi khổ dịch; sáng chín giờ hắn mới mở mắt, đợi người mang xamôva đến và nhẩn nha uống trà, chẳng cần vội vã gì hết.
- Này, anh cho biết, từ lần điều tra dân số vừa rồi đến nay, ta mất hết bao nhiêu nông dân?
- Bao nhiêu ạ?... Ấy, chết mất đi nhiều đấy ạ! Lão quản lý vừa nói vừa lấy tay che mồm cố nén một tiếng nấc.
- Đúng, ta cũng nghĩ như thế, Manilôp đớp lấy lời và xác nhận luôn: Chết mất đi nhiều đấy. – Vâng, vâng nhiều, quay lại phía Tsitsikôp chàng nói thêm.
- Nhưng mất đi bao nhiêu? Tsitsikôp hỏi.
- Ừ, bao nhiêu? Manilôp nhắc lại.
- Bao nhiêu? Làm thế nào mà biết được? Có ai đếm đâu ạ.
- Chính thế, Manilôp vừa nói vừa quay lại phía Tsitsikôp, - tôi cũng nghĩ như thế, chết nhiều quá, không biết được con số là bao nhiêu.
- Vậy thì, anh bạn này, Tsitsikôp nói với lão quản lý, anh đếm giúp tôi và lập cho tôi một danh sách, tên họ rõ ràng.
- Đúng thế, tên họ rõ ràng, Manilôp nhắc lại. – Xin tuân lệnh!, lão quản lý đáp và rút lui.
- Bác lấy danh sách ấy làm gì? Manilôp hỏi sau khi lão quản lý đã đi rồi.
Câu hỏi hình như làm cho khách lúng túng; y đỏ mặt và tựa hồ cố gắng lựa lời để đáp lại. Quả thật, Manilôp được nghe những điều lạ lùng hết sức, mà chưa bao giờ tai người đã được nghe.
- Bác muốn biết tôi cần để làm gì? Thế này ạ, tôi muốn mua nông dân… mãi Tsitsikôp mới nói ra được rồi im bặt.
- Xin phép bác cho biết là muốn mua nông dân thế nào, có kèm theo đất hay không?
- Không ạ, thật ra không phải là nông dân đâu ạ. Tsitsikôp đáp, tôi muốn xin những người chết…
- Thế nào ạ? Xin lỗi… tôi hơi nặng tai, hình như tôi được nghe một tiếng là lạ.

- Tôi có ý muốn mua những người chết mà trong sổ đinh vẫn kê khai là còn sống {*Số nông phu đăng ký trong một đợt điều tra dân số thì có tên ghi trong sổ mãi cho đến đợt điều tra sau, dù có chết giữa chừng cũng không được xóa tên và trang chủ vẫn phải tiếp tục nộp thuế thân cho họ như họ còn sống vậy. Cho nên Tsitsikôp mua người chết mà trước pháp luật thì chẳng khác gì mua người sống*}.
Manilôp để rơi cái tẩu Thổ Nhĩ Kỳ, há hốc mồm ra mấy phút liền. Đôi bạn vừa mới biện luận rất hay về những lạc thú của tình bằng hữu, đều im như phỗng, mắt nhìn mắt, như hai bức chân dung mà ngày trước người ta treo đối xứng nhau hai bên tấm gương trên lò sưởi. Sau cùng, Manilôp cúi nhặt cái tẩu và ngước nhìn lên Tsitsikôp, cố tìm thấy một nụ cười mỉm trên môi của khách, và chắc rằng khách muốn nói đùa; nhưng lại rất đỗi ngạc nhiên vì thấy khách nghiêm trang hơn bao giờ hết. Manilôp lại tự hỏi hay là bỗng nhiên khách bị mất trí và nhìn y một cách kinh hãi, nhưng cũng không hề tìm thấy trong đôi mắt trong trẻo ấy cái ánh bồn chồn, quái gở thường phảng phất trong mắt những người điên. Manilôp cố đào óc để xem phải có thái độ như thế nào, nhưng vô hiệu; chàng chỉ còn biết nhả từ cuống họng ra một làn khói thuốc mong mỏng.
- Vậy là, tôi muốn biết bác có thể để lại, bán lại chuyển thành sở hữu của tôi, bằng cách nào mà bác cho là tốt, những kẻ đã chết thật, mặc dù đối với pháp luật họ vẫn còn sống.
Chưng hửng, sửng sốt, Manilôp nhìn khách không nói được một lời.
- Dường như bác bối rối?... Manilôp khẽ hỏi.
- Tôi ấy à?... Không,… không… không phải thế, mãi Manilôp mới ấp úng được mấy tiếng; nhưng mà tôi vẫn không hiểu ra… xin lỗi… dĩ nhiên, tôi không được tiếp thu một nền học vấn như của bác mà, có thể nói rằng, mỗi một cử chỉ đều biểu lộ rõ ràng sự lỗi lạc, tôi không có được cái nghệ thuật nói năng xuất chúng… Có lẽ câu nói của bác bao hàm một ý nghĩa kín đáo?... Có lẽ bác nói vậy để cho lời lẽ văn hoa?
- Không… không, - Tsitsikôp nhấn mạnh, - tôi không nói bóng bẩy

gì đâu; tôi nói những nông phu chết thật.
Manilôp hoàn toàn hoảng hốt. Chàng cảm thấy cần phải làm một việc gì, hỏi một câu, nhưng mà câu gì? Chỉ có quỷ sứ mới biết được. Chàng lại thở ra một làn khói nữa, nhưng lần này thì phì ra đằng mũi.
- Vậy nếu bác không thấy gì trở ngại, thì nhờ ơn Chúa, chúng ta có thể lập văn tự bán, Tsitsikôp nói.
- Văn tự bán… nông phu chết à?
- Không phải, Tsitsikôp nhắc lại. Chúng ta ghi rõ là chúng còn sống, như vẫn ghi trong tờ khai dân số. Bao giờ tôi cũng theo đúng pháp luật; điều ấy đã đem đến cho tôi nhiều sự bực mình; nhưng xin bác bỏ lỗi, đối với tôi, bổn phận là thiêng liêng và tôi xin cúi mình trước pháp luật.
Những lời sau này làm cho Manilôp rất thích, nhưng chàng vẫn chưa thể hiểu được thực chất của việc này; để thay cho câu trả lời, chàng lại hít từng hơi khói dữ dội đến nỗi cái tẩu Thổ Nhĩ Kỳ kêu lên như cái ống dịch. Hình như chàng muốn rút từ cái tẩu ra một kiến giải về sự tình quái dị này, nhưng cái tẩu chỉ biết có huýt mà thôi.
- Bác có ý nghi ngờ gì chăng?
- Ồ, không bao giờ! Xin lỗi bác. Chỉ xin phép hỏi bác một câu là việc này, hay đúng là cuộc điều đình này, - vâng, tôi nói là cuộc điều đình này, có gì trái với các thiết chế và ý kiến thẩm tra về sau của nước Nga không?
Đến đây, Manilôp ngước nhẹ đầu lên, nhìn Tsitsikôp với một cái nhìn hùng hồn và làm cho tất cả các nét mặt mình và cho đôi môi mím chặt có một cái vẻ sâu xa đến nỗi chắc chưa ai hề được trông thấy bao giờ ở ngoài khuôn mặt của một vị bộ trưởng tài trí đang vật lộn với một vấn đề gai góc.
Nhưng Tsitsikôp trả lời một cách đơn giản rằng một việc hay một cuộc điều đình như thế không thể trái với cái thiết chế, cũng như với các ý kiến thẩm tra về sau của nước Nga được. Sau một phút, y nói thêm là việc ấy chỉ có lợi cho quốc khố, vì được thu thuế trước bạ.
- Bác tin chắc thế chứ?

- Chắc chứ và như vậy là rất tốt.
- À, vậy là tốt thì tôi chẳng có gì bàn nữa, hoàn toàn yên tâm, Manilôp tuyên bố.
- Vậy thì chỉ còn việc thỏa thuận với nhau về giá cả…
- Giá cả ư? Manilôp kêu lên. Rồi một lát sau nói tiếp: - Vậy ra bác nghĩ rằng tôi lại đòi tiền cả nông phu, trong một chừng mực nào đó, đã hết tồn tại rồi sao? Bởi vì, thất lễ bác, bác đã có cái ý muốn là như thế thì tôi xin nhường không hầu bác và chịu các lệ phí về giấy tờ.

Sử gia chép lại các sự biến này sẽ phải khiển trách nghiêm khắc nếu quên không ghi lại nỗi vui thích mà những lời nói ấy đã đem đến cho nhà lữ hành. Dù là rất đỗi nghiêm trang và thận trọng, y cũng suýt nhảy lộn lên một cái, vì ai cũng biết đó là biểu hiện của lòng phấn khởi nhiệt thành nhất. Ngồi trong ghế bành mà cứ quay qua, quay lại dữ dội, y làm tấm vải len phủ lên lưng ghế rách toạc một miếng tướng. Lòng biết ơn làm cho y không ngớt lời cảm tạ; đến nỗi Manilôp, trước nhìn y với một vẻ e ngại, phải lúng túng đỏ mặt, lắc đầu; và sau cùng giải thích rằng đó chỉ là một món nhỏ mọn, không đáng gì, chẳng qua chàng muốn có thể đem đến cho y một bằng chứng cụ thể về lòng giao cảm của chàng mà thôi; chàng nói đến cái từ khí giữa các linh hồn, đến sức lôi cuốn của con tim; còn những nông phu, mà trong chừng mực nào đó đã quá cố, thì thật ra, có đáng gì đâu.

- Trái lại! Tsitsikôp vừa nói vừa bắt tay chàng. Không cầm được, y bật ra một tiếng thở dài não nuột từ đáy lòng; hình như y đang sẵn sàng kể những chuyện tâm sự, vì một lát sau, y phun ra, giọng tin tưởng: - giá bác biết rõ là đối với một kẻ khổ sở, không cửa, không nhà, một mình ở trong thế gian, bác vừa giúp cho một việc như thế nào. Như con thuyền mong manh, bị sóng điên cuồng xô đẩy, còn có cái gì trong đời mà tôi không phải chịu đựng! Tôi đã nếm đủ mọi mùi đắng cay, mọi sự nhũng nhiễu, hà hiếp; và như thế chỉ vì yêu công lý, làm điều thiện, dang tay giúp người quả phụ, mở cửa đón kẻ cô nhi!...

Đến đây, y rút khăn tay, gạt một giọt lệ.

Manilôp xúc cảm đến cực độ. Đôi bạn ngồi lặng một lúc lâu, tay

nắm tay, mắt nhìn mắt; những hạt lệ long lanh trên bốn mí. Manilôp, không buông tay nhân vật của chúng ta nữa, và mãi sau Tsitsikôp mới nhè nhẹ rút tay ra được. Tsitsikôp nói là cái văn tự phải lập ngay, càng sớm càng tốt và vì vậy, mong Manilôp quá bộ lên tỉnh. Nói xong y cầm mũ và xin cáo từ.
- Sao! Bác đi rồi à! Manilôp kêu lên, gần như kinh hoàng, tựa hồ vừa ra khỏi một giấc mộng.
Vừa lúc ấy thì vợ chàng bước vào.
- Liz, em tưởng tượng là Paven Ivannôvits từ biệt chúng ta rồi đấy! Chàng nói với một vẻ kinh hãi.
- Vì ở nhà ta bác ấy buồn, bà Manilôva nói.
- Thưa bà, Tsitsikôp vừa nói vừa để tay lên quả tim, ở đây, vâng chính là ở đây, sẽ khắc sâu mãi kỷ niệm những giây phút êm đềm, sung sướng mà tôi được trải qua trong nhà này. Tôi không thể quan niệm hạnh phúc nào hoàn toàn hơn là được sống với các bác; nếu không được cùng ở một nhà, thì ít ra cũng bên láng giềng gần nhất.
- Thật đấy, Paven Ivannôvits ạ, - Manilôp nói, và chàng liền bị ngay cái ý kiến ấy thu hút, - cùng sống dưới một mái nhà, hay cùng nhau đàm đạo dưới bóng một cây tiễu du, thật sung sướng biết chừng nào!
- Ồ! Đó thật là cảnh thiên đường, Tsitsikôp xác nhận với một tiếng thở dài. Thôi, xin từ biệt phu nhân, - y vừa nói tiếp vừa hôn tay bà chủ nhà, - xin từ biệt tôn huynh. Xin chớ quên lời khẩn cầu của tôi.
- Bác cứ yên tâm! Manilôp trả lời, hai hôm nữa chúng ta gặp lại nhau.
Ba người sang phòng ăn.
- Tạm biệt, các bạn nhỏ! Tsitsikôp nói khi trông thấy Ankit và Thêmixtôklux đang chơi với một người lính khinh kỵ bằng gỗ, đã sứt mũi và gãy tay. Tạm biệt, các cháu… Bác không mang gì đến cho các cháu vì, các cháu thấy đấy, bác không được biết đến cả việc có các cháu nữa cơ. Xin lỗi các cháu; lần sau bác sẽ đền bù. Cháu, cháu sẽ được một thanh kiếm; cháu có thích một thanh kiếm không nào?
- Có, có Thêmixtôklux đáp.
- Còn cháu, một cái trống nhá. Đồng ý không nào, một cái trống

nhá? Y cúi về phía Ankit và nói tiếp.
- Tống, Ankit vừa lúng túng vừa cúi đầu.
- Tốt lắm, bác sẽ mang cho cháu một cái trống và trống ra trống! Tra-ta-ra, ran-phan-phan… Thôi tạm biệt, cháu yêu quý, tạm biệt.
Y hôn lên trán thằng bé và cười với vợ chồng Manilôp một tiếng nho nhỏ, tiếng cười chứng tỏ với cha mẹ sự ngây thơ của con họ.
- Bác ở lại thì hơn, Paven Ivannôvits ạ! Manilôp khẩn khoản khi mọi người đã ra đến tam cấp lớn. Bác trông mây kìa!
- Chẳng sao đâu ạ!
- Nhưng, ít nhất, bác có biết đường sang ấp Xôbêkiêvits không đã?
- Tôi sắp nhờ bác chỉ cho.
- Bác cho phép tôi chỉ cho anh xà ích.
Vẫn dễ thương như thường lệ, Manilôp chỉ cho xà ích bỏ hai đường tắt ngang, rồi rẽ vào đường thứ ba – trong khi sốt sắng chỉ bảo, chàng gọi cả xà ích là ông.
- Hiểu rồi, thưa Quan lớn! Xà ích đáp và Tsitsikôp ra đi, trong khi chủ nhà kiễng chân lên, vẫy vẫy khăn tay và chào lấy, chào để.
Manilôp nhìn theo chiếc britska xa dần và khi xe đã khuất, chàng còn đứng lại hút thuốc mãi trên thềm.
Sau cùng chàng mới vào nhà, ngồi xuống ghế và thưởng thức niềm vui sướng đã giúp được khách một việc mọn. Rồi tư tưởng của chàng vô tình chuyển sang những chủ đề khác và sau cùng thì lạc bước không biết đến tận đâu đâu. Trước tiên chàng gợi lên, những lạc thú của tình bạn, hạnh phúc của cuộc đời chung sống trên một bờ sông. Rồi chàng bắc một cái cầu qua con sông ấy, xây trên bờ một cái nhà có vọng lâu cao ngất, từ đấy nhìn suốt đến tận Mạc-tư-khoa, để chiều chiều lên đấy uống trà, đàm đạo. Chàng thấy mình cùng Tsitsikôp, ăn mặc sang trọng, bước vào một xã hội thượng lưu và ở đấy sự lịch thiệp của họ làm cho mọi người say mê. Chàng mơ thấy nhà cầm quyền tối cao trong nước {*Gôgôn viết Hoàng đế, nhưng vì người kiểm duyệt sợ nên phải sửa lại*}, được biết tình bạn hiếm có của họ, liền phong hai người chức tướng quân. Nhưng bỗng việc hỏi mua lạ lùng của Tsitsikôp đến làm đứt cái mạch suy nghĩ vẩn vơ của chàng. Chàng không tài nào quen được với cái ý kiến ấy; càng quay đi quay lại trong óc, chàng càng

thấy nó khó hiểu hơn; và vừa hút cái tẩu, chàng vừa nhai đi, nhai lại cái ý ấy mãi cho đến bữa ăn khuya.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 3

Trong khi ấy, Tsitsikôp, khá vui vẻ, đã đi được một lúc lâu trên đường cái lớn. Đã biết cái dục vọng mạnh hơn cả của y từ trước, chúng ta sẽ không lấy làm lạ thấy y đã nhượng bộ ngay dục vọng ấy, cả xác lẫn hồn. Kế hoạch tính toán, mưu mẹo phản ánh trên mặt y, đều phải là khá dễ chịu; điều ấy có thể đoán thấy ở nụ cười mà chúng luôn luôn làm nở trên môi y. Mải suy nghĩ, lữ khách không nghe thấy gã xà ích của mình, - mà sự đón tiếp của các gia nhân nhà Manilôp đã làm cho phấn chấn, - ngỏ những lời nhận xét đích đáng với con ngựa vằn thắng ở càng xe bên phải. Con láu cá này chỉ kéo vờ vĩnh cho qua chuyện, trong khi hai con kia vui vẻ kéo thật lực; người ta thấy rõ nỗi thích thú trong đôi mắt chúng: con ngựa hồng đuôi đen, bờm đen, thắng ở giữa và con ngựa hồng tuyền thắng ở càng xe bên trái, biệt hiệu là "trợ tá", vì nguyên nó do một trong những vị công chức đáng kính ấy bán lại.
- Muốn xỏ lá bao nhiêu thì xỏ lá này, mày cũng không lừa nổi tao đâu! Xêlifan vừa nói vừa nhổm đít lên và vụt roi vào con ngựa lười. Này, học lấy cho thạo nghề, đồ phá hoại! Con hồng đen nó là một con ngựa lương thiện; nó làm ăn có lương tâm; tao sẽ vui lòng cho nó thêm một hộc thóc; con trợ tá cũng là một con vật ngay thẳng… Này! Này! Mày phởn cái gì mà vẫy tai? Nghe người ta bảo đây, đồ ngu! Ơ, xem cái quân mất dạy này; mình chỉ khuyên nó toàn những lời phải cả đấy chứ! Này thôi! Đi đâu mà lồng lên thế?

Nói đến đây Xêlifan lại quất một roi nữa: - À, đồ dã man! {*Gôgôn*

viết: đồ Bônapact chết tiệt, nhưng kiểm duyệt bỏ} - Rồi nói với cả ba con, hắn hò: - Nào, các em yêu dấu! - Miệng nói tay vụt cả bọn, mà vụt lần này thì để tỏ vẻ hài lòng. Sau khi đã ban cho ba con vật cái thú ấy rồi, hắn trở lại với con Vằn: - Mày tưởng giấu được cái trò xỏ lá của mày đấy hẳn? Không, bạn thân ạ, cư xử cho đúng đắn nếu mày muốn người ta trọng mày. Hãy noi gương, chẳng hạn, ông chủ nhà ta vừa ra khỏi nhà; gia nhân người ta ngay thẳng biết mấy! Nói chuyện với một người ngay thẳng, bao giờ tao cũng thấy thích; chúng tao thành ngay đôi tri kỷ. Cho dù là uống chén trà, ăn miếng bánh, tao không thể từ chối người ta cái gì cả. Những người chính trực thì ai cũng quý mến. Chủ ta, chẳng hạn, mọi người đều tôn kính, vì ông đã phụng sự Nhà nước, mày nghe chưa; vì vậy ông đường đường là tư vấn bộ…

Những suy luận ấy đưa dần Xêlifan vào những nhận định trừu tượng. Giá Tsitsikôp thèm để ý nghe thì y đã được biết ngay ý kiến của người nhà quê ấy đối với y; nhưng ít nhất phải là một tiếng sét dữ dội mới kéo y ra khỏi những trầm tư, mặt tưởng và làm cho y nhìn ra chung quanh. Mây kéo đến đầy trời; những hạt mưa rơi xuống làm lỗ chỗ cả mặt đường phủ bụi dày. Một tiếng sét thứ hai lại nổ ra, dữ hơn và gần hơn; và mưa bỗng đổ xuống như trút. Trước, hạt mưa rơi nghiêng, đập vào thành xe, rồi rơi thẳng, như gõ trống trên mui xe. Bị nước bắn vào mặt, Tsitsikôp kéo rèm da xuống che và ở rèm đã có hai lỗ hở để có thể nhìn thấy phong cảnh bên ngoài; y ra lệnh cho Xêlifan đi gấp lên. Bị ngắt lại giữa lúc đang cao đàm hùng biện, gã xà ích hiểu rằng bây giờ không phải là lúc đủng đỉnh được nữa. Rút trong hòm ra một cái áo ngoài bằng dạ xám, hắn mặc vào người, rồi cầm lấy cương và quát mắng mấy con vật mà hình như bài giảng đạo của hắn ta đã làm cho đắm đuối vào một trạng thái hôn mê dìu dịu; hay ít ra cũng chỉ còn đi từng bước một. Nhưng hắn không tài nào nhớ ra là đã bỏ qua hai hay ba đường tắt ngang rồi. Sau vài phút suy nghĩ thì hắn biết là đã bỏ qua đi nhiều. Như người Nga, trong những lúc nguy nan, bao giờ cũng quyết định mà không cần suy nghĩ, Xêlifan kích thích mấy con vật

một câu: "- Nào, các bạn hiền!" rồi phóng bừa vào con đường tắt ngang đầu tiên, không cần biết là nó đưa đến đâu.

Cơn mưa xem chừng còn kéo dài. Cánh đồng đã đầy sũng nước; mỗi lúc, công việc của mấy con ngựa lại càng vất vả thêm.
Ngạc nhiên vì thấy chưa đến ấp Xôbakiêvits, Tsitsikôp bắt đầu lo: y muốn thị sát bốn chung quanh, nhưng chỉ thấy đêm tối tò mò.
Sau cùng, nghiêng người ra ngoài xe, y gọi: - Xêkufan!
- Thưa ông, cái gì ạ?
- Có thấy làng mạc gì không?
- Thưa ông, không, chẳng thấy gì cả.
Và Xêlifan, khoa cái roi, cất giọng hát một bài hát, hay nói cho đúng là một bài kinh cầu nguyện, một bản tình ca trầm trầm, dài lê thê không dứt ra được. Hắn cho vào đấy đủ mọi thứ tiếng mà từ đầu đến cuối nước Nga, người ta quen dùng để vỗ về, khuyến khích loài ngựa; hắn rộng rãi ban cho mấy con vật đủ mọi thứ hình dung từ mà hắn chợt nhớ đến và cuối cùng gọi cả chúng là "thư ký" nữa.
Trong lúc ấy, Tsitsikôp, bị lắc qua, lắc lại theo những cái xóc của xe, hiểu rằng chiếc britska đang đi trên những luống cày. Hình như Xêlifan cũng ngờ thế; nhưng hắn chẳng nói năng gì cả.
- Cái đồ chết treo, mày đưa ông đi đâu thế này?
- Thưa ông, biết làm thế nào được trời đất như thế? Cả đến cái roi con cũng chẳng trông thấy nữa là!
Chiếc xe nghiêng đến nỗi Tsitsikôp phải bám cả hai tay vào thành xe; và bấy giờ y mới thấy là gã xà ích đang say rượu.
- Cẩn thận, đồ súc sinh, mày đánh đổ xe đây này! Y thét lên.
- Đổ xe ư? Thưa ông không ạ, Xêlifan bày tỏ ý kiến, đổ xe thì tệ quá, con chẳng làm đổ đâu, ông cứ yên tâm.
Nói rồi hắn cố sức quay xe lại và quay khéo đến nỗi hắn quật chiếc xe đổ nghiêng xuống thật. Tsitsikôp nằm sóng xoài trong bùn.
Xêlifan kìm mấy con ngựa lại được; và chúng cũng tự dừng lại vì đều mệt lử cả rồi. Biến cố bất ngờ ấy làm cho hắn hoảng hốt.
Trong khi ông chủ cố ra khỏi vũng bùn thì hắn từ trên ghế xà ích

nhảy xuống, hai tay chống nạnh đứng sững trước chiếc britska; rồi sau vài phút suy nghĩ mới phát biểu:
- Vô lý, xe đổ à!
- Mày say khướt cò bợ rồi còn gì! Tsitsikôp nói.
- Say, thưa ông, ông nói đùa; say là không tốt. Con chỉ nói chuyện với một người bạn, đúng thế; thế thì chẳng có gì hại cả… Chúng con còn ăn với nhau miếng bánh nữa; giữa người lương thiện với nhau, con tưởng việc ấy cũng có thể được.
- Lần trước mày say, tao bảo mày những gì, mày quên hết rồi à?
- Xin thứ lỗi, bẩm quan lớn; làm sao mà quên được? Con biết phận sự mình chứ. Say rượu là nhơ lắm, có phải con không biết đâu. Nhưng còn chuyện trò với những người lương thiện…
- Đợi đấy, để tao dạy cho mày chuyện trò với những người lương thiện!... Mày muốn tao nện cho một trận chắc?
- Tùy ý Quan lớn, gã Xêlifan ù lì ấy trả lời. Ông chủ là ông chủ và cái roi cũng công dụng tốt; thằng ở mà làm bậy thì phải đưa nó vào trật tự.
Lý luận ấy làm cho Tsitsikôp phải thua; hơn nữa, số phận hình như đã muốn rủ lòng thương y: có tiếng chó sủa xa xa. Tức khắc được phục hồi dũng khí, y ra lệnh kích thích mấy con ngựa để đi tiếp. Người xà ích Nga thường thính vô cùng; khi không trông thấy gì hết, hắn cứ cho ngựa phóng nước đại và cuối cùng bao giờ cũng đến được một nơi nào đấy. Xêlifan, chẳng trông thấy tí gì, nhưng đã nhắm về phía làng mà tiến, đúng đến nỗi chỉ dừng lại khi hai càng xe húc vào một cái hàng rào và không tài nào tiến được nữa. Qua màn mưa tầm tã, Tsitsikôp đoán ra cái gì như hình cái mái nhà; liền bảo Xêlifan tìm cổng vào. Việc ấy đáng lẽ phải mất nhiều thì giờ; nếu ở nước Nga, những con chó sốt sắng đã không đóng cái vai người canh cổng. Việc khách đến được loan báo ầm ỹ đến nỗi Tsitsikôp phải bịt hai tai lại. Một tia sáng lờ mờ từ một cái cửa sổ chiếu xuống hàng rào, làm cho các nhà lữ hành của chúng ta trông thấy cái cổng; Xêlifan liền đấm vào đấy liên hồi. Một cánh cửa con mở, một hình dáng đàn bà khoác cái áo ngoài nhà quê hiện ra và một giọng khàn hỏi:
- Ai đấy? Làm gì mà ầm lên thế?

- Khách, bà lão ơi, xin ngủ nhờ đêm nay.
- Anh khéo chọn giờ mà đến thật, bà lão đáp. Đây không phải quán trọ, mà nhà bà chủ tôi đấy.
- Vâng đêm khuya rồi, mà trời tối như mực, Xêlifan nói theo.
- Có im mồm đi không, đồ ăn cắp! Tsitsikôp quát.
- Nhưng ông là ai? Bà lão hỏi.
- Một nhà quý tộc, bà lão ạ.
Tiếng quý tộc đối với bà lão có ảnh hưởng ngay.
- Chờ một tí; tôi đi trình bà đã.
Bà lão đi vào rồi hai phút sau trở ra, tay xách cái đèn. Cổng mở. Một khung cửa sổ sáng lên, chiếc britska vào sân, dừng lại trước một chiếc nhà nhỏ, khó mà nhìn rõ trong bóng đêm, vì ánh đèn từ các cửa sổ chiếu thẳng xuống các vũng nước, chỉ cho thấy có nửa nhà thôi. Mưa rơi như gõ trống xuống mái nhà bằng gỗ, rồi đổ ầm ầm xuống một cái thùng. Trong lúc ấy thì bầy chó tiến hành một cuộc biểu diễu thanh nhạc đón chào tân khách. Một con, đầu ngả ra đằng sau, ra sức chuyển giọng qua đủ các cung bậc đến nỗi người ta tưởng là nó được trả công rất hậu để làm việc ấy; một con xướng âm vội vã {*Tác giả viết: như một người hát kinh, kiểm duyệt bỏ*} giọng nữ cao không biết mệt của một con cún, hòa vào bản hợp xướng những tiếng lục lạc đồng; một con chó già vạm vỡ, - người ta thấy rõ như thế qua cái giọng ồ ồ của nó, - cò cử cái giọng nam trầm và, giữa lúc cuộc hòa nhạc hào hứng nhất, khi những kẻ hát giọng nam cao đang kiễng gót lên để ném ra một nốt và toàn thể các diễn viên đang cao hứng đến tột độ, thì một mình tay hát giọng trầm thấp. gục cái cằm râu cạo chưa nhẵn vào chiếc cà vạt, rồi cúi mình sát đất, phát ra một nốt làm rung chuyển các cửa kính.
Những danh ca tài ba toàn vẹn như vậy cho phép người ta đoán được là ấp này khá lớn; nhưng mà nhân vật của chúng ta, ướt như chuột, rét cóng và run cầm cập, chỉ mãi nghĩ đến việc được đánh một giấc mà thôi. Chiếc britska vừa đỗ, y nhảy phốc lên bậc tam cấp, trượt chân và suýt ngã. Một người đàn bà, giống như người lúc nãy, nhưng trẻ hơn, đón y trên ngưỡng cửa và đưa vào nhà. Tsitsikôp liếc nhìn chung quanh một cách lơ đãng tường dán những giấy sòng sọc đã cũ; những bức họa chim chóc in bằng mộc

bản; một cái đồng hồ treo, mặt vẽ hoa, sơn màu; những cái gương, cổ lỗ, khung gỗ đánh bóng chạm hình lá cây xoắn xít, có giắt một cái thư, một cỗ bài, một chiếc tất… Y chẳng nhìn thấy gì hơn nữa; mắt y nhắm nghiền lại như có dính mật.
Nhưng bà chủ nhà đã bước ra; một người đã có tuổi, đội mũ ngủ, một miếng nỉ quấn quanh cổ; đó là một kiểu bà già, đầu nghiêng nghiêng, lúc nào cũng kêu khổ, mà cứ từ từ nhét đầy những túi vải tréo go, giấu trong các ô của những chiếc tủ ngăn: túi thì đầy những đồng rúp, túi khác những đồng năm mươi kôpek và túi thứ ba những đồng hăm lăm kôpek. Tuy vậy, trông bề ngoài thì cái tủ chỉ đựng có quần áo vải, những áo ngắn đàn bà, những con chỉ, một cái áo choàng sổ đường khâu để chờ lúc thay cho cái áo dài đã rách hay bị cháy ngày hôm trước của buổi lễ nào đó, trong khi rán bánh đa hay thức ăn bọc bột. Nhưng đó chỉ là một việc phòng xa, vị tất đã xảy đến; bà lão này tằn tiện lắm và cái áo choàng sẽ cứ sổ chỉ nằm mãi đấy để sau cùng thì ghi vào chúc thư để truyền lại cho một người chắt gái nào đó gọi là cụ trẻ, cùng với những quần áo cũ khác.
Tsitsikôp xin lỗi vì đến khuya quá và làm phiền gia chủ.
- Không, không, bà lão nói, ông có làm phiền gì đâu! Trời đất như thế này mà Chúa phái ông tới đây! Mưa, gió, sấm sét!… Chắc ông cần phải ăn cái gì cho lại sức; nhưng mà khuya khoắt thế này, thì chẳng thể nấu nướng gì được…
Một tiếng rít kinh khủng ngắt câu chuyện đang nói. Sợ một bầy rắn đang kéo nhau vào, Tsitsikôp ngửng đầu lên, nhưng lại bình tâm lại ngay vì đoán ra là cái đồng hồ đang cố đánh giờ. Một tiếng khò khè tiếp theo tiếng rít; sau cùng trong một sức căng thẳng tột bực, con chim cu thả ra hai tiếng nghe như tiếng gậy đập lên cái chậu vỡ; rồi quả lắc lại tiếp tục những tiếng tích tắc bình thản của nó.
Tsitsikôp cảm ơn bà chủ nhà, nói rằng chỉ xin một chỗ ngủ. Nhưng y cũng hỏi đây là nơi nào; ấp của ông Xôbakiêvits có xa không? Bà lão trả lời là chẳng biết một trang chủ nào tên như thế và chắc rằng chẳng có người nào tên như thế cả.
- Nhưng chắc bà cũng biết ông Manilôp chứ? Tsitsikôp hỏi lại.
- Manilôp à? Ai ấy nhỉ?

- Một trang chủ, bà chủ ạ.
- Không, không tôi không biết; chẳng có trang chủ nào vùng này tên như thế cả.
- Vậy thì trang chủ ở đây là những ai?
- Bôbrốp, Xvinin, Kônôpatiep, Kharpakin, Trêpakin, Pliêsakôp {*Tên Bôbrôp có từ bôbior nghĩa là con hải ly; Xvinin có từ xvinia nghĩa là con lợn; Kônôpatiep có từ kônôpatit nghĩa là bịt các khe, lỗ; Kharpakin có từ kharpiet nghĩa là ngáy; Trêpakin có từ trêpak nghĩa là nhảy; Pliêsakôp co từ pliech nghĩa là hói*}
- Họ có giàu không?
- Ồ, có gì đâu! Người thì hai mươi, kẻ thì ba mươi nông phu, chẳng ai được tới trăm.

Tsitsikôp hiểu ngay là mình đã đi lạc đến một vùng hẻo lánh.

- Đây có xa tỉnh lỵ không ạ?
- Độ sáu mươi verxta. Tiếc là không mời ông ăn khuya được, hay ông uống tạm chén trà vậy?
- Cám ơn bà chị, tôi chỉ cần chỗ ngủ.
- Sau một đoạn đường như thế mà cần ngủ là phải. Nằm đây, ông anh ạ, trên ghế dài này… Fêtinia, mang vải trải giường, đệm gối, ra đây. Lạy Chúa, chao ôi là sét!... Suốt đêm tôi cứ phải thắp một cây nến trước tượng thánh đấy. Ơ này, lưng và sườn ông lão lấm bê bết như lợn ấy. Làm thế nào mà bẩn đến thế?
- May mà chỉ lấm thôi đấy! Nhờ ơn Chúa mới khỏi gãy xương sườn. Lạy thánh trên trời, khiếp quá!
- Vậy ông có muốn xoa lưng không?
- Cám ơn, cám ơn. Bà cứ mặc tôi. Chỉ nhờ chị người nhà hong giùm bộ quần áo.
- Nghe chưa, Fêtinia, bà chủ ra lệnh cho người đàn bà, tay cầm cây nến vừa hiện ra trên ngưỡng cửa, rồi đã đi mang ra một cái đệm và hai tay đập vào đệm làm tung đầy những lông độn ra sàn nhà. – Nghe chưa Fêtinia, cầm cái áo caftan {*Áo dài kiểu Thổ Nhĩ Kỳ*} của ông và quần áo lót, đem hong đi, như thời còn mồ ma ông nhà ấy; và nhớ chải cho sạch bùn.
- Thưa bà, vâng ạ, Fêtinia vừa đáp vừa trải giường và đặt gối.
- Giường xong rồi đấy! Ông anh ngủ ngon giấc, bà chủ nói. Ông

không cần gì chứ? Có cần gãi gan bàn chân cho dễ ngủ không? Mồ ma ông nhà tôi bao giờ cũng bắt gãi thế.
Khách lại từ chối, bà chủ mới đi ra. Tsitsikôp vội vàng cởi áo và đưa quần áo ướt cho Fêtinia. Chị này cũng lại chúc y ngủ ngon rồi mang quần áo đi. Còn lại một mình, y thích thú liếc nhìn cái giường cao nghều nghện gần chạm tới trần nhà: Fêtinia thạo việc đập rũ đệm thật, bắc một cái ghế, y leo lên cái thứ giàn giáo ấy, người y vừa đặt lên thì nó bẹp ngay xuống và làm những lông độn bay ra tứ tung khắp buồng. Y tắt nến nằm quắp mình lại dưới cái chăn may chần hai lớp và ngủ tức khắc.
Sáng hôm sau y dậy khá muộn. Qua kính cửa sổ, mặt trời chiếu một tia nắng thẳng vào mắt y và những con ruồi, hôm qua ngủ trên tường, trên trần, bây giờ tha hồ mà xúm lại tấn công y. Một con bậu vào môi, một con khác vào tai, con thứ ba trên mắt, một con nữa đã dại dột chui liều vào lỗ mũi y làm cho y hắt hơi và tỉnh dậy. Xem xét căn phòng, y thấy là các bức tranh không những chỉ vẽ chim chóc, mà còn có cả một bức chân dung Kutuzôp {*Kutuzôp (1745-1813) danh tướng Nga, lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi của nhân dân và quân đội Nga chống xâm lược của Napôlêông năm 1812*} và một bức sơn dầu truyền thần một ông lão mặc quân phục, hai ống tay áo nẹp màu đỏ như người ta thường mặc thời hoàng đế Paven {*Paven I, Nga hoàng trị vì từ 1796 tới 1801*}. Đồng hồ rít lên đánh mười tiếng; qua cánh cửa hé mở, một cái mặt đàn bà hiện ra rồi vội vàng biến mất đi, để ngủ cho thoải mái, Tsitsikôp đã cởi bỏ hết mọi thứ che thân. Khuôn mặt ấy đối với y hình như không phải xa lạ; cố nhớ lại y nhận ra là mặt bà chủ. Y mặc sơ mi, quần áo bẩn đã hong khô và chải sạch đang sẵn sàng chờ y, Mặc vào, y đến trước một cái gương và lại hắt hơi to đến nỗi một con gà tây, đúng lúc ấy đang đứng gần cái cửa sổ khá thấp, phải liến thoắng nói với y, bằng cái ngôn ngữ lạ lùng của nó, mấy tiếng mà ý nghĩa nó có lẽ là "*chúc ông mạnh!*".
Tsitsikôp mắng nó là đồ ngu rồi ngắm cái cảnh trước mắt. Cửa sổ có lẽ trông ra chuồng gà, hay ít nhất cái sân con ở phía dưới kia cũng đầy gà vịt. Nhung nhúc những gà mái, gà tây mái, một con gà trống đi vênh vang giữa đám mái, vừa đi vừa vẫy mào, vừa

nghiêng đầu như để lắng tai nghe. Một con lợn nái cũng ở đấy với cả gia đình; sục mõm vào một đống rác, nó nuốt tươi một con gà con và chẳng để ý gì, tiếp tục hốc nốt những miếng vỏ dưa hấu. Cuối sân gà vịt là một cái giậu và bên kia giậu là một cái vườn rộng trồng bắp cải, khoai tây, củ cải đường và các thứ rau. Vài cây táo, và cây ăn quả khác mọc tản mát; cành cây có phủ lưới để ngăn cản chim chìa vôi và chim sẻ, bọn này bay từng đàn lớn chéo qua vườn, khi ở bên này, khi ở bên kia. Cũng để nhát chim, người ta đã làm vài thằng bù nhìn, tay chéo hình chữ nhật, đầu một thằng chụp một cái mũ vải mà đàn bà thường đội để làm việc trong nhà. Đằng sau vườn rau là những izba {*Nhà làm toàn bằng gỗ thông, rất thông dụng và điển hình ở Nga*} rải rác khắp nơi. Tuy vậy, Tsitsikôp cũng nhận thấy là nhà cửa đều tươm tất chứng tỏ dân cư sống khá giả: Mái nhà đều lợp mới, không một cánh cửa nào lệch hay trẹo cả và trong các nhà xe đều có một hay hai chiếc Têlêga {*Xe chở hàng bốn bánh*} dự trữ khá mới.

- "A! Ấp này đẹp đấy chứ". Nhân vật của ta tự nhủ như vậy, rồi tức khắc quyết hỏi han thêm bà chủ ấp cho rõ hơn. Lại đến lượt y ló đầu qua cái cửa hé mở và trông thấy bà chủ đang uống trà; y liền đi thẳng đến, vẻ mặt tươi cười nhã nhặn.

- Chào ông anh, ngủ có ngon không? Bà chủ vừa hỏi vừa đứng dậy. Bà ta ăn mặc tươm hơn hôm qua, áo màu sẫm và không đội mũ; nhưng cổ thì vẫn quấn khăn kín mít.

- Tốt lắm, tốt lắm, Tsitsikôp trả lời, vừa nói vừa ngồi vào một chiếc ghế bành. Còn bà thế nào, bà chị?

- Không ngủ được, ông anh ạ.

- Sao vậy?

- Tôi mất ngủ. Đau ở vùng thắt lưng và nhức buốt phía trên mắt cá chân.

- Rồi nó khỏi thôi, bà chị ạ, khỏi thôi. Đừng để ý đến lắm.

- Lạy Chúa! Tôi xoa mỡ lợn và dầu nhựa thông. Ông uống trà với gì nào? Bình rượu quả cây đây này.

- Tốt quá, bà chị ạ.

Tôi nghĩ là bạn đọc cũng nhận thấy rằng tuy bề ngoài có vẻ nhã nhặn đấy, Tsitsikôp vẫn tự ý mình, chẳng ngại ngùng gì và nói

năng tự do hơn nói với Manilôp nhiều. Phải nói rằng ở nước Nga, chúng ta còn thua kém người ngoài về nhiều cái, nhưng đã vượt xa họ trong nghệ thuật dùng các công thức. Không thể nào mà kể hết những tinh vi, tế nhị trong cách nói chuyện của chúng ta được. Người Pháp cũng như người Đức, không bao giờ hiểu được tất cả các đặc điểm, các cách phân biệt ấy; mặc dù trong thâm tâm, họ bò sát đất trước mặt người triệu phú, họ vẫn nói với hắn cùng một giọng như nói với lão bán thuốc lá. Ở nước ta thì không thế. Trước một chúa ấp có hai trăm nông phu, những kẻ gian hùng của chúng ta hát một bài tụng ca khác với bài hát trước một chúa ấp ba trăm nông phu; họ không nói với chúa ấp ba trăm nông phu cùng một giọng như với chúa năm trăm nông phu và lại đổi giọng đối với chúa tám trăm nông phu; lên đến số triệu thì họ lại còn tìm ra nhiều cái tế nhị khác nữa. Giả sử có một công sở, không phải ở đây, tất nhiên, mà ở tận cùng thế giới cơ. Hãy lấy ông trưởng phòng này làm dẫn chứng. Nhìn ông ta ngự giữa những kẻ tùy thuộc: sự khiếp sợ làm chúng ta không dám hé môi, mặt ông ta đầy vẻ cao quý, tự kiêu và còn những gì gì nữa, lạy Chúa! Ông ta có thể đường đường là một Prômêthêux {*Prômêthêux trong thần thoại Hy Lạp là vị thần khổng lồ đã tạo ra loài người và lấy lửa của Chúa Thần Zêux cho họ: vì vậy mà bị Chúa Thần gia hình, nhưng vẫn đường đường bất khuất*}. Vẻ ngoài uy nghiêm biết bao, dáng đi đường bệ biết bao! Thật là một con đại bàng. Nhưng vừa ra khỏi phòng, nách cặp tập giấy để đến văn phòng ông giám đốc, thì đại bàng đã hóa thân thành chim đa đa. Ở nơi xã giao mà những người có mặt thấp kém hơn ông về phẩm hàm thì Prômêthêux vẫn là Prômêthêux. Nhưng nếu có một kẻ có hàm hơn một tí thôi, thì Prômêthêux của chúng ta đã biến hóa một cách thần thông mà đích thị Ôviđiux {*Ôviđiux, thi sĩ Latinh (43tr.CN-16s.CN), tác giả tập thơ Biến hóa*} cũng không bao giờ nghĩ ra được: ông ta hóa thành một con ruồi, nhỏ mọn hơn một con ruồi, thành một hạt cát! "Không phải đó là Ivan Pêtrôvits!" nhìn ông, bạn phải bảo thế. "Ivan Pêtrôvits không bao giờ cười, ông ta dáng người đường bệ, nói năng dõng dạc; còn cái anh tồi tàn này thì chỉ cười nịnh không ngớt mồm và tíu tít như một con chim". Đến gần mà xem, bạn sẽ nhận ra Ivan Pêtrôvits và

bạn sẽ nghĩ: à, à!...
Nhưng thôi, trở về với nhân vật của chúng ta. Chúng ta thấy là Tsitsikôp đã quyết tâm tấn công, không kiểu cách gì nữa; y cầm cái tách rót vào đầy một cốc rượu quả và đột nhiên hỏi ngay:
- Bà ạ, bà có cái ấp xinh quá. Được bao nhiêu nông phu?
- Gần tám chục, bà chủ nói. Nhưng thời buổi khó khăn: năm ngoái gay go lắm; cầu Chúa khỏi phải một năm như thế nữa!
- Nhưng nông phu của bà vẫn có vẻ lắm: nhà cửa chắc chắn… Xin bà cho biết tên. Đêm qua tôi đến muộn quá… lại quên đi mất.
- Họ Kôrôbôtska {*Kôrôbôtska có nghĩa là cái rổ nhỏ chỉ đựng bột vừa đủ làm một cái bánh thôi, cái tên này chỉ rõ tính tằn tiện, chi li, vặt vãnh của bà lão*}, chồng là thư ký bộ {*Chồng nguyên là thư ký bộ, chức quan văn bậc 10 tương đương với thượng úy bên quan võ*}.
- Cám ơn, còn tên thánh và phụ danh? {*Người Nga gọi tên theo cách: tên thánh của mình đặt trước, tên của bố mình đặt sau (gọi là phụ danh), sau cùng là họ*}
- Naxtaxia Phêtrôpna.
- Naxtaxia Phêtrôpna, tên đẹp làm sao! Tôi có một bà dì, em mẹ tôi, cũng tên như vậy.
- Còn ông, ông tên là gì? Bà chủ hỏi. Chắc ông là trợ tá? {*Chức quan văn bậc thứ tám, tương đương với thiếu tá bên quan võ, thường coi việc thu thuế, trưng dụng đồ đạc của dân và làm bối thẩm các tòa án*}
- Không, bà chị ạ, - Tsitsikôp mỉm cười đáp, - tôi không phải là trợ tá, tôi đi có việc riêng.
- À, ông đi buôn! Hoài của, tôi bán mật của tôi rẻ quá cho bọn lái đi buôn lại mất rồi! Giá còn thì chắc ông cũng mua cho tôi.
- Mật à? Không!
- Vậy ông mua gì? Sợi gai, phải không? Tôi chẳng còn bao lăm. Độ ba mươi cân là cùng.
- Không, bà chị ạ, mua một thứ khác cơ. Này, bà có bị chết nhiều nông dân không?
- Ồ, ông anh ạ, mười tám đứa! Bà lão thở dài, mà toàn trai tráng cả, toàn là thợ giỏi! Thật ra thì nó có đẻ thêm. Nhưng đồ tép ấy thì làm

gì? Thế mà ông trợ tá vẫn đến thu thuế đầu người, như là chúng nó còn sống cả. Tuần trước, thằng thợ rèn của tôi lại chết cháy; nó khéo lắm lại biết làm cả thợ khóa!
- Cháy nhà à?
- Lạy Chúa! Thế thì chết! Tự nó thiêu nó ấy chứ, ông anh à. Nó nghiện rượu và ruột gan nó phát hỏa; một ngọn lửa xanh từ mồm nó thè ra và cả người nó bốc cháy, đen thui như than… Nhưng nghề rèn của nó thì giỏi lắm! Bây giờ thì tôi bị buộc chân ở nhà: chẳng còn ai để đóng móng ngựa cho tôi nữa!
- Số phận cả, bà ạ, Tsitsikôp thở dài. Không nên than phiền vì Thượng đế… Này, để chúng nó lại cho tôi đi, Naxtaxia Phêtrôpna ạ.
- Ai hả, ông anh?
- Ai nữa, tất cả những đứa chết ấy.
- Thế nào?
- Thế này nhé… Hay là, bà muốn thì bán cho tôi. Tôi trả tiền.
- Tôi chẳng hiểu ra. Ông muốn đào chúng nó lên à?
Trước sự hiểu lầm như thế, Tsitsikôp nghĩ cần phải nói rõ mấy điều cần thiết. Chỉ ít lời, y cắt nghĩa cho bà lão hiểu là việc chuyển hay bán chỉ có trên giấy tờ và những nông phu ấy đều ghi là còn sống.
- Nhưng ông dùng chúng làm gì? Bà lão hỏi, đôi mắt thao láo.
- Việc ấy mặc tôi.
- Nhưng mà chúng nó chết rồi!
- Có ai bảo chúng nó sống đâu? Chính vì thế mà chúng làm cho bà thiệt: bà phải đóng thuế đầu người cho chúng. Tôi giúp bà không phải tốn kém, lo phiền gì nữa, lại đưa bà thêm mười lăm rúp. Rõ chưa?
- Tôi chẳng biết nói sao cả, bà lão nghĩ một lát rồi nói. Tôi chưa bao giờ bán người chết cả.
- Lạy Chúa! Nếu bà đã bán rồi thì quả là một chuyện lạ. Vậy bà cho rằng nông phu chết còn có thể dùng để làm việc gì nữa à?
- Thật ra thì không. Có thể dùng làm gì được? Đối với tôi, cái khó nghĩ là chúng đã chết rồi.
"Mụ già đần độn thật!" Tsitsikôp tự nhủ.

- Nghĩ mà xem, bà chị này, - Y lại nói to, - bà sạt nghiệp đi để đóng thuế cho đứa chết cũng như đứa sống…
- Ôi, đừng nói với tôi chuyện ấy nữa! Bà già ngắt lời y. Cách đây mười lăm ngày, tôi phải đóng hơn một trăm năm mươi rúp!... Thế mà đã phải đấm mõm cho ông trợ tá rồi đấy…
- Bà thấy chưa! Từ nay về sau bà không cần đấm mõm cho lão ta nữa! Tôi sẽ đóng thuế, chứ bà không đóng nữa; tôi nhận lấy mọi khoản; ta sẽ lập văn tự và tôi chịu cả các phí tổn. Bà hiểu chưa?
Bà lão suy nghĩ. Dù việc có vẻ lợi, nhưng mà mới lạ quá, làm bà ta sợ: người khách hàng này, lạy Chúa, chẳng biết từ đâu đến, giữa lúc đêm khuya, có phải là để đánh lừa bà ta không?
- Nào, bằng lòng chứ? Tsitsikôp hỏi.
- Nói thật, ông ạ, tôi chưa từng bán người chết bao giờ. Người sống thì khác; cách đây hai năm, tôi bán hai đứa con gái cho Prôtôpôpôp {*Gôgôn viết cho cha tổng tư tế (prôtôpôp), người kiểm duyệt xóa; tác giả bèn đổi chữ prôtôpôp thành riêng Prôtôpôpôp*}, mỗi đứa một trăm rúp; lão còn cám ơn tôi mãi. Hai đứa là thợ giỏi: chúng biết dệt cả khăn!
- Thôi để yên cho người sống; cầu Chúa ban phúc lành cho chúng! Tôi đang nói chuyện người chết cơ mà.
- Thật ra mới bán lần đầu tôi sợ thiệt. Ông không đánh lừa tôi chứ? Chúng không đáng giá cao hơn thế chứ?
- À, ra bà lại thế cơ đấy! Chúng còn giá trị gì nữa? Đã ra bụi cả rồi, bà hiểu chưa: ra bụi cả rồi! Này, bất cứ một cái đồ vật gì, một miếng giẻ chùi cũ chẳng hạn, cũng còn có giá trị ít nhiều: có thể đem bán cho người làm giấy. Nhưng cái này thì dùng được việc gì? Có phải không, bà nói tôi nghe nào!
- Chẳng được việc gì đúng thế. Nhưng chỉ có điều làm tôi ngại là chúng đã chết rồi.
"À! Con mẹ rắn đầu thật!", Tsitsikôp tự nhủ và bắt đầu sốt ruột. "Đi mà điều đình với hắn! Cái con mụ già quỷ bắt, làm mình tháo cả mồ hôi".
Y rút mùi soa ra lau cái trán nhớp nháp. Nhưng y mà giận là sai quá, vì biết bao kẻ rất đáng kính, những chính khách, cũng chỉ xử sự y hệt bà Kôrôbôtska mà thôi. Họ mà đã có cái ý định gì thì

không tài nào làm họ nhả ra được! Anh có dồn đủ mọi lý lẽ, rõ ràng như ban ngày đi nữa, họ vẫn chống lại với cái sức ỳ ngoan cố của một bức tường làm bật một quả bóng cao su. Thấm xong mồ hôi trán, Tsitsikôp lại thử nói ngọt với bà lão bằng cách khác.
- Bà chị ạ, y nói, hoặc là bà không muốn hiểu lời tôi nói, hoặc là bà nói với tôi như thế chỉ cốt để tỏ ý gì… Tôi xin đưa bà mười lăm rúp giấy {*Rúp - giấy chỉ đáng giá bằng một phần tư đồng rúp bằng bạc thật thôi*}. Bà hiểu chưa? Số tiền có nhỏ đâu! Có phải cứ ra ngoài đường là nhặt được đâu. Này, tôi hỏi thật, bà bán mật được bao nhiêu nào?
- Mười hai rúp một pút {*Một pút là 16kg380*}.
- Nói dối tội chết đấy mẹ ạ, bà không bán được giá ấy đâu.
- Xin thề danh dự.
- Ừ thì cho là như thế! Nhưng mà đó là mật. Được ngần ấy chắc bà đã phải mất một năm chăm sóc, lo lắng, chạy vạy; bà phải nuôi ong ở dưới hầm suốt một mùa đông. Trái lại, nông phu chết không phải là cái mà ta làm ra được ở thế gian này. Bà có góp phần gì vào đấy đâu: nhờ Chúa mà chúng đã từ giã cuộc đời và làm cho bà thiệt lây. Một đằng thì phải làm, phải chăm mới kiếm được mười hai rúp; một đằng thì hưởng không mười lăm rúp mà lại bằng giấy bạc xanh nữa cơ.
Sau những lý lẽ vững vàng như thế, Tsitsikôp tưởng đã thắng cuộc.
- Thật ra, bà chủ nhà nói, tôi chỉ là một bà góa tội nghiệp, chẳng biết gì mấy cả. Tôi muốn chờ ít lâu, thế nào chả có khách mua hàng tới đây; tôi sẽ so xem giá cả thế nào đã.
- Gớm chửa! Bà lão ơi, nói gì thế! Thử nghĩ xem nào. Ai nó đi sắm người chết về làm gì? Để dùng làm gì cơ chứ?
- Biết được? Để dùng vào việc đồng ánh, có lẽ… bà lão nói nhưng chưa hết câu đã há hốc mồm ra nhìn Tsitsikôp, lo ngại chờ câu trả lời của y.
- À! À! Chắc bà định dùng chúng làm bù nhìn để ban đêm nhát chim sẻ ở ngoài vườn chứ gì?
- Lạy Chúa, cứu giúp con! Ông nói cái gì mà khiếp thế! Bà lão vừa kêu vừa làm dấu thánh.
- Vậy thì bà muốn dùng chúng làm gì nào? Vả lại, xương cốt và

mồ mả, tất cả vẫn là của bà: ta chỉ chuyển quyền sở hữu trong văn tự mà thôi. Thế nào, đồng ý chứ? Nào, nào, trả lời đi chứ!
Bà lão suy nghĩ.
- Bà nghĩ gì thế, Naxtaxia Phêtrôpna?
- Tôi chẳng thể quyết định được; ông mua cho tôi sợi gai thì hơn.
- Sợi gai à! Tôi hỏi thứ khác mà bà lại muốn tống sợi gai cho tôi! Để đấy đã, lần khác ta sẽ nói chuyện. Thế nào, Naxtaxia Phêtrôpna?
- Nói thật, chịu thôi; thứ hàng này lạ quá, tôi không biết bán.
Nghe đến đấy, Tsitsikôp, không nhịn được nữa, vớ lấy một cái ghế, giận dữ nện xuống sàn và rủa cho quỷ sứ tha bà lão đi.
Quỷ sứ làm cho bà ta hoảng hốt.
- Lạy trời, đừng nói đến tên hắn! Bà kêu lên, thất sắc. Hôm kia, tôi nằm mê thấy hắn suốt đêm. Tôi đã có ý định bói bài sau khi cầu kinh buổi tối; có lẽ Chúa phái hắn đến để phạt tôi. Trông hắn khiếp lắm: sừng hắn dài hơn sừng bò mộng!
- Tôi lấy làm lạ rằng sao bà không trông thấy hàng tá những của như thế! Tôi làm việc chỉ vì lòng nhân ái cơ đốc giáo; tôi chỉ nghĩ rằng "đây là một bà lão góa bụa tội nghiệp, làm ăn vất vả và đến chết được!...". Đã thế, bây giờ thì cứ việc mà phèo đi, bà và tất cả cái làng của bà nữa!
- Ồ sao ăn nói thô tục thế! Bà lão vừa nói vừa sợ sệt liếc nhìn Tsitsikôp.
- À! Vậy phải dùng những lời lẽ như thế nào để nói với bà? Xin lỗi bà, bà chẳng khác gì con chó giữ của nằm lên trên đống rạ; mình thì không biết hưởng nhưng chẳng muốn cho ai. Vậy mà tôi lại có ý định mua cho bà các thứ nông sản đấy, vì tôi cùng thầu một số việc mua bán cho Hoàng gia.
Lời nói dối vô hại và không dụng ý ấy lại có kết quả bất ngờ. Những việc mua bán cho Hoàng gia có tác động lớn đối với Naxtaxia Phêtrôpna; với một giọng đã trở thành quỵ lụy, bà ta nói:
- Sao ông lại giận? giá tôi biết ông giận dữ thế, tôi đã chẳng nói trái lại ông.
- Không giận à? Thế mà không giận được à! Tất cả công việc chẳng ra cái quái gì!

- Vậy thì được, tôi để cho ông mười lăm rúp giấy; nhưng, ông lão ạ, khi cần các thứ cung cấp cho Hoàng gia thì nhớ tới tôi: nếu ông cần bột lõa mạch hay bột mì đen, lúa mới xay, thịt gia súc, xin ông đừng quên tôi.
- Đúng thế, bà chị ạ, đúng thế! Vừa nói, y vừa lấy bàn tay quệt mồ hôi chảy thành ba dòng trên mặt.
Y lại hỏi xem bà lão có giao thiệp với ai ngoài tỉnh để ủy quyền cho họ lập văn khế và làm mọi việc cần thiết.
- Có chứ! Bà Kôrôbôtska nói. Tôi có quen con trai Cha Kyrin {*Giáo sĩ đạo Chính thống Nga, không cấm lấy vợ*}, tổng tư tế, anh ta làm thư ký ở phòng lục sự.
Tsitsikôp yêu cầu bà ta cho một tờ ủy quyền và, để khỏi làm phiền bà ta, y tự mình viết hộ.
Còn bà Kôrôbôtska thì nghĩ rằng: - "Nếu hắn mua bột và thịt của mình cho Hoàng gia thì hời biết mấy! Phải nịnh hắn một tí. Tối hôm qua còn bột nhồi; ta xuống bảo Fêtinia làm bánh kẹp và bánh bao nhân trứng nữa; nó làm ngon lắm mà chẳng mất bao nhiêu thì giờ".
Trong lúc bà chủ nhà phúc hậu đi xuống bếp để thực hiện cái dự định ấy và hoàn thành nó với mấy kỳ công về nấu nướng khác nữa, thì Tsitsikôp trở vào phòng khách mà y ngủ đêm trước, để lấy giấy má cần thiết ở cái tráp ra. Gian phòng đã dọn dẹp lại, cái đệm êm ấm đã cất đi, một cái bàn được đặt trước ghế dài. Y để cái tráp lên đấy và nghĩ rằng nên nằm nghỉ một lát, vì từ sơ mi cho đến bít tất, trên người y chẳng có một sợi chỉ nào là khô cả.
- Con mụ phù thủy già nó làm cho mình đến thế này! Nghỉ được một lúc rồi y nói thế; xong mở cái tráp ra.
Tác giả tin chắc rằng có những bạn đọc khá hiếu kỳ, muốn biết cách sắp xếp bên trong của cái vật gia dụng này. Tại sao lại không chiều các bạn ấy cơ chứ? Ở chính giữa là một cái hộp xà phòng; phía sau, năm hay sáu cái túi con đựng cát dùng để thấm mực; ở giữa hai ô ấy là một ngăn dài khác; rồi thì, đủ mọi thứ ô: ô có nắp, ô không nắp, dành cho những đồ vật ngắn hơn: danh thiếp, thiếp báo hỷ, báo tang, vé xem hát gấp lại giữ làm kỷ niệm. Nhấc cả bộ phận ấy lên thì bên dưới là một cái khoang đựng đầy giấy. Ở một

phía thành tráp, còn có một ngăn kéo bí mật để cất tiền; ngăn ấy mở ra và đóng lại nhanh như chớp đến nỗi không ai tài nào mà biết được nó chứa đúng là bao nhiêu tiền.
Tsitsikôp gọt bút {*Bút bằng cọng lông ngỗng, mỗi lúc viết lại gọt*} và bắt đầu vào việc. Giữa lúc ấy thì bà chủ trở vào.
- Ông có cái tráp đẹp quá, ông lão ạ. Chắc là mua ở Mạc-tư-khoa, có phải không.
- Mạc-tư-khoa, Tsitsikôp vừa đáp, vừa tiếp tục viết.
- Tôi nói không sai mà: ở đấy người ta làm gì cũng khéo. Năm kia, chị tôi có mua về những đôi ủng lót lông cho trẻ em; bây giờ vẫn chưa mòn… A, lạy Chúa! Ông có lắm giấy tín chỉ nhỉ! Bà lão nói tiếp sau khi liếc nhìn vào cái tráp có đựng một tập dày giấy tín chỉ thật. Ông để lại cho tôi một tờ; tôi đang thiếu đây; khi làm đơn xin việc gì, không biết lấy gì mà viết.

Tsitsikôp cắt nghĩa cho bà ta là giấy ấy dùng để lập văn tự, chứ để viết đơn thì không cần gì đến nó cả; nhưng để cho bà ta yên tâm, y cũng cho một tờ có đóng tem một rúp. Viết xong tờ ủy quyền, y đưa bà ta ký và đòi danh sách những người chết. Bà ta không có và cũng không hề có sổ sách ghi chép gì cả, nhưng thuộc lòng hết các tên. Y bảo bà ta đọc cho chép. Nhiều tên làm y ngạc nhiên, nhiều tên phụ để đùa hay nhạo lại càng làm y ngạc nhiên hơn nữa; mỗi khi ghi những tên ấy, y không khỏi ngập ngừng. Một kẻ tên là Piôtr Xavêliep *Chẳng kiêng nể gì ai* làm cho y sửng sốt hết sức.
- Thế này thì biết bao giờ mới hết! Y không khỏi kêu lên như vậy.
Một kẻ biệt hiệu là *Gạch cho bò cái*, kẻ khác thì tên gọn thỏn lỏn là Ivan *Bánh xe* {*Tiếng Nga là Kôlexô Ivan*}. Chép xong những lời thần chú của phù thủy ấy thì y thở hít vào nhiều lần và nhận ra cái mùi quyến rũ của bơ rán.
- Mời ông vui lòng ăn bữa sáng, có được không? Bà chủ nói.
Tsitsikôp quay lại và thấy trên bàn một bữa ăn lót dạ rất thịnh soạn: nấm, bánh rán giòn, trứng lập là, thức ăn tẩm bột, bánh kẹp, bánh kem và đủ thứ bánh ngọt hấp: bánh nhân hành, nhân hạt anh túc, nhân pho mát trắng, nhân cá đối.

- Bánh bao nhân trứng đấy! Bà chủ giới thiệu.
Tsitsikôp đến cạnh cái bánh bao, và sau khi đã nuốt hết một nửa to tướng, mới thèm hạ cố cho là bánh hợp với khẩu vị của mình. Thật ra thì cái bánh bao, tự nó đã ngon rồi, nhưng lại càng ngon hơn nữa, sau bao nhiêu bực bội.
- Thế còn bánh kẹp? Bà lão hỏi.
Tsitsikôp chẳng nói năng gì, cuốn ba chiếc bánh kẹp làm một, rưới ba nước lên cẩn thận và ngốn, rồi chùi tay và mồm. Sau khi thao diễn ba lần như thế, y nhờ bà chủ bảo thắng xe. Naxtaxia Phêtrôpna liền truyền lệnh ngay lại cho Fêtinia, vừa truyền vừa bảo đem thêm bánh kẹp nóng lên.
- Bánh kẹp của bà tuyệt thật, bà ạ, Tsitsikôp vừa tuyên bố vừa lao vào đĩa bánh mới.
- Vâng, chúng tôi làm cũng khá; chỉ không may là năm nay bột không được như mọi năm… Nhưng ông có việc gì mà vội, ông anh à? thấy Tsitsikôp tay cầm mũ lưỡi trai, bà ta nói thêm, - Xe chưa thắng xong đâu.
- Xong ngay đây, bà chị ạ. Thằng xà ích của tôi nó không đủng đỉnh đâu.
- Vậy, khi đi mua hàng ông không quên tôi chứ?
Tsitsikôp đã ra đến phòng đợi, liền đáp: - Dĩ nhiên, dĩ nhiên.
Bà chủ nhà đi theo, lại hỏi gạn: - Thế còn mỡ lợn ông có lấy không?
- Sao lại không? Nhưng rồi hãy hay.
- Đến kỳ Giáng sinh thì tôi có.
- Đồng ý. Tôi sẽ mua cho bà tất, mỡ lợn nữa, cùng một dịp ấy cả.
- Chắc ông cũng cần lông gà, lông vịt chứ? Đến tuần Chay {*Những ngày trước lễ Giáng sinh*} thì tôi cũng có.
- Tốt, tốt.
- Ông thấy chưa, ông lão ạ, xe đã ra đâu; bà chủ nói khi ra đến tam cấp lớn.
- Nó sắp ra đấy. Trong khi chờ, bà bảo giùm tôi ra đường cái quan thì đi theo lối nào đây.
- Bảo thế nào được, rẽ nhiều lắm. Tốt hơn là cho một con bé đi theo nó chỉ cho; ghế xà ích còn một chỗ ngồi đấy chứ?

- Có chứ!
- Vậy tôi cho một con bé biết đường đi theo ông. Nhưng đừng bắt cóc của tôi đi đấy! Bọn lái buôn đã bắt mất của tôi một đứa.
Về mặt ấy Tsitsikôp khuyên bà Kôrôbôtska cứ yên tâm. Bà ta liền đưa mắt xem xét cái sân. Bà ta nhìn người đày tớ gái đang cầm một bát mật từ kho thực phẩm đi ra, rồi quay lại nhìn một nông dân vừa bước vào cổng, rồi dần dần những cái vặt vãnh của việc nhà, việc cửa thu hút hết sự chú ý của bà ta.
Nhưng việc gì mà phải nói dông dài mãi về một Kôrôbôtska như vậy? Bà Kôrôbôtska, bà Manilôva, việc nội trợ, việc vặt vãnh, - thôi bỏ qua đi! Đó chẳng phải là cái gì lạ lùng trên thế gian này. Cứ nhìn lâu thì những cảnh vui cũng thành ra cảnh buồn, và bấy giờ chỉ có Chúa mới biết được những chuyện hão huyền gì hiện lên trong đầu óc ta. Có lẽ bạn sẽ nói: - Này, nhưng mà, cái mụ Kôrôbôtska ấy lại ở một địa vị thấp kém đến thế trên các bậc thang xã hội kia à? Một cái hố sâu đến thế, ngăn mụ ta với người em mụ, đang ngự ở chốn thâm nghiêm sau những bức tường của một tòa nhà quý tộc có thang gác bằng sắt rèn lộng lẫy, giữa những đồ đồng, đồ gỗ đào hoa, những đệm, thảm? Vị phu nhân cao quý ngáp ngắn, ngáp dài trước một quyển sách đọc dở, trong khi chờ một người khách thượng lưu; với người ấy, bà có thể tha hồ trổ hết tài trí và phát biểu những ý kiến đã được đúc sẵn. Mà những ý kiến rất đúng thời thượng từ tám hôm nay ấy không liên quan gì cả đến công việc làm ăn của bà, đã khá nguy ngập vì tình trạng không hiểu biết gì hết về thực tế, mà lại liên quan đến vụ đảo chính đang được mong xảy ra ở nước Pháp hay những xu hướng mới nhất của đạo Gia tô trong giới xã giao! Nhưng thôi, hãy bỏ qua, bỏ qua đi! Nói đến những điều ấy làm gì?... Và tại sao trong những phút vui vẻ tư lự, ta lại cảm thấy cái buồn len lén vào lòng ta? Cái cười ngừng lại trên môi ta, mặt ta sầm lại và tức khắc chúng ta khác hẳn những người chung quanh ta…
- A! Xe đây rồi, xe đây rồi! Tsitsikôp kêu lên khi thấy xe đến. Quỷ sứ, mày chui vào tận những đâu, đồ đểu? thế nào? chưa tọng rượu vào cho say à?
Xêlifan chẳng trả lời thế nào cả.

- Thôi, chào bà chị! Còn con bé đâu?
- Này, Pêlagêia! Bà chủ nhà gọi một đứa bé gái độ mười một tuổi, đứng cạnh tam cấp lớn, diện một cái áo vải to và phô đôi chân trần trát đầy bùn ướt, nom xa tưởng như đi ủng. Pêlagêia, đi chỉ đường cho ông đây.
Xêlifan giúp con bé leo lên xe. Nó đặt một chân lên bậc xe, dây bùn be bét, rồi leo lên ghế, ngồi cạnh xà ích. Tsitsikôp bước lên làm nghiêng hẳn chiếc xe về phía bên phải, vì bụng y cũng đã phệ; y ngồi chỉnh chiện trong xe rồi nói.
- Xong rồi, chào bà chị.
Mấy con ngựa bắt đầu phóng.
Dọc đường, Xêlifan ương lắm, nhưng rất chú ý đến công việc; đó là cái thói quen của hắn sau những khi đã làm bậy và say sưa. Mấy con ngựa đã được chải rất sạch. Một cái đai thắng, từ trước đến nay vẫn tả tơi, da ngoài bong ra để lộ cái cốt bên trong, đã được chữa lại rất khéo. Lần này thì Xêlifan chỉ vụt cây roi, không khiển trách gì mấy con ngựa; tuy vậy con Vằn vẫn sẵn sàng lắng tai nghe những lời lẽ như thế, vì những lúc ấy, dây cương lỏng lẻo trong tay người xà ích hùng biện và cây roi chỉ vuốt ve cái mông nó một cách chiếu lệ mà thôi. Lần này, đôi môi rầu rĩ chỉ thốt ra những câu than đơn điệu: "- thong thả, thong thả, tao sẽ bảo cho mà xỏ lá!". Chính con Hồng bờm đen và con Trợ tá cũng không bằng lòng vì chẳng được nghe những lời thường lệ: "- các em yêu dấu của ta! Các của quý của ta!". Con Vằn thì cảm thấy bị ngoạm rất khó chịu vào những bộ phận phốp pháp của nó. Nó vừa co đôi tai vừa tự nhủ thầm: "ấy, chẳng biết hôm nay nó làm sao? Nó chọn toàn những chỗ hiểm, quân súc sinh! Nó không đánh trên lưng mà chỉ nện vào hai tai hay vụt vào bụng dưới mình!"
- Bên phải à? Xêlifan hỏi con bé mấy tiếng cụt ngủn, vừa hỏi vừa lấy cái roi chỉ con đường đã đen sạm vì mưa, chạy tít giữa những đồng cỏ màu lục rực rỡ.
- Không, không, để tôi chỉ cho, con bé đáp.
Khi đến chỗ rẽ Xêlifan lại hỏi: - Lối nào hả?
- Lối này! Con bé trả lời và dang tay ra chỉ.
- Vậy, chẳng bên phải là gì! Xêlifan cầu nhầu. Đồ ngốc con; tay

phải, tay trái cũng không biết phân biệt!
Mặc dù hôm ấy đẹp trời, nhưng đường toàn là đất sét và rất dính nên lầy lội đến nỗi bùn bết vào bánh xe một lớp dày, làm cho cái xe nặng thêm nhiều. Vì vậy, các nhà lữ hành của chúng ta không thể ra khỏi đường làng trước khi đứng bóng. Không có con bé thì họ chẳng bao giờ lần ra được, vì các lối đi cứ tỏa ra khắp mọi hướng như những con tôm càng xổng ra khỏi một cái bị; nhiều lần Xêlifan lại suýt lạc nữa, nhưng bấy giờ thì không phải lỗi tại hắn. Sau cùng, con bé, trỏ một cái nhà lớn đằng xa, kêu lên:
- Đường cái đây rồi!
- Còn cái nhà kia là nhà gì? Xêlifan hỏi.
- Quán rượu, con bé đáp.
- Thôi được, cút đi! Bây giờ thì chúng tao có thể tìm ra lối rồi.
Hắn kìm ngựa lại và đỡ con bé bước xuống, mồm lẩm bẩm: - Ê, đồ dơ dáy!
Tsitsikôp cho con bé một đồng tiền. Nó chạy về làng, loắt choắt như con chuột nhắt, và sung sướng vì đã được ngồi vênh vang trên xe ngựa.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 4

Đến trước quán hàng, Tsitsikôp ra lệnh dừng lại vì hai lý do: ngựa cần nghỉ và chính y muốn ăn cho lại sức. Tác giả phải thú thật là rất thèm cái miệng thích ăn và dạ dày dễ tiêu của những người như thế. Tác giả không hề bận lòng vì những đại nhân vật ở Pêterbua hay Mạc-tư-khoa, suốt ngày bố trí cái thực đơn cho ngày mai hay ngày kia để rồi chỉ có thể nhấm nháp được nó sau khi đã uống một viên thuốc, những nhân vật nuốt sò, cua và các đồ quái quỷ khác vào rồi phải đi chữa bệnh bằng nước suối ở Karlxbad hay Kapkaz {*Karlxbad, tên gọi bằng tiếng Đức của thành phố Karlôvy Vary ngày nay ở Tiệp Khắc, nổi tiếng vì suối nước nóng để chữa bệnh.*

Kapkaz là miền núi nước Nga, ở giữa Hắc Hải và biển Kaxpiixkoê, cũng có nhiều suối nước nóng}. Không, các vị ấy không bao giờ làm cho tác giả thèm muốn. Nhưng những nhà quý tộc hạng trung, đến trạm thứ nhất bắt dọn jăm bông, trạm thứ hai một con lợn sữa, trạm thứ ba một lát cá chiên hay là dồi nấu tỏi, để rồi bất cứ lúc nào cũng có thể ngồi vào bàn như chưa hề ăn uống gì cả, ngốn luôn, với một vẻ ngon miệng ồn ào và dễ lây sang người khác, một món xúp cá chiên, cá sộp và tinh cá đực, kèm theo một khuôn bánh hấp hay patê cá nheo; các vị ấy mới được số phận ưu đãi và mới thật đáng thèm thuồng! Không ít những đại nhân vật, muốn hy sinh không ngần ngại một nửa số nông dân, một nửa số ruộng đất, bán rẻ hay không, với tất cả mọi sự cải thiện theo kiểu Nga hay kiểu nước ngoài để có được cái dạ dày của vị quý tộc bậc trung. Nhưng không may là chẳng có một thứ vốn liếng nào, đất đai nào, - dù có cải thiện hay không, - cho người ta có thể mua như vậy được.
Quán ăn, một cái nhà dựng bằng những thân gỗ tròn đã đen sạm, đón Tsitsikôp dưới mái hiên hẹp mà hiếu khách, chống đỡ bằng những cột nhỏ chạm xoắn, nom như những cái giá cắm nến cổ ở nhà thờ. Đây là một nhà gỗ kiểu Nga thông thường, nhưng rộng lớn. Quanh các cửa sổ và dưới mái nhà, những hiên bụng rắn bằng gỗ trắng chạm, nổi bật trên màu đen của các bức tường, những chậu hoa trang hoàng cho những tấm cửa mặt hàng thêm rực rỡ. Tsitsikôp leo lên thang gác hẹp; đến một bậc bằng rộng đầu thang, trước cánh cửa mở kêu kèn kẹt, y chạm trán một bà lão to béo, mặc áo vải chúc bâu màu lòe loẹt.
- Phía này, mời ông! Bà lão nói.
Trong gian phòng, cách trang trí cũng như thường thấy ở các quán trọ rẻ tiền dọc các đường lớn: một cái xamôva khói lên nghi ngút; tường gỗ thông bào nhẵn; một cái tủ bát đĩa kê ở góc, đựng ấm chén; những quả trứng bằng sứ men vàng treo bằng những dải xanh, đỏ trước ảnh thánh, một con mèo cái và đàn con mới đẻ; một cái gương mà ai soi vào thì phản chiếu không phải hai mắt mà những bốn mắt, không phải cái mặt mà là cái bánh đa; cuối cùng là những túm cẩm chướng và cỏ thơm trồng sau ảnh thánh, đã khô héo đến nỗi ngửi vào là không thể không hắt hơi được.

- Có lợn sữa không nhỉ? Tsitsikôp hỏi bà lão đang đứng như trời trồng sau lưng y.
- Có.
- Ăn với đại căn {*Một thứ củ cải to, có tác dụng chống bệnh hoại huyết và kích thích sự dinh dưỡng*} và kem chứ?
- Đại căn và kem.
- Đưa xem nào.
Bà lão đi lục soạn rồi mang ra một cái đĩa, một cái khăn ăn, hồ cứng đến nỗi nó đứng sừng sững như một cái vỏ cây khô, một con dao bé tí tẹo cán bằng xương đã ngả màu vàng, một cái dĩa hai răng; một cái bình đựng muối đã khập khiễng.
Theo thói quen của y, Tsitsikôp bắt chuyện ngay và hỏi bà chủ quán hết câu này đến câu khác. Bà ta là chủ nhà hay chỉ thuê lại quán này? lời lãi thế nào? các con trai bà ta có ở với bà không? con trai cả đã lấy vợ chưa? hồi môn của vợ anh ta có khá không? bố vợ có hài lòng không? có giận vì đồ lễ cưới ít không? Nói tóm lại y chẳng bỏ qua gì hết. Dĩ nhiên, y hỏi về các trang chủ quanh vùng và được biết họ tên là Blôkhin, Pôtsitaliep, Muinnôi, đại tá Tsêkrakôp, Xôbakiêvits {*Blôkhin có từ Blokha là con bọ chét. Pôtsitaliep có từ potsitat là tôn kính. Muinnôi có từ muilô là xà phòng. Tsêkrakôp có từ tsêprak là vải phủ mông ngựa và Xôbakiêvits có từ xôbaka là chó*}.
- A! Có biết Xôbakiêvits đấy à? Y vừa hỏi thì tức khắc được nghe bà lão kể là không những biết Xôbakiêvits mà cả Manilôp nữa và Manilôp lịch thự {*Bà lão nói ngọng*} hơn Xôbakiêvits nhiều; đến quán là ông ta gọi ngay một con gà, thịt bò non, gan cừu, nếu có, tóm lại là nếm đủ các món, còn Xôbakiêvits thì bao giờ cũng chỉ gọi độc một món, tiền chi trả như mọi người mà cứ đòi thêm cho nhiều.
Y vừa chuyện trò như thế, vừa thanh toán gọn món lợn sữa; bỗng tiếng một chiếc xe đi tới làm cho y phải bước tới cửa sổ nhìn xuống. Một chiếc britska nhẹ thắng ba ngựa, đỗ lại trước tam cấp. Hai người đàn ông bước xuống; một người cao lớn, tóc vàng, mặc áo nhà binh có nẹp màu xanh sẫm; một người tầm thước, tóc đen, mặc áo caftan sòng sọc thường. Đằng xa có một cái xe ngựa khổ đi

không, thắng bốn con ngựa gầy, lông lá lù xù, đai, cương bằng dây thừng, xộc xệch. Người tóc vàng leo ngay lên thang gác, trong khi người tóc đen sờ nắn một cái gì để trong xe, vừa sờ vừa nói chuyện với người đày tớ, vừa ra hiệu cho xà ích chiếc xe sau. Hình như Tsitsikôp nhận ra tiếng hắn. Trong khi Tsitsikôp đang nhìn hắn thì người tóc vàng đã tìm được cửa mở ra, người ấy vóc cao lớn, mặt khô gày hay đúng ra là tàn tạ; ria mép đỏ hoe và nước da đen rám chứng tỏ là ông ta đã quen với khói thuốc lá, nếu không phải là khói thuốc súng. Ông ta lễ phép cúi chào, và Tsitsikôp vội vàng đáp lễ. Cả hai đều cùng chúc mừng nhau là đã gặp may vì mưa làm cho đường hết bụi và trời mát như thế mà đường trường thì thật dễ chịu. Cái không khí lạnh lùng đã tan: đáng lẽ họ còn làm quen nhau nhiều hơn nữa thì vừa đúng lúc ấy người tóc đen bước vào. Ném cái mũ lưỡi trai xuống đất, hắn lấy tay vò cho mái tóc đen rậm xù lên. Người hắn tầm thước nhưng khỏe mạnh, chắc chắn; đôi má hồng hào, răng trắng như hoa huệ, tươi như hoa hồng, biểu lộ một sức khỏe dồi dào.

Trông thấy Tsitsikôp hắn liền giơ tay lên trời và reo:

- Ái chà! May mắn biết bao!

Tsitsikôp nhận ra Nôzđriôp, cái anh quý tộc nhà quê đã cùng ăn với y ở dinh tỉnh trưởng và gặp y là cậu cậu, tớ tớ tức khắc, dù là về phần y không hề có một chút gì có thể là cái cớ để cho người ta thân mật, sỗ sàng đến như thế được.

- Cậu ở đâu đến thế? Nôzđriôp hỏi và không chờ câu trả lời, đã nói tiếp: - Còn tớ, cậu ạ, ở chợ phiên về; ở đấy, tớ thua một canh bạc liểng xiểng. Cậu mừng cho tớ đi, chưa bao giờ mà tớ lại để cho chúng nó vặt hết lông như thế! Tớ phải thuê mấy con ngựa của bọn nhà quê mà về. Nhìn qua cửa sổ kìa. - Hắn liền tự tay nghiêng cái đầu Tsitsikôp xuống và bất ngờ đến nỗi đầu y suýt cộp vào khung cửa sổ. - Cậu xem, ngựa khổ đến thế đấy! Cố lắm mới lê được tới đây, quân chết tiệt! Tớ phải đi nhờ xe lão kia. - Hắn chỉ người bạn đường. - Cậu không quen lão ta à? Anh rể tớ: Mijuiep. Chúng tớ nói chuyện cậu suốt cả buổi sáng. – "Anh xem, tớ bảo lão, thế nào mình cũng gặp Tsitsikôp!"… A! người anh em ạ! thật là một vố liểng xiểng! Tớ bị súc sạch, bị vét đến đáy: bốn con ngựa và tất cả

mọi thứ trên người, cả đồng hồ lẫn dây đeo. Chỉ một cái liếc, Tsitsikôp cũng đủ tin là Nôzđriôp chẳng còn cả đồng hồ lẫn dây đeo; một bên râu má của hắn hình như cũng thưa hơn bên kia. - Nếu lúc ấy tớ chỉ có hai mươi rúp trong túi, ừ hai mươi rúp thôi không cần hơn, thì tớ đã gỡ lại tất cả và, nói thật, người lớn với nhau, tớ còn nhét thêm vào ví ba vạn rúp nữa!
Người tóc vàng ngắt lời hắn và nói: - Khi chú vay tôi năm mươi rúp, chú cũng nói cái giọng ấy, rồi chú liền nướng sạch ngay.
- Vì mình ngốc, đi hỏng mất một nước. Giá sau khi được và đặt gấp đôi lên mà mình không gấp cái quân bảy chết tiệt ấy thì mình đã vét sạch túi nhà cái.
- Nhưng chú có vét được túi nhà cái đâu, người tóc vàng nói lại.
- Không, tại vì tôi gấp quân bài không đúng lúc. – Anh cho rằng lão thiếu tá của anh đánh giỏi lắm à?
- Giỏi hay không, nó cũng đã làm cho chú sạt nghiệp.
- To chuyện thật! Nôzđriôp cãi lại. Tôi ấy à, tôi cũng xơi được hắn thừa đi. Hắn cứ thử lần thứ hai xem, ta sẽ thấy ngay tài đổ bác của hắn thế nào! Nhưng mà, cậu Tsitsikôp ạ, mấy ngày đầu, chúng tớ ăn chơi tuyệt lắm! Phải nói rằng phiên chợ cừ thật; chính bọn lái cũng nhận rằng chưa bao giờ thấy một phiên đông như thế. Tất cả mọi thứ đem từ nhà đi, tới đều bán được giá. À! ông anh ơi! Thật là chơi ra trò! Bây giờ, chỉ nghĩ đến thôi… Quỷ bắt tôi đi!... Cậu không đến đấy thật tiếc quá đi mất. Thử tưởng tượng là cách thành phố ba verxta có một trung đoàn long kỵ {*Long kỵ là một hạng kỵ binh chiến đấu, đội mũ đầu rồng*} đồn trú. Và tất cả sĩ quan, cậu có biết không, - khoảng bốn chục, cậu ạ, - đến chơi với tớ. Trong bọn có một thằng cha nhộn hết sức: đại úy Pôtxeluiep {*Pôtxeluiep có từ pôtxelui nghĩa là hôn*}: râu mép dài thế này này, cậu ạ! Cậu có biết nó gọi rượu Boocđô {*Vang đỏ nổi tiếng của vùng chung quanh thành phố Boocđô, miền tây nước Pháp*} là gì không? Là nước bã nho! Nó gọi "Này! Anh hầu bàn, đem nước bã nho đây!". Còn trung úy Kupsinnikôp {*Kupsinnikôp có từ kupsin nghĩa là cái hũ đựng rượu*} nữa, cái cậu dễ thương quá! Một tay ăn chơi đủ vành! Chúng tớ không rời nhau nửa bước… Rượu thằng cha Pônômariôp {*Pônômariôp có từ pônôma nghĩa là ông trợ tế*} bán cho chúng tớ

mới thật tuyệt! Phải cho cậu biết rằng nó là một thằng xỏ lá, và thường chẳng ai mua được gì trong hiệu nó đâu. Rượu thì nó pha đủ mọi thứ thuốc nhuộm vào, - gỗ đàn hương, nút chai đốt cháy, - nó nhuộm bằng hương mộc nữa cơ; nhưng nó mà chịu lấy từ nhà sau, - từ phong giấy riêng, như nó vẫn gọi, - ra một chai rượu lâu năm, thì cậu ạ nốc vào cứ tưởng như là được lên thiên đường. Nó đem ra cho chúng tớ một thứ sâm banh như vậy đấy; so với món ấy thì sâm banh trên tỉnh ra quái gì, chỉ là kvax, mà thôi! một thứ sâm banh không phải Clicô mà *Clicô matradura* {*Matradura là một điệu múa cổ. Clicô là tên một thứ rượu vang. Nôzđriôp nói huyên thuyên, đem râu ông nọ cắm cằm bà kia hay cố dùng sai nghĩa các từ mà hắn dùng*}, có kẻ gọi là Clicô đôi, cậu biết không? Rồi lại một chai vang Pháp, nhãn hiệu *Bonbon* nữa. Cái hương của nó tuyệt lắm cậu ạ! Thơm mùi mộc tê và tất cả mùi gì mà cậu muốn. À! Chơi ra trò!... Một công tước đến sau bọn tớ, sai người đi kiếm sâm banh… Chẳng còn lấy được một chai: bọn sĩ quan đã nốc sạch! Cậu có biết không, trong bữa ăn chiều, một mình tớ tu hết mười bảy chai đấy nhé!

- Mười bảy à! Chú uống thế nào hết được, người tóc vàng nói.
- Thề danh dự! Nôzđriôp cãi.
- Chú thề gì thì thề, tôi thách chú uống hết được mười chai đấy.
- Cuộc gì nào?
- Việc gì phải cuộc?
- Nào, cuộc cái súng mới mua trên tỉnh kia đi!
- Tôi không cuộc.
- Cuộc đi chứ!
- Không bao giờ!
- Khôn đấy, vì chắc chắn là cuộc thì anh mất súng, như đã mất mũ kia kìa… Này, Tsitsikôp, cậu không ở trong bọn tớ, tớ tiếc quá! Tớ chắc là Kupsinnikôp với cậu sẽ chẳng rời nhau ra được: cậu với hắn sẽ ăn cánh vô cùng. Hắn khác hẳn thằng cha chưởng lý và tất cả cái bọn keo kiệt trên tỉnh đi đếm từng đồng kôpek. Cậu thích cái gì hắn cũng tiếp: bancô, pharaôn {*Tên các lối đánh bài*} v.v… Này, Tsitsikôp, mất gì mà cậu không đến? Thế thì cậu chỉ là một thằng tráo trở mà thôi. Hôn mình đi, quả tim của tớ ơi; tớ mê cậu

đến điên lên được. – Này, xem đây, Mijuiep, số phận đã đoàn tụ chúng tớ lại. Cậu ấy là gì tớ, tớ là gì cậu ấy? Cậu ấy ở đâu đến, có Chúa họa mới biết; còn tớ thì ở đây… À! Người anh em ạ, biết bao nhiêu là áo quần, xe ngựa!... Và cái gì cũng xài lớn cả đấy nhé… Tớ quay xổ số, trúng hai lọ pommat, một cái tách sứ, một cây ghi ta; nhưng đến vòng thứ hai thì mất sạch… lại còn hao thêm sáu rúp là khác… A! Giá cậu biết thằng cha Kupsinnikôp ấy vui nhộn đến thế nào! Gần như là vũ hội nào, tớ cũng đi với hắn. Có một bà lên khung đại lễ phục, nào là áo tổ ong, nào là vải quấn khắp người. Chúa biết là còn gì gì nữa!... Tớ thì tớ nghĩ thầm: "Quỷ bắt tao đi!". Nhưng mà cái thằng súc sinh Kupsinnikôp ấy lại ngồi cạnh nàng và tuôn ra một tràng những lời ca tụng bằng tiếng Pháp… Cậu tin lời mình nhé, cả đến bọn đàn bà dân dã hắn cũng chẳng chê, hắn gọi cái trò ấy là "*đi xơi dâu*" {*Đây là một thứ quả tương tự ta thường gọi là dâu tây. Lối nói lóng này từ khi "Những linh hồn chết" ra đời đã thành ra phổ biến trong ngôn ngữ Nga*}. À, đủ các thứ cá, các thứ balyk {*Lưng cá chiên phơi khô, món nhắm mà người Nga rất thích*}. Toàn là của tuyệt trần! Tớ mang về một con; may mà tớ nghĩ ra việc mua nó trước khi sạch túi!... Nhưng mà, cậu đi đâu đấy?

- Đến nhà người quen, Tsitsikôp nói.
- Kệ xác người quen ấy đi. Đến làm gì? Đến nhà tớ đi!
- Không, không thể được, người ta chờ tôi có việc.
- Có việc à! Chỉ bịa thôi! Ôpôđenđôk Ivannôvits! {*Ôpôđenđôp là một môn thuốc cổ truyền ở Nga, một lần nữa Nôzđriôp lại ghép chữ bừa bãi để dùng, không có nghĩa lý gì hết*}
- Thật đấy, có việc, mà lại là việc khẩn nữa.
- Cậu nói dối, tớ cuộc đấy! Vậy cậu đến nhà ai nào?
- Đến Xôbakiêvits.

Nghe đến đấy, Nôzđriôp bật ra một tràng cười dữ dội, chỉ những kẻ trai tráng mới có thể cười được như thế, vừa cười vừa rung đôi má, vừa để lộ tất cả hai hàm răng trắng như đường kính, làm cho hàng xóm đang ngủ ở cách hai buồng cũng phải giật bắn mình dậy, mở mắt tròn xoe mà kêu lên: "Ái chà! Chẳng biết cái thằng cha có việc gì thế!"

- Có gì là đáng cười? Tsitsikôp nói với vẻ khá phật ý vì cái cười của Nôzđriôp.
Nhưng Nôzđriôp vẫn tiếp tục cười, vừa cười vừa nói:
- Xin cậu, xin cậu, tớ sẽ chết vì cười!
- Chẳng có gì là buồn cười cả; tôi có hẹn ông ta đến thăm, Tsitsikôp nói tiếp.
- Nhưng đến nhà cái thằng keo kiệt ấy là cậu quên hết cái lạc thú sống trên đời! Tớ biết tính cậu…; nếu cậu cho là ở đấy có sòng bạc ăn to và rượu ngon thì cậu lầm to. Thôi, anh bạn ạ, phó mặc Xôbakiêvits cho quỷ sứ! Đến tớ đi. Cậu sẽ được nếm món balyk. Thằng đểu cáng Pônômariôp ấy đã vái ngắn, vái dài, bảo đảm với tớ là "- Cháu để dành riêng cho ông; ông có lùng khắp phiên chợ cũng chẳng tìm được một miếng như thế đâu". Nhưng thằng ấy là một thằng xỏ lá hạng nặng. Tớ nói toạc vào mặt nó: "- Này lão trưng thuế rượu và nhà ngươi, là hai thằng bợm nổi tiếng mà tớ biết được". Nó chỉ cười, cái thằng vô lại, vừa cười vừa vuốt vuốt bộ râu. Kupsinnikôp và tớ ngày nào cũng ăn ở nhà nó… À, tớ quên, tớ phải cho cậu xem cái này; nhưng tớ bảo trước cho cậu biết là mười nghìn rúp tớ cũng chẳng để lại đâu nhé. Này Porfiri, - hắn từ cửa sổ gọi xuống. Porfiri là tên đày tớ của hắn, đang một tay cầm con dao và tay kia một miếng balyk mà nó vừa lục lạo trong xe và xoáy được – Này! Porfiri! Mang con vật lên đây!... Cậu sẽ thấy con chó xinh quá đi thôi, Nôzđriôp quay về phía Tsitsikôp và nói tiếp. Tớ không mua nó đâu nhé, mà tớ xoáy đấy; chủ nó nhất định không chịu nhả ra, dù đổi cái gì ở trên đời cũng vậy. Tớ phải xin đổi đến cả con ngựa hồng cái mà cậu còn nhớ đấy chứ, tớ đã đổi cho Khvôxtưriôp ấy mà… - Tsitsikôp không biết tí gì về Khvôxtưriôp cũng như về con ngựa hồng cái cả.
- Ông không cần gì à? Bà lão chủ quán vừa đến gần vừa lên tiếng.
- Không cần gì cả… À! Chúng tớ đã tự thết rồi, cậu ạ!... Hay là có. Tôi uống một cốc vậy. Già có rượu gì nào?
- Hồi hương
- Được rồi.
- Cho tôi một cốc nhân thể, người tóc vàng nói.
- Ở nhà hát, một nữ diễn viên hát tuyệt lắm như một con chim sẻ

vàng! Kupsinnikôp ngồi cạnh tớ, nói: "- Này! Bây giờ là lúc đi xơi dâu đây!... ". Hình như có tới hơn năm mươi cái quán… Fênarđi vênh vang đi lại bốn giờ liền.
Đến đây, Nôzđriôp hạ cố cầm lấy cốc rượu con từ tay bà già, bà này liền cúi gập người lại mà cám ơn.
- A, a, đem đây, để nó xuống đây! Hắn kêu lên khi Porfiri mang con chó vào.
Cũng như chủ, tên đày tớ diện một cái caftan lót bông, nhưng bẩn hơn. Nó đặt con vật xuống. Con chó duỗi chân, vừa thè lưỡi liếm đất.
- Con cún đấy! Nôzđriôp vừa nói vừa nắm da cổ con chó kéo lên, con vật rên một tiếng khẽ. – A này, mày không làm theo lời tao dặn à, hắn quay lại bảo Porfiri, vừa nói vừa nhìn kỹ bụng con chó.
– Mày không chải cho nó à.
- Có chứ, chải rồi cơ đấy.
- Vậy thì bọ chó ở đâu ra thế này?
- Con có biết đâu đấy. Chắc là ở cái xe.
- Mày nói dối, nói dối! Mày chẳng thèm nghĩ đến việc chải cho nó. Tệ hơn nữa, chắc là mày đã lây bọ chó sang cho nó. Xem này, Tsitsikôp à, đôi tai có tuyệt không; sờ tí xem.
- Cần gì? Không sờ tôi cũng biết là chó nòi rồi, Tsitsikôp nói.
- Không, không, sờ một tí.
Để cho hắn vui lòng, Tsitsikôp sờ tai chó và nói:
- Ừ, con này lớn lên sẽ đẹp lắm.
- Còn mũi nó lạnh như tiền này. Sờ xem.
Để khỏi mất lòng hắn, Tsitsikôp sờ mũi chó.
- Con này đánh hơi giỏi lắm!
- Thật là chó gộc đấy nhé! Đã lâu tớ thèm được một con thế này. Thôi, Porfiri, mang nó đi!
Porfiri ôm ngang bụng con chó mang ra xe.
- Này, Tsitsikôp ạ, Nôzđriôp lại nói; cậu phải đi với tớ. Nhà tớ cách đây năm verxta. Nháy mắt là đến, rồi từ đấy, nếu cậu thích, thì có thể chuồn sang Xôbakiêvits.
Tsitsikôp nghĩ bụng: "dù sao, mình cũng có thể đến thằng cha Nôzđriôp này, nó cũng chẳng kém gì những đứa khác, mà hơn nữa

nó đang khánh kiệt! Hình như bây giờ thì việc gì nó cũng sẵn sàng làm tất. Không rút của nó được cái này thì cũng được cái nọ".
- Được rồi, y nhận lời. Nhưng với một điều kiện: đừng giữ tôi lại lâu; thì giờ của tôi quý lắm.
- Hay quá! Cậu cho tớ hôn cái nào, quả tim của tớ ơi! – Nôzđriôp và Tsitsikôp ôm lấy nhau. – Thế này thì tuyệt, ba ta cùng đi.
- Không, không, người tóc vàng nói; tôi thì xin chia tay thôi; tôi vội, phải về ngay.
- Anh nói nhảm gì thế, anh ơi!
- Tôi nói thật với chú là nhà tôi đến giận tôi mất. Chú xin đi nhờ xe của ông đây vậy.
- Không đời nào. Tôi không để anh đi đâu.
Người tóc vàng thuộc vào hạng người cương quyết giả hiệu. Cái hạng người ấy, bạn vừa mở mồm, là họ sẵn sàng tranh luận ngay và bạn tin rằng không bao giờ họ có thể thừa nhận một ý kiến trái với ý kiến họ, rằng họ có thể cho một thằng ngu là người trí tuệ, rằng họ lại đi bắt chước bất cứ ai; nhưng cuối cùng thì họ lại công nhận cái điều mà họ vừa gạt đi, họ cho một thằng ngu là người trí tuệ và họ bắt chước ngay cái người đầu tiên mà họ thấy, tóm lại họ là hạng người trước thì trơn mà sau thì rám.
- Vớ vẩn! Nôzđriôp nói tiếp, chặn đứng ngay không cho người tóc vàng cố cãi lại một lần nữa. Hắn cầm mũ lưỡi trai chụp lên đầu ông ta và kéo ra theo mình.
- Còn hai cốc rượu hồi hương, thưa ông?... Bà lão nói.
- À! Đúng, đúng, bà chị ạ! Giả cả đi nào, anh. Tôi chẳng còn đồng kôpek nào dính túi.
- Bao nhiêu của bà? Người anh rể hỏi.
- Có bao nhiêu đâu ông, tám mươi kôpek tất cả.
- Thế cơ à! Đưa cho bà ấy năm mươi thôi, đủ rồi.
- Ít quá, ông ạ, bà lão nói, nhưng cũng cầm lấy đồng tiền với vẻ biết ơn và còn chạy ra mở cửa cho khách nữa. Bà ta có thiệt gì, vì đã đòi tiền rượu đắt lên những bốn lần.
Ba người lên xe, chiếc britska của Tsitsikôp chạy song song với chiếc mà hai anh em Nôzđriôp ngồi, nên ba người có thể trò chuyện trong lúc đi đường. Chiếc xe cà cộ của Nôzđriôp do mấy

con ngựa khổ nhà quê kéo, lẽo đẽo mãi đằng sau; Porfiri ngồi chễm chệ với con chó con.
Những câu chuyện của các nhà du khách của chúng ta chẳng có gì lý thú, nên tốt hơn là ta nói vài lời về Nôzđriôp, vì có lẽ trong thiên trường ca của chúng ta, y không đến nỗi giữ vai trò cuối cùng. Chân tướng Nôzđriôp chắc bạn đọc cũng đã quen rồi: những người như thế không phải là hiếm. Người ta gọi họ là những kẻ tinh ranh lõi đời; từ thời thơ ấu họ đã được tiếng là những người bạn ngay thẳng, nhưng không phải vì vậy mà họ thường tránh được ăn đòn. Vẻ mặt họ luôn luôn biểu lộ tính cương trực và lòng dũng cảm. Mới quen nhau, họ đã tức thì cậu cậu, tớ tớ với bạn, và hình như hiến bạn tất cả tình bằng hữu của họ, nhưng thường thì ngay chiều hôm ấy, giữa bữa tiệc chén chú, chén anh, họ đã túm lấy cổ bạn mà vật. Họ đa ngôn, phóng đãng, tự đắc, nổi bật giữa mọi người. Đã ngoài ba mươi lăm tuổi mà Nôzđriôp vẫn hệt như ngày mười tám đôi mươi: chỉ là một kẻ ăn chơi. Việc lập gia thất không làm cho hắn thay đổi; vả lại vợ hắn chết sớm, để cho hắn hai đứa con nhỏ mà hắn không biết làm gì; Một người đày tớ gái ân cần trông nom chúng. Hắn không bao giờ ở nhà lấy được hai ngày. Cách hàng chục verxta mà đâu có chợ phiên, vũ hội, họp mặt là hắn đều đánh hơi biết cả; hắn liền bổ đến cãi cọ, làm như vũ bão quanh tấm thảm xanh, vì hắn mê cờ bạc, như tất cả mọi kẻ đồng thanh, đồng khí với hắn. Hắn đánh bạc không ngay thẳng đâu, như ta đã thấy ở chương thứ nhất: hắn thích uốn nắn lại sự may rủi và biết rất nhiều mánh khóe. Thường thường, canh bạc kết thúc bằng một trận đòn; người ta đá hắn bằng chân ủng đến nhừ tử; người ta vặt râu má rậm rạp của hắn và về đến nhà thì râu hắn chỉ còn có một bên và nom khá thảm hại. Nhưng đôi má hắn nhiều sinh lực đến nỗi râu lại mọc lên nhanh chóng và rậm rạp hơn trước. Và điều lạ hơn nữa, điều mà chỉ có thể có ở nước Nga, là tức khắc sau đó hắn lại tìm gặp các bạn đã quật hắn nhừ đòn, như là chẳng có việc gì xảy ra cả. Nôzđriôp, theo một nghĩa nào đó, là một nhân vật lịch sử; bất kỳ đâu mà có hắn, là bao giờ cũng có việc gì đấy xảy ra cho hắn: hoặc sen đầm đuổi hắn đi, hoặc bạn bè hắn lịch sự tống hắn ra. Ngoài những trường hợp quá quắt ấy, hắn còn trải qua nhiều cuộc phiêu

lưu không thể xảy ra cho người khác được: hắn say rượu đến nỗi chỉ còn biết có cười nữa thôi, hắn tuôn ra lắm điều khoác lác đến nỗi cuối cùng thì chính hắn cũng phải xấu hổ. Hắn nói dối không chút cần thiết nào; tự nhiên vô cớ hắn cho là hắn có một con ngựa màu hồng hay màu xanh da trời và tuôn ra lắm điều nhảm nhí đến nỗi người nghe phải bỏ đi, vừa đi vừa cầu nhầu: "Cậu nói toàn những chuyện hoang đường!". Có những kẻ thường làm việc ác đối với người khác một cách say mê, điên cuồng mà chẳng có lý do gì cả. Một ông quan lớn, bệ vệ vào bậc nhất, ngực đeo tấm huân chương bắt tay bạn, nói với bạn những lời lẽ cao thượng, rồi tức khắc trước công chúng chơi bạn một vố rất đê tiện, một vố chỉ đáng là của một kẻ cạo giấy hơn là của một ông ngực đeo tấm huân chương và mồm nói những lời cao thượng; làm cho bạn sửng sốt chỉ còn biết nhún vai mà thôi. Nôzđriôp cũng có cái thói ấy. Bạn càng thân với hắn, hắn càng chơi bạn lắm vố hiểm; hắn đồn đại về bạn những điều độc ác, làm cho bạn nhỡ một cuộc hôn nhân, hỏng một việc kinh doanh mà vẫn không cho rằng hắn là kẻ thù của bạn. Trái lại, sau đấy mà gặp bạn là hắn liền vồn vã, trách bạn rằng: "- À! Đồ súc sinh, tại sao mày chẳng đến tao bao giờ?"
Nôzđriôp quả thật là một kẻ làm việc gì cũng được. Hắn gạ bạn đi bất cứ đâu, dù là đến tận cùng thế giới, giới thiệu bạn vào bất kỳ công cuộc kinh doanh nào, đổi chác bất cứ cái gì với tất cả vật gì bạn thích. Súng, chó, ngựa, cái gì đối với hắn cũng là vật đổi chác, nhưng tuyệt nhiên không có ý kiếm lời chút nào cả. Đó là biểu hiện của một tính khí thay đổi vô cùng. Giá ở chợ phiên mà hắn may mắn vớ được một thằng ngốc và vặt hết lông của nó trong canh bạc thì với số tiền mà hắn được, hắn lại tiêu sạch đến đồng xu cuối cùng ở các cửa hàng; hắn mua tất cả cái gì mà hắn trông thấy: đồ thắng ngựa, hương đốt trong khuê phòng, khăn trùm cho bà vú, ngựa giống, nho Côrintôx {*Nho của một địa phương nổi tiếng ở Hy Lạp*}, chậu rửa mặt bằng bạc, vải Hà Lan, tinh bột, thuốc lá, súng tay, cá mòi, tranh vẽ, đá mài, chậu, ủng, bát đĩa sành. Những vật ấy, ít khi hắn mang được về đến nhà, thường là gán nợ ngay ngày hôm ấy cho một tay cờ bạc gặp may hơn hắn, gán luôn cả túi thuốc lá và cái tẩu - rồi ngày hôm sau lại gán nốt bốn con ngựa với cỗ xe

và gã xà ích.
Thế là, chỉ còn trần một chiếc caftan ngắn, hắn chạy đi tìm một người bạn xin về nhờ xe.
Nôzđriôp là như thế. Chắc có người cho rằng cái tính cách như thế đã được tả đi tả lại mãi rồi và chẳng còn có ai như thế nữa. Than ôi! Họ đã lầm to. Bọn Nôzđriôp đã hết đâu sớm thế. Trong chúng ta vẫn còn nhiều Nôzđriôp; nhưng chắc là vì chúng đã thay áo ngoài, nên những bộ óc hời hợt không nhận ra chúng mà thôi.
Ba chiếc xe đã về đến tam cấp lớn nhà Nôzđriôp. Trong nhà chẳng có một vẻ gì là chuẩn bị đón khách cả. Leo trên một cái giá gỗ, ở chính giữa buồng ăn, hai anh thợ đang quét tường, khe khẽ hát một bài không bao giờ hết, sàn nhà thì vấy phấn bạch diên {*Chất dùng để sơn, về mặt hóa học là cacbonat chì, rất độc, ngày nay cấm không được dùng tron việc sơn, quét nữa*} lung tung. Nôzđriôp rủa hai anh thợ, đuổi họ cút đi, ra mà treo cổ lên, cả họ lẫn cái giá gỗ của họ, rồi sang phòng bên bảo nhà bếp làm bữa ăn chiều; Tsitsikôp đã muốn ăn lắm rồi, nhưng phải hiểu ngay là họ chưa thể ngồi vào bàn trước năm giờ được. Một lát sau thì chẳng còn gì chỉ cho khách xem nữa.
Trước tiên họ dừng lại xem tàu ngựa, ở đấy có một đôi ngựa cái, một con màu xám lốm đốm, một con màu hồng, lại có một con ngựa giống, mình hồng bờm đem, nom khá tồi tàn mà Nôzđriôp bảo là đã mua mất mười nghìn rúp.
- Mười nghìn rúp! Ông anh rể bẻ ngay. Không bao giờ đến giá ấy. Một nghìn cũng chưa đáng.
- Thề danh dự, tôi đã trả đúng mười nghìn rúp đấy. Nôzđriôp lại nói.
- Chú muốn thề mấy thì cứ thề đi, ông anh rể nói tiếp.
- Anh cuộc gì nào? Nôzđriôp thách.
Ông anh rể không cuộc.
Sau đó, Nôzđriôp chỉ cho khách xem những tàu ngựa trống không, nhưng theo lời hắn, thì trước kia đã chứa những con ngựa rất đẹp. Họ thấy cả một con dê đực, mà trong dân gian, từ lâu đời, người ta vẫn tin là cần phải có ở mọi chuồng ngựa; rất hòa thuận với mấy con ngựa, nó đang dạo chơi dưới bụng chúng và cảm thấy thoải

mái như ở nhà nó vậy. Xong, Nôzđriôp đưa khách đến xem một con sói con có buộc dây.
- Xem có phải là một con sói non không nào; tớ cố ý nuôi nó toàn bằng thịt sống, tớ muốn nó lớn lên sẽ thành một con thú rừng thực sự!
Họ ra xem ao; theo Nôzđriôp thì trong ao có những cá to đến nỗi phải hai người khó nhọc lắm mới kéo lên được một con, về điều ấy thì ông anh rể lại thấy là phải hoài nghi.
- Này, Tsitsikôp à, Nôzđriôp bảo; tớ cho cậu xem một đôi chó tuyệt trần; mõm dài và nhọn như cái kim và đùi khỏe không thể tưởng tượng được.
Hắn đưa khách đi về phía một chiếc nhà con xinh xắn, bốn bề có sân lớn bao bọc. Họ thấy trong sân những chó săn mõm nhọn đủ các thức lông – dài, ngắn, hoe lốm đốm đen, hạt dẻ, gạch non, huyết dụ, đen có chấm vàng vàng. Chúng mang đủ thứ tên: Cãi cọ, Ầm ỹ, Lẹ làng, Ngạo mạn, Sáng rực, Dữ dội, Say sưa, Trơ tráo, Hung hăng, Gắt gỏng, Nóng nảy, Chim én. Nôzđriôp ở giữa chúng, tựa hồ một người cha ở giữa bầy con. Cả bọn, vểnh đuôi lên, - *vểnh cái roi* như những người sành chơi chó của chúng ta thường nói, - và phi về phía khách. Độ một chục con đứng lên, đặt hai chân trước lên vai Nôzđriôp. Con Ầm ỹ cũng tỏ tình hữu nghị như thế với Tsitsikôp, rồi kiễng hai chân sau lên nó liếm vào môi y làm cho Tsitsikôp phải khạc nhổ. Khách xem những con chó đặc sắc vì sức khỏe của bắp đùi; quả thật là những chú chó đẹp. Rồi người ta đến thăm một con chó cái xứ Krưm đã mù, và theo Nôzđriôp, thì sắp phèo đến nơi, dù mới hai năm trước, vẫn còn là một con chó đẹp. Người ta xem nó: đôi mắt nó chẳng còn nhìn thấy gì nữa rồi. Sau đấy, người ta đi thăm cối xay gió. Trong cối thiếu mất cái bộ phận để cắm cái thớt xay phía trên, cái thớt quay nhanh quanh trục cối mà người mujik nói một cách rất đúng là nó bay bay ấy.
- Đến lò rèn đây rồi, Nôzđriôp nói.
Quả nhiên một lát sau thì thấy lò rèn. Họ cùng vào thăm. Nôzđriôp chỉ một đám đất nói: - Đám đồng ấy nhiều thỏ rừng đến nỗi không còn thấy mặt đất nữa; có lần tớ bắt được một con mà chỉ cần đưa tay tóm lấy cẳng sau của nó thôi.

- Chú không bao giờ bắt được thỏ rừng bằng tay không cả! Ông anh rể vặn lại.
- Thật đấy, tớ bắt hoàn toàn bằng tay không, Nôzđriôp đáp, rồi quay lại Tsitsikôp nói: và bây giờ tớ chỉ cho cậu giới hạn của ấp tớ: một cái mốc và cái hào hẹp.
- Đấy, biên giới của tớ đấy! Nôzđriôp nói; tất cả những gì cậu nhìn thấy bên phía này là của tớ, mà cả bên kia cái mốc nữa, cánh rừng xanh xanh kia và tất cả những gì ở sau ấy nữa cũng còn là của tớ.
- Cánh rừng là của chú từ bao giờ? Ông anh rể hỏi. Hay là chú vừa mới mua chăng?
- Chứ sao, Nôzđriôp đáp.
- Lúc nào thế?
- Hôm kia; mà mua giá khá đắt cơ đấy.
- Nhưng hôm kia chú ở phiên chợ cơ mà?
- Đồ ngốc, vậy ra người ta không thể vừa ở chợ phiên, vừa tậu đất được à? Đúng, tớ ở chợ và trong lúc ấy thì lão quản lý của tớ ở đây hoàn thành việc tậu đất cho tớ.
- À, nếu là lão quản lý của cậu thì… ông anh rể nhượng bộ, nhưng lắc đầu một cách hoài nghi.

Họ theo lối cũ mà trở về; Nôzđriôp đưa khách vào phòng giấy. Nhưng ở đây không hề thấy có những vật thường tiêu biểu cho các văn phòng. Chẳng thấy sách vở, giấy má gì cả, chỉ thấy mấy thanh kiếm và hai cây súng trường, một cây giá ba trăm, một cây tám trăm rúp, mà sau khi nhìn kỹ, ông anh rể chỉ biết lắc đầu. Nôzđriôp đem khoe những cây dao găm Thổ Nhĩ Kỳ mà một cây lại khắc lầm tên người đánh dao là "*Thợ cả Xavêlii xibiriakôp*" {*Người đánh con dao có cái tên hoàn toàn Nga; điều ấy chứng tỏ Nôzđriôp nói dối: dao Nga thì bảo là dao Thổ Nhĩ Kỳ*}. Hắn giới thiệu với khách một cây phong cầm vặn tay; và để mừng khách, hắn bắt đầu quay. Tiếng phong cầm nghe cũng dễ chịu, nhưng bộ máy hình như đã hỏng: bài "Manbruc ra đi đánh giặc" {*Dân ca Pháp có tính chất hài hước*} kết thúc một điệu mazurka {*Điệu nhạc nhảy Ba Lan*}, rồi một điệu van lặp đi lặp lại kết thúc bài "Manbruc ra đi đánh giặc". Nôzđriôp ngừng quay từ lâu mà một cái ống không biết mệt, vẫn cố huýt lên, và tiếng huýt kéo dài tới

mấy phút nữa. Bấy giờ Nôzđriôp mới bày ra trước mặt khách những cái tẩu của hắn: tẩu bằng gỗ, bằng đất, bằng đá bọt, tẩu mới nguyên, tẩu đen ngòm vì cặn thuốc, tẩu có túi đựng bằng da hoẵng hay không có túi; một cái tẩu Thổ Nhĩ Kỳ mà đầu ngậm bằng hổ phách, vừa được trong một canh bạc; một cái túi đựng thuốc lá do một bá tước phu nhân thêu; nàng phải lòng Nôzđriôp ở một trạm thay ngựa và, nếu tin lời hắn, thì nàng có đôi bàn tay *thặng dư* {*Trong nguyên bản, tác giả phiên âm tiếng Pháp superflu, có nghĩa là dư thừa. Nôzđriôp có thói dùng chữ lung tung, không cần gì nghĩa của chữ*} ưu nhã nhất; tiếng ấy theo ý hắn chắc là dùng để chỉ độ tối cao của sự hoàn mỹ.

Sau món balyk mở đầu bữa chiều, họ ngồi vào bàn ăn thực sự vào khoảng năm giờ. Hình như ăn ngon đối với Nôzđriôp không phải là mục đích của cuộc đời, thức ăn, món thì cháy, món chưa kịp chín. Người ta thấy rõ là anh bếp chỉ tùy hứng mà làm và ném vào nồi bất cứ cái gì mà hắn vớ được: hồ tiêu, bắp cải, sữa, jăm bông, đậu; chỉ cốt cho nóng, còn hương vị thì chẳng cần gì. Trái lại, Nôzđriôp chẳng chút dè xẻn trong việc thết rượu. Canh chưa dọn lên mà hắn đã rót cho khách mỗi người một cốc tướng porto {*Vang nổi tiếng ở Porto nước Bồ Đào Nha*} và một cốc xôtecn {*Vang ngon ở vùng Xôtecn, miền tây nam nước Pháp*} hạng nặng, vì trong các tỉnh của chúng ta rượu vang Xôtecn hạng thường, không ai biết đến bao giờ. Hắn lại bảo đem ra một chai Mađêrax {*Vang quý, sản xuất ở quần đảo Mađêrax nước Tây Ban Nha, ở tây phần Địa Trung Hải*} "mà chưa bao giờ một vị nguyên soái được uống". Rượu Mađêrax làm tê liệt cả vị giác; biết rõ khẩu vị của các nhà quý tộc thôn quê của chúng ta, bọn lái buôn đã làm cho thứ vang này nổi vị bằng cách pha rum hay có khi pha cả rượu mạnh vào nữa, với lòng tin chắc là dạ dày Nga thì cái gì cũng chịu đựng được. Hắn lại gọi tiếp một chai vang đặc biệt mà hắn gọi là *buôcginhông – sampanhông* {*Bourguignon là hình dung từ thuộc xứ Buôcgôn nước Pháp, nơi sản xuất vang đỏ rất ngon. Champagnon là chữ do Nôzđriôp đặt ra để gọi rược sâm banh. Nôzđriôp có thói đặt chữ ra để dùng, theo nghĩa riêng của mình*} và theo lời hắn thì thứ đồ uống này có hương vị của cả hai thứ

vang ấy. Hắn rót cho khách từng cốc đầy tràn, mà chỉ tiếp mình một cách bủn xỉn hết sức. Tsitsikôp liền đâm nghi và để mặc cho Nôzđriôp diễn thuyết hay tiếp đãi ông anh rể, y thừa cơ đổ phắt cốc rượu vào đĩa ăn. Sau đấy, được dọn ra một thứ rượu mạnh ngâm quả thanh hương trà mà theo lời Nôzđriôp thì hương vị y hệt như thanh mai, khó phân biệt được, nhưng làm cho khách phải hết sức hoảng hốt vì uống vào là ruột đau quặn dữ dội như bị thắt lại. Cuối cùng thì khách nhấm nháp một thứ trà, tên đã khó nhớ mà người chủ tiệc lại càng làm cho khó thêm bằng cách gọi đến mấy thứ tên khác nhau.

Bữa ăn đã xong, mấy cái chai đã cạn, nhưng khách ăn chưa hề có ý định đứng lên. Dù có thế nào đi nữa thì trước mặt ông anh rể, Tsitsikôp cũng không đả động đến cái việc mà y vẫn thiết tha. Việc ấy cần lúc thanh vắng và thân mật. Nhưng mà ông ta cũng không có gì là nguy hiểm; ông ta lại đã say bí tỉ và ngồi như cắm vào ghế, đầu gật gà, gật gù, sau cùng hiểu tình trạng tuyệt vọng của mình, ông ta mới ngỏ lời cáo từ, nhưng giọng nói nhu nhược và lúng búng; tựa hồ ông ta muốn lấy con mòng đốt ngựa mà đeo cổ để cho ngựa, - theo một thành ngữ mà người Nga hay dùng.

- Không đời nào. Tớ không thả ra đâu! Nôzđriôp tuyên bố.

- Không, chú ạ, không; cho tôi về, nếu không chú làm mất lòng tôi đấy, ông anh rể nằn nì như vậy.

- Thôi đừng nói nhảm nữa; làm một ván bancô đi.

- Chú chơi đi vậy, chú ạ; nhà tôi sẽ giận tôi lắm. Tôi về ngay để kể cho nhà tôi nghe tin tức phiên chợ; thỉnh thoảng cũng phải làm cho nhà tôi vừa lòng chứ. Chú đừng giữ tôi nữa.

- Ê, tống chị ấy đi cho…! Vợ chồng có gì quan trọng mà phải bàn bạc cùng nhau như vậy?

- Không, chú ạ, không; nhà tôi là một người bạn trăm năm trung thành và đáng kính! Nhà tôi giúp tôi nhiều việc đến nỗi, - chú có biết không, mỗi lần nghĩ đến là nước mắt tôi trào ra. Không, đừng giữ tôi lại; nói có bụng người quân tử với nhau, tôi phải về ngay để gặp nhà tôi.

- Để cho ông ấy đi! Tsitsikôp nói nhỏ với Nôzđriôp. Chúng mình còn cần gì ông ấy nữa chứ!

- Ừ, đúng đấy! Nôzđriôp tán thành. Tớ chúa ghét những thằng cha lù đà, lù đù. Quỷ bắt anh đi! Cút về mà cầm con chỉ cho vợ, đồ tồi.
- Không, chú ạ, đừng gọi tôi là đồ tồi! Mijiep cãi. Tôi sống được là nhờ nhà tôi đấy. Nhà tôi thật là tốt bụng, thật là hiền lành, thật là dễ thương. Nhà tôi sẽ hỏi tôi đã thấy những gì ở chợ phiên; phải kể lại cho nhà tôi nghe chứ. Nhà tôi thật là dễ thương.
- Thế thì cút về mà kể cho nó nghe đi! Mũ đây này.
- Không, chú ạ, chú không nên nói đến nhà tôi với cái giọng ấy; chú làm tôi phật lòng, chú biết không… Nhà tôi thật là dễ thương.
- Vậy thì cút về ngay với nó.
- Tôi về đây, chú ạ; xin lỗi chú vì đã không ở lại được. Tôi cũng muốn ở lại lắm, nhưng mà không thể được…
Ông anh rể cứ nói mãi với cái giọng ấy, không thấy rằng mình đã ngồi trong xe từ bao giờ rồi và trước mặt chỉ có cánh đồng không mông quạnh. Nhưng mà ngày hôm ấy, vợ ông ta có được biết gì mấy về phiên chợ đâu.
- Cái thằng cha thộn! Qua cửa sổ Nôzđriôp nhìn chiếc xe phóng nước kiệu và nói tiếp. – Con ngựa thắng bên tay xe nom cũng khá, mình thèm từ lâu nhưng chẳng tài nào mà thỏa thuận với cái thằng cha ngốc ấy được.
Vừa lúc ấy, Porfiri mang nến vào và Tsitsikôp thấy trong tay chủ nhà một bộ bài, không biết lấy từ đâu ra.
- Nào, bạn ơi, Nôzđriôp nói, để tiêu thì giờ, tớ cầm cái, đặt ba trăm rúp đây; được không?
Mấy ngón tay hắn ép vào rìa bộ bài, các con bài cong lên và cái băng buộc đứt ra.
Nhưng hình như Tsitsikôp không hiểu. Như chợt nhớ ra việc gì, y nói:
- À này! Nhân tiện, tôi có một việc định nhờ anh.
- Việc gì?
- Anh hãy thề là sẽ không từ chối đi đã.
- Nhưng việc gì đã chứ?
- Thề đi đã.
- Được.
- Thề danh dự chứ?

- Thề danh dự.
- Vậy thì, thế này… Nông dân của anh nhiều đứa chết rồi, mà vẫn còn tên trong các danh sách điều tra dân số, phải không nào?
- Ừ, vậy thì làm sao?
- Để chúng nó lại cho tôi.
- Cậu lấy chúng làm gì?
- Tôi cần.
- Cần làm gì?
- Đó là việc riêng của tôi. Tôi bảo anh là tôi cần chúng nó.
- Cậu định mưu việc gì đấy. Nói thật đi.
- Chẳng có gì cả. Đồ rơm rác ấy thì còn dùng làm gì được.
- Vậy cậu cần chúng để làm gì?
- Kìa, tò mò quá đi thôi! Cái gì cũng muốn sờ vào, đâu cũng muốn sục đến.
- À, cậu nói quanh? Đã vậy, tớ mặc kệ, nếu cậu không nói cho tớ rõ dụng ý của cậu.
- Biết thì có hơn gì kia chứ? Chỉ vì tôi có cái thích khác người một tí thôi. Còn anh thì không đứng đắn tí nào cả; vừa thề lại nuốt lời ngay.
- Muốn gì cũng được; nhưng tớ chẳng biết gì hết, nếu cậu không nói.
"Nói thế nào với nó được nhỉ". Tsitsikôp nghĩ thầm rồi sau một lát suy nghĩ, nói rằng cần có nông phu chết để cho nó giá trị trong giới xã giao; vì y không có trang ấp rộng lớn, nên lấy nông nô thay vào, trong khi chờ đợi được khá hơn.
- Cậu nói dối, nói dối! Nôzđriôp ngắt lời.
Tsitsikôp cũng phải tự thú là cái cớ đưa ra cũng khá yếu; y lại nói:
- Này, tôi nói thật với anh; nhưng xin anh đừng nói lại với ai một lời. Tôi có ý định lấy vợ; nhưng bố mẹ vợ lại đòi hỏi lắm chứ. Chẳng biết tôi lại nhúng vào cái việc này làm gì? Họ đòi chú rể phải có ba trăm nông phu, và tôi hiện còn thiếu gần một nửa…
- Cậu nói dối, nói dối, Nôzđriôp lại kêu lên.
- Một đỉnh đình đinh cũng không nói dối! Tsitsikôp khẳng định như vậy, vừa nói vừa cong ngón tay cái chỉ vào đầu ngón tay út.
- Chặt đầu tớ đi, cậu vẫn nói dối!

- Thật khó chịu quá đi mất! Anh cho tôi là người thế nào? Theo anh thì tôi có việc là nói dối thôi à!
- Tớ còn lạ gì cậu. Cậu là một thằng xỏ lá hạng nặng; cậu cho phép, chỗ thân tình tớ nói với cậu như vậy. Nếu tớ là quan trên của cậu, tớ đã treo cổ cậu lên cái cây đầu tiện rồi!
Tsitsikôp phật ý lắm. Mỗi lời nói, hơi thô lỗ hay khó nghe một tí cũng làm y khó chịu. Đối với y suồng sã là chướng tai gai mắt, y chỉ chịu đựng được sự suồng sã của những bậc vương công mà thôi. Vì vậy mà y tự thấy là bị xúc phạm.
- Thề danh dự, tớ treo cổ cậu lên, Nôzđriôp nhắc lại. Nói vậy cậu đừng giận. Chỗ bạn thân, tớ nói thật.
- Cái gì cũng phải có giới hạn, Tsitsikôp nói, giọng nghiêm trang. Muốn khoe khoang những lời lẽ như thế thì đi mà giao du với bọn lính tráng! Nghĩ một tí, y lại nói thêm:
- Nếu anh không muốn cho bọn nông phu chết thì bán cho tôi.
- Bán cho cậu à! Tớ còn lạ gì cậu, đồ vô lại; cậu thì trả được bao nhiêu?
- Tôi biết ngay là anh muốn gì rồi. Anh tưởng chúng đáng giá lắm đấy chắc?
- Đúng rồi. Tớ đoán đúng gan ruột của cậu!
- Những cái thói Do Thái như thế mà không biết xấu hổ à? Đáng lẽ anh phải cho không tôi mới đúng.
- Này, để cậu xem, tớ chẳng phải là một thằng keo kiệt đâu. Cậu mua con ngựa giống, tớ sẽ cho thêm cậu bọn nông phu chết.
- Tôi làm gì với con ngựa giống ấy? Tsitsikôp kêu lên, chưng hửng vì lời đề nghị ấy.
- Tớ mua mười nghìn rúp, nhưng chỉ để lại cho cậu bốn nghìn thôi!
- Còn gì nữa? Tôi không có trại nuôi ngựa.
- Thong thả. Cậu chỉ đưa ngay cho tớ ba nghìn rúp thôi, còn thì trả sau.
- Tôi nhắc lại là tôi chẳng biết dùng nó làm gì cả.
- Vậy thì mua con ngựa hồng cái cho tớ đi.
- Mua làm gì?
- Con ngựa cái với con ngựa xám mà tớ đã cho cậu xem ấy, tớ chỉ lấy hai nghìn rúp thôi.

- Nhưng tôi chẳng cần gì đến ngựa cả.
- Cậu bán lại; đến phiên chợ đầu tiên, người ta sẽ trả cho cậu gấp ba lần thế.
- Nếu vậy thì anh đi mà bán lấy! Lãi cầm chắc còn gì.
- Tớ cũng biết thế, nhưng mà tớ lại muốn cho cậu kiếm lời.
Tsitsikôp cám ơn chủ nhà về nhã ý ấy, nhưng cương quyết từ chối cả con ngựa xám, lẫn con ngựa hồng.
- Vậy, mua chó cho tớ. Tớ để cho cậu một đôi, trông thấy là nổi da gà lên ngay: ria mép dài thế này này, lông dựng đứng, sườn cong vòng cung không thể tưởng được, cẳng quắp lại chỉ khẽ chạm đất mà không hề để lại tí lốt chân nào.
- Tôi lấy chó làm gì? Tôi không đi săn.
- Tớ muốn cho cậu có vài con chó của tớ. Nhưng cậu không muốn thì mua cho tớ cái phong cầm. Đẹp thật; lấy lòng quân tử mà cam đoan với cậu là tớ phải mua mất một nghìn rưỡi rúp đấy; tớ để lại cho cậu chín trăm rúp.
- Tôi lấy phong cầm làm gì? Tôi không phải là một lão người Đức {*Những người Đức ăn xin là những người đầu tiên du nhập phong cầm Bacbari hay phong cầm quay tay vào nước Nga*} đi quay quay cái phong cầm để ăn mày trên đường cái.
- Phong cầm của tớ không giống của bọn ăn mày Đức; nó toàn bằng gỗ đào hoa râm; này tớ lại cho cậu xem một lần nữa; nhìn kỹ đây!
Nôzđriôp nắm cánh tay Tsitsikôp kéo sang phòng bên và, mặc dù y phản đối không chịu và giẫm chân vì sốt ruột, vẫn bắt y phải nghe một lần nữa xem *Manbruc ra đi đánh giặc* như thế nào.
- Nếu cậu không muốn mua cho tớ, - hắn lại nói, - thì tớ đề nghị thế này: tớ đổi cho cậu cùng với tất cả nông phu chết của tớ, lấy chiếc britska của cậu; nhưng cậu các cho tớ ba trăm rúp.
- Chỉ còn thế nữa mà thôi cơ à? Thế thì tôi ra đi bằng gì?
- Tớ cho cậu một chiếc xe khác. Ra nhà xe tớ cho xem. Sơn lại xong thì tuyệt.
"Đúng là nó đã lên cơn rồi đấy". Tsitsikôp nghĩ thầm, và y cương quyết từ chối tất cả mọi thứ phong cầm, mọi thứ xe ngựa, và mọi thứ chó, dù cẳng chúng có quắp và xương sườn có cong vòng cung

không thể tưởng được.
- Thế là tớ để lại cho cậu chiếc britska, cái phong cầm và bọn nông phu chết, cam kết rồi đấy.
- Tôi không bằng lòng, Tsitsikôp nói.
- Nhưng tại sao?
- Tại vì tôi không bằng lòng, chỉ có thế thôi.
- Cậu thật chẳng ra gì! Rõ ràng là cậu không biết cả đến những cách cư xử thông thường giữa bạn bè với nhau… Biết ngay là cậu không phải người thẳng thắn.
- Anh cho tôi là thằng ngu à? Chắc anh cũng không muốn tôi đi mua lấy một cái vật hoàn toàn vô dụng chứ?
- Thôi đừng nói nhảm nữa! Tớ biết cậu rồi. Cậu chỉ là một thằng đê tiện!... Này, làm một ván bancô không? Tớ đặt cược bọn nông phu chết kèm thêm cả chiếc phong cầm nữa.
- Tôi không muốn mạo hiểm, Tsitsikôp vừa nói vừa liếc bộ bài mà Nôzđriôp cầm; những lá bài nom khả nghi và những chấm lốm đốm ở lưng bài chẳng đáng tin cậy tí nào cả.
- Mạo hiểm gì? Nôzđriôp hỏi. Cậu gặp may thì cậu có thể ăn bạc nghìn, bạc trăm… Này, nó đấy! May chưa! Hắn kêu lên, tay cầm bài đánh một mình, chấp tất cả, cốt để kích thích Tsitsikôp. – May quá! May chưa! Nó đấy, con chín chết tiệt đã làm tớ sạt nghiệp đấy! Tớ cảm thấy là nó sẽ phản tớ, nhưng tớ vẫn nhắm mắt, đặt liều, vừa đặt vừa tự nhủ: "Ê, có tất cả các thứ quỷ sứ trên đời, mày phản tao đi, bán đứng tao đi, quân chết tiệt!"
Nôzđriôp đang nói thì Porfiri mang vào một chai rượu; nhưng Tsitsikôp không uống cũng không đánh.
- Nhưng, tại sao cậu lại không muốn đánh? Nôzđriôp hỏi.
- Tôi không thích. Vả lại, nói thật, tôi không ham bài bạc.
- Tại sao vậy?
- Tại vì… Tsitsikôp vừa nói vừa nhún vai.
- Cậu chỉ là một thứ đồ tồi!
- Biết làm sao được, trời sinh ra thế!
- Đồ ngu, đồ hèn! Tớ cứ tưởng cậu là người lịch sự, hóa ra chẳng có tí xã giao nào. Không thể nói chuyện với cậu như với bạn bè được. Chẳng thành thực gì cả, chẳng có chút gì tốt cả. Cậu là một

thằng chúa xỏ lá, một thứ Xôbakiêvits.
- Tại sao anh lại chửi tôi? Tôi không đánh bạc là lỗi tại tôi à? Anh đừng bắt tôi đánh mà bán bọn nông phu chết cho tôi, nếu anh quý cái kho tàng ấy đến thế.
- Ngồi đấy mà chờ! Tớ muốn biếu không cậu đấy, nhưng giờ thì đừng hòng. Đem cho tớ ba vương quốc, tớ cũng không bán đâu! Cậu chỉ là một đứa tiểu nhân, một thằng thô bỉ. Tớ chẳng muốn quan hệ gì với cậu nữa! Porfiri! Ra bảo thằng giữ ngựa không được cho ngựa của hắn ăn kiều mạch, cho cỏ khô là tốt rồi.
Cái kết luận bất ngờ làm cho Tsitsikôp chưng hửng.
- Giá tớ đừng phải quen biết cái mặt cậu, Nôzđriôp lại nói thêm.
Mặc dù cùng nhau đấu khẩu như vậy, chủ và khách vẫn ăn khuya với nhau; nhưng lần này không thấy dọn một thứ đồ uống nào có tên gọi rắc rối nữa. Trên bàn chỉ có một chai nước bã nho, được đặt tên long trọng là vang đảo Kyprux {*Thường gọi theo tiếng Pháp là đảo Sip, nổi tiếng có vang ngon*}. Sau bữa ăn, Nôzđriôp đưa Tsitsikôp vào một phòng nhỏ có một cái giường.
- Buồng cậu đấy, hắn nói, nhưng tớ không thể nào chúc cậu ngon giấc được!
Còn lại một mình, Tsitsikôp đâm ra cáu kỉnh. Y trách mình về việc mất thì giờ này. Lẽ ra y không nên nhận lời mời của Nôzđriôp, hơn nữa không nên nói với hắn về nông phu chết. Y đã hành động một cách khinh suất lạ thường, như một đứa trẻ con, rõ là ngốc; ai lại đem một việc cần giữ gìn thận trọng như thế đi nói với một con người như vậy. Cái thằng cha vô lại ấy có thể đem đi kháo, thêu dệt và phao truyền, có trời biết được, những điều vu khống đến như thế nào… "Đồ ngốc, đồ ngốc" Tsitsikôp tự rủa như vậy. Suốt đêm y chập chờn, không ngủ được. Những con rệp, con bọ khá táo bạo, đốt y thật là ác; y gãi chỗ đau và gắt: "- Quỷ bắt chúng mày đi, cùng với thằng Nôzđriôp của chúng mày!"
Thức dậy thật sớm, y xỏ ủng và khoác áo ngủ vào, chạy ra chuồng ngựa, ra lệnh cho Xêlifan tức tốc thắng xe. Đi trở vào thì gặp Nôzđriôp ở giữa sân, cũng khoác áo ngủ và mồm ngậm tẩu. Giọng thân ái hắn chào và hỏi khách ngủ có ngon không?
- Đại khái, Tsitsikôp trả lời cụt ngủn.

- Còn tớ, bạn già ạ, sau trận say hôm qua, tớ bị nhức óc. Suốt đêm, tớ phải chống lại một giấc mê, ô uế quá, kể lại thì đến ngượng. Cậu thử tưởng tượng là tớ bị ăn đòn! Thề danh dự! Cậu có thể đoán ai đánh tớ không? Tớ cuộc một ăn một nghìn đấy! Lão đại úp Pôtxeluiep và Kupsinnikôp.
Tsitsikôp nghĩ thầm: "Mong sao cho giấc mơ thành ra sự thật!"
- Thề danh dự! Chúng nó có nhẹ tay đâu! Nói thật, tỉnh dậy, tớ thấy ngứa ngáy khắp người: chắc chỉ tại cái bọn rệp quỷ sứ ấy thôi! Thôi cậu đi mặc áo nhanh lên. Tớ lại vào ngay đây; gặp cái thằng súc sinh quản lý một tý thôi mà.
Khi Tsitsikôp rửa mặt xong, bước vào phòng ăn thì trà đã dọn; kèm thêm chai rum, gian phòng còn đầy dấu vết của bữa tiệc hôm qua. Hình như chưa có một cái chổi nào sờ đến sàn nhà đầy vụn bánh mì; cả đến khăn trải bàn cũng đầy tàn thuốc. Người chủ bữa tiệc liền vào, áo ngủ để hở cái ngực lông lá. Tay cầm tẩu, mồm nhấm nháp tách nước, hắn có thể làm say mê những họa sĩ ghét những kẻ tóc uốn thật quăn, sạch sẽ hay cạo gọt nhẵn nhụi như những hình nhân quảng cáo ở hiệu cạo.
- Thế nào, Nôzđriôp hỏi sau một hồi yên lặng, cậu vẫn không muốn đánh để ăn bọn nông phu chết à?
- Tôi đã bảo anh là tôi không đánh, nhưng tôi muốn mua bọn nông phu ấy.
- Còn tớ thì tớ không muốn bán; chỗ bạn bè với nhau, không ai làm thế. Tớ chẳng có cái thói ấy đâu. Tốt hơn là ta làm một ván bancô!
- Không, tôi nói với anh là tôi không đánh.
- Thế có đổi cái gì không nào?
- Cũng không.
- Thế thì, đánh một ván cờ đam vậy. Cậu được thì lấy bọn nông phu chết. Còn tớ thì được xóa tên một lô trong tờ kê khai số đinh. Này, Porfiri, đem bàn cờ đam ra đây!
- Vô ích: tôi không bao giờ đánh đâu.
- Nhưng có phải may rủi gì nữa đâu. Đánh cờ thì chẳng nói chuyện may, chuyện gian gì được, phải tính toán cao thấp cơ mà. Tớ cũng thú thật với cậu là tớ chỉ biết đánh đại khái vậy thôi. Cậu phải chấp quân tớ cơ đấy.

- Thôi! Tsitsikôp nghĩ thầm, hay là đánh với hắn. Ngày trước mình cũng khá cờ đam, mà cái món này thì hắn không thể nào ăn gian được.
- Được, để chiều anh, tôi đánh một ván vậy.
- Tớ đặt bọn nông phu chết, còn cậu đặt một trăm rúp được chưa?
- Thế nào, một trăm rúp cơ à? Năm mươi là được rồi.
- Năm mươi thì ăn thua gì. Tớ muốn thêm vào bọn chết ấy một con chó hạng vừa hay một cái ấn vàng có dây đeo.
- Được rồi! Tsitsikôp nhận lời.
- Cậu chấp tớ mấy quân? Nôzđriôp hỏi.
- Chẳng quân nào cả. Lại còn thế nữa cơ à?
- Ít nhất cũng cho tớ đi trước hai nước.
- Không bao giờ. Tôi cũng đánh rất thấp thôi.
- Chúng tớ biết bọn cậu đánh thấp như thế nào! Nôzđriôp nói rồi đi một con.
- Đã bao nhiêu năm rồi, tôi không mó đến quân cờ, Tsitsikôp cũng vừa nói vừa đi một con.
- Chúng tớ biết là bọn cậu đánh thấp thế nào!
Nôzđriôp nói rồi đi con thứ ba, trong khi đầu ống tay áo của hắn đẩy một con khác.
- Đã lâu lắm rồi, tôi không mó đến… Ơ này, ông bạn, cái con này ở đâu đến thế? Để nó lại chỗ cũ cho! Tsitsikôp nói.
- Con nào?
- Con này chứ con nào nữa. Tsitsikôp vừa nói xong thì lại thấy ngay dưới mũi mình một con nữa dịch gần đến đích; có trời biết là ở từ đâu ra. Không được, y đứng dậy và nói tiếp; không thể đánh với anh được. Anh đi một lúc những ba con cờ!
- Thế nào, ba con à? Lầm rồi. Tớ vô ý chạm phải con này, tớ để nó lại chỗ cũ.
- Còn con kia nữa, làm sao mà nó ở đây được?
- Con nào cơ?
- Cái con gần đến đích ấy.
- Thế nào, cậu chẳng nhớ gì hết à?
- Không, anh ơi, tôi nhớ rất kỹ, tôi đếm hết cả các nước cờ. Con này, anh mới vừa đưa nó đến đây, đúng ra là nó ở đây này!

- Thế nào, đúng chỗ nó là ở đây! Nôzđriôp kêu lên, đỏ mặt, tía tai. Theo chỗ tớ biết thì cậu giỏi bịa đặt thật.
- Anh giỏi đấy, anh ạ; nhưng anh dùng cái giỏi ấy không đúng.
- Thế cậu cho tớ là đồ ăn gian à?
- Tôi không cho anh là cái gì hết; nhưng từ nay về sau tôi không đánh với anh nữa.
Nôzđriôp nổi nóng: - Ván cờ đang dở, phải đánh cho xong, cậu không có quyền từ chối.
- Tôi hoàn toàn có quyền vì anh không ra người lịch sự.
- Cậu dám nói gì thế, đồ nói dối?
- Anh nói dối ấy!
- Tớ không ăn gian, cậu không thể từ chối đánh nốt cho xong được!
- Anh không thể bắt buộc tôi được, Tsitsikôp lạnh lùng nói và xóa ván cờ đi.
Nôzđriôp giận dữ sán đến sát Tsitsikôp làm cho y phải lùi lại hai bước.
- Tớ bắt cậu phải đánh! Cậu có xóa đi cũng chẳng ăn thua gì. Tớ nhớ rõ hết các nước. Tớ sắp lại cho mà xem.
- Không, anh ạ, vô ích! Tôi không đánh với anh nữa.
- Cậu không chịu đánh nữa à?
- Anh cũng thấy là người ta không thể đánh với anh được.
- Nói hẳn ra nào, cậu không muốn đánh nữa à? Nôzđriôp lại nói và càng sán đến gần.
- Không, tôi không muốn đánh nữa! Tsitsikôp nói dứt khoát và đưa tay che mặt, phòng điều bất trắc, vì sự thể đã khá kịch liệt. Sự đề phòng ấy không phải là vô ích: cánh tay của Nôzđriôp đã vung lên một vòng rộng, một trong hai má của Tsitsikôp rất có thể phải chịu một sự nhục nhã không tài nào xóa được… Nhưng mà Tsitsikôp, đỡ được cái đòn ấy, nắm chặt lấy đôi cánh tay quá táo bạo.
Nôzđriôp điên lên, vừa cố gỡ ra, vừa hét: - Porfiri, Pavluska.
Nghe hắn hét, Tsitsikôp không muốn để cho bọn đày tớ chứng kiến một cảnh ô nhục tai tiếng và biết rằng giữ hắn cũng không ích gì, liền thả hắn ra. Vừa lúc ấy thì Porfiri chạy vào, theo sau là Pavluska, một gã trai tráng lực lưỡng mà tốt hơn cả là không nên

lôi vào.
- Thế nào, cậu không muốn đánh cho xong à? Nôzđriôp lại hỏi. Nói thật đi!
- Không thể được. Tsitsikôp vừa trả lời vừa liếc nhìn ra cửa sổ. Y trông thấy chiếc xe của y đã thắng xong, Xêlifan chỉ chờ một cái hiệu là đánh đến trước tam cấp; nhưng mà hai tên đày tớ vai u, thịt bắp kia đang chặn ngang lối ra.
- Vậy ra cậu không muốn đánh cho xong à? Nôzđriôp nhắc lại, mặt đỏ như quả hồng quân.
- Giá anh đánh ra người lịch sự… Còn như thế thì tôi không thể đánh được.
- À! Mày không thể đánh được à, thằng bợm! Mày biết sắp thua và không muốn đánh nữa! Đập vào! Nôzđriôp hét lên như một thằng điên, và vớ lấy một cái tẩu nặng bằng gỗ anh đào.
Tsitsikôp, mặt cắt không còn giọt máu, muốn nói, nhưng đôi môi chỉ mấp máy, không phát ra được lấy một tiếng.
- Đập vào! Nôzđriôp vừa hét, vừa tiến lên, tay cầm cái tẩu, mặt đỏ như gấc, thân hình đầm đìa mồ hôi, tựa hồ muốn xung phong tấn công một pháo đài kiên cố.
- Đập vào! Hắn hét lên, với cái giọng của một viên trung úy liều lĩnh, mà lòng dũng cảm điên cuồng bao giờ cũng phải có một nhật lệnh đặc biệt hãm bớt lại, - viên trung úy đang hét lên với tiểu đội của hắn trong một đợt tấn công quyết định. "Tiến lên!". Mải hăng hái xông lên, viên trung úy của chúng ta không còn biết gì nữa, tưởng mình là một Xuvôrôp {*Xuvôrôp (1729-1800) danh tướng Nga, nổi tiếng táo bạo trong chiến thuật*}, chỉ nóng nảy muốn lập một quân công hiển hách. "Tiến lên, các chú!" Hắn hét lên dũng mãnh, không hiểu rằng mình đang làm hại cho kế hoạch tấn công chung, rằng hàng nghìn miệng súng đang chĩa ra ở các lỗ châu mai của tòa thành quách kiên cố, rằng tiểu đội nhỏ yếu của hắn sẽ tan thành cám, và một viên đạn không tránh được sẽ chấm dứt những tiếng hét hiếu chiến của hắn.
Trong khi Nôzđriôp giữ đúng vai trò của viên trung úy đang lúc cuồng nhiệt, thì cái pháo đài mà hắn tấn công, đã chẳng tỏ ra kiên cố chút nào, lại còn sợ run lên nữa. Cái ghế mà y muốn dùng để

che thân đã bị bọn đày tớ giật đi rồi, và trong lúc khiếp sợ có thể chết đi được, y đã sửa soạn để nếm mùi tẩu Thổ Nhĩ Kỳ. Chỉ có Chúa là biết được cái gì sẽ xảy ra đến cho nhân vật của chúng ta, nếu số mệnh không hạ cố cứu cho bộ xương sườn, cho đôi vai, cho tất cả những bộ phận cao quý trên hình hài của y. Bỗng nhiên, tiếng lè rè của những chiếc nhạc ngựa đã rạn nứt tựa hồ từ trên trời sa xuống, tiếng bánh xe lăn đến tận tam cấp lớn, tiếng thở hổn hển nặng nề của ba con ngựa mệt hết hơi, đưa đến tận trong phòng. Tự nhiên, mọi người đều quay về phía cửa sổ. Một nhân vật, có râu mép, mặc áo dài, nửa nhà binh, nhảy từ chiếc têlêga xuống và, sau khi đã đưa mắt điều tra phòng ngoài thì bước vào, giữa lúc Tsitsikôp chưa hết hoảng hốt, đang ở trong tình trạng thảm hại nhất mà một kẻ phù sinh phải trải qua.

- Xin hỏi ông Nôzđriôp, người lạ sửng sốt hỏi, hết nhìn chòng chọc vào Nôzđriôp đang hoa cái tẩu, lại nhìn chòng chọc vào Tsitsikôp đang trấn tĩnh một cách khó khăn.

- Trước hết, tôi được hân hạnh nói chuyện với ai đây? Nôzđriôp tiến về phía người mới đến, hỏi lại như vậy.

- Với đại úy, quận trưởng cảnh sát {*Cảnh sát ở quận coi những việc điều tra hình án, thu thuế, trưng tập xe cộ… kiêm chánh thẩm phán tòa án vi cảnh nông thôn*}.

- Vậy ông muốn gì?

- Tôi đến theo yêu cầu của ông, theo lệnh, phải sẵn sàng chờ tòa án xử lý, cho đến khi tuyên án trong vụ người ta kiện ông.

- Vụ kiện nào?

- Vụ Maximôp. Điền chủ Maximôp kiện ông đã hành hung ông ta trong một buổi chè chén say sưa; ông đã sai người lấy roi đánh ông ta.

- Nói dối! Tôi hoàn toàn không quen biết gì điền chủ Maximôp.

- Ông nhớ cho rằng tôi là pháp quan. Ông có muốn thì nói cái giọng ấy với bọn tôi tớ trong nhà; còn tôi thì tôi không thể chịu được.

Không đợi nghe câu trả lời của Nôzđriôp, Tsitsikôp chộp lấy mũ, và lẩn đằng sau lưng viên đại úy cảnh sát, chuồn ngay ra ngoài.

Khi đã ngồi yên trong xe, y ra lệnh cho Xêlifan thả ngựa phóng hết tốc lực.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 5

Dĩ nhiên là nhân vật của chúng ta được một bữa sợ ra dáng. Chiếc xe chạy hết tốc lực, ấp của Nôzđriôp đã lẩn vào những đồng ruộng, đồi gò từ lâu mà Tsitsikôp vẫn cứ nơm nớp ngoái nhìn trở lại. Y cứ tưởng có người đuổi theo, y thở khó khăn và khi đặt tay lên ngực thì thấy quả tim nhảy thon thót như chim cun cút trong lồng. "A! Quân súc sinh, nó làm mình phải một lúc khó chịu quá". Rồi thì nghìn lời chửi rủa, nghìn tiếng thô tục đổ xuống đầu Nôzđriôp. Làm thế nào được? Tsitsikôp là người Nga và hơn nữa đang cơn tức giận. Vả lại chuyện này không phải chuyện đùa. "Không có lão quận trưởng cảnh sát, - y tự nhủ, - thì dễ mình phải vĩnh biệt cõi trần rồi! Mình đã phải biến đi không để lại dấu vết gì hơn một cái bong bóng xà phòng trên mặt nước, không lưu lại mai sau cho con cái mai sau chút tài sản, chút tiếng tăm nào". Nhân vật của chúng ta thường hay lo về con cháu.

Về phía hắn, Xêlifan cũng nghĩ: "- Ông chủ đâu mà bần tiện đến thế! Mình chưa hề thấy ai như thế bao giờ. Mình chỉ muốn nhổ vào mặt lão ta. Không cho người ăn còn hơn là cất phần của ngựa. Ngựa nó thích ăn kiều mạch; đó là khẩu phần của nó!..."

Về phần chúng, ba con ngựa cũng hình như coi Nôzđriôp không ra gì. Con Hồng bờm đen, con Trợ tá và cả con Vằn nữa đều đang cáu. Con Vằn bao giờ cũng được phần kiều mạch dở nhất và bao giờ Xêlifan trút phần của nó vào máng cho nó ăn, cũng chửi nó

trước là đồ vô hại, nhưng mà bao giờ thì cũng là kiều mạch, chứ không phải là cỏ khô; nó nhai rất thích và thường lại xục cái mõm dài vào máng của hai bạn nó để thưởng thức phần của chúng, nhất là những lúc vắng Xêlifan. Nhưng mà hôm qua trong máng chỉ toàn là cỏ khô, kinh khủng! Mọi người ai cũng bất mãn cả!

Nhưng tức thì, những kẻ bất mãn bỗng bị kéo ra khỏi những ý nghĩ miên man của họ. Toàn thể, kể cả xà ích, chỉ chợt tỉnh khi thấy bị đâm thẳng vào một cái xe sáu ngựa và nghe gần như từ trên đầu họ vọng xuống, tiếng kêu của mấy người đàn bà ngồi trong xe và tiếng chửi của gã xà ích xe kia.
- À! Đồ đểu! Tao chả kêu tướng bảo mày đi đúng bên phải là gì? Chắc là mày say hẳn!
Xêlifan biết mình lỗi; nhưng đúng là một người Nga, hắn không muốn tự thú mà bẻ lại một cách đường hoàng.
- Thế tại sao mày lại phi nước đại? Chắc cặp mắt mày đã đem cầm cho tiệm rượu rồi hẳn!

Bấy giờ hắn mới bắt đầu lùi chiếc britska lại, nhưng không tài nào mà lùi được vì hai cỗ ngựa đã vướng vào nhau chằng chịt. Con Vằn tò mò đánh hơi các bạn mới đang ép vào sườn nó. Trong lúc ấy hai người đàn bà ngồi trong xe, nhìn cái cảnh ấy với vẻ kinh hãi. Một người đã già, người kia còn trẻ, chỉ độ mười sáu tuổi; tóc vàng óng, rất đẹp trên cái đầu nhỏ nhắn. Khuôn mặt trái xoan đều đặn có hình dáng và màu trắng trong của một quả trứng mới đẻ; nếu một cô gái có bàn tay đen đưa lên soi thì nó sẽ để truyền qua những tia sáng mặt trời. Đôi tai nàng, thanh tú, trắng đục, ửng hồng dưới ánh sáng nóng nực; sự khiếp sợ làm đôi môi nàng hé mở; mấy giọt lệ long lanh trên mắt nàng. Tất cả những cái ấy làm thành một quang cảnh yêu kiều đến nỗi nhân vật của chúng ta phải ngắm một hồi, không chút để ý đến vụ tranh chấp giữa mấy con ngựa và hai gã xà ích.
- Lùi đi chứ, con quạ khốn khiếp kia! Gã xà ích xe kia nói.

Xêlifan kéo cương về phía mình; gã kia cũng làm như thế; mấy con ngựa lùi một tí, rồi lại tiến lên túm tụm vào nhau sát hơn trước nữa và vướng vít lủng củng vào các dây thắng. Hoan hỷ với người bạn mới, gặp gỡ nhau trong hoàn cảnh như thế, con Vằn dù có thế nào, cũng không muốn rời bạn. Ghếch mõm lên cổ bạn, nó thủ thỉ những lời, chắc là tế toái lắm, vì con kia cứ vẩy vẩy tai không ngớt.

Sau cùng, cảnh huyên náo làm cho nông dân một làng ở gần chạy đến xem. Những cảnh như thế đối với người mujik của chúng ta, thật là một ân huệ trời cho; họ chạy đến như người ngoại quốc xô đến {*Trong những bản in đầu. Gôgôn viết: Như chúng ta xô nhau đến*} câu lạc bộ hay báo chí. Vì vậy mà chẳng mấy chốc họ đã xúm xít vòng trong, vòng ngoài, ở làng chỉ còn có bà già và trẻ con. Người ta thả những dây kéo ra; mấy quả đấm vào mõm con Vằn làm cho nó lùi lại, cuối cùng người ta gỡ được hai cỗ ngựa ra. Nhưng hoặc là hờn dỗi vì phải rời những bạn mới và hoặc vì chỉ một cái thích bất thường mà mấy con ngựa của những người khách đàn bà vẫn dửng dưng với cái roi của xà ích vút đen đét, cứ ỳ ra không chịu nhúc nhích. Sự sốt sắng của dân làng đã đến mức cao nhất. Người nào cũng muốn khuyên một lời.
- Này, Andriuska, cầm lấy hàm thiếc con bên phải! Lão Mitiai cưỡi lên con cầm càng! Đi, leo lên, lão Mitiai.
Mitiai, người cao và ưỡn ẹo, râu cằm màu hoe, nhảy lên cưỡi con cầm càng: nom lão như một cái gác chuông nhà thờ làng, hay cái cần vọt để lấy nước ở nông thôn thì đúng hơn. Gã xà ích vụt lấy vụt để vào mấy con ngựa cũng chẳng ăn thua, lão Mitiai cũng mất công vô ích.
- Khoan! Khoan! những người mujik lại kêu lên. Lão Mitiai nhường chỗ cho lão Miniai và trèo sang con bên cạnh đi.
Không để người ta phải yêu cầu, lão Miniai, một ông hộ pháp râu đen như mun, bụng phệ như một cái xamôva khổng lồ hâm rượu xbiten cho cả một cái chợ đang rét cóng; lão leo lên lưng con ngựa cầm càng làm cho nó khuỵu xuống dưới sức nặng của lão.

- Ấy, bây giờ thì sắp chạy được rồi đấy!
- Đập mạnh, đập mạnh vào, nào! Vụt cho cái con hồng đốm trắng đang lồng lộn tại chỗ như con chôm chôm {*Con vật giống con nhện mà chân rất dài*} kia.
Thấy chẳng ăn thua gì, lão Miniai cho lão Mitiai trở về cưỡi con ngựa cầm càng và ngồi sau lưng lão, còn Andriuska thì cưỡi con bên cạnh. Cuối cùng người xà ích sốt ruột, khôn khéo mời hai lão mujik xuống. Mấy con ngựa tháo mồ hôi, như là chúng vừa chạy một mạch một cung đường dài. Hắn để cho ngựa thở một phút và sau đấy thì tự chúng vụt chạy, chẳng ai bảo gì cả.
Suốt lúc diễn ra cái trò tập ngựa ấy, Tsitsikôp chăm chú ngắm người lạ mặt trẻ tuổi. Y nhiều lần muốn nói chuyện với cô ta, nhưng không tìm được dịp gợi chuyện thì hai người khách đã đi rồi; cái đầu đẹp đẽ có những nét thanh tú đã tan đi như một ảo ảnh; chỉ còn lại có con đường cái, chiếc britska, ba con ngựa mà bạn đọc rất quen, Xêlifan, Tsitsikôp với cánh đồng không trơ trụi bao la.
Khắp nơi trong thiên hạ này, từ các tầng lớp hạ lưu sống tối tăm nơi cáu ghét, đến cái giới thượng lưu khô cóng lại trong một nỗi buồn chán u uất và hợp cách, mỗi một người ít nhất bình sinh cũng có một lần gặp gỡ đánh thức dậy trong lòng họ những tình cảm, từ trước không hề biết đến. Giữa những nỗi sầu muộn dệt thành cuộc đời của chúng ta, một lúc nào đấy, thế nào cũng lóe lên một ánh chớp vui thú. Cũng như có lúc, một cỗ xe, choáng lộn, dây thắng mạ vàng, ngựa kéo hăng hái, cửa kính sáng rực, phi nước đại qua một thôn xóm nghèo khổ ở nơi heo hút và dân làng, xưa nay chỉ biết có chiếc xe bò tồi tàn của họ, rất lâu vẫn ngả mũ, há hốc mồm đứng nhìn mà không thấy rằng cỗ xe đã biến mất rồi. Cô gái tóc vàng cũng vậy, nàng hiện ra trong cuốn truyện của chúng ta bất ngờ và chỉ một khoảnh khắc. Nhưng giá ở địa vị Tsitsikôp là một thanh niên, kỵ binh, sinh viên hay là kẻ mới vào đời bình thường, - thì lạy Chúa tôi - tâm hồn họ đã phải bừng tỉnh, phải xao xuyến biết nhường nào! Họ sẽ tần ngần đứng lặng giờ lâu, đôi mắt đắm nhìn cõi xa xăm, không nghĩ gì đến đoạn đường còn phải đi vì đã quên hết cả mọi thứ ở đời, bắt đầu từ chính bản thân họ.

Nhân vật của chúng ta, chẳng trẻ trung gì nữa, nên không phấn khích dễ dàng như vậy. Điềm đạm và thận trọng là thói thường của y; tuy vậy y cũng phải suy nghĩ; nhưng ý nghĩ của y theo một cái dòng có giới hạn rõ rệt hơn, thiết thực hơn: "Người đâu mà đẹp đến thế!". Y vừa nghĩ, vừa lấy một dúm thuốc lá trong hộp ra hít.
"Nhưng mà nói thật ra, tại sao cô em lại làm cho người ta ưa thích đến như vậy? Tại vì, mới ra khỏi ký túc xá từ hôm qua thôi, nàng chưa có một cái nào trong những thói xấu của người đàn bà; chẳng điệu bộ tí nào, chẳng kiểu cách tí nào. Giản dị như một đứa trẻ, nàng nghĩ gì nói nấy, thích lúc nào thì cười lúc ấy. Người ta có thể biến nàng thành cái gì cũng được. Nàng sẽ thành một người tuyệt diệu hay một kẻ thô lỗ, một kẻ thô lỗ thì đúng hơn! Cứ để cho các bà cô, bà dì và bà mẹ làm việc! Chỉ một năm là họ làm cho người bố tội nghiệp không còn nhận ra con gái nữa. Thói kiêu căng làm bộ, làm tịch sẽ đến với nàng, chẳng biết từ đâu. Nô lệ những bài học thuộc lòng, nàng sẽ nghĩ nát óc để hiểu là nàng có thể nói chuyện với những ai, với cái giọng như thế nào, trong bao nhiêu lâu và nàng phải có ý kiến như thế nào về người khác. Nàng sẽ luôn luôn lo sợ là nói nhiều không thích đáng với phép lịch sự, nàng sẽ lúng túng rồi rốt cục chỉ nói dối suốt đời và sẽ thành ra cái gì, họa có Chúa biết được!".
Nghỉ một lát, y lại tiếp tục mạch tư tưởng.
"Đáng lẽ mình phải hỏi xem cô ta là con cái nhà ai. Một trang chủ giàu, tính tình điềm đạm, một công chức về hưu trung hậu và giàu có? Cô bé với hai chục vạn rúp hồi môn, miếng ngon ấy, - như người ta thường nói - có thể đem hạnh phúc đến cho một người quân tử".
Hai chục vạn rúp hồi môn đó là cái cảnh quyến rũ biết bao trong trí tưởng tượng của Tsitsikôp đến nỗi làm cho y phải tự trách là trong lúc ồn ào lại quên không hỏi gã phu trạm hay gã xà ích tên hai người khách đàn bà. Nhưng một lát sau đã trông thấy ấp của Xôbakiêvits, Tsitsikôp tức khắc trở lại với cái mạch tư tưởng thường ngày.
Cái ấp hình như cũng khá lớn; hai khu rừng, một khu là rừng bạch dương, một khu là rừng thông, nằm hai bên như hai cái cánh, một

cánh nhạt, một cánh sẫm; ở giữa là cái nhà gỗ có gác, mái đỏ, tường quét màu ghi bẩn: đúng là một cái nhà gạch cho bọn khai hoang người Đức hay bọn lính đồn điền ở. Người ta có thể đoán biết rằng, khi xây nhà, người kiến trúc sư, một nghệ sĩ rởm, say mê sự cân đối, đã xung đột với sở thích của chủ nhà. Người chủ vốn thích lối tiện nghi riêng của mình, đã bắt bịt hết các cửa sổ ở một phía và thay bằng một cái cửa hẹp trổ trên mái, chắc là thông vào một kho lương thực tối mò mò. Cái mi nhà {*Mi nhà là bộ phận trang trí ở trên mặt chính của các lâu đài dưới có một hàng cột chống đỡ*} thì không nằm ngay ở giữa mặt nhà; những cố gắng của kiến trúc sư đã vấp phải thói cứng đầu của chủ nhà và một cái cột bị bỏ đi, chỉ còn lại có ba cái. Một hàng rào gỗ gồm những thanh gỗ to tướng vây quanh sân. Hình như chủ nhà rất chuộng sự chắc chắn. Tàu ngựa, nhà xe, chuồng xí đều cột kèo to lớn, chấp thời gian hàng thế kỷ.

Nhà của nông dân nom cũng khác thường, những izba đẹp toàn bằng gỗ, không trang trí những bức chạm thủng, các thứ hoa hòe khác, nhưng cột kèo đều hết sức chắc chắn. Cái bờ giếng bằng lõi gỗ sồi đẽo như một cái cối xay hay một chiếc tàu. Tóm lại là tất cả mọi thứ mà Tsitsikôp trông thấy đều vững vàng, nặng nề, dày dặn, đồ sộ. Đến gần tam cấp, y thoáng thấy gần cùng một lúc hai cái đầu cúi ra cửa sổ: một khuôn mặt đàn bà hẹp và dài như quả dưa chuột, đầu đội mũ vải, khuôn mặt kia thì như quả bí xứ Môdavia, một thứ quả mà ở Nga người ta dùng làm đàn balalaika, nhạc cụ nhẹ có hai dây, nguồn vui thích và niềm kiêu hãnh của bọn đĩ trai hai mươi tuổi, để họ gảy nhè nhẹ, vừa gảy vừa liếc mắt lia lịa, vừa huýt sáo tống tình với những cô gái đẹp, cổ trắng nõn, vội vàng nghe họ. Cùng một lúc, hai khuôn mặt lùi lại phía sau. Một người đày tớ mặc áo vét màu ghi; cổ xanh da trời, đưa Tsitsikôp vào tiền sảnh; ở đấy nghe trúc trắc: "- Mời bác", rồi dẫn khách vào nhà trong.

Tsitsikôp liếc Xôbakiêvits và lần này hắn nhắc cho y nhớ lại hoàn toàn hình thù một con gấu hạng vừa. Để cho thật giống con gấu, hắn mặc cái quần dài và cái áo đuôi én màu lông gấu, rộng tay, hắn đi lối chữ chi, bước nặng nề và thường giẫm lên chân người khác.

Mặt hắn đỏ, sắc mặt như sắc đồng năm kôpek đúc bằng đồng. Ta biết là có nhiều bộ mặt mà tạo hóa không buồn gọt đẽo gì cả. Bỏ hết dũa, khoan và mọi công cụ chính xác khác, tạo hóa tạc những bộ mặt ấy chỉ bằng dao quắm; một nhát là thành cái mũi, một nhát nữa thành đôi môi; hai nhát đục kếch xù là khoét xong hai bộng mắt, rồi không thèm trau chuốt gì nữa, tạo hóa ném chúng ra giữa thiên hạ và nói: "Thế này là được lắm rồi!" Hình thù thô kệch của Xôbakiêvits đã được tạc ra cẩu thả như vậy. Hắn lại thường cúi khom xuống, và không mấy khi hắn nhìn thẳng người nói chuyện với hắn, mà lúc nào cũng nhìn chằm chặp vào lò sưởi hay vào khung cửa.

Đi qua phòng ăn, Tsitsikôp lại liếc nhìn hắn một lần nữa: rõ ràng là một con gấu, một con gấu hoàn toàn! Và còn một sự trùng hợp lạ lùng nữa: tên hắn cũng là Mikkhai Xêmiônôvits {*Trong ngôn ngữ dân gian Nga, người ta thường đặt cho gấu tên Mikhain Xêmiônôvits, gọi tắt là Misa*}. Đã quen cách đi đứng của chủ nhà, và cái thói quen của hắn hay giẫm lên chân người khác, khách cẩn thận để cho chủ đi trước. Bỗng Xôbakiêvits, biết sự vụng về của mình, quay lại hỏi khách:

- Tôi không làm phiền bác chứ?

Tsitsikôp cảm ơn và nói là không có gì phiền cả.

Vào phòng khách rồi, Xôbakiêvits chỉ một cái ghế bành và lại nói: "- Mời bác!". Tsitsikôp ngồi xuống đấy và nhìn quanh một lượt các bức tranh in mộc bản treo trên tường. Những bức ấy vẽ toàn thân các anh hùng Hi Lạp: Miaulix, Kanarix, Mavrôcordatô {*Miaulix (1768-1835) và Kanarix (1790-1877) là đô đốc hải quân. Mavrôcordatô (1791-1865) là chính khách, đều nổi tiếng trong cuộc Chiến tranh giành độc lập của dân tộc Hi Lạp đầu thế kỷ XIX*} đeo kính, mặc áo dài, quần đỏ. Tất cả đều có bắp đùi to tướng, và râu mép dài đến nỗi nhìn họ người ta phải rùng mình. Giữa các ông hộ pháp ấy, không hiểu tại sao lại có Bagrachiôn {*Bagrachiôn (1765-1812) danh tướng Nga, nổi tiếng dũng cảm tử trận ở Bôrôđinô*} lồng trong một cái khung nhỏ xíu, người mảnh khảnh, gày đét, dưới chân có những lá cờ và khẩu đại bác bé tí ti. Xong lại đến một nữ anh hùng Hi Lạp, Bôbêlina mà chỉ một cái

chân cũng đồ sộ hơn toàn thể thân hình của những chàng công tử bột nhan nhản ở các phòng khách ngày này. Chắc khổ người hắn như hộ pháp, nên chủ nhà thích có chung quanh mình những trai tráng lực lưỡng như mình. Sau Bôbêlina thì đến một cái lồng treo sát vào cửa sổ; ở trong một con sáo lông lấm tấm trắng và con sáo ấy, càng giống hệt Xôbakiêvits.

Chủ và khách ngồi yên lặng vừa được hai phút thì cánh cửa phòng khách mở ra; bà chủ nhà bước vào, một người đàn bà cao lớn, đội một cái mũ buộc những dải cũ nhuộm lại bằng một phương pháp gia dụng. Bà chủ bước vào, dáng đi trịnh trọng, đầu thẳng đuỗn như một ngọn lá gồi.

- Đây, nhà tôi, Fêôđulia Ivanôpna, Xôbakiêvits nói.

Tsitsikôp đến gần để hôn tay. Fêôđulia Ivanôpna thọc ngay vào sát mũi y một bàn tay vừa rửa bằng nước muối dưa chuột.

- Mình ạ, Ivanôpna nói tiếp, tôi giới thiệu với mình bác Paven Ivannôvits Tsitsikôp. Tôi được hân hạnh quen bác ở dinh tỉnh trưởng và nhà giám đốc bưu vụ.

Fêôđulia Ivanôpna mời Tsitsikôp ngồi, cũng bằng một câu buông thõng: "Mời bác!" - với một cái gật đầu quen thuộc của các nữ diễn viên đóng vai hoàng hậu. Rồi nàng ngồi xuống ghế dài, cuộn mình trong chiếc khăn san bằng lông cừu mêrinôx {*Một nòi cừu ở Tây Ban Nha, lông đẹp*} và tất cả ở nàng, đến tận chân tơ, kẽ tóc, đều bất động.

Tsitsikôp lại đảo mắt nhìn lên các bức tường lại thấy Kanarix với hai cái đùi phốp pháp, bộ ria mép dài, Bôbêlina và con sáo trong lồng.

Gần năm phút trôi qua trong yên lặng; chỉ nghe tiếng con sáo mổ xuống sàn cái lồng. Lần thứ ba Tsitsikôp lại nhìn kỹ gian phòng. Mọi thứ trong phòng đều chắc chắn, nặng nề, phục phịch và giống chủ nhà một cách lạ thường. Ở một góc là một cái bàn giấy bằng gỗ hồ đào, chân chạm hai góc, chẳng khác gì một con gấu bằng xương bằng thịt; cái bàn, cái ghế bành, ghế tựa, tất cả đều nặng và hết sức bất tiện. Tóm lại, mỗi vật đều như kêu lên: "- Tôi rất giống Xôbakiêvits!". Hay là "tôi cũng là Xôbakiêvits theo kiểu của tôi đây".

- Thứ năm vừa rồi, ở nhà quan chánh án Ivan Grigôgiêvits, chúng tôi có nhắc đến bác. Chúng tôi chơi ở đấy khá thích; sau cùng thì Tsitsikôp phải nói như vậy, vì thấy chủ nhà rất ít muốn gợi chuyện.
- Vâng, hôm ấy tôi không đến chánh án được, Xôbakiêvits đáp.
- Con người tốt quá, phải không bác?
- Ai à? Xôbakiêvits nói, mắt nhìn cái lò sưởi.
- Quan chánh án ấy mà.
- Bác thích thì bác nói thế! Dù có là hội viên Thợ nề tự do {*"Thợ nề tự do" là một hội kín bề ngoài có màu sắc tôn giáo nhưng bên trong có tính chất chính trị; trong thế kỷ XVIII, ở tây Âu, nói chung, hội phản ánh quyền lợi của giai cấp tư sản mới ra đời, chống triều đình phong kiến và nhà thờ. Giữa thế kỷ XVIII hội du nhập vào nước Nga và được giới quý tộc tiến bộ hưởng ứng. Hoạt động của hội chuyên phổ biến văn hóa, lập trường học, mở nhà xuất bản, in tác phẩm của các nhà Bách khoa toàn thư để truyền bá tư tưởng dân chủ*} hắn cũng là thằng ngốc thượng hạng ở trên đời từ xưa tới nay.

Lời đánh giá võ đoán ấy làm Tsitsikôp hơi chưng hửng; nhưng y lại bình tĩnh ngay và nói tiếp:
- Tất nhiên, ai chẳng có chỗ yếu. Trái lại, quan tỉnh trưởng thì thật là người tốt.
- Lão tỉnh trưởng mà là người tốt à?
- Vâng, có phải thế không ạ?
- Tên tướng cướp số một ở trên đời này đấy!
- Quan tỉnh trưởng mà là một tên tướng cướp! Tsitsikôp kêu lên; y hoàn toàn bất lực, không thể hiểu vị trọng thần kia bỗng dưng biến thành đầu xỏ đảng cướp như thế nào. Y nói tiếp:
- Tôi chẳng bao giờ dám tin như thế. Cách cư xử của ngài dịu dàng đấy chứ. Xin phép bác cho tôi được thưa với bác như vậy.

Để dẫn chứng, Tsitsikôp kể cái sở thích thêu thùa của tỉnh trưởng và ca tụng cái vẻ quá hiền lành của bộ mặt ngài.
- Một bộ mặt kẻ cướp! Xôbakiêvits nói dứt khoát. Cho hắn một con dao, thả hắn lên đường cái hắn sẽ chọc tiết người ta vì một đồng kôpek. Lão phó tỉnh trưởng với hắn là Gôc và Magôc {*Theo Kinh Thánh của đạo Cơ đốc, Gôc và Magôc là hai bộ tộc man dân*

sẽ đánh giết nhau kịch liệt trước ngày Tận thế và Tài phán cuối cùng} đấy…
"- Rõ ràng là hắn không ưa họ! Tsitsikôp nghĩ thầm. Mình nói với hắn về lão cảnh sát trưởng vậy, có lẽ lão này là bạn hắn". Y nói tiếp:
- Về phần tôi, tôi rất thích cảnh sát trưởng. Thật là một người thẳng thắn, cởi mở, trông vẻ mặt cũng đủ biết là chất phác.
- Một thằng bịp bợm! Xôbakiêvits lạnh lùng nói. Hắn lừa người ta, phản người ta, rồi ăn uống với người ta như không. Tôi biết rõ tất cả chúng nó, toàn là bọn kẻ cắp, ngoài tỉnh là như thế: kẻ cắp cưỡi cổ kẻ cắp và xúi nhau ăn cắp. Quân phản Chúa cả. Trong bọn chúng chỉ có một người lương thiện là lão chưởng lý; nhưng mà nói thật, lão ấy đặc biệt ngu như một con lợn.
Sau khi đã được nghe mấy bản tiểu sử tuy ngắn mà êm tai ấy, Tsitsikôp nghĩ là nên để yên cho các quan chức khác, y chợt nhớ ra rằng Xôbakiêvits không bao giờ đánh giá ai tốt cả.
- Nào, mình ạ, chúng ta đi ăn chứ? Bà Xôbakiêvits bảo chồng.
- Mời bác! Xôbakiêvits nói.
Đến cạnh một chiếc bàn con để các thức nhắm, chủ và khách, theo đúng lễ nghi, nốc một cốc rượu trắng kèm theo những thức ăn muối khác nhau, và uống vài thứ rượu khai vị nữa, cũng theo đúng tục lệ ở khắp nước Nga mênh mông của chúng ta, ở thành thị cũng như ở nông thôn. Sau đấy họ vào buồng ăn; bà chủ nhà đi trước ngoe nguẩy như một con ngỗng. Trên một bàn ăn khí nhỏ, đã đặt bốn bộ đồ ăn. Ngồi vào ghế thứ tư là một người khó xác định được là bà hay cô, là bà con hay kẻ ăn bám, trạc ba mươi tuổi, không đội mũ, nhưng diện một bộ áo sặc sỡ. Có những kẻ chỉ tồn tại như những cái vết hay những chấm lốm đốm trên các đồ vật. Họ lúc nào cũng chỉ ở có một chỗ cố định, không bao giờ cử động cái đầu; người ta gần lầm lẫn họ với đồ đạc; người ta thề rằng họ chẳng bao giờ nói ra một tiếng chết tiệt nào, nhưng mà bất chợp bắt gặp họ ở nhà bếp hay kho áo, thì ô, ô, ô!...
- Hôm nay, món thịt hầm ngon lắm, mình ạ, Xôbakiêvits vừa nói vừa gắp một miếng niania to tướng, món ăn của Nga thường kèm theo thịt hầm và một khúc ruột cừu nhồi lúa mạch đen, óc và chân

bê.
- Ở tỉnh, bác không kiếm đâu được một miếng như thế này, hắn lại nói với Tsitsikôp. Ngoài ấy họa có Chúa biết được là người ta cho bác ăn những gì!
- Ở dinh tỉnh trưởng, ăn cũng khá đấy chứ, Tsitsikôp nói.
- Giá lúc bác biết ở đấy họ nấu nướng thức ăn như thế nào, bác sẽ chẳng động đến đâu.
- Tôi không biết đánh giá thế nào cách nấu nướng; nhưng tôi thấy món cá nấu và món sườn lợn ngon đấy chứ.
- Nhất định là bác lầm rồi. Tôi biết chúng nó mua những gì ở chợ cho nhà tỉnh trưởng. Thằng bếp kẻ cướp nhà ấy không phải đã toi công đi học nghề với một lão người Pháp; nó lột da một con mèo rồi dọn lên, nói là con thỏ.
- Eo! Khiếp quá! Bà Xôbakiêvits kêu lên.
- Làm thế nào được, lối làm ăn của chúng như thế đấy! Tôi chẳng liên quan gì đến việc ấy cả. Tất cả những thứ mà thằng Akunka nhà ta - xin lỗi, - ném vào hòm rác, thì ở nhà họ đều vào nồi xúp; đúng, đúng hoàn toàn vào nồi xúp.
- Bao giờ đang ăn, mình cũng nói những lời lẽ khiếm nhã, bà Xôbakiêvits lại càu nhàu.
- Nhưng mà mình ạ, có phải tại tôi đâu? Tôi nói thật với mình là người ta không thể nào cho tôi ăn đồ rác bẩn được. Đem rắc đường lên một con ếch, tôi cũng chẳng đụng đến đâu, cả sò huyết cũng thế; tôi biết những của ấy giống cái gì rồi. Hắn lại quay về phía Tsitsikôp nói: bác nếm thử súc thịt cừu với lúa mạch đen này. Khác hẳn những món thịt trộn sốt mà người ta làm ở nhà các vương công với những thứ vứt đi ngoài chợ. Bọn thầy thuốc Đức và Pháp lại còn giỏi bày đặt lắm thứ lắm; nếu chỉ quyền ở tôi thôi thì tôi đã treo cổ chúng lên hết rồi. Chúng bày đặt ra cách nhịn ăn, chữa bệnh bằng cái đói! Quân vô lại ấy tưởng có thể coi rẻ những dạ dày Nga; nhưng chẳng được đâu tôi cam đoan với bác như vậy! Không, tất cả những trò ấy đều chỉ là lừa bịp cả, mà…
Xôbakiêvits lắc đầu một cách tức giận.
- Người ta thường nói đến văn hóa, nhưng tôi, bác biết không, tôi cóc cần cái văn hóa! Tôi dùng một chữ khác kia, nhưng đang ăn

nói ra không tiện. Phong tục của tôi khác. Ở nhà tôi, khi dọn con ngỗng, con cừu, con lợn là dọn cả con! Chẳng thà tôi ăn hai món thôi, nhưng mà ăn thỏa thuê.
Xôbakiêvits xác nhận những lời nói của mình bằng cách gắp vào đĩa một nửa súc thịt cừu, rồi hốc, gặm, mút cho đến mẩu xương cuối cùng.
Tsitsikôp nghĩ thầm: - Ừ, thằng cha ăn khỏe thật!
Xôbakiêvits vừa chùi tay vào khăn ăn vừa nói. - Phải, tôi hiểu cuộc đời hơn hẳn cái tên Pliuskin chẳng hạn, lão ta có những tám trăm nông phu, mà ăn uống thì khổ hơn cái thằng bé con chăn cừu nhà tôi.
- Pliuskin ấy là ai vậy? Tsitsikôp hỏi.
- Một đứa đê tiện! Xôbakiêvits đáp. Một thằng cha keo kiệt có một không hai. Bọn tù khổ sai sống còn sướng hơn hắn; nông dân của hắn, hắn để chết đói cả.
- Không lẽ, Tsitsikôp thấy có lợi nên cố gạn hỏi. Bác bảo là nông dân của lão ta chết nhiều lắm à?
- Chết như ruồi ấy!
- Thật à, như ruồi ấy à! Xin phép bác cho hỏi là lão ta ở cách đây có xa không ạ?
- Cách năm verxta.
- Cách năm verxta! Tsitsikôp nhắc lại và tim y bắt đầu đập mạnh hơn. Từ đây đi ra thì rẽ bên trái hay bên phải?
- Bác đừng biết con đường đi đến nhà một con chó như thế thì tốt hơn. Đi đến nơi gái điếm còn có thể tha thứ hơn là đến nhà hắn.
- Tôi chỉ hỏi thế thôi… chỉ vì tôi thích địa hình địa thế, Tsitsikôp trả lời.
Tiếp theo súc thịt cừu là những bánh hấp nhân pho mát, mà mỗi chiếc to hơn cái đĩa, rồi đến một con gà tây to tày con bê, nhồi trứng, gạo, gan và những thức ngon lành khác làm nặng trĩu cả dạ dày. Đó là món cuối cùng; nhưng mà ăn xong đứng dậy Tsitsikôp cảm thấy mình nặng thêm lên một pút. Người ta lại trở về phòng khách; ở đấy, đã có sẵn một cốc mứt lê, mận hay quả ít khác, đố ai mà biết được; nhưng mà khách và chủ đều quá no nê, chẳng ai đụng đến cả. Bà chủ nhà vội đi kiếm những món ngon hơn. Lợi

dụng lúc vắng người, Tsitsikôp quay lại phía Xôbakiêvits thì thấy hắn đã nằm dài trong ghế bành, chỉ còn có thể rên được nữa mà thôi, sau một bữa ăn thịnh soạn như thế, và phát ra những tiếng ú ớ, không có âm tiết, vừa làm dấu thánh, vừa luôn luôn đưa tay lên mồm.
Tsitsikôp mở đầu câu chuyện: "Tôi muốn nói chuyện với bác về chút việc."
- Mứt khác đây, bà chủ vừa nói vừa bưng vào một cái đĩa. Su hào rim mật ong.
- Được, được, Xôbakiêvits nói. Mình về buồng đi, Paven Ivannôvits và tôi sắp bỏ áo ra ngủ một giấc đây.
Bà ta muốn sai người đi lấy đệm, gối, nhưng Xôbakiêvits bảo rằng các ghế bành cũng đủ êm; nàng liền đi ra.
Xôbakiêvits, đầu hơi nghiêng, lắng tai nghe.
Tsitsikôp nói xa xôi về đế quốc Nga nói chung, ca tụng lãnh thổ rộng lớn mênh mông của nó, vượt xa lãnh thổ của nước quân chủ La Mã cổ đại, làm cho người nước ngoài phải ngạc nhiên một cách chính đáng…
Xôbakiêvits cúi đầu vẫn lắng tai nghe.
… Y nói tiếp là theo luật lệ hiện hành trong cái đế quốc mà đại danh không nước nào sánh kịp này thì những nông phu có đăng ký mà đã mãn cuộc đời dương thế rồi, vẫn còn tên trong sổ đinh để đóng thuế cho đến kỳ kiểm tra sắp đến, như cốt để tránh cho Chính quyền phải gánh thêm việc và lập thêm một cơ quan mới nữa trong bộ máy Nhà nước vốn đã khá phức tạp rồi…
Xôbakiêvits cúi đầu, vẫn lắng tai nghe.
… Tuy vậy, biện pháp ấy, dù là đúng, vẫn rất tốn kém đối với nhiều trang chủ, vì bắt buộc họ phải đóng thuế thân cho người đã chết như cho người còn sống. Bởi vậy, để tỏ lòng kính mến đối với gia chủ, y sẵn sàng đảm lấy một phần cái gánh nặng ấy. Còn về đối tượng chủ yếu thì Tsitsikôp chỉ phát biểu rất thận trọng; y không nói đến nông phu chết mà chỉ nói nông phu *không tồn tại nữa*.
Xôbakiêvits, cúi đầu, vẫn lắng tai nghe. Trên mặt hắn, không thấy thoáng qua một vẻ gì cả, cái thân hình trơ trơ, bất động, tựa hồ không có cả linh hồn nữa, hay ít ra nếu có chăng thì linh hồn ấy

không ở cái chỗ nó phải ở, mà lại ở đâu đâu bên kia núi như linh hồn của Bộ xương Bất tử {*Bộ xương Bất tử là một con quỉ trong truyện dân gian Nga, gày đét như bộ xương, khư khư giữ những kho tàng không dám ăn tiêu, nhưng cuối cùng kho tàng cũng bị cướp mất. Trong ngôn ngữ Nga, Bộ xương Bất tử thường dùng để chỉ người hà tiện*}; một cái mai phủ lên nó, cứng đến nỗi tất cả những gì cựa quậy ở dưới đều chẳng gây ra chút chấn động nào trên mặt cả.

- Vậy bác nghĩ thế nào? Tsitsikôp nói và không khỏi khắc khoải chờ một tiếng trả lời.

- Bác cần nông phu chết? Xôbakiêvits hỏi lại, bình thản, không chút ngạc nhiên, như là nói đến lúa mì vậy thôi.

- Vâng, hay đúng ra là nông phu không tồn tại nữa, Tsitsikôp trả lời và nghĩ là nên làm dịu một lần nữa mấy cái tiếng ấy đi.

- Có đấy, chắc chắn có, Xôbakiêvits nói.

- Và trong trường hợp ấy, chắc bác sẽ vui lòng để lại cho chứ?

- Vâng, tôi sẵn lòng bán lại, Xôbakiêvits nói và lần này thì khẽ ngẩng đầu lên như tuồng đoán biết người mua phải được lợi lộc gì về cái món này.

"- Quỷ sứ! Đây là một thằng mà mình chưa kịp hở lời, đã nói đến bán", Tsitsikôp nghĩ thầm như vậy. Rồi y lại nói to: - Nhưng giá cả như thế nào? Dù rằng, xin nói thật đấy là một thứ mà nói đến giá cả thì kể ra cũng là…

- Tôi xin nói ngay không thèm bớt gì nữa: một trăm rúp mỗi đứa.

- Một trăm rúp à! Tsitsikôp thốt lên và há hốc mồm nhìn chằm chằm kẻ đang nói chuyện với mình; và tự hỏi là mình đã nghe lầm chăng hay là cái lưỡi tê cóng của Xôbakiêvits nói điều nọ chọ sang điều kia?

- Đối với bác có đắt giá chăng? Xôbakiêvits hỏi và sau một phút lại nói thêm: - Vậy bác trả bao nhiêu?

- Tôi trả bao nhiêu? Giữa chúng ta có sự hiểu lầm rồi. Chúng ta không nhớ rằng đây là vật phẩm gì. Nói có lương tâm, tôi nghĩ là không thể trả hơn tám mươi kôpek {*Một rúp là một trăm kôpek*} một đứa được.

- Bác nói gì vậy! Tám mươi kôpek à?

- Tôi nghĩ là nó không đáng giá hơn thế được.
- Có phải là tôi bán ép cho bác đâu.
- Nhưng cũng không phải là bán người, phải nói thật như thế.
- Vậy bác nghĩ là có đứa ngốc nào nó để lại cho bác tám mươi kôpek một nông phu đã đăng ký sổ đinh đấy hẳn?
- Xin phép bác, sao lại gọi là đăng ký được? Chúng nó đã chết từ đời nào rồi; bây giờ chỉ còn có một cái tiếng suông ấy mà thôi. Vả lại, để cho chóng xong, tôi cũng xin gửi bác một rúp rưỡi. Không thể hơn được nữa.
- Mà cả như thế mà bác không ngượng à? Nào, trả một giá phải chăng đi?
- Tôi không thể, Mikhain Xêmiônôvits ạ, nói có lương tâm, tôi không thể bác ạ; cái gì không có thể là không có thể. Tsitsikôp nói thế nhưng lại thêm năm mươi kôpek nữa.
- Bác bớt xén làm gì, Xôbakiêvits nói, tôi có lấy đắt của bác đâu. Một thằng bịp nó còn lừa bác, đem của vứt đi để đánh tráo lấy nông phu. Còn tôi thì bán cho bác những hàng lựa chọn kỹ càng, chỉ toàn là trai tráng và trong số đó có những tay thợ kén lạ lùng! Này chẳng hạn, thằng thợ đóng xe Mikhêiep. Nó chỉ đóng toàn xe có ổ díp và bác tin cho rằng nó không làm ăn theo cái lối Mạc-tư-khoa, cái lối có bảo mới làm đâu nhé. Không, cái gì nó làm ra cũng đều chắc chắn… Mà xe đóng xong, lại chỉnh lót bên trong, sơn bên ngoài.

Tsitsikôp mở mồm để cãi là Mikhêiep không còn trên dương thế này nữa; nhưng Xôbakiêvits đã bị nhiệt tình của câu chuyện lôi cuốn, như người ta thường nói; hình như hắn bỗng nhiên có khẩu tài và không ngừng nói nữa.

- Còn Xtêpan Nút chai {*Tên Nga là Prôkpa, nghĩa là cái nút chai*}, thằng thợ mộc! Cam đoan là cứ chặt đầu tôi đi, nếu bác gặp được đứa nào như nó. Một dũng sĩ thực sự! Giá nó vào quân cận vệ thì sự nghiệp chẳng biết đến đâu, sáu piê tám put {*Piê là đơn vị đo chiều dài cổ của Pháp bằng 0m 3248 và chia làm mười hai put và vậy là Xtêpan cao hơn 216 centimet*} đấy, ông ạ.

Tsitsikôp lại muốn nhắc rằng Nút chai không còn nữa; nhưng rõ ràng là Xôbakiêvits đang bốc và trước ngọn triều hùng biện ấy, chỉ

còn cách là làm thinh.
- Miluskin, thợ nung gạch! Nó có thể xây lò sưởi trong bất cứ nhà kiểu nào! Maxcim Têliatnikôp, thợ giày: chỉ một mũi dùi là nó đóng xong cho bác một đôi ủng và ủng đẹp làm sao! Mà không bao giờ nó rượu chè gì đâu nhé. Lại còn Ierêmêi Xôrôkôplikhin! Cái thằng láu lỉnh, tháo vát ấy, một mình nó bằng tất cả các thằng khác hợp lại; nó đi buôn ở Mạc-tư-khoa và năm ít, năm nhiều, vẫn gửi cho tôi năm mươi rúp tiền tô {*Thời nông nô, nhiều trang chủ trong các tỉnh mà sản xuất nông nghiệp kém thường cho nông nô đến các thành phố lớn làm nghề thủ công hay buôn bán, và nộp tô cho họ bằng tiền kiếm được, thường là rất nặng. Có khi nông nô phát tài và giàu hơn cả chủ, nhưng chủ vẫn có quyền bắt nông nô về phục dịch mình theo đúng địa vị của họ*}, Pliuskin thì đào đâu ra được mà bán cho bác những trai tráng có cái chất như thế.
Kinh ngạc vì những lời thao thao bất tuyệt ấy, cuối cùng Tsitsikôp mới nói được: - Xin phép bác, xin phép bác, bác kể ra tất cả khả năng của chúng thì có ích gì? Vì chúng đã chết cả rồi, ta còn khai thác được gì chúng nữa đâu. Xin bác nhớ câu tục ngữ: *Người chết thì đến một cái giậu cũng không chống được nữa*.
- Đúng thế, chúng chết rồi, Xôbakiêvits như tuồng sực nhớ lại điều đó và nói thế, nhưng lại thêm ngay: - Vả lại những đứa được ghi trong sổ là còn sống thì gọi chúng là gì cho đúng nhỉ. Là người à? Không, đúng ra chỉ là ruồi thôi.
- Nhưng dù sao chúng cũng đang sống, còn bọn này thì chỉ là trò ảo đăng thôi.
- Trò ảo đăng à, không phải! Những đứa như Mikhêiep, bác chẳng còn có thể tìm đâu ra được, xin phép đối với bác như vậy. Nó là một tên khổng lồ, không vào lọt cái buồng này, hai vai khỏe hơn con ngựa! Tôi muốn biết bác còn kiếm ở đâu ra được một trò ảo đăng như thế!
Hắn nói mấy lời sau này với hai bức chân dung của Bagrachiôn và của Kôtôkôtrônix {*Kôtôkôtrônix (1770-1883) danh tướng trong Chiến tranh Độc lập của Hi Lạp*}. Cũng như giữa một câu chuyện, thường một người nói cứ vô cớ quay sang nói với một người mới đến, mà thậm chí họ không quen biết, và mặc dù họ hiểu rằng

không thể mong người ấy tán thành hay phản đối. Họ cứ nhìn chằm chằm vào người ta như định bắt người ta làm chứng; và kẻ mới đến, cũng không biết có nên dự vào một việc mà họ không biết tí gì cả, hay là rút lui sau khi đã làm xong các tục lệ xã giao.
- Không, thật đấy, tôi không thể trả hơn hai rúp được đâu, Tsitsikôp nói.
- Thôi được, để làm ơn cho bác và để bác không thể trách là tôi lấy của bác đắt quá, tôi để bác bảy lăm rúp một đứa, bằng tiền giấy đấy. Gọi là để làm quen nhau.
Tsitsikôp nghĩ thầm: "À, thế ra nó cho mình là đồ ngốc!" rồi lại nói to: - Thật tình, tôi chẳng hiểu ra sao cả. Chúng ta đóng kịch sao đây… Theo tôi, bác cũng là người thông minh và khá học thức. Việc này rất đơn giản, có gì đâu, vật phẩm này lại không có giá trị mua bán.
- Xin lỗi bác, bác mua, tức là bác cần nó chứ gì?
Tsitsikôp cắn môi và không biết trả lời ra sao. Y muốn viện dẫn hoàn cảnh gia đình này nọ, nhưng Xôbakiêvits đã bác đi một cách khá đơn giản:
- Không cần! Tôi chẳng can dự gì đến việc gia đình. Bác cần nông phu, tôi bán cho bác, bác không mua, sau bác sẽ hối.
- Hai rúp vậy, Tsitsikôp nói.
- Ê, bác thật chẳng khác nào con chim chìa vôi trong tục ngữ: *nó chỉ có một tiếng và bất cứ lúc nào cũng lắp đi, lắp lại*. Bác vấp phải hai rúp và không muốn nhả ra nữa. Nào, đặt một giá kha khá có thể nhận được đi.
Tsitsikôp nghĩ thầm "- Cái đồ chó! Thôi thì ném cho nó cục xương nó gặm vậy" và y nói to: - Được rồi, tôi thêm năm mươi kôpek nữa.
- Còn tôi, tôi nói giá hạ nhất, không thể thêm bớt gì nữa: năm mươi rúp! Lấy danh dự mà thề, như thế là tôi thiệt rồi đấy. Bác không mua được ở đâu những quân trai tráng như thế và rẻ hơn thế đâu.
"- Đồ rán sành ra mỡ!" Tsitsikôp nghĩ thầm. Rồi nói to, giọng tức giận: - Gớm, việc quan trọng lắm đấy! Bác tưởng tôi có ý định đi mua nơi khác à? Tất cả mọi người, ai chẳng cho không tôi mà lại còn mừng vì tống được những của nợ ấy đi. Có đứa ngốc nào lại

muốn giữ lấy để mà phải đóng thêm thuế?
- Bác có biết là những lối mua bán thế này – tôi chỉ nói giữa chúng ta với nhau và vì chỗ bạn thân, - là không hợp pháp lắm, và nếu tôi hay một người nào khác mà tiết lộ ra thì cái kẻ đi mua như vậy sẽ không còn ai tín nhiệm được nữa, dù là hợp đồng hay kinh doanh gì cũng vậy.
"- Đấy, mục đích của thằng xỏ lá là như thế đấy". Tsitsikôp nghĩ thầm. Nhưng, tức khắc y nói rất bình tĩnh: - Bác có quyền thích gì làm nấy. Tôi mà mua thì không phải như bác tưởng là tôi cần, mà chỉ là để thỏa một cái ý ngông vậy thôi. Hai rúp rưỡi bán hay không, một tiếng nữa mà thôi.
"- Ê, ê, hắn chẳng chịu chiều theo mình thật!" Xôbakiêvits nghĩ thầm rồi nói: - Thôi, trả tôi ba mươi rúp một và cân đi.
- Không, tôi thấy là bác không muốn bán. Thôi chào bác.
- Xin phép bác, xin phép bác, Xôbakiêvits vừa nói, vừa dang tay ngăn Tsitsikôp lại, vừa xéo lên chân y.
Nhân vật của chúng ta, quên cả giữ ý, rên một tiếng và nhảy lên.
- Tôi xin lỗi bác, hình như tôi làm phiền bác? Mời bác ngồi xuống đây. Xin mời bác.
Hắn dìu Tsitsikôp ngồi xuống ghế bành, với cái dáng điệu của một con gấu đã được tập luyện, biết đi núng na, núng nính, và làm nhiều trò khác khi người ta bảo nó: "- Làm xem nào, Misa, các bà xông hơi như thế nào nào?" hay: "còn trẻ con ăn cắp đậu thì làm như thế nào nào, Misa?"
- Nói thật, tôi mất nhiều thì giờ rồi, tôi bận lắm.
- Bác chờ cho một tí, tôi xin nói hai tiếng thôi có thể làm bác vui lòng. Hắn ngồi xuống sát bên cạnh Tsitsikôp và thì thầm vào tai y như nói một chuyện bí mật vậy: - Hăm lăm rúp, bác bằng lòng chứ?
- Không, một phần tư như thế cũng không? Tôi không thêm một kôpek.
Xôbakiêvits lặng thinh. Tsitsikôp cũng vậy. Yên lặng kéo dài đến hai phút. Bagrachiôn với cái mũi quặm chăm chú nhìn cái cảnh cò kè thêm bớt ấy.
Cuối cùng Xôbakiêvits mới nói được: "Thế giá cao nhất của bác là

bao nhiêu?”
- Hai rúp rưỡi.
- Một con người đối với bác thật không đắt hơn một củ cải. Bác trả cho ít ra là ba rúp vậy.
- Không thể được.
- Thôi được! Dù thế nào cũng phải chiều ý bác vậy. Tôi thiệt đấy, nhưng với cái tính nhu nhược, tôi không thể không làm vừa lòng người khác được. Để cho mọi việc hợp lệ, chúng ta phải lập văn tự chứ.
- Dĩ nhiên.
- Tôi đã nghĩ thế; phải ra tỉnh chứ.
Công việc đã ổn, họ quyết định ngày hôm sau sẽ có mặt ở tỉnh để lập văn tự. Tsitsikôp đòi một danh sách nông phu; Xôbakiêvits đồng ý, ngồi vào bàn giấy, tự tay lập một danh sách có đủ tên tuổi lại kèm theo khả năng và đức tính của từng người.
Tsitsikôp không có việc gì làm nữa, ngồi ngắm cái vóc to tướng của Xôbakiêvits. Vừa ngắm nghía cái lưng rộng như cái mông của những con ngựa ở Viatka, bộ giò tương tự với những cái cột gang người ta đặt dọc một số lề đường, y phải thốt ngầm lên rằng: “Nói thật, Chúa đã dành cho mày một số phận khá là may! Như thế gọi là vụng cắt mà khéo may đấy! Vì chắc mày cha sinh mẹ đẻ vốn là loài gấu, nếu không thì cũng là đời sống trong cái hang này, công việc ruộng đồng, những sự đôi co với bọn nhà quê của mày, đã làm cho mày *hóa gấu*, cho mày thành ra một thằng keo kiệt, *siết chặt nắm tay*” {*Ý nói không thả cho ai một xu, trong nguyên văn là “con người - Kulak” nghĩa là con người - nắm tay; cái từ Kulak còn có nghĩa là phú nông mà bản chất là bóc lột và keo kiệt*} như người ta thường nói. Không, tao cho rằng giá mày mà có được giáo dục theo thời thượng, giá mày mà có cố vươn lên và hiện nay ở Pêterbua đi nữa, thì mày cũng sẽ hệt như thế thôi. Chỉ khác chăng là đáng lẽ vồ lấy mà hốc một nửa đùi cừu nấu lúa mạch đen kèm theo một cái bánh hấp nhân pho mát to bằng cái đĩa, thì mày nhấm nháp những sườn lợn nấu nấm mà thôi! Đó là điều khác nhau độc nhất. À, còn một điều này nữa: ở đây mày không kiếm chuyện với nông dân và gây thiệt hại gì cho chúng, vì làm thiệt cho chúng tức

là tự làm thiệt cho mày, còn ở Pêterbua thì mày sẽ bóc lột bọn thuộc lại và cướp bóc của Nhà nước. Đã siết chặt nắm tay thì không thể mở ra được nữa. Mà giá nó có bằng lòng nới một hay hai ngón tay thì lại càng tệ hại hơn nữa. Cái quân này mà được ít nhiều ánh sáng của một thứ khoa học nào đấy, mà cho nó một địa vị kha khá, thì sẽ thấy nó đối xử như thế nào với những kẻ thực sự làm chủ khoa học ấy. Và hơn nữa, nó sẽ cố nổi tiếng, làm cho thiên hạ "phải biết tay ta" bằng cách ra một pháp lệnh khôn khéo làm lắm kẻ chết {*Kiểm duyệt bỏ câu: "Và hơn nữa… lắm kẻ chết"*}…
À! Giá tất cả những quân bóc lột này…
- Danh sách đây rồi, Xôbakiêvits vừa nói vừa quay lại.
- Xem nào!
Tsitsikôp đưa mắt đọc, khen danh sách rõ ràng, chính xác. Tuổi tác, địa vị, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của mỗi một con người đều kê khai đầy đủ; ngoài lề còn ghi những nhận xét về hạnh kiểm, điều độ; nom thật thích mắt.
- Thế, bây giờ bác đặt cọc cho tôi chứ? Xôbakiêvits hỏi.
- Tại sao? Bác lĩnh một lúc cả số tiền ở ngoài tỉnh luôn.
- Lẽ phải thế, Xôbakiêvits cãi.
- Tôi không mang tiền theo. Bác cầm lấy mười rúp, nếu bác cần.
- Mười rúp! Đưa tôi ít nhất là năm chục.
Tsitsikôp cố chối là không có tiền, nhưng vô hiệu; Xôbakiêvits quả quyết là y có tiền một cách chắc chắn đến nỗi cuối cùng phải thò ra một tờ bạc nữa.
- Đây, mười lăm rúp nữa, vị chi hăm lăm rúp. Nhưng biên nhận cho tôi.
- Biên nhận để làm gì
- Như thế tốt hơn. Biết đâu chẳng có việc gì xảy ra.
- Được, đưa tiền đây đã.
- Tôi cầm tiền đây rồi. Bác ký xong giấy biên nhận thì có thể lấy tiền.
- Nhưng muốn làm giấy biên nhận tôi phải trông thấy số tiền đã.
Tsitsikôp đưa mấy tờ bạc. Xôbakiêvits để trên bàn, lấy tay trái chặn lên, còn tay phải thì viết lên một mảnh giấy là có nhận một số tiền trả trước là hăm lăm rúp giấy về việc bán nông phu. Rồi hắn

xem xét tỉ mỉ từng tờ bạc một.
- Tờ này cũ quá, rách quá, hắn vừa nói vừa soi một tờ bạc lên ánh sáng; nhưng thôi cũng được, chỗ bạn bè người ta không soi xét quá kỹ.
- Đồ Kulak, đồ Kulak. Và lại xỏ lá thượng hạng nữa là đằng khác. Tsitsikôp tự nhủ như vậy.
- À này, bác có thích phái nữ không?
- Không, cám ơn.
- Tôi không lấy đắt của bác đâu. Một rúp một đứa chỗ bạn bè.
- Nhưng, tôi chẳng biết dùng làm gì {*Nông nô đàn bà không đăng ký sổ đinh, có mua cũng không ích gì, nên Tsitsikôp không mua*}.
- Vậy thì không nói chuyện ấy nữa. Mỗi người một sở thích! Không bắt ép được! *Kẻ thích ông pốp {Cha đạo chính thống Nga} người thích vợ ông pốp*, tục ngữ đã nói như vậy.
- Một câu này nữa: tôi mong rằng việc mua bán này chỉ chúng ta biết với nhau thôi, Tsitsikôp nói rõ và cáo từ ra về.
- Tất nhiên. Không cần thiết cho một kẻ thứ ba dự vào việc này; đã là bạn tốt thì phải bí mật cho nhau. Thôi chào bác. Cám ơn bác đã đến chơi. Sau này chớ có quên tôi; có phút nào rỗi rãi thì bác đến ăn cơm, chúng ta tiêu thì giờ một cách dễ chịu. Có thể là chúng ta còn giúp nhau được nhiều việc nữa.
"- Ngồi đấy mà chờ!". Tsitsikôp vừa lên xe vừa lẩm bẩm một mình. Nó chém mình hai rúp rưỡi một thằng nông phu chết, đồ quỷ Kulak.
Cách cư xử của Xôbakiêvits làm y tức giận. Dù sao thì cũng là nơi quen biết; đã từng gặp nhau ở dinh tỉnh trưởng, ở nhà cảnh sát trưởng, thế mà với cái của chẳng ra gì, nó cũng đi lấy tiền của y như đối với người lạ. Khi chiếc britska đã ra khỏi sân, y quay lại còn thấy Xôbakiêvits đứng trên ngưỡng cửa, như khát khao muốn biết y đi đường nào.
"Nó không chịu vào cho, cái đồ súc sinh!" Tsitsikôp cầu nhầu trong mồm. Rồi liền ra lệnh cho Xêlifan đánh xe vòng ra sau dãy nhà gỗ, để cho từ nhà chủ ấp không thể trông thấy y được.
Y định tâm đến nhà Pliuskin, mà nếu tin lời Xôbakiêvits, thì nông phu chết như ruồi ấy, nhưng y không muốn cho tên kia có thể ngờ

đến việc đó. Khi xe đã ra đến cuối làng, y gọi một người nông dân đầu tiên y gặp, vai mang một tấm ván nặng mới nhặt được trên đường cái như một con kiến không biết mệt.
- Này lão già, đến ấp Pliuskin thì đi lối nào, nếu không muốn đi qua trước mặt nhà chủ của lão?
Câu hỏi hình như làm người mujik lúng túng.
- Không biết à?
- Thật tình là không, thưa ngài ạ.
- Vô lý! Đã hai thứ tóc thế kia mà chưa biết Pliuskin, cái lão keo kiệt, cho nông phu ăn đói ấy à?
- À! Cái lão vá đụp, lão vá đụp! Người nhà quê kêu lên và thêm vào chữ *vá đụp* một thực danh từ rất ý vị, nhưng không ai dùng trong giới thượng lưu, mà vì thế cho nên chúng tôi không nhắc lại đây. Cái tiếng ấy chắc là rất tài tình, vì sau khi người mujik đã mất hút từ lâu rồi, Tsitsikôp vẫn còn cười ở trong xe.
Dân Nga có những tiếng gọi thật là ốc sạo. Họ mà đặt cho ai một cái biệt hiệu, thì người ấy lưu truyền nó lại cho con cháu, mang nó theo suốt cả đời, đến Pêterbua, đến tận cùng thế giới. Dù có đánh lộn sòng, có làm bộ ra người quí phái, có thuê những gia hệ học giả {*Người chuyên làm gia hệ, ghi các thế hệ ông bà, tổ tiên của một gia đình với chức tước, danh vị để nêu lên nguồn gốc quí tộc*} gán cho mình một dòng dõi vương công, thì cũng đến toi công, toi của mà thôi: cái biệt hiệu, như một con quạ gan lì, cứ rán hết gân, hết sức mà quạ quạ và tố cáo lai lịch của mình là quạ.
Như một cách ngôn viết trên giấy trắng mực đen, một câu nghĩ sâu, nói rõ không thể nào dùng rìu mà đẵn xuống được. Và tế nhị biết bao, mãnh liệt biết bao tất cả những gì, từ những chốn sâu thẳm của nước Nga mà ra, từ nơi mà giống nòi còn thuần khiết không pha lẫn Đức, Phần Lan hay những gì khác, nơi ngự trị của trí tuệ Nga linh hoạt, táo bạo, tươi như mới ra đời; cái trí tuệ không có sẵn lời nói trong túi, không ấp ủ từng tiếng nói như gà mái ấp con; mà đem gán cho anh một chữ, chỉ một lần thôi, nhưng mà anh phải mang như một tấm hộ chiếu suốt cả đời; không cần phải thêm vào hình dạng của mũi hay của môi anh, vì chỉ một nét là đã vẽ xong chân dung của anh toàn vẹn từ đầu đến chân rồi!

Vô số là giáo đường và tu viện, nóc vòm, và nóc hình củ hành, có chữ thập, rải rác khắp nước Nga thần thánh, nước Nga sùng đạo, vô số là chủng tộc, dân tộc, chen chúc, giãy giụa trên mặt đất này. Mỗi dân tộc mang trong mình một sức mạnh làm bảo chứng, có riêng của mình trong năng lực sáng tạo, những đặc điểm nổi bật và những thiên tư khác nữa; nhưng mỗi dân tộc chỉ khác người vì ngôn từ của mình, bởi chưng bất cứ trường hợp nào, lời nói cũng phản ánh một nét đặc sắc của tính chất dân tộc. Tiếng nói của người Anh chứng tỏ một sự am hiểu sâu sắc lòng người và cuộc đời; tiếng nói của người Pháp rực rỡ một ánh sáng nhẹ nhàng, duyên dáng, phù phiếm, người Đức thì nhai đi, nhai lại mãi một câu nói cầu kỳ mà không mấy ai hiểu được; nhưng không có một lời nói nào mà bộc phát từ quả tim, mà sôi sục, mà rung động một sinh lực mãnh liệt như một câu tiếng Nga có ý nghĩa.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 6

Ngày xưa, trong thời niên thiếu xa xăm của tôi {*Chương này phần lớn là những kỷ niệm thiếu thời thực sự của Gôgôn*} trong thời thơ ấu không bao giờ trở lại nữa, mà được đến một nơi xa lạ lần đầu tiên: thôn xóm, làng mạc, thị trấn hay lỵ sở tồi tàn của một tổng là lòng tôi hân hoan - con mắt trẻ thơ của tôi tìm thấy khắp nơi những đối tượng để thỏa tính hiếu kỳ. Mỗi một tòa nhà, mỗi một đồ vật có chút gì đặc sắc, đều làm cho tôi say sưa ngắm nghía. Dù là một công thự bằng đá với kiểu kiến trúc vô vị, một nửa mặt trước trang hoàng bằng những cửa sổ giả, đứng chơ vơ một mình giữa một đống nhà gỗ tồi tàn; dù là một mái vòm đều đặn lợp tuyết; hay dù là một cái chợ, một anh dân làng tự đắc trong bộ quần áo mới, lên tỉnh để vênh vang, chẳng có gì thoát khỏi sự chú ý thanh xuân, tinh vi của tôi. Dán mắt vào cửa xe, tôi ngắm một chiếc áo dài cắt theo một kiểu lạ, những hòm đựng đinh, lưu huỳnh, xà phòng, nho khô,

những lọ sành đựng kẹo Mạc Tư Khoa, rắn như sừng, thoáng trông thấy trong một hiệu thực phẩm. Tôi chú ý đến viên sĩ quan chiến đấu, có Chúa biết là từ đâu đến, để chết buồn ở tỉnh xép như trong một cái hang; cũng như chú ý đến người lái buôn mặc caftan ngắn, đi chiếc đrôjki nhẹ {*Xe độc mã đơn giản mà chỗ ngồi chỉ là một ghế dài để dọc trên bốn bánh; người ngồi lên đấy để hai chân hai bên ghế, như cưỡi ngựa hay ngồi xe đạp*} và tôi tưởng tượng ra cuộc đời khốn khổ của họ. Gặp một công chức tôi liền tự hỏi: "- Ông ta sắp đến chơi buổi tối ở nhà một bạn đồng liêu hay là về nhà ngồi chờ trời tối nửa giờ trên ngưỡng cửa; rồi ăn bữa đêm sớm với mẹ già, vợ, em vợ, và cả nhà? Họ sẽ nói với nhau chuyện gì khi ăn xong món cháo và một chị hầu buồn, cổ đeo chuỗi hạt pha lên giả ngọc hay anh người nhà mặc áo vét vải thô, đem đến một cây nến cắm trên một cái giá cổ?".

Chung quanh một trang viên thôn dã, tính hiếu kỳ của tôi nổi dậy khi trông thấy một tháp chuông bằng gỗ cao vút hay một nhà thờ cổ kính, tối tăm và rộng thấp. Qua những chòm lá cây tôi chờ xem mái ngói đỏ và những ống khói trắng của một tòa gia trạch {*Nhà ở của quí tộc trên trang viên*}, tôi sốt ruột mong nó nhô ra khỏi các chòm cây và hiện toàn bộ trước mặt tôi, nhưng than ôi, đôi mắt ấy chẳng mấy lúc đã bắt đầu chán. Nhìn cảnh vườn nhà, tôi cố đoán ra tính nết của gia chủ. Ông ta có, hay không có những cậu con trai hay là một nửa tá con gái mắt đen, tiếng cười trong trẻo, chạy nhảy nô đùa vui vẻ, và cô út nhất định là một trang tuyệt sắc? Ông ta phì nộn và vui tính hay ủ ê như tháng chín đang úa tàn? Có phải ông ta luôn luôn tra cuốn niên lịch? Hay làm phiền đám thanh niên với những câu chuyện không dứt về lúa mì hoặc lõa mạch?

Bây giờ thì có đến những trang ấp mới lạ nào, lòng tôi vẫn dửng dưng. Tôi nhìn với con mắt rầu rĩ cái vẻ tầm thường, vô vị đến ngao ngán; tất cả những gì xưa kia đã làm cho tôi thay đổi sắc mặt, bật ra tiếng cười, tuôn ra những lời nói bất tuyệt, tất cả đều trôi qua

trước mắt tôi, mà đôi môi bất động của tôi vẫn lặng yên không xúc cảm. Ôi, còn đâu thời niên thiếu của tôi! Ôi, còn đâu lòng thuần phác của tôi nữa!...

Trong lúc Tsitsikôp còn nghĩ đến cái biệt hiệu mà những người mujik đã khoác cho Pliuskin và cười một mình, thì chiếc britska đã vào một thị trấn. Y chỉ biết thế khi xe lắc mạnh một cái, vì vấp phải một phiến gỗ lát đường dày to tướng; so với cái lắc ấy thì những cái lắc khi xe vấp phải những phiến đá lát đường bằng sa thạch ở các thành phố còn là lạc thú. Những phiến gỗ ấy nhô lên, thụt xuống như những phím đàn dương cầm; và khách đi đường mà không để ý thì bầm trán, sưng gáy hay là hai hàm răng cắn vào lưỡi đến chảy máu là thường.

Cái vẻ tiều tụy của thị trấn làm Tsitsikôp ngạc nhiên. Nhà nào cũng mang dấu vết đổ nát. Nhiều mái nhà thủng lỗ chỗ như mặt sàng; nhiều mái nhà chỉ còn có chiếc xà ngang và bộ cốt bằng đòn tay. Rui, mè và gỗ lợp hình như do chính cư dân đã dỡ đi hết; vì họ nghĩ rất đúng là khi mưa thì túp lều tranh như thế không thể làm nơi cư trú cho họ được; và khi trời nắng thì không việc gì mà phải sợ mưa; vả lại, nằm dài ra ở nhà thì ích gì, khi người ta có thể tự do, phóng túng ở tiệm rượu, trên đường cái hay bất cứ đâu mà người ta thích? Các cửa sổ chẳng có một tấm kính nào cả, thỉnh thoảng có cái lại bịt bằng giẻ rách hay một cái áo cũ. Các hiên bụng rắn có lan can đen trũi, dị dạng và không hiểu tại sao làm nổi bật các đầu tường của những nhà gỗ, đều là những đống hoang tàn không nên họa chút nào. Sau nhiều nhà gỗ là những đống lúa mì cao ngất phủ rạ, xếp thành hàng, và để đấy từ lâu, màu lúa nom như màu gạch nung non lửa, mà đã để lâu ngày; cỏ dại mọc trên chóp, cây con bám bên sườn. Dĩ nhiên lúa ấy là của chủ ấp. Từ bên phải hay bên trái, theo sự khúc khuỷu của con đường, hai nhà thờ của thị trấn sóng đôi nhau, nhô lên trong không khí nhẹ nhàng, trên những đống lúa và mái nhà thủng nát: một cái bằng gỗ đã hoang

phế; cái kia bằng đá; tường quét màu vàng vàng đã hoen ố, nứt nẻ. Nhà trang chủ hiện ra dần dần; sau cùng khi dãy nhà gỗ dài đã hết và tiếp theo là một vườn rau hay cánh đồng bắp cải có hàng rào thấp, nhiều đoạn đã đổ nát, thì trông thấy toàn bộ. Cái gia trạch kỳ quái, dài vô tận ấy làm cho người ta liên tưởng đến một phế binh. Một phần nhà chỉ có một tầng, phần khác lại có gác; trên đôi mái u ám che không kín cảnh già nua của nó. Có hai vọng lâu đối diện nhau, đều oằn xuống và bạc màu. Những bức tường nứt nẻ đã chịu đựng sự nguyền rủa của thời gian, của mưa, của gió dữ mùa thu, để lộ cốt nan ra từng đám {*Trong những bản in đầu, ở đây có một đoạn như sau:* ***Mưa và thời gian đã làm cho các bức tường tróc vôi ở nhiều chỗ và để lại những vết lớn và một vết có hình dáng như châu Âu. Quanh sân nguyên có hàng rào khá chắc và có lẽ được sơn màu, nhưng gia chủ không hề nghĩ đến việc sơn lại, và việc ấy đã do một nhà nghệ sĩ không biết mệt làm lấy; nhà nghệ sĩ đã sơn mọi vật trên đời này, kể cả những bộ mặt nam và nữ không thèm biết rằng có cần hay không, và chúng ta có bằng lòng cái ngòi bút quét sơn của ông ta hay không. Người nghệ sĩ ấy có tên là Thời gian***}. Phần lớn các cửa sổ đều đóng kín mít; mấy cái bị đóng ván vào bít hẳn lại; chỉ còn hai cái là mở, nhưng đều chột; ở một cái có dán một mảnh giấy gói đường, màu xanh sẫm, hình tam giác, như một miếng thuốc cao.

Chỉ có cái vườn rộng bỏ hoang, đằng sau nhà, tràn ra quá đất làng và mất hút vào đồng nội, là đem đến một vẻ tươi đẹp trong trang viên mênh mông và ảm đạm này. Ngọn cây tiếp hợp nhau, tự ý muốn mọc thế nào thì mọc; chúng họp thành những đám mây lục, những mái vòm không đều rung rinh, chắn hẳn chân trời. Cái thân trắng của một cây bạch dương khổng lồ dựng thẳng lên như một cột cẩm thạch rực rỡ trên biển lá, cái ngọn của nó, bị sét hay bão đánh gãy, nổi bật trên màu trắng như tuyết ấy, nên cái cây nom như đội một cái mũ, hay có con chim đen đỗ trên ngọn. Hốt bố {*Hốt bố là một thứ cây leo mà quả có hương vị dùng để nấu bia*} mọc tranh hết đất của những bụi hương mộc, thanh lương trà và

cây phỉ; nó phủ kín cả hàng rào và cuối cùng leo lên tấn công cây bạch dương gãy đến lưng chừng thân cây, nó ngã xuống, quấn vào ngọn các cây khác hay lơ lửng trong không; các tua cuốn xoăn lại thành vòng, đu đưa nhè nhẹ. Cái khối lá xanh, ngập ánh mặt trời, thường mở rộng trên một cái vực khổng lồ chìm trong bóng tối. Dưới nơi sâu thẳm tối đen ấy, người ta đoán có một con đường chạy vút qua, một hàng lan can đổ nát, một cái nhà nhỏ lung lay, cái thân rỗng của cây thùy liễu già từ đấy mọc lên chằng chịt một bụi cây cỏ đậu {*Cây cỏ đậu là một thứ cây nhỏ rất phổ biến ở miền đông Nga và Xibia, tiếng Nga là Karagan, tên khoa học là Caragana arborescens*}; một đống hỗn độn những lá, cành khô; và cuối cùng là nhánh cây phong non nghiêng nghiêng xòe ra những lá hình giẻ quạt xanh tươi. Một tia sáng mặt trời, không biết bằng cách nào len xuống dưới một ngọn lá phong, biến nó thành một vật trong sáng, rực rỡ tuyệt diệu giữa chốn âm u dày đặc ấy. Riêng một góc, ở tận cùng khu vườn, mấy cây hoàn diệp liễu vút lên trên tất cả mọi cây khác, đung đưa như khẽ ru mấy tổ quạ to tướng trên ngọn cao ngất. Vài cây để rủ xuống những cành lá teo tóp vì đã gần lìa khỏi thân cây. Một bức tranh toàn thiện, toàn mỹ như thế đòi hỏi những cố gắng kết hợp của thiên nhiên và của nghệ thuật, muốn có được bức tranh ấy, thiên nhiên phải thêm vào công việc, thường là quá phức tạp đối với con người; một nhát dao trổ cuối cùng, làm nhẹ bớt những khối nặng nề, phá bớt vẻ cân đối thái quá, che bớt sự trần trụi xảo diệu của đồ án, truyền một nhiệt tình tốt đẹp cho những công trình sáng tạo lạnh nhạt của tiết độ và phong nhã {*Cảnh vườn hoang này cũng là một kỷ niệm thời thơ ấu của Gôgôn*}.

Sau cùng, qua một hay hai chỗ rẽ nữa là nhân vật của chúng ta đến trước cái gia trạch và nhìn gần lại càng thấy thê lương hơn. Cổng chính và hàng rào đều mốc meo. Tòa ngang, dãy dọc chật cả sân - kho lương, nhà xe, chuồng xí, đều cùng một vẻ đổ nát; bên phải, bên trái đều có cửa ngăn thông sang những sân khác, tất cả những tàn tích ấy của một cuộc sống xưa kia mãnh liệt thật chan chứa nỗi

buồn. Chẳng có gì làm cho cảnh sinh động lên một tí: không một cánh cửa mở; không một bóng người; chẳng có công việc gì cả; chẳng ai chăm nom nhà cửa hết. Chỉ cái cổng cho xe, ngựa ra vào là mở rộng, nhưng chỉ để cho một chiếc xe ngựa tải phủ vải bạt đi ra; đánh xe là một người mujik, dường như đã được đưa đến đấy, với dụng ý đem cho cái vương quốc của tử thần này một chút bề ngoài giả dối của sự sống. Ngoài lúc này ra, bao giờ cửa cũng đóng, then cũng gài, kín như bưng; nhìn ổ khóa to tướng treo ở cái móc sắt, cũng có thể biết rõ như vậy. Cạnh một tòa nhà, Tsitsikôp bỗng nhận ra một nhân vật lạ lùng, đang cãi nhau với người đánh xe ngựa tải. Một lúc lâu, y tự hỏi kẻ kia là đàn ông hay đàn bà. Hắn mặc một bộ quần áo không thể xác định được; giống như cái áo dài đàn bà thì đúng hơn; và đội một cái mũ vải là một vật trang sức thông thường của các chị hầu buồng; nhưng mà giọng nói thì Tsitsikôp nghe như là quá ồ ồ đối với giọng đàn bà. "- Đúng là đàn bà!" y tự nhủ, để rồi tự cãi ngay: "- Không phải!" rồi lại: "- Đúng mà!"; y kết luận như vậy sau khi quan sát kỹ hơn cái con người bí ẩn ấy; và con người ấy, về phía hắn, cũng nhìn chằm chằm vào Tsitsikôp. Có lẽ việc một người khách đến thăm đối với hắn là lạ lùng lắm; vì sau khi nhìn Tsitsikôp xong, hắn lại quay sang dò xét Xêlifan rồi đến con ngựa mà hắn thị sát kỹ suốt từ đầu đến đuôi. Theo chùm chìa khóa hắn đeo ở thắt lưng và những lời thô tục mà hắn mắng người nông dân, thì Tsitsikôp nghĩ rằng mình đang đứng trước một người đày tớ gái.

Y nhảy xuống xe vừa hỏi:

- Này, mụ, ông chủ…

- Không có nhà, mụ đày tớ ngắt ngay lời y, không chờ cho nói hết câu. Sau một phút, mụ lại nói: - Thế ông hỏi gì ông chủ?

- Có việc cần.

- Đi vào đây! Mụ đàn bà nói rồi quay lưng đi; cái áo lấm những bột, rách một miếng to tướng ở phía dưới.

Tsitsikôp bước vào một phòng áo rộng rãi, tối mò mò, ở đấy khí lạnh bốc ra như từ một nhà hầm; rồi vào một gian buồng cũng âm

u, chỉ hơi lờ mờ có một tí ánh sáng lọt qua một cái khe rộng ở chân cửa. Cửa ấy mở ra, y mới nhìn thấy rõ và rất đỗi ngạc nhiên vì cảnh lộn xộn trước mắt. Hình như người ta đã chất tạm vào đây tất cả đồ đạc trong nhà khi lau sàn. Trên một cái bàn, ngất ngưỡng một chiếc ghế gãy, kèm theo một cái đồng hồ mà quả lắc đã đứng im để cho một con nhện chăng tơ. Sát bên cạnh là một cái tủ bát đĩa sườn tựa vào tường, chứa nào là bình con, đồ dùng bằng bạc cổ, đồ sứ Trung Quốc. Trên một cái bàn giấy, mà khảm hồi văn bong ra từng mảng, để lộ những ô màu vàng đựng đầy keo, thấy chất đống vô số đồ vật linh tinh: một chồng giấy rách chép đầy một thứ chữ nhỏ, để dưới một cái chắn giấy bằng cẩm thạch đã ngả màu lục mà mặt trên là một quả trứng nhỏ; một cuốn sách cũ đóng bằng bìa da bê, mép đỏ; một quả chanh khô cứng như sừng, teo lại vừa bằng hạt phĩ; một cái tay ghế bành; một cái cốc có chân, đậy bằng một cái thư, đựng một thứ nước có ba con ruồi lội; một thỏi xi; một mảnh giẻ rách; hai ngòi bút lông dây mực be bét và khô đét lại như người ho lao; một cái tăm xỉa răng vàng ngàu mà có lẽ chủ nhân đã dùng từ trước cuộc xâm lược của Pháp {*Tức là trước năm 1812*}.

Trên tường mấy bức tranh chen chúc nhau lộn xộn. Một bức mộc bản vàng ngàu, đóng trong một cái khung bằng gỗ đào hoa tâm, không có kính và trang trí bằng những mảnh đồng mỏng và những hình hoa thị ở bốn góc; trong bức tranh vẽ một trận đánh, những cái trống to tướng, những người lính đội mũ ba góc đang la hét, những con ngựa đang chết đuối. Bên cạnh, chiếm hết một nửa bức tường là một bức tranh to rộng đã đen sạm, vẽ hoa, quả, một con vịt, đầu lộn xuống đất. Chính giữa trần nhà treo một cây đèn nhiều ngọn, phủ một tấm vải bọc mà bụi bặm đã làm cho giống hệt cái kén với con nhộng bên trong. Ở một góc, chồng chất những đồ vật thô kệch hơn, không đáng để trên bàn. Khó mà xác định được bản chất của cái đống ấy, vì bụi đã phủ dày đến nỗi sờ tay vào là y như được đeo thêm găng tay; nhưng người ta cũng phân biệt được rõ hơn một chút mảnh xẻng bằng gỗ và một đế giày cũ. Ta có thể

tưởng rằng phòng này không có người ở nếu không có một cái mũ vải cũ đội ban đêm, vứt trên một cái bàn, phát giác sự có mặt của một người ở đây.

Trong khi Tsitsikôp quan sát cái kho tạp vật ấy, thì một cửa ngách mở ra cho mụ đày tớ mà y gặp ngoài sân, đi vào. Và bây giờ y lại tin rằng đó là lão quản lý thì mới đúng. Một mụ đàn bà không bao giờ cạo râu; và chắc rằng họa hoằn lắm mới đúng; vì cằm hắn ta lởm chởm như cái bàn chải ngựa. Vẻ dò hỏi, Tsitsikôp sốt ruột chờ xem lão quản lý muốn nói gì với y. Về phía hắn, thì lão này cũng chờ nghe Tsitsikôp nói. Ngạc nhiên về sự ngần ngừ ấy, sau cùng nhân vật của chúng ta phải hỏi:
- Thế nào, ông chủ có nhà không?
- Ông chủ ở đây, lão quản lý nói.
- Đâu kia? Tsitsikôp hỏi lại.
- À, thế nữa cơ? Ông mù à? Ông chủ là tôi!

Nghe đến đấy, nhân vật của chúng ta bất giác lùi lại, vừa lùi vừa nhìn chằm chặp vào người nói chuyện với mình. Y đã được thấy đủ mọi hạng người, cả những người mà bạn với tôi, bạn đọc ạ, có lẽ không đời nào được thấy đâu; nhưng mà chưa bao giờ y được gặp một nhân vật như thế này. Mặt lão cũng như mặt của nhiều người già, gầy gò, không có gì đặc biệt; chỉ có cái cằm nhô ra quá mức, đến nỗi lão phải lấy khăn tay trùm nó lại để khỏi phải khạc nhổ lên nó. Đôi mắt ti hí còn linh hoạt, chạy dưới hai hàng lông mày cao hình bán nguyệt; như đôi chuột nhắt khi mà chúng đánh bạo thò cái mõm nhọn ra khỏi cái hang tối tăm của chúng, tai vểnh lên râu phe phẩy, rình xem có con mèo hay thằng nhãi con xỏ lá nào nấp ở gần đấy, rồi hít không khí một cách hồ nghi. Bộ quần áo của lão đặc sắc hơn nhiều. Cấu tạo của cái áo dài cũ của lão chấp tất cả mọi sự tìm hiểu; ống tay và vạt áo nhờn những mỡ, bóng lên đến nỗi người ta phải bảo rằng đó là da đóng ủng; sau lưng phất phơ bốn cái đuôi én rách nát để bông độn rơi ra từng túm. Lão đeo

ở cổ một vật không thể xác định được là cái gì; có thể là một chiếc tất dài, một cái dải, một vạt sơ mi, nhưng chắc chắn không phải một cái cà vạt. Tóm lại, giá Tsitsikôp gặp lão ăn vận như thế trước sân nhà thờ thì chắc rằng y đã cho lão một kẻ ăn mày; vì nhân vật của chúng ta, cũng nên nói để biểu dương, là dễ động lòng trắc ẩn và không thể không bố thí cho người nghèo. Nhưng trước mặt y, không phải là người ăn xin, mà là một vị quí tộc. Và vị quí tộc ấy có hơn một nghìn nông phu; kho lương chất những vải, dạ, da cừu sống, da cừu thuộc, cá hun khói, rau, nấm, thức ăn muối đủ thứ, khó mà có nơi nào bì kịp. Ai đã đi thăm các xưởng của lão, đầy những vật dụng đủ mọi loại, chưa bao giờ dùng đến, đều tưởng là mình đang ở Mạc Tư Khoa, tại chợ đồ gỗ là nơi mà ngày ngày các bà mẹ, vợ ân cần, có những chị bếp đi theo, đến mua sắm các thứ đồ vật dùng trong nhà; là nơi mà đồ gỗ chất từng đống cao: gỗ đã gia công, đã tiện, đã gọt, đã kết lại thành những thùng con, bông nhỏ, chậu gỗ, xô gầu, máy ép, chén uống rượu, hũ, sọt để cho đàn bà nhà quê đựng xơ gai và những của đầu thừa đuôi thẹo khác, hộp bằng gỗ hoàn diệp liễu uốn cong, đồ đựng bằng vỏ bồ đề hay bạch dương, và nhiều những vật dụng khác nữa để cho nước Nga nghèo khổ cũng như nước Nga giàu có sử dụng {*Trong những lần in đầu, Gôgôn tả cái chợ như sau:* ***… Ai đã nhìn vào các xưởng của lão, thấy chất đống hàng trăm bánh xe, gầu, thùng gỗ - dự trữ đấy mà không bao giờ dùng đến - cũng tưởng như mình được đến cái xóm rộng rãi của Mạc Tư Khoa, ngày chủ nhật, kéo dài từ phố Thợ Giát vàng cho đến quảng trường Xmôlensk, chuyên buôn đồ gỗ, mua của dân làng các vùng chung quanh đem đến - gỗ trắng và gỗ màu làm thành những vết vàng hay sẫm - cho mãi đến cầu Đôrôgômilôp và còn xuất hiện từng chỗ cho đến tận cái ngáng đường; chen chúc với những mũ lông của nông dân và những con ngựa gầy nhiều lông - suốt đến nơi mà thành phố nhường chỗ cho đồng bằng tuyết phủ mênh mông và sáng rực; trên mặt đồng bằng ấy các xe tải kĩu kịt nối đuôi nhau thành hàng dài; những người nhà quê của chúng ta chạy theo xe, giơ nắm tay dọa những con ngựa nhỏ; những khuôn mặt béo tròn của họ chạm vào nhau, hơi thở của họ bốc lên như làn khói nhẹ***

cuồn cuộn trong không khí băng giá; trong khi họ hỏi nhau nên giữ giá cao thấp thế nào, nên ngồi chỗ nào trong cái chợ Mạc Tư Khoa đông đúc ấy. Tất cả các vật dụng ấy đủ cung cấp cho năm trang ấp của Pliuskin, nhưng lão vẫn tham lam vô độ…}.

Không biết lắm thứ đồ đạc như thế thì phỏng có thể ích lợi gì cho Pliuskin? Suốt đời lão không thể dùng chúng làm gì cả, dù cho lão có đến hai cái ấp như ấp này đi nữa. Ngày nào cũng như ngày nào, lão đi lùng khắp các đường trong làng, nhìn ngó dưới các cầu con, cầu nhỏ, và vớ được cái gì - đế giày cũ, giẻ rách, đinh, mảnh gỗm vỡ - lão đều tha về nhà, cất vào cái đống mà Tsitsikôp đã thấy trong góc phòng. Nông dân thấy lão đi săn mồi như thế thì bảo nhau: "Đấy, lão nhặt giẻ rách đang đi thu vét!". Và thực tình là lão đã đi qua đâu thì ở đấy sạch như chùi, chẳng còn rác rưởi gì phải quét dọn nữa. Một viên sĩ quan đi qua mà rơi một cái cựa giày là cái cựa giày được đưa vào để làm cho cái đống đồ vật của lão cao thêm; một chị nông dân bỏ quên cái thúng trên bờ giếng, là lão xoáy luôn cái thúng. Khi mà một người mujik cảnh giác, bắt được lão quả tang, thì lão trả lại ngay tang vật, không đôi co gì cả; nhưng nếu vật ấy đã vào cái đống nọ, thì thế là hết! Lão thề rằng nó là của lão, lão mua ngày nào, của ai, hay thừa hưởng gia tài của ông nội, ông ngoại lão. Ở trong phòng thì lão nhặt tất cả những gì lão trông thấy trên sàn: bút lông, mảnh giấy, thỏi xi đem để lên bàn giấy hay cửa sổ.

Ngày trước, con người ấy chỉ là một người chủ gia đình cần kiệm; bạn láng giềng đến nhà lão ăn uống và học tập của lão tính tằn tiện và cách quản lý tốt công việc. Ở nhà lão tất cả mọi thứ đều tràn trề sức hoạt động; mọi việc đều hoàn thành theo một nhịp đều đặn. Các cối xay, các máy nện dạ chạy đều, các xưởng chế tạo dạ, xưởng mộc, xưởng dệt sản xuất không ngừng. Khắp đâu đâu, cũng có con mắt của người chủ trông đến; tựa hồ một con nhện siêng năng thị sát cái mạng của mình, lão đi lại, bận rộn, trên khắp trang

ấp. Vẻ mặt lão biểu lộ sự thông minh. Những lời lão nói tỏ ra lão dày kinh nghiệm và rất hiểu đời, nên ai cũng thích nghe lão nói chuyện. Bà chủ nhà cũng ân cần, nổi tiếng về lòng trọng khách; hai cô con gái tóc vàng, dễ thương, tươi như hai đóa hồng, đối với khách rất niềm nở; cậu con trai cũng vậy; hoạt bát, gặp ai cũng ôm hôn, không cần biết là người ta có thích hay không. Cửa sổ không một cái nào phải bịt lại cả; tầng nhà dưới là nơi ở của một gia sư người Pháp, lúc nào cũng mày râu nhẵn nhụi và rất ham đi săn; thường xuyên mang về gà rừng, vịt trời cho nhà bếp làm bữa ăn chiều hay chỉ vài quả trứng chim sẻ, nhà bếp làm món trứng tráng mà chỉ một mình ông ta nhấm nháp. Một cô giáo, cũng người Pháp, cùng ở tầng gác ấy {*Trong bản thảo đầu. Gôgôn tả cô giáo như sau:* ***Cái con người này nom thật kỳ quái; không có lưng ong, mình cô ta thuồn thuỗn, trên dưới đều kích thước như nhau. Đàn bà Pháp mà như thế thì không hề có ở nước Pháp, hay ít ra là tôi không hề thấy có ở đấy***}. Gia chủ đến buồng ăn thường mặc chiếc áo dài hơi cũ, nhưng chững chạc, không miếng vá hay phải mạng ở khuỷu tay.

Nhưng bà chủ phúc hậu sớm về chầu Chúa, để lại cho Pliuskin một phần các chìa khóa, kho tàng cùng với những lo lắng vặt vãnh về việc nhà, việc cửa. Tính lão đâm ra cáu kỉnh, gắt gỏng; như tất cả những kẻ góa vợ, lão sinh ra đa nghi và keo kiệt. Lão không thể tin cậy cô con gái lớn, Alexanđra Xtêpanôpna; mà cũng phải, vì cô ả liền bỏ nhà trốn theo một viên đại úy kị binh - có Chúa biết là thuộc trung đoàn nào - và lén lút cưới hắn trong một ngôi nhà thờ tồi tàn, vì biết cha mình ghét bọn sĩ quan, lão vốn có một thành kiến kỳ quặc rằng sĩ quan đều là bọn cờ bạc và phá gia chi tử. Con gái ra đi, bố tiễn cho mấy lời nguyền rủa làm lộ phí, nhưng không thèm đuổi theo. Nhà vắng dần. Chủ nhà càng ngày càng tỏ ra keo kiệt; tóc lão càng bạc nhiều thì thị dục ấy càng sâu sắc; bủn xỉn và đầu bạc, như ta biết, xưa nay vốn tương đắc. Bị nghi là đồng lõa trong vụ bắt cóc Alexanđra Xtêpanôpna, cô giáo phải thôi việc. Người gia sư cũng được nghỉ vì con trai lão đã đến tuổi đi lập

nghiệp. Được bố cho ra tòa án ở tỉnh lỵ để làm quen với các công việc nghiêm túc, thì anh con trai lại bỏ đi tòng quân, rồi xin bố sắm cho quân trang, quân phục và dĩ nhiên là Pliuskin không thể nào mà cho được.

Sau cùng, cô gái út chết thì ông lão còn lại là người chủ duy nhất, canh giữ tất cả mọi của cải. Cuộc đời cô độc lại càng bồi dưỡng dồi dào cho tính biển lận của lão. Cái thị dục ấy ai cũng biết là tham lam vô độ, càng hốc, nó càng thấy đói. Những tình cảm của con người ở lão vốn đã chẳng sâu sắc gì, lại càng ngày càng tiêu hao; cái tâm hồn đồi phế, lang thang ấy càng ngày càng sa đọa. Như để xác nhận ý kiến của bố về các ông quan võ, cậu con trai lại thua một số tiền lớn. Lão thành tâm gửi lời nguyền rủa con và từ đấy về sau không cần quan tâm đến sự tồn tại của nó nữa. Lão bít dần tất cả các cửa sổ, chỉ trừ hai cái; mà một cái đã phải dán miếng giấy như miếng thuốc cao, ta đã biết.

Năm này qua năm khác, lão quên dần những ngành doanh lợi chính của lão, chỉ chú trọng một cách ti tiện đến những cái lông, những của thừa, đồ bỏ mà lão góp nhặt trong buồng lão. Càng ngày lão càng cố chấp, càng ráo riết đối với khách mua sản vật của điền trang lão. Chán ngán vì lối cò kè, thêm bớt của lão, bạn hàng phải bỏ không giao thiệp với lão nữa và nói rằng lão là một con quỷ hiện hình người. Cỏ khô và lúa mì mục hết; các cây rơm biến thành phân bón có thể dùng để bón cho bắp cải; trong các kho gây rượu bột cứng lại thành đá, phải lấy rìu mới bổ ra được; dạ, vải gai và các thứ vải gia dụng khác thì chẳng ai dám sờ vào, vì chỉ còn là bụi nữa mà thôi. Pliuskin đã quên mất kế toán của tài sản mình, nhưng lại nhớ rất kỹ ở xó nào của tủ bát đĩa đã cất một bình con đựng một tí rượu quả uống thừa, và có đánh dấu để cho người nhà không dám uống vụng, lão nhớ đúng chỗ cất giấu tất cả các cái lông ngỗng, tất cả các cái lông ngỗng, tất cả các mẩu xi. Tuy vậy, thu nhập của điền trang vẫn đều đặn: nông dân vẫn nộp tô như

trước, đàn bà hái hồ đào vẫn nộp một phần mười như trước, thợ dệt vẫn nộp số tấm vải gai như trước.

Tất cả những thứ ấy chồng chất vào các bục chứa, ứ lại đấy, biến thành giẻ rách và mục nát; rồi bản thân Pliuskin cuối cùng cũng thành ra một miếng giẻ rách hình người.

Alexanđra Xtêpanôpna có một hay hai lần về thăm với đứa con trai nhỏ và cố xin một ít của; đời sống doanh trại chắc không thích thú như trước ngày cưới. Pliuskin rút lòng tha thứ cho con, để cho thằng bé nghịch với cả một cái cúc tìm được trên bàn, nhưng mà không nhả ra một đồng kẽm. Alexanđra Xtêpanôpna lại về lần nữa, lần này thì đem theo hai đứa con trai, một cái bánh sữa và một cái áo ngủ; vì cái áo của cha đã tã lắm, cứ mặc vào thật đến ngượng. Pliuskin vuốt ve hai cháu, để cháu ngồi lên đùi, chơi trò cưỡi ngựa với cháu, nhận chiếc bánh sữa và cái áo ngủ, nhưng vẫn thắt chặt hầu bao. Alexanđra Xtêpanôpna lại mất công, tốn của vô ích.

Cái nhân vật đứng trước mặt Tsitsikôp là như thế. Cũng xin thú thực là người như vậy cũng hiếm có ở nước Nga, nơi mà mọi vật đều muốn nở ra hơn là co lại. Nó lại càng làm cho ta kinh ngạc hơn nữa, vì ngay sát bên cạnh lại có một người lịch sự sống hào phóng vô cùng, rất thích hợp với cái óc khoáng đạt của chúng ta và như người ta nói, là đốt cây nến cả hai đầu một lúc. Trông thấy nhà ở của con người vui đời ấy, khách lữ hành phải ngạc nhiên tự hỏi là bậc vương công đương vị nào đã chơi ngông xây dựng cung điện ở giữa những dinh cơ của bọn quí tộc vô danh này. Vô số ống khói, chong chóng đo gió, vọng lâu như họp thành một cái vương miện trên một tòa nhà ở bằng đá trắng, hai bên có chái và nhiều nhà nhỏ để tiếp đón khách. Vũ hội và cuộc vui xen nhau hết đêm này đến đêm khác và suốt đêm, âm nhạc vang lừng trong vườn có pháo đốt và nến thắp sáng rực. Vui vẻ và lộng lẫy, tài tử, giai nhân của một

nửa tỉnh đi dạo dưới các giàn cây, mà không thấy những gì thê lương, thảm đạm trong cái ánh sáng phũ phàng, đây đó làm cho một cành cây bạc màu và nổi bật khỏi các bụi rậm với một tư thế sân khấu, trong khi trời đêm càng tối tăm, càng như đe dọa: và những đại thụ mà ngọn rung rinh hình như mất hút vào bóng tối dày đặc, đều tức giận vì cái ánh sáng nhân tạo ở phía dưới đang chiếu vào gốc chúng.

Tsitsikôp đứng sững trước mặt Pliuskin mấy phút liền, mà lão cũng lặng thinh. Kinh ngạc vì quang cảnh dị kỳ của ngôi nhà và của người chủ, y chẳng biết nói năng làm sao để gợi chuyện, chẳng biết dùng lời lẽ thế nào để cắt nghĩa lý do của việc đến thăm. Y sắp nói với Pliuskin là tiếng tăm về đức hạnh của lão đã thúc giục y phải thân hành đến tỏ lòng tôn kính chính đáng với lão, nhưng một lần nữa, liếc thấy cái cảnh chợ trời bán đồ cũ của gian phòng, y bèn nghĩ nên thay chữ đức hạnh bằng mấy chữ ngăn nắp và cần kiệm thì hơn. Y liền chữa lại ngay và nói rằng đã được nghe thiên hạ ca tụng tinh thần cần kiệm và tài quản lý gia sản khéo léo của lão, nên y thấy phải đích thân đến tỏ lòng cung kính. Đáng lẽ y có thể kể ra một duyên cớ khác, khéo hơn, nhưng lúc bấy giờ y chẳng kiếm ra được cái gì nữa cả.

Để đáp lại, Pliuskin lầu bầu, - tôi không nói là giữa hai hàm răng, vì lão chẳng còn có răng nữa, - mà là giữa đôi môi, mấy tiếng nghe không rõ, nhưng mà chắc là muốn nói: "- Quỷ bắt anh đi, cả anh lẫn lòng cung kính của anh!". Nhưng mà ở nước ta, tục trọng khách đã thành ra những đạo luật có uy quyền đến nỗi chính một tay keo kiệt cũng không dám vi phạm. Vì vậy lão nói thêm và rõ ràng hơn: - Ông ngồi đây, mời ông. Tôi không tiếp khách đã từ lâu lắm và thú thật là không thấy cần phải có khách. Thật là cái tục lệ chết tiệt! Phải bỏ hết công việc, rồi lại còn phải cho ngựa của các ngài ấy ăn cỏ khô! Tôi ăn chiều đã lâu rồi, bếp lại bé và thấp; cái lò đã đổ nát; đánh liều mà đun lên thì có thể đốt cháy cả nhà.

Tsitsikôp nghĩ thầm: "- Tuyệt quá! May mà mình đã xơi ở nhà Xôbakiêvits cái bánh hấp pho mát và miếng thịt cừu!"
- Và ông thử nghĩ rằng tôi chẳng còn lấy một nắm cỏ khô nào nữa, Pliuskin nói tiếp. Vả lại, làm sao mà tôi lại không lâm vào cảnh này được kia chứ? Đất thì tôi chỉ có một miếng tồi tàn, nông dân thì đều khoanh tay không chịu làm, chỉ nghĩ đến chè chén… Ông cũng thấy là tôi về già, họ làm cho tôi thì đến phải vác bị đi ăn xin mất.
- Người ta vẫn bảo tôi là cụ có hơn nghìn nông phu, Tsitsikôp khẽ nhắc như vậy.
- Ai bảo ông thế? Một kẻ đùa nhảm! Đáng lẽ, ông phải nhổ vào mặt nó, vì nó nhạo ông đấy… Nghìn nông phu! Thôi đi, đếm mà xem, ông sẽ thấy còn lại bao nhiêu! Ba năm nay, cái bệnh sốt nóng chết tiệt đã cướp của tôi đi hàng đống.
- Thật à! Tsitsikôp thốt lên vẻ thương hại.
- Vâng, chết nhiều lắm, ông ạ.
- Cụ cho phép chúng tôi hỏi câu này. Chúng chết độ bao nhiêu?
- Tám mươi.
- Lẽ nào nhiều đến thế?
- Tôi không quen nói dối, ông ạ.
- Cụ cho phép một câu hỏi nữa: số nông phu ấy, cụ kể từ lần khai dân số trước, có phải không ạ?
- Chưa. Nếu kể từ lúc ấy thì phải tới trăm hai.
- Trăm hai, cụ bảo thế nào? Có thể như thế được không? Tsitsikôp ngạc nhiên đứng há hốc mồm.
- Tôi già rồi, không phải ở cái tuổi nói dối cho vui nữa, ông ạ; tôi đã sắp bảy mươi, Pliuskin cãi lại vì câu nói của Tsitsikôp, gần như một tiếng reo vui, hình như xúc phạm đến lão.
Tsitsikôp hiểu rằng ít quan tâm đối với bất hạnh của người khác là thiếu lễ độ; y bèn thở dài một tiếng và ngỏ lời thông cảm với Pliuskin.
- Tôi dùng làm gì lòng thông cảm của ông? Lão nói. Tôi không thể đút túi nó được. Tôi có một thằng cha láng giềng là đại úy, cứ tự

nhận là họ hàng với tôi, nhưng có Chúa biết được là hắn từ cái xó nào mà chui ra. Hắn vừa hôn tay tôi vừa kêu lên: "- Bác của cháu, bác của cháu!". Và khi mà hắn bắt đầu thông cảm thì hắn hét đến vỡ cả tai người ta ra. Hắn mê cái món ba-sáu lắm, nhìn bộ mặt đỏ gay cũng đoán biết được. Chắc là để sống cuộc đời sĩ quan, hắn đã ăn sạch hết vốn liếng, nếu không phải là hắn đã tự để cho một con đào hát vặt trụi lông. Tại sao mà hắn cứ phàn nàn với tôi? Tại thế đấy.

Tsitsikôp cố cắt nghĩa là lòng cảm thông của y không giống như của viên đại úy và y còn muốn tỏ lòng cảm thông ấy bằng cách khác những lời nói hão. Chẳng hạn y tự nguyện thay Pliuskin nộp thuế thân cho tất cả những nông phu đã không may mà chết.

Lời đề nghị hình như làm cho Pliuskin sững sờ. Đôi mắt thao láo, lão nhìn Tsitsikôp hồi lâu và cuối cùng hỏi y:

- Này, tiên sinh, tiên sinh cho tôi biết: tiên sinh không phải là nhà binh đấy chứ?

Paven Ivannôvits ranh mãnh đáp:

- Không; tôi phụng sự bên quan văn.

- Bên quan văn à! Pliuskin vừa cắn môi vừa nói. Vậy ông không biết rằng làm như thế là ông thiệt à?

- Để vừa ý cụ, tôi xin vui lòng chịu thiệt.

- À, tôn ông thân mến! À, ân nhân của tôi! Ông đem đến cho tuổi già của tôi một niềm an ủi lớn biết bao! A, lạy Chúa tôi! A, hay các thánh trên Thiên đường! Pliuskin than như vậy và trong lúc vui sướng, không thấy rằng thuốc lá từ mũi lão chảy xuống nom như bã cà phê và các vạt áo rách của lão phanh ra để lộ những quần áo mặc trong rất kém lịch sự.

Pliuskin không thể nói gì hơn nữa. Nhưng, một lúc sau, cái niềm vui đã bỗng nhiên làm cho bộ mặt gỗ ấy linh hoạt lên, liền nhường chỗ cho một vẻ lo âu, cũng rất đột ngột. Lão phải lấy cả mùi soa ra lau mặt, rồi cuộn nó lại mà thấm thấm mồ hôi ở môi trên.

- Xin phép hỏi ông một điều: ông định năm nào cũng nộp thuế cho đấy chứ? Ông sẽ giao tiền cho tôi hay tự tay ông nộp thẳng cho

người đương sự?
- Chúng ta chỉ lập một văn tự bán, xem như là chúng còn sống, mà cụ bán cho tôi vậy.
- Đúng như thế, một văn tự bán… Pliuskin lại vừa cắn môi vừa nói. Nhưng, cũng phải mất lệ phí. Bọn luật sư chúng nó ăn tham lắm. Ngày trước chỉ vài đồng tiền với một túi bột là xong, bây giờ thì phải một gánh bột sấy hảo hạng kèm theo một tờ bạc đỏ {*Bạc đỏ là tờ mười rúp*} nữa. Chà mới tham làm sao! Nhưng chẳng hiểu tại sao mà không có ai nhắc chúng nó phải biết điều, cho chúng nghe một bài giảng đạo đức có thể cứu vớt chúng {*Câu này là Gôgôn đã chữa lại theo yêu cầu của kiểm duyệt. Trước tác giả viết:* ***- Chẳng biết tại sao các giáo sĩ không để ý đến việc ấy và không cho chúng một bài giảng đạo đức: dù có nói gì đi nữa, cũng chẳng ai có thể cưỡng lại lời nói của Chúa***}? Ai mà có thể cưỡng lại một bài giảng đạo đức ý sâu và lời rõ?
"- Chính lão có thể cưỡng lại thừa đi đấy, lão già ạ!", Tsitsikôp nghĩ vậy, nhưng rồi nói là vì kính nể lão, y xin sẵn sàng chịu mọi thứ lệ phí. Nghe điều ấy, Pliuskin không còn nghi ngờ gì về sự ngu ngốc của người khách nữa: dù cho hắn có nói là phụng sự bên quan văn đi nữa, cũng có thể đoán biết hắn là một tay sĩ quan chuyên tán tỉnh bọn đào hát. Tuy vậy, lão cũng không thể giấu được nỗi vui sướng, lão rối rít chúc cho Tsitsikôp và cho các con y mọi điều hạnh phúc có thể được, không cần biết là y có con hay không. Lão đi ra phía cửa sổ, gõ vào kính, gọi: - Này! Prôska.

Sau một phút, nghe có tiếng ồn ào kéo dài ở phòng ngoài. Rồi cánh cửa mở, Prôska vào. Nó là một đứa con trai mười ba tuổi, diện đôi ủng to đến nỗi bước đi là như sắp rơi mất ủng. Người ta ngạc nhiên không hiểu tại sao mà nó lại vướng vít như vậy; xin nói ngay là tại sao. Tất cả các đầy tớ của Pliuskin đều chỉ có một đôi ủng để dùng chung, thường xuyên để ở phòng ngoài. Khi một người trong bọn họ nghe gọi thì đi chân đất qua suốt cả cái sân rộng, vừa đi vừa nhảy, nhưng phải xỏ ủng vào trước khi vào các phòng. Đi ra thì để ủng lại chỗ cũ, rồi rút lui chân không. Sáng sáng mùa thu, vào độ

bắt đầu có sương muối, mà nhìn ra cửa sổ thì có thể thấy tất cả đám đầy tớ biểu diễn những điệu antrasat mà có lẽ diễn viên vũ đạo linh hoạt nhất cũng không thể thực hiện được trên sàn gỗ.
- Nhìn cái mõm này tí, tiên sinh ạ, Pliuskin nói và chỉ Prôska. Ngốc như ngỗng mà hễ cứ để cái gì ra là nó móc lấy ngay. Mày vào đây làm gì, đồ ngu, nói ngay.
Lão lặng thinh một lúc, Prôska cũng vậy.
- Sửa soạn Xamôva đi, nghe chưa? Đưa cái chìa khóa này cho Navra; bảo nó vào mở tủ thức ăn, trong ấy còn mẩu bánh sữa mà Alexanđra Xtêpanôpna đem đến; bảo nó dọn lên với trà… Thong thả, đồ ngốc; chạy đi đâu đấy? Quỉ ám mày à? Nghe người ta dặn đã. Mẩu bánh có hơi mốc, bảo nó lấy dao cạo đi; nhưng mà không được ném các vụn bánh mà mang ra cho gà. Còn mày, thằng kia, đừng có bén mảng vào nhà kho, liệu mà ăn đòn đấy! Mày hốc đã khỏe lắm rồi, vào đấy được kích thích mày lại càng muốn hốc tợn. Cố, cố mà luồn vào kho đi; tao nhìn thấy hết từ cửa sổ này đấy.
- Không thể nào tin chúng được, lão quay lại nói tiếp với Tsitsikôp, sau khi Prôska và đôi ủng đã chuồn ra khỏi phòng. Nhưng tức khắc, lão lại sinh lòng nghi ngờ khách: rộng rãi như thế đối với lão thật là khó tin lắm, lão nghĩ: "- Rút cục, có lẽ chỉ là một tên nói khoác, như tất cả những đứa hoang phí kia thôi! Để kiếm một chén trà, chúng tán hươu, tán vượn đủ mọi thứ, xong rồi chào anh, tôi biết anh rồi!". Vì vậy, để phòng bất trắc và để thử lòng Tsitsikôp, lão khẽ nhắc là nên lập ngay văn tự, đừng chờ đợi gì nữa vì con người ta không bao giờ tin chắc ở ngày mai được.
Tsitsikôp sẵn sàng lập văn tự ngay tức khắc; y chỉ yêu cầu một danh sách nông phu cho chính xác.
Điều ấy làm cho Pliuskin yên tâm. Bỗng lão như nghĩ ra một việc gì, cầm chùm chìa khóa, mở cửa tủ bát đĩa xục xạo hồi lâu trong đám cốc, tách, rồi nói:
- Mình còn một ít rượu quả rất ngon kia mà; bọn đày tớ chết treo này đã nốc đi rồi chắc? Chẳng thể nào mà tìm ra được. À thong thả, có phải đây không nhỉ?
Tsitsikôp thấy tay lão cầm một cái bình còn bám đầy bụi.
- Cái này là của mồ mả nhà tôi để lại. Con mẹ ranh tiết kiệm ấy,

giờ chẳng còn phải bận tâm gì nữa. Nó quên đậy cả nút lọ. Đủ thứ con gì chết đuối trong ấy, nhưng tôi đã vớt ra hết; nom nó đã trong như trước rồi đấy; để tôi rót cho ông một cốc con.
Không có ý muốn thử thứ cam lộ ấy, Tsitsikôp xin lỗi là hôm nay đã ăn uống no say rồi.
- Ông đã ăn uống đủ rồi! Pliuskin nói. Đúng thế, người thượng lưu nhìn là biết ngay; không cần ăn cũng no; thằng bợm non nào dẫn xác đến cũng chẳng tài nào mà cho nó ăn no được… Này nhá, chẳng hạn cái thằng cha đại úy, cứ mỗi lần đến thăm tôi là lại nói: "- Thưa bác, bác cho cháu ăn chút gì đi!". Tôi không phải là bác nó, mà nó là ông nội tôi đấy. Ở nhà nó chẳng có gì nhai, nó bắt người ta nuôi nó… Nhưng, xin lỗi, ông muốn có danh sách tất cả những thằng ăn hại ấy à? Được. Tôi vừa lập sẵn một cái đây, để đến kỳ điều tra sắp đến thì xóa tên chúng đi.
Pliuskin đeo kính vào, lục lọi giấy má, tháo hàng đống gói giấy ra; bụi tung lên làm cho khách phải hắt hơi. Sau cùng thì tìm được một tờ giấy chi chít những chữ. Tên nông phu chết chen chúc nhau như ruồi, đủ mọi thứ: Paramônôp, pimiônôp, pantêlêimônôp, cho đến một gã nào đấy tên là Grigôri, *Đi mà không đến* - tổng số là hơn một trăm hai mươi. Nhìn thấy đám đông ấy, Tsitsikôp mỉm cười và đút tờ giấy vào túi. Bây giờ y mới nhắc Pliuskin phải lên tỉnh để lập văn tự.
- Ra tỉnh à? Ông cho là có thể đi được à?... Làm sao bỏ nhà mà đi được? Tất cả bọn đày tớ nhà này mà không phải là kẻ trộm thì cũng là kẻ cắp; chỉ một ngày là chúng khuân sạch chẳng còn lấy cái đinh để mắc chiếc áo nữa.
- Nhưng chắc cụ có quen ai ở tỉnh chứ.
- Không, tất cả người quen của tôi đều chết cả, hay là mất hút đâu cả rồi… Bỗng lão kêu lên: à, có có, xin lỗi, ông ạ, không biết đầu óc tôi để đâu? Tôi còn một người quen, đích danh là ông chánh án, ngày trước ông ấy đến chơi tôi luôn. Chúng tôi là bạn với nhau hồi trẻ nhỏ; có thời cùng nhau đi trèo tường. Thế mới gọi là một chỗ quen biết… Hay là tôi biên thư cho ông ta?
- Thế thì hay quá!
- Ừ, phải, đó là một chỗ quen biết cũ. Chúng tôi thân nhau từ hồi

còn đi học.
Trên bộ mặt gỗ ấy bỗng thoáng qua một tia nắng, một ánh hồi quang bạc nhược của tình cảm. Có lúc, ngẫu nhiên người chết bỗng nổi lên mặt nước, làm cho quần chúng xúm xít trên bờ reo lên một tiếng vui mừng. Anh em chị em của họ ném dây xuống, hy vọng thấy nổi lên lại cái lưng hay hai tay của người bị nạn; nhưng vô ích vì anh ta đã kiệt lực trong khi chống chọi với nước. Chẳng còn có gì cựa quậy nữa và đại dương trở lại yên lặng, càng thêm khủng khiếp, càng thêm hoang vu. Bộ mặt của Pliuskin cũng thế, sau cái ý muốn linh hoạt lên, sinh động lên ấy, nó liền trở lại phẳng lặng hơn, vô tri vô giác hơn trước nữa.
- Trên bàn này mình có một vuông giấy trắng, có Chúa biết nó đâu rồi! Ông thấy tôi có thể tin cậy được gì vào những quân vô lại ấy đâu.
Lão đảo mắt nhìn trên bàn, rồi dưới bàn, lục lọi khắp nơi rồi kêu lên: - Mavra, này, Mavra!
Nghe tiếng, một người đàn bà chạy vào, tay bưng một cái đĩa có mẩu bánh sữa trứ danh. Và câu chuyện sau này bắt đầu qua lại giữa hai người:
- Mày đút tờ giấy của tao vào đâu rồi, đồ kẻ cướp?
- Ông bảo giấy gì? Xin thề là tôi chẳng thấy tờ giấy nào khác cái tờ ông đậy cốc cả.
- Tao thì tao nhìn đôi mắt mày, tao cũng biết là mày đã xoáy của tao rồi.
- Để mà làm gì cơ chứ? Tôi chẳng biết viết, biết đọc thì lấy làm gì?
- Mày nói dối! Mày mang cho thằng con trai lão trợ tế, nó hí hoáy viết lách suốt ngày.
- Nó mà có cần giấy, thì nó biết nơi kiếm. Nó thèm vào những đồ giẻ rách của ông đấy.
- Thong thả; đến ngày tài phán cuối cùng {*Theo đạo Cơ đốc, đến ngày tận cùng của thế giới, Thượng đế sẽ phán quyết về số phận của tất cả mọi người đã chết từ trước đến nay*} rồi mày sẽ được nếm đinh ba của bọn quỉ sứ; mày sẽ biết nó nướng mày như thế nào!
- Lạy Chúa, tại sao như vậy, tôi có tội gì đâu nào? Tôi có mó vào

giấy của ông đâu. Tôi có thể có lúc yếu đuối, nhưng chưa bao giờ ai trách tôi được là ăn cắp, bất cứ một tí gì.
- Mày sẽ biết tay chúng. Chúng sẽ nói "- A! a! cái con vô lại này mày lừa dối chủ mày! Này, này!". Bấy giờ mới đến những chiếc đinh ba của chúng.
- Tôi sẽ bảo chúng nó: - Tại sao, lạy Chúa, tại sao? Tôi có lấy gì đâu?... A, kìa, giấy của ông đấy, trên bàn ấy. Lúc nào cũng mắng oan người ta!
Pliuskin nhận ra tờ giấy của lão thật, lầu bầu, rồi nói:
- Đấy, nó cút đi rồi đấy, đồ quạ cái! Người ta nói một nó cãi mười! Thôi đừng giữa nữa, đem lửa vào đây để tao niêm cái thư… Hãy gượm! Thế nào mày cũng mang vào cả một cây nến cho mà xem, mày đâu biết tính rằng mỡ bò mà đã cháy là mất toi. Không; đem cho tao một cái đuốc nhựa thông thôi.
Mavra ra rồi. Pliuskin ngồi vào một cái ghế bành, cầm một cái bút, hết quay ngang lại quay dọc tờ giấy. Sau cùng, tin chắc rằng không còn có thể rọc bớt đi một mẩu nhỏ nào cả, lão mới chấm bút vào một cái lọ mực đựng một thứ nước mốc meo, có khá nhiều xác ruồi chết đuối, rồi bắt đầu kẻ những chữ nom như những nốt nhạc. Mỗi lúc, lão lại cố giữ cho bàn tay khỏi phóng bút; lão bủn xỉn viết dòng nọ khít liền vào dòng kia, mà vẫn tiếc những khoảng cách giữa các chữ dù thế nào cũng không thể lấp hết được.
Làm sao mà một con người lại có thể sa đọa đến thế, trở thành hèn hạ đến thế, đê tiện đến thế, keo kiệt đến thế? Có thể như thế được không? Có thể lắm chứ, bản tính con người có thể thành ra thế nào cũng được. Người thanh niên hăng hái hôm nay trông thấy ông lão là hình ảnh của nó một ngày kia, mà ghê sợ. Khi từ giã những năm tháng đáng yêu của tuổi trẻ, bạn bước vào con đường gay go của thời trung niên, bạn hãy mang theo, làm tiền ăn đường, những tình cảm nhân đạo đầu tiên của bạn; nếu không, bạn sẽ chẳng tìm thấy được những tình cảm ấy nữa. Tuổi già đe dọa bạn, cái tuổi già khốc liệt không để cho ta lấy lại bất cứ cái gì ta đã trót bỏ đi. Nấm mồ còn rộng lượng hơn, vì trên mộ người ta còn đọc được mấy chữ: *Ở đây an nghỉ một người*; còn trên những nét ảm đạm và lạnh ngắt của tuổi già vô nhân đạo, ta chẳng đọc được gì cả.

Pliuskin gấp lá thư lại rồi hỏi: "- Ông có người bạn nào cần đến nông phu trốn chủ không?"
- Cụ cũng có à? Tsitsikôp sực tỉnh, hỏi lại.
- Có, thế mới khổ! Con rể nhà tôi đã mở cuộc điều tra; nó bảo rằng chúng mất hút, chẳng còn tăm hơi gì; nhưng cái thằng nhà binh ấy chỉ giỏi rung rinh đôi cựa giày hơn là đến thỉnh cầu cửa quan.
- Vậy cụ có tất cả bao nhiêu?
- Độ bảy chục.
- Không có lẽ!
- Thề danh dự! Bọn ăn hại ấy chỉ biết hốc cho nhiều, còn tôi thì chết đói. Vì vậy mà quân tạp ăn ấy năm nào cũng có mấy đứa bỏ trốn… Họ trả bao nhiêu tôi cũng nhận. Ông khuyên bạn ông mua chúng nó cho tôi; rồi chỉ tìm lại được mươi đứa thôi là lãi biết mấy rồi! Mỗi nông phu đăng ký sổ đinh trị giá trên dưới năm trăm rúp đấy!
"- Không, mình sẽ không để cho một ai đánh hơi được món này". Tsitsikôp nghĩ thế, rồi liền nói là không có một người bạn nào muốn điều đình một việc mua bán như thế cả: lệ phí tốn kém lắm và chẳng thà ném cho chúng nó cái đuôi áo còn hơn là đi tìm những quân quỉ quái ấy. Tuy vậy, Pliuskin đã túng quẫn đến thế thì y cũng vì lòng trắc ẩn, đồng ý mua cho lão bọn nông phu bỏ trốn, nhưng chỉ có thể trả rất ít, chẳng đáng là bao…
- Vậy thì bao nhiêu? Pliuskin hỏi, lão đã biến thành một người Do Thái thực sự: hai bàn tay lão run run như thủy ngân.
- Hăm lăm kôpek một đứa.
- Tiền mặt?
- Tiền mặt.
- Nhưng, tiên sinh rủ lòng thương cảnh cùng khổ của tôi, cho tôi ít ra là bốn mươi kôpek.
- Thưa tôn lão, không phải tôi chỉ trả cụ bốn mươi kôpek mà rất sẵn lòng trả năm trăm rúp, vì thấy một người trung hậu mà sa sút vì lòng tốt của mình, tôi thật quá thương tâm.
- Đúng thế, đúng thế! Mọi việc đều do lòng tốt của tôi mà ra cả; Pliuskin tán thành, vừa nói vừa trịnh trọng gật gật cái đầu cúi thấp.
- Cụ thấy đấy, tôi hiểu ngay tính cụ, tôi nói là tôi sẵn lòng biếu cụ

năm trăm rúp một đứa, nhưng khốn nỗi… gia sản của tôi không cho phép; nhưng mà tôi cũng xin thêm năm kôpek, vị chi ba mươi kôpek một đứa.
- À, tiên sinh, xin tiên sinh thêm cho hai kôpek nữa!
- Thì vâng, để cho cụ vui lòng. Cụ có tất cả bao nhiêu đứa? Cụ nói bảy mươi thì phải?
- Tất cả là bảy mươi tám.
- Bảy mươi tám đứa, mỗi đứa băm hai kôpek, vị chi… Chỉ sau một phút suy nghĩ là nhân vật của chúng ta rất giỏi tính, lại nói ngay: vị chi hăm bốn rúp, chín mươi sáu kôpek.
Tsitsikôp bảo Pliuskin ký giấy nhận tiền rồi trả ngay; lão già vồ lấy cả hai tay và đem đến đặt trên bàn giấy, cẩn thận chẳng kém gì mang một chất nước, mỗi lúc lại sợ nó đổ ra. Đến bàn giấy, lão đếm lại lần nữa, rồi cũng cẩn thận như thế, cất tập bạc vào một ngăn kéo, đó là mồ chôn chúng cho đến ngày mà Cha Karp và cha Polykarp {*Karp tiếng Nga nghĩa là cá chép, Polykarp là tên Gôgôn đặt ra với tiếp đầu ngữ poly nghĩa là nhiều, và karp là cá chép*} hai vị giáo sĩ trong xứ, sẽ làm ma cho lão với nỗi vui mừng khôn xiết của con rể lão, con gái lão và có lẽ cả viên đại úy tự nhận là bà con của lão nữa. Tiền chôn rồi, Pliuskin lại rơi phịch xuống chiếc ghế bàn và như chẳng còn có thể tìm ra điều gì để chuyện trò nữa.
Sau cùng thấy Tsitsikôp như định rút mùi soa, lão liền hỏi: - Ông muốn đi rồi à?
Câu hỏi như nhắc nhân vật của chúng ta rằng y chẳng còn có lý do gì để nấn ná thêm nữa.
- Vâng, tôi phải đi ngay, y vừa nói vừa cầm mũ.
- Thế không uống trà à?
- Nếu cụ cho uống thì xin để lần khác.
- Thế mà tôi lại bảo chúng nó đun bếp lò! Nói thật thì tôi không thích trà đâu: tốn, mà đường lại đắt quá không thể mua nổi. Prôska, đừng mang xamôva lên nữa. Đem miếng bánh sữa xuống cho Mavra, bảo nó cất đi; hay là thôi, đưa đây tao, tao cất lấy. Thôi, chào tôn ông phúc đức, cầu Chúa ban phúc cho ông! Đừng quên cái thư gửi ông chánh án; ông ta là chỗ quen biết cũ, ngày trước

chúng tôi ăn học với nhau!
Rồi con bù nhìn teo tóp ấy đưa khách ra tới cổng, và lập tức bắt đóng lại ngay rất cẩn thận. Sau đấy, lão đi thị sát các nhà kho, xem cho tận mắt bọn canh gác có mặt không, bọn này báo hiệu cho nhau, không phải bằng cách thông thường là lấy một tấm gang làm kẻng mà lại lấy xẻng đập vào một cái thùng rỗng; lão đảo xuống bếp, lấy cớ nếm thức ăn chiều của đày tớ để tọng đầy một bụng xúp bắp cải nấu với lúa mì đen. Cuối cùng, sau khi đã nhiếc mọi người là quân ăn hại, là đồ vô dụng, lão lui về buồng riêng. Ngồi một mình, lão ngẫm nghĩ đến cách cảm tạ lòng hào hiệp, quả thật là có một không hai, của người khác. Lão quyết định: "- Mình sẽ biếu ông ta cái đồng hồ quả quít. Cái đồng hồ ấy đẹp lắm, bằng bạc chứ có phải bằng đồng mắt cua, đồng thau đâu; kể ra nó chạy không đúng lắm, nhưng ông ta đưa đi chữa chứ; ông ta còn trẻ, cần có đồng hồ để cho vợ chưa cưới thích chứ. Hay là thôi, - sau một lúc suy nghĩ, lão lại quyết định thêm, - mình để lại cho ông ta bằng di chúc, để ông ta giữ một kỷ niệm tốt về mình sau khi mình chết…"
Nhân vật của chúng ta không cần phải có đồng hồ tý nào, cũng tỏ ra rất vui. Tậu được món bất ngờ như thế, bở chẳng kém gì được ai cho cái quà quí nhất: cả chết lẫn trốn, tổng số nông phu hơn hai trăm! Dĩ nhiên, vừa đến nhà Pliuskin, y đã đánh hơi ngay là có món bở, nhưng quả thật y chẳng bao giờ dám mong được may mắn đến thế. Bởi vậy mà suốt dọc đường, y vui đến điên lên được, y huýt sáo mồm, nắm tay lại đưa lên mồm thổi, giả tiếng kèn, cất tiếng hát một bài bất ngờ đến nỗi Xêlifan, sau khi lắng nghe hồi lâu, phải gật gù nói: - Ấy, ấy, hôm nay ông chủ vui quá nhỉ!
Trời chập choạng tối thì họ về đến ven thành phố. Ánh sáng và bóng tối hòa vào nhau; đồ vật nom lẫn lộn hết. Thanh gỗ dài sơn sặc sỡ, dùng làm cái ngáng đường, không còn thấy rõ là màu gì; trên mặt người lính gác không biết đâu là cái mũ; bộ ria mép tựa hồ dán lên trán, cao hơn cặp mắt nhiều. Những cái xóc bắn người báo rằng chiếc britska đã lăn trên đường lát đá. Đèn ngoài phố chưa thắp. Chỉ mới vài cửa sổ bắt đầu lên đèn; trong lúc các phố xép, ngõ cụt được dùng làm sân khấu cho những tấn tuồng và câu

chuyện thường diễn ra trong cái giờ ấy, ở tất cả mọi thành phố đông nhung nhúc những lính tráng, người chở xe thuê, thợ thủ công; ở đấy những con người quàng khăn san đỏ và đi giày cao cổ mà không có bít tất, lượn chập chờn như những con dơi ở ngã ba, ngã tư. Tsitsikôp không để ý đến họ, cũng chẳng để ý đến nhiều công chức, người lều khều, tay cầm can, chắc là đi dạo mát ở ngoài đồng về. Chốc chốc, tai y lại nghe những lời thốt lên, chắc là với giọng nữ: "- Nói dối, đồ say rượu; có bao giờ tôi lại để cho nó làm như thế!". Hay là: "- Đừng mó vào tôi, đồ mất dạy! Đến đồn đi, tôi sẽ cho biết ai có lý!..." - Tóm lại là những lời khó nghe, có thể làm hoảng hốt người thanh niên mơ mộng, hai mươi tuổi đầu, khi xem hát về đang nhớ lại một cảnh đêm Tây Ban Nha, một cô gái yêu kiều, tóc uốn quăn, với cây đàn ghi ta. Đang say sưa trong cảnh thần tiên, bay lượn trên mấy tầng trời, trò chuyện với Sinlơ {*Schillier (1759-1805): thi hào Đức, tác giả nhiều bi kịch*}, - thì bỗng nhiên những lời nói không tránh được đập vào tai họ như một tiếng sấm, làm họ bừng tỉnh, thấy mình đang ở trên mặt đất và đứng trên quảng trường hàng Cỏ, cạnh một tiệm rượu, trước cái cảnh sống thường lệ hàng ngày.

Một cái lắc cuối cùng nữa, rồi chiếc britska chui lọt qua cổng khách sạn, như qua cánh cửa của một cái bẫy. Pêtruska ra đón Tsitsikôp, đưa một tay đỡ chủ xuống xe, còn tay kia thì túm túm vạt áo dài của hắn, không muốn để bay phất phơ. Người hầu khách sạn cũng chạy ra, tay cầm nến, khăn vắt vai. Chủ về làm cho Pêtruska vui, nhưng hắn không hề để lộ ra một vẻ gì cả; họa chăng khi trao đổi một cái liếc mắt với Xêlifan, hình như bộ mặt khắc khổ của hắn mới tươi lên được một chút.

- Ngài đi đường được tốt lành chứ ạ? Người hầu, vừa soi đèn cho Tsitsikôp lên thang gác, vừa hỏi.

Đến bậc bằng giữa thang, Tsitsikôp đáp:

- Tốt, còn chú mày thế nào? Khỏe chứ?

Người hầu cúi gập người lại, cung kính nói:

- Ơn Chúa, thưa ngài, cũng bình thường; hôm qua có một người khách nhà binh đến trọ, một trung úy; ở buồng mười sáu.

- Một trung úy?

- Cháu không được biết ông ta là ai, nhưng ông ta từ Riazan đến và có những con ngựa hồng bờm đen, chân đen đẹp lắm.
- Tốt, tốt, chú mày cứ ăn ở cho phải phép thế là tốt. Tsitsikôp nói xong thì vừa lên đến buồng. Đi qua gian ngoài, y nhíu lỗ mũi lại và bảo Pêtruska:
- Mày mở cửa sổ ra một tí chứ!
- Con mở ra cả rồi đấy chứ! Pêtruska trâng tráo cãi lại.
Chủ biết là tớ nói dối nhưng chẳng nói gì thêm. Cuộc lữ hành làm y mệt nhoài. Y ăn tối một miếng lợn sữa rồi cởi quần áo, chui vào chăn và tức khắc đánh một giấc say, giấc ngủ tuyệt diệu, đặc hữu của những kẻ phù sinh sung sướng không hề biết rệp đốt, bệnh lòi dom {*Chính Gôgôn bị bệnh ấy*} và trí thông minh thái quá.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 7

Sung sướng thay những kẻ lữ hành sau những đoạn đường dài đi một mạch trong mưa gió, bùn, luôn luôn bị ám ảnh vì tiếng nhạc ngựa, vì xe hỏng phải sửa chữa, vì phải đấu khẩu thường xuyên với bọn hạ lưu trên đường cái: phu trạm, thợ đóng móng ngựa, trưởng trạm ngủ lì gọi không thưa, và tất cả những bọn khác nữa; sung sướng thay khi trông thấy lại cái mái nhà của mình và được hưởng sự an ủi của cuộc đón tiếp nhiệt tình: người nhà chạy ra, mồm reo vui vẻ, tay soi đèn đuốc; những con trẻ lăng xăng nghịch ngợm; những lời nói dịu dàng xen lẫn những cái ôm hôn nồng nàn có thể tẩy hết mọi thứ phiền muộn khỏi trí nhớ! Sướng thay cho người chủ gia đình, nhưng mà lại khổ thay cho kẻ không vợ, không chồng!

Sung sướng thay nhà văn trốn không tả những tính cách phẳng

lặng mà sự tầm thường vô vị đè nén nặng nề, và làm cho người ta chán ngán, để chuyên tả những tâm hồn cao thượng làm vinh dự cho loài người; trong những hình tượng luôn luôn đổi thay như một con lốc, họ được chọn chỉ vài nét đặc sắc hiếm có, họ không bao giờ phải phản bội âm điệu cao cả của thiên tài mình, không hề hạ cố đến những kẻ phù sinh hèn mọn, mà chỉ cao bay, xa cuộc đời phàm tục, không niềm cao cả tuyệt vời. Số phận cao cả của họ lại càng đáng thèm muốn vì họ được ở giữa những nhân vật thượng lưu của họ như ở trong gia đình, và danh vọng của họ vang lừng khắp vũ trụ. Họ phỉnh nịnh người đời và làm cho người ta say sưa, bằng cách che khuất hiện thực, giấu giếm những khuyết điểm mà chỉ phô trương vẻ lớn lao đẹp đẽ của loài người. Thiên hạ đều vỗ tay hoan hô và lũ lượt kéo nhau theo sau xe khải hoàn của họ {*Trong lịch sử La Mã, những tướng thắng trận lớn được tổ chức lễ khải hoàn long trọng; người chiến thắng đứng trên xe trận kéo vào đô thị, ở sau là quân lính, tù binh, chiến lợi phẩm kéo theo đám rước*}. Người ta suy tôn họ là đại thi hào, khẳng định rằng họ vượt xa các tao nhân, mặc khách khác về thiên tài, như chim đại bàng ăn đứt tất cả các loài chim bay cao, nghe tin họ, những quả tim thanh xuân phải rung động, những giọt lệ cảm thông long lanh trong tất cả mọi khóe mắt. Chẳng một ai có thể sánh với họ về uy lực!...

Một số phận khác chờ đợi nhà văn dám khuấy lớp bùn ghê tởm của những sự hèn hạ mà cuộc đời của chúng ta sa lầy vào, dám lặn ngụp xuống vực thẳm của những bản tính lạnh ngắt, ti tiện tầm thường, mà trong cuộc hành hương của chúng ta ở dương thế, nhiều khi gian khổ biết bao, mỗi bước chúng ta lại gặp, - nhà văn, với một nét dao trổ tàn nhẫn dám phơi bày ra ở chỗ thanh thiên bạch nhật, cái mà đôi mắt hờ hững của chúng ta không chịu nhìn thấy! Nhà văn ấy sẽ không được những tiếng vỗ tay của quần chúng, những giọt lệ biết ơn, những mối nhiệt tình bồng bột và đồng thanh; nhà văn sẽ không gây được một chút khát vọng hào hùng nào trong những quả tim mười sáu tuổi, sẽ không để cho những âm điệu của chính mình lại mê hoặc mình và cuối cùng sẽ

không tránh được sự phê phán của những kẻ đương thời, lòng lim dạ sắt và giả nhân giả nghĩa; họ sẽ cho những công trình sáng tác thân yêu của nhà văn là những bài viết điên cuồng và báng bỉ; họ đem những thói hư tật xấu của nhân vật mà gán cho tác giả; họ cho rằng tác giả không thể có một quả tim, một linh hồn và ngọn lửa thiêng tài ba được. Vì những người đương thời từ chối không muốn công nhận rằng tấm kính dùng để soi xét những cử động của những côn trùng không nhìn thấy {*Ý tác giả muốn nói những vi trùng*} cũng quí như tấm kính cho phép ta quan sát mặt trời; họ phủ nhận rằng cần có một sức thấu triệt mãnh liệt, lớn lao mới làm sáng được bức tranh mượn cuộc đời bỉ ổi để tạo thành một công trình tuyệt tác; họ phủ nhận rằng một tiếng cười mạnh mẽ cũng chẳng thua kém gì một mối xúc cảm trữ tình đẹp đẽ, mà đối với cái méo mặt, méo mày của những anh hề hát tuồng, thì cách nhau một trời một vực. Phủ nhận tất cả các điều ấy, những kẻ phỉ báng đem giá trị của nhà văn chưa ai biết tiếng ra chế giễu chua cay; anh ta chẳng hề được ai hưởng ứng một lời và đành phải cô lập giữa đường đời. Khắc khổ thay sự nghiệp của anh ta, cay đắng thay nỗi cô đơn của anh ta!

Còn tôi, tôi biết một uy lực ở trên chúng ta bắt tôi còn phải lâu nữa đi sát cánh với những nhân vật dị kì của tôi, phải ngắm qua cái cười ngoài mặt và những giọt lệ bất ngờ, cái diễn biến vô tận của trò đời. Còn lâu nữa, nguồn cảm hứng mới trào ra từng đợt dữ dội hơn, từ óc tôi đang lúc phấn kích thiêng liêng; và thiên hạ run sợ sẽ tiên cảm là những lời lẽ uy nghiêm sắp từ đấy vang lên như sấm dậy {*Đoạn này Gôgôn thay vào đoạn đã viết trong bản thảo thứ hai nguyên như sau:* ***- Ai biết được? Những trang tầm thường có lẽ sau này sẽ rực rỡ lên một ánh sáng mà bây giờ không ai ngờ đến. Có lẽ một thi hào (ôi phần thưởng thiêng liêng biết bao!) sẽ xúc động một cách tôn nghiêm trước những trang ấy, văn khí mãnh liệt của cảm hứng làm xao xuyến đầu óc thi hào và những khúc ca mới sẽ tái tạo thế giới.*** *Đem thay hình tượng "một thi hào" bằng hình tượng của chính bản thân, sau những đắn đo và*

sửa đi sửa lại rất nhiều, Gôgôn đã bắt đầu quan niệm vai trò cải tạo xã hội của mình với tác phẩm ***Những linh hồn chết*** *này; nhất là trong những phần sau, điều ấy càng rõ*}…
Lên đường, lên đường thôi! Vui lên; đi sâu vào cuộc đời, vào giữa những tiếng om sòm, tiếng nhạc vui của cuộc đời và xem Tsitsikôp đang làm gì.

Tsitsikôp tỉnh dậy, vươn vai và thấy mình rất khoan khoái. Y nằm ngửa thêm hai phút nữa, nhưng sực nhớ ra rằng mình đã là chủ nhân của bốn trăm nông phu, y liền bật ngón tay kêu tanh tách, vẻ mặt hớn hở. Nhảy xuống khỏi giường, y không nghĩ đến việc soi gương ngắm nghía bộ mặt mà y khá mê, đặc biệt là cái cằm mà y thích khoe vẻ duyên dáng với bạn bè, nhất là trong khi cạo râu.

"- Này xem, cằm tôi tròn trĩnh đấy chứ nhỉ!" y thường bảo các bạn vừa nói vừa xoa, vuốt nó. Nhưng hôm nay, quên cả cằm lẫn mặt, y xỏ chân ngay vào ủng, một đôi ủng da dê sặc sỡ mà nhờ giai cấp quí tộc của chúng ta, thành phố Torjok {*Một huyện lỵ trong tỉnh Tve, nổi tiếng về nghề thuộc da*} buôn bán rất nhiều với cách ăn mặc theo kiểu Tô-cách-lan ấy, y cởi bỏ vẻ trang nghiêm thích hợp với tuổi tác và tính tình của y để biểu diễn hai điệu nhảy antrasat khá thành công. Rồi chẳng chần chừ gì nữa, y bắt tay vào việc. Y ngồi vào bàn viết, vui sướng chẳng khác gì một quan tòa thanh liêm sau một cuộc điều tra ngồi vào một cái bàn đầy đủ hồ sơ và rút ra những giấy tờ cần thiết. Không muốn công việc kéo dài ra, y quyết định tự tay thảo những văn khế rồi chép lại, để khỏi mất tiền thuê bọn thư ký lục sự. Rất thạo thể thức lập văn tự, y nhanh nhẹn viết, trước hết bằng chữ to: *năm một nghìn tám trăm*…, rồi bằng chữ rất nhỏ: *tôi là mỗ, trang chủ*…, rồi cứ thế viết tiếp. Sau hai giờ, thì mọi giấy tờ đã làm xong.

Đến khi y ngắm nghía tất cả những mảnh giấy nho nhỏ ấy, những

nông dân, trước đây chưa bao lâu, còn là những con người bằng xương, bằng thịt, làm lụng, cày bừa, chở xe, say rượu, lừa chủ - hay có thể là những kẻ lương thiện, thật thà, - thì một tình cảm là lạ, mà chính y cũng không thể hiểu rõ là tình cảm gì, bỗng chiếm lấy tâm hồn y. Mỗi danh sách hình như có một đặc tính và truyền cái đặc tính ấy lại cho những người mujik có tên trong danh sách. Nông nô của bà Kôrôbôtska thì phần lớn đều có tên tục kèm theo. Tờ ghi của Pliuskin nổi bật vì gọn và rõ: những chữ hoa có chấm đằng sau thường để chỉ tên thánh và tên bố của từng người. Tờ liệt kê của Xôbakiêvits làm cho người ta chú ý vì nhiều chi tiết phong phú; tất cả mọi tính tốt của nông phu đều được ghi lại. Tên người này có chú rõ: *thợ mộc khéo*; tên người kia: *thông minh và không bao giờ say rượu*. Xôbakiêvits cẩn thận, chẳng quên cả tên họ và hạnh kiểm của bố mẹ từng người; chỉ có tên Fêđôtôp nào đó là mang theo đặc điểm này: *không biết bố là ai, mẹ là con hầu buồng Kapitôlin, nhưng thật thà và hạnh kiểm tốt*. Tất cả những chi tiết ấy làm cho tập giấy tờ có một vẻ tươi mát đặc biệt; những người lương thiện này hình như chỉ mới chết hôm qua thôi. Tsitsikôp mủi lòng, thở dài và nói: - Các bạn ạ, các bạn đã tề tựu đông đúc! Các bạn thân mến, trước kia các bạn sống bằng cách nào? Các bạn phải giật gấu vá vai như thế nào?

Đôi mắt y vô tình dừng lại ở một cái tên, tên của anh chàng trứ danh Piôtr Xavêliep *Chẳng kiêng nể gì ai*, nông nô cũ của bà Kôrôbôtska. Lần này nữa, y cũng không thể không nói: - Tên sao mà dài thế, chiếm hết cả một dòng! Chú là ai? Con người trung hậu của ta, là thợ thủ công hay chỉ là nông phu thường? Chắc là chú chết ở quán rượu, trừ phi một đoàn xe tải chẹt chết chú trong khi chú nằm ngủ sóng soài ngay chính giữa đường cái.

Xtêpan *Nút chai, thợ mộc, gương mẫu về tính điều độ*. - A! A! Xtêpan Nút chai đây rồi, tay khổng lồ có thể lập kỳ công trong quân cận vệ đây rồi! Con ạ, chắc chắn là con đã chu du khắp các

tỉnh, đôi ủng đeo trên vai, cái rìu giắt thắt lưng, chỉ ăn một đồng tiền bánh mì với hai đồng cá khô, để mỗi bận đi làm đem về một trăm rúp bạc trong hầu bao, không kể tiền giấy mà con đút vào trong ủng hay có thể là con đem lót vào trong quần, dưới lần vải thô! Quỉ sứ, không biết con đã qua đời ở chốn nào? Chắc là con muốn kiếm thêm tiền nên nhận chữa một cái gác chuông và lỡ chân ngã xuống, để cho một lão Mikhêi nào đấy được dịp gãi đầu, lẩm bẩm: "- Thôi, thôi! Cậu ơi; cậu làm sao thế!..." rồi tức tốc buộc dây vào sườn, leo lên thay con?...

Macxim Têliatnikôp, *thợ giày*. Ồ! Quái, thợ giày à? Tục ngữ Nga có câu: *Say khướt như thợ giày*. Ta biết chú, chú ạ, có muốn thì để ta kể cho nghe cái tiểu sử của chú vắn tắt mấy lời. Chú học việc ở nhà một lão người Đức, - ăn cùng bàn, ngủ cùng giường với nó, nó nhắc chú không được biếng nhác với một sợi dây da quật vào lưng chú và cấm chú lêu lổng ngoài phố, - chú khéo tay tuyệt trần và lão Đức không ngớt lời ca tụng chú với vợ hắn hay bạn {*Trong nguyên văn là tiếng Đức Kamerad nghĩa là bạn và đọc rất nặng*} hắn. Học việc xong, chú tự nhủ: "- Bây giờ thì mình đi mở hiệu, nhưng đáng lẽ làm ăn chật vật như lão Đức hà tiện mình sẽ bốc rất chóng". Tô nộp cho chủ xong, chú liền bắt tay vào việc và người đến đặt hàng tới tấp. Chú mua da xấu không mất bao lắm, và mỗi đôi ủng chú ăn lãi gấp đôi; nhưng, chỉ đi mười lăm ngày là ủng há mõm và khách hàng đả cho chú những trận nên thân. Cửa hàng của chú vắng vẻ, chú tiêu sầu bằng cốc rượu; nằm lăn ra ngoài phố, chú nói dại: "- Đời chẳng ra gì. Người Nga không thể kiếm ăn được nữa, chỉ còn phần cho bọn Đức mà thôi!"

Ờ, còn tên này là tên nào? Elizavêta *chim sẻ*! Đàn bà? Con mẹ này đến đây làm gì? Thằng đểu Xôbakiêvits thế mà cũng kiếm cách lừa được mình!

Tsitsikôp nói không sai: đúng là một mụ đàn bà, ghi xen vào danh sách một cách xảo trá vô cùng. Phải xóa nó đi chứ.
- Grigôri, *Đi mà không đến*! Quỉ sứ, chẳng biết mày là thằng thế nào? Chắc mày là một thằng chở thuê; tậu được ba con ngựa với chiếc xe tồi tàn thì vĩnh biệt cái hang của mày để đi chở bọn lái, chợ phiên này đến chợ phiên nọ. Mày đã về chầu Chúa ở trên đường cái lớn rồi à? Có phải bạn bè mày đã khử mày đi vì tình yêu của một con mụ nào đấy, to béo và mặt đỏ như gấc? Hay là đôi bao tay bằng da của mày, mấy con ngựa béo lùn của mày đã cám dỗ thằng cướp đường nào rồi? Hay lại là, đang mơ màng trong cái gác xép của mày, mày không cưỡng lại nổi ý muốn xộc vào một tiệm rượu, rồi từ đấy xăm xăm lao ra sông, chẳng ai hay, ai biết. Kỳ quặc thay người Nga chúng ta; họ không muốn chết cái chết cho vẻ vang!

Y lại liếc mắt sang tờ giấy ghi tên những nông nô bỏ trốn của Pliuskin; và tiếp tục: - Còn các cậu, của quí của ta, các cậu còn sống, đúng thế, nhưng cũng chẳng hơn gì bọn kia! Các cậu xa chạy, cao bay và bây giờ đã đến tận những đâu rồi? Có thật ở ấp Pliuskin, các cậu sống khổ sở đến thế không? Hay là các cậu để cho cuộc đời phiêu bạt nó quyến rũ và lấy việc quấy nước chọc trời làm thú vị? Các cậu đang sống lay lắt trong tù hay đã bán mình cho chủ khác và cày cuốc cho họ? Iêrêmêi *Cứng đầu*, Nikita *Chạy rông* và con trai là Antôn *Chạy rông*… Cứ theo biệt danh của họ cũng có thể đoán được là hai cha con nhà này đã thông đồng nhau để đào tẩu… Pôpôp, đày tớ… Cái thằng này chắc là biết đọc, biết viết. Nó không múa dao dọa người và nó ăn trộm một cách lương thiện nhất trên đời. Nhưng mà cậu bị tóm vì không có giấy thông hành và cậu cam đảm bị chịu đựng cuộc thẩm vấn của viên đại úy quận trưởng cảnh sát: "- Mày là nông nô của ai? Viên đại úy hỏi, vừa hỏi vừa tặng thêm cậu một tiếng rủa khá thích đáng. Cậu mạnh dạn đáp: là của trang chủ nào, nào đấy. Viên quận trưởng lại hỏi: - Mày đến đây làm gì? Cậu vẫn điềm nhiên nói chắc chắn: - Tôi được nghỉ vì nộp đủ tô cho chủ rồi. Thế thông hành của mày đâu? -

Tôi gửi ông thợ Pimênôp, chủ thuê tôi. - Bảo lão Pimênôp vào đây. Lão Pimênôp à? - Chính tôi. - Thằng này bảo là có gửi giấy thông hành cho lão. Thật thế không? - Không bao giờ! - Thế ra mày nói dối à? Viên quận trưởng vừa nói vừa rủa một tiếng nữa. - Đúng đấy; cậu thú nhận một cách sống sượng; tôi về khuya và gửi cho Antip Prôkhôrôp, lão đánh chuông - Gọi lão đánh chuông vào đây… Nó có gửi giấy thông hành cho lão không? - Chẳng gửi gì cả! - Vậy ra mày lại nói dối lần nữa? Viên đại úy quận trưởng nổi nóng chửi mắng túi bụi… Nào, giấy thông hành của mày đâu? Cậu vẫn gan lì: - Tôi có một tờ, nhưng chung qui, hình như tôi đánh mất khi đi đường. Viên đại úy quận trưởng lại tặng cậu một hình dung từ êm tai nữa rồi hỏi: - Thế còn cái áo ngoài nhà binh và cái tráp đựng tiền của cha xứ, tại sao mày lại lấy trộm? - Cậu vẫn thản nhiên nói: - Lấy trộm à? Tôi chưa bao giờ làm cái nghề ấy cả! - Nhưng mà người ta tìm được cái áo ngoài ở nhà mày, nó ở đâu ra? - Tôi biết đâu, ai mang đến đấy chứ. Viên đại úy quận trưởng hất đầu lên, nắm hai tay chống vào sườn, quát: - À! Đồ du côn! Cùm nó lại, nhốt vào lao! - Được, tùy ý quan!". Cậu đồng ý, và rút hộp thuốc lá, cậu lấy hai dúm, thết hai người phế binh đến cùm chân cậu và lời lẽ dễ thương, cậu hỏi họ là giải ngũ từ bao giờ và đã dự những chiến dịch nào. Bây giờ thì cậu nằm trong ngục rồi; vụ án đang tiến hành theo thủ tục; từ Txarêvô Koksaixk người ta đưa cậu đến một thành phố khác, rồi từ đấy đến Veđxiêgônxk {*Hai thành phố này khá xa nhau, vì ở hai tỉnh khác nhau: Kazan và Tve*} hay nơi nào khác; như vậy cậu chuyển mãi từ nhà tù này sang nhà tù khác và đến một nơi nào là cậu lại ngắm nghía nhà mới và nói: "- Không, nhất định là ở Vetxiêgônxk thoải mái hơn và đủ hạng người hơn!"

Abakum Furôp! Chú em đã dông dài mãi đến tận những đâu? Có lẽ tình cờ chú đã đến sông Vonga chăng? Chú đã để cho cuộc đời phóng khoáng của những kẻ kéo thuyền trên sông cám dỗ rồi chăng?...

Tsitsikôp ngừng nói một mình và bắt đầu suy nghĩ mông lung. Y nghĩ đến số phận của Abakum Furôp chăng, hay chỉ gợi ra cuộc đời tự do, phóng khoáng, giấc mơ thân yêu của người Nga ở mọi lứa tuổi, mọi cấp bậc, mọi địa vị? Và thật ra, Furôp có thể đang ở đâu bây giờ? Có thể hắn đi làm thuê cho bọn con buôn và đang đi đi, lại lại trên bến lúa mì trong cảnh ồn ào vui vẻ. Đội mũ buộc dải và kết hoa, bọn bạn đồng thuyền đang náo nhiệt tạm biệt vợ hay tình nhân, những cô gái khỏe mạnh, xinh đẹp, quấn đầy dải màu và cổ đeo kiềng. Hát và nhảy xen lẫn nhau, trong lúc bọn phu dỡ hàng, vừa hò hét vừa nguyền rủa, dùng móc kích lên lưng tới những chín pút {*Chín pút là gần trăm rưỡi ki lô*} đậu hay tiểu mạch rồi ầm ỹ đem đổ xuống lòng những chiếc sà lan sâu; những kiện kiều mạch và bột sấy ngổn ngang trên bến; bao và bì chồng chất lên thành đống như những đống đạn đại bác, xếp thành hàng dài đến tít mù tắp: cái công binh xưởng khổng lồ ấy sắp phải biến vào lòng sâu của những thuyền buồm, và chờ khi băng tan là thuyền nối đuôi nhau xuôi theo dòng nước. Lúc mà đoàn thuyền vô tận ấy bắt đầu ra đi là giờ của các chú đã đến, các chú kéo thuyền ạ! Cũng thực tâm như trong cuộc vui vừa qua, các chú sẽ cố sức, kéo, kéo cái dây, theo nhịp của một bài hát trầm trầm, đơn điệu và không dứt, cũng như người đấy, nước Nga ơi!... {*Trong những bản thảo đầu không có đoạn này, sau Gôgôn mới dựa trên những điều ghi chép trong sổ tay về các cuộc du hành của mình mà thêm vào*}
- À, đứng bóng rồi cơ đấy! Tsitsikôp nhìn đồng hồ và thốt lên. Thế mà mình còn lêu lổng ở đây! Ngốc quá!

Nói xong, y thay bộ cánh Tô-Cách-Lan bằng một bộ quần áo kiểu Âu châu. Y thắt lưng ong cho đến mức cuối cùng không thể thắt được nữa, bơm hơi Ô đơ Côlôn vào người, cầm cái cặp giấy và cái mũ lưỡi trai lót lông rồi tức tốc đến tòa án dân sự đăng ký giấy tờ. Không phải y sợ đến muộn quá; quan chánh án, bạn y, có thể tùy ý rút ngắn hay kéo dài các phiên tòa, tựa hồ chúa thần Zêux thời cổ của Hômerôx thường kéo dài hay rút ngắn thời gian ban ngày để

cho những anh hùng mà ông ta ưa thích thắng một trận, hay để chấm dứt những cuộc tranh chấp của họ; không phải Tsitsikôp sợ đến muộn quá mà y chỉ muốn cho chóng xong việc, càng sớm càng tốt. Mấy cái văn khế mà chưa đính kết xong xuôi, thì cái việc kia đối với y vẫn còn là chưa chắc chắn gì: đám nông phu mới thực sự là của y có một nửa và như vậy thì phải nhanh chân, không nên chậm trễ là hơn. Y vừa đi ra vừa nghĩ đến những điều ấy, nhưng không quên khoác lên vai một tấm da gấu bọc dạ màu vỏ quế. Vừa ló mũi ra ngoài thì ở góc đường đầu tiên y chạm phải một ông, cũng đội chiếc mũ lưỡi trai bịt tai và khoác một tấm da gấu bọc dạ màu vỏ quế. Người ấy kêu lên một tiếng rồi đâm bổ vào đôi cánh tay của Tsitsikôp: đó là Manilôp. Họ quấn lấy nhau lâu đến năm phút; họ ôm chầm lấy nhau mạnh đến nỗi cả hai đều đau lợi ê ẩm suốt cả ngày. Nỗi vui mừng làm cho Manilôp nhắm tịt cả hai mắt lại; mặt chàng chỉ còn là môi với mũi mà thôi. Chàng nắm đến gãy tay Tsitsikôp trong mười lăm phút đồng hồ. Với những lời lẽ ngọt ngào nhất, chàng kể lại là chính chàng đang bay tới gặp Paven Ivannôvits để ôm lấy cổ y và kết thúc câu chuyện với một lời chúc tụng xứng đáng ở miệng một công tử mời một tiểu thư thanh xuân khiêu vũ. Tsitsikôp mở mồm ra, nhưng không biết cám ơn với cái giọng như thế nào thì Manilôp đã rút từ dưới áo cầu ra một cuộn giấy thắt một dải lụa hồng.

- Thưa bác, cái gì đấy ạ?

- Danh sách nông phu.

- À! À!

Tsitsikôp mở cuộn giấy và sau khi liếc mắt nhìn, ngỏ lời ca tụng nét chữ tuyệt đẹp.

- Đẹp quá, y nói. Không cần phải chép lại nữa. Lại có cả khung đóng chung quanh; ai vẽ thế bác?

- Xin bác đừng hỏi, Manilôp nói.

- Bác vẽ đấy à?

- Không, nhà tôi đấy ạ.

- Ồ! Lạy Chúa! Tôi thật lấy làm hổ thẹn là đã làm phiền hai bác đến thế.

- Vì Paven Ivannôvits thì cố gắng bao nhiêu cũng không có gì là

phiền cả.

Tsitsikôp nghiêng mình cảm tạ. Biết Vecjilux đến tòa án để đăng ký các văn khế, Manilôp xin được cùng đi. Đôi bạn tay khoác tay, ra đi. Cứ mỗi một bước, cứ mỗi một chỗ nhấp nhô của mặt đất, Manilôp lại đỡ Tsitsikôp, gần như nhấc hẳn y lên, vừa đỡ vừa nói với một nụ cười hết sức sung sướng, rằng chàng không thể nào chịu để cho đôi chân bé nhỏ của Tsitsikôp phải vấp váp sây sát được. Tsitsikôp khá ngượng vì biết mình cũng hơi nặng nề, nên cảm ơn rối rít. Mời mọc, nhường nhịn nhau không thể nào tả cho hết được; sau cùng họ mới đến quảng trường có tòa án, một tòa nhà ba tầng to tướng, bằng đá mà cái màu trắng tinh như phấn, chắc là tiêu biểu cho lòng liêm khiết của những người trong nhà. Kích thước tòa nhà ấy tương phản với những vật trang hoàng khác của quảng trường: một chòi canh với người lính gác, hai hay ba cái trạm cho xe đỗ và cuối cùng là những hàng rào bằng ván dài, tô điểm bằng những bức vẽ bậy thường lệ, bằng than hay bằng phấn. Cái khoảng đất hoang phế, mà ở nước ta thường gọi là một quảng trường đẹp đẽ, là như thế đấy.

Ló ra một lát ở các cửa sổ tầng hai, tầng ba, các pháp quan chính trực, không thể mua chuộc được, đã vội lẩn vào ngay; chắc là vì vị thủ trưởng đang đi xem xét các phòng. Đôi bạn đi lên thang gác, hay đúng hơn là trèo lên. Tsitsikôp cố nhanh chân để tránh những sự săn sóc của Manilôp, còn Manilôp thì xô lên trước để nâng cho Paven Ivannôvits đỡ mệt. Vì vậy mà lên đến cái phòng chờ tối om om thì cả hai đều thở hồng hộc. Trong các hành lang, cũng như trong các phòng, không nơi nào sự sạch sẽ làm cho họ phải chú ý cả; người ta chưa cần quan tâm đến sạch sẽ; cái gì bẩn thì cứ việc mà bẩn và chẳng cần có chút dễ coi gì hết. Thêmix {*Nữ thần công lý, tượng trưng cho quyền tư pháp*} cứ xuềnh xoàng mà tiếp khách, chẳng khách sáo gì cả.

Ở đây đáng lẽ phải tả các phòng mà đôi bạn đi qua; nhưng đối với các công sở, tác giả vốn rụt rè, không thể nào bạo dạn lên được. Khi có việc phải đến, dù là những nơi sạch sẽ, tươm tất hơn hết, - sàn đánh xi, bàn bóng lộn, - tác giả cũng chẳng hề ở lâu và luôn khiêm tốn nhìn xuống đất; cho nên không biết gì về vẻ lộng lẫy của chốn quan nha cả. Đôi bạn trông thấy rất nhiều giấy, giấy trắng và giấy đã viết đen cả rồi, những cái đầu cúi xuống, những cái gáy vạm vỡ, những áo đuôi én, những áo lễ theo thời trang tỉnh nhỏ, và giữa những áo ấy, nổi bật lên một cái áo vét tông thường, màu ghi nhạt. Người mặc áo vét tông, đầu ngoẹo xuống, cúi gầm như dán vào giấy, chép lia lịa một cái biên bản tịch ký đất đai do một anh quí tộc nhà quê nào chiếm đoạt của người khác; cái anh quí tộc ấy, lúc nào cũng bị kiện cáo, nhưng vẫn sống bình yên cho hết số, - được gọi là cha, là ông, khá tôn kính, - dưới sự bảo hộ của nữ thần Công lý. Chốc chốc một giọng ồ ồ thốt ra những câu gọi ngắn: "- Fêđôxêi Fêđôxêiêvits, đưa cho tôi tập hồ sơ số 368. Lúc nào anh cũng đánh lạc cái nút lọ mực!". Thỉnh thoảng, một giọng có vẻ sai khiến, tất nhiên là của một kẻ bề trên, ra lệnh: "- Chép cái này lại cho tôi! Không thì người ta lột đôi ủng ra là cứ đấy mà ngồi sáu ngày ròng rã, không được ăn uống gì!". Tiếng bút lướt trên giấy nghe như tiếng những chiếc têlêga chở đầy cành khô héo qua một con đường rừng phủ một lớp lá khô dày tới một phần tư arsin {*Đơn vị đo chiều dài bằng 71 cen ti mét*}.

Tsitsikôp và Manilôp hỏi hai viên thư ký ngồi ở bàn đầu.

- Thưa ngài cần gì thế? Hai người thư ký đang sao chép, cùng quay lại, đồng thanh hỏi như vậy.

- Nộp cái đơn thỉnh nguyện.

- Nhưng các ngài đã mua gì vậy?

- Nhờ ngài chỉ cho phòng văn khế đã.

- Nhưng muốn chỉ thì trước hết chúng tôi phải biết các ngài mua gì và giá cả thế nào đã.

Tsitsikôp biết ngay là, cũng như tất cả mọi kẻ thuộc lại trẻ tuổi, hai cậu nhãi ranh này tò mò và muốn làm ra mình quan trọng.

- Này, các anh ạ, y nói, tôi biết rõ là tất cả mọi thứ văn khế, dù số

tiền lớn hay nhỏ, đều thuộc một phòng cả; nhờ các anh làm ơn chỉ giúp cho; nếu các anh không biết thì để chúng tôi hỏi người khác. Lời đối đáp ấy làm cho hai anh chàng cạo giấy chẳng biết nói năng gì nữa; một chàng chỉ vào một góc phòng có một ông già đang sắp xếp hồ sơ. Tsitsikôp và Manilôp lượn giữa những bàn giấy, đi thẳng đến chỗ ông lão, hình như đang mải mê với công việc.
Tsitsikôp nghiêng mình nói: - Xin phép hỏi cụ có phải ở đây làm văn khế không ạ?
- Không có một văn khế nào làm ở đây cả, ông lão ngước mắt lên, nói dằn từng tiếng.
- Vậy thì ở đâu ạ?
- Ở phòng văn khế.
- Thế phòng ấy ở đâu?
- Hỏi ông Ivan Anôtôvits.
- Nhưng ông Ivan Anôtôvits ở đâu?
Lão già chỉ góc phòng đối diện. Tsitsikôp và Manilôp đi về phía Ivan Anôtôvits; trông thấy họ đến, hắn liếc trộm một cái rồi vội vàng tiếp tục viết.

Tsitsikôp nghiêng mình hỏi: - Xin lỗi; có phải đây là phòng văn khế?
Ivan Anôtôvits làm bộ không nghe thấy và biến mất trong đống giấy tờ. Bọn thanh niên lếu láo chỉ mất thì giờ tán nhảm, có ra cái quái gì! Ivan Anôtôvits, con người chín chắn, đã quá tứ tuần; bộ tóc ông đen rậm, phần giữa mặt ông nhô ra làm thành một cái miệng hũ, như người ta thường nói một cách thông tục.
- Xin lỗi đã làm phiền ngài, Tsitsikôp lại nói; đây có phải là phòng văn khế không ạ?
- Phải, Ivan Anôtôvits trả lời, vừa nói vừa giơ cái miệng hũ lên rồi lại cúi gầm ngay xuống đống giấy tờ.
- Chúng tôi đến đây vì việc này: tôi có mua một số nông dân của mấy trang chủ trong quận để đưa đi lập ấp; văn tự đã làm xong, chỉ còn nhận thực.
- Người bán có cả đây không?

- Mấy người thôi; những người khác có làm giấy ủy quyền.
- Có mang theo đơn thỉnh nguyện không?
- Có. Tôi có việc gấp… tôi mong… nói tóm lại là nội hôm nay có thể xong việc được không ạ?
- Hôm nay cơ à!... Không thể được, Ivan Anôtôvits nói. Trước hết phải điều tra xem có trường hợp cấm chế không đã.
- Tôi quen thân với Ivan Grigôiêvits, quan chánh án, chắc có thể làm gấp lên được.
- Ở đây không phải chỉ một mình Ivan Grigôiêvits, còn những người khác nữa, Ivan Anôtôvits càu nhàu cãi lại như vậy.
Hiểu câu nói bóng, Tsitsikôp tuyên bố:
- Những người khác không bị bỏ quên đâu. Chính tôi cũng đã từng ở địa vị các ông, tôi biết rõ tục lệ…
- Ông vào gặp Ivan Grigôiêvits đi, Ivan Anôtôvits nói, giọng đã bớt xấc láo. Để ông ta ra lệnh; chúng tôi chẳng giữ ông lại lâu đâu.
Rút trong túi ra một tờ giấy bạc, Paven Ivannôvits để lên bàn giấy của Ivan Anôtôvits; lão này chẳng hề để ý đến, đặt một cuốn sổ lên trên. Tsitsikôp sắp nhắc lão thì, bằng một cái gật đầu, Ivan Anôtôvits đã cho y hiểu rằng không cần phải nhắc.
- Đưa các ông đây vào phòng xử án, Ivan Anôtôvits ra lệnh cho một trong những kẻ thuộc hạ của hắn. Anh chàng này đã sốt sắng hy sinh cho Thêmix đến nỗi hai ống tay áo đều thủng ở khuỷu, để lòi cả lông lót bên trong và nhờ vậy mà đã được cái hàm ký lục bộ {*Ký lục bộ là hàm quan văn bậc cuối cùng, tương đương với chuẩn úy bên quan võ*}. Cũng như ngày xưa, Vecjilux hướng dẫn Đantê {*Gôgôn lấy điển tích trong tập sử thi nổi tiếng* ***Thần khúc – Divina Commedia****; trong tập ấy, tác giả là đại thi hào Ý Đantê (1265-1321); kể chuyện mình được đại thi hào La tinh Vecjilux (70 Tr.CN – 19 s.CN) hướng dẫn đi thăm Địa ngục và Tĩnh giới*}, anh chàng làm hướng đạo đưa đôi bạn của chúng ta vào phòng xử án. Sau một cái bàn bày hai cuốn sách to tướng với cái *gương công lý* {*Ở mọi tòa án Nga, trên bàn quan tòa xử kiện, đều có để một cái gương công lý là một thứ lăng kính mà ba mặt có dán ba đạo sắc lệnh của Đại đế Piotr về thủ tục tố tụng và quyền của công dân; trên đầu lăng kính là một con đại bàng*} là một dãy ghế bành rộng.

Quan chánh án ngự ở đấy một mình như chiếc mặt trời. Trông thấy cảnh pháp đình, ông Vecjilux tân thời khiếp đảm như trông thấy thánh thần, vội vàng tẩu thoát, để phơi ra một cái lưng áo vét tông mòn đến lòi cả chỉ và điểm mấy sợi lông gà.

Vào trong phòng rồi, đôi bạn mới thấy rằng quan chánh án không phải chỉ ở một mình; Xôbakiêvits, hoàn toàn khuất sau cái gương, đang ngồi với ông ta.

Một tiếng reo đón tiếp họ; mấy chiếc ghế bành chốn quan nha được đẩy lùi rộn rã. Chánh án dang rộng hai cánh tay đón Tsitsikôp; những tiếng hôn nhau vang lên. Họ hỏi thăm sức khỏe nhau: cả hai đều mắc chứng đau lưng mà họ cho là do cuộc đời tĩnh tại sinh ra. Chánh án, chắc đã được Xôbakiêvits cho biết tin, chúc mừng nhân vật của chúng ta về những thứ y tậu được. Tsitsikôp hơi bối rối vì thấy hai người bán mà y đã dặn là giữ bí mật, lại gặp nhau ở đây; tuy vậy y cũng cảm tạ quan chánh án rồi quay sang phía Xôbakiêvits, hỏi:
- Bác khỏe đấy chứ?
- Ơn Chúa, tôi chẳng có gì phải phàn nàn cả, Xôbakiêvits đáp; quả thật hắn chả có chút gì để phàn nàn cả: đến sắt cũng còn dễ bị cảm hàn hơn là cái thằng cha đúc bằng vôi với cát này.
- Thật đấy, sức khỏe của bác nổi tiếng, chánh án nói, và cụ cố nhà cũng là người gan góc lắm.
- Ông cụ tôi một mình đánh lại gấu đấy, Xôbakiêvits trả lời.
- Tôi tưởng là bác mà muốn thì bác cũng quật được một con gấu chứ.
- Không, Xôbakiêvits cãi, ông cụ tôi chắc chắn hơn tôi nhiều. Bây giờ, chúng mình không có cái chất ấy được nữa. Bác xem, tôi sống vật vờ đến như thế nào, Xôbakiêvits nói thêm sau một tiếng thở dài.
- Sống vật vờ cơ à? Nhưng mà về mặt nào, bác cho biết, quan chánh án hỏi.

- Vâng, sống vật vờ lắm, Xôbakiêvits vừa nói thêm vừa lắc đầu. Bác nghĩ xem, Ivan Grigôiêvits ạ: tôi đã ngoài bốn mươi mà chưa bao giờ đau nhẹ, chưa bao giờ mụn, nhọt, đầu đanh gì, chưa bao giờ khản cổ… Bác muốn nói gì thì nói, đó là triệu chứng xấu! Một ngày kia thế nào cũng phải trả nợ.
Rồi Xôbakiêvits đâm ra ưu sầu.
"- Người đâu mà lạ! Tsitsikôp và ông chánh án đồng thời đều nghĩ như vậy; chẳng biết nó phàn nàn về cái gì cơ chứ?"
- Tôi có một cái thư gửi quan bác, Tsitsikôp vừa nói vừa đưa cho chánh án phong thư của Pliuskin.
- Của ai đấy ạ? Sau khi bóc thư ra, chánh án thốt lên: - À! của Pliuskin! Thế nào, ông ta vẫn còn sống à! Thật là cái số kiếp lạ lùng: một con người mới đây thôi, giàu có như vậy, thông minh như vậy; thế bây giờ ông ta ra thế nào rồi?
- Một con chó, Xôbakiêvits nói, một thằng cha đê tiện đã để cho tất cả người ở nhà nó chết đói.
- Tốt, tốt! Ông chánh án nói, sau khi đọc xong thư. Tôi xin nhận lời đại diện cho ông ta. Bao giờ thì bác muốn lập văn tự nào?
- Ngay hôm nay, nếu có thể được, vì tôi muốn đi ngày mai; tôi có mang các văn khế và đơn thỉnh nguyện đây.
- Tốt, tốt! Dù bác có nói thế nào, chúng tôi cũng không để cho bác đi đâu! Các văn tự sẽ được nhận thực hôm nay, đồng ý; nhưng bác còn phải ở với chúng tôi vài hôm nữa. Bác chờ cho một tí, tôi sẽ ra lệnh cho họ làm; ông ta vừa nói vừa mở cửa phòng sự vụ, cái phòng đầy những viên chức thuộc lại tựa hồ những con ong siêng năng đứng trên những tầng mật; nếu ta được phép ví hồ sơ với những tầng mật. - Ivan Anôtôvits có đấy không?
- Có ạ, một người trả lời.
- Mời ông ấy vào đây.
Ivan Anôtôvits, tức là Miệng hũ, mà bạn đọc đã biết, bước vào phòng xử án và chào rất lễ phép.
- Ivan Anôtôvits, ông làm ơn cầm lấy mấy tờ văn khế của các vị đây…
- Chớ quên, Ivan Grigôiêvits ạ, Xôbakiêvits ngắt lời, chớ quên là phải có ít ra hai người làm chứng cho mỗi bên. Cho người tìm ông

chưởng lý đi: ông ta chẳng bận gì đâu, công việc đã trút cả cho ông thự lý {*Pháp quan có nhiệm vụ thay cho chưởng lý ở viện công tố*} Zôlôtukha, cái lão keo kiệt nhất thế gian này. Triệu tập cả lão thanh tra vệ sinh: cái lão ăn không ngồi rồi ấy chắc là đang ở nhà, trừ phi đang cầm quân bài ở một nơi nào đấy. Rồi bác lại cho kiếm thêm những người làm chứng khác ở quanh đây: Trukhatsepxki Biêguskin {*Trukhatsepxki có từ căn* ***trukha*** *nghĩa là bụi bặm, Biêguskin có từ* ***biêgun*** *nghĩa là người chạy rông*} chẳng hạn, hai thằng cha ăn hại, bắt quả đất phải mang một khối nặng vô ích.
- Rất đúng, ông chánh án nói và liền tức khắc cử một đặc phái viên đến triệu tất cả các nhân vật ấy.
- Tôi lại xin bác việc này nữa, Tsitsikôp nói. Bác làm ơn triệu tập người đại diện cho một bà mà tôi cũng có thương lượng, một thuộc lại của bác đây thôi: con trai Cha Kyrin, tổng tư tế.
- Vâng, vâng, tôi cho triệu tập đây. Bác cứ yên tâm, mọi thứ cần thiết đều được làm ngay. Chỉ xin bác điều này: một xu cũng đừng cho bọn thuộc lại; chỗ bạn bè, chúng tôi không bắt trả tiền đâu.
Nói xong, ông ta ra cho Ivan Anôtôvits một cái lệnh mà hình như lão này không bằng lòng. Các văn tự làm cho ông chánh án có ấn tượng rất tốt, nhất là khi thấy tổng số tiền mua lên gần tới mười vạn rúp. Ông ta nhìn Tsitsikôp một hồi với vẻ mãn nguyện hết sức, rồi sau cùng nói rằng: - Paven Ivannôvits, thế ra bác đã mua tất cả những thứ này đấy à?
- Vâng ạ.
- Ý kiến rất hay! Thật tình là ý kiến rất hay!
- Vâng, tôi cũng biết là không thể có ý kiến nào hay hơn nữa. Dù nói gì thì nói, người ta chỉ thật tìm ra được đường đi, khi bỏ hết những ảo tưởng của tuổi trẻ để bước vững vàng lên một miếng đất chắc chắn.
Rồi Tsitsikôp hùng hổ thóa mạ chủ nghĩa tự do của đám thanh niên với nhiều lời lẽ rất thức thời. Tuy nhiên, trong bài công kích của y, vẫn lộ ra một tí ngập ngừng. "- Cậu lại nói lẩn thẩn rồi, cậu ơi, và lẩn thẩn quá lắm đấy!" hình như y tự nhủ như vậy. Y cũng không dám nhìn Manilôp và Xôbakiêvits nữa, vì sợ bắt gặp trong mắt họ một vẻ mỉa mai tinh quái. Nhưng lo ngại chỉ là vô ích: vẻ mặt

Xôbakiêvits vẫn kín như bưng, còn Manilôp thì say mê vì những câu nói văn hoa, lắc lư cái đầu với vẻ mãn nguyện, tự tại của một kẻ mê nhạc được nghe một nữ danh ca, vượt cả đàn vĩ cầm, hát lên một điệu cao đến nỗi cuống họng của một con chim cũng phải thất vọng.

Sau cùng Xôbakiêvits nói: - Nhưng tại sao bác không kể lại cho Ivan Grigôiêvits biết bác đã mua được những thứ tốt đến thế nào? Còn bác, Ivan Grigôiêvits, tại sao bác không hỏi bác ấy mua được những gì? Những trai tráng lực lưỡng cả, chứ có phải thường đâu, vàng thoi cả đấy! Bác nghĩ xem, tôi để lại cho bác ấy cả thằng thợ đóng xe Mikhêiep à.

- Không có lẽ, ông chánh án kêu lên. Anh thợ đóng xe Mikhêiep, một người thợ giỏi biết mấy! Tôi biết anh ta: anh ta có chữa cho tôi một cái xe. Nhưng xin lỗi bác… chẳng phải bác có nói chuyện với tôi là anh ta chết rồi à?

- Không bao giờ! Xôbakiêvits cãi lại, không hề bối rối chút nào. Anh nó mới chết, còn nó thì khỏe hơn lúc nào hết. Nó lại vừa đóng cho tôi thêm một chiếc britska mà bọn thợ xe ở Mạc-tư-khoa cũng phải ghen tài. Nói thật, nó chỉ đáng làm việc cho hoàng đế mà thôi.

- Vâng, Mikhêiep là một tay cừ trong nghề của anh ta; vì vậy tôi lấy làm lạ là bác lại bán anh ta đi.

- Nào chỉ bán có nó mà thôi! Con Xtêpan Nút chai thợ mộc, Milutkin thợ nung gạch, Macxim Têliatnikôp thợ giày, tôi cũng bán cả. Tôi bán tất!

Ngạc nhiên thấy Xôbakiêvits bán mất những của báu như thế, ông chánh án hỏi; Xôbakiêvits trả lời với một cử chỉ nửa vời: - Làm thế nào được? Tự nhiên tôi có một cái ý ngông, không cưỡng lại được! Rồi, cúi đầu tựa hồ hối tiếc vì đã trót ngông, y nói thêm: - Tóc hoa râm vẫn không làm cho đầu óc tôi bớt dại dột.

- Xin lỗi bác, Paven Ivannôvits ạ, ông chánh án hỏi, bác mua nông dân mà không mua đất; chắc bác định dùng họ vào việc đinh điền?

- Đúng thế.

- À, ra thế, ra thế, tốt! Và ở đâu thế, thưa bác?

- Đâu à!... Ở… ở tỉnh Kherxôn.

- Ồ, vùng ấy phì nhiêu lắm! Đồng cỏ cứ mượt ấy! Đất của bác có

rộng không?
- Vừa đủ cho số nông dân mà tôi mua.
- Sông à hay hồ?
- Sông và hồ.
Nói xong mấy tiếng ấy, Tsitsikôp vô ý nhìn sang Xôbakiêvits và tưởng như đọc được trên vẻ mặt lúc nào cũng trơ trơ của hắn: "- Cậu nói dối, cậu chẳng có đất cũng chẳng có hồ, có sông nào cả, cậu ơi!"
Trong lúc ấy thì các người làm chứng bắt đầu đến: ông chưởng lý mắt hấp háy, viên thanh tra sở vệ sinh, Zôlôlukha, Biêgutskin và những tên khác, mà cứ theo lời Xôbakiêvits, thì đều bắt quả đất phải mang thêm một gánh nặng vô ích; đa số những người ấy, Tsitsikôp đều chưa hề quen biết; thêm vào vài tay thư lại nữa là đã quá số người cần thiết. Không những chỉ con trai Cha Kyrin đến, mà cả đích thân ông tổng tư tế nữa cũng đến. Mỗi người chứng ghi tên, họ, chức hàm, phẩm tước mình bằng chữ nghiêng, chữ nằm, hay cả chữ ngả nữa; và có nhiều chữ hình như không phải là chữ ngả nữa; và có nhiều chữ hình như không phải là chữ cái của tiếng Nga, Ivan Anôtôvits làm mọi việc hăng hái, mẫn tiệp: các văn tự được vào sổ, ký nhận, phê chuẩn ngay, thuế nửa phần trăm và lệ phí đăng ký được tính riêng từng khoản rất chóng. Tsitsikôp chỉ phải trả có một món tiền không bao lăm: một nửa số tiền phải nộp đã được kê vào các khoản án phí của một người thỉnh nguyện khác, bằng một bí thuật thần thông.
Khi mọi việc đã xong xuôi, Ivan Grigôiêvits nói:
- Vậy là chỉ còn có việc khao nữa thôi.
- Lúc nào các bác muốn, Tsitsikôp nhận lời. Đối với chỗ bạn bè tốt như thế này, một người lịch sự phải thết vài ba chai vang bọt.
- Không, không, bác không hiểu tôi, ông chánh án nói, chính chúng tôi thết tiệc mừng bác. Bác là khách của chúng tôi, bổn phận chúng tôi là phải trọng đãi bác. Các ngài có hiểu thế nào không? Chúng ta hãy kéo nhau đến ông cảnh sát trưởng. Con người tuyệt diệu ấy {*Gôgôn viết: Con người làm ra những việc thần diệu ấy, kiểm duyệt bỏ*} chỉ gật đầu một cái khi đi qua khu hàng cá hay khu bán rượu là xin cam đoan với các ngài, có ngay một bữa tiệc linh

đình… Rồi nhân dịp chúng ta làm một canh bài uyxt cẩn thận. Không một ai phản đối cả. Chỉ nghe tiếng hàng cá, là các nhân chứng đã thấy muốn ăn rồi, mỗi người vớ ngay lấy mũ lưỡi trai hay mũ lông của mình và phiên họp tức khắc bế mạc. Đi qua phòng sự vụ, Tsitsikôp bị Ivan Anôtôvits đón lại, để chào từ biệt và thì thầm: - Ông mua mười vạn rúp nông dân mà chỉ nhả ra có một tờ bạc trắng {*Hai mươi rúp*} khốn nạn ấy thôi à?
Cũng một giọng như thế, Tsitsikôp bẻ lại:
- Ê! Đồ hạ lưu như vậy thì một nửa ngần ấy cũng còn là chưa đáng.
Ivan Anôtôvits biết là gặp phải đối thủ lợi hại và không mong bòn thêm được gì hơn nữa.
- Này, trả cho Pliuskin bao nhiêu một đứa thế? Xôbakiêvits hỏi thầm vào tai bên kia của Tsitsikôp.
- Thế con mẹ Chim sẻ đến trong danh sách của cậu làm gì vậy? Tsitsikôp trả miếng lại ngay.
- Con chim sẻ nào?
- Con mẹ Elizavêta Chim sẻ, chứ còn con nào nữa?
- Đâu, đâu, chẳng có con chim sẻ nào trong danh sách của tôi cả, Xôbakiêvits lầm bầm rồi vội bước theo các khách khác.
Cả bọn đến nhà cảnh sát trưởng, không có gì trắc trở. Khi mà con người thực sự là tuyệt diệu ấy, được biết người ta chờ mong gì ở mình, thì tức khắc cử một đặc phái viên ra chợ, một gã trai lanh lợi đi ủng kỵ mã; ông ta rỉ tai hắn mấy lời, kèm theo một tiếng: "Hiểu chưa?" nói to. Và trong lúc khách khứa đánh uyxt thì cá mòi, cá chiên, cá hồi, trứng cá hạt, trứng cá ép, lưng cá chiên phơi khô, lưỡi hun khói, các thứ pho mát xuất hiện trong gian phòng bên cạnh. Tất cả những thức ngon lành ấy đều từ hàng cá tới; còn nhà bếp thì nộp lên một cái bánh bao to tướng, lấy má và sụn một con cá chiên nặng chín pút {*Nặng gần một trăm năm mươi kilô*} làm nhân, một súc patê nấm, những thứ bánh rán, bánh kem, mứt quả. Ông cảnh sát trưởng có thể xem là cha và ân nhân của thành phố. Giữa những người thuộc quyền ông cai trị, ông cảm thấy như ở trong gia đình; ông ăn uống ngoài chợ, lấy đồ dùng trong các cửa hiệu tự nhiên như là ở nhà vậy. Ông làm tròn chức trách tuyệt diệu đến nỗi người ta không hiểu là ông sinh ra để giữ cái chức ấy hay

cái chức ấy sinh ra để cho ông giữ. Con người khôn khéo ấy, kiếm chác với các địa vị mình gấp đôi những người trước mình mà vẫn biết cách làm cho cả thành phố ái mộ. Bọn con buôn mến ông ta vì tính giản dị; ông làm cha đỡ đầu cho con cái họ, gọi họ là lão và khi bắt họ nộp tiền cho mình thì dùng cách nhã nhặn, vỗ vai họ, nói đùa với họ, hứa đến đánh cờ đam, hỏi thăm những việc lặt vặt của họ. Nghe một đứa trẻ ốm, ông sẵn sàng mách các thứ thuốc. Tóm lại là một người phúc hậu! Khi đi kiểm soát thành phố bằng xe, vừa trông nom cho trật tự được tốt, ông vừa có những lời nói dễ thương đối với mỗi người: "- Này! Mikhêits {*Mikhêits nghĩa là con trai Mikhêi; cách gọi người mà không gọi tên thánh của họ, chỉ gọi tên bố như thế là cách gọi thân mật trong dân gian và giữa những lái buôn với nhau*} thế nào cũng phải kết thúc ván *gorka* {*Một lối đánh bài thời ấy thịnh hành trong dân gian và giới con buôn*} đi chứ? - Vâng ạ, phải kết thúc chứ, Alêxêi Ivannôvits ạ, lão kia liền ngả mũ đáp lại như thế. - Iliia Paramônôvits, đến xem con ngựa hay phóng của mình đi: nhưng nhớ thắng con của lão; ta xem con nào được con nào!". Lão lái buôn vốn mê ngựa, mỉm cười với vẻ thích thú rõ rệt và vuốt râu đáp: " – Vâng, chúng ta sẽ xem, Alêxêi Ivannôvits ạ". Cả những kẻ thư lại cũng ngả mũ một cách cung kính, liếc mắt vui vẻ, như muốn bảo nhau: "Ông Alêxêi Ivannôvits của chúng ta, con người phúc hậu làm sao!" - Tóm lại là ông ta đã chinh phục được lòng dân một cách rộng rãi và bọn lái buôn nghĩ về ông ta rằng: "- Alêxêi Ivannôvits vặt con gà, đúng thế, nhưng không làm cho nó phải kêu".

Thấy bàn tiệc đã dọn xong, ông cảnh sát trưởng đề nghị hoãn canh bạc đến sau khi ăn xong, thế là tất cả khách khứa đều sang phòng ăn. Những mùi thơm dễ chịu bốc lên cứ như cù vào khứu giác người ta đã từ lâu và Xôbakiêvits liếc trộm nhiều lần qua cánh cửa hé mở, đã quyết định chọn một con cá chiên rất ngon, dọn hơi xa các món khác trên một cái đĩa lớn tướng. Khách dự tiệc khai vị bằng một cốc rượu mạnh màu ô liu sẫm như những ngọc thạch trong suốt xứ Xibia mà ở nước ta dùng để làm ấn; rồi, tay cầm dĩa, họ đến bàn ăn; ở đấy mỗi người bộc lộ khí chất của mình bằng cách tấn công, kẻ thì trứng cá, người thì cá hồi, người thì pho mát.

Không thèm những thứ vô giá trị ấy, Xôbakiêvits đến thẳng con cá chiên và trong lúc mọi người ăn, uống và tán chuyện thì chưa đầy mười lăm phút, hắn đã hốc sạch con cá. Cuối cùng, khi ông cảnh sát trưởng kéo khách về phía con cá khổng lồ ấy, và kêu lên: "- Các ngài nghĩ thế nào về cái tuyệt tác này của thiên nhiên?" - Thì chỉ còn thấy có cái đuôi, Xôbakiêvits ngượng quá liền làm bộ ngây thơ, đi đến đầu bàn đằng kia, khẽ xọc vào dĩa một miếng cá khô bé tí tẹo. Vả lại, liền sau đấy, hắn ngả mình xuống một chiếc ghế bành và cứ thế mà mơ mơ, màng màng, nửa thức, nửa tỉnh.
Ông cảnh sát trưởng tỏ ra không bủn xỉn về cái khoản rượu vang. Người ta nâng cốc chúc mừng không biết bao nhiêu lượt: trước tiên, chắc bạn đọc cũng đoán biết, là người ta cạn cốc chúc vị trang chủ mới ở tỉnh Kherxôn được mạnh khỏe, rồi chúc nông dân của y làm ăn phát đạt và di chuyển được may mắn, sau cùng chúc sức khỏe người vợ tương lai đẹp đẽ của y; điều ấy làm nở một nụ cười khoái chí trên môi Tsitsikôp. Mọi người vây quanh y, van nài y ở lại nửa tháng nữa.
- Không được, Paven Ivannôvits, chẳng ai lại ăn ở như thế! Có phải người ta mở cửa một cái izba là chỉ để đem khí lạnh vào đâu! Vừa mới qua khỏi ngưỡng, bác đã quay ra rồi! Không được, không được, chúng tôi chẳng thả bác ra đâu! Hãy gượm, chúng tôi cưới vợ cho bác; có phải không, Ivan Grigôiêvits nhỉ.
- Đúng thế, đúng thế! Ông chánh án tán thành. Cứ tha hồ mà chống cự đi, vùng vẫy cả tay cả chân đi, chúng tôi cũng vẫn cưới vợ được cho bác! Nhập gia phải tùy tục chứ, mà chúng tôi thì không thích nói đùa đâu.
- Muốn chống cự thì trước tiên phải có một vị hôn thê đã chứ, Tsitsikôp vừa nói vừa mỉm cười.
- Chúng tôi sẽ tìm cho bác một đám! Chúng tôi sẽ tìm cho bác tất cả những gì bác muốn!...
- Như thế thì…
- Hoan hô, hoan hô, bác ấy ở lại! Paven Ivannôvits vạn tuế, người ta reo lên khắp tứ phía.
Tất cả mọi người muốn chạm cốc với y; y đều vui lòng. Những người hăng hái nhất hô lên: - Nữa đi, nữa đi! Một lần thứ hai, rồi

một lần thứ ba, cốc lại chạm nhau. Ai ai cũng vui vẻ. Ông chánh án có thói rượu say là tán tỉnh đàn bà; ông ôm lấy Tsitsikôp nhiều lần vào lòng, thổ lộ can tràng với y, gọi nựng y là: "- Quả tim thân yêu của anh!" và "- Em xinh xắn của anh!". Ông ta lại còn vỗ tay nhảy nhót quanh y, vừa nhảy vừa tỉ tê hát cái điệp khúc trứ danh:
A! A! Thằng này và thằng này, mujik ở Kamarinxkoê {Một điệu nhảy dân gian, mà nhà soạn nhạc Glinka đã dựa vào để soạn một ***Bản nhạc mộng ảo nổi tiếng****. Lời của bản này khá tục; câu đầu nguyên là: "****A! A! Đồ chó đẻ, mujik…****" Gôgôn đổi đi cho đỡ tục}*.
Sau sâm banh, rượu vang Hungari lại làm cho khách càng phấn chấn hơn. Chẳng ai nhớ đến canh bài uyxt nữa: người ta tranh luận, hò hét, nói đủ mọi chuyện, cả chính trị và thuật quân sự; có người phát biểu những ý kiến khá tự do; giá lúc khác mà con cái họ có những ý kiến như thế thì họ đã cho ăn đòn. Người ta quyết đoán dứt khoát, không thể nào cãi lại được, những vấn đề phức tạp nhất. Tsitsikôp chưa bao giờ cảm thấy mình vui tính như hôm nay: y tưởng mình đã thực sự là chủ nhân của những đất đai ở tỉnh Kherxôn, y nói đến việc cải thiện đất đai, đến luân canh ba năm một, đến hạnh phúc tuyệt diệu của đôi tấm lòng keo sơn như một. Y muốn ngâm cho Xôbakiêvits nghe cả một lá thư bằng văn vần của Vecthơ gửi cho Saclôt {*Vecthơ và Saclôt là nhân vật trong cuốn tiểu thuyết tình lãng mạn và bi đát của văn hào và thi hào Đức Gơtê – Goethe (1749-1832) xuất bản năm 1774 nhan đề là* ***Werther****; cuốn tiểu thuyết mở đầu cho văn học lãng mạn Âu châu*}; nhưng mà cái thằng cha ấy, ăn vào khó tiêu, chỉ nhấp nháy đôi mắt và thu mình vào sâu trong chiếc ghế bành.
Sau cùng Tsitsikôp thấy mình bừa bãi quá, liền hỏi mượn chiếc xe. Ông chưởng lý nhường cho y chiếc của ông ta; anh xà ích tỏ ra rất dày kinh nghiệm; một tay đánh xe, một tay anh ta đỡ lấy nhà quí tộc. Cứ thế, Paven Ivannôvits về đến khách sạn và còn nói huyên thuyên hồi lâu nữa; đang nói về tư bản thì nhảy sang đất đai ở Kherxôn , rồi nhảy sang đứa con gái bé, tóc bạch kim, da dẻ hồng hào và má bên phải lúm đồng tiền. Xêlifan nhận được cả lệnh tập hợp toàn thể nông phu mới mua để điểm danh. Xêlifan lẳng lặng nghe Tsitsikôp nói hồi lâu rồi đi ra bảo Pêtruska:

- Cậu vào cởi quần áo cho ông đi.
Pêtruska hì hục tháo ủng cho chủ hồi lâu và gần như phải vật chủ xuống sàn mới tháo ra được. Paven Ivannôvits cởi quần áo, đi nằm và sau khi trằn trọc một hồi làm cho chiếc giường kêu răng rắc, y mới ngủ yên, với ý nghĩ rằng mình đã thực sự là trang chủ ở tỉnh Kherxôn.
Trong lúc ấy, Pêtruska mang cái quần và cái áo đuôi én màu tía lốm đốm căng lên mắc áo để chải và đập; hắn đập dữ đến nỗi chỉ chốc lát là cái hành lang mù những bụi. Hắn sắp lấy bộ quần áo xuống thì thấy Xêlifan ở dưới nhà cầu, đang từ chuồng ngựa đi vào. Hai gã liếc mắt với nhau một cái và bằng bản năng, họ hiểu nhau ngay: ông chủ ngủ say như chết, chính là lúc thoát đi chơi đây. Áo quần để vào chỗ cũ xong là Pêtruska xuống; và cả hai gã cùng đi, nói chuyện thường, nói chuyện nhảm, nhưng không hề đả động gì đến việc đi đâu. Đây chỉ là đi chơi một tí thôi: họ chỉ có việc đi sang bên kia hè phố và đến trước cái nhà đối diện với khách sạn, qua một cái cửa lồng kính thấp và ám khói, vào một thứ nhà hầm; ở đấy đã ngồi vào bàn đủ các hạng người: râu dài, râu cạo nhẵn, mặc tulup, mặc sơ mi dài, mặc cả măng tô bằng vải lông hải ly nữa. Có Chúa biết được Xêlifan và Pêtruska làm gì ở chốn ấy. Một giờ sau họ từ đấy ra, tay khoác tay, săn sóc nhau đủ cách và lặng lẽ giúp nhau giữ thăng bằng. Tay nắm tay, và người vẫn quàng chặt lấy nhau, họ mất đúng mười lăm phút mới trèo lên hết thang gác. Pêtruska đứng tần ngần hồi lâu trước giường, chắc là suy nghĩ nên nằm thế nào cho phải cách nhất; cuối cùng hắn nằm ngang giường, hai chân thõng xuống sàn. Quên rằng chỗ của mình là ở phòng công cộng, nếu không thì ở chuồng ngựa, Xêlifan lăn kềnh xuống chiếc giường ấy, gối đầu lên bụng Pêtruska. Cả hai ngủ ngay tức khắc, làm cái góc phòng xép vang tiếng ngáy ầm ầm hòa theo tiếng huýt nhè nhẹ qua lỗ mũi của Tsitsikôp ở phòng bên.

Chung quanh, mọi tiếng động trong chốc lát đã im bặt; toàn thể khách sạn chìm vào một giấc ngủ say. Chỉ một buồng là đèn còn sáng, buồng viên trung úy từ Riazan đến; vì rất mộ giày ủng, chàng

thửa những bốn đôi mà vẫn thử mãi đôi thứ năm không biết chán. Đã mấy lần rồi, chàng đến gần giường để tháo ủng ra, nhưng vô hiệu: vẻ thanh lịch tuyệt vời của đôi ủng làm chàng say mê; chân giơ lên, chàng đắm đuối ngắm mãi cái gót của mình.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 8

Quanh việc mua người của Tsitsikôp, thiên hạ tha hồ bàn tán. Người ta bàn đủ mọi cách về cái lợi mua nông phu đưa đi lập ấp; có những ý kiến tỏ ra am hiểu vấn đề sâu sắc.

Người thì nói: - Miền Nam chắc chắn là rất phì nhiêu, điều ấy không chối cãi được; nhưng mà không có nước thì nông dân của Tsitsikôp làm ăn ra sao? Vì trong xứ, một con sông cũng chẳng có.
- Thiếu nước vẫn còn là khá, Xtêpan Đmitriêvits ạ, chứ khai khẩn một vùng đất hoang, nhà đã không mà sân cũng chẳng có, thì đó là việc mà bọn mujik lạ nước lạ non chẳng bao giờ chịu làm! Chúng nó cao chạy xa bay ngay đi chứ, gậy trượt tuyết cứ vung lên, chẳng còn thấy tăm hơi nào nữa; thật rõ như hai lần hai là bốn.
- Không, Alexêi Ivannôvits ạ; xin phép, tôi không đồng ý với bác. Người Nga chúng ta thì cái gì mà chẳng quen, khí hậu nào mà chẳng thích nghi. Đưa họ đi Kamtsatka, nếu bác muốn, nhưng nhớ cho họ những bao tay lót lông ấm và họ đập vào tay nhau vui vẻ và múa rìu dựng lên ngay một cái izba.
- Xin lỗi bác, Ivan Grigôiêvits; bác quên một điều quan trọng, Tsitsikôp đã mua được những nông phu như thế nào? Chắc là những quân chẳng ra gì. Nói sai xin chặt đầu tôi đi; chúng đều là quân trộm cắp, say rượu, ăn hại, chó má. Trang chủ khôn chẳng bao giờ ai bán người tốt đi cả.
- Đồng ý, bao giờ thì người ta cũng chỉ bán những con chiên ghẻ.

Nhưng ý nghĩa của câu chuyện bắt đầu từ chỗ này: được dời đi nơi khác, bọn vô lại ấy có thể trở thành những người rất tốt; người ta thấy có những trường hợp như thế, trong sử cũng có kể lại.
- Không bao giờ, không bao giờ, viên quản đốc các phân xưởng Nhà nước cãi, không thể được, thật đấy mà. Bọn nông dân của Tsitsikôp sẽ có hai kẻ thù khó chống lại lắm. Trước hết là ở ngay cạnh các tỉnh Tiểu Nga {*Tiểu Nga là Ukraina, ta thường phiên âm theo tiếng Pháp là Uycờren*}, mà các vị đều biết là nơi mà rượu mạnh bán tự do, thì chỉ mười lăm ngày, tôi xin nói chắc như vậy, là tất cả bọn chúng thành ra những đứa say sưa không chừa rượu được nữa. Sau nữa là cái thói sống lang thang mà mỗi đứa đều đã quen trong khi di chuyển. Thật đấy, việc này chỉ có thể thành được, nếu Tsitsikôp, theo dõi bọn chúng thường xuyên; phải thẳng tay không được nới cho chúng; hở một tí là trị ngay, tự tay thụi lên mõm hay lên gáy chúng.
- Tại sao Tsitsikôp phải tự tay thụi chúng? Việc ấy có thể giao cho quản lý thôi chứ.
- Bọn quản lý! Toàn là đồ ăn cắp cả!
- Bọn quản lý đúng là đồ ăn cắp cả, nhưng chỉ bởi vì các ông chủ không trông nom đến công việc mình.
- Đúng đấy! Có người tán thành. Một trang chủ mà hiểu người và chỉ biết một chút về nông nghiệp là thế nào cũng kiếm được một quản lý tốt.
Ông quản đốc nói rằng một quản lý tốt phải đòi tới năm nghìn rúp tiền lương; ông chánh án cho rằng chỉ ba nghìn thôi.
Ông quản đốc cãi: - Trời, ông đào đâu ra được một đứa với cái giá ấy? ở trong mũi ông chắc.
- Không, chẳng phải trong mũi tôi; chỉ trong quận ta thôi, ông chánh án nói. Tôi đang theo dõi Piôtr Pêtrôvits Xamôilôp; đấy, con người cần cho Tsitsikôp đấy.

Khá nhiều người quan tâm đến tình cảm của Tsitsikôp; việc di chuyển nhiều dân khai hoang như vậy làm cho họ khiếp; người ta tỏ ý lo ngại đến cả một cuộc nổi loạn có thể xảy ra trong đám

người nóng đầu ấy. Ông cảnh sát trưởng thì cho những mối lo sợ là hão huyền: cảnh binh nông thôn có phận sự ngăn ngừa cái nạn ấy; và chỉ một viên đại úy quận trưởng cảnh binh cử đến tại chỗ, là đủ làm bọn nông phu chẳng dám ho he gì, cho tới khi đến nơi ở mới. Để nhổ tận gốc óc phiến loạn trong đám ngu dân ấy, người ta bèn đề nghị biện pháp này nọ; có cái khá ôn hòa, có cái lại quá nghiêm khắc và gay gắt như biện pháp quân sự. Ông giám đốc bưu vụ nói rằng Tsitsikôp có bổn phận thiêng liêng: đối đãi với nông dân như cha đối với con, phải cho họ được hưởng cả lợi ích của học vấn; nhân tiện, ông ta ca tụng phương pháp hỗ tương giáo dục do Lencaxtơ {*Hỗ tương giáo dục là phương pháp học lẫn nhau, dạy cho nhau ở các hội, do nhà giáo dục Anh Lencaxtơ (1771-1838) đề xướng*} đề xướng.

Những câu chuyện kiểu ấy làm cho cả thành phố say sưa. Nhiều người ân cần đến mức trình bày lại với Tsitsikôp những lời căn dặn trên; họ khuyên y xin cả một toán quân hộ vệ. Tsitsikôp nói là những lời khuyên làm cho y rất đẹp lòng và đến lúc cần thì y sẽ xin nghe theo; nhưng từ chối dứt khoát việc xin quân hộ vệ; nông dân của y bản chất hòa bình, viễn ảnh của cuộc lữ hành làm họ say mê và sẽ không có một cuộc nổi loạn nào nổ ra được.

Tất cả những việc bàn tán xôn xao ấy đối với Tsitsikôp lại có những hậu quả hết sức may mắn: tiếng đồn vang rằng y là một nhà triệu phú, không hơn, không kém. Sự tình ấy càng làm tăng lòng ái mộ của dân thành phố đối với y. Cứ thực tình mà nói thì họ là những người tốt, hiểu nhau, và sống xuề xòa, chẳng khách sáo gì. Câu chuyện của họ thành tâm, chất phác: "- Bạn đáng yêu, Ililia Iliits ơi! – Này, ông anh Antipato Zakhariêvits ạ! – Ivan Grigôiêvits, bố già ạ, bố đánh lừa con". Tên ông giám đốc bưu vụ là Ivan Anđêits, người ta bao giờ cũng gọi thêm là: "Sprêkhen di đêits {*Tiếng Đức* ***Sprechen Sie Deutsch*** *nghĩa là* ***"Có nói tiếng Đức không?"****; trong nguyên văn, chữ Deutsch đáng lẽ đọc là*

Đoits, thì lại đọc theo kiểu Nga là Đêits để cho vần với Anđrêits} Ivan Anđrêits?". Tóm lại là họ thân mật với nhau như trong gia đình. Họ không phải là những người không có văn hóa. Ông chánh án thuộc lòng tập thơ *Lutmila* của Jukôpxki {*Jukôpxki (1783-1852) là nhà thơ Nga, nổi tiếng về các bản dịch thơ lãng mạn Anh và Đức. Tập thơ* ***Lutmila*** *xuất bản năm 1808 là mô phỏng tập thơ* ***Lênô*** *của thi sĩ Đức Buyghe (1747-1794).*}, bấy giờ vừa mới ra đời còn sốt dẻo; ông ta ngâm nhiều đoạn rất cừ, nhất là đoạn: *Cánh rừng ngủ say, thung lũng yên giấc*.

Ông ta đọc chữ tsu {*Tsu! Tiếng Nga chỉ là một thán từ có nghĩa là Này! Hãy nghe đây!*} nghe như thung lũng đang ngủ say thực sự; và để cho thật giống, ông lại còn nhăm nhăm đôi mắt nữa. Ông giám đốc bưu vụ lại chuyên về triết học, say mê tập thơ *Đêm* của Yăng {*Yăng (1683-1765): thi sĩ Anh, người lập ra phái thơ hâm mộ. Tập* ***Đêm*** *là tác phẩm chính của thi sĩ, rất nổi tiếng ở châu Âu trong thế kỷ XVIII*} và cuốn sách *Chìa khóa các bí mật của Thiên nhiên* của Eckactshaoden {*Phôn Eckactshaoden (1792-1803): một nhà thần bí học Đức, chuyên về ảo thuật. Cuốn* ***Chìa khóa các bí mật của Thiên nhiên*** *được dịch ra nhiều thứ tiếng và thu hút nhiều đồ đệ cho tác giả ở châu Âu trong đầu thế kỷ XIX*}; ông ta đọc những sách của Eckactshaoden ban đêm rất khuya và chép lại từng đoạn dài mà không cho ai thấy cả. Vả lại ông ta là một nhân tài, mặc khách có ngôn ngữ văn hoa; ông thường bộc lộ rằng: "- Tôi thích trang sức cho ngôn từ của tôi được văn nhã". Quả thật, ông trang sức nó bằng vô số những câu đệm như là: *Tiên sinh ạ, các ngài rõ chứ, các ngài hiểu chứ, các ngài thử tưởng tượng rằng, có thể nói là, nói thất lễ chứ*. Ông ta lại còn làm cho ngôn từ văn hoa bằng cách nhấn mạnh những câu nói bóng sâu cay với một cái nháy mắt châm biếm.

Các công chức khác đều ít nhiều có văn hóa: một người đã đọc Karamzin {*Karamzin (1766-1826): sử gia và văn sĩ Nga, tác giả*

của mấy truyện vừa được xem như kiểu mẫu của văn học tình cảm chủ nghĩa, thịnh hành ở Nga, đầu thế kỷ XIX}, một người khác đọc Báo Mạc-tư-khoa {*Báo Mạc-tư-khoa – Môxkôpxkie Viêđômôxti – do Trường Đại học Mạc-tư-khoa xuất bản từ 1756, bấy giờ đang nặng khuynh hướng tình cảm chủ nghĩa*}, có cả những người chẳng đọc cái quái gì hết. Người này là một kẻ ù lì chỉ có lấy cẳng mà đá mới chịu nhúc nhích, kẻ kia là một con baibak {*Ta thường gọi là macmôt một vật gậm nhấm ở xứ lạnh, mùa đông ngủ như chết sáu tháng liền*} như người ta thường nói là suốt đời nằm nghiêng, thậm chí có dựng dậy cũng vô hiệu, vì dù thế nào nó cũng không bao giờ đứng lên cả. Nào họ có thiếu cái thư thái oai phong, đường bệ; trong hàng ngũ họ, chẳng ai là có thể mắc bệnh lao cả. Những lúc thổ lộ tâm tình thân mật, vợ họ đều gọi họ là: anh béo của em, quả bí của em, anh phệ của em, anh béo phúng phính của em, của quí của em.

Những người trung hậu ấy rất trọng khách; bất cứ ai mà đã nếm bữa ăn nhà họ hay đánh một canh bài uyxt với họ là thành ngay chỗ thân tình của họ, huống chi Tsitsikôp, phong thái đã ưu nhã, lại am hiểu nghệ thuật làm đẹp lòng người. Y còn chưa biết cách nào đi thoát là người ta còn mê y; bất cứ đâu y cũng nghe nói: "- Ở lại một tuần nữa, Paven Ivannôvits, chỉ một tuần nữa thôi mà!". Tóm lại y thật là danh tiếng, vẻ vang.

Đó là đối với đàn ông; còn đối với đàn bà thì, thật thà mà nói, cái ấn tượng mà y gây nên làm cho người ta phải sửng sốt. Muốn cắt nghĩa được chút đỉnh nào cái hiện tượng ấy, cần phải nói dài về các vị phu nhân ấy, về cái giới xã giao của họ, cần miêu tả bằng những nét đậm màu những đặc điểm tinh thần của họ; nhưng mà tác giả xin rút lui trước cái công việc gay go ấy. Một mặt thì tự thấy mình bị lòng kính trọng phải có đối với vợ của các quan chức cao cấp, ngăn lại; mặt khác… mặt khác, lạy Chúa!... cứ đơn giản mà nói, việc ấy rất khó… Các phu nhân ở N… là… Không, không thể

được: tính rụt rè giữ tôi lại… Cái đáng chú ý nhất ở các phu nhân tỉnh N… Lạ quá, ngòi bút của tôi cứ không chịu làm phận sự, nó đâm ra nặng như chì. Thôi, hãy để cho ai có một ngọn bút phong phú màu sắc, cái việc miêu tả tính cách của họ; ta chỉ phác họa bằng bút chì cái bề ngoài của họ mà thôi.

Về cái khoản *đủ phẩm chất của người lịch sự*, thì các phu nhân ở N… có thể là gương mẫu. Họ biết cách đứng ngồi, theo đúng từng li, từng tí, phong thể của giới xã giao, theo đúng các nghi thức, lễ mạo; nhất là họ theo thời trang đến những chi tiết nhỏ nhặt nhất, và về việc ấy thì ăn đứt cả chị em họ ở Pêterbua hay Mạc-tư-khoa nữa. Họ ăn mặc rất đặc sắc, đi dạo trong những xe ngựa lịch sự, người hầu mặc áo dấu nẹp vàng, tòng bộc {*Người hầu đi theo chủ những khi ra ngoài, thường ngồi ở sau xe*} ở sau xe, theo đúng thời thượng. Tấm danh thiếp, dù chỉ viết tay trên một con hai chuồn hay con một rô, đối với họ là vật thiêng liêng. Hai bà bạn thân và bà con với nhau nữa, đã đâm ra thù nhau chỉ vì một cuộc thăm viếng mà không trả lễ. Chồng con, họ hàng đều bất lực, không tài nào hòa giải nổi đôi bên: ở đời này việc gì cũng có thể làm được, chỉ trừ việc hòa giải hai phu nhân giận nhau vì một vấn đề lễ tiết; suốt đời họ sẽ ác cảm với nhau, theo một thành ngữ thông dụng trong giới thượng lưu các tỉnh. Những vấn đề ngôi thứ cũng gây ra những cơn giận dữ ghê gớm mà các ông chồng phải can thiệp vào bằng cách nghĩa hiệp nhất. Không một cuộc quyết đấu {*Đấu súng hay đấu gươm tay đôi để giải quyết những vụ động chạm đến danh dự*} nào xảy ra sau các trận cãi nhau ấy cả, các ông đều thuộc hàng văn quan; nhưng họ gỡ lại bằng cách thi nhau lăng mạ nhau với những lời lẽ thô bỉ; cái cách ấy nhiều khi còn khó chịu hơn là một trận quyết đấu.

Giữ gìn thuần phong mỹ tục một cách nghiêm khắc, nên đối với mọi tật xấu, mọi việc ô nhục, các phu nhân ở N… đều phản đối với một lòng phẫn nộ đức hạnh; họ không thể tha thứ bất cứ một sự yếu đuối nào. Nếu một người trong bọn họ mà tự cho phép mình có một chuyện tình nào, thì mọi việc đều diễn kín đáo, với một sự

quan tâm giữ đúng lễ tiết đến nỗi chính ông chồng, được biết đầu đuôi câu chuyện, cũng chỉ sẽ trả lời một cách khôn khéo bằng câu ngạn ngữ: "- *Ông, mụ hợp nhau; việc gì đến ai?*"

Cũng như các phu nhân ở Pêterbua, các phu nhân ở N… rất thận trọng trong lời ăn, tiếng nói; họ dùng một ngôn ngữ rất trau chuốt. Họ không nói: "- Tôi xỉ mũi, tôi tháo mồ hôi, tôi khạc đờm", mà nói đúng là: "- Tôi làm cho cái mũi nhẹ bớt; tôi đã nhờ đến cái khăn quàng cổ". Họ không nói thật là một cái cốc hay một cái đĩa có mùi hôi; họ cố tránh cả đến một câu nói bóng mà trực tiếp quá, họ phải cầu viện đến những cách nói quanh co, như là: "- Cái cốc này ăn ở không tốt". Để quí tộc hóa tiếng Nga hơn nữa, họ phế trừ một nửa các từ Nga, và thay vào bằng những thành ngữ Pháp… nhiều khi lại thô tục hơn.

Đó là tất cả những điều người ta có thể nói về các phu nhân ở N… mà không muốn nhiều lời. Nghiên cứu sâu sắc hơn sẽ bóc trần ra được lắm thứ nữa; nhưng dò sâu vào quả tim phụ nữ là liều lĩnh khác gì đánh bạc mà đặt to. Thôi, không nên dài lời nữa mà trở lại câu chuyện của chúng ta.

Cho đến lúc ấy, các phu nhân ở N…, tuy có thừa nhận nền giáo dục hoàn mỹ của Tsitsikôp, vẫn ít chú ý đến y; nhưng từ khi thiên hạ phong y làm triệu phú thì họ tìm ra ngay cho y khá nhiều đức tính khác. Tuy họ chẳng vì lợi lộc gì đâu; nhưng mà dù có bỏ ra ngoài cái vấn đề túi tiền, không nói đến, thì cái sức mê hoặc kín đáo của mấy chữ *triệu phú* cũng vẫn tác động đến người đứng đắn cho chí đám tiện dân. Nhà triệu phú được đặc quyền biết đến sự đê tiện không vị lợi, được ngắm nó trần truồng; khối người biết là không mong chờ gì ở nhà triệu phú, nhưng thấy hắn ta là vẫn chạy như bay đến, cúi chào, mỉm cười, và cứ thế, hễ chưa được mời ăn bữa chiều với hắn là chưa chịu thôi.

Các vị phu nhân ở N… có bị cái duyên dịu dàng của sự đê tiện cám dỗ chăng? Tôi chẳng dám khẳng định như vậy; dù sao họ cũng để ý đến Tsitsikôp nhiều hơn. Các bà nói rằng: "- Dĩ nhiên, ông ta không đẹp lắm; nhưng mà người ông ta phương phi đúng với mức vừa phải; giá béo tí nữa thì khó coi đấy". Thế rồi thì những người gầy phải làm đề tài cho một hồi đàm tiếu chẳng dễ chịu chút nào: họ giống như những cái tăm xỉa răng hơn là những con người; người ta quả quyết như vậy. Các phu nhân ấy lại rất quan tâm đến việc trang điểm. Người ta chen chúc nhau, gần như đè bẹp nhau ở các cửa hiệu; xe đỗ ở đấy đông nghịt; và việc đi đến các cửa hiệu thành ra những cuộc đi chơi hợp thời thượng. Bọn lái buôn hết sức ngạc nhiên thấy những vải vóc mang từ chợ phiên về, bấy lâu vẫn làm các bà khách lánh xa vì giá quá cao, thì nay bỗng được tranh nhau mua hết, chỉ trong nháy mắt. Một bà đi lễ mà những dải vải trang sức thêm cho quần áo đầy ắp cả nhà thờ; viên cẩm khu phố tình cờ có mặt ở đấy, phải dồn đám người đi lễ đến tận cổng nhà thờ, để bảo vệ cho một bộ trang phục hoa lệ đến như thế.

Sau cùng thì Tsitsikôp cũng phải biết rằng người ta rất chú ý đến mình. Một hôm, ở ngoài về, y thấy trên bàn một phong thư mà y không tài nào tìm ra được người gửi; gã người hầu nói rằng người ta đã bắt hắn hứa phải giữ bí mật. Bức thư bắt đầu bằng một giọng rất quả quyết: "- Thiếp không thể đứng được nữa, phải biên thư này cho chàng!" Rồi người ta khẳng định rằng có một ái lực bí ẩn giữa các linh hồn; một chuỗi những cái chấm, chiếm hết gần nửa dòng, như đóng ấn vào dưới cái chân lý ấy. Tiếp theo là mấy câu châm ngôn xác đáng một cách hiển nhiên, đến nỗi chúng tôi thấy có bổn phận phải chép lại: "- Cuộc đời là gì? Một thung lũng đắng cay. - Thế gian? Một đám người vô tri vô giác". Tác giả bức thư lại cho rằng mình đã nhỏ lệ tắm ướt những dòng chữ của một bà mẹ hiền chết những từ hai mươi lăm năm về trước; nàng mời Tsitsikôp theo mình tránh vào sa mạc, vĩnh viễn trốn khỏi những chốn đô hội và những hàng rào chật hẹp làm người ta ngột ngạt vì thiếu khí trời

và không gian; nàng đắm mình vào một nỗi thất vọng bi đát nhất và kết thúc bằng bài tứ tuyệt như thế này:

Đôi chim cu sẽ chỉ cho chàng
Thi hài thiếp như băng giá lạnh.
Tiếng chim gù sẽ kể chàng hay
Rằng thiếp chết trong dòng lệ thảm.

Có lẽ các câu thơ cũng khập khiễng đấy; nhưng mà bức thư thì viết đúng theo thị hiếu của thời đại. Nó không có địa chỉ người viết, chữ ký, ngày tháng. Một lời tái bút thêm rằng tấm lòng người nhận phải đoán ra ai viết cho mình và ngày mai mọi người sẽ đến dự buổi vũ hội của quan tỉnh trưởng.

Câu chuyện làm cho Tsitsikôp băn khoăn suy nghĩ; việc người biên thư giấu tên kích thích tính tò mò của y; y đọc lại bức thư hai lần và sau cùng kêu lên: "- Ta muốn biết ai đã viết lá thư này!" Quả nhiên y đã cho đó là một việc đúng đắn; sau khi suy nghĩ đến nó hơn một giờ, y dang hai tay ra, nghiêng cái đầu, kết luận rằng: "- Lá thư khéo viết thật!". Dĩ nhiên, lá thư được gấp lại cẩn thận, cất vào cái tráp, cùng nằm với một tờ chương trình rạp hát và một thiếp báo hỉ đã ở đấy từ bảy năm mà không hề đổi chỗ. Một lát sau, quả nhiên có người đem đến cho Tsitsikôp cái thiếp mời dự vũ hội ở dinh tỉnh trưởng; đó là một việc rất thường ở các tỉnh lỵ; cứ nói đến tỉnh trưởng là nói đến vũ hội; nếu không có vũ hội thì tỉnh trưởng chẳng thể mong quí tộc ái mộ và tôn kính được.

Nghỉ hết mọi việc, nhân vật của chúng ta chỉ lo chuẩn bị đi vũ hội, điều ấy là dĩ nhiên thôi. Có lẽ, từ ngày khai thiên tịch địa tới nay, chưa bao giờ có ai trang điểm lâu đến như thế. Y để hơn một giờ tự ngắm trong gương, thay đổi đủ tất cả mọi vẻ mặt: nghiêm trang,

cung kính, vui vẻ; y thử cúi chào và nói mấy tiếng nghe không rõ, nhưng giông giống tiếng Pháp, dù y hoàn toàn không biết thứ tiếng ấy. Y vui thích đến nỗi tự mình gây cho mình những sự ngạc nhiên dễ chịu, y cau mày, mấp máy đôi môi, thè cái lưỡi. Khi mà người ta tự biết là đẹp trai, lại đang một mình, không bị ai tọc mạch dòm qua khe cửa, thì có cái trò gì là người ta không làm! Sau cùng, y vỗ vỗ cái cằm và nói nựng: "- Ê, ê, cái mõm xinh xinh!". Rồi thì y bắt đầu mặc áo, và không lúc nào là không vui vẻ hết sức… Đeo đôi quai treo quần, thắt cái cà vạt, y đều cúi chào, rất duyên dáng và dù y không bao giờ nhảy, y cũng thử đi một bước vũ mà hậu quả cũng vô hại thôi; cái tủ ngăn rung rinh làm rơi cái bàn chải xuống sàn.

Y bước vào vũ hội là xôn xao cả lên. Mọi người đều xô ra đón y: người thì tay còn cầm bài, kẻ thì cắt ngang một câu chuyện đang đến điểm tối cao: - …tòa án sơ thẩm trả lời về việc này…

Bỏ mặc cái tòa án đấy, người ta xô ra đón nhân vật của chúng ta.
- Paven Ivannôvits! A, lạy Chúa, Paven Ivannôvits! Paven Ivannôvits rất thân mến! Paven Ivannôvits kính mến! Paven Ivannôvits đây rồi! Paven Ivannôvits của chúng ta đây rồi! Paven Ivannôvits, ôm lấy tôi nào! Để cho tôi ôm chặt vào lòng, Paven Ivannôvits rất thân yêu ấy!
Tsitsikôp phải để cho không biết bao nhiêu người ôm hôn nữa, vừa thoát khỏi tay ông chánh án là đã rơi vào tay ông giám đốc bưu vụ; ông này chuyển giao y cho ông thanh tra sở vệ sinh, ông thanh tra chuyển ông trưng thuế rượu và ông trưng thuế rượu cho ông kiến trúc sư… Tỉnh trưởng, đang đứng trước một đám phụ nữ, một tay ôm con chó bông con, một tay cầm tờ nhãn hiệu kẹo, thoạt trông thấy y liền đánh rơi cả hai thứ làm cho con cún sủa lên gâu gâu.

Tóm lại, Tsitsikôp đến làm cho mọi người hoan hỉ: trên các khuôn mặt đều một vẻ vui mừng thực sự hay ít ra cũng là tia hồi quang

của sự vui thích chung. Người ta tưởng như đây là những công chức, khi một ông trưởng quan thật lớn đến kinh lý và sau cái phút xúc động ban đầu, họ được thấy trưởng quan bằng lòng và được nghe ngài đùa, nghĩa là mỉm cười nói mấy lời tử tế. Thế là tất cả mọi người bật ra cười, rất hỉ hả, không những kẻ đứng gần mà những kẻ đứng xa, không nghe rõ quan nói gì, cũng cười; cho đến cả viên cảnh binh gác ngoài cửa, cái gã suốt đời chẳng bao giờ cười và vừa mới đưa nắm đấm dọa bọn vô công rồi nghề xúm lại xem, cũng không cưỡng nổi các qui luật bắt chước bất di bất dịch, - và để cho khuôn mặt phảng phất một thứ mỉm cười nom tựa cái nhăn nhó của một kẻ hít thuốc lá sắp phải hắt hơi.

Nhân vật của chúng ta, đang cao hứng, trả lời tất cả mọi người và riêng từng người, chào bên phải, chào bên trái; cái đầu như lúc nào cũng hơi nghiêng nghiêng, nhưng mà thoải mái đến nỗi mọi người đều say mê. Các phu nhân vây quanh y như một vòng hoa rực rỡ, tỏa nhiều mùi hương thanh nhã; người thì tỏa mùi hoa hồng, người ngát hương mùa xuân và hoa tím, người thứ ba như hoàn toàn tẩm hương mộc tê thảo; hai lỗ mũi nở nang, Tsitsikôp hít lấy tất cả các hương thơm ấy. Các bộ trang phục chứng tỏ một thị hiếu tao nhã: các thứ soa và xa tanh, toàn những màu nhạt đúng thời thượng, khó mà gọi được bằng một cái tên nào, vì thị hiếu đã trở nên tế nhị hết sức; hoa và ruy băng trang sức cho các bộ áo với một vẻ xuềnh xoàng nên họa, nhưng đã được kết hợp rất xảo diệu, công phu; những vật trang điểm nhẹ nhàng đậu lên những mái tóc, như nhờ một phép màu nhiệm, tựa hồ muốn nói rằng: "- Tôi bay đi đây! Tiếc làm sao không thể tha được cả người đẹp bay cùng!". Những lưng ong thắt chặt, trông chắc như đúc khuôn (các phu nhân ở N…, - nhân tiện cũng nên nói - là đều phải phì nộn cả; nhưng mà họ cũng thắt lưng ong khéo léo và cử động duyên dáng đến nỗi không trông thấy được vẻ tròn trĩnh của họ). Họ đã dự trù đủ mọi thứ, tính toán đủ mọi thứ. Cổ áo họ hở không quá cái mức phải chăng, chỉ vừa để lộ những vẻ quyến rũ xét ra có thể làm chết một người đàn ông và họ lại che giấu những vưu vật ấy với một nghệ

thuật toàn thiện, toàn mỹ: một dải ruy băng quấn cổ, nhẹ nhàng như không khí, được gọi là *cái hôn*; hay là những miếng vải chéo bằng hàng mịn, khoét rộng, buộc dưới áo dài từ đôi vai tỏa xuống, được đặt tên là *cái thùy mị*. Dù che khuất những vẻ quyến rũ xét ra không có thể làm chết một người đàn ông, những *cái thùy mị* ấy cũng để cho người ta đoán được rằng cái giết chết đàn ông, thật ra chỉ ở quanh quất đâu đây thôi. Những chiếc găng tay láng bóng không dài lên tới các tay áo, chỉ hơi quá khuỷu tay một tý thôi, để trần cái bộ phận khêu gợi nhất của cánh tay mà ở nhiều bà thật là tròn trĩnh đáng thèm; lại có nhiều bà, vì muốn kéo lên cao quá mà làm rách cả găng. Tóm lại một chữ là mọi thứ đều như có vẻ nói rằng: "- Chúng tôi không phải ở tỉnh; mà ở kinh đô đây; Pari đây!". Nhưng thỉnh thoảng, đó đây, cũng lác đác có một cái mũ không thể tưởng tượng được, một cái lông công biểu lộ một thị hiếu riêng tư chống lại tất cả mọi định luật của thời thượng: ở tỉnh nhỏ bao giờ mà chẳng có một âm điệu sai cung, lỗi lạc; đó là công lệ.
Tsitsikôp tự hỏi người nào trong các phu nhân ấy có thể là người đã biên thư cho y; y nhô cả đầu ra để quan sát họ cho gần thì bỗng y cảm thấy một cơn lốc những khuỷu tay, ống tay áo, đồ trang sức, ruy băng, áo dài, sơ mi ngắn, sực nức hương thơm, chạm lướt vào người y. Vợ ông giám đốc bưu vụ, vợ ông quận trưởng cảnh binh, một bà đeo cái lông xanh, một bà đeo cái lông trắng, công tước người Gruzin Tsinkhaikhilizep một công chức ở Pêterbua, một công chức ở Mạc-tư-khoa, người Pháp Cucu, rồi Perkhunôpxki, Bê-rêbonđôpxki {*Gôgôn vốn thích những thứ tên lạ lùng, xem đó là một cách hài hước*}, và cả bọn, xồ ra như ngựa xổ cương.
"- Này, này, làm gì mà cả tỉnh xôn xao lên thế!" Tsitsikôp vừa xê ra vừa lẩm bẩm như vậy; nhưng khi các bà đã trở lại chỗ cũ, y lại nhìn chòng chọc vào họ, với hy vọng dối trá là đoán ra được người biên thư cho y qua vẻ nhìn hay nét mặt của họ. Nhưng mà toi công, y vấp phải toàn những bộ mặt khó có thể lần ra được chút gì. "- Chịu, quả thật đàn bà là những sinh linh phức tạp quá chừng, y tự nhủ với một cử chỉ hờn dỗi. Thử mà tả hàng nghìn vẻ khác nhau trên diện mạo luôn luôn thay đổi của họ! Chỉ đôi mắt của họ đã là một đế quốc mênh mông làm người ta lạc lối không thể tìm lại

được đường về. Anh kiếm ra được những chữ gì để miêu tả cái ánh của những đôi mắt? Cái nhìn nóng ấm, dịu dàng, mượt như nhung, sắc đanh, vuốt ve, uể oải, khêu gợi, làm rung động quả tim như cái cung làm rung động những sợi dây của cây vĩ cầm… Anh sẽ chết ở đấy… Có gì đâu, đó là cái *nửa đàng điếm* của giống người!...". Xin lỗi! Nhân vật của tôi, hình như vừa buột mồm văng ra một tiếng bình dân, thô tục {*Tiếng đàng điếm, nguyên văn galantiorni, là một tiếng rất thô tục*}. Làm thế nào được! Một nhà văn Nga không thể tránh cái tật xấu ấy được; vả lại lỗi nhà văn thì ít, mà lỗi người đọc, nhất là những người thuộc xã hội thượng lưu, thì nhiều. Sự thật là không bao giờ những người của giới thượng lưu lại chịu dùng một thành ngữ Nga thật kêu, mà chỉ làm khổ người ta với những tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Anh mà họ cố hết sức đọc cho thật đúng giọng. Nói tiếng Pháp, họ lấy giọng mũi và giọng họ chả chớt, còn nói tiếng Anh thì họ líu lo như chim, lại làm cho bộ mặt có một cái vẻ chim và chế giễu những ai không biết làm như vậy. Họ không có một chút gì là đặc tính của người Nga cả; trừ phi, vì lòng yêu nước, họ cũng dựng một cái izba theo kiểu Nga trên biệt trang của họ. Đấy, những độc giả trong giới thượng lưu và những kẻ khát khao được vào giới thượng lưu là như thế! Ấy vậy mà họ vẫn đòi hỏi biết bao nhiêu thứ! Họ bắt nhà văn phải có phong cách thuần khiết nhất, cao quí nhất, trau chuốt nhất; họ muốn rằng ngôn ngữ Nga phải được xào nấu theo đúng qui tắc của phong thể giới xã giao và cứ từ trên trời mà rơi luôn vào mỏ họ, để họ chỉ còn có việc là đưa đẩy cái lưỡi nữa thôi. Chính các bà đã là kỳ quái rồi, nhưng phải thú thật là các vị độc giả đáng tôn kính lại còn kỳ quái hơn nhiều {*Gôgôn là nhà văn rất ghét cái thói dùng tiếng nước ngoài thay cho tiếng Nga; khi tả nhân vật dùng tiếng nước ngoài dù là tên riêng. Gôgôn cũng phiên âm các tiếng ấy ra tiếng Nga*}. Trong lúc ấy thì Tsitsikôp thất vọng không đoán ra được người biên thư cho y là ai. Y có cố trố mắt ra mà nhìn cũng vô hiệu, chỉ thấy những sự thay đổi nét mặt có thể gây ra vừa niềm hy vọng, vừa mối lo sợ, khắc khoải trong lòng một kẻ phù sinh vô phúc. Cuối cùng, y kết luận: "- Chịu, mình đành thôi vậy!" nhưng không hề vì vậy mà mất khí sắc vui vẻ một tí nào. Khá duyên dáng, y nói

những câu rất dễ thương với nhiều vị phu nhân, đi từ bà này đến bà khác, từng bước ngắn như có đo sẵn, theo kiểu các ông già làm dáng, đi giày cao gót, tán gái bằng cách bước lon ton chung quanh các cô nàng. Sau vài vòng, quanh bên phải, bên trái, y chào để rút lui, chân vạch trên sàn một đường vòng như một cái đuôi hay cái phẩy. Cử chỉ ấy làm các bà rất thích, họ liền tìm ra cho y đủ các đức tính, cho đến cả cái vẻ hùng dũng mà họ mê như điếu đổ. Vì y mà họ còn suýt cãi nhau nữa; nhận thấy y hay đứng gần cửa, họ cố tranh nhau chiếm lấy cái ghế gần lối ra nhất; nhưng bị một người trong bọn nhanh chân cướp mất, họ bèn cho rằng xảo trá như thế thì thật là mặt dạn, mày dày.

Tsitsikôp say sưa trong câu chuyện với các phu nhân; họ biết khôn khéo chiếm giữ lấy y bằng cách đề nghị y giải đáp những câu đố rất tế nhị mà y phải vất vả lắm để đoán ra nghĩa, cho nên mồ hôi lấm tấm đầy trán y. Nhưng theo lễ nghi, thì trước tiên y phải đến bày tỏ lòng kính mến với nữ chủ nhân đã; y chỉ chợt nhớ đến bổn phận ấy khi thấy Bà lớn tỉnh trưởng đứng sững trước mặt y một lúc.

Bà tỉnh trưởng nói, giọng mơn trớn, và tinh nghịch, vừa nói vừa khẽ lắc đầu một cách đáng mến: - Á, Paven Ivannôvits! Ra ông như thế đấy!...

Tôi không thể làm thế nào nhắc lại đúng được những lời nói của con người cao quí ấy. Nói năng với cái phong cách tao nhã mà các nhà văn tự phụ là am hiểu giới thượng lưu thường cho các phu nhân quí tộc và các trang phong lưu mã thượng vay mượn, bà ta nói đại khái rằng: "- Quả tim ông bị chinh phục đến nỗi chẳng còn lại một góc lẻ loi nào dành cho những nạn nhân của sự lãng quên của ông chăng" Nhân vật của chúng ta liền quay về phía bà; có lẽ y sắp tặng bà một lời chúc tụng xứng đáng là của những Zvônxki, Linxki, Grêmin và các sĩ quan khéo nói khác, nhân vật chính của các tiểu thuyết hợp thời thượng {*Đó là những nhân vật của loại tiểu thuyết phù phiếm lưu hành trong giới xã giao, nhất là các tác phẩm của nhà văn Marlinki (1780-1826), người được xem là đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn cực đoan ở Nga, vào khoảng 1830, danh tiếng lấn át cả thi hào Puskin, nhưng sau đấy thì chẳng còn*

ai nhắc đến nữa}, nhưng vừa vô tình ngước mắt lên, y bỗng ngạc nhiên, sửng sốt.
Bà tỉnh trưởng không phải chỉ có một mình. Bà khoác tay một thiếu nữ tóc bạch kim tươi trẻ, mới mười sáu tuổi đầu, nét mặt mảnh dẻ và đều đặn, cái cằm thon thon, khuôn mặt trái xoan thuần khiết như tranh Đức mẹ; kiểu người như thế rất hiếm có ở Nga là nơi mà tất cả mọi thứ - từ núi, rừng, đồng cỏ cho chí cái mặt, đôi môi, bàn chân - đều thích hiện ra với những qui mô rộng lớn. Đó là người trẻ tuổi mà Tsitsikôp, khi chạy trốn Nôzđriôp, đã gặp giữa đường; lúc mà vì sự ngu xuẩn của bọn xà ích hay của những con ngựa, hai cỗ xe vướng vít vào nhau để cho lão Mitiai và lão Miniai được dịp trổ tài. Lúng túng, Tsitsikôp không thể đặt được một lời chúc tụng hay ho; y lẩm bẩm một câu khó hiểu mà nhất định là các chàng Grêmin, cũng như các chàng Zvônxki, cũng như các chàng Lidin, chẳng bao giờ buột mồm nói ra cả.
- Ông chắc chưa biết con gái tôi! Bà tỉnh trưởng nói; nàng vừa mới ở ký túc xá ra.
Paven Ivannôvits trả lời là một sự tình cờ đã cho y cái diễm phúc ấy, rồi y không thể nói gì hơn nữa. Thấy thế, vị phu nhân nói thêm hai ba câu lấy lệ, rồi kéo con gái đến góc đằng kia của phòng khách. Tsitsikôp đứng sững tại chỗ như một người đi chơi, quyết tâm thưởng thức tất cả các cuộc vui, bỗng nhiên tưởng mình bỏ quên cái gì ở nhà; hắn liền mất hết vẻ vô tư lự, đâm ra đần độn nhất thế giới, cố tìm mà không nhớ ra được là mình đã bỏ quên cái gì. Mùi soa chăng? ví tiền chăng? không, có ở trong túi đây cả rồi; trong lúc ấy, một tiếng nói bí mật nhắc thầm cho hắn là quên cái gì; bấy giờ hắn chỉ còn thấy thấp thoáng qua một màn sương mù, thiên hạ tấp nập, xe cộ đi lại, những tấm biển cửa hiệu, những mũ sakô và những súng của cái trung đoàn đang kéo qua. Cũng hệt như thế, Tsitsikôp bỗng nhiên bàng quan với tất cả mọi sự diễn ra quanh y. Trong lúc ấy, những đôi môi thơm phức của các bà hỏi dồn, hỏi dập y những câu đáng yêu, những lời bóng gió tế nhị.
- Những kẻ phù sinh hèn mọn có thể hỏi rằng ngài đang nghĩ đến điều gì chăng?
- Tư tưởng ngài đã bay đến lạc quốc nào rồi?

- Có thể biết được vị mỹ nhân nào đã làm cho ngài đắm đuối vào giấc mộng dịu dàng ấy chăng?
Những câu hỏi nhã nhặn ấy đều rơi vào tai một thằng điếc. Tsitsikôp chẳng hề để ý đến chút nào; y còn dám vô lễ đến nỗi để mặc các bà đứng đấy, chuồn đi tìm bà chủ nhà và cô con gái. Nhưng đã quyết tâm vận dụng tất cả mọi sức cám dỗ của họ, sử dụng tất cả những vũ khí mà phái yếu sẵn có để làm cho những quả tim của chúng ta phải ngậm ngùi, sầu khổ; những người đẹp hay hồi ấy vẫn chưa chịu thua. Nhiều người đàn bà - tôi không nói là tất cả - có một nhược điểm nhỏ: khi họ đã tìm ra được cái gì đẹp hơn cả ở họ - vầng trán, đôi môi hay bàn tay - là họ cứ tưởng rằng những vẻ mỹ miều ấy ai cũng phải trông thấy và mỗi một người đều sẽ phải kêu lên: "Nhìn xem, vầng trán đều đặn, cái mũi Hy Lạp tuyệt vời!". Người có đôi vai đẹp thì nghĩ rằng tất cả thanh niên sẽ xếp hàng dọc lối đi của họ để thốt ra những lời khâm phục: "- Đôi vai thần diệu biết bao!" và chỉ nhìn vầng trán, cái mũi, bộ tóc, khuôn mặt của họ một cách lơ đãng mà thôi. Có những người đàn bà lý luận như thế đấy.
Các phu nhân lại quyết chí phô trương tất cả những vẻ quyến rũ của họ trong các điệu nhảy và làm nổi bật giá trị những vẻ mỹ miều riêng của họ. Trong khi nhảy van, vợ ông giám đốc bưu vụ nghiêng cái đầu với vẻ lả lướt trông thật chẳng khác nào một đấng thần tiên. Một bà rất khả ái, nhưng chân phải bị một đám tàn nhang, - một cái bất tiện như bà ta nói, - bắt buộc phải đi giày ống bằng nhung; tuy không có ý muốn nhảy, nhưng cũng đi vài vòng, cốt để hạ thấp cái phong tự của Bà giám đốc.
Nhưng chỉ phí công vô ích thôi! Tsitsikôp không nhìn đến cả những vũ hình do những bạn nhảy biểu diễn: y đứng kiễng chân lên, cố nhìn qua đầu những người khác, xem thiếu nữ tóc vàng ở đâu; y cúi mình xuống để thử tìm ra nàng giữa những đôi vai và những cái lưng. Sau cùng thì y nhận thấy nàng, ngồi cạnh mẹ; trên đầu bà này đang khẽ đung đưa rất uy nghi, một cái lông chim cắm trên chiếc khăn bịt đầu kiểu Đông phương. Dáng điệu của y liền như muốn xung phong lên cướp lấy hai người. Tôi không hiểu là y tuân theo tiếng gọi của mùa xuân hay vì có ai đẩy y phía sau lưng

mà y hung hăng rẽ đám tân khách ra lấy lối đi, không đếm xỉa gì đến những chướng ngại. Suýt nữa y xô ngã nhào ông trưng thuế rượu, may mà ông này đứng vững lại được trên một chân, vì nếu ông ta ngã thì sẽ kéo cả một dãy khách xem nhảy cùng ngã theo; ông giám đốc bưu vụ thì tránh ra với một cái nhìn ngạc nhiên xen lẫn mỉa mai. Tsitsikôp không nhận thấy vẻ ngạc nhiên cũng như vẻ mỉa mai; y chỉ thấy cô thiếu nữ tóc vàng đang mải cài khuy ở đôi găng tay và chắc là nóng lòng muốn nhảy. Bốn đôi đã nện gót giày xuống sàn đánh nhịp nhảy điệu mazurka; và một viên sĩ quan bộ binh nhảy hết sức thích thú, vừa nhảy vừa đặt ra những bước tuyệt xảo đến nỗi trong giấc mơ cũng khó lòng tưởng tượng ra được. Lượn giữa đám khách nhảy, cuối cùng Tsitsikôp đến được chỗ bà tỉnh trưởng và con gái; tức khắc lòng tự tin lại bỏ y, những dáng điệu phong nhã biến mất và những cử chỉ của y chỉ là vay mượn, thiếu tự nhiên.

Ta cũng không thể khẳng định rằng nhân vật của chúng ta đã đâm ra si tình; vả lại cũng đáng ngờ là những hạng người như thế lại có thể biết yêu. Nhưng mà y có một cảm giác lạ lùng. Về sau y thú thật là trong mấy phút, y tưởng như cả vũ hội, cùng sự huyên náo và vẻ nhộn nhịp của nó, mờ dần trong cõi xa xăm; kèn và vĩ cầm như văng vẳng tận đâu từ sau một ngọn đồi lại; một màn sương khói, như cái phông mơ hồ của một bức tranh, phủ lên mọi vật; trên cánh đồng nội lờ mờ ấy nổi lên, như khắc, những nét mê hồn của cô gái, khuôn mặt trái soan, tấm thân mảnh dẻ của cô nữ sinh nội trú mới thôi học, chiếc áo trắng hết sức đơn sơ yêu kiều bó lấy những hình dáng cân đối và thuần khiết. Giữa đám người mờ, đục, nàng tựa hồ một sự hiển hiện rực rỡ, một pho tượng ngà nhỏ nhắn. Ở đời này, cái gì cũng có thể xảy ra được cả: có những lúc mà đến cả những thằng cha Tsitsikôp cũng thành ra thi nhân. Nói là "thi nhân" thì hơi quá; nhưng dù sao, nhân vật của chúng ta cũng thấy mình có một tâm hồn thanh niên, gần như là tâm hồn khinh kỵ binh. Chiếm lấy một cái ghế bỏ không cạnh hai mẹ con, y bắt đầu gợi chuyện; trước còn lúng túng, không tìm ra chữ; rồi dần dần lưỡi được tháo khóa, y dạn lên, nhưng mà…

Tôi rất lấy làm tiếc, nhưng phải nhận rằng những người điềm đạm,

giữ những chức vụ cao, đều chẳng biết chuyện trò với các phu nhân tí nào; nghệ thuật ấy phải dành cho những viên trung úy, cả cho những viên đại úy nữa. Có Chúa biết là họ làm ăn thế nào, lời nói của họ không chọn lọc, cầu kỳ mấy, mà cô thiếu nữ nghe họ nói cứ cười ngất đi trên ghế. Trái lại, một quan tư vấn quốc gia {*Tư vấn quốc gia là hàm quan văn bậc thứ năm, trên quan hàm của Tsitsikôp một bậc và tương đương với hàm thiếu tướng bên quan võ; ở các tỉnh người có hàm ấy thường giữ chức phó tỉnh trưởng hay chánh án*} thì cứ dông dài nhận định về diện tích vô biên của nước Nga, tung ra những lời chúc tụng sách vở, đại cà sa và pha trò chỉ một mình mình cười được mà thôi. Đấy, cô thiếu nữ tóc vàng xinh xắn mà cứ ngáp ngắn, ngáp dài khi nghe Tsitsikôp nói chuyện là vì thế đấy. Nhân vật của chúng ta lại không thấy thế tí nào và cứ tiếp tục dốc ra một tràng những chuyện vui, mà y đã kể đi, kể lại không biết bao lần, trong những trường hợp tương tự: ở tỉnh Ximbirxk, tại nhà ông Xôfrôn Ivannnôvits Bezpietsni, trước mặt con gái ông ta Ađêlaiđa Xôfrônôpna và ba chị dâu của cô này: Maria Gavrilôpna, Alexanđra Gavrilôpna, Ađêlaiđa Gavrilôpna; ở tỉnh Riazan, tại nhà Frôn Vaxiliêvits, trước mặt em dâu ông ta Katêrina Mikhailôpna và những cháu gái họ của cô này: Roza Fiôđôrôpna và Êmilia Fiôđôrôpna; ở tỉnh Viatka, tại nhà Piôtr Varxônôfiêvits, ở đấy có em gái của con dâu ông ta, Pêlagêia Iêgôrôpna, cháu gái cô này, Xôfia Rôxtixlapna và hai em gái cùng mẹ khác cha của cô ta: Xôfia Alexanđrôpna và Maklatura Alexanđrôpna {*Lối kể tên người ta từng trang là lối Gôgôn rất thích: trong các tác phẩm khác của Gôgôn cũng thường thấy*} Cách xử thế của Tsitsikôp chạm lòng tự ái của tất cả các phu nhân. Cố ý trêu tức y, một bà đi qua, sát vào y và khéo tính toán để cho những dải lụa, dải vải chạm vào người cô thiếu nữ tóc vàng và đầu mút chiếc khăn thắt ngang lưng quệt vào mặt cô ta. Đồng thời, những đôi môi thơm mùi hoa tím thốt ra, ở sau lưng y, một nhận xét khá cay độc, mà y không nghe tí nào hay giả vờ không nghe. Như thế là dại, vì không nên coi khinh dư luận của các phu nhân; sau này y sẽ phải hối, nhưng không may là đã chậm mất rồi. Mọi vẻ bất bình, chính đáng về mọi phương diện, hiện lên trên

nhiều bộ mặt. Dĩ nhiên là Tsitsikôp có uy tín rất lớn, người ta cho y là triệu phú, dung mạo của y oai vệ, lại còn hùng dũng nữa là khác… nhưng có những điều mà đàn bà không thể tha thứ cho bất kỳ ai được! Trong nhiều trường hợp, những sinh linh yếu ớt ấy tỏ ra cương quyết hơn đàn ông và hơn tất cả mọi thứ ở thế gian. Cái vẻ khinh thị mơ hồ của Tsitsikôp đã lập lại sự hòa thuận giữa các bà vừa bị tổn thương vì việc tranh cướp cái ghế. Trong mấy lời vô tình mà y buột mồm nói ra, người ta cho là có những điều ám chỉ thâm độc. Rủi ro hết sức là một chàng thanh niên, theo kiểu tỉnh nhỏ, ứng khẩu một bài thơ về các khách nhảy; người ta liền gán luôn cho Tsitsikôp là tác giả những lời chế giễu thô tục ấy. Lòng phẫn nộ mỗi lúc một tăng; ở khắp mọi góc của phòng khách, nhân vật của chúng ta bị chửi rủa thậm tệ; và cô lưu trú học sinh tội nghiệp thế là bị tuyên án chung thẩm không được khống tố nữa. Một sự ngạc nhiên khá khó chịu nữa đang chờ Paven Ivannôvits. Trong lúc y thao thao bất tuyệt kể cho cô thiếu nữ đã mệt lử, hàng tràng câu chuyện nhỏ xảy ra ở nhiều thời kỳ khác nhau, và y sắp sửa trích dẫn cả Điôgen {*Điôgen (413-323): triết gia Cổ Hy Lạp, khinh thường mọi của cải và ước lệ xã hội, chỉ ở trong một cái thùng và giữa lúc đứng bóng, xách một cái đèn đi giữa đô thị để "tìm cho ra một con người"*} nhà triết học nữa; thì Nôzđriôp xuất hiện trong phòng nhảy. Hắn từ phòng để thức uống bước ra, hay là từ phòng khách màu lục dành riêng cho những kẻ thích những thứ cờ bạc còn nặng hơn đánh uyxt đi ra? Hắn tự ý xổng ra hay người ta tống cổ hắn ra? Dù sao, hắn cũng đi trở lại, mặt mày nhanh nhảu hết sức; và hình như cố nắm lấy tay kéo cho kỳ được ông chưởng lý, vì kẻ khổ sở này cau đôi lông mày rậm lại và rõ ràng là cố tìm cách tháo thân, tránh việc ôm ấp thân mật nhưng khó chịu ấy. Để cho khỏe khoắn, Nôzđriôp đã nốc hai cốc trà pha rum rất đậm và đang nói huyên thiên, liến thoắng. Vừa thoáng thấy hắn từ xa, Tsitsikôp đã đoán trước là cuộc gặp gỡ sẽ chẳng có gì hay ho; y liền quyết định làm một việc hy sinh, nghĩa là chuồn tức khắc. Không may, y lại chạm phải quan tỉnh trưởng; ngài nói là rất vui mừng vì đã tìm ra được Paven Ivannôvits và nhờ y làm trọng tài trong một cuộc tranh luận giữa ngài với hai phu nhân về lòng

chung thủy trong tình yêu của phụ nữ. Nhân cơ hội này, Nôzđriôp xô đến tóm lấy Tsitsikôp.
- A! A! Nó đây rồi, lão đại điền chủ tỉnh Kherxôn! Hắn hét lên trong khi một trận cười dữ dội làm rung cả đôi má tươi như hoa hồng mùa xuân của hắn. Thế nào, cậu mua có được nhiều người chết không? Hắn lại quay về phía quan tỉnh trưởng mà nói vang vang như thổi kèn: - Đại nhân, thử tưởng tượng, là ông đây đi mua nông phu chết! Xin thề danh dự! Này, Tsitsikôp ạ, chỗ bạn bè thân thiết - chúng mình chẳng phải bạn thân là gì? - Và trước mặt Đại nhân đây, tớ nói thật với cậu là cậu chỉ đáng được treo cổ. Tsitsikôp chẳng còn biết chui vào đâu nữa.
- Đại nhân có tin được không nhá, - hắn lại nói tiếp, - khi nó bảo tôi bán nông phu chết cho nó, tôi suýt ngoẻo vì cười! Thế mà bây giờ, tôi được biết những gì? Rằng ông đã mua được những ba triệu rúp nông phu, nói là dân khai hoang? Nhưng đúng là nó muốn mua của tôi người chết! Này, Tsitsikôp, cậu là đồ súc sinh, thề danh dự, đồ súc sinh thực sự! Tớ nói với cậu trước mặt Đại nhân đây… Có đúng không nào, chưởng lý?
Ông chưởng lý, Tsitsikôp và cả tỉnh trưởng đều hoảng hốt, không còn biết ăn nói làm sao nữa. Nôzđriôp vẫn trơ trơ tiếp tục cái giọng say rượu:
- Không, bạn già ơi, tớ không thả cậu ra đâu, cho đến khi cậu nói thật với tớ là cậu muốn mua nông phu chết để làm gì? Này, Tsitsikôp; về phần cậu như thế chẳng nhã tí nào đâu! Cậu chẳng có thằng bạn nào thân bằng tớ đâu nhá, tớ nói thật với cậu trước mặt Đại nhân đây… có đúng không, chưởng lý? Đại nhân không thể tin được là chúng tôi keo sơn với nhau đến như thế nào. Xin thề là hiện tôi ở trước mặt Đại nhân đây, giá ai hỏi tôi: "- Nôzđriôp, nói có lương tâm, mày thích bố mày hơn hay Tsitsikôp?" - Tôi sẽ trả lời không do dự: "- Tsitsikôp!..." Này, quả tim của tớ ơi, tớ phải hôn cậu một cái. Đại nhân cho phép, tôi hôn nó. Đừng làm cái mặt ác như thế, Tsitsikôp; cho tớ thơm nhẹ lên cái má xinh xinh trắng như tuyết của cậu tí. Nôzđriôp và cái hôn được hoan nghênh đến nỗi anh chàng suýt ngã sóng soài.
Mọi người đều lãng ra; chẳng ai nghe hắn nói nữa. Tuy vậy, câu

chuyện nông phu chết của hắn đã được kể to và kèm theo một trận cười lớn đến nỗi làm cho những người ở xa nhất cũng phải chú ý. Nghe cái tin lạ lùng ấy, trên tất cả mọi bộ mặt đều hiện lên một vẻ dò hỏi ngây ngô. Nhiều vị phu nhân trao đổi với nhau những cái nhìn tinh quái, Tsitsikôp bắt gặp mà rất khổ tâm; y lại càng luống cuống thêm vì thấy trên nhiều bộ mặt lại bắt đầu có cái vẻ khả nghi nữa. Dĩ nhiên, mọi người đều xem Nôzđriôp là một tên nói khoác hạng nặng, và người ta đã từng nghe hắn tuôn ra nhiều điều vô lý khác; nhưng những kẻ phù sinh xưa nay vốn rất lạ lùng. Một kẻ vừa nghe được một câu chuyện ngồi lê đôi mách phi lý nào đấy, liền tức khắc kể lại cho một người khác, dù chỉ là nói để mà nói: "- Xem họ phao đồn những điều dối trá đến như thế đấy!". Người kia, vểnh tai lên, tán thành: "- Vâng, bác nói có lý quả là một chuyện nói dối khủng khiếp!..." và hắn ta chẳng còn có việc nào cần kíp hơn là mang câu chuyện truyền cho một người thứ ba, để có thể cùng với người ấy kêu lên, trong một mối phẫn nộ cao thượng: "- À! À! Lời nói dối ghê tởm!". Cứ như vậy, câu chuyện nhảm đi vòng quanh thành phố; và tất cả mọi người, sau khi đã no nê, bèn tuyên bố rằng câu chuyện không có gì đáng để ý cả.

Việc xảy ra, bề ngoài tuy nhỏ, cũng làm cho nhân vật của chúng ta đau đớn khó chịu; dù vô lý đến đâu, những lời nói của một thằng ngu, đôi khi cũng có thể làm cho một người tài trí phải bối rối; y thấy khó chịu, tựa hồ đôi giày đánh xi bóng của y bị lấm đầy bùn. Y cố quên đi, cố tự khuây khỏa; y ngồi vào một bàn đánh uyxt, nhưng đi lầm hết nước này đến nước khác. Y đánh theo đối phương hai lần và người phe y đánh ba lần một quân bài, y bèn mạnh dạn cắt ngang chứ không bỏ quân bài xấu đi.

Ông chánh án, vẫn cho y là tay cao bài, không tài nào hiểu được tại sao Paven Ivannôvits lại có thể đem cho người ta chặt đầu một con K pic mà ông ta tin tưởng như tin tưởng vào Chúa Trời nhân từ {*Kiểm duyệt sửa lại: như tin tưởng vào một thành quách kiên cố...*}. Dĩ nhiên, ông giám đốc bưu vụ, ông chánh án, cả ông cảnh sát trưởng nữa, đều đùa như thường lệ: rằng quả tim Paven Ivannôvits đã bị thương rồi và họ biết ai đã bắn nó rồi. Dù y muốn tươi lên đến mấy đi nữa, câu đùa ấy vẫn không làm cho y bớt nhăn

nhó được. Trong lúc ăn khuya, y không nhìn thấy cả đĩa ăn của mình; dù giới xã giao ở đây rất dễ chịu và Nôzđriôp đã bị tống ra cửa từ lâu rồi, vì các phu nhân nhận thấy thái độ của hắn quá nhơ nhuốc. Trong khi khách đang nhảy điệu côtizôn, hắn đã dám ngồi bệt xuống đất để kéo đuôi áo của các khách nhảy đàn ông là gì? "- Thật không thể quan niệm được!" các phu nhân nói thế.
Bữa ăn khuya rất vui. Giữa những giá cắm nến ba cành, những chậu hoa, những dãy chai lọ, những đĩa có chân đựng bánh kẹo; các bộ mặt đều biểu lộ vẻ bằng lòng hết sức. Phu nhân, sĩ quan, văn quan tỏ ra khả ái đến nhạt nhẽo. Các sĩ quan kỵ binh đứng dậy giật lấy các món ăn từ tay người hầu để đem hiến các phu nhân rất khéo léo. Một ông đại tá để lên mũi kiếm một đĩa đầy thức ăn dâng bà khách ngồi cạnh. Vừa nuốt lắm cá và lắm thịt - rưới tương hạt cải đến khủng khiếp những kẻ quá niên, trong số đó có Tsitsikôp, vừa tranh luận những vấn đề mà ngày thường vẫn làm cho y thích thú; nhưng đêm nay, y nom tựa một khách lữ hành kiệt sức, không thể nào tập trung tư tưởng chú ý nghe bất cứ một điều gì. Y cũng chẳng chờ cho xong bữa ăn, và ra về sớm hơn ngày thường nhiều. Trong cái buồng khá quen biết với bạn đọc, trong cái buồng có cánh cửa do một cái tủ ngăn chặn lại và có lắm gián nhung nhúc ở các góc, Tsitsikôp để rơi mình phịch xuống chiếc ghế bành và tâm trạng của y cũng khá lung lay chẳng kém gì cái ghế. Y khó chịu một cách bông lông và có một cảm giác trống rỗng nặng nề.
Y cầu nhầu: "- Quỷ bắt hết những vũ hội và bọn bày ra cái trò giải trí ngu ngốc ấy đi! Có gì mà vui sướng lắm thế: mất mùa, đời sống đắt đỏ, thế mà bọn họ chỉ nghĩ đến nhảy nhót, phô trương đồ trang sức! Một con mẹ ngốc như thế đeo lên lưng phải tới nghìn rúp; giỏi thật! Lấy gì để trả tất cả những thứ ấy? Tô chứ gì, hay tệ hơn nữa là thằng chồng phải gánh lấy bằng cách bán rẻ lương tâm đi. Vì sao mà ta ăn hối lộ, nếu không phải là để cho vợ ta sắm nào là khăn san, nào là váy thúng {*Váy xòe rộng thùng thình, bên trong phải có cốt nan để căng lên cho thật to*}, nào là những vật trang sức hão khác mà ta không biết hết tên? Để cho một con mụ cay nghiệt nào đấy không đi kháo được rằng vợ lão giám đốc bưu vụ ăn mặc diện hơn bà vợ thân yêu của ta, thế là ta nhả ngay ra tức khắc một nghìn

rúp! Thiên hạ ca tụng vũ hội là vui vẻ; láo toét! Cái sự phát minh vô lý ấy không hợp với tinh thần lẫn khí chất Nga. Sao? Một người đã đứng tuổi, ra chỗ công khai, mặc toàn màu đen, bó sát lấy người như con quỉ, lại nhảy nhót nữa mà lại không biết xấu! Có cả những người trong khi nhảy như đồ dê rừng, lại dám mở mồm nói những chuyện nghiêm trang… Toàn là trò khỉ cả! Ra người Pháp bốn mươi tuổi đầu mà vẫn trẻ con như mới mười lăm, thì ta cũng phải bắt chước họ à! Thật tình thì sau mỗi vũ hội là mình cứ tưởng như lại một lần phạm tội và mình phải vội vàng quên phắt nó đi. Ra khỏi đấy là đầu óc mình trống rỗng như sau một buổi nói chuyện với một người trong giới thượng lưu: con người hoạt bát lướt qua đủ mọi vấn đề, khoe những đoạn sách vụn vặt đã đọc, lòe anh bằng tài bẻm mép; nhưng từ những câu rỗng tuếch của hắn, anh chẳng rút ra được chút lợi lộc nào và anh sẽ thấy ngay là một câu chuyện nhỏ nhặt đến đâu với một người buôn bán, chỉ biết có việc mình, nhưng mà biết đến nơi đến chốn, cũng giá trị gấp trăm lần tất cả những chuyện nhảm nhí ấy… Nói thật, người ta có thể đi tả vũ hội? Nếu một nhà văn mà đi tả vũ hội thì nó cũng chẳng hơn lên được tí nào. Vũ hội hợp với đạo đức hay là vô đạo đức? Chẳng làm thế nào mà biết được, người ta sẽ ném cuốn sách đi với một mối ghê tởm?"

Bằng bài công kích ấy, Tsitsikôp đánh lừa nỗi tức giận của mình. Sự thật thì y tức giận các cuộc vũ hội ít hơn là tức mình, tức cái vai trò không rành mạch mà y đã đóng. Bình tĩnh mà xét mọi việc, y thấy rõ rằng trận chửi rủa của Nôzđriôp không thể đưa đến hậu quả gì; những lời nói ngu xuẩn không thể làm hại y được, nhất là bây giò công việc đã xong xuôi cả rồi. Nhưng mà con người ta vẫn là một con vật kỳ dị. Sự hiềm khích của những người mà y chẳng quí mến gì, mà y nguyền rủa cái tính bông lông, nhẹ dạ, đối với y vẫn là nặng nề; y lại phải tự thú rằng chính y đã phần nào gây ra nó và điều ấy lại càng làm y sôi gan thêm. Tuy vậy, y không tự giận mình và tác giả cũng không thể vì thế mà trách y được! Tất cả chúng ta ai cũng có nhược điểm là mình thì cứ chừa ra mà lại trút hết tức giận lên những người gần mình: vợ con, tùy thuộc, đày tớ hay cả cái ghế của mình nữa; nó bị ném đi cho quỉ sứ và đến đập

vào cánh cửa gãy tan! Tsitsikôp cũng vậy, cũng tìm được ngay kẻ để trút cơn thịnh nộ của y: Nôzđriôp bị đả cẩn thận. Có lẽ chưa bao giờ có một tên xỏ là trưởng thôn hay phu trạm nào mà bị chửi rủa dữ dội đến thế, dù là bị một lão cáo già đại úy, - hay tướng quân đi nữa, - chửi không những đủ các câu thô tục cổ điển mà còn kèm thêm những lời lý thú do chính hắn sáng tạo nữa. Tất cả họ hàng của thằng cha quí tộc nhà quê bất hạnh ấy cũng bị đả lây và nhiều bậc ông, bà của hắn cũng bị lôi ra hành hạ.

Trong khi Tsitsikôp ngồi ở chiếc ghế bành cà khổ, trước một cây nến, phủ cái chụp đèn, mà từ lâu bấc đã gần lụi; trong khi y không ngủ được, mãi bị những tư tưởng đen tối ám ảnh và luôn mồm chửi rủa Nôzđriôp và gia đình hắn, không để đâu cho hết; trong khi đêm tối lùi dần trước ánh bình minh sắp đến, còn ngoài nhòm y qua cửa sổ; trong khi xa xa tiếng gà đã cất lên và qua những phố phường còn yên giấc, có lẽ một kẻ khốn cùng nào đấy, mà thân phận cũng khả nghi, đang đi tản bộ, và chỉ biết có độc một con đường mà than ôi! Những kẻ người Nga chè chén rất hay lai vãng; trong khi ấy thì ở đầu kia thành phố đang xảy ra một việc có thể làm cho các tình cảnh bực mình củ Tsitsikôp càng nặng nề thêm. Qua những phố hẹp và hẻo lánh, một chiếc xe vừa đi vừa rên, một thứ xe khó mà gọi bằng cái tên gì cho đúng được: nó không giống một chiếc tarantax {*Tarantax là xe đi đường trường, hòm xe đặt trên những cây xà dài và có thể uốn được*}, một chiếc koliaxka {*Koliaxka là xe bốn bánh có mui có thể căng lên và gấp lại*}, một chiếc britska, bằng một quả dưa hấu bụng phễnh đặt trên bốn bánh. Hai sườn của quả dưa hấu, tôi muốn nói các cửa xe, còn mang vết sơn vàng, và không đóng kín được vì khóa và nắm tay vặn đều hỏng cả, phải lấy dây thừng buộc lại. Quả dưa hấu ấy nhét đầy những gối, đệm, gối ngang đầu giường bằng vải bông, và chất lủng củng những bao đựng đủ thứ bánh mì, bánh sữa, bánh đa, bánh khô và trên cùng là một súc patê gà và một súc patê cá. Một người đầy tớ mặc áo vét tông vải tréo go, bộ râu cằm đã hoa râm và rối bù, bám vào sau xe. Tiếng kĩu kịt của những bản lề và trục xe han gỉ làm người canh đêm, ở tận đầu kia thành phố, chợt thức giấc; hắn liền nhấc cây kích lên, rán hết gân cổ hét: "Ai?" Nhưng chẳng thấy ai cả mà chỉ

nghe có tiếng ầm ầm từ phía xa xa, người bảo vệ trị an ấy bèn bắt lấy, chẳng hiểu một con bọ gì ở trên cổ cái áo rộng thùng thình; đem soi dưới ánh một ngọn đèn lồng, rồi lấy móng tay giết chết. Công vụ ấy hoàn thành, hắn mới đặt vũ khí xuống và ngủ lại tức khắc theo đúng kỷ luật trong hiệu quân của hắn.
Mấy con ngựa thắng vào chiếc xe cà khổ, mỗi lúc lại bước hụt; đã từ lâu chúng chưa được đóng móng và chắc là chúng cũng chưa được làm quen với đá lát đường êm ru của các thành phố. Sau khi rẽ nhiều lần, chúng đi vào một phố hẹp, tối om, chạy men cái nhà thờ xứ Thánh Nikôlai nho nhỏ và dừng lại trước nhà ở của giáo sĩ. Một người đày tớ gái quấn khăn quàng cổ, mặc áo nịt, nhảy xuống và nắm tay đấm thình thình vào cổng, khỏe chẳng kém một anh đàn ông, (người hầu trai mặc áo vét tréo go thì ngủ như chết, sau đó phải kéo chân hắn mới dựng được hắn đứng dậy khỏi ghế xe). Tiếng chó sủa vang; sau cùng cổng mở và khó nhọc lắm mới nuốt được chiếc xe xấu xí vào. Vào trong sân, ngổn ngang những đống gỗ, chuồng gà và đủ các thứ nhà con con, một người đàn bà bước xuống xe: đó là người quen cũ của chúng ta, bà Kôrôbôtska, trang chủ và vợ một ông thư ký bộ. Sau khi Tsitsikôp đi mấy hôm, bà lão thật thà cứ nghĩ là đã bị y đánh lừa mà sợ khiếp lên. Sau ba đêm mất ngủ liền, bà ta quyết định, dù ngựa chưa đóng móng, cũng cứ lên tỉnh; bà ta muốn biết giá cả hiện thời của nông phu chết đích xác là bao nhiêu để được yên tâm là đã không bán nông phu của mình chỉ bằng một phần ba thời giá.
Việc bà Kôrôbôtska lên tỉnh có những hậu quả mà một câu chuyện giữa hai vị phu nhân trong tỉnh sẽ cho bạn đọc biết. Câu chuyện ấy… nhưng thôi, hãy để dành cho chương sau thì hơn.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 9

Một buổi sáng, rất sớm trước cái giờ quy định cho việc thăm viếng

ở N… từ một cái nhà gỗ màu da cam, có gác thấp và cột chống màu xanh, một phu nhân bước ra, mình mặc áo klôk {*Tác giả phiên âm từ* ***cloak****, của tiếng Anh*} kẻ ô; theo hầu có một người hành bộc mặc áo dài có nhiều cổ {*Những cổ ấy như những vải khoác thêm ngoài vai áo dài: áo như thế thường gọi bằng tiếng Anh là* ***carrick***} và đội cái mũ tròn, bóng, thêu kim tuyến. Vội vàng như lên cơn sốt, phu nhân nhảy vào chiếc kôliaxka {*Xe ngựa lịch sự thường dùng đi trong thành phố*} đang đợi trước thềm. Người hành bộc tức khắc đóng cửa xe, gấp cái bục xe; rồi bám vào các đai da, leo lên sau xe và bảo xà ích: "Đi!".

Phu nhân nóng nảy muốn tiết lộ một cái tin sốt dẻo vừa được biết. Chốc chốc phu nhân lại nhìn qua cửa xe, điên lên vì mới đi được có nửa đường. Đối với phu nhân, các nhà bên đường sao mà dài hơn ngày thường: cái tòa nhà đá trắng có cửa sổ hẹp là viện tế bần kia, mãi không chịu hết, làm phu nhân mỏi cả mắt, sốt cả ruột kêu lên: "- Cái nhà chết tiệt, nó không chịu hết nữa!" - Hai lần, xà ích được phu nhân ra lệnh: "- Nhanh lên, nhanh lên, Anđriuska! Hôm nay mà bò ra thế à!" Nhưng, sau cùng thì cũng đến đích.

Chiếc kôliaxka dừng lại trước một cái nhà một tầng, màu xám sẫm, cửa sổ có đường gờ trắng ở phía trên; quanh nhà là một hàng rào cao; giữa nhà và rào chỉ còn chỗ cho một mảnh vườn nhỏ xíu với mấy cái cây cằn cỗi, phủ bụi của phố phường, một lớp không bao giờ hết. Qua các cửa sổ, thấy những bình hoa, một con vẹt mỏ ngậm vào cái vòng tròn trong chiếc lồng mà đánh đu, và hai con chó nhỏ đang phơi mình ra sưởi nắng mà ngủ. Đó là nhà một người bạn rất quý của bà khách.

Tác giả rất lúng túng không biết đặt tên cho hai phu nhân như thế nào để khỏi gây ra những trận lôi đình như ngày trước {*Bản thảo đầu tiên viết rõ là:* ***những trận lôi đình do kịch "Quan thanh tra"***

và các tội lỗi khác gây ra}. Tác giả không dám cho họ những cái họ, tên bịa đặt. Tạo ra một cái họ là việc nguy hiểm: dù anh có đặt nó lạ lùng đến đâu đi nữa, thì bao giờ, trong một góc nào đó của đất nước bao la của chúng ta, cũng có một kẻ nào đấy mang đúng cái họ như thế. Và thế là cái người nào đấy tự lấy làm nhục, thù anh không đội trời chung, cho rằng anh đã cố tình đi đến tận nơi họ ở để do thám họ, tìm cho ra họ là ai, xem họ mặc chiếc tulup bé như thế nào, họ đi lại với bà Agrafêna Ivanôpna nào, họ thích ăn món gì. Gọi người ta bằng phẩm hàm lại càng nguy hơn nữa; cầu Chúa che chở cho tôi! Thời buổi này, tất cả các vị ấy đều dễ tức giận, đến nỗi xem mỗi câu in ra là một cuộc công kích cá nhân họ. Viết rằng thành phố nào đấy, trong số cư dân có một người ngốc; tức thì một nhân vật, có vẻ đáng kính, kêu lên ngay: "- Tôi cũng ở đấy; vậy thì tôi là một thằng ngốc!".

Để tránh những nỗi khó chịu ấy, ta gọi bà chủ nhà là *phu nhân yêu kiều về mọi phương diện*. Gần hết mọi người trong thành phố đều gọi bà ta như vậy, và bà ta được cái tên ấy rất chính đáng, vì chẳng có việc gì mà bà bỏ qua không làm để xứng với cái tên ấy. Tuy vậy, qua vẻ nhã nhặn của bà ta, vẫn lộ ra cái ác ý rất đàn bà; những lời nói dễ ưa của bà ta thường che đậy những mũi nhọn châm chích; và nguy thay cái người bạn thân nào dám tranh nhau với bà ta cái địa vị đứng đầu mọi người! Nhưng tất cả các thứ ấy đều được khéo léo che giấu dưới những bề ngoài lịch thiệp mà tỉnh nhỏ rất ưa thích. Bà ta làm duyên, làm dáng trong tất cả mọi cử chỉ; bà ta thích thơ; biết cả cách lấy những dáng điệu mơ mộng với cái đầu hơi nghiêng nghiêng; và mọi người đều nhận rằng bà ta *yêu kiều về mọi phương diện*.

Bà khách đến thăm không có được lắm đức tính về nhiều mặt như thế; vì vậy chúng ta chỉ gọi đơn giản là *một người đàn bà yêu kiều*. Bà ta đến làm cho hai con chó nhỏ phơi mình ra nắng ngủ, phải thức giấc: Ađen {*Phiên âm **Adele**, một tên thánh bằng tiếng Pháp,*

để đặt cho phụ nữ} lông xồm, lúc nào cũng vướng víu trong bộ lông và Pôpuri {*Phiên âm* ***Pot pouri****, tiếng Pháp, tên món hầm thập cẩm gồm nhiều thứ thịt*}, chân ngắn ngủn. Cả hai con, đuôi xoắn ruột gà, chạy xổ ra phòng áo, cắn lên ăng ẳng. Ở đấy, bà khách bỏ áo klôk và hiện ra với một chiếc áo dài, mà từ vải đến màu, đều rất đúng thời trang; cổ quấn một con trăn dài {*Da con trăn đã thuộc, dùng làm khăn quàng cổ*}; mùi nước hoa nhài tỏa ra khắp căn phòng. Vừa nghe báo phu nhân yêu kiều đến là phu nhân yêu kiều về mọi phương diện vội chạy ra. Hai người nắm lấy tay nhau, ôm nhau hôn, kêu lên những tiếng vui sướng như đôi bạn cùng ký túc xá, mà các bà mẹ của họ chưa cắt nghĩa cho biết rằng bố cô này không giàu bằng và phẩm hàm thấp hơn bố cô kia một trật. Sau một cái hôn rõ kêu làm cho hai con chó lại sủa; và vì thế mà chúng bị quật một cái với chiếc mùi soa; các phu nhân của chúng ta bước vào phòng khách; dĩ nhiên là phòng khách màu xanh, bày một chiếc ghế dài có lưng dựa, một cái bàn bầu dục và cả một bức bình phong trang trí bằng dây trường xuân {*Một thứ cây leo bao giờ cũng xanh tươi, được xem như biểu tượng của tình thương yêu không thay đổi*}; Ađen lông xồm và Pôpuri chân ngắn cũng theo vào, vừa đi vừa gầm gừ.

- Ngồi đây, ngồi đây, ở cái góc con này; bà chủ nhà vừa nói vừa chỉ cho bạn một góc của chiếc ghế dài. Thế! Tựa vào cái đệm này. Vừa nói, bà ta vừa để vào sau lưng bạn một cái đệm kiểu bức thảm, thêu một chàng kỵ sĩ mũi hình bậc thang, và mồm vuông, như vẫn thường thêu ở những đệm, thảm kiểu này.

- À ra chị, em sung sướng quá! Nghe tiếng xe đi đến, em không biết ai mà tới thăm em sớm thế này. Con Prasa quả quyết: "- Bà phó tỉnh trưởng đấy ạ!". Em phải kêu lên: "- Lại cái con mẹ thộn này nữa! Bực quá đi mất!" và em đã muốn bảo nó nói là em đi vắng…

Khách vừa mở mồm báo cái tin trọng đại, thì một tiếng thốt lên của phu nhân yêu kiều về mọi phương diện làm cho câu chuyện chuyển sang một hướng khác.

- Cái vải bông này tuyệt quá nhỉ! Chủ nhân kêu lên khi ngắm cái áo của phu nhân yêu kiều.

- Tuyệt chứ nhỉ! Thế mà Praxkôvia Fiôđôrôpna lại cho là các ô kẻ to quá, và giá những cái chấm mà xanh nhạt thì đẹp hơn màu hạt dẻ này. Em vừa gửi cho chị em một thứ vải, xinh xinh là, hết sức là tuyệt diệu! Không tài nào tả được. Chị thử tưởng tượng xem nhá: nền xanh da trời, kẻ những đường thanh, thanh thanh là, đến cái mức mà chị không tưởng tượng được nữa, và xen vào giữa các đường kẻ là những con mắt và những cái chân, những cái chân và những con mắt… Thật là có một không hai! Chưa ai bao giờ thấy cái gì đẹp đến thế trên đời này!
- Nhưng thế thì lòe loẹt quá, chị ạ!
- Chẳng lòe loẹt tí nào.
- Lòe loẹt chứ!...
Nên chú ý là phu nhân yêu kiều về mọi phương diện, có khuynh hướng thiên về chủ nghĩa duy vật, về hoài nghi, về phủ nhận và từ chối không công nhận rất nhiều thứ. Sau khi đã cắt nghĩa cho bạn một cách không thể cãi lại được là thứ vải ấy không lòe loẹt; phu nhân yêu kiều bỗng thốt lên:
- Nhân tiện, em mừng chị; bây giờ chẳng ai mặc váy viền đăng ten nữa!
- Sao, không mặc nữa à?
- Bây giờ, mốt mới là viền hoa cơ.
- Viền hoa, nom chả ra gì!
- Vâng, viền hoa, chỉ toàn là viền hoa thôi nhá: viền hoa lên áo choàng, viền hoa lên ống tay, viền hoa lên cầu vai, viền hoa lên gấu áo, đâu đâu cũng viền hoa cả.
- Đâu cũng viền hoa cả thì ra cái gì, Xôfia Ivanôpna ạ!
- Đẹp chứ, Anna Grigôriepna: đẹp tuyệt. Người ta viền hai đường, lại thêu đè một đường nhỏ lên trên. Nhưng cái này còn làm chị ngạc nhiên hơn nữa… Này nhá, chị không thể tin là tai chị đã nghe rõ hơn nữa cơ… ngày nay người ta mặc áo cánh dài hơn trước nhiều, phía ngực nhọn hẳn lên, cái gọng căng bộ ngực lên cao quá mọi người giới hạn; váy thì gấp nếp như thời váy thúng, đằng sau lại độn thêm bông cho căng phồng lên; thế là người ta thành ra *ben-fam* {*Phiên âm* ***belle femme****, tiếng Pháp nghĩa là đàn bà đẹp*} hoàn toàn rồi nhé.

- Thế thì quá lắm đấy, tôi nói thật; phu nhân yêu kiều về mọi phương diện vừa nói vừa ngẩng đầu lên rất có phẩm cách.
- Đúng thế, quá lắm thật!... Phu nhân yêu kiều đáp lại.
- Dù chị nói gì thì nói, cái mốt ấy, em không bao giờ theo đâu.
- Em cũng vậy!... Thật không thể nào biết được là thời thượng có thể đi đến đâu!... Nói đùa thôi mà. Em có xin chị em đem cho một cái mẫu; con Mêlania nhà em đã bắt đầu khâu…
- Thế à? chị có mẫu à? Rõ ràng là bị xúc động, phu nhân yêu kiều về mọi phương diện thốt lên như thế.
- Có chứ… bà chị em đem đến cho một cái.
- Chị thân mến ạ… cho em mượn; em van chị đấy!
- Nhưng em lại đã hứa cho Praxkôvia Fiôđôrôpna… Nếu chị muốn thì để sau khi bà ấy dùng xong.
- Ai lại đi mặc áo thừa của Praxkôvia Fiôđôrôpna! Thật là lạ lùng, chị lại đi thích bọn người ngoại quốc hơn em chăng?
- Bà ấy là dì em.
- Dì à!... Phía đằng chồng à!... Không, Xôfia Ivanôpna ạ, mặc chị nói gì thì nói, em chẳng nghe nữa đâu… Thế là vô cớ chị làm nhục em đấy… Rõ ràng là tình bạn của em làm chị khó chịu; rõ ràng như thế; và chị muốn tuyệt giao.

Tội nghiệp, Xôfia Ivanôpna chẳng biết làm thế nào nữa; bà ta nguyền rủa tính khoe khoang, tính đa ngôn của mình và sẵn sàng lấy kim đâm cho nát bẹ, nát bét cái lưỡi tọc mạch ra.
Bỗng phu nhân yêu kiều về mọi phương diện hỏi:
- Thế còn con người đẹp trai của chúng ta ra sao rồi?
- A! Lạy Chúa! Chẳng biết tôi nghĩ cái gì thế này? Tôi đến đây là chỉ vì việc ấy thôi mà! Anna Grigôriepna ạ, chị có biết em đem đến cho chị cái tin như thế nào không?
Bà khách suýt đứt hơi, vì lời nói dồn dập, sẵn sàng đuổi theo nhau như một đàn chim ưng đang bay; chỉ có một người vô nhân đạo như bà bạn thân này mới dám ngắt lời bà.
- Cứ ca tụng nó đi, cứ tha hồ mà tâng bốc nó lên tận mây xanh đi; bà ta nói với vẻ linh hoạt quen thuộc; ngay cả điều ấy cũng không

cấm tôi đánh giá nó đúng giá trị của nó được! Thật là một thằng cha thảm hại, tôi sẽ nói thẳng vào mặt nó… thảm hại, thảm hại, thảm hại.
- Nhưng chị hãy để em kể cho chị nghe.
- Thằng cha ấy mà người ta cho là đẹp trai! Nói thẳng ra là xấu như ma. Cái mũi lại vô duyên thượng hạng.
- Chị cho phép, chị cho phép… Anna Grigôriepna thân mến ạ… chị để em kể hết… thật là cả một câu chuyện… như người ta nói, cả một "*ixtoa*" {*Trong câu này, những chữ* ***câu chuyện*** *là dịch theo từ Nga* ***istôria*** *có nghĩa là câu chuyện bình thường, còn* ***ixtoa*** *là chữ* ***istoar*** *của tác giả phiên âm từ Pháp* ***histoire****, có nghĩa là chuyện rắc rối*}! Bà khách nói giọng van lơn.

Nhân tiện cũng chú ý là hai phu nhân cứ điểm vào những câu nói của họ nhiều thành ngữ nước ngoài và cả những câu dài tiếng Pháp nữa. Nhưng, dù có tin tưởng rằng tiếng Pháp rất có ích lợi ở nước Nga đến mấy đi nữa; dù có hết sức tôn trọng cái tập quán yêu nước, khiến xã hội thượng lưu của chúng ta, ngày đêm, bất cứ lúc nào, cũng nói năng bằng thứ tiếng ấy; tác giả vẫn không thể quyết định đưa vào bản trường ca Nga này một câu ngoại ngữ nào cả. Vì vậy chúng ta cứ tiếp tục bằng tiếng Nga.
- Câu chuyện gì ạ?
- Ôi, chị ơi, Anna Grigôriepna ơi; chị không thể tưởng tượng được là em hoảng hốt đến thế nào! Chị nghĩ xem, em vừa được bà vợ ông Prôtôpôp đến chơi, chị biết chứ, bà vợ Cha Kyrin ấy mà… Cái con người hòa nhã ấy, kẻ lữ khách ấy, là người thế nào?
- Sao? Hắn tán cả vợ ông Prôtôpôp à?
- Ôi, Anna Grigôriepna ạ, tán tỉnh thì còn là khá! Chị hãy nghe câu chuyện vợ ông Prôtôpôp kể lại cho em… Một chủ ấp quanh vùng này, bà Kôrôbôtska, đến tìm bà ta, hoảng hốt, mặt tái nhợt như người chết… và bà ta kể, chao ôi, bà ta kể! Nghe đây, chị này… Một cuốn tiểu thuyết thực sự. Giữa đêm khuya, cả nhà đang ngủ yên, bỗng có tiếng đập cổng, khiếp lên được, rồi tiếng kêu: "- Mở ngay, mở ngay, không chúng ông phá cửa ra bây giờ!" Thế nào?

Chị nghĩ sao? Chị nghĩ ra sao về cái con người đẹp đẽ ấy?
- Thế cái mụ Kôrôbôtska ấy trẻ chứ? Xinh chứ?
- Chẳng trẻ, chẳng xinh chút nào! Một bà lão mà!
- A, tuyệt! Hắn lại kiếm chác cả bà lão nữa cơ đấy! Các phu nhân của chúng ta quả thật là có con mắt tinh đời: họ khéo vớ được người mà phải lòng!
- Không phải đâu, Anna Grigôriepna ạ; chị chưa đoán ra! Chị thử tưởng tượng là hắn đến gặp bà ta, gươm súng đeo suốt từ đầu đến chân, đúng kiểu Rinanđô Rinanđini {*Rinanđô Rinanđini là tên một nhân vật kẻ cướp trong tiểu thuyết của người đức Phunpiux, bấy giờ đang nổi tiếng khắp châu Âu. Được xem là gương mẫu của tất cả mọi thứ truyện kẻ cướp và được xã hội thượng lưu Nga say mê*}; hắn ra lệnh: "Bán cho ta tất cả các nông phu chết của nhà ngươi". Kôrôbôtska trả lời phải chăng rằng: "Không thể bán được, vì chúng chết rồi." Hắn nói: "Không, chúng không chết; muốn biết chúng chết hay không là việc của ta." Rồi hắn thét lên: "Chúng không chết, không chết, không chết!". Tóm lại, hắn làm om sòm, khủng khiếp. Cả làng đổ xô tới; trẻ con khóc như ri; mọi người kêu la; chẳng còn nghe ra cái gì nữa, thật là orrior, orrior, orrior!... {*Phiên âm từ Pháp* ***horreur****, nghĩa là kinh khủng*}. Chị không thể tưởng tượng hết nỗi kinh hãi của em, khi nghe câu chuyện ghê gớm ấy. Con Maska phải bảo em: "Thưa bà, bà soi gương xem mặt bà mới xanh làm sao!" - "Tao không phải soi gương. Tao phải chạy ngay đến kể tất cả đầu đuôi cho bà Anna Grigôriepna nghe đây". - Thế là em bảo thắng ngựa; thằng xà ích Anđriusa hỏi đi đâu; em chẳng nói năng gì được, cứ nhìn nó sửng sốt; nó ngỡ là em điên. A! Anna Grigôriepna ạ, chị không thể biết được là em hoảng hốt đến thế nào!
- Cũng lạ thật, phu nhân yêu kiều về mọi phương diện nói; việc nông phu chết này nghĩa là thế nào? đây là lần thứ hai mình nghe nói đến; thế mà em cứ cho là Nôzđriôp nói nhảm, chẳng đâu vào đâu; nhưng thực ra ở trong chắc phải có điều gì đây!
- Anna Grigôriepna ạ, chị có thể hình dung được là nghe tất cả những chuyện khủng khiếp ấy, em hoảng sợ đến thế nào không. Kôrôbôtska lại nói: "- Tôi chẳng còn biết làm thế nào nữa. Tên

tướng cướp bắt tôi ký một tờ văn tự giả, ném vào mặt tôi mười lăm rúp; tôi là đàn bà góa, chẳng biết gì, chẳng nương tựa được vào đâu, tôi không hiểu được một chút gì gì cả". - Chao ôi là ghê gớm! Chị không biết là em kinh hãi đến thế nào.
- Dù thế nào đi nữa, những nông phu chết ấy cũng che giấu một cái gì đây!
- Em cũng nghĩ thế; phu nhân yêu kiều nói, không khỏi ngạc nhiên. Sốt ruột muốn biết bí mật của câu chuyện, bà ta hỏi ngay; nhưng làm ra vẻ không đả động gì đến chuyện ấy: - Thế chị nghĩ là chúng che giấu cái gì?
- Còn chị, chị nghĩ thế nào?
- Em ấy à?... Em thì hoàn toàn xin chịu.
- Chắc chị cũng phỏng đoán ra cái gì chứ?
Phu nhân yêu kiều chẳng biết trả lời thế nào. Rất dễ xúc động, nhưng không tài nào trình bày ra được một điều ức đoán nhỏ nào cho có nghĩa lý; cho nên hơn bất cứ ai hết, bà ta cần phải có những bạn thân và những lời khuyên nhủ.
- Vậy thì, em nói cho chị rõ những nông phu chết ấy là cái gì nhé… Phu nhân yêu kiều về mọi phương diện tuyên bố như thế.
Nghe vậy, bà khách mở thao láo đôi mắt, vểnh hai tai lên, nhỏm thẳng người dậy như là treo mình lơ lửng trên chiếc ghế dài; và dù cho thân hình có nặng đồng cân thật, cũng vẫn nom tựa chiếc lông hồng sẵn sàng bay theo một hơi thở nhẹ. Cũng nom tựa một người quý tộc Nga, rất mê chó và săn bắn, đang rình ven một cánh rừng, - nơi mà thợ săn vừa xua ra một con thỏ, - người cứng đờ trên ngựa, tay lăm lăm cái roi. Như một đống thuốc súng sẵn sàng bốc cháy, y phóng luồng mắt xuyên qua màn không khí đục; y biết là dù tuyết phủ cánh đồng, đã rắc lên môi, lên ria mép, lên mắt, lên lông mày và lên cái mũ lông hải ly của y những ngôi sao óng ánh bạc; dù tuyết có trút lên y tất cả cơn giận dữ phũ phàng; y cũng sẽ dồn cho con vật kiệt lực, rồi hạ thủ nó…
- Những nông phu chết… phu nhân yêu kiều về mọi phương diện lại nói tiếp.
- Làm sao? Làm sao? Bà khách rất xúc động vội ngắt lời chủ nhân.
- Những nông phu chết…

- À, lạy Chúa, nói đi!
- …Chỉ là mẹo lừa đấy thôi; thật ra, hắn muốn bắt cóc con gái ông tỉnh trưởng.
Cái kết luận thật là bất ngờ và kỳ quái về đủ mọi mặt. Nghe xong, phu nhân yêu kiều tưởng chừng đã hóa thành đá, mặt tái mét, xanh nhợt và kinh hãi một cách thực sự.
- Ôi, lạy Chúa tôi! Bà ta kêu lên, xúc động đến tột độ, thật là không bao giờ tôi dám ngờ.
- Còn em thì chị mới nói là em đã đoán ngay ra được việc gì rồi, phu nhân yêu kiều về mọi phương diện nói thế.
- Vậy bây giờ phải nghĩ thế nào về các ký túc xá của chúng ta đây, Anna Grigôriepna nhỉ? Thật là một nền giáo dục tốt đẹp! Nào xem cô nàng ngây thơ!
- Chao ôi là ngây thơ! Em đã được nghe nó nói những lời mà nhắc lại em cũng phải xấu hổ.
- Khiếp quá, Anna Grigôriepna ạ! Thật là ghê gớm khi nghĩ tới việc con người ta có thể vô luân lý đến như thế nào.
- Tất cả đàn ông đều say nó như điếu đổ. Thật chẳng biết là có cái gì ở con bé kia chứ… Kiểu cách, đến không chịu được ấy…
- À, không phải, Anna Grigôriepna ạ, nó là một pho tượng thực sự; mặt nó lạnh như đá.
- Kiểu cách quá! Kiểu cách quá! Lạy Chúa, kiểu cách quá! Không biết ai tập cho nó những cái méo mặt, méo mày ấy? Chẳng thấy ai õng ẹo đến như thế bao giờ.
- Chị thân yêu ạ, một pho tượng thôi mà, và tái mét như là xác chết ấy.
- À, đừng nói thế, Xôfia Ivanôpna ạ; nó đánh phấn hồng đến trâng tráo lên được.
- À, không phải, không phải, Anna Grigôriepna ạ. Nó chỉ là một cục phấn, một cục phấn, một cục phấn trắng tinh mà thôi.
- Chị ạ, em đã trông thấy nó rất gần: đôi má nó trát phấn hồng dày tới một tấc và rơi lả tả từng mảng như thạch cao. Mẹ nó làm đỏm nổi tiếng và con còn hơn cả mẹ!
- Xin phép chị, chị muốn thề gì thì thề; em xin vui lòng mất cả chồng, cả con, cả của cải, nếu nó bôi một tí tẹo phấn nào lên mặt!

- Ôi, chị nói gì vậy, Xôfia Ivanôpna; phu nhân yêu kiều về mọi phương diện vừa nói vừa vỗ hai tay vào nhau.
- Ôi, chị lại thế cơ à, Anna Grigôriepna! Em thật lấy làm lạ quá!
Lại đến lượt phu nhân yêu kiều kêu lên, và cũng vừa kêu vừa vỗ hai tay vào nhau.
Bạn đọc cũng không nên ngạc nhiên thấy hai phu nhân của chúng ta khác ý kiến nhau hẳn, về một đối tượng mà cả hai đều cùng trông thấy rất gần và gần cùng một lúc với nhau. Ở đời này có nhiều cái mà đặc tính là đối với phu nhân này thì trắng tinh, mà đối với phu nhân nọ thì lại đỏ thắm.
- Này, lại thêm một bằng chứng nữa là nó xanh lướt như cò bợ, phu nhân yêu kiều nói thêm; em nhớ là có nói với Manilôp ngồi cạnh em như thế này: "Ông nhìn xem, cô ta xanh quá nhỉ". Thế mà quý vị phu quân ngu ngốc của chúng ta lại mê mẩn tâm thần vì con nhãi ranh!… Còn cái anh chàng đẹp trai ấy! A, hắn không thể tưởng tượng được, Anna Grigôriepna ạ, là em tởm đến chừng mực nào.
- Thế mà lắm bà lại có biệt nhãn với hắn đấy!
- Em ấy à? Anna Grigôriepna ạ; về phần em, chị không bao giờ có thể nói như thế được; không bao giờ, không bao giờ.
- Nhưng em có định nói chị đâu; ở đời có phải chỉ có mình chị đâu.
- Không bao giờ, không bao giờ, Anna Grigôriepna ạ; xin phép chị, em biết rõ mình lắm; chị để dành lời trách ấy cho những người khác hay đóng vai đạo đức giả.
- Xin phép chị Xôfia Ivanôpna ạ! Chưa bao giờ em gây ra việc gì tai tiếng cả; em để dành việc ấy cho những kẻ khác…
- Sao chị lại phật ý? Trong vũ hội, có phải chỉ có một mình chị đâu… Chẳng phải người ta thấy có bà cướp lấy cái ghế gần cửa nhất để được ngồi cạnh hắn đấy à?
Mấy lời vừa nói ra đáng lẽ phải làm nổi lên một cơn phong ba; nhưng trái với tất cả mọi dự định, chẳng có gì xảy ra cả. Phu nhân yêu kiều về mọi phương diện thì chưa có cái mẫu chiếc áo hợp thời trang; còn phu nhân yêu kiều thì chưa biết những chi tiết về việc bí mật mà bà bạn thân mới tiết lộ; những điều suy nghĩ phải chăng ấy lập lại hòa khí ngay tức khắc. Vả lại trong thâm tâm, các phu nhân

của chúng ta chẳng độc ác tí nào đâu; nhưng tuy không thấy cần phải hại ai, họ vẫn không cưỡng lại nổi cái thú vô tình bắn những mũi nhọn vào người khác: "- Này, cho mày đấy, đớp lấy, đút túi, hốc đi!..." Lòng người thật đủ mọi thứ nhu cầu.
- Có điều em không thể hiểu, phu nhân yêu kiều lại nói, là làm sao mà Tsitsikôp chỉ là khách qua đây thôi lại dám liều làm một việc bắt cóc như thế? Chắc là hắn phải có đồng lõa chứ.
- Chị cũng nghi thế à?
- Nhưng mà ai, chẳng hạn?
- Ai nữa?... Trước tiên là Nôzđriôp.
- Nôzđriôp! Có thật thế không?
- Thằng cha ấy có thể được lắm chứ. Chị còn lạ gì, nó còn muốn bán cả bố nó đi nữa… hơn thế, đem bố nó ra đặt cược đánh bạc cơ mà.
- Ôi, lạy Chúa tôi! Chị cho em biết những tin thật là trọng đại. Không bao giờ em nghĩ ra rằng Nôzđriôp có dính líu vào cái vụ này!
- Còn em, em chẳng nghi ngờ một chốc lát nào cả.
- Chẳng còn cái gì mà người ta không thấy ở đời này nữa! Khi Tsitsikôp mới đến, ta có bao giờ ngờ rằng hắn sẽ làm lộn tùng phèo cả thành phố lên thế không? Ôi, Anna Grigôriepna ạ, giá chị biết việc ấy làm em hoảng hốt đến thế nào! Không có tình bạn của chị, sự ân cần của chị… thì em chết mất. Thấy mặt em tái đi, Maska bảo em: "- Thưa bà thân mến, nom bà nhợt nhạt như cái xác chết!", em đáp lại: "- Maska, chẳng phải nói đến việc ấy". Chao ôi, cái vụ này! Cả Nôzđriôp cũng dính vào đấy nữa!...
Phu nhân yêu kiều cố gạn hỏi những chi tiết chính xác về ngày giờ và những sự tình của vụ bắt cóc; nhưng không ăn thua. Phu nhân yêu kiều về mọi phương diện thú thật là không biết gì cả. Bà ta không biết nói dối. Bà ta chỉ ức đoán thôi; và như thế là được, vì đó là một việc khác hẳn; hơn nữa, ức đoán của bà phải căn cứ vào một lòng tin sâu sắc và trong trường hợp ấy thì bà ta không bao giờ rút lui lòng tin nữa; dù là một luật sư tinh thông, lão luyện nhất trong nghệ thuật thuyết phục, cũng chỉ mất toi thì giờ và công sức với bà ta thôi.

Trong óc hai phu nhân, giả thuyết chóng biến thành việc xác thực. Việc ấy không có gì đáng ngạc nhiên cả. Cái giới tự xưng là thông minh, cũng hành động chẳng khác thế chút nào; cứ xem những luận văn sâu sắc của các nhà thông thái thì biết. Mở đầu bao giờ cũng khiêm tốn, thận trọng. Nhà khoa học sợ đi sâu vào, rồi sau khó rút lui; ông ta tự đặt câu hỏi rụt rè: "Chúng ta đã lần đến được nguồn gốc chưa? Có phải tên của xứ này là do tên của mảnh đất kia mà ra không?", hay là: "Có phải tài liệu này thuộc về một thời kỳ sau chăng?" lại hay là: "Sau cái tên của bộ tộc này, có phải là có bộ tộc nào khác chăng?" - Thế là nhà khoa học của ta vội dẫn tất cả các văn hào cổ đại; khi mà tìm được hay tưởng rằng tìm được của tác giả ấy một lời bóng gió nào đó, có tí ti hơi hướng tới thuyết của mình, là y liền bạo dạn lên, xem các tác giả cổ đại là cùng vai, cùng vế; ra cho họ những câu hỏi; trả lời thay cho họ và hoàn toàn mất hết cái vẻ khiêm tốn của lúc mở đầu. Cái gì đối với y cũng rõ ràng, tất yếu, không thể bác được và y kết luận: "- Đúng thế; mọi việc đã diễn ra như thế; tên thật của bộ tộc ấy là thế; vấn đề phải quan niệm như thế!". Và thế là, y đăng đàn, công bố cái chân lý mới; rồi chẳng mấy chốc, chân lý mới ấy truyền đi quanh thế giới, đến đâu tuyển mộ thêm những kẻ tin tưởng cuồng nhiệt đến đấy.

Trong khi các phu nhân yêu kiều của chúng ta giải quyết thần tình như vậy một bài tính rắc rối đến thế; thì cái vẻ mặt kín như bưng, đôi lông mày rậm và con mắt hấp háy của ông chưởng lý hiện ra ở phòng khách. Các phu nhân vội vàng báo cho ông biết tin, kể cho ông nghe việc mua nông phu chết, vụ âm mưu bắt cóc và làm cho ông chưng hửng đến nỗi cứ đứng sững ra đấy như trời trồng, hấp háy con mắt trái, tay cầm chiếc mù soa phủi phủi thuốc lá vướng trong chòm râu cằm, và chịu chết, chẳng làm sao hiểu được lấy một tiếng chết tiệt nào trong những lời líu tíu của hai phu nhân. Đôi bạn gái liền bỏ mặc ông ở cái tư thế ấy và chạy đi, mỗi người một phía, đảo lộn thành phố lên như một cuộc cách mạng. Các bà thành công quá sức tưởng tượng; chỉ sau nửa giờ là nhân tâm xao xuyến cả lên, tuy chẳng hiểu tí gì về đầu đuôi cái việc ấy cả. Câu

chuyện họ kể rối như tơ vò, làm sửng sốt tất cả mọi người, bắt đầu từ các công chức; thoạt tiên, sự hoang mang của những người này làm ta liên tưởng tới vẻ ngơ ngác của một cậu học trò đang ngủ mà bị chúng bạn dậy sớm hơn, đút vào lỗ mũi một điếu thuốc lá sâu kèn, một *tên khinh kỵ binh*, như chúng thường nói. Với tất cả cái sức thở vào của người ngủ say, đứa bé hít cái liều thuốc, vùng dậy và ngơ ngác nhìn quanh, không tài nào hiểu nổi mình đang ở đâu, cũng như cái gì đã xảy đến cho mình. Rồi nó mới nhận ra những bức tường đã được ánh sáng rọi vào chênh chếch, tiếng cười của chúng bạn nấp trong các góc; qua cửa sổ nó nhận ra trời đã bừng sáng, cánh rừng đầy tiếng chim hót, con suối uốn lượn, dòng nước óng ánh bạc giữa những bụi lau, nơi bọn trẻ vui đùa như khuyên mời ta tắm mát; và cuối cùng mới thấy là chúng bạn đã đút vào mũi mình một *tên khinh kỵ binh* {*Kỷ niệm thời đi học của Gôgôn*}. Cái nỗi kinh hoàng đầu tiên của giới công chức và những cư dân khác ở N… đúng là như thế… Họ há hốc mồm, giương thao láo những đôi mắt ngờ nghệch như mắt cừu. Nông phu chết, con gái ông tỉnh trưởng và Tsitsikôp họp thành một mớ bòng bong trong đầu óc họ; cơn sửng sốt đầu tiên qua rồi, họ mới phân biệt được các thứ ấy; họ muốn hiểu rõ câu chuyện và chỉ bực mình vì không tìm ra được một sự giải thích nào hợp lý cả. Những nông phu chết ấy nghĩa là thế nào? Chẳng có chút lôgic nào trong vụ nông phu chết ấy cả. Nông phu chết thì mua làm gì? Và con gái ông tỉnh trưởng dính líu vào cái vụ này để làm gì? Nếu muốn bắt cóc cô ta thì mua nông phu chết làm gì? Và nếu muốn mua nông phu chết thì tại sao lại bắt cóc cô ta? Hay là y định biếu cô ta bọn nông phu chết? Những chuyện nhảm nhí đồn đại khắp phố phường! Quỷ sứ, tại sao người ta lại không thể thò mũi ra khỏi nhà mà không bị choáng váng vì những chuyện quái gở? - Tuy vậy, những tiếng đồn như thế mà được truyền đi thì không phải là không có lý do. Không có lý do sao? Có thể có lý do nào được trong vụ những nông phu chết? Chẳng có lý do nào cả; tất cả các thứ ấy đều chỉ là chuyện ba láp, chuyện nhảm nhí, chuyện láo toét; quỷ bắt anh đi! Cứ bàn ra tán vào, chẳng mấy chốc, mọi người chỉ nói đến những linh hồn chết và con gái ông tỉnh trưởng, đến Tsitsikôp và những

linh hồn chết, đến con gái ông tỉnh trưởng và Tsitsikôp. Trên thành phố nhỏ luôn luôn yên ngủ, một cơn phong ba kéo qua. Người ta thấy từ hang hốc chui ra những con sóc núi, những con baibak đã bao nhiêu năm, không hề bỏ áo ngủ và đổ nguyên do của sự lười biếng ấy cho anh thợ giày, anh thợ may vụng về đã làm hỏng giày, hỏng áo của họ, cho người xà ích luôn luôn say rượu. Người ta thấy tất cả những kẻ đã cắt đứt mọi quan hệ với đời, chỉ còn lui tới với các tay Zavalisin và các tay Pôlejaep, - tiếng rất thông dụng ở nước Nga chúng ta để chỉ việc ngủ say, nằm ngửa, nằm sấp; các tay Xôpiôp và các tay Khrapôvitxki - tiếng để chỉ những giấc ngủ say nằm nghiêng, nằm ngửa, những cái huýt sáo đằng mũi và ngáy, cùng các thứ phụ tùng khác nữa; tất cả những kẻ mà không một sự mời mọc nào có thể kéo ra khỏi nhà được, dù là để thưởng thức món xúp cá trứ danh, giá tới năm trăm rúp, nấu với những con cá chiên dài hai arsin, và kèm theo món *kulêbiaki* {***Kulêbiaki*** *là một thứ bánh bao nhân cá và trứng, món ăn rất được người Nga ưa thích*} cho vào mồm là cứ tan ra. Tóm lại, thành phố bỗng rộng lớn, trù mật, sầm uất như mọi thành phố biết tự trọng. Người ta thấy xuất hiện một lão Xyxôi Pafnutiêvits nào đấy; một lão Macđônan Karlôvits nào đấy mà không ai quen biết bao giờ cả; và ở các phòng khách thấy lui tới một thằng cha thô kệch, cao lêu nghêu, bị thương ở cánh tay; cao, cao đến nỗi chưa bao giờ thấy ai như hắn cả. Đủ các thứ xe từ thời hồng hoang: đrôjki, linêiki, đrêbezjanki, kôlexôxvixtki đổ ra, rền rĩ, kêu kèn kẹt khắp phố phường. Các cái lưỡi tha hồ phán. Ở lúc khác, trong những hoàn cảnh khác, có lẽ những chuyện như thế không làm cho ai lưu ý; nhưng mà thành phố N… đang đói tin tức từ lâu. Đã ba tháng rồi, chẳng ai đồn đại một tin nhảm nào, một cái *kommêraj* {*Phiên âm tiếng Pháp* ***commérage*** *nghĩa là chuyện ngồi lê đôi mách*} nào, như người ta nói ở các thủ đô! Mà tin đồn nhảm thì đối với một thành phố là không thể thiếu được, cũng như việc tiếp tế lương thực vậy. Hai dư luận, trái ngược nhau hoàn toàn, đã được thành hình; thành phố chia làm hai phe: phe nam giới, phe nữ giới. Phe nam, kém tinh khôn nhất, chỉ nghĩ đến nông phu chết. Phe nữ tập trung tất cả sự chú ý vào vụ bắt cóc con gái ông tỉnh trưởng. Cũng

phải nói để tuyên dương các bà là họ đã tỏ ra trật tự và khôn ngoan. Do bản tính, họ biết làm người nội tướng tốt - giải quyết đúng đắn mọi việc trong nhà - phe ấy đã chóng gỡ rối cho cái vụ này, cắt nghĩa ra, làm cho chính xác thêm, biến thành một bức tranh có đường nét cân đối.

Rõ ràng là Tsitsikôp mê gái từ lâu. Y gặp con gái ông tỉnh trưởng trong vườn, dưới ánh trăng; và cha nàng chắc cũng có thể gả con cho một kẻ giàu sụ như một người Do Thái; nhưng không may y lại là một kẻ bỏ vợ (họ làm sao mà biết Tsitsikôp đã có vợ rồi, chẳng ai biết vì sao cả). Vợ y, bị ruồng rẫy, nhưng vẫn mê y; có biên cho tỉnh trưởng một cái thư hết sức lâm ly; và trước sự từ chối chắc chắn của bố mẹ cô gái, Tsitsikôp mới quyết tâm bắt cóc nàng.

Câu chuyện còn lại lưu hành theo một thuyết khác nữa: Tsitsikôp chưa có vợ; nhưng là kẻ tinh quái, muốn ăn chắc, mới thắt chặt những quan hệ thân mật với bà mẹ; rồi bất ngờ quay sang hỏi cô con; lòng đầy hối hận và bị những lo ngại về tôn giáo giày vò, bà mẹ dứt khoát từ chối; thế là Tsitsikôp quyết định bắt cóc cô con gái.

Chuyện này có kẻ thêm thắt vào, có kẻ sửa chữa lại; càng vào sâu các hang cùng, ngõ hẻm, lại càng nhiều dị bản. Ở nước Nga, người thường dân thích biết bao những lời đồn đại ác khẩu của giới thanh lịch; người ta bàn tán, bình luận, thêu dệt thêm; trong cả những nhà mà xưa nay chưa từng gặp ai hay biết gì về sự tồn tại của Tsitsikôp hết. Câu chuyện mỗi lúc một đậm đà, một chính xác thêm. Khi nó đã được xây dựng hoàn thành rồi, tất nhiên là nó đến tai Bà lớn tỉnh trưởng. Với tư cách là người mẹ gia đình, là đệ nhất phu nhân trong thành phố, cuối cùng là một vị phu nhân, bà tỉnh trưởng không thể ngờ đến một điều ô nhục như thế; con người đáng kính ấy liền nổi cơn thịnh nộ, nổi trận lôi đình rất chính đáng. Cô thiếu nữ tóc vàng phải chịu một cuộc *tête à tête* {*Tiếng Pháp trong nguyên bản, có nghĩa là cuộc nói chuyện riêng giữa hai người*} với mẹ, khó chịu nhất, mà chắc là chưa bao giờ một cô gái mười sáu tuổi đã phải trải qua. Bị phủ đầu bằng những tràng chất vấn, trách móc, đe dọa, khuyên dỗ; cô gái tội nghiệp khóc sướt mướt mà chẳng hiểu một chữ chết tiệt nào trong trận chửi mắng ấy cả.

Người lính gác cổng được lệnh không cho Tsitsikôp vào dinh vì bất cứ lý do nào.
Công trình của họ hoàn thành về phía ấy rồi, hai phu nhân liền xô vào phe nam giới, cố kéo những người đối lập theo cách nhìn của mình: các nông phu chết chỉ là một mẹo lừa, cốt đánh lạc các mối nghi ngờ, để cho việc bắt cóc chắc chắn thành công. Họ thuyết phục được vài người, lôi họ về phe đàn bà; và không may cho những kẻ thay phe, đổi đảng ấy, các bạn chiến đấu cũ của họ liền gọi họ là đồ đàn bà tồi, đồ cái váy; những lời, như ta biết, là khá nhục đối với phái khỏe.
Vả lại, đàn ông có kháng cự cũng vô ích; phe của họ không có kỷ luật chặt chẽ như của nữ giới: cái gì của họ cũng rời rạc, thô lỗ, nặng nề, vụng về; ý kiến họ lừng khừng, lúng túng, mâu thuẫn, phản ánh sự trống rỗng của đầu óc họ, để lộ ra bản tính thô lỗ, lười biếng, hay thay đổi, luôn luôn sợ sệt, luôn luôn hoài nghi, không biết gì hết về nghệ thuật tổ chức, chẳng có chút nhiệt tình, chút tin tưởng nào. Họ cho rằng việc bắt cóc con gái ông tỉnh trưởng chỉ có thể là hành động của một tay khinh kỵ binh, không phải của một quan văn; và Tsitsikôp chẳng đời nào lại làm thế, đàn bà chỉ nói dối. Họ nhắc đi nhắc lại cái câu: *mụ nào, túi nấy*; óc đàn bà chẳng khác nào cái túi, ném gì vào là mang đi nấy. Chỉ có một điều duy nhất, cốt yếu, phải hết sức lưu ý, là việc mua nông phu chết. Còn bên trong mà có ẩn tình gì chăng thì chỉ có quỷ sứ mới biết được. Nhưng mà chắc chắn là phải có điều gì bí ẩn rất khó chịu đây.
Tại sao phải đàn ông tin là có điều gì bí ẩn khó chịu? Thì đây: Tỉnh này sắp có một quan tổng trấn {*Tổng trấn ở trên tỉnh trưởng, thường là quan võ và coi một tỉnh lớn hay nhiều tỉnh một lúc*} mới bổ đến cầm cân, nẩy mực; việc ấy làm cho tất cả các quan lại lo sợ. Việc bổ nhiệm này đem theo những việc quở mắng, khiển trách, huyền chức và những quà ngon khác mà các thủ trưởng cao cấp thường vui lòng thết đãi những thuộc viên. Họ nghĩ rằng: "Chẳng may mà ngài phong văn được những lời đồn đại bậy bạ trong thành phố này và nổi trận lôi đình; thì đối với tất cả chúng ta, đó là vấn đề sống hay chết vậy".
Viên thanh tra sở vệ sinh bỗng thất sắc; mấy tiếng *linh hồn chết* có

phải là chỉ những người chết khá đông trong một trận dịch sốt nóng, mà không một biện pháp nào do cấp trên đưa xuống đã được thi hành để phòng chống cả; và Tsitsikôp chắc là một phái viên của tổng trấn cử đi điều tra bí mật việc ấy. Ông ta thổ lộ nỗi sợ với ông chánh án. Ông này cho là chuyện hoang đường; nhưng lại đến lượt ông ta thất sắc và tự hỏi: nếu những nông phu mà Tsitsikôp mua là nông phu chết thật, thì việc này sẽ ra làm sao; chẳng phải ông ta đã nhận thực các văn khế bán người và tự mình đứng ra đại quyền cho Pliuskin là gì? Quan tổng trấn sẽ nói thế nào nếu ngài biết việc này? Ông ta chỉ cần nói một câu với người này, người nọ là đủ làm cho họ cũng thất sắc tức thì; dễ lây hơn bệnh dịch hạch, cái sợ truyền từ người này sang người khác chỉ trong nháy mắt. Mọi người đều tự tìm ra những tội lỗi mà họ không hề mắc phải. Mấy tiếng *linh hồn chết* mang đủ tất cả mọi thứ nghĩa mà trước kia không ai nghĩ đến cả. Người ta đi đến cả chỗ tự hỏi rằng có phải mấy tiếng ấy ám chỉ những người bị chôn quá vội vàng trong hai vụ mới xảy ra cách đây ít lâu không?

Vụ thứ nhất là vụ bọn lái ở Xônvưtsêgôđxk đến N… vào ngày phiên chợ; chúng thết bọn đồng nghiệp ở Ưxtxưtxônxk {*Xônvưtsêgôđxk và Ưxtxutxônxk: Hai quận lỵ trong tỉnh Viatka, tỉnh ấy là nơi có lẽ Gôgôn cho diễn ra tình tiết của* ***Những linh hồn chết***} một bữa tiệc theo kiểu Nga, điểm thêm những món phụ theo kiểu Đức: rượu đại mạch, rượu pơns, các thứ rượu mùi khác. Dĩ nhiên, theo thường lệ, bữa chè chén kết thúc bằng vụ ẩu đả. Lái ở Xônvưtsêgôđxk đả chết lái ở Ưxtxưtxônxk; mặc dù ở sườn, ở mấy nơi khác trên cơ thể chúng, còn rành rành những chứng tích về sức mạnh của các nắm đấm to quá khổ của bọn thiệt mạng. Một kẻ thắng trận ăn một quả đấm vào mũi, đến nỗi cả cái mũi dập tan và theo lối nói của bọn võ sĩ, thì cái mũi không còn có thể mặt nữa. Một cuộc điều tra được tiến hành. Những kẻ thắng trận nhận là đã đi quá mạnh và theo người ta nói, thì còn xin nhận lỗi, kèm theo bốn tờ bạc một trăm rúp. Vả lại, vụ này khá mờ ám: cuộc điều tra kết luận là bọn lái Ưxtxưtxônxk bị chết ngạt và người ta đem chôn họ như những người chết ngạt bình thường.

Vụ kia xảy ra trước đó ít lâu. Nông dân làng Vsivaia Xpex {*Nghĩa*

*là **Tự phụ. Lắm chấy rận***} thuộc lãnh địa hoàng gia, liên kết với nông dân thị trấn Borôpxki, cũng gọi là Zađirailôva {*Nghĩa là **Sinh sự***}, vừa khử tên cảnh sát hương thôn là viên trợ tá {*Trợ tá tiếng Nga là **zaxiêđaren**, là viên chức giúp quận trưởng cảnh sát trong việc làm bồi thẩm tòa án hương thôn, điều tra hình sự, thu thuế và trưng dụng xe cộ*} Đrôbiajkin. Cảnh sát, hay Đrôbiajkin thì đúng hơn, có thói đến thăm dân làng nhiều quá. Và những lần thăm viếng như thế nhiều khi tai hại hơn một trận dịch sốt nóng, vì theo lời nông dân thì thăm viếng chỉ có duyên do là viên trợ tá quá thèm vợ và con gái họ. Thật ra, người ta chẳng biết được điều gì rõ ràng cả; dù họ có nhận, trong lời cung khai, là đã nhiều lần cảnh cáo viên cảnh sát dâm đãng như một con mèo đực ấy, và đã có lần phải đuổi nó ra khỏi một cái izba mà nó lẻn vào, người trần truồng như con nhộng. Những việc dâm ô của viên cảnh sát là đáng trừng trị; nhưng nông dân mà tự tay xử hắn thì không thể tha thứ được. Tuy vậy, vụ ấy rất rối ren: người ta tìm được xác chết trên đường cái, quần áo rách tả tơi, mặt mày không còn nhận ra được nữa. Ra tòa, hết cấp này đến cấp khác; rồi vụ ấy được giao cho tòa án tỉnh lỵ; tòa này đem xử trong một phiên bí mật. Nông dân đông quá, không thể phân biệt ra hung thủ; vả lại những kẻ lương thiện ấy đều còn sống và cần được vụ kiện; mà trái lại Đrôbiajkin thì đã chết rồi, dù tòa xử thế nào thì đối với hắn cũng chẳng quan trọng gì nữa. Bởi vậy tòa xử rằng viên trợ tá Đrôbiajkin, can tội lạm quyền đối với nông dân Vsivaia Xpex và Zađirailôva, đã chết trong xe trượt tuyết của hắn vì một cơn trúng phong cấp phát.

Những lời tuyên án ấy đã quá khôn khéo và hợp pháp, thế mà bây giờ lại làm cho nhân tâm hoang mang lên: những linh hồn chết chẳng phải là những cái thây đã được giải quyết quá lẹ làng ấy là gì?

Bỗng như là một việc cố ý, quan tỉnh trưởng nhận được hai cái công văn gửi đến, và tình trạng hoang mang liền lên đến tột độ. Một trong hai công văn ấy báo rằng, theo những bằng chứng và báo cáo chắc chắn, thì trong tỉnh đang có một kẻ làm giấy bạc giả, đội nhiều tên khác nhau; và sức cho tỉnh phải tức khắc truy nã thật tích cực. Công văn kia là của tỉnh trưởng một tỉnh lân cận, báo là

có một tên tướng cướp vượt ngục, và nhờ bắt mọi kẻ khả nghi, không có giấy tờ. Các tin ấy làm cho những điều ức đoán trước kia thành ra hoàn toàn vô nghĩa. Toàn thể công chức đều hoảng hốt. Tất nhiên là không thể có một mối liên quan nào giữa các tên gian phi ấy với Tsitsikôp; nhưng mà mỗi người không thể không suy nghĩ. Thật tình, thì chẳng ai biết gì thật đúng về nhân vật ấy cả; chính y cũng nói về mình với những lời lẽ rất mơ hồ; chỉ nào là những bất hạnh phải trải qua vì lòng yêu chuộng công lý, nào là những kẻ thù cố tình theo đuổi để sát hại y. Nhớ đến điều ấy, người ta lại càng hoang mang; nếu mà có những tai nạn đe dọa y, thì chắc là lương tâm y không được yên tĩnh. Vậy thì, đúng ra y là người thế nào? Cứ xét bề ngoài thì chẳng phải là một tên tướng cướp, cũng chẳng phải một tên làm bạc giả. Thế thì y là người thế nào cơ chứ? Bấy giờ các viên chức của chúng ta mới tự đặt ra câu hỏi ấy, mà đáng lẽ họ phải quan tâm đến ngay từ đầu, nghĩa là từ chương một của bản trường ca của chúng ta.

Họ quyết định điều tra những người mà Tsitsikôp đã mua nông phu chết, hỏi xem y mua để làm gì? Mấy tiếng nông phu chết có nghĩa gì? Có thể là Tsitsikôp có nói lộ với họ vài câu về các ý định của y và về cá nhân y chăng? (*)

Trước tiên họ đến hỏi bà Kôrôbôtska và không biết thêm được tí gì. Tsitsikôp có mua của bà ta nông phu chết với giá tiền mười lăm rúp thật, và có hứa sẽ mua cho bà ta lông vịt và mỡ lợn để cung cấp cho chính phủ; chắc rằng Tsitsikôp là một tên xỏ lá, vì có lần, một thằng cha mua lông vịt và thầu mỡ lợn đã đánh lừa khối người và xoáy hơn một trăm rúp của vợ ông Prôtôpôp. Những lời lẽ như thế và nhiều lời tương tự khác nói đi nói lại, chỉ tỏ cho các nhà điều tra biết rằng bà lão lẩn thẩn ấy quả là ngu ngốc!

Manilôp thì nói là sẵn sàng bảo đảm cho Tsitsikôp như cho bản thân vậy; rằng chàng vui lòng hy sinh tất cả gia sản để có lấy một phần trăm những đức tính của Paven Ivannôvits; tóm lại là không ngớt lời ca tụng y, kèm theo mấy câu châm ngôn về tình bạn, vừa nói vừa nheo nheo đôi mắt rất có ý nghĩa. Những câu châm ngôn ấy chứng tỏ một lần nữa cái thiên hướng đa cảm của tấm lòng Manilôp, nhưng chẳng làm cho các viên chức của chúng ta biết gì

về nội dung của việc đã xảy ra cả.
Xôbakiêvits thì tuyên bố rằng hắn xem Tsitsikôp là một người lịch sự; hắn đã bán cho Tsitsikôp những nông phu hảo hạng và còn sống hẳn hoi; dĩ nhiên là hắn không thể chịu trách nhiệm về tương lai: nông phu có thể chết vì đi đường nhọc nhằn; chúng ta đều ở trong tay Chúa; sốt nóng và các bệnh chết người khác đang hoành hành khắp nơi, và làm chết sạch từng làng là thường.
Sau đó các ngài viên chức lại dùng tới một phương tiện, tuy là hèn thật, nhưng không phải vì thế mà người ta không dùng: nhờ bọn người hầu và tôi tớ trong thành phố làm trung gian, cố dò hỏi đầy tớ của Tsitsikôp những điều về chủ chúng, như quá khứ của y, địa vị hiện tại của y. Nhưng cũng chẳng ăn thua gì: Pêtruska chỉ để xông lên cái mùi hấp hơi đặc hữu của hắn; Xêlifan thì lầu bầu là chủ hắn đã phụng sự Nhà nước và lập nghiệp một thời gian trong ngành thuế quan. Những hạng người ấy thật lạ lùng: hỏi chúng một câu trực tiếp và chính xác thì chúng chẳng nhớ ra cái gì cả, chúng nói năng lúng túng, bảo rằng chúng chẳng biết gì hết; nhưng mà chuyển câu chuyện sang một loạt ý kiến khác, là chúng quay lại loại ý kiến thứ nhất và phun ra không biết bao nhiêu câu chuyện, với biết bao nhiêu là chi tiết, làm cho bạn chỉ còn muốn bắt chúng ngậm miệng lại tức khắc mà thôi.
Qua tất cả những sự chạy chọt vô hiệu quả ấy, các viên chức thu hoạch được một mối tin tưởng chắc chắn là thật tình họ chẳng biết Tsitsikôp là ai cả. Tuy vậy, thằng cha Tsitsikôp ấy vẫn phải là một kẻ nào đấy và từ một nơi nào đấy mà đến đây chứ! Chẳng còn phương kế nào nữa, họ muốn ít nhất là bàn tính với nhau về những biện pháp phải thi hành. Có phải xem Tsitsikôp là một kẻ khả nghi và bắt giam vì cớ ấy không? Hay trái lại, y là một nhân vật quan trọng có thể bắt tất cả bọn họ đem tống ngục, vì lý do không làm đủ phận sự? Với mục đích ấy, họ quyết định khai hội, một phiên bất thường ở nhà ông cảnh sát trưởng, cha và ân nhân của thành phố, như bạn đọc vẫn biết.

***(*)**: Đoạn từ đây trở xuống, Gôgôn đã viết lại vào những năm*

*1842 – 1843 như sau: nhiều bản **Những linh hồn chết** in ra không có đoạn hay này:*

Sau những cuộc thương nghị dằng dai và vô hiệu, họ quyết định đến hỏi những người mà Tsitsikôp đã mua những nông phu chết khó hiểu ấy. Rút thăm thì ông chưởng lý phải đi hỏi Xôbakiêvits; còn ông chánh án thì tự nguyện đến gặp bà Kôrôbôtska. Vậy thì ta đi theo họ để xem xét kết quả cuộc điều tra ra sao.

Xôbakiêvits lên tỉnh thì trọ trong một khu phố hẻo lánh. Hắn đã chọn một ngôi nhà chắc chắn mà các tấm ván không sợ gãy, sụp xuống; và ở đấy người ta có thể sống hoàn toàn yên tâm. Cái nhà ấy là của lão lái Kôlôterkin, cũng là người nặng đồng cân. Xôbakiêvits không đem con cái lên; chỉ có vợ đi theo thôi. Hắn đã bắt đầu chán và nghĩ đến việc về; nhưng còn phải thu tô về một mảnh đất cho ba tay thị dân ở N… thuê để trồng cải củ và bà vợ thì đã đinh ninh là phải thửa một cái áo măng tô lót bông mà chị thợ khâu mãi chưa thấy đưa đến. Ngồi trong ghế bành, mắt nhìn chằm chằm vào lò sưởi, hắn đang nguyền rủa sự bất tín của bọn thuê đất và cái thích phù phiếm của mụ vợ. Ông chưởng lý đã bắt gặp hắn đúng lúc mà tâm trạng hắn như thế.

- Mời bác ngồi, Xôbakiêvits vừa nói vừa hơi nhổm mình lên một tí.

Ông chưởng lý hôn tay Fêôđulia Ivanôpna rồi ngồi. Fêôđulia Ivanôpna cũng ngồi xuống. Ba chiếc ghế đều sơn màu lục, góc ghế trang trí những hình hoa súng.

- Tôi đến nói chuyện với bác về một chút việc; ông chưởng lý nói.

- Mình ạ, hay là mình sang buồng mình, có lẽ mụ thợ khâu đang chờ mình bên ấy; Xôbakiêvits bảo vợ.

Fêôđulia Ivanôpna lui về buồng.

- Xin phép bác, ông chưởng lý bắt đầu câu chuyện, cho tôi được hỏi là bác đã bán cho Paven Ivannôvits Tsitsikôp những người như thế nào?

- Những người như thế nào à? Văn tự bán đã kê rõ thân phận của chúng rồi cơ mà: một đứa là thợ đóng xe…

- Tuy vậy, ông chưởng lý lúng túng ngắt lời hắn, trong thành phố có những lời đồn đại…

- Việc ấy tỏ ra rằng ở đây lắm đứa ngu lắm! Xôbakiêvits điềm

nhiên đáp lại như thế.
- Tuy vậy, Mikhain Xêmiônôvits ạ, những lời đồn đại làm người ta hoang mang lên được: những nông phu mua bán không phải là người sống; đây hoàn toàn không phải là việc đinh điền; cái anh Tsitsikôp ấy có lẽ là một nhân vật khó hiểu… Người ta nghi ngờ điều quan trọng… Thiên hạ cứ thế mà bàn tán…
- Xin lỗi, có lẽ bác là đàn bà chăng?
- Câu hỏi ấy, ông chưởng lý chưa hề tự đặt ra bao giờ, làm ông ta lúng túng.
- Nói với tôi những chuyện nhảm nhí thế, bác cũng phải biết xấu hổ chứ! Xôbakiêvits lại nói tiếp.
Ông chưởng lý muốn xin lỗi,
- Đi mà nói với những con mẹ kéo sợi, ban đêm cùng nhau kháo chuyện những con mụ phù thủy, thì hơn. Nếu không thể nói những chuyện đúng đắn được, thì đi mà đánh xương {*Một trò chơi của trẻ con với những mẩu xương cừu*} với trẻ con. Lại đi quấy rầy một người quân tử như thế kia à! Anh dùng tôi làm trò cười à? Anh không làm tròn chức trách; để chiều lòng bạn bè, anh bỏ cả việc phụng sự tổ quốc; chỉ nghĩ đến việc đứng riêng ra xa cho yên thân. Thật là một cái đồ chơi trong tay bọn ngốc. Anh tự hại anh một cách ngu xuẩn; rồi chẳng ai còn giữ về anh một kỷ niệm tốt đâu. Sửng sốt vì trận mắng nhiếc bất ngờ ấy, ông chưởng lý tiu nghỉu ra về. Một lát sau Fêôđulia Ivanôpna trở vào.
- Sao ông chưởng lý vội về ngay thế?
- Hắn hối hận nên vội cút đi, Xôbakiêvits đáp. Mình thấy đấy, mình à, cái thằng cha đã hai thứ tóc ấy mà còn đi lại chốn nhà thổ. Tất cả bọn chó ấy đều có thói như thế đấy. Sống cho chật đất; chúng chưa vừa lòng; còn làm những việc kinh khủng quá sức; đáng ra phải đem đút tất cả vào một cái bị, ném hết chúng nó xuống sông. Toàn thể thành phố là một ổ trộm cướp; đi ngay đi thôi.
Fêôđulia Ivanôpna viện cớ là áo măng tô may chưa xong, lại còn phải đi mua dải mũ nữa. Xôbakiêvits chẳng muốn nghe gì hết.
- Bỏ đấy mọi thứ giẻ rách ấy đi, mình ạ; những cái của ấy sẽ làm hại mình cho mà xem, thật đấy.

Ra lệnh chuẩn bị lên đường xong, hắn kèm viên cảnh sát trưởng, đi thu các khoản tiền thuê đất; xong qua hiệu may, lấy cái măng tô đang khâu dở, găm cả cái kim còn xâu chỉ vào đấy, để đem về khâu nốt ở nhà quê.
Rồi chẳng chần chừ gì nữa, hắn từ giã thành phố và tuyên bố là chẳng bao giờ đặt chân lại cái ổ tập trung tất cả mọi thứ tệ tục này; hắn quá sợ sự truyền nhiễm.
Trong lúc ấy, ông chưởng lý, sửng sốt vì sự tiếp đón của Xôbakiêvits, chẳng còn biết thuật lại thế nào câu chuyện với ông chánh án.
Ông này cũng chẳng may mắn hơn tí nào. Chiếc xe của ông, đi vào một đường phố hẹp và bẩn, suốt dọc đường cứ lắc la lắc lư, khi nghiêng bên nọ, khi nghẹo bên kia; và ông chánh án bị những cái xóc lắc ê cả người, quần áo thì be bét những bùn là bùn; cằm và gáy lại cứ cộc chan chát vào chiếc can. Sau cùng, được tiếng bùn bì bõm và tiếng lợn ủn ỉn đón chào, ông ta vào sân nhà ông Prôtôpôp; nhảy xuống xe, ông ta len lỏi giữa những chuồng gà và các thứ nhà con con cho đến phòng áo và bước vào là hỏi mượn ngay cái khăn lau. Bà Kôrôbôtska tiếp ông ta cũng với cái vẻ buồn buồn như tiếp Tsitsikôp mấy hôm trước, cổ vẫn quấn kín một miếng nỉ. Một đám ruồi rất đông bay lượn khắp phòng; hình như đã quen kiếm chác ở một cái đĩa đựng một thức gì gớm ghiếc dùng làm mồi bẫy chúng.
Bà Kôrôbôtska mời ông chánh án ngồi. Sau khi nhắc lại là ngày trước có quen chồng bà, ông ta đột nhiên hỏi ngay:
- Bà cho biết có phải đang đêm, có một kẻ đến nhà bà, tay cầm súng ngắn dọa bắn, nếu bà không để lại cho hắn những nông phu gì gì không? Bà có thể cho tôi biết kẻ ấy có ý định làm gì không?
- Giá ông ở vào địa vị tôi. Hắn đưa cho tôi hăm lăm rúp - bạc giấy! {*Ở chương thứ ba và ở phần trên đây nói Tsitsikôp đưa có mười lăm rúp*}. Tôi là đàn bà góa chẳng biết gì; khó gì mà không lừa được tôi trong một việc mà, nói thật với ông, tôi chẳng biết chút gì cả. Tôi chỉ biết giá sợi gai, mỡ lợn, giẻ rách…
- Nào, bà kể lại chi tiết cho tôi nghe nào: có thật nó cầm một cái súng ngắn không?

- Không, ông anh ạ, lạy Chúa; tôi không thấy hắn có súng. Nhưng tôi góa bụa, chẳng biết gì về giá cả nông phu chết. Ông làm phúc cho tôi biết đúng giá bây giờ là bao nhiêu?
- Giá cái gì?
- Giá nông phu chết. Người ta đánh giá bao nhiêu một đứa?
"Bà này loạn óc rồi, hay ít ra cũng là đã rồ từ khi mới đẻ!" - Ông chánh án chăm chú nhìn bà ta và nghĩ vậy.
- Hăm lăm rúp, thế có được giá không? Có lẽ, phải tới năm chục hay hơn nữa, phải không ông?
- Đưa tôi xem tờ bạc nào, ông chánh án nói.
Soi lên ánh sáng thì thấy rõ ràng là một tờ bạc thật.
- Nào, ông ta nói tiếp, bà cho tôi biết việc mua bán ấy tiến hành ra sao. Hắn mua hàng gì của bà? Thật tôi chịu chẳng hiểu ra làm sao cả.
- Ông anh ạ, tại sao ông lại không muốn cho tôi biết giá nông phu chết? Tôi chẳng biết đúng giá là bao nhiêu.
- Bà nói gì thế! Bà nghĩ lại đi. Bà thấy ở đâu có người bán nông phu chết bao giờ.
- Vậy ra ông không muốn cho tôi biết giá à?
- Giá với cả! Bà cứ đứng đắn kể cho tôi nghe các việc xảy ra như thế nào đi. Hắn có dọa bà không? Hắn có dỗ bà không?
- Này ông, giờ tôi mới biết là ông cũng đi mua hàng. Bà ta liếc nhìn ông một cách nghi ngờ.
- Tôi là chánh tòa án, bà chị ạ.
- Không phải, ông ạ, không phải… Ông cũng định lừa tôi… Vô ích, ông ạ. Chính ông bị thiệt đấy. Tôi sẵn lòng bán gà, vịt cho ông. Đến lễ Giáng sinh, tôi lại có cả lông vịt.
- Tôi nhắc lại bà rằng tôi là chánh án. Lông vịt của bà thì tôi làm gì?
- Nhưng nghề buôn là việc lương thiện kia mà. Hôm nay ông là khách đi mua, ngày mai lại đến lượt tôi. Ta mà cứ lừa nhau thì sự thật sẽ ra làm sao nữa? Có tội với Chúa đấy.
- Tôi nói thật với bà rằng tôi là chánh án.
- Ừ, cũng có thể; có thể ông là chánh án; nói thật, tôi chẳng biết tí gì về việc ấy. Vậy thì ông hỏi tôi để làm gì? Không, ông anh ạ

không; ông có nói gì thì nói, tôi biết ngay là ông cũng muốn mua nông phu chết của tôi.
- Này, bà này, tôi khuyên bà chữa bệnh đi; bà có cái gì ở trong óc ấy! Ông chánh án tức quá, nói như vậy, vừa nói vừa đưa ngón tay chỉ vào trán.
Ông ta ra về, để bà Kôrôbôtska ngồi lại một mình, càng tin chắc là vừa tiếp một lái mua hàng, và nguyền rủa tính dễ cáu gắt của người đời cùng số phận hẩm hiu của các bà góa. Kết quả của cuộc công cán bất hạnh này, đối với ông chánh án, là cái xe bị gẫy mất một bánh, chiếc lễ phục lấm bùn be bét và cái cằm bị toạc mất một miếng. Về đến nhà thì vừa gặp xe ông chưởng lý đến; ông này đang khá bực tức.
- Thế nào, Xôbakiêvits cho bác biết những gì? Ông chánh án hỏi.
- Suốt đời, chưa ai đối đãi với tôi như thế bao giờ; ông chưởng lý đáp lại, đầu cúi gầm.
- Có việc gì thế?
- Hắn chửi tôi một trận như tát nước vào mặt.
- Vô lý!
- Hắn bảo rằng tôi không làm tròn công vụ: tôi chẳng bao giờ tố cáo bạn bè, trong khi các bạn đồng nghiệp của tôi cứ tám ngày lại gửi đi những bản cáo giác người này, người nọ; rằng tôi phê chuẩn tất cả mọi hồ sơ qua tay tôi, cả những cái không đáng tin cũng vậy.
Ông chưởng lý nom thật ảo não.
- Nhưng hắn nói gì về Tsitsikôp? Ông chánh án lại hỏi.
- Hắn nói gì à? Hắn gọi tất cả chúng mình là đồ đàn bà tồi, đồ ngu!
Ông chánh án bỗng đâm ra mơ màng. Vừa lúc ấy, một chiếc xe thứ ba đưa ông phó tỉnh trưởng đến.
- Cẩn thận, các ngài ạ; vừa đến nơi ông ta đã nói ngay. Đã đích xác là một quan tổng trấn được bổ đến rồi đấy.
Chưởng lý và chánh án đều đứng há hốc mồm.
"Tổng trấn đến đúng lúc quá, ông chánh án nghĩ thầm. Để làm lễ tân quan, chúng ta sẽ dâng ngài một món cháo mà đến đích danh quỷ sứ cũng chẳng nhận ra mùi mẽ gì! Ngài cứ việc mà lần cho ra cái mớ nát bét như tương ấy!"
"Thật là họa vô đơn chí", ông chưởng lý thì kinh hoàng nghĩ thầm

như vậy.
- Thế là ai được bổ đến vậy? Có biết tính khí ông ta ra làm sao không?
- Đã biết gì đâu.
Vừa lúc ấy thì ông giám đốc bưu vụ hiện ra, ông ta cũng đi xe.
- Xin mừng quý vị. Chúng ta được một quan tổng trấn rồi đấy.
- Nghe nói thế, nhưng đã có gì chắc chắn đâu; ông phó tỉnh trưởng đáp.
- Chắc chắn cả mười mươi rồi; ông giám đốc bưu vụ cãi lại. Và tôi có thể nói cả tên ngài với quý vị nữa: công tước Ôtnôzôrôpxki Tsêmentinxki.
- Người như thế nào?
- Một con người chẳng dễ chịu gì cả, rất tinh và rất nghiêm. Trong một công sở mà ông ta làm giám đốc, có xảy ra những… biết nói thế nào nhỉ?... những việc không hợp pháp nào đấy, các ngài hiểu chứ? Vậy là, thưa ngài, ông ta chỉ có việc nghiền cho bọn thuộc viên thành ra cám cả…
- Nhưng ở tỉnh này thì những biện pháp nghiêm khắc thật là hoàn toàn vô dụng.
- Một nhà thông thái, tiên sinh thân mến ạ; một bộ óc, các ngài hiểu chứ, quảng bác lắm. Các ngài thử tưởng tượng rằng một hôm…
- Xin phép các bác, ông chánh án nói, chúng ta nói hết cả chuyện của chúng ta ra ngoài phố như thế này. Mời các bác vào nhà cho chứ.
Một tốp những kẻ vô công rồi nghề đã tụm lại, há hốc mồm ra nhìn bốn người nói chuyện. Mấy anh xà ích giục ngựa và một lát sau, bốn chiếc xe đã xếp hàng dài trước cửa nhà ông chánh án.
Vào phòng áo, vừa bỏ chiếc áo lấm bùn be bét, ông ta vừa nghĩ: "- Ấy, quỷ sứ cho cái thằng cha Tsitsikôp đến đây thật đúng lúc!"
- Tôi chóng mặt quá, ông chưởng lý vừa cởi áo khoác vừa nói theo.
Ông giám đốc bưu vụ cũng cởi áo, nhưng chẳng nói năng gì.
Mọi người vào nhà trong; và một bữa điểm tâm, cái món không thể thiếu được ấy, được dọn ra ngay; ở tỉnh nhỏ, khi mà hai người công chức gặp nhau, thì bữa ăn liền hiện ra tức khắc như kẻ thứ ba.

Ông chánh án rót cho mình một cốc rượu áp xanh đắng khủng khiếp.
- Có giết chết tôi đi, tôi cũng chịu, chẳng biết cái thằng cha Tsitsikôp ấy là ai!
- Tôi cũng vậy, ông chưởng lý nói; thật tôi chưa bao giờ gặp một vụ rắc rối đến thế này; và tôi chịu, chẳng còn biết đằng nào mà lần nữa.
Ông giám đốc bưu vụ vừa pha cho mình hai thứ rượu vào cốc vừa nói: - Hơn nữa, cái nhân vật ấy lại có một thứ nước sơn nào đấy và hình như am hiểu những tục lệ của giới thượng lưu. Tôi nghĩ cả rằng hắn thuộc về giới ngoại giao.
Vừa lúc ấy thì ông cảnh sát trưởng, - ân nhân của thành phố, kẻ được các thương nhân ái mộ, người thết tiệc có một không hai, hiện ra; chân bước vào và mồm nói: - Thưa các ngài, tôi chẳng biết được gì về Tsitsikôp cả. Không thể lục soát giấy má của hắn được; hắn ốm và không ra khỏi phòng. Trái lại, tôi có đày tớ của hắn: thằng hầu Pêtruska và thằng xà ích Xêlifan. Cái thằng này cứ say khướt, như thường lệ.
Vừa nói, ông cảnh sát trưởng vừa pha vào cốc mình ba thứ rượu mạnh.
- Thằng Pêtruska nói rằng chủ nó chẳng thua kém gì ai, và toàn giao thiệp với chỗ sang trọng cả; nó có kể cho tôi nghe tên nhiều chủ ấp, bạn của chủ nó, đều là tư vấn bộ hay cả tư vấn Quốc gia nữa. Thằng xà ích Xêlifan quả quyết rằng chủ nó, khi phụng sự Nhà nước, không phải là một người ngốc. Chủ nó lập nghiệp trong ngành thuế quan và trong một công sở khác mà nó không biết tên. Ba con ngựa của hắn thì một con tậu cách đây ba năm, con xám thì đánh đổi, con thứ ba thì mua… tên hắn đúng là Paven Ivannôvits và hàm của hắn đúng là tư vấn bộ.
Mọi người đâm ra suy nghĩ.
“Làm sao mà một người đúng mực, tư vấn bộ, lại có thể điên cuồng đến mức muốn bắt cóc con gái ông tỉnh trưởng, mua nông phu chết, đang đêm đi dọa những bà lão hiền hòa? Đó là những cái trò của bọn khinh kỵ binh chứ”, ông chưởng lý nghĩ thế.
“- Làm sao mà một ông tư vấn bộ lại có thể liều lĩnh đi làm bạc

giả?" Ông phó tỉnh trưởng cũng là tư vấn bộ {*Gôgôn quên: ở chương I, đã nói là ông phó tỉnh trưởng này hàm tư vấn quốc gia, cao hơn tư vấn bộ một trật*} và rất mê thổi sáo, có thiên hướng nghệ thuật, thì nghĩ như vậy.
Ông cảnh sát trưởng phá sự yên lặng nói: - Tùy ý các ngài quý vị ạ; phải xong xuôi ngay trước khi tổng trấn tới; nếu không, ngài sẽ nghĩ về chúng ta như thế nào? Tôi tán thành việc dùng những biện pháp cương quyết.
- Biện pháp thế nào? Ông chánh án hỏi.
- Bắt hắn vì tình nghi.
- Thế chính hắn lại bắt chúng ta, cũng vì cớ ấy thì sao?
- Làm sao được?
- Có thể hắn được đặc phái một công cán bí mật đấy. Linh hồn chết! Là nghĩa thế nào? Có phải là một cuộc điều tra về các vụ chết người đã được thông báo là chết vì nguyên nhân không biết rõ? Mấy lời ấy lại làm cho cử tọa yên lặng lần nữa. Ông chưởng lý kinh hoàng. Ông chánh án nói xong cũng đâm ra suy nghĩ.
- Vậy, thưa các ngài, ta phải làm gì đây? ông cảnh sát trưởng mồm hỏi, tay pha hai thứ rượu ngọt và đắng vào cốc và nốc luôn.
Một người hầu mang vào một chai Mađêrax.
- Tôi thì chịu thôi, thú thực là chịu, chẳng hiểu gì hết; ông chánh án nói.
- Theo ý tôi, thưa quý vị, - ông giám đốc bưu vụ nói, sau khi nốc một cốc Mađêrax kèm theo xên uyts {*Món ăn gồm hai miếng ruột bánh mì kẹp một miếng nhân pa tê, pho mát hay thức ăn gì khác ở giữa*} nhân pho mát và cá chiên, - theo ý tôi, thưa quý vị, thì việc này cần phải nghiên cứu kỹ; và như hiện nay thường làm ở Nghị viện Anh quốc, chúng ta phải họp lại thành ủy viên hội để nghiên cứu việc này về đủ mọi phương diện.
- Cái ấy chẳng có gì trở ngại cả! Ông cảnh sát trưởng nói.
- Tốt lắm! Ông chánh án nói. Ta họp nhau lại và giải quyết cho dứt khoát cái vấn đề: thằng cha Tsitsikôp ấy là ai?
- Thật là sáng suốt; ta hãy quyết định thằng cha Tsitsikôp ấy là ai?
- Đúng, đúng, ta lấy ý kiến từng người một và quyết định thằng cha Tsitsikôp ấy là ai?

Nói đến đấy, ai cũng muốn uống sâm banh; và mỗi người ra về đều tin tưởng chắc chắn thế nào rồi ủy viên hội cũng giải quyết xong cái vấn đề quan trọng này: thằng cha Tsitsikôp ấy là ai?

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 10

Họp nhau ở nhà ông cảnh sát trưởng rất quen biết với bạn đọc, cha và ân nhân của thành phố; các ông công chức mới nhận thấy rằng cuộc báo động ấy đã làm cho họ gày đi: họ trao đổi những nhận xét về việc ấy. Quả thật, việc bổ nhiệm một tổng trấn mới, hai cái công văn đáng ngại, những lời đồn đại vô lý, đã làm cho họ lo lắng đến nỗi áo frac của họ rộng thênh và mặt họ cứ nhợt ra. Mọi người đều gày: ông chánh án gày, ông thanh tra sở vệ sinh gày, ông chưởng lý gày; cũng như một lão Xêmiôn Ivannôvits nào đấy, mà chẳng ai biết họ là gì, lúc nào cũng đeo nhẫn ở ngón tay trỏ và thích chìa ra cho các bà xem; cả cái lão ấy cũng gày đi. Tất nhiên, cũng có những người bạo dạn, không lúc nào mất bình tĩnh; nhưng thật là hiếm: ông giám đốc bưu vụ là một trong những người ấy. Ông ta vẫn điềm nhiên và đi đâu cũng nói: "- Chúng tôi biết các ngài lắm, các ngài tổng trấn ạ! Các ngài đổi thay ba, bốn trấn, chứ tôi thì tôi ở đây đã ba chục năm rồi".

Các công chức khác trả lời ông ta rằng: "- Tốt lắm! *Sprêkhen di Đêits* Ivan Ađrêits {*Xem chương thứ tám*} ạ: cái bưu vụ của anh chỉ có việc nhận thư, phát thư! Có phạm tội nữa thì cũng chỉ là tội lặt vặt; nhận một bưu kiện không hợp lệ với chút vi thiềng, hay đóng cửa ghi sê sớm hơn giờ quy định một tiếng để bắt bọn lái phải tạ ơn anh đã chiếu cố nhận cho họ những thư từ đưa đến gửi quá chậm. Cứ cái nghề ấy thì khó gì mà chẳng thành thánh được. Nhưng giá lúc nào quỷ sứ cũng ở cạnh anh, liệu anh có cưỡng lại

nổi sức cám dỗ của nó không? Chỉ mỗi một đứa con trai, anh dễ đủ ăn đủ tiêu lắm, ông anh ạ; chứ ơn Chúa mà bà Praxkôvia Fiôđôrôpna nhà anh cứ mỗi năm mỗi lần chửa: năm thì con Praxkuska, năm thì thằng Pêtruska; thì bấy giờ, ông anh ạ, chắc ông không nói cái điệu ấy đâu!"

Ít ra, đó cũng là những điều khẳng định của các công chức; còn cái việc người ta có thể cưỡng lại quỷ sứ hay không, thì chẳng đến phần tác giả phải quyết định.

Hội nghị của các công chức thiếu một đức tính thiết yếu nhất: cái lương tri làm cho người ta trông thấy lẽ phải thông thường. Nói chung, những thứ hội họp này hình như không thích hợp với khí chất chúng ta. Tất cả những thứ hội họp của ta, từ hội nghị nông dân cho chí hội nghị bác học và gì gì nữa, đều chẳng có ai đứng đầu, điều khiển cả và kết quả là hoàn toàn vô trật tự. Vì những lý do khó mà biết được, có lẽ đây là vấn đề khí chất, thì chỉ những thứ hội họp có mục đích chè chén và chơi bời, như ở câu lạc bộ và các vôkxan {*Phiên âm theo kiểu Nga từ* ***vauxhall*** *của tiếng Anh, chỉ vũ hội hay hòa nhạc có ăn uống ngoài trời ở một công viên, nguyên cách ăn chơi ấy bắt đầu từ một công viên ở Luân Đôn tên là Vauxhall*} khác theo kiểu Đức, là hợp với chúng ta mà thôi. Dù vậy, chúng ta vẫn chẳng hoài nghi gì hết: bất cứ lúc nào hễ nghe ai nói đông, nói tây gì, là ta cũng sẵn sàng lập hội phúc thiện, hội khuyến khích, và có trời biết là những hội gì gì nữa! Sự nghiệp có thể là tốt đẹp nhất thế giới; nhưng chúng ta vẫn không bao giờ hoàn thành được. Có lẽ là tại vì mới có được cái sáng kiến về việc gì, là ta đã cho, rằng phận sự của ta đã làm tròn rồi. Chẳng hạn, ta góp tiền để tổ chức một hội tế bần; tức thì ta tự hào về thành tích ấy, mở ngay một bữa tiệc chiêu đãi tất cả các nhà chức trách, nó ngốn hết một nửa số tiền quyên được; nửa còn lại thì dùng để thuê một tòa nhà lộng lẫy có hệ thống lò sưởi và người canh gác, để làm trụ sở cho ủy ban. Thế là ủy ban này chỉ còn có năm rúp rưỡi để

chia cho người nghèo; nhưng lại không thể thống nhất ý kiến về việc chia, vì mỗi ủy viên đều đòi phần cho người mà mình bảo trợ.

Thật ra, cuộc họp mà ta đang nói đây có một tính chất khác: vì cần thiết mà người ta phải nghĩ ra việc họp; không phải là vì lòng bác ái; việc đem ra bàn bạc quan hệ thiết thân tới mỗi một công chức, vì mỗi người đều bị một nguy cơ ngang nhau đe dọa và vì thế mà nhất thiết phải có một lòng đoàn kết chặt chẽ. Ấy vậy mà việc xảy ra lại ngược hẳn.

Không nói đến những sự bất đồng ý kiến cố hữu mà không hội nghị nào là không có, các người dự bàn lại còn tỏ ra hoàn toàn chẳng chút vững vàng, chắc chắn nào trong ý kiến của mình cả. Một người cho rằng Tsitsikôp chắc là một tay làm bạc giả, nhưng lại nói thêm ngay: "Và cũng có lẽ là không phải!". Một người khác cho rằng y là một phái viên của tổng trấn, nhưng chữa lại tức thì: "Vả lại, quỷ bắt hắn đi! Dù sao cũng không phải là đã ghi rõ ràng như thế trên trán hắn!". Tuy vậy, người ta cũng đồng ý với nhau rằng y không thể là một tên cướp trá hình: từ hình dung tới lời ăn tiếng nói của y, chẳng có gì để lộ ra chân tướng của quân trộm cướp cả.

Trong lúc ấy thì ông giám đốc bưu vụ triền miên trong trầm tư, mặc tưởng. Bỗng nhiên, ông ta kêu lên, có lẽ do một cảm hứng bất ngờ nào đấy:
- Các ngài ạ, các ngài có biết hắn là ai không?
Cái giọng ông ta nói làm cử tọa rùng mình và mọi người đều đồng thanh thốt lên hỏi: - Là ai thế?
- Ai ấy à, thưa tiên sinh, chẳng ai khác đại úy Kôpêikin cả.
Nghe thế, mọi người lại đồng thanh hỏi: - Nhưng mà đại úy Kôpêikin là ai?
Ông giám đốc bưu vụ nói: - Sao, các ngài không biết đại úy

Kôpêikin là ai à?
Mọi người thú thật là hoàn toàn không biết đại úy Kôpêikin.
- Đại úy Kôpêikin ấy à? Ông giám đốc bưu vụ nói, tay mở hộp thuốc lá; hay đúng hơn là hé ra, vì ông ta bao giờ cũng sợ một người ngồi gần thọc vào những ngón tay, không chắc là sạch sẽ; và thường hay nói: "Bố ơi, lạy Chúa, không biết tay bố quen đút vào những đâu thế; thuốc lá ấy mà, bố biết chứ, cần phải giữ thật sạch!" - Đại úy Kôpêikin ấy à, ông ta vừa nói, vừa hít thuốc lá… thật là một chuyện lý thú, có thể làm đề tài cho một nhà văn sáng tác ra một bản trường ca lớn.
Toàn thể cử tọa đều muốn biết cái chuyện lý thú, có thể làm đề tài cho một nhà văn sáng tác ra một bản trường ca ấy. Ông giám đốc bưu vụ bắt đầu kể

TRUYỆN ĐẠI ÚY KÔPÊIKIN {*Truyện này dịch theo nguyên bản của Gôgôn, chưa bị kiểm duyệt bắt chữa lại*}

Sau chiến dịch 1812 {*Chiến tranh của quân và dân Nga chống xâm lược của hoàng đế Pháp Napôlêông I, là cuộc xâm lược nguy nhất trong lịch sử dân tộc Nga*}, tiên sinh ạ - ông giám đốc bưu vụ mở đầu như thế, dù trong phòng không phải chỉ một người nghe, mà những sáu người, - sau chiến dịch 1812, trong đám binh sĩ bị thương được cho về quê có đại úy Kôpêikin. Hắn là người nóng nảy, khó tính; và từ phạt giam trong trại cho đến nhà tù, đều đã trải qua đủ mọi thứ của nghề võ. Ở Kraxnôiê hay ở Laipxic {***Kraxnôiê*** *là trận đánh giữa quân Nga và quân Napôlêông ngày 5 tháng mười một năm 1812, khi quân xâm lược đã vào sâu lãnh thổ Nga.* ***Laipxic*** *là trận đánh trên đất Đức năm 1813, mà quân Nga cùng với Đồng minh thắng quân Napôlêông*} gì đấy, các ngài thử tưởng tượng, hắn bị mất một tay và một chân. Bấy giờ chưa có một quy chế đặc biệt gì về binh sĩ bị thương cả; có thể nói là quỹ phế binh mãi về sau mới thiết lập. Đại úy Kôpêikin tự nhủ: - Phải làm mà

sống chứ. Nhưng khốn thay, hắn chỉ còn có tay trái. Hắn thử làm cho ông bố hắn mủi lòng; nhưng mà ông lão nói dứt khoát: "tôi chẳng có gì mà nuôi anh; tôi ấy à, thử tưởng tượng xem, chỉ kiếm được tạm đủ cho mình tôi là may rồi!".

Bấy giờ, tiên sinh ạ, đại úy Kôpêikin quyết đi lên Pêterbua xin trợ cấp của Hoàng đế; vì thật ra, trong một chừng mực nào đó, hắn đã đổ máu, hy sinh đời mình… Hắn kiếm cách đi nhờ xe chở lương thực của cục quân nhu; và thế là hắn đến được Pêterbua. Các ngài hãy tưởng tượng đại úy Kôpêikin đặt chân đến một kinh thành mà, có thể nói là, không kinh thành nào trên thế giới sánh kịp! Đời sống, có thể nói là, đã hiện ra trước mắt hắn dưới một ánh sáng mới mẻ;

Hắn tưởng như là lạc vào một chuyện thần tiên của Xêhêrazat {***Sêhêrazad*** *là nhân vật chính trong tập truyện* ***Một nghìn lẻ một đêm****, cứ mỗi đêm lại kể một chuyện thần tiên kỳ ảo*}! Các ngài thử tưởng tượng vẻ ngơ ngác của hắn trên đại lộ Nepxki, hay hơn nữa, ma bắt tôi đi, trên phố Gôrôkhôvaia hay phố Litêinaia! Chỗ này, một mũi tên của tháp vút lên trời cao; chỗ kia, những chiếc cầu treo, các ngài thử tưởng tượng, là không hề dựa lên đâu cả nhé; Tóm lại, tiên sinh ạ, thật là một thành phố của Xêmiramit {*Tức là Babylôn ở miền Lưỡng Hà; vì theo truyền thuyết thì Xêmiramit là vương hậu đã lập ra thành phố Babylôn, nổi tiếng tráng lệ nhất thế giới thời Thượng cổ. Trong các ngôn ngữ Âu châu, từ Babylôn dùng để chỉ một thành phố hết sức xa hoa*}! Đúng thế! Trước tiên hắn nghĩ đến việc đi tìm chỗ trọ; nhưng ở trên ấy, màn, trướng, thảm Ba Tư và tất cả những đồ quỷ quái khác đều đắt hơn vàng; mó vào là bỏng cả tay. Ở đấy, có thể nói là người ta giẫm lên, xéo lên tiền bạc. Trong không khí, như có phảng phất cái mùi giấy bạc nghìn rúp. Mà đại úy Kôpêikin của chúng ta thì tất cả vốn liếng chỉ vẻn vẹn mươi tờ bạc xanh {*Giấy bạc năm rúp*} và một ít xu, hào. Có phải là chẳng thể nào mua được một cái ấp với ngần ấy tiền

không, trừ phi thêm vào đấy bốn vạn rúp vay của quốc vương Pháp! {*Ý nói một việc không thể làm được vì quốc vương Pháp thường bị khủng hoảng tài chính trầm trọng: và đó là một cớ để cách mạng nổ ra, đánh đổ ngôi vua, xử tử nhà vua*}… Vậy là hắn phải đến trọ ở một khách sạn Rêven, trả mỗi ngày một rúp, và ăn chiều với xúp bắp cải, thịt bò băm viên… Hôm sau, tiên sinh ạ, hắn quyết đến yết kiến ông bộ trưởng {*Kiểm duyệt bắt chữa các chữ hoàng đế thành bộ trưởng*} không có mặt ở kinh đô: quân đội từ PariS chưa về {*Sau trận thắng Laipxic, quân Nga cùng với đồng minh, đánh vào đất Pháp và tiến vào kinh đô PariS (1814)*}.

Hôm sau, dậy sớm, tiên sinh ạ, hắn tự cạo râu lấy bằng tay trái, để khỏi mất tiền thuê thợ; rồi diện quân phục vào; và các ngài thử tưởng tượng, hắn lon ton trên cái chân gỗ, tức khắc đến gặp ông bộ trưởng. Hắn nhờ một viên lính tuần cảnh cho biết địa chỉ. "- Đấy", người lính vừa nói vừa chỉ một ngôi nhà trên bến Hoàng cung. Một cái izba khổ của mujik, các ngài hiểu chứ: cửa là những tấm kính cao năm mét, đứng ngoài nhìn rõ lọ hoa và tất cả đồ đạc, tưởng chừng chỉ dang tay ra là vớ được; và khắp nơi là đồ bằng đá hoa quý giá, đồ sơn… tóm lại, thưa tiên sinh, là tiện nghi và hợp thời trang hết sức; nhìn thấy là cứ như phát cuồng lên vậy. Những cái nút bấm chuông ở cửa, sạch đến nỗi, bóng đến nỗi nhìn thấy là người ta những muốn chạy ngay đi mua hai kôpek xà phòng về rửa tay hai giờ liền, rồi mới dám mó vào. Người gác cửa nom như một vị đại nguyên soái: tay cầm trượng có nuốm vàng, trang phục sang như bậc vương công, cổ áo lá sen bằng vải mịn; đúng là một con chó gộc được nuôi béo…

Anh chàng Kôpêikin của chúng ta cứ thế. Bước thấp, bước cao, leo lên đến phòng khách và nép mình vào một góc, cẩn thận để khỏi xô đổ, các ngài thử tưởng tượng, một cái lọ hình châu Mỹ, hay bình nước Ấn Độ nào đấy, bằng sứ mạ vàng, nhất định rồi. Tất nhiên là hắn ta phải chờ đấy rất lâu, vì ngài bộ trưởng lúc ấy mới

ngủ dậy, và, hãy tưởng tượng, các ngài ạ, người hầu buồng đang đem đến một cái chậu thau bằng bạc để ngài rửa mặt. Kôpêikin của chúng ta chờ như thế đúng bốn giờ; cuối cùng, một phó quan hay viên chức trực nhật nào đấy vào báo bộ trưởng đến. Bấy giờ, các ngài hiểu chứ, mọi người chen nhau trong phòng như những hạt đậu trên một cái đĩa. Và xin các ngài tin rằng không phải là những người cà mèng như chúng mình chút nào đâu nhé, mà toàn là những triều thần tứ phẩm trở lên cả; những đại tá, tiên sinh ạ, và lác đác có cả những vị tướng nữa; cứ nhìn kim tuyến thêu trên các ngù vai thì biết. Bỗng mọi người xôn xao; những tiếng suỵt, suỵt, truyền đi trong phòng rồi cuối cùng thì im phăng phắc như mọi người đã chết cả rồi.

Bộ trưởng vào… Một vị điều khiển Quốc gia, phải không nào? Nét mặt cũng xứng với chức vụ… Mọi người, dĩ nhiên, đều sửa đổi thế đứng cho ngay ngắn. Mỗi người chờ đợi, có thể nói là, quyết định số phận họ. Ngài đến gần người này, người nọ: "- Ông muốn gì? Ông có việc gì?". Sau cùng, ngài đến trước mặt Kôpêikin, hắn ta nói: "- Ngài cũng thấy đấy, tôi đã đổ máu, có thể nói là mất cả tay, lẫn chân và không thể làm được việc nữa; tôi xin trợ cấp của Hoàng thượng".

Thấy anh chàng chân gỗ, một ống tay áo trống không cài móc vào bộ quân phục, bộ trưởng nói: "- Được, mấy hôm nữa trở lại đây"
{*Trong bản thảo thứ hai, ở đây có thêm một đoạn như sau:*
Kôpêikin của chúng ta sung sướng quá. "- Ăn chắc rồi", hắn nghĩ vậy. Không nén được nỗi mừng, hắn bèn nhảy nhót trên hè phố; nốc một cốc rượu con ở hiệu cà phê Pankin; ăn chiều ở khách sạn Luân Đôn, một món sườn rán với nụ hoa phong điêu dầm dấm, một con gà mái tơ quay với rất nhiều rau, kèm theo một chai rượu ngon; tối lại đi xem hát; và sau cùng, xin vô phép quý vị, là ăn chơi một trận không kể gì nữa. Ra về, hắn thấy một người đàn bà Anh nhỏ nhắn, đi lướt trên hè phố, yểu điệu như

một con thiên nga. Đầu anh chàng nóng bừng lên; hắn sẵn sàng lóc cóc nhảy nhót với cái chân gỗ, như cái đầm đập đất; theo bóng người đẹp; nhưng không, hắn dừng lại kịp thời. "Vứt mẹ cái chuyện gái đi! Lĩnh trợ cấp hãy hay. Tiêu như thế đã khá nhiều rồi". Và xin quý vị biết cho là chỉ một ngày, hắn đã nướng hết nửa số tiền hắn có}. Ba hay bốn hôm sau, tiên sinh ạ, hắn trở lại gặp bộ trưởng. Hắn nói: "- Tôi đến chờ tin tức. Thương tật của tôi như thế, có thể nói là tôi đổ máu…". Và vân vân, cứ thế hắn nói tiếp theo đúng quy thức thông dụng. Bộ trưởng nhận ra hắn ngay. Ngài nói: "- À! Tôi chưa hề trả lời với ông thế nào cả. Chờ Hoàng thượng hồi loan hãy hay. Thế nào cũng ban hành những quy chế đối với binh sĩ bị thương. Về phần tôi, không thể làm gì được; nếu không có lệnh của Hoàng thượng".

Ngài gật đầu và bỏ qua câu chuyện. Kôpêikin của chúng ta, các ngài hiểu chứ, lâm vào một cái thế kỳ quặc: vì rút cục, người ta trả lời cho hắn dứt khoát là không hay là có gì đâu. Nhưng, các ngài cũng biết rõ, đời sống ở kinh đô ngày càng đắt đỏ; và anh chàng bèn nghĩ: "Vậy thì trở lại gặp bộ trưởng! Mình sẽ hỏi: - Các hạ đã quyết định như thế nào chưa? Tôi ăn hết những đồng kôpek cuối cùng rồi. Nếu ngài không cứu giúp thì, xin ngài bỏ lỗi, tôi đành phải chịu chết đói vậy".

Nghĩ là làm: hắn lại đến bộ. "- Hôm nay bộ trưởng không tiếp khách, mai hãy đến". Người ta cho biết như vậy. Hôm sau người gác cổng chẳng thèm nhìn hắn một cái nữa. Thằng cha khốn khổ chỉ còn mỗi một tờ bạc xanh trong túi. Xúp và thịt bò cũng xin thôi; bấy giờ mỗi bữa chỉ ăn có một con cá mòi, một quả dưa chuột muối và hai đồng tiền bánh mỳ. Mà, tội nghiệp thằng cha, cứ háu đói như là chó sói vậy.

Các ngài thử tưởng tượng Kôpêikin của chúng ta đi qua một tiệm

ăn: lão chủ người Pháp, vẻ mặt cởi mở, quần áo bằng vải Hà Lan, cái tạp dề có thể nói là trắng như tuyết, đang làm món trứng đúc rau thơm, món sườn xào nấm và các mỹ vị khác; mà ai chứ thằng cha thạo đời của chúng ta thì sẵn lòng chén ngon lành. Hắn đến trước chợ Miliutin; trong các tủ kính nào là cá hồi, là quả anh đào năm rúp một, lại một quả dưa hấu khổng lồ to tày chiếc xe ngựa, như đang đợi kẻ ngu nào đến trả trăm rúp; tóm lại là cứ mỗi bước lại có một cái gì đấy giữ người ta lại, thu hút lấy người ta, có thể nói là làm người ta thèm nhỏ rãi; ấy thế mà hắn cứ phải tự nhủ rằng: "- Ngày mai". Các ngài thử tưởng tượng rằng một đằng người ta đưa ra mời hắn, có thể nói, nào là cá hồi, nào là dưa hấu; còn đằng kia thì lại biếu hắn một món ăn đầy vị đắng cay gọi là *ngày mai*. Sau cùng thì anh chàng khốn khổ không nhịn được nữa: hắn quyết gặp tận mặt bộ trưởng dù đến thế nào thì đến. Hắn đứng ngoài cửa, chờ có kẻ đến thỉnh cầu là lẻn vào theo; và các ngài hiểu chứ, theo một viên tướng, hắn lẻn vào được phòng khách. Như thường lệ, bộ trưởng bước vào.
- Ông muốn gì? Còn ông?... Ô hay! Lại cái anh này! Thoạt thấy Kôpêikin, bộ trưởng kêu lên. Chẳng phải tôi đã cắt nghĩa cho anh rõ là chịu khó chờ ít lâu à?
- Các hạ bỏ lỗi, có thể nói là tôi chẳng còn gì mà ăn nữa.
- Tôi biết làm thế nào được; trong khi chờ đợi, anh hẵng cố kiếm lấy cái gì mà sống đã.
- Thưa các hạ, kiếm thế nào được; vì có thể nói là tôi không còn cả tay, lẫn chân?
Hắn muốn nói thêm: "Còn cái mũi, thì chỉ có thể dùng mà xì mũi; nhưng mà để làm việc ấy thì cũng phải mua một cái mùi soa chứ". Nhưng, tiên sinh ạ, hoặc là nghe đã chán rồi, hoặc là đang thực sự lo nghĩ đến những việc lớn của Nhà nước; bộ trưởng bèn nổi giận.
- Lui ra, ngài quát. Không phải chỉ mình anh ở trong trường hợp ấy. Chịu khó chờ với chứ!

Vậy là Kôpêikin của chúng ta, các ngài hiểu chứ, bị cái đói nó kích thích, liền đáp lại: - Tùy ý các ngài!

Tức thì các ngài thử tưởng tượng, bộ trưởng nổi cơn lôi đình! Thật ra, từ khai thiên tịch địa, có bao giờ ai thấy được cái hạng Kôpêikin mà dám nói giọng như thế với một vị bộ trưởng. Các ngài thử tưởng tượng một tí xem cơn thịnh nộ của một vị bộ trưởng, có thể nói là của một vị điều khiển Quốc gia, nó như thế nào.
- Quân láo xược, ngài quát lên. Ta sẽ kiếm cho ngươi một chỗ ở. Liên lạc đâu, dẫn tên vô lại này đi!

Người liên lạc, các ngài hiểu chứ, đã chờ sẵn sau cánh cửa: một anh chàng mujik cao ba arsin {*Cao hơn hai mét mốt*}; các ngài thử tưởng tượng hai cánh tay lêu nghêu trời cho để làm một gã xà ích nhà nòi, lưng rộng xứng với một tay thợ nhổ răng!... Thế là, tiên sinh ạ, hắn được chở lên một chiếc xe tải, có liên lạc ngồi cạnh. Kôpêikin tự nhủ: "Ít ra cũng không phải mất tiền xe; cảm ơn vậy!". Và dọc đường, tiên sinh ạ, ngồi cạnh tên liên lạc, vâng, ngồi cạnh tên liên lạc; hắn ngẫm nghĩ, có thể nói là hắn lập luận một mình rằng: "- Muốn tớ phải tự giúp mình, tốt lắm, tớ sẽ kiếm được cách giúp lấy mình." Vậy là, các ngài thử tưởng tượng, chẳng một ai biết đích Kôpêikin đã được chở đến đâu; anh chàng chìm mất tăm trong con sông quên, sông Lêthê, như các nhà thơ thường nói. Và, thưa các ngài, có thể nói là cuốn tiểu thuyết của tôi đến đây mới là chỗ thắt nút.

Thế là, người ta mất hút dấu vết của Kôpêikin; nhưng, các ngài thử tưởng tượng, hai tháng trời trôi qua, trong các rừng vùng Riazan đã nổi lên một đảng cướp; ataman {*Thủ lĩnh quân sự của người Kôzak ngày trước; đây dùng để chỉ đầu mục đảng cướp*} chẳng phải ai khác {*Đoạn từ đây xuống cho hết truyện đại úy Kôpêikin là Gôgôn viết trong bản thảo đầu tiên và không đưa cho kiểm duyệt; nhiều bản in và bản dịch* ***Những linh hồn chết*** *không có đoạn*

này}… đại úy Kôpêikin của chúng ta cả. Hắn thu thập được một đám lính đào ngũ. Các ngài hiểu chứ, bây giờ chiến tranh mới chấm dứt. Mọi người đều quen thói tự do, chẳng cần gò bó gì cả; người ta xem đời như một cuộc đỏ đen. Tóm lại, tiên sinh ạ, hắn dấy lên cả một đạo quân. Chẳng tài nào đi lại trên đường cái được nữa, ít nhất là đối với quan chức của triều đình. Tư nhân thì chúng chỉ hỏi đi đâu rồi thả ngay thôi. Nhưng một cuộc chiến tranh không thương xót được tiến hành đối với các đoàn xe của Nhà nước: cỏ khô, tiền bạc, lương thực, mọi thứ đều bị cướp sạch. Sở thuế chẳng được chút lợi lộc nào trong vụ này cả. Nghe tin làng nào sắp nộp thuế là Kôpêikin của chúng ta sục hẳn đến. Hắn bảo lão trưởng thôn: - Này, anh bạn, nộp cho ta thuế và tô đây, ngay tức khắc.

Thấy hiện ra con quỷ què, mặc áo cổ đỏ ấy là anh chàng nhà quê, các ngài hiểu chứ, đã thấy sợ… Hắn nghĩ thầm: "- Quỷ sứ, chắc là đại úy quận trưởng cảnh binh đây, hay là còn tồi tệ hơn nữa cơ đấy". Thế là hắn nộp ngay tức khắc số tiền để được yên thân. Và, thưa tiên sinh, thằng cha kia liền xuất giấy tờ hết sức hợp thức, xác nhận là khoản thuế đã nộp đầy đủ, tận tay đại úy Kôpêikin; và đóng luôn cả dấu ấn của hắn vào giấy hẳn hoi nữa… Tóm lại, là hắn tha hồ cướp, đến thích. Nhiều toán quân được phái đến bắt sống cả bọn; nhưng những kẻ nóng đầu ấy sợ cóc gì.

Đến cuối, cuối cùng, chắc là Kôpêikin của chúng ta hiểu rằng công việc của hắn phảng phất cái mùi khét của thuốc súng; vả lại cũng đã được một cái vốn khá to; hắn liền tìm cách vượt biên giới, chuồn sang Mỹ. Từ bên ấy, tiên sinh ạ, hắn gửi về cho hoàng thượng một lá thư; có thể xem là, các ngài thử tưởng tượng, mẫu mực của văn chương hùng biện. So với Kôpêikin thì những Platông, những Đêmôxtenex {***Platông*** *(429-347 tr.C.N) triết gia Hy Lạp, mà các tác phẩm nổi tiếng đều viết theo hình thức đối ngoại, rất hùng biện.* ***Đêmôxtenex*** *(384-322 tr.C.N) nhà chính trị Hy Lạp, hùng biện nhất thời thượng cổ, được đời sau xem như mẫu*

mực trong thuật hùng biện}, và vĩ nhân khác của thời thượng cổ sẽ ra làm sao? Chẳng ra quái gì hết, tiên sinh ạ!

Trong bức thư ấy, hắn viết: "Bệ hạ chớ có nghĩ rằng tôi là thế này… là thế nọ… (dĩ nhiên, tất cả những điều này đều viết thành những đoạn văn rất khéo). Sau khi đã đổ máu, có thể nói là không tiếc, tôi ở vào tình thế không có lấy một miếng bánh ăn. Xin đừng trừng trị đồ đảng của tôi, những người vô tội đã bị tôi lôi kéo. Mà xin trông nom phế binh, để từ nay về sau, - xin thứ lỗi, - họ khỏi phải bị bỏ mặc với số phận đáng buồn của họ nữa…".

Thế là, các ngài thử tưởng tượng, cái tài hùng biện tuyệt luân ấy làm cho Hoàng thượng mủi lòng… Dĩ nhiên, hắn ta là một tên tội phạm, về phương diện nào đấy, đáng tội tử hình. Nhưng mặt khác, cái khiếm khuyết trầm trọng trong việc cứu trợ binh sĩ bị thương ấy… Vả chăng, khiếm khuyết cũng dễ hiểu thôi; trong cái thời buổi loạn lạc như thế, trừ Chúa nhân từ ra, thì còn ai mà có thể nghĩ tới tất cả mọi việc được… Tóm lại, tiên sinh ạ, Hoàng đế hạ cố, tỏ lòng đại độ phi thường, ra lệnh đình chỉ những cuộc truy nã và thành lập một ủy ban đặc trách việc cải thiện số phận binh sĩ bị thương. Và do sáng kiến của ủy ban ấy, tiên sinh ạ, đã được lập ra quỹ phế binh; cái thiết chế đảm bảo hoàn toàn đời sống của những kẻ khốn khổ ấy, và có thể nói là không đâu có; cả ở nước Anh, cả ở các nước văn minh khác cũng vậy.

Bây giờ thì quý vị đã biết, tiên sinh ạ, đại úy Kôpêikin là ai rồi. Về phần tôi thì tôi cho là như thế này. Có lẽ là ở bên Mỹ hắn đã hoang phí hết tiền rồi và bây giờ lại trở về để, có thể nói là, thử vận may trong cuộc làm ăn mới…

Bỗng ông cảnh sát trưởng ngắt lời ông ta:

- Xin lỗi, Ivan Anđrêiêvits; đại úy Kôpêikin, như bác nói, đã mất cả tay lẫn chân; còn như Tsitsikôp…

Ông giám đốc bưu vụ kêu lên một tiếng, dang rộng tay ra, đập vào trán mình đánh bốp một cái, và công khai tự nhiếc là đồ ngu như lừa. Không hiểu được tại làm sao mà cái chi tiết ấy lại không làm cho ông lưu ý đến ngay từ đầu truyện; ông liền công nhận rằng câu tục ngữ: *Người Nga chỉ sáng trí sau khi việc đã xong rồi*, quả thật là đúng. Tuy vậy, ông ta cũng lấy ngay lại được vẻ tự tin, và cố chữa sự lầm lẫn của mình, bằng cách viện dẫn rằng người Anh đã đưa việc chế tạo máy móc đến một trình độ tinh xảo phi thường. Theo các báo thì có kẻ đã chế được những cái chân gỗ hết sức thần tình, chỉ bấm nhẹ một cái lò xo không ai trông thấy, là nó đưa anh đi ngay đến nơi mà chẳng còn ai có thể tìm ra anh được nữa.

Nhưng chẳng một ai muốn tin rằng Tsitsikôp là đại úy Kôpêikin cả; ông giám đốc bưu vụ đã đi quá xa. Tuy vậy, sự phỏng đoán tài tình của ông ta đã làm cho các quan chức cao hứng lên; họ chẳng muốn thua kém ông chút nào, nên lại đến lượt họ nêu ra những ức đoán, ít nhất cũng vô lý đến như thế. Và dù có kỳ quái đến mấy, họ cũng đi đến chỗ đặt ra câu hỏi: Tsitsikôp là Napôlêông trá hình chăng? Từ lâu, người Anh vẫn ghen ghét nước Nga rộng lớn và hùng cường. Họ in ra cả những bức biếm họa vẽ một người Nga nói chuyện với một người Anh; người Anh dắt một con chó và con chó ấy là Napôlêông; hắn nói: "- Coi chừng, không nghe lời ta, ta thả con chó nó xé xác ra!". Biết đâu, họ đã chẳng để Napôlêông thoát khỏi Xên Hêlêna {*Đảo ở giữa Nam Đại tây dương, nơi người Anh giam Napôlêông*} và ông ta đang dong ruổi ngang dọc trên đất Nga, như Tsitsikôp vậy; nhưng cũng có thể không phải là Tsitsikôp.

Dĩ nhiên, cách giải thích ấy cũng chẳng thỏa mãn nổi các quan

chức của chúng ta. Tuy vậy, sau khi nghĩ kỹ, họ cũng phải nhận rằng mặt Tsitsikôp mà nhìn một bên, nom cũng giông giống chân dung của Napôlêông. Ông cảnh sát trưởng, đã từng tham gia chiến dịch 1812 và có thấy Napôlêông rõ ràng, không thể công nhận rằng Napôlêông cũng không cao hơn Tsitsikôp, và dáng người của Napôlêông cũng có thể nói là không béo, không gày. Chắc có những bạn đọc cho rằng những câu chuyện ấy là vô lý, khó tin; để vừa lòng các bạn ấy, tác giả cũng đồng ý với họ. Nhưng, khốn thay, mọi việc diễn ra đúng như vừa kể thật. Và như thế lại càng lạ lùng, vì thành phố đang nói đây ở vào khoảng giữa hai kinh đô {*Kiểm duyệt bỏ câu này*}, chứ có phải nằm heo hút trên một thảo nguyên xa xôi nào đâu. Không nên quên rằng chuyện này xảy ra sau khi chúng ta đánh đuổi được quân Pháp một cách vinh quang. Thời ấy, tất cả các trang chủ, quan lại, thương nhân của chúng ta, những người làm công ở các cửa hiệu, và những kẻ khác, biết chữ hay không biết, hết thảy đều say sưa chính trị; ít nhất là trong tám năm trời liền. Các báo *Tin tức Mạc tư khoa và Con trai Tổ quốc* được truyền tay nhau cho đến khi rách tả tơi. Đáng lẽ hỏi nhau những câu thường lệ:

"- Này bác, bán kiều mạch bao nhiêu một đấu thế?" hay là: "- Hôm qua, có lợi dụng lúc sương muối không thế?" {*Nói vắn tắt:* ***lợi dụng lúc sương muối để đi săn thỏ****, vì lốt chân của thỏ in trên sương rất rõ*} thì người ta hỏi: "- Các báo đăng tin gì thế? Napôlêông lại thoát khỏi đảo một lần nữa rồi à?" {*Trước kia, năm 1814, Napôlêông bị giam lỏng ở đảo Enb, trong Địa trung hải, đã thoát khỏi đảo trở về, đuổi quốc vương Pháp để lại lên ngôi hoàng đế*}. Sợ việc ấy xảy ra nhất là đám thương nhân, vì họ tin những lời sấm truyền của một nhà tiên tri đã bị giam tù ba năm rồi. Con người thần cảm ấy, không biết từ đâu đến; chân đi dép vỏ cây; mặc cái tulup da cừu, không vải bọc ngoài, xông lên một mùi cá thối đến tởm; hắn thuyết rằng Napôlêông là Quỷ sứ - Phản Cơ đốc, rằng người ta xích hắn lại trong ngục, giữa sáu lớp thành quách, ở tận bên kia bảy biển rộng; nhưng rồi hắn sẽ đập tan xiềng xích và chinh phục cả vũ trụ. Bị bắt giam vì lời sấm truyền hay ho ấy, nhưng nhà tiên tri cũng đã kịp gieo rắc hoang mang vào đầu óc

tầng lớp thương nhân chán chê rồi. Trong một thời gian dài, cứ vào tiệm uống trà, khao nhau nhân một món làm ăn phát tài nào đó là những kẻ ấy chỉ nói đến Quỷ sứ - Phản Cơ đốc. Nhiều công chức, cả nhiều nhà quý tộc nữa, cũng đâm ra suy nghĩ vẩn vơ đến điều ấy và bị thu hút vào chủ nghĩa thần bí, mà ai cũng biết lúc bấy giờ đang đúng thời thượng; họ gán cho mỗi chữ họp thành cái tên NAPÔLÊÔNG một ý nghĩa đặc biệt; nhiều người lại còn phát hiện ra cả những mật mã của Thiên khải luận {*Thiên khải luận là cuốn sách cuối cùng trong bộ Tân ước của Kinh thánh đạo Cơ đốc gồm những ảo ảnh báo trước thắng lợi cuối cùng của đạo Cơ đốc, sau thời thống trị của Phản Cơ đốc; một quyển sách sấm, dùng toàn những biểu tượng và hết sức khó hiểu. Đoạn văn này của Gôgôn rất hiện thực chủ nghĩa, vì vào những năm 20 của thế kỷ XIX ở Nga, chủ nghĩa thần bí cực kỳ thịnh hành: người ta tin tưởng sâu sắc và ngoan cố vào việc xuất hiện của Quỷ sứ - Phản Cơ đốc. Như đã nói trong Thiên khải luận: nhiều người cho rằng Napôlêông là con quỷ Phản Cơ đốc ấy; cũng có người trái lại cho rằng Napôlêông là vị cứu tinh sẽ tiêu diệt quỷ sứ - Phản Cơ đốc là Nhà nước Nga hoàng, lập ra vương quốc của Chúa trên thế giới này. Ở đây Gôgôn trộn cả hai thuyết ngược nhau làm một, và như thế là có dụng ý*}, trong cái tên ấy nữa. Vậy thì các công chức của chúng ta mà đã để thì giờ đoán rằng Tsitsikôp là Napôlêông, cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả; nhưng sau đó thì họ liền thấy rằng óc họ đã tưởng tượng ra lắm cái bậy bạ.

Suy đi, nghĩ lại, bàn ra tán vào chán, rồi họ thấy tốt hơn hết là đem Nôzđriôp ra mà truy vấn một lần nữa cho thật cặn kẽ. Chính hắn là người đầu tiên truyền ra cái chuyện linh hồn chết; giao du mật thiết với Tsitsikôp, ắt hắn biết nhiều về cuộc đời của thằng cha ấy; cho nên cần phải cố khai thác lấy cái gì ở Nôzđriôp vậy.

Những công chức này thật là lạ lùng; mà số đông người đời cũng vậy! Họ cho rằng Nôzđriôp là đồ nói dối; họ biết là không thể nào

tin được thằng cha nói khoác ấy, dù chỉ một lời; ấy vậy mà chính hắn lại là người mà họ xô nhau đến để nhờ giúp. Thật ra, chẳng biết làm thế nào mà hiểu nổi con người! Kẻ này không tin là có Chúa; nhưng nếu thấy buồn buồn trong mũi, thì lại tin ngay rằng ngày tận số của mình đã đến. Kẻ kia chê không thèm đọc một tác phẩm đầy thi vị và ánh sáng, có sự cân đối hòa hợp với vẻ giản dị thần tiên; nhưng lại lao vào đọc một cuốn sách viết vội vàng mà trong ấy, thiên nhiên đã bị một kẻ khéo mồm biến dạng, phản bội, cưỡng hiếp; và lấy làm khoái trá, đi đâu cũng hô lên: "- Đấy, thế mới thật là am hiểu lòng người!" Kẻ nọ suốt đời ghê sợ các ông thầy thuốc, rút cục lại đi hỏi thuốc một mụ già chuyên chữa bệnh bằng những lời thần chú và những bãi đờm có phép thần thông, hay tệ hơn là tự pha chế lấy một thứ thuốc ghê tởm nào đấy, và chẳng hiểu tại sao lại xem nó là phương thuốc duy nhất, thực sự thần hiệu đối với chứng bệnh của mình. Các công chức của chúng ta có thể viện dẫn phần nào lý do là tình thế mà họ đang lâm vào quả thật gay go. Một người sắp chết đuối cố bám lấy bất cứ cái cọng rơm nào, mà dù là con ruồi cũng chưa chắc dám đậu, tuy con người khốn khổ ấy nặng tới bốn năm put; nhưng trong lúc nguy ngập như thế, anh ta đâu kịp nghĩ tới điều đó. Các công chức của chúng ta bám lấy Nôzđriôp, cũng như thế đấy.

Ông cảnh sát trưởng liền viết một cái giấy mời hắn đến nhà ông ta tối hôm ấy; một phái viên đi ủng ống cao, sắc mặt tươi như hoa, dễ gây được thiện cảm, vội tức tốc cầm giấy đi; thanh kiếm cắp bên sườn để phóng cho thật nhanh. Đã từ bốn hôm rồi, một công việc quan trọng giữ liền Nôzđriôp trong buồng riêng; hắn không tiếp ai cả; bữa ăn cũng đưa qua cửa sổ và người hắn gày, xanh hẳn đi; công việc rắc rối kia bắt buộc phải chú ý cao độ. Việc ấy như thế này: cố phối hợp hàng trăm quân bài để bày ra một lối đánh, mà nhờ những dấu hiệu nhỏ li ti ở lưng bài, hắn có thể tin chắc mười mươi là bao giờ cũng phải thắng. Công việc còn thu hút tâm trí của hắn ít ra là mười lăm ngày ròng rã nữa; và trong thời gian ấy thì Porfiri được lệnh phải dùng một cái bàn chải đặc biệt mà cọ vào

rốn và xát xà phòng cho con cún, một ngày ba lần.

Nôzđriôp rất tức giận vì có người dám quấy rầy; hắn chửi rủa thậm tệ kẻ cầm giấy đến; nhưng sau khi xem thư thấy nói rằng người ta chờ một con chim non rất dễ vặt lông vào tối hôm ấy, thì hắn liền dịu lại, mặc vội quần áo vào, khóa cửa buồng hai lần, rồi đến ngay nhà ông cảnh sát trưởng.

Những khẳng định, những ức đoán của Nôzđriôp làm cho các công chức lạc lối hoàn toàn. Con người ấy không biết nghi ngờ là gì cả; thật là trái ngược hẳn nhau, những ức đoán của các công chức mơ hồ và dè dặt bao nhiêu thì của hắn lại chắc chắn và dứt khoát bấy nhiêu. Giọng quả quyết, chẳng chút do dự, hắn trả lời tất cả mọi câu hỏi, Tsitsikôp có mua linh hồn chết, trả tiền hàng nghìn rúp; chính hắn cũng có bán cho, vì hắn chẳng thấy lý do gì để không bán cả.

Đáp lại câu hỏi: - Tsitsikôp phải chăng là một tay mật thám, đang tiến hành một cuộc điều tra bí mật? - Nôzđriôp trả lời là: đúng như vậy. Ngày còn đi học với nhau, anh em đã gọi nó là thằng chỉ điểm và cũng vì cái thói ấy, mà một hôm chúng bạn, có cả Nôzđriôp nữa, đã quật cho nó một trận nên thân; đến nỗi để trích huyết cho nó, chỉ ở hai thái dương mà thôi, đã phải dùng tới hai trăm bốn mươi con đỉa. Nôzđriôp muốn nói bốn mươi, nhưng con số hai trăm kia cứ tự nhiên thêm vào.
Đáp lại câu hỏi: - Tsitsikôp có làm bạc giả không? - hắn khẳng định là có; rồi kể ngay một giai thoại về cái tinh quái phi thường của Tsitsikôp. Nghe tin y cất trong nhà hai triệu rúp bạc giả, cảnh sát liền đến niêm phong và canh gác nhà, y đặt hai tên lính canh ở mỗi cửa ra vào; nhưng đêm đến là anh chàng đánh tráo hết chỗ bạc giả; sáng hôm sau, bỏ niêm ra, thì bao nhiêu bạc đều là thật, chẳng một tờ nào giả cả. Đáp lại câu hỏi: - Tsitsikôp có ý định bắt cóc

con gái ông tỉnh trưởng, và có thật hắn, Nôzđriôp, đã hứa giúp Tsitsikôp không? - hắn quả quyết rằng đúng thật như vậy; vì hắn mà không giúp, thì việc ấy ắt hẳn phải thất bại. Hắn liền nhận thấy những lời nói dối ấy có thể gây cho hắn nhiều việc phiền hà; nhưng hối thì đã muộn rồi. Ngoài ra, trí tưởng tượng của hắn đã làm cho hắn hình dung ra vụ ấy với nhiều chi tiết ly kỳ, đến nỗi hắn không tài nào cưỡng lại nổi cái thú đem kể hết ra được. Hắn nói rõ tên nhà thờ xứ đã được chọn để cử hành hôn lễ bí mật: xứ ấy là làng Trukhmatsepka; ông pôp là Cha Xiđô, nhận làm lễ với món tiền bảy mươi lăm rúp; nhưng chính hắn phải dọa là nếu không nhận thì sẽ tố ông ta vừa làm lễ thành hôn cho lão lái bột Mikhain với người đàn bà đã cùng với lão làm cha và mẹ đỡ đầu cho một đứa bé {*Nhà thờ Chính thống giáo cấm hôn nhân như thế*}. Hắn lại bảo là hắn để chiếc xe ngựa của hắn cho hai người sử dụng và đã chuẩn bị ngựa thay ở các trạm cho họ cẩn thận; hắn kể ra cả tên của những phu trạm nữa.

Các công chức mới hơi nói bóng tới con người Napôlêông thì đã phải bực mình; vì tức thì Nôzđriôp tuôn ra một tràng những lời lếu láo đến nỗi mọi người phải bỏ đi. Chỉ còn ông cảnh sát trưởng ngồi rốn lại nghe, mong được thấy hiện lên một điểm ánh sáng nào tương tự với sự thật chăng; nhưng rồi ông ta cũng phải bỏ cuộc và kêu lên: "Có quỷ biết được là hắn phun ra những chuyện gì". Và mọi người đều đồng ý rằng câu tục ngữ: *Cứ tha hồ mà vắt một con bò đực, chẳng được giọt sữa nào đâu*, là rất đúng. Thế là các công chức phải chia tay nhau trong một tình thế còn khó chịu hơn nữa; vì bây giờ thì đã rõ là không thể nào biết được Tsitsikôp là ai cả.

Nhân dịp ấy, người ta có thể nhận thấy con người là cái hạng tạo vật như thế nào. Con người lúc nào cũng khôn ngoan, tinh ý, thấy rõ lẽ phải trong công việc của người khác; nhưng trong công việc của chính mình thì lại không thế; trong những lúc nguy biến của cuộc đời, hắn biết khuyên bạn những lời chí lý, khiến cho quần

chúng phải kêu lên: "- Bộ óc kiên cường biết bao! Tính khí bất khuất biết bao!". Nhưng khi mỗi một bất hạnh giáng xuống bộ óc kiên cường ấy; khi bộ óc ấy phải vật lộn với những khó khăn của cuộc đời, thì bạn sẽ thấy cái tính khí bất khuất ấy sẽ ra thế nào. Con người không gì lay chuyển nổi ấy liền sớm lột xác và thành một đứa trẻ con bạc nhược, một kẻ hèn nhát đáng bỉ, một thứ đồ tồi {Nguyên văn là **fêtiuk**, một tiếng lóng mà Gôgôn đã đưa vào ngôn ngữ văn học Nga} như Nôzđriôp vẫn nói.

Tất cả những lời đồn đại, bàn tán, những dư luận ấy, không biết làm sao mà lại ảnh hưởng đặc biệt hung ác tới ông chưởng lý tội nghiệp. Về đến nhà, ông ta đâm ra suy nghĩ và nghĩ dữ đến nỗi chết vì nghĩ. Bị trúng phong chăng? Hay vì một chứng bệnh bất ngờ nào khác? Dù sao thì cũng chẳng có nghĩa lý gì cả; tự nhiên đang ngồi trên ghế, ông ta đổ xuống. Người nhà chạy đến, vừa kịp giơ tay kêu lên: "- Ôi, lạy Chúa!" và cho người đi gọi thày thuốc đến trích huyết cho ông; thì thấy rằng ông chưởng lý chỉ còn là một cái xác không hồn. Bấy giờ, người ta mới thấy lần đầu tiên rằng ông chưởng lý, sinh thời cũng có một cái hồn; chắc là vì khiêm tốn, ông không bao giờ phô ra đó thôi. Cái chết vẫn khủng khiếp khi nó giáng xuống một người nhỏ mọn cũng như giáng xuống một bậc vĩ nhân. Con người tội nghiệp ấy, mới đây, còn đi lại, đánh uyxt, ký giấy tờ, và khác người vì con mắt hấp háy và đôi mày rậm; con người ấy giờ đây đang nằm dài trên một cái bàn; con mắt trái thế là vĩnh viễn không hấp háy nữa, nhưng đôi lông mày thì vẫn nhướn cao lên, tựa hồ muốn hỏi điều gì. Ông ta muốn hỏi điều gì vậy: tại sao ông ta sống ở đời, hay tại sao ông ta lại chết như thế? Chỉ có Chúa mới biết được thôi.

Nhưng thật là phi lý, thật là huyền hoặc, không thể nào mà có được! Làm sao mà những công chức lại có thể hoảng sợ đến nỗi mất cả khái niệm về thực tại và đặt ra điều để làm rối beng một việc hết sức rõ ràng, mà đến một đứa trẻ cũng biết ngay mọi sự

tình? Chắc có những bạn đọc lập luận như thế và buộc tội tác giả là đã viết ra những điều không thể nào tin được, hay cho rằng những nhân vật của nó toàn là "*đồ ngốc*" cả. Cái hình dung từ ấy là cái mà con người ta rất hào phóng và sẵn sàng đem gán cho kẻ đồng loại mỗi ngày hai chục lần. Bạn cứ có lấy một thói xấu và được mười tính tốt bù lại, thì cái thói xấu duy nhất ấy đã đủ để liệt bạn vào hàng những thằng ngốc rồi. Từ nơi ẩn dật thanh tĩnh, trên cao nhìn xuống, bạn đọc thu tóm hết vào tầm mắt toàn thể sự việc diễn ra dưới thấp; mà ở đấy thì cái nhìn của người ta chỉ tới được một chân trời hữu hạn; như vậy là bạn có thể phán đoán rất thuận lợi. Trong lịch sử nhân loại, có nhiều thế kỷ mà người ta muốn xóa đi, làm biến đi, vì cho là vô ích. Thời ấy đã phạm biết bao nhiêu sai lầm mà ngày nay có lẽ một đứa trẻ cũng không mắc phải. Nhân loại đi tìm chân lý vĩnh viễn, đã chọn những con đường chật hẹp, khúc khuỷu, vòng vèo, khó đi biết bao nhiêu; trong lúc trước mắt họ là một thông lộ vương giả, thênh thang, thẳng tắp như những đại lộ đưa tới cung vua, phủ chúa. Ban ngày rực rỡ mặt trời, ban đêm ánh trăng chiếu sáng; con đường ấy vượt xa tất cả mọi con đường khác về vẻ lộng lẫy, huy hoàng; nhưng loài người xưa nay vẫn lần mò trong đêm đen, mà không hề trông thấy nó. Cũng có khi, nghe theo một mối thần cảm từ trên truyền xuống, họ bước lên con đường ấy, nhưng lại lạc lối tức thì; giữa ban ngày mà cứ đâm thẳng vào những rừng rậm không lối ra, lại còn làm mù mắt lẫn nhau và lấy thế làm thú; rồi bước theo những ngọn lửa ma trơi, họ đến bên miệng vực thẳm và hãi hùng hỏi nhau: "Lối ra ở đâu? Con đường đúng ở đâu?". Thế hệ hiện tại biết tất cả những điều ấy; nó ngạc nhiên và chế giễu những sự lầm lạc của cha, ông; nhưng không thấy rằng lịch sử đã được viết ra với lửa của trời; rằng mỗi chữ đều sáng sủa rõ ràng; rằng từ đâu đâu cũng có một ngón tay oai nghiêm chỉ vào nó, vào chính nó, vào cái thế hệ hiện tại này; mà nó thì cứ thích thú trong việc chế nhạo người xưa và ung dung phạm những sai lầm mới; để rồi sẽ đến lượt hậu thế chế nhạo lại nó.

Tsitsikôp hoàn toàn không hay biết gì về mọi việc xảy ra cả; lại vừa vặn lúc ấy thì y bị cảm lạnh, kèm theo sưng và viêm cuống họng; đó là những thứ quà mà khí hậu của nhiều tỉnh lỵ của chúng ta thường đãi khách không hề tiếc. Sợ phải chấm dứt cuộc phù sinh, không kịp để lại những người nối dõi; y quyết định nằm liền ba bốn ngày, không ra khỏi buồng; suốt thời gian ấy y không rời khỏi miếng thuốc cao bằng lá cúc và long não; y luôn luôn súc miệng bằng sữa đun với quả vả; xong rồi ăn các quả ấy. Để tiêu những thì giờ nhàn rỗi bắt buộc đó, y lại lập danh sách mới, rất chi tiết, ghi tất cả những nông phu mua được; y đọc rảo qua cuốn *Công tước phu nhân Đơ la Valie {Tiểu thuyết dịch của nữ sĩ Pháp đơ Jăng lix là nhà văn nước ngoài được giới thượng lưu Nga ham thích nhất trong đầu thế kỷ XIX}* tìm được một tập không trọn bộ trong hòm áo; y sắp xếp lại cho ngăn nắp cái tráp đựng bút mực và đọc lại vài cái giấy tờ cất ở đấy. Nhưng chẳng mấy chốc, y đã chán. Y không làm thế nào mà hiểu được tại sao chẳng có một công chức nào đến hỏi thăm sức khỏe y cả; vì trước đấy, bao giờ cổng khách sạn mà chẳng có xe đỗ: xe ông giám đốc bưu vụ, xe ông chưởng lý, xe ông chánh án. Y đi đi lại lại như đo căn buồng; chốc chốc lại nhún vai.

Sau cùng, y thấy đỡ hẳn và sung sướng biết mình đã có thể đi ra ngoài, thở khí trời, không hại gì cả. Chẳng đủng đỉnh gì nữa, y sửa sang cái bộ mặt; mở tráp, y lấy xà phòng và cái chổi quệt xà phòng, rót nước nóng vào một cái cốc và bắt đầu cạo râu; việc ấy kể cũng hợp thời, vì đưa tay lên cằm và ngắm mình trong gương, y vội kêu lên: “Chao ôi, thật là một cánh rừng!”. Có lẽ nói thế cũng hơi quá; nói là cái truông thì đúng hơn. - Cạo râu xong, y mặc quần áo vội vội vàng vàng; đến nỗi đút chân vào ống quần, y bị vướng, suýt ngã kềnh ra. Sau cùng, trang phục đã ấm ấp, người thơm phức ô đơ Côlôn, đôi má che kín dưới chiếc khăn quàng; y nhanh nhẹn bước ra phố. Cũng như đối với mọi người mới ốm dậy, cuộc dạo chơi ấy đối với y thích thú chẳng kém gì một ngày hội; cái gì đối với đôi mắt của y cũng có vẻ tươi cười; từ nhà cửa cho đến những

người mujik nom dữ tợn, mà nhiều tay chắc đã có dịp trổ tài đấm đá rồi.

Nơi viếng thăm đầu tiên, tất nhiên, phải là ông tỉnh trưởng. Dọc đường, tâm trí y bận rộn nhiều ý nghĩ; nhưng hình ảnh cô thiếu nữ tóc vàng cứ phất phới trước mắt, làm cho trí tưởng tượng của y tha hồ mà phóng túng, và cuối cùng y cũng đến phải tự trêu mình một chút. Tâm hồn phấn chấn như thế, y bước vào phòng áo dinh tỉnh trưởng; vừa cởi áo khoác ra thì người gác cổng liền bảo, giọng dứt khoát, không chút do dự; làm cho y rất đỗi ngạc nhiên: - Có lệnh không tiếp.

- Hả? Thế nào? Anh không nhận ra ta à? Hãy nhìn lại cho kỹ đi; Tsitsikôp bảo thế.
- Làm sao tôi không nhận ra ông được; tôi thấy ông lần này chẳng phải là lần thứ nhất. Nhưng chính ông, và chỉ có mình ông, là tôi được lệnh không cho vào.
- Nói gì thế? Tại sao thế? Làm sao, hả?
- Có lệnh như thế; và chắc là có lý do; người gác cổng trả lời và nói thêm; "- đúng thế đấy".

Nói xong, hắn lấy một tư thế ngang nhiên, như chẳng cần gì ai cả, khác hẳn cái vẻ khúm núm của hắn trước đây không lâu, những khi hắn nhanh nhảu cởi áo ngoài cho Tsitsikôp. Hắn nhìn y mà như nghĩ thầm: "- Này, quan lớn, bà lớn mà cấm cửa đằng ấy, thì đúng đằng ấy là một kẻ chẳng ra gì!".
"- Chẳng hiểu ra làm sao cả!", Tsitsikôp nghĩ thế, rồi đến ngay nhà ông chánh án; nhưng trông thấy y là ông ta luống cuống đến nỗi chẳng nói được một câu ra trò; ông ta lúng búng mấy tiếng chẳng ra đầu đuôi gì cả, làm cho cả đôi bên đều thấy xấu hổ. Ở nhà ông chánh án ra, Tsitsikôp cố đoán xem ông ta muốn nói gì, muốn ám chỉ cái gì; nhưng đành chịu. Y bèn đến nhà ông cảnh sát trưởng, rồi

nhà ông phó tỉnh trưởng, nhà ông giám đốc bưu vụ, và nhà nhiều người khác; nhưng kẻ thì không tiếp, kẻ thì tiếp một cách lạnh lùng và nói với y những lời lúng túng, vô nghĩa lý, đến nỗi y thấy ngờ rằng họ bị loạn óc. Y đến gõ cửa nhiều nơi nữa, mong được biết rõ, ít nhất là duyên cớ của cách cư xử kỳ quặc ấy; nhưng hoài công, vô ích. Thế là, như ngây, như dại, y lang thang mãi trong thành phố, không thể biết đích xác được rằng ai - chính mình hay là các công chức - đã bị loạn óc, và cái chuyện phi lý hết sức này là giấc mê hay là sự thật.

Đêm xuống đã lâu rồi, y mới trở về khách sạn; sáng ra đi thì vui vẻ, phấn chấn thế; giờ thì để giải phiền, y bảo dọn trà lên, rót ra một chén, rồi ngẫm nghĩ đến cái tình thế kỳ quái của mình; bỗng cửa buồng mở ra, và Nôzđriôp bước vào, thật chẳng ai ngờ.
- Tục ngữ có câu: *Vì bạn thì bảy versta nào có phải là đi đường vòng*, hắn vừa nói, vừa bỏ mũ ra; tớ đi qua đây, thấy buồng cậu còn đèn, tớ nghĩ: được, nó chưa ngủ, mình vào đây. À, trà đấy à, tuyệt! Tớ vui lòng uống một tách; chẳng biết lúc nãy ăn chiều, tớ ngốn những thứ gì ghê tởm mà cái dạ dày lại đâm ra cọc cạch thế này. Cậu nhồi cho tớ một tẩu thuốc lá đi. Đâu, tẩu của cậu đâu rồi?
- Tôi không hút tẩu, Tsitsikôp trả lời lạnh lùng, cụt ngủn.
- Thôi đi, làm như người ta không biết cậu ấy! Ê, thằng người hầu của cậu tên gì nhỉ? À, Vakhramêi, bảo đây!
- Không phải Vakhramêi, Pêtruska đấy.
- Thế nào?... Trước cậu nuôi thằng Vakhramêi cơ mà.
- Tôi có nuôi Vakhramêi nào bao giờ.
- Ừ, phải rồi, thằng người hầu của Điêriêbin mới là Vakhramêi. Cái thằng Điêriêbin ấy, quả thật là may! Cậu hãy tưởng tượng, cô nó giận thằng con trai, vì thằng này lấy một nông nô; rồi đem tất cả gia tài để lại cho Điêriêbin. Tớ thật mong được một bà cô như thế… Nhưng cậu này, tại sao cậu tránh mọi người thế, chẳng thấy cậu đi đâu nữa cả. Tất nhiên, tớ biết, cậu bận vì những vấn đề khoa học, cậu lại ham đọc sách (Tại sao mà Nôzđriôp nghĩ rằng Tsitsikôp ham đọc sách và nghiên cứu khoa học, chúng ta chẳng

thể biết được; mà Tsitsikôp lại càng không biết nữa)… A, cậu Tsitsikôp này, giá cậu được thấy… thật là cái mồi ngon cho óc châm biếm của cậu! (Tại sao Tsitsikôp lại có óc châm biếm, chúng ta cũng chịu thôi). - Cậu hãy tưởng tượng, cậu ạ, là chúng tớ đến đánh *gorka* ở nhà lão lái Likhatsôp; thật là tha hồ chơi! Pêrêpenđiep đi theo tớ, cứ nói đi, cứ lại: "- Hoài của, không có Tsitsikôp ở đây! Hôm nay thật là hợp với nó!" (Suốt đời, Tsitsikôp chưa từng biết một Pêrêpenđiep nào cả)… Nhân thể, cậu ạ, phải thú thực rằng hôm nọ đánh cờ đam, cậu đối với tớ bỉ ổi thật. Tớ đã được đứt đuôi đi rồi… thế mà cậu ăn cắp gọn của tớ. Nhưng mà tớ, quỷ bắt tớ đi, tớ không biết thù đâu nhé! Này, lúc nãy, khi lão chánh án… À, này! Nhân tiện tớ quên bảo cậu biết là trong thành phố, tất cả đều chống lại cậu đấy.. Chúng nó bảo cậu làm bạc giả. Chúng nó truy tớ; tớ hết sức bảo vệ cậu. Tớ kể cho chúng nó nghe rằng tớ là bạn học của cậu ngày xưa, rằng tớ biết cả ông cụ nhà cậu; cậu biết chứ, tớ đã cho chúng một trận nên thân…
- Tôi làm bạc giả? Tsitsikôp hét và nhảy vọt lên.
- Quỷ sứ, tại sao cậu lại làm cho chúng khiếp sợ đến thế? Vì cái chuyện ấy, chúng đã loạn óc lên cả rồi; chúng cho cậu là một tên tướng cướp, một tên mật thám… Lão chưởng lý sợ quá, chết mất rồi! Mai đưa ma đấy, cậu có đi đưa không? Nói thật, chúng nó hốt lão tổng trấn mới lắm. Nhưng, tớ cho là lão ta mà làm bộ ông lớn, thì chẳng được đếch gì của quý tộc đâu. Quý tộc vẫn thích hiền lành, phúc hậu thôi, phải không nào? Dĩ nhiên, lão ta có thể cấm cung trong văn phòng và không mở vũ hội nữa; nhưng như thế thì lão sẽ được gì? {*Đoạn từ* ***Nhưng, tớ cho là…*** *cho đến đây, bị kiểm duyệt bỏ*}… Này, cậu có biết không, Tsitsikôp ạ, cậu tự dấn thân vào một vụ nguy hiểm lắm đấy…
Tsitsikôp lo ngại hỏi: - Vụ nào?
- Bắt cóc con gái lão tỉnh trưởng chứ vụ nào nữa. Thú thực, tớ cũng tin là cậu sẽ làm thế. Xin thề là lần đầu tiên tớ thấy hai người ở vũ hội, tớ đã nghĩ bụng: này, này, thằng cha có ý kiến rồi đấy nhé… Thật ra, cậu có biết không, tớ chẳng tán thành cái việc chọn lựa của cậu tí nào đâu. Con bé ấy, đối với tớ, chả ra quái gì… Có một đám, họ hàng với Bikuxôp, cháu gái gọi lão ta bằng cậu; con

bé ấy mới thật tuyệt! Có thể nói rằng: đáng giá đấy…
- Anh nói gì thế? Tôi định bắt cóc con gái ông tỉnh trưởng à! Tsitsikôp kêu lên, đôi mắt trợn ngược.
- Thôi, cậu ơi, thật là khéo giấu giếm! Tớ thú thực là tớ đến giúp cậu đây. Tớ làm chứng cho cậu; tớ kiếm cho cậu đủ xe kiệu, ngựa trạm; chỉ với một điều kiện là cậu cho tớ vay ba nghìn rúp. Đối với tớ, đó là một vấn đề sinh tử.

Trong khi Nôzđriôp nói nhảm như thế, Tsitsikôp dụi mắt nhiều lần để chắc rằng mình còn tỉnh, chứ không phải đang nằm mê. Y làm giấy bạc giả, dự định bắt cóc con gái ông tỉnh trưởng, làm cho ông chưởng lý chết toi; một tổng trấn mới bổ, sắp đến! Tất cả những tin ấy cùng làm cho y hoảng hốt. Y tự nhủ: - Thôi, sự thể đã như vậy, thì chỉ còn cách nhổ trại đi cho chóng nữa mà thôi!

Sau cùng, y đẩy được Nôzđriôp đi, vội vàng gọi Xêlifan vào ra lệnh ngày mai phải dậy từ mờ sáng và chuẩn bị đầy đủ, để lên đường đúng vào lúc sáu giờ: chiếc britska phải xem lại cẩn thận, chùi rửa sạch sẽ và dầu mỡ đầy đủ, vân vân… Tsitsikôp đặc biệt nhấn mạnh vào điểm này.
"- Xin vâng, Paven Ivannôvits ạ", Xêlifan nói, rồi đứng tần ngần trên ngưỡng cửa.

Tsitsikôp lại bảo Pêtruska lấy hòm áo; hắn kéo chiếc hòm từ gầm giường ra; một lớp bụi dày đã có đủ thì giờ phủ kín mặt hòm. Hai thầy trò nhét bừa vào nào là bít tất, sơ mi, quần áo bẩn, quần áo sạch, cốt ủng, sách lịch… tất cả những gì mà họ vớ được. Nhân vật của chúng ta muốn được sẵn sàng ngay từ đêm nay, để ngày mai chẳng còn gì có thể làm chậm lúc lên đường được nữa.

Sau hai phút liền đứng nhìn Pêtruska và ông chủ, Xêlifan mới

quyết định đi xuống; hắn đi chậm, chậm đến nỗi chẳng còn ai trên đời có thể đi chậm hơn được nữa; để lại trên những bậc thang bị mọt đục, những dấu ủng còn ướt của hắn; và vừa đi, vừa gãi gáy, mãi không thôi. Gãi như thế có ý nghĩa gì? Bực mình vì bắt buộc phải thôi, ngày mai không được gặp ở tiệm rượu, một thằng bạn mặc tulup khổ, buộc cái thắt lưng sặc sỡ? Hay là, đã có ước hẹn trong một việc tâm sự, Xêlifan mãi tiếc những câu chuyện phong tình, thủ thỉ buổi tối, trên các bậc cửa, nắm chặt đôi bàn tay trắng trẻo trong hai bàn tay mình; vào cái giờ phút mà bóng tối phủ khắp phố phường, và một chàng trai mặc áo sơ mi rộng, màu đỏ, phừng phưng gảy chiếc đàn balalaika, mua vui cho bọn đầy tớ, thợ thủ công và những hạng người hèn mọn khác, đang giả cái mệt của một ngày lao lực với những câu chuyện hàn huyên vui vẻ? Hay là chỉ buồn vì phải bỏ lại một chỗ ngồi ấm cúng đã thu xếp được cạnh lò sưởi; phải thôi không ăn món xúp bắp cải béo ngậy và món Pirôjki ngon lành, để lại giong ruổi dặm trường, trên mưa, dưới bùn, dầm sương, dãi nắng? Họa có Chúa biết được. Một người thường dân Nga đưa tay lên gãi gáy, cứ chỉ ấy có nhiều ý nghĩa lắm!

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương 11

Tuy vậy, mọi việc diễn ra chẳng đúng những dự định của Tsitsikôp tí nào cả. Trước tiên, y dậy muộn hơn y nghĩ; đó là điều trái ý thứ nhất. Vừa dậy y liền cho xuống hỏi xem chiếc britska đã thắng chưa, nhưng được biết là chưa có chút chuẩn bị nào cả; đó là điều trái ý thứ hai. Giận lắm, y sửa soạn cho anh bạn Xêlifan của chúng ta một trận; trong khi nóng lòng muốn biết duyên cớ mà anh chàng viện ra để tự biện bạch. Một lát Xêlifan vào và ông chủ được nghe thỏa thích những lời mà thường đày tớ vẫn nói, mỗi khi cần phải đi vội.

- Nhưng, Paven Ivannôvits ạ, phải đóng móng ngựa.
- À, đồ con lợn! Đồ ngu như chó! Tại sao mày chẳng bảo trước gì cả? Không có thì giờ chắc!
- Có thì giờ chứ, đúng thế… Nhưng còn bánh xe nữa, Paven Ivannôvits ạ; phải thay cái vành sắt, vì đường đã hỏng nhiều lắm…. Lại còn, ông cho phép con nói nốt: phía trước xe cũng yếu lắm rồi; may ra chỉ đi được hai trạm là cùng.
- Đồ đểu! Tsitsikôp mồm quát, tay vung lên và xông sát tới, đến nỗi Xêlifan sợ ăn tát, phải lùi lại mấy bước. Mày muốn tao chết à? Mày định giết tao trên đường cái hả, đồ quái vật, đồ du côn, đồ ăn cướp! Ở đây đã ba tuần rồi! Tại sao mày chẳng nói gì cả hả, đồ khốn nạn! Mày chờ đến lúc cuối cùng, khi người ta tưởng chỉ còn có việc lên xe nữa mà thôi! Có phải là làm ăn đểu giả không, hả, hả? Mày có biết trước không? Nói đi. Có biết không, hả?
Xêlifan đầu cúi gầm, thú thực: - Con có biết.
- Thế tại sao mày lại chẳng nói gì cả, hả?
Xêlifan không đáp; đầu lại cúi gầm, hắn như tự nói với mình: "Lạ quá nhỉ: mình biết mà mình chẳng nói gì cả!"
- Đi gọi thợ rèn ngay, nhanh lên; và nội hai giờ, mọi việc phải xong xuôi hết. Nghe chưa? Nội hai giờ, không lôi thôi gì cả. Không xong thì tao, thì tao… tao gô cổ mày lại! Nhân vật của ta đang cơn tức giận.
Xêlifan đi về phía cửa để thi hành mệnh lệnh; nhưng dừng lại và nói:
- Thưa ông, phải bán con Vằn đi; con ấy, Paven Ivannôvits ạ, quả là một tai nạn. Một con vật vô dụng như thế chỉ tổ quấy rầy ta dọc đường thôi.
- Được, tao sẽ đem bán nó ngoài chợ!
- Con xin nói thật, Paven Ivannôvits ạ, nó chỉ vờ vĩnh bên ngoài. Con xin chắc rằng chẳng có con vật nào xỏ lá bằng nó.
- Đồ ngu! Bao giờ tao muốn thì tao bán. Giờ mày cũng lý sự rồi đấy à! Cứ chờ đấy. Mày mà không gọi được thợ rèn đến ngay và mọi việc không xong xuôi trong hai giờ, thì tao cho mày một trận!... Rồi mày sẽ không nhận ra mặt mày nữa đâu! Đi, cút!

Xêlifan đi ra.

Tsitsikôp vẫn chưa nguôi giận; y ném xuống sàn thanh kiếm đi đường y vẫn đeo luôn bên người, để gây cho những tên cướp có thể hiện ra, một mối sợ có ích. Y phải mà cả hơn mười lăm phút với bọn thợ rèn mới ngã ngũ; cái quân vô lại thực sự ấy, cứ thường lệ, thấy khách vội là đòi tiền công đắt lên gấp sáu lần. Y có cáu tiết, có nhiếc chúng nó là đồ kẻ cắp, đồ kẻ cướp, chặn đường khách đòi tiền mãi lộ, y có viện cả tới phán quyết cuối cùng; bọn thợ rèn vẫn mắt ngơ, tai điếc, không hề nhượng bộ. Chẳng những chúng không bớt một xu; mà còn làm cái việc, đáng ra chỉ mất có hai giờ, trong năm giờ rưỡi đồng hồ.

Trong lúc chúng chữa xe thì y được cái thú hưởng những phút mà khách lữ hành thường phải trải qua, khi mà lữ hành đã gói buộc xong xuôi cả rồi; trong gian buồng chỉ còn lại những mẩu dây, những giẻ và giấy rách; và tuy chưa lên đường, người lữ hành cũng không còn ở nhà nữa. Qua cửa sổ, khách thấy người qua đường nói chuyện với nhau về những việc vặt vãnh của họ, ngước mắt lên, rồi đi thẳng sau khi đã nhìn người ta với một vẻ tò mò ngốc nghếch, làm cho kẻ lữ hành đã khổ sở vừa chưa đi được, lại càng khó chịu thêm. Tất cả những cái gì trông thấy - quán hàng trước mặt, cái đầu của một bà lão ở nhà bên cạnh đang đến gần cửa sổ che màn mỏng - mọi thứ đều làm cho Tsitsikôp ghét quá; tuy vậy, y vẫn cứ phải đứng đấy. Khi mơ màng, khi lơ đãng, y nhìn mọi vật đang cử động hay đang đứng yên dưới mắt y; cáu tiết y lấy ngón tay gí chết một con ruồi bay vo ve đang vướng vướng vào cửa kính.

Nhưng cái gì cũng phải có lúc hết; và cái phút chờ mong đã đến rồi. Mọi thứ đã sẵn sàng; phía trước chiếc xe đã chữa lại, vành bánh đã thay, ngựa cho đi uống nước đã đưa về; và mấy thằng kẻ

cướp thợ rèn đã cút, sau khi đếm đi, đếm lại mấy đồng rúp tiền công và chúc thượng lộ bình an. Xe thắng xong, hai chiếc bánh mì trắng mới ra lò, vừa mua xong, được mang theo và về phần hắn, Xêlifan cũng đã nhét vài thức ăn uống đầy cái túi để cạnh ghế xà ích. Rồi, giữa những chuyện lặt vặt thông thường như mọi lúc ra đi, ông chủ lên xe; anh người hầu, vẫn mặc xurtuk đêmicôtôn {*Từ Nga, mượn của các từ Pháp* ***surtout*** *và* ***demi-coton****, nghĩa là áo dài bó lấy mình và vải dệt nửa bông*}, nhìn theo, tay vẫy vẫy mũ lưỡi trai, giữa một đám tòng bộc và xà ích đến chứng kiến phút lên đường. Thế là chiếc britska thông dụng của hạng người độc thân, và chắc đã làm nhàm tai bạn đọc khá nhiều rồi, bấy lâu ở thành phố chỉ để không, giờ mới vượt qua chiếc cổng lớn của khách sạn. "- Lạy Chúa tôi!" Tsitsikôp khấn thầm và làm dấu thánh giá. Xêlifan ra roi, và Pêtruska, đứng một lúc trên bậc cửa xe, rồi đến ngồi cạnh hắn. Nhân vật của chúng ta ngồi thoải mái trên một tấm thảm Gruzia {*Gruzia là một trong mười lăm nước cộng hòa hợp thành Liên bang Xô viết xã hội chủ nghĩa trước đây, ở ven Hắc hải, và thuộc vào đế quốc Nga hoàng từ năm 1802; ta quen gọi theo tiếng Pháp là Jêorji*}, chèn sau lưng một cái gối tựa bằng da, ép sát vào hai chiếc bánh mì trắng; rồi thì cỗ xe lại bắt đầu nhảy nhót, lắc lư trên cái lòng đường không hề tiếc những cái xóc, cái lắc đối với nó. Y lơ đễnh nhìn những cái nhà, những bức tường, những hàng rào, những đường phố chầm chậm lùi dần về phía sau và cũng tựa hồ đang nhảy nhót; những cái mà chắc là suốt đời y sẽ không bao giờ gặp lại nữa. Đến một ngã rẽ, chiếc britska phải dừng lại, vì suốt đường phố trước mặt đang có một đám ma dài đi qua. Tsitsikôp, nghiêng người ra, bảo Pêtruska hỏi xem người chết là ai và được biết là ông chưởng lý.

Hết sức khó chịu, y liền thu mình vào một góc xe, lấy tấm chăn da trùm kín người và bỏ màn cửa xe xuống.

Trong khi phải đứng yên như vậy, Xêlifan và Pêtruska cung kính

bỏ mũ ra rồi quan sát đám người đi đưa ma, áo quần họ mặc, tính nhẩm số người đi bộ theo và số người đi xe. Ông chủ cấm họ không được để cho người ta nhận ra mình và chào những người hầu mà họ quen biết, rồi chính mình cũng rụt rè nhìn qua những miếng kính của các rèm da. Tất cả các công chức, đầu trần đi theo linh cữu. Mới đầu y ngại người ta nhận ra cỗ xe của y; nhưng các ông ấy còn mải bận những lo lắng khác. Họ không trao đổi cả những câu chuyện thân mật mà thường người ta vẫn nói với nhau trong khi đưa ma. Tất cả mọi ý nghĩ của họ còn mải tập trung vào bản thân: họ tự hỏi quan tổng trấn mới thuộc vào cái hạng người như thế nào, và buổi đầu sẽ đối đãi với họ ra sao. Theo sau các công chức là những xe chở các bà, mang khăn tang đen. Cứ những cử động của môi họ và cánh tay họ, thì biết rằng họ đang nói chuyện trò rất náo nhiệt; có lẽ họ đang nói về việc quan tổng trấn mới sắp đến, ức đoán về những vũ hội mà ông ta sẽ mở, và bàn đến những đường viền hoa và vật trang sức phù phiếm muôn năm của họ. Vài chiếc đrôjki không người ngồi, đi theo đám tang ở sau cùng.

Đường đã thông rồi, nhân vật của chúng ta có thể đi tiếp. Y cuốn màn lên, thở dài và nói, giọng ảo não: "- Đấy, ông chưởng lý! Ông đã sống và đã qua đời rồi! Tin buồn đăng trong các báo sẽ nói là một công dân đáng kính, được thuộc lại và cả toàn thể nhân loại tiếc thương, một người chồng, người cha gương mẫu, vân vân… vân vân… đã qua đời. Người ta sẽ thêm là tiếng khóc của quả phụ và cô nhi đưa ông đến tận nơi cuối cùng; thật ra, xét cho kỹ thì giá trị duy nhất của ông ta chỉ là có đôi lông mày rậm!"

Y ra lệnh cho Xêlifan đi nhanh thêm và nghĩ thầm: "Gặp đám ma thế mà tốt, người ta bảo đó là điềm may!"

Đến đấy thì chiếc britska đi vào những phố vắng hơn; rồi người ta

chỉ thấy những hàng rào gỗ dài, cho biết là sắp ra khỏi thành phố. Thế là đường lát đá qua hết, thành phố mất hút đằng sau, chẳng còn thấy gì khác ngoài đường cái quan vô tận nữa, và lại tiếp theo nhau, những cột chỉ verxta, những người coi trạm, những cái giếng, những xe tải nặng nề; những làng xóm tồi tàn với những xamôva, những đàn bà nhà quê; những chủ quán nhanh nhẹn, râu ria xồm xoàm, thấy xe đến là chạy ra, tay bưng kiều mạch; một kẻ vô gia cư mà đời sống lang thang trên tám trăm verxta đã làm mòn hết đôi ủng vỏ cây; những thị trấn nhà cửa lộn xộn, với quán hàng bằng gỗ bầy biện những thùng bột, những giày bằng vỏ cây, những bánh mì trắng và mọi thứ vặt vãnh khác; những cái ngáng đường màu sặc sỡ, những cầu đang chữa; những cánh đồng bát ngát với những cỗ xe cổ lỗ của trang chủ; một người lính cưỡi ngựa, dẫn một chiếc xe quân nhu sơn màu lục, chở đầy những chì đúc đạn và mang dòng chữ: *Khẩu đội pháo số* bao nhiêu đấy; những dải đất màu lục, màu vàng, nổi bật trên đồng bằng, cạnh những đất đã cày lên đen nhánh; những cây thông ngọn cao tít trong sương mù; tiếng vọng của một bài hát hay một hồi chuông; những đàn quạ đông như ruồi; và chân trời vô biên…

Ôi nước Nga! Nước Nga! Từ phương xa kỳ ảo này, ta thấy nước Nga; nghèo nàn, xơ xác và không ở được {*Kiểm duyệt bỏ* ***"xơ xác và không ở được"***}; chẳng có một kỳ công nào của nghệ thuật làm tôn vẻ đẹp của thiên nhiên, để cho người ngắm cảnh phải vui thích hay khiếp sợ. Trên đất Nga, người ta không thấy những thành phố với những cung điện tráng lệ cheo leo trên vực thẳm; những tòa nhà phủ kín dây trường xuân, bám đầy những thứ cây đẹp như tranh, cạnh những thác nước đổ ầm ầm, tung bọt trắng; người ta không phải ngửng đầu lên để ngắm những khối đá chồng lên nhau đến một độ cao chóng cả mặt; người ta không hề thấy, qua những vòm cây râm mát, chằng chịt những dây trường xuân, tường vi và nho, những nét núi không thay đổi, sáng rực lên ở đằng xa, nổi bật trên nền trời ánh bạc {*Đoạn này viết vào năm 1873-1838 ở nước Ý, trong một lúc mà cảm hứng đến với Gôgôn rất dồi dào. Theo*

Gôgôn thuật lại, thì một hôm, dừng chân trong một khách sạn trên đường giữa Jenzanô và Anbanô, ***"ngồi trong một góc, trong bầu không khí ngột ngạt, giữa tiếng ồn ào của khách trọ, tiếng đánh bi a, tiếng chạy đi, chạy lại của những người hầu bàn, chàng quên mình trong một giấc mơ màng tuyệt diệu và viết một mạch suốt một chương"****. Có lẽ là chương này: cảnh tả trong đoạn này chính là phong cảnh cổ điển của nước Ý}*. Quạnh hiu trong cảnh đơn điệu; khắp nơi ngươi đều như thế; như những cái chấm, cái vết không nhìn thấy được, những thành phố thấp thỏi của ngươi lẫn vào các đồng bằng. Chẳng có gì làm xiêu lòng, làm đẹp mắt người ta cả. Nhưng mà sức mạnh huyền bí nào thu hút ta đến với ngươi? Tại sao vang lên không dứt bên tai ta khúc ca ai oán, văng vẳng từ biển nọ tới biển kia {*Từ Hắc hải tới biển Bantik, từ Nam lên Bắc đất Nga*}, khắp nơi trên không gian bao la? Có cái gì trong khúc hát ấy? Cái gì kêu gọi, và thổn thức, và thít chặt lấy tim ta? Những âm thanh nào len lỏi, như một cái vuốt ve đau đớn, vào tận hồn ta, và ám ảnh hồn ta khôn dứt?

Nước Nga! Ngươi muốn gì ở ta? Sợi dây khó hiểu nào đã ràng buộc chúng ta với nhau? Có gì mà ngươi lại nhìn ta như thế? Tại sao tất cả những gì trong nước Nga đều quay lại nhìn ta với những đôi mắt đầy vẻ mong chờ?... Lưỡng lự, ta đứng yên; một đám mây đầy giông tố sắp vỡ ra thành mưa, làm tối sầm bầu trời trên đầu ta, và tư duy của ta lặng thinh trước cảnh bao la của nó. Không gian vô tận này báo hiệu cái gì? Vô biên, ngươi sẽ sinh ra một thiên tài cũng bao la như ngươi chăng? Chẳng phải đã tiền định rằng ngươi sẽ đẻ ra những anh hùng, vì ngươi đem cho họ trường hoạt động rộng lớn để xây dựng sự nghiệp? Cảnh mênh mông hùng cường của ngươi làm ta tràn ngập nhiệt tình, xao xuyến đến tận chốn sâu thẳm của tâm hồn; một sức mạnh siêu phàm làm ta mở mắt ra. Ôi, xứ sở của những chân trời rực rỡ, cao cả, không thấy có ở nơi nào khác trên thế giới. Ôi, nước Nga!... {*Đoạn mạn văn trữ tình này bị Biêlinxki cho là giả tạo. Xem lời thanh minh của Gôgôn trong bức thư dịch ở chương này*}

- Cẩn thận, cẩn thận, đồ ngu! Tsitsikôp quát Xêlifan.

Một người liên lạc, ria mép dài đang phóng từ phía trước lại và hét ầm lên: - Muốn nếm mùi kiếm à? Ma quỷ bắt ba hồn bảy vía mày đi! Thấy xe của hoàng gia mà không tránh sang một bên được à?

Như một ảo ảnh, một chiếc troika {*Xe ba ngựa đặc biệt của người Nga*} vút qua và biến đi trong tiếng ầm ầm và bụi mù.

Biết bao cái lạ lùng và hấp dẫn, và cám dỗ, và kỳ ảo mà hai tiếng *lữ hành* gợi lên cho ta! Và chính cuộc lữ hành này mới thần diệu làm sao! Trời quang, mây tạnh, lá thu rơi, không khí mát lạnh… Dát lạnh, ta cuộn mình trong chiếc măng tô, kéo mũ lông xuống tận tai, nép người vào một góc xe. Một cái rùng mình cuối cùng, rồi một hơi ấm áp dịu dàng lan dần khắp thân ta. Ngựa phóng như bay… Một thứ buồn ngủ dễ chịu làm ta nửa mê, nửa tỉnh; mắt nhắm lại, ta nghe như qua giấc mơ tiếng người đánh xe trạm hát bài *Tuyết không trắng*, tiếng bánh xe lăn, lẫn tiếng ngựa thở phì phò; thế rồi ta ngủ quên, và cứ dồn mãi người ngồi cạnh vào một góc xe.

Thức dậy thì năm trạm đã qua; ánh trăng chiếu xuống một thành phố lạ; những nhà thờ với những nóc hình cầu cổ kính và những mũi tên đen sạm; những ngôi nhà làm bằng thân gỗ đen ngòm; những ngôi nhà làm bằng đá trắng toát. Ánh trăng chiếu từng đám như những miếng vải trắng trên các bức tường, trên các đường lát đá; được chiếu chênh chếch như vậy, các mái nhà bằng gỗ sáng lên một ánh kim; chẳng còn một ai nữa; mọi người đều ngủ. Chỉ le lói một ánh sáng cô đơn ở một cửa sổ nào đó: có lẽ là một người dân phố nào đấy đang khâu lại đôi ủng hay là một người thợ bánh mì đang đun lò; điều đó không quan trọng. Và đêm đẹp làm sao, hỡi

thiên thần, đêm thanh tĩnh biết bao! Và không trung, và bầu trời cao, xa, sâu thăm thẳm, mênh mông, đầy âm thanh và trong sáng!... Nhưng khí lạnh ban đêm thổi vào mặt bạn, khẽ ru bạn và bạn đã lại lịm dần, rồi bắt đầu ngáy; và cái người vô phúc ngồi bên cạnh, lại bị ép vào góc xe; hắn ngáp thở khò khè và càu nhàu, bực bội thấy một sức nặng đè lên mình.

Tỉnh dậy, cũng lại chỉ những cánh đồng và những thảo nguyên; không gian hoang vắng, chẳng thấy gì hiện ra cả. Một cái cột chỉ con số verxta, vút qua dưới mắt bạn; trời bắt đầu sáng; một màu phơn phớt vàng xuất hiện trên chân trời trăng trắng; gió thổi đã buốt hơn; cuộn kín mình vào áo măng tô thôi!... Cái lạnh dễ chịu biết bao! Lại mơ mơ, màng màng; nhưng một cái lắc lại đánh thức bạn dậy lần nữa. Mặt trời lên đã cao. Một tiếng ai kêu: "Từ từ, từ từ!". Chiếc têlêga đang xuống một cái dốc đứng; bên dưới là một con đê rộng, một cái ao to lóng lánh dưới mặt trời như một chiếc chậu đồng; làng đây rồi, những cái izba tản mát trên sườn đồi; chiếc thánh giá của ngôi nhà thờ sáng ngời lên như một vì sao; những người mujik chuyện trò léo nhéo và ta thấy đói gớm ghê… Lạy Chúa! Thỉnh thoảng đi một chuyến thật xa, thật xa, còn gì tốt bằng! Đã biết bao phen, ôi dặm trường! Như người sắp chết, ta đã bíu vào ngươi và ngươi đã cứu vớt ta cao thượng như cứu kẻ lạc đường, vớt người chết đuối. Ngươi đã gợi cho ta biết bao tư tưởng tốt đẹp, bao giấc mộng nên thơ! Giong ruổi dặm trường, ta đã được trải qua biết bao ấn tượng thần tiên!... {*Đoạn văn này rất đậm ý nghĩa trữ tình, vì Gôgôn là một kẻ lữ hành gần suốt đời; trong bức thư ngày 25 tháng chạp năm 1840 viết cho X.Akxakôp, văn hào cũng thú nhận:* ***"- Giá mỗi mùa hè tôi được đi một chuyến! Du hành đối với tôi là một phương thuốc rất bổ ích"***}

Ông bạn Tsitsikôp của chúng ta, bây giờ cũng đang mơ màng, những giấc mơ không dung tục đến như thế. Hãy xem y có những cảm giác gì. Trước tiên, y chẳng có cảm giác gì cả; chỉ chốc chốc

ngoái nhìn lại phía sau, để xem là đã đi khỏi hẳn thành phố chưa; nhưng khi thấy rằng nó đã mất hút từ lâu; cả những lò rèn; những cối xay gió và vật trang trí khác của các ngoại ô cũng không còn nữa; cả đến những mái trắng của các nhà thờ bằng đá cũng đã khuất đi lâu rồi; thì y chỉ còn biết ngắm cảnh đường trường, nhìn hết bên trái đến bên phải; bấy giờ thành phố N… không còn trong trí nhớ của y nữa; tựa hồ y đi qua đấy đã lâu lắm, từ thuở còn bé {*Trong bản thảo thứ hai, ở đây có xem vào đoạn sau này:* ***…Đôi khi, dưới một quang cảnh rút ngắn lại và trong một phạm vi thu gọn lại, cũng diễu qua trước mắt y những người dân thành phố, ông tỉnh trưởng, đêm vũ hội, canh bài uyxt đánh cho mãi tới gà gáy, con cá chiên, con cá heo, cái khách sạn, sự lầm lẫn lạ lùng của các công chức; nhưng rồi tất cả những cái ấy mờ nhạt dần, tựa hồ những bản thử cuối cùng của các bức tranh in, hay những cái vết chấp chới trước mắt ta, khi ta nhìn mặt trời lúc xế tà. Những vết ấy còn in dấu phũ phàng lên tất cả mọi vật, đập vào mắt ta trong một thời gian dài nữa. Trên những cánh đồng, trong ánh chiều tà, nơi mà các loài hoa dựng dậy ở đầu cành như những vì sao rực rỡ giữa những tiếng vo ve của côn trùng được thức tỉnh; trên con đường đo đỏ và bụi mù; trên mái nhà thôn dã, cổ lỗ, có cây khổ ngải mọc; trên cỏ khô mà dân làng tay cầm chĩa ba, đánh lại thành đống; tóm lại là khắp nơi, ở đâu các chấm ấy cũng đậu rồi bay; trước rực rỡ, sáng lòe như chớp, sau nhạt nhạt dần, và một khi đã tắt thì đối với ta, chỉ còn như những viên đạn chì. Sau cùng Tsitsikôp không nghĩ gì nữa, nhắm mắt lại…***}.

Sau cùng cảnh vật bên đường không làm y chú ý nữa; y nhắm mắt lại, tựa đầu vào chiếc gối. Tác giả lấy thế làm mừng, xin thú thật như vậy, vì được cơ hội để nói ít nhiều về nhân vật của mình; cho đến nay, bạn đọc cũng thấy đấy, tác giả lúc nào cũng bị ngăn trở, hoặc bởi Nôzđriôp, hoặc bởi các vũ hội, các phu nhân, các chuyện ngồi lê, đôi mách; hoặc cuối cùng bởi muôn nghìn chi tiết mà khi đã ghi vào một cuốn sách thì trông như vô nghĩa, nhưng trong giới thượng lưu vẫn được xem là cực kỳ quan trọng. Thôi, bây giờ hãy

gác mọi chuyện lại để bắt tay vào việc này.

Rất đáng ngờ là nhân vật mà tác giả chọn đã làm vừa ý bạn đọc. Nó không vừa ý các bà, có thể nói chắc như vậy; vì các bà vẫn đòi hỏi nhân vật phải là hiện thân của sự toàn thiện toàn mỹ; còn nếu lộ ra một mảy may khuyết điểm về hình thức hay tinh thần nào, thì thế là đi đứt! Dù tác giả có phân tích sâu sắc tâm hồn của nó, phản ánh hình dáng của nó trung thành như một tấm gương; người ta cũng phủ nhận hết mọi giá trị. Vóc người phì nộn với cái tuổi trung niên của Tsitsikôp chắc chắn sẽ làm hại y không ít; người ta không bao giờ tha thứ cho nhân vật cái tội phì nộn và chắc rằng nhiều bà sẽ vừa quay đi vừa nói: "- Eo! Xấu khiếp!" {*Những bản thảo đầu tiên, không có những đoạn mạn văn yêu nước như ở các trang trước và trang sau đây, mà có đoạn giải thích về phương pháp xây dựng nhân vật của tác giả và nói đến những nhà văn mà tác giả lấy làm mẫu mực:* ***…Than ôi! Tất cả những điều ấy, tác giả đều biết rõ. Nhưng hắn thú thực là chưa bao giờ phải chịu một nguồn cảm hứng do phụ nữ gợi cho; mà còn thấy khó chịu lạ lùng mỗi khi có một người đàn bà tựa vào bàn làm việc của hắn. Giờ đây, chính sự khó chịu cũng không thể len lỏi vào tâm hồn hắn nữa. Được cảnh cô đơn, được một đời sống nội tâm khắc khổ tôi luyện, hắn không quen nhìn quanh mình những khi viết văn; nếu không phải là đôi mắt hắn tự nhiên ngửng lên những bức chân dung của Sêkxpia, của Aixtôtêlex, của Finđinh, của Xecvantex, của Puskin; là những người đã miêu tả thiên nhiên như thật, chứ không phải thiên nhiên như người ta muốn***}.

Than ôi! Tất cả những điều ấy, tác giả đều biết rõ, tuy vậy hắn không thể chọn một con người đạo đức làm nhân vật. Nhưng… có thể là, ngay trong truyện này, người ta cũng được nghe rung lên những sợi dây đàn mà mãi đến đây, chưa ai biết; người ta được thấy xuất hiện cái phong phú của tâm hồn Nga, không thể xóa nhòa đi được, một người đàn ông giá trị cao cả {*Kôxtanjôglô, xem phần thứ hai, chương thứ ba và tư*} hay một thiếu nữ Nga tuyệt vời

{*Ulinka, xem phần thứ hai, chương thứ nhất và hai*} không đâu có trên thế giới, tâm hồn sáng ngời một sắc đẹp thần tiên, đầy những nhiệt tình cao quý và sẵn sàng hy sinh. Và bên cạnh những nhân vật mới ấy, tất cả mọi người đức hạnh của các dân tộc khác tựa hồ người chết cả; cũng như cuốn sách là một nhân vật chết bên cạnh lời nói sinh động! Những hành động Nga sẽ được biểu lộ…; và người ta sẽ thấy những cái chỉ lướt qua trên tâm hồn các dân tộc khác, đã ăn sâu vào tâm hồn Xlav đến thế nào… Nhưng cái đang còn là viễn ảnh thì nói tới làm gì! Tác giả, người đứng tuổi, đã được tôi luyện qua một đời sống nội tâm khắc khổ, lại được cảnh cô đơn làm cho thuần hậu; mà lại bả lả một cách vô tư lự như một thanh niên, thì sao cho phải. Việc gì cũng cho đúng lúc và đúng chỗ chứ.

Con người đức hạnh đã không được chọn làm nhân vật. Có thể nói rõ lý do ra như sau: đã đến lúc để cho con người khốn khổ ấy được yên thân rồi; vì bất cứ lúc nào, người ta cũng có sẵn sàng ở cửa miệng mấy tiếng: *"con người đức hạnh"*, và như thế chẳng đúng lúc gì hết; vì người ta đã đem người đức hạnh ra làm con ngựa, mà không nhà văn nào là không cưỡi lên, tay hoa cái roi và bất cứ cái gì vớ được; vì người ta đã làm cho con người đức hạnh kiệt lực; đến nỗi giờ đây, đến bóng dáng của đức hạnh nó cũng không còn nữa, mà chỉ còn có xương với da thôi; vì người ta viện đến người đức hạnh một cách dối trá, chẳng hề có mảy may tôn trọng nào đối với nó cả. Không, đã đến lúc phải thắng những kẻ vô lại vào xe. Thế thì thắng một kẻ vô lại vào đây vậy!

Gốc tích của nhân vật chúng ta rất tầm thường, không tiếng tăm gì. Bố mẹ y thuộc hàng quý tộc, thế tập hay chỉ có một đời, có Chúa biết được. Mặt mày y chẳng giống bố mẹ; ít ra, đó cũng là theo lời một người bà con đã chứng kiến lúc y ra đời; một mụ đàn bà lùn tịt mà ở Nga người ta thường gọi là chim te te {*Tiếng Nga là* ***pigôlitxa****, theo ghi chép của Gôgôn trong* ***Sổ tay****, thì đó là cách nói*

đặc biệt của vùng Vlađimia gần Mạc tư khoa}. Bế thằng bé lên, mụ ta nói: "- Chẳng như mình tưởng chút nào! Chắc nó phải giống bà ngoại nó mới phải chứ; đằng này như lời tục ngữ nói: "- Nó chẳng giống mẹ, cũng chẳng giống bố, mà lại giống thằng cha đàn ông qua đường kia!".

Trước tiên, cuộc đời nhìn nó một cách dễ sợ, như qua một cửa kính mờ, phủ kín tuyết. Suốt cả thời thơ ấu mà không có được một bạn thân, bạn sơ nào! Một căn buồng nhỏ với những cửa sổ nhỏ, đóng kín mùa đông cũng như mùa hè; một người cha bệnh hoạn, mặc áo surtuk lót lông cừu, đi giày sợi đan không bít tất; lúc nào cũng đi đi, lại lại trong phòng, vừa đi vừa thở dài và khạc nhổ vào một cái ống phóng đầy cát bao giờ cũng để trong một góc cố định, bất di, bất dịch; những buổi học dài vô tận, ngồi trên chiếc ghế dài, tay cầm bút và mực đầy các ngón tay và cả đôi môi nữa; lúc nào trước mắt cũng có cái câu châm ngôn: "Không được nói dối; tôn kính người lớn và tu dưỡng đức hạnh trong lòng"; lúc nào cũng tiếng lẹp kẹp của đôi giày đi lại trên sàn; mỗi khi chán cái việc làm đơn điệu, thằng bé lại thêm tí hoa hòe vào những chữ viết tập, thì cũng lại một cái giọng quở mắng quen thuộc không bao giờ thay đổi: "- Lại nghịch ngợm rồi!" Tiếp theo là cảm giác cũng rất quen thuộc và khá đau đớn ở cái dái tai bị beo giữa những móng tay dài và cong như những cái vuốt: đó là cảnh ảm đạm thời thơ ấu mà y còn lại một kỷ niệm mờ nhạt.

Nhưng trong đời, mọi việc thay đổi rất chóng. Đến ngày nắng đẹp đầu tiên của mùa xuân, sau độ băng tan, cha cho con lên một chiếc têlêga, do một con ngựa gày kéo; cái loại ngựa hồng, mặt trắng, mà bọn lái ngựa của chúng ta gọi là ngựa lang; xà ích là một lão gù bé nhỏ, chủ cái gia đình nông nô duy nhất của bố Tsitsikôp, nên phải làm gần hết mọi thứ công việc trong nhà. Đi gần hai ngày, ngủ trọ một đêm, qua một con sông, ăn patê nguội và một miếng thịt cừu quay; rồi sáng ngày thứ ba thì họ đến thành phố. Thằng bé ngạc

nhiên vì vẻ đẹp của phố phường, há hốc mồm ra mấy phút. Rồi con ngựa lang sảy chân xuống một cái hố, nơi bắt đầu một ngõ hẹp, dốc nghiêng và lầy lội; hì hục, giãy giụa mãi và được cả xà ích lẫn ông chủ kích thích, hồi lâu nó mới thoát lên được và cuối cùng đưa mọi người vào một cái sân nhỏ ở lưng chừng dốc. Hai cây táo đang nở hoa trước mặt một cái nhà nhỏ cũ kỹ; sau nhà là một cái vườn con trồng toàn thanh lương trà và hương mộc, che kín một chiếc lều mà gỗ lợp đã gần nát, và chỉ có một cửa sổ con kính đã mờ; đó là nơi ở của một người bà con của họ, một bà lão chỉ còn da bọc xương, nhưng sáng nào cũng đi chợ và về thì đem bít tất hong lên trên xamôva. Bà lão vỗ má thằng bé và khen vẻ béo tốt của nó. Từ đấy nó ở nhà bà lão và ngày ngày đi học trường tỉnh. Ông bố ở lại một đêm, rồi sáng hôm sau thì trở về. Ông từ giã con mà không hề ứa nước mắt, nhưng cho nó năm mươi kôpek bằng đồng để tiêu vặt, và quý hơn tiền, là những lời khuyên rất khôn ngoan:
"- Cẩn thận, Paplutsa ạ, phải học đi; không được làm những trò ngu dại hay nghịch ngợm; nhất là phải cố làm cho các thầy giáo và cấp trên bằng lòng. Như vậy, giá có kém thiên tư, giá Chúa có không cho chút tài năng nào; mày cũng tiến lên và vượt những đứa khác. Bạn bè, chớ có giao du; chúng bạn chẳng bảo cho mày được cái gì hay đâu; giá có phải giao du thì đánh bạn với những đứa con nhà giàu hơn cả, để khi cần chúng có thể giúp cho. Đừng thết ai, đừng biếu ai cái gì; nhưng hãy làm cho kẻ khác phải biếu mình. Nhất là phải tằn tiện, cóp nhặt cho nhiều kôpek: ở đời chẳng có gì chắc chắn bằng. Một thằng bạn hay một kẻ thâm giao, sẽ bỏ rơi mày trước tiên trong cơn hoạn nạn; chứ kôpek thì không bỏ mày trong bất cứ cảnh ngộ nào. Có kôpek thì chẳng có gì mà không đạt được."

Truyền xong những lời giáo huấn khôn ngoan ấy, ông bố lên đường trở lại nhà; ông ta không bao giờ gặp lại con nữa, nhưng những lời ấy đã khắc sâu vào tâm hồn đứa bé.

Ngay hôm sau, Paplutsa bắt đầu đi học. Nó không có thiên tư gì đặc biệt cả, chỉ hơn người về tính cần cù và sạch sẽ; trái lại, nó tỏ ra rất hơn người về một mặt khác, mặt thực tiễn. Nó hiểu ngay phải làm như thế nào và nó ăn ở với bạn bè khéo đến nỗi bao giờ cũng chúng bạn thết nó; và không những không thết lại, nhiều khi nó còn đem quà của chúng cho, giấu đi, rồi lát sau thò ra bán lại cho chúng. Từ tấm bé, nó đã quen nhịn tất cả mọi thứ. Không những chẳng tiêu một kôpek nào vào số tiền của bố cho, nó lại còn thêm vào cho chẵn một trăm kôpek ngay từ cuối năm đầu; và về mặt ấy nó đã tỏ ra khéo léo gần như phi thường. Trước tiên, nó lấy sáp nặn một con chim khách, tô màu, rồi bán lại rất được giá. Xong nó lại lao vào những vụ đầu cơ khác. Mua sẵn thức ăn ở ngoài chợ; vào lớp, nó ngồi cạnh các bạn con nhà giàu và khi một đứa bắt đầu buồn nôn, - triệu chứng của đói - thì nó liền dúi cho với cái vẻ tự nhiên như là vô tình, một mẩu bánh ngọt hay bánh sữa; và cứ thế kích thích cho thèm; rồi bắt trả tiền nhiều ít tùy theo sự háu đói của thằng bé. Nó bỏ ra hai tháng, không nghỉ, để huấn luyện một con chuột nhắt nuôi trong một cái lồng gỗ con, tập cho con vật biết đứng hai chân sau, nằm xuống, đứng lên theo lệnh; sau đấy nó đem bán cũng được giá. Cóp nhặt được năm rúp thì nó nhét vào một cái túi con và khâu lại; rồi bắt đầu dành dụm với một cái túi khác.

Đối với các thầy giáo, cách ăn ở của nó lại càng khéo hơn nữa. Trong lớp chẳng có ai ngồi yên lặng bằng nó. Nên nhớ là ông giáo của nó rất chuộng sự yên lặng và hạnh kiểm tốt; chứ không thể chịu được những đứa bé thông minh, linh lợi: ông tưởng chúng nó lúc nào cũng sẵn sàng chế giễu ông. Khốn cho đứa bé nào rơi vào cái hạng mà ông nhận xét là sắc sảo về trí tuệ; chỉ cần vô ý cựa một cái, nhấp nháy một tí là được biết ngay cơn thịnh nộ của ông. Ông mắng, ông đuổi ra ngoài, ông phạt không thương xót. Ông nói: “- Ta trị cho tiệt cái thói hỗn láo và bất phục tùng. Ta biết ngươi đến tận tim đen, hơn là ngươi tự biết ngươi nữa. Này, quỳ xuống! Không được ăn chiều!”

Và thằng bé đáng thương, bị phạt mà không biết tại sao, cứ xoa đầu gối và nhịn đói suốt ngày.

Khả năng, thiên tư, toàn là nhảm nhí cả! Ông ta thường quát lên như thế. Ta chỉ coi trọng hạnh kiểm thôi. Kẻ nào đến chữ A mà cũng không biết, nhưng hạnh kiểm tốt, thì ta cũng sẽ cho điểm tối đa về tất cả các môn học; nhưng kẻ nào mà ta thấy là không thuần, hay chế giễu, là ta cho điểm không, dù nó có giỏi vào bậc thầy Xôlôn {***Xôlôn*** *(640 – 558 tr.C.N.) chính khách lỗi lạc, đã lập ra hiến pháp dân chủ cho thành bang Athinai, nổi tiếng là một trong bảy vị đại hiền của cổ Hy Lạp*} đi nữa!

Ông giáo nói như vậy và ông ta ghét Krưlôp {***Ivan Krưlôp*** *(1768 - 1844) là nhà thơ ngụ ngôn nổi tiếng nhất trong lịch sử văn học Nga*} vì đã viết rằng: *"Nói thật, uống đi nếu anh muốn; nhưng hãy biết rõ việc mình!"*.

Lúc nào ông ta cũng kể lại với vẻ mặt tươi rói, rằng trước ông ta có dạy một lớp yên lặng đến nỗi một con ruồi bay cũng nghe rõ tiếng và suốt cả năm, chẳng có một học sinh nào ho, một học sinh nào xỉ mũi; và từ khi bắt đầu cho đến khi chuông tan học, chẳng ai có thể biết là trong lớp có người hay không.

Tsitsikôp hiểu ngay tâm lý ông giáo và biết là phải ăn ở như thế nào. Ngồi trong lớp, không bao giờ nó dám nhấp nháy, cau mày hay giật mình, cho dù có kẻ cấu vào lưng cũng vậy. Chuông tan học vừa đánh là nó chạy lên đầu tiên để đưa cho thầy giáo, trước tất cả mọi người, cái mũ có tai mà ông ta thường đội. Sau đấy, nó ra khỏi trường đầu tiên và cố có mặt ít nhất là ba lần trên đường về của thầy, để cất mũ chào. Cái thủ đoạn ấy thành công rực rỡ. Trong

thời gian đi học, bao giờ nó cũng được đánh giá là học sinh ưu tú; nó ra trường với những điểm tối đa về tất cả mọi môn và được cấp một cái giấy chứng nhận với một cuốn sách có ghi dòng chữ vàng: *"Thưởng vì chuyên cần đáng làm gương mẫu và hạnh kiểm không chê trách được"*.

Dạo ấy Tsitsikôp đã là một thanh niên, đã bắt đầu phải cạo râu, và phong tư nom cũng dễ ưa. Vừa lúc ấy thì bố y chết. Gia tài để lại có bốn chiếc gi lê rách lòi cả chỉ, hai áo surtuk cũ lót lông cừu và một món tiền chẳng đáng bao lăm. Ông bố, như người ta thấy đấy, biết khuyên người cóp nhặt cho nhiều kôpêk; nhưng chính mình thì chẳng cóp nhặt được tí nào cả. Tsitsikôp liền bán cái nhà đã nát với chút ít đất chung quanh được một nghìn rúp, rồi chuyển cái gia đình nông nô còn lại lên tỉnh; quyết định ở đấy và vào làm việc nhà nước. Bấy giờ, ông giáo cũ, thường ưa sự yên tĩnh và hạnh kiểm tốt, bị cách chức, hoặc vì ngu ngốc, hoặc vì một cái lỗi nào đấy. Buồn chán, ông ta đâm ra uống rượu; và cuối cùng chẳng còn lấy một kôpek. Ốm đau, không có bánh ăn, cũng chẳng có nơi nương tựa; ông ta chết dần, chết mòn trong một căn nhà lụp sụp, tồi tàn không có củi sưởi. Nghe tin thầy lâm vào tình cảnh cùng quẫn, học trò cũ, những anh thông minh, linh lợi mà lúc nào thầy cũng cho là bất phục tùng và xấc láo, góp nhau được một số tiền khá giúp thầy; để góp phần, nhiều anh đã phải bán cả những thứ cần thiết và quý giá; chỉ mình Paplutsa Tsitsikôp lấy cớ là không có tí của cải nào và đưa ra một đồng năm kôpêk; anh em bạn liền ném trả lại và kêu lên: "Ôi, cái đồ keo kiệt!". Khi biết cách ăn ở của học trò cũ, ông giáo khốn khổ úp mặt vào hai bàn tay và khóc ròng ròng với đôi mắt đã tắt, như một đứa trẻ yếu đuối. Ông ta nói, giọng yếu ớt:
- Chết đến nơi, Chúa mới muốn cho tôi được khóc.
Nghe kể lại cách ăn ở của Tsitsikôp, ông ta thở dài buồn bã:
- Ôi! Paplutsa! Con người thay đổi thật chẳng ai ngờ. Thằng bé tốt quá, ngoan thế, chẳng chút gì là xảo trá. Phì! Lừa dối, thật là lừa dối!...

Tuy vậy, cũng không thể nói rằng bản tính của nhân vật chúng ta là vô tình, khắc bạc; rằng tình cảm của y đã mòn mỏi đến nỗi y không còn biết đến lòng thương xót, trắc ẩn nữa. Y chẳng muốn gì hơn là cứu giúp đồng loại, nhưng mà với một số tiền cỏn con thôi, đừng quá một mức nào đấy, để đừng thâm vào cái vốn mà y đã quyết tâm giữ nguyên vẹn. Tóm lại một chữ là lời giáo huấn của cha: cóp nhặt cho nhiều kôpêk, đã có kết quả vậy. Nhưng mà có phải y thích tiền chỉ vì tiền đâu; y không hề bủn xỉn, keo kiệt. Không. Y ao ước được một đời sống hoan lạc, chẳng thiếu thức gì; xe ngựa, lâu đài, tiệc tùng; đầu óc y luôn luôn nghĩ đến cái cảnh ấy. Và để cho những điều ao ước được thực hiện, y lo cóp nhặt cho nhiều kôpêk, bắt mình nhịn đủ mọi thứ và cũng từ chối tất cả mọi thứ đối với người khác. Mỗi lần gặp một anh nhà giàu đi chiếc xe đẹp với cỗ ngựa yên cương lộng lẫy; y tần ngần đứng lặng như bị thôi miên; hồi lâu mới chợt tỉnh và nói một mình:
- Thằng cha ngày trước chỉ làm công hiệu buôn: tóc cắt tròn phía sau gáy!

Tất cả những gì có mùi giàu sang và xa xỉ đều tác động sâu sắc đến y; và chính y cũng không hiểu được tại sao như thế nữa.

Học xong, y cũng không muốn nghỉ ngơi ít lâu; vì y thật nóng lòng muốn ra tay xây dựng cơ nghiệp. Mặc dù đã có những chứng thư rất tốt, y cũng phải chật vật mãi mới xin được việc làm ở Kho bạc; dù là ở một cái tỉnh xép, cũng phải có thần có thế chứ! Cái chức vụ xin được ấy cũng nhỏ mọn lắm: ba mươi hay bốn mươi rúp gì đấy một năm! Nhưng y thì đã quyết tâm hăng hái phụng sự và vượt qua mọi khó khăn. Quả nhiên, y tỏ ra khắc khổ, nhẫn nại, quên mình một cách phi thường. Từ sáng đến chiều, chẳng hề mệt mỏi về cơ thể cũng như về tinh thần, y chúi mũi vào đống giấy tờ, sao sao, chép chép; không về nhà nữa, ngủ luôn ở sở, trên bàn làm việc; thỉnh thoảng ăn chiều cả với bọn gác; thế nhưng y vẫn sạch sẽ,

quần áo chỉnh tề, vẻ mặt dễ ưa, và cử chỉ còn có vẻ quý phái nữa. Cần phải nói rằng những kẻ đồng sự với y thì trái lại, nổi bật vì người xấu nết hư. Có người thì cái mặt như cái bánh mỳ nướng chưa chín; một má phồng lên, cái cằm lệch hẳn sang một bên, môi trên sưng húp như cái nhọt và lại còn nẻ ra nữa; thật là khủng khiếp. Người nào cũng nói năng thô lỗ như sắp sửa đánh nhau. Họ thường là đệ tử của Baccux {*Đệ tử của Baccux nghĩa là người nghiện rượu, vì Baccux là tên La tinh của thần rượu nho Điônyzôx trong thần thoại Hy Lạp*} và chứng tỏ rằng bản chất Xlav còn giữ nhiều tàn tích tà giáo {*Các đạo Cơ đốc gọi các tín ngưỡng khác, nhất là các tín ngưỡng có từ trước thời Thượng cổ, là tà giáo cả*}; nhiều khi họ đến sở mà còn ngà ngà say, khiến cho không khí không thể nào thở được vì sặc sụa những mùi, không phải là mùi hương liệu. Dĩ nhiên, giữa đám người cạo giấy ấy, Tsitsikôp trông khác hẳn; người ta không thể không để ý đến y được; vẻ mặt y khỏe mạnh, giọng nói y dễ ưa, và y hoàn toàn không rượu chè gì cả. Tuy vậy, con đường của y vẫn lắm khó khăn. Y ở dưới quyền một viên thủ trưởng là một lão già hoàn toàn sắt đá, tuyệt đối chẳng biết xúc cảm là gì: không bao giờ mỉm một nụ cười trên bộ mặt trơ trơ; không bao giờ nói với ai một lời tử tế, dù chỉ là hỏi thăm sức khỏe. Chưa có người nào được thấy lão thoáng bỏ cái thái độ lạnh lùng của lão, dù ngoài phố hay ở nhà. Có bao giờ lão tỏ chút cảm tình với ai lấy một lần chăng; lão rượu vào, rồi trong cơn say, có thể cười một cái chăng; lão quên mình trong cái vui man rợ mà một tên tướng cướp, khi đã say cũng không từ chối chăng? Không bao giờ; tất cả những chuyện ấy đối với lão đều xa lạ. Chẳng chút tình cảm nào làm cho lão có sinh khí lên cả; và cái tình trạng hoàn toàn vô cảm giác ấy có một cái gì thật là ghê gớm. Bộ mặt trơ như đá, không có chút gì bất cân xứng đáng chú ý cả, không gợi lên một cái gì tương tự cả; bộ mặt ấy đều đặn một cách thật là khắc bạc. Chỉ có những vết rỗ đậu mùa làm cho nó lỗ chỗ và xếp nó vào cái loại mặt mà, theo lối nói dân gian, ban đêm quỷ sứ *dùng để giã đậu*.

Là con người thì thật chẳng thế nào mà tranh thủ nổi cảm tình của một kẻ như thế; nhưng Tsitsikôp cũng cứ thử. Trước tiên, y cố làm cho lão hài lòng cả trong những việc nhỏ nhất; y xem kỹ cách gọt các bút lông mà lão thường dùng, rồi theo kiểu ấy mà gọt mấy chiếc, đem để một chỗ mà cứ mỗi lúc cần là lão có sẵn ngay; y phủi sạch cát {*Thời ấy viết bằng cọng lông ngỗng và dùng một cái túi cát con để chấm mực, như ta dùng giấy thấm ngày nay*} và vụn thuốc lá ở bàn làm việc của lão; kiếm cho lão những cái giẻ chùi bút, chùi mực sạch sẽ; không bao giờ quên mang mũ đến cho lão, một cái mũ thổ tả, đúng một phút trước khi về; chải cả lưng áo cho lão những khi bị dính vôi, vì lão tựa vào tường. Nhưng viên thủ trưởng ấy vẫn không thèm lưu ý và xem như chẳng có việc gì xảy ra cả. Sau cùng, y đi hẳn vào đời sống gia đình của lão; được biết rằng lão có một người con gái, cũng đã lớn tuổi, rất giống bố vì cũng có cái mặt mà ban đêm quỷ sứ dùng để giã đậu. Y quyết tấn công về phía ấy. Y hỏi xem chúa nhật cô ta đi lễ nhà thờ nào; rồi lần nào cũng quỳ ngay trước mặt cô ta, quần áo lịch sự, vạt trước sơ mi hồ cứng. Cái trò ấy thế mà cắn câu; viên trưởng phòng kho bạc phải xiêu lòng và mời y về nhà cùng uống trà! Ở sở chưa ai kịp hay biết gì cả, thì mọi việc đã thu xếp ổn thỏa đến nỗi Tsitsikôp dọn đến ở nhà lão, và thành ngay một người rất cần thiết: y đi mua bột, mua đường, y xem cô gái như vợ chưa cưới, gọi ông bố là "ba" và hôn tay lão. Ở Kho bạc, ai cũng nghĩ rằng đám cưới sẽ được cử hành vào cuối tháng hai, trước tuần Chay. Ông trưởng phòng kho bạc chạy chọt, xin xỏ quan trên cho Tsitsikôp, và ít lâu sau, khuyết một chức trưởng phòng, y liền được bổ vào chức ấy. Hình như mục đích chính trong quan hệ của y với ông công chức già thế là đạt được rồi; nên y liền bí mật chuyển hòm xiểng đi, và ngay hôm sau thì dọn đi ở chỗ khác. Y thôi không gọi lão là ba và không còn hôn tay ông ta; còn việc đám cưới thì tuyệt nhiên không nghe nói đến nữa. Tuy vậy, mỗi lần gặp ông lão, y cũng không quên bắt tay ông ta rất thân tình, và mời ông ta uống chén trà; đến nỗi ông lão, dù xưa nay vẫn không biết xúc cảm, cứ trơ trơ như mặc một bộ áo giáp, lần nào cũng phải lắc đầu lẩm bẩm: "- Nó lừa mình, nó lừa mình, con nhà yêu quái".

Cái bước khó khăn nhất thế là đã vượt qua; cuộc đời của nhân vật chúng ta nhờ thế đã được thảnh thơi hơn. Y chóng thành một người có địa vị cao; vì có đủ mọi đức tính cần thiết cho cái môi trường ấy: lịch thiệp trong cử chỉ, quyết đoán trong công việc. Với những thủ đoạn như thế, chẳng mấy chốc y kiếm được một chức vụ béo bở, mà y biết khai thác cách tốt nhất. Cần phải nói rằng thời ấy, người ta bắt đầu nghiêm khắc truy tầm những kẻ ăn hối lộ, đủ mọi hạng. Không những không sợ, y còn tức khắc xoay các biện pháp ấy lại thành có lợi cho y, và biểu lộ bằng cách ấy cái tài khôn khéo của người Nga, cái tài thường chỉ thức tỉnh trong những lúc bị nhũng nhiễu. Đây, công việc diễn ra như thế này: Khi một người đến thỉnh cầu, thò tay vào túi rút ra *những thư giới thiệu ký tên công tước Khôvanxki {Công tước A.N.Khôvanxki, giám đốc ngân hàng Nhà nước từ 1818 tới 1857, là người ký nạp mọi thứ giấy bạc phát hành ở Nga trong thời gian ấy; thành ngữ này chỉ giấy bạc Nga}* - như người ta thường nói ở nước Nga chúng ta - thì y liền giữ tay người ta lại, mồm mỉm cười và nói:
"- Không, không, chắc ngài nghĩ rằng chúng tôi… Không, không! Bổn phận chúng tôi phải làm, không có chút thưởng công nào đâu! Ngài chẳng phải lo ngại gì cả, nội ngày mai là mọi việc xong xuôi hết. Xin ngài cho biết địa chỉ và cứ yên tâm: chúng tôi sẽ cho mang mọi thứ đến tận nhà".

Người thỉnh cầu mê tín, ra về hoan hỷ, phấn khởi và nghĩ bụng: "- Đấy, nay mới thấy một người như thế; cần phải có rất nhiều người như thế nữa! Thật là một viên ngọc quý!". Nhưng một ngày qua, rồi hai ngày, chỉ mất công chờ, chẳng thấy ai đến cả; ngày thứ ba cũng trôi qua nốt, vẫn chẳng thấy gì! Người thỉnh cầu vội vàng đến công sở. Việc của anh ta vẫn chưa hề được bắt đầu giải quyết. Anh ta liền hỏi ngay viên ngọc quý.
- Ấy chết! Xin lỗi ngài! Tsitsikôp rất lịch sự, vừa nói vừa cầm tay anh ta. Thật chúng tôi bận quá sức; nhưng nội ngày mai thì mọi

việc đều xong xuôi cả; vâng, ngày mai, chắc chắn như vậy! Chúng tôi lấy làm xấu hổ quá đi mất!"

Kèm theo những lời nói ấy là những cử chỉ rất duyên dáng. Nếu trong khi nói chuyện mà một vạt áo của y hơi lệch, thì y vội vàng sửa lại cho ngay ngắn và cố giữ lấy cho khỏi lệch nữa.

Nhưng, ngày hôm sau, rồi những ngày hôm sau nữa, cũng chẳng thấy giấy má gì đem đến nhà cả. Người thỉnh cầu đâm ra suy nghĩ: "Này, chắc có điều gì đây?"; anh ta hỏi dò thì người ta cho biết là phải cho bọn nha dịch ít nhiều gì.
- Có phải tôi không cho đâu… tôi sẵn lòng đưa một rúp, hai rúp.
- Không, một rúp, hai rúp thế nào? Phải một tờ bạc trắng cơ đấy {*Giấy bạc hai mươi rúp*}.
- Cho bọn nha dịch những một tờ bạc trắng cơ à? Người thỉnh cầu kêu lên như thế và lại được người ta cho biết rõ ràng:
- Khoan hãy nổi nóng! Đúng như thế đấy, một rúp cho bọn nha dịch, còn lại là phần quan trên.
Người thỉnh cầu kém tinh ý đánh bốp vào trán mình một cái và nguyền rủa cái trật tự mới của sự thật, việc truy tầm những vụ hối lộ {*Kiểm duyệt thay* ***việc truy tầm những vụ hối lộ bằng những tục lệ mới***} và những kiểu cách lịch sự của bọn công chức. Anh ta nghĩ: ngày trước ít ra người ta cũng biết phải làm gì: người ta đút một tờ bạc đỏ {*Giấy bạc mười rúp*} cho lão thủ trưởng, thế là công việc xong xuôi; ngày nay thì phải một tờ bạc trắng, mà phải mất một tuần mới đoán ra được phải làm gì… "Vứt mẹ tấm lòng vô tư và phẩm chất cao quý của bọn công chức đi!". Người thỉnh cầu nói đúng, thật thế; nhưng mà ngày nay, còn có ai là người ăn hối lộ nữa? Tất cả mọi vị thủ trưởng đều thanh liêm, chính trực, hoàn thiện, hoàn mỹ; chỉ có bọn thư lại, bọn ký lục là đồ ăn cắp mà thôi.

Sau đó ít lâu thì một trường hoạt động rộng hơn mở ra cho

Tsitsikôp; một ủy ban được lập ra để coi việc xây dựng một công thự khá quan trọng. Y tham gia và tỏ ra một ủy viên hoạt động nhất. Các ủy viên bắt tay ngay vào việc. Sáu năm trời họ quanh quẩn bên cái nhà; nhưng hoặc giả vì khí hậu gây trở ngại, hoặc giả vì vật liệu kém phẩm chất, mà tòa nhà chưa bao giờ thấy nhô lên khỏi móng. Trong lúc ấy, ở những nơi khác trong thành phố, mỗi ủy viên đều thành ra chủ nhân của một ngôi nhà xinh xắn, xây theo kiểu kiến trúc tư sản; dĩ nhiên đất ở những nơi ấy tốt hơn ở đây nhiều. Các ngài ấy bắt đầu phất và lập gia đình. Đến lúc ấy, Tsitsikôp mới nới dần những quy tắc buộc mình phải nhịn ăn, nhịn mặc, quên mình một cách khắc khổ, nghiêm khắc. Y quyết định chấm dứt lối sống trường trai khổ hạnh, và bấy giờ mới tỏ ra là xưa nay y vẫn thích đủ mọi lạc thú, nhưng y đã biết nhịn hết trong suốt thời thanh niên sôi nổi mà thường không một người nào có thể chế ngự tất cả dục vọng của mình được. Y bắt đầu xa xỉ, mướn một đầu bếp khéo, mặc những sơ mi Hà Lan {*Bấy giờ vải Hà Lan rất nổi tiếng mịn, đẹp*}. Y đã mua toàn thứ dạ mà chẳng ai biết mặc ở tỉnh nhỏ cả, và từ đấy y đã thích cái màu tía lốm đốm; y đã tậu một đôi ngựa đẹp và tự tay cầm cương bắt con ngựa rẽ một vòng cho đẹp; y đã quen gội đầu với ô đo Côlôn; y đã mua rất đắt thứ xà phòng thơm có đặc tính làm cho da dẻ mịn màng; y đã…

Nhưng thủ trưởng cũ, một con người nhu nhược, phải thay bằng một thủ trưởng mới, võ quan nghiêm khắc, kẻ thù quyết liệt của mọi thứ tham ô, lợi dụng và tất cả những gì bất công, bất chính. Nhận thức hôm trước là hôm sau ông ta đã làm cho mọi người phải khiếp sợ; ông ta bắt báo cáo tài chính, thấy có nhiều việc làm bất hợp pháp và mục nào trong sổ sách cũng hụt tiền cả, vì các công chức đã xây những nhà đẹp theo kiểu kiến trúc tư sản; thế là bắt đầu một cuộc thanh trừng đúng phép. Những kẻ can phạm bị cách chức; những nhà đẹp xây theo kiểu kiến trúc tư sản tịch thu làm của công và sửa sang thành nhà tế bần và thành trường học cho thiếu sinh quân. Tất cả mọi người đều bị trị cẩn thận và Tsitsikôp bị nặng hơn tất cả. Mặt mày y tuy dễ ưa, vẫn làm cho thủ trưởng

không thể chịu được; tại sao thì họa có trời biết; nhưng trong những trường hợp như thế thì thường cũng chẳng tại sao cả; dù sao thì đối với y, ông ta thật ghét cay, ghét đắng. Con người dữ dội ấy quả là ghê gớm với tất cả thuộc lại; nhưng ông ta là quan võ vì vậy mà chẳng biết tí gì về tất cả những mánh khóe, mưu mẹo của bọn quan văn; nên chỉ ít lâu là bọn quan chức khác, nhờ cái vẻ giả vờ liêm chính và khéo léo chiều theo ý ông ta về tất cả mọi mặt, đã len lỏi vào được lòng tin cậy ông ta; thế là chẳng mấy chốc viên tướng {*Nga hoàng Nikôlai I tin dùng bọn quan võ, thường bổ họ vào các chức quan viên. Với mục đích quân sự hóa bộ máy nhà nước, nước Nga thành một trại lính. Kỷ luật nghiêm khắc, kiểm duyệt bắt Gôgôn thay các chữ* ***viên tướng*** *bằng* ***thủ trưởng***} đã sa vào tay một bọn ăn cắp còn tệ hơn bọn trước nhiều, mà ông ta tuyệt nhiên chẳng chút nghi ngờ gì cả. Ông ta lại còn mừng cho mình là đã chọn được cho mình những người xứng đáng và khoe khoang cẩn thận cái đức thính nhậy của mình biết phân biệt những người có khả năng. Chẳng mấy chốc bọn công chức đã hiểu rõ tính khí của ông ta. Tất cả những ai là thủ phạm của ông ta đều thành ra những kẻ thù không đội trời chung của sự bất công; họ truy tầm nó khắp nơi, như người đánh cá, lăm lăm cái lao đuổi theo con cá chiên to béo; và cuộc săn vô tiền, tuyệt hậu ấy thành công đến nỗi chỉ ít lâu là mỗi một người được vài nghìn rúp làm vốn liếng rồi. Đồng thời, nhiều công chức cũ, đi vào con đường cải tà quy chính, cũng được phục chức. Nhưng Tsitsikôp thì mặc dù cố gắng đến đâu, cũng không thể nào len lỏi vào lòng tin cẩn của ông ta được. Viên bí thư thứ nhất của ông tướng - mà y đã kích thích với những thư giới thiệu của công tước Khôvanxki - và xưa nay vẫn xỏ dây vào mũi của ông ta và dắt một cách tài tình; đã cố hết sức xin cho y phục chức, nhưng không ăn thua. Vì ông tướng, tuy đã cho người xỏ mũi dắt đi (vả chăng ông ta cũng chẳng ngờ đến việc ấy), nhưng mà cứ thế thôi: mỗi khi mà một ý kiến nào đã vào sâu trong óc ông ta thì nó cứ cắm vào đấy chắc như đinh đóng, và chẳng có cái gì có thể nhổ nó ra được nữa. Tất cả ân huệ mà người bí thư khôn khéo đã cố xin được cho Tsitsikôp là xóa bỏ những lời phê có hại trong lý lịch của y, và muốn được thế là viên bí thư đã phải cố làm cho vị

thủ trưởng mủi lòng, bằng cách mô tả với những màu sắc rất đậm, số phận thảm thương của gia đình khốn khổ của Tsitsikôp; nhưng may thay, cái gia đình đó chỉ có trong tưởng tượng.
"- Thôi, chẳng cần gì nữa! Tsitsikôp tự nhủ như vậy: đã móc thì kéo; nhưng đứt rồi thì thôi, hỏi làm gì nữa; kêu cũng vô ích. Khóc lóc cũng chẳng được gì; phải bắt tay vào làm lại sự nghiệp thôi". Thế là y quyết tâm xây dựng lại cơ đồ khác; lại kiên trì, nhẫn nại, lại nhịn ăn, nhịn mặc: dù trước đây y rất thích để cho mọi thứ thèm muốn tự do phát triển. Y phải đổi chỗ, đến ở thành phố khác, cố xuất đầu lộ diện nơi khác. Nhưng cũng không ăn thua. Trong một thời gian rất ngắn, y phải thay đổi việc làm hai, ba lần. Toàn là những việc ghê tởm, hèn hạ cả. Phải biết rằng Tsitsikôp là con người đoan trang đứng đắn nhất, chưa từng thấy bao giờ. Dù lúc mới ra đời, bắt buộc phải lui tới một xã hội thô lỗ, y vẫn giữ được trong sạch, đến tận nơi sâu thẳm của tâm hồn; y chỉ thích làm việc trong những công sở mà bàn ghế toàn gỗ đánh vecni và tất cả mọi thứ đều có vẻ sang trọng. Không bao giờ y có thể buột mồm nói ra một lời khiếm nhã; và thấy những kẻ đồng sự tỏ ra thiếu cung kính với chức tước và phẩm hàm, bao giờ y cũng lấy làm khó chịu. Chắc bạn đọc lấy làm thích, tôi tin như thế, khi được biết rằng y thay quần áo lót hai ngày một lần; và mùa hè nóng nực thì mỗi ngày một lần; bất cứ mùi gì, dù hơi khó chịu một tí, cũng xúc phạm đến khứu giác của y. Bởi vậy, mỗi khi Pêtruska tới cởi áo hay tháo ủng cho y bao giờ cũng nhét một chiếc hoa cẩm chướng vào trong mũi. Trong nhiều trường hợp, y dễ xúc cảm, chẳng khác nào một cô thiếu nữ; bởi vậy mà phải ở trong một môi trường sặc mùi rượu mạnh và đầy những cử chỉ thô lỗ, đối với y quả là khó chịu vô cùng. Dù cố nhẫn nhịn đến đâu thì trong những lúc vận bĩ ấy, y cũng gày tọp và xanh hẳn đi. Trước kia y đã bắt đầu béo ra, thân hình đã phì nộn, tròn trĩnh, nhìn đã bệ vệ; như bạn đọc đã từng quen biết. Đã nhiều phen, ngắm mình trong gương, y bỗng nảy ra những ý nghĩ vui tươi: một người vợ trẻ, mấy đứa con ngoan, và y mỉm cười; nhưng giờ đây, tình cờ nhìn lại mình, y bất giác buột mồm kêu lên: "- Ôi! Thánh mẫu! Mình xấu đến thế này cơ à?". Và mãi rất lâu về sau, y vẫn không muốn soi gương nữa.

Nhưng, nhân vật của chúng ta chịu đựng tất cả với một lòng nhẫn nhục phi thường và cuối cùng được vào làm ngành thuế quan. Phải nói rằng y thầm mơ, trộm ước được vào cái ngành ấy từ lâu. Y đã được thấy những nhân viên thuế quan có bao nhiêu là đồ vật đẹp, quý từ ngoại quốc đưa vào: nào là đồ sứ, nào là vải mịn mà họ gửi cho chị, em, cô, dì, cho bạn gái họ. Đã nhiều phen, thở dài, y tự nhủ: "- Đấy là nơi mà ta nên vào! Ở gần biên giới, đi lại với những người văn minh, và có thể dễ dàng kiếm được những chiếc sơ mi Hà Lan mịn biết bao!". Phải nói thêm rằng y còn nghĩ đến một thứ xà phòng Pháp có đặc tính làm cho đôi má tươi tắn và da dẻ trắng trẻo lạ thường; y không biết tên thứ xà phòng ấy là gì, nhưng tin chắc là có thể tìm thấy ở biên giới. Vậy là ngành thuế quan đã làm cho y say mê từ lâu; nhưng những cái lộc của ủy ban xây dựng nhà cửa còn giữ y lại; vì y nghĩ rất có lý rằng sở thuế quan thì như con hạc, nhưng còn bay trên mây; mà ủy ban xây dựng thì như con chim sẻ núi, nhưng đã cầm trong tay; không nên bỏ mồi bắt bóng. Nhưng giờ đây thì y đã quyết, thế nào cũng phải vào đấy cho được và y đã vào được.

Trong chức vụ mới, y tỏ ra nhiệt thành, mẫn cán phi thường, đến nỗi người ta phải tưởng rằng trời vốn sinh ra y để làm nhân viên thuế quan. Chưa bao giờ thấy có người tháo vát, sâu sắc, tinh ý đến như thế; mà cũng chưa bao giờ nghe nói là có người như thế nữa cơ. Chỉ trong ba, bốn tuần là y đã thông thạo hết mọi mánh khóe trong nghề, đến mức không còn gì làm cho y phải lúng túng nữa hết: không cần cân, cũng chẳng cần đo, chỉ liếc nhìn hóa đơn là y biết ngay một tấm dạ hay vải nào khác dài mấy arsin: chỉ cần xách một kiện hàng lên là y xác định đúng được trọng lượng. Còn trong việc khám hành lý của khách, thì theo lời các bạn đồng sự, y đã có cái thính của một con chó săn. Người ta chỉ có thể ngạc nhiên về sự kiên nhẫn của y khi khám xét từng cái cúc, cái khuy một, với một vẻ bình tĩnh không hề nao núng, một cái lễ độ không thể chịu được. Trong khi những người bị khám sốt ruột, điên tiết, phát khùng lên, khó mà kìm được cái ý muốn giận dữ nện cho y một trận; thì y vẫn không hề thay đổi sắc mặt, vẫn lễ phép như thường lệ và nói:

- Xin phiền ngài, ngài làm ơn đứng dậy cho chúng tôi nhờ một tí; hay là: - Thưa bà, mong bà quá bước sang buồng bên, ở đấy vợ một bạn đồng sự của chúng tôi sẽ nói chuyện với bà; hay là: - Xin phép, cho chúng tôi được tháo lần lót của chiếc măng tô này; và vừa nói, y vừa rút ra nào là khăn san, nào là mùi soa, với cái vẻ bình tĩnh như y lấy từ hòm mình ra vậy.

Chính các cấp trên của y cũng phải ngạc nhiên và nói rằng y là quỷ sứ hiện hình; y bắt ra hàng lậu trong bánh xe, càng xe, trong tai các con ngựa và nhiều chỗ khác mà không một tác giả nào dám nghĩ đến việc sục vào; chỉ nhân viên thuế quan là cho phép làm việc ấy. Người hành khách khổ sở vừa qua biên giới là không thể không mất mấy phút mới trấn tĩnh được; và vừa làm dấu thánh giá, vừa lẩm bẩm; "- Ấy, ấy!". Tình cảnh anh ta chẳng khác gì tình cảnh một cậu học trò vừa ra khỏi phòng giấy ông hiệu trưởng, sau khi được gọi vào với cái cớ là để nghe quở mắng thôi, nhưng lại bị vụt một trận khá bất ngờ.

Chỉ trong một thời gian ngắn là y làm cho bọn buôn lậu hết cách xoay sở. Y là cơn ác mộng, là vị hung thần của tất cả các tên Do Thái, Ba Lan. Đức tính liêm khiết không thể nào mua chuộc được của y, quả không gì lay chuyển nổi, gần như siêu phàm; đến những thứ vặt vãnh bắt được, mà sở thuế không thu để tránh bớt giấy tờ phiền phức; y cũng chẳng hề giữ lấy làm cái vốn nhỏ. Lòng nhiệt thành và vô tư ấy làm cho mọi người phải ngạc nhiên và chóng đến tai cấp trên. Y được thăng chức; rồi sau đấy y trình một kế hoạch lùng bắt cho kỳ hết bọn buôn lậu và chỉ xin phương tiện để tự mình thực hiện lấy kế hoạch. Người ta liền cho y một toán quân với toàn quyền tiến hành tất cả mọi cuộc lục soát. Đó chính là điều mà y mong muốn như vậy. Thuở ấy, có một hội buôn lậu thế lực rất to, tổ chức rất chặt chẽ, và hoạt động rất táo bạo; có thể đem lại cho hội viên những món lãi hàng triệu. Từ lâu, y đã biết mọi việc; nhưng với bọn phái viên đến mua chuộc, y chỉ trả lời cụt ngủn: "- Chưa đến lúc".

Khi đã được toàn quyền hành động, y tức khắc báo cho hội biết: "- Đã đến lúc!". Việc này làm là ăn chắc. Chỉ một năm là y có thể kiếm được nhiều hơn hai mươi năm phụng sự trung thành và lương

thiện. Trước đấy y không muốn bắt mối với bọn buôn lậu; vì còn ở địa vị phụ thuộc, y chắc là chúng chẳng cho được bao lăm; nhưng bây giờ… bây giờ thì khác; y có thể ra bất cứ điều kiện gì cũng được. Để tránh những khó khăn, y mua chuộc một kẻ đồng sự; lão này, dù tóc đã hoa râm, vẫn không thể chống lại nổi sự cám dỗ. Ăn ý với nhau cả rồi, hội buôn bắt đầu hoạt động. Bước đầu đã thành công rực rỡ. Bạn đọc chắc có biết câu chuyện khá truyền tụng và lý thú về những đàn cừu qua biên giới với bộ lông hai lớp và nhập cảnh một triệu bạc đăng ten Brabăng {*Brabăng là một tỉnh của nước Bỉ*} lậu thuế. Việc ấy xảy ra chính trong thời mà Tsitsikôp phụng sự ngành thuế quan. Nếu y không tham gia thì chẳng có một tên Do Thái nào trên đời này có thể đưa cái chuyến kinh doanh ấy đến thành công được cả. Sau khi cừu quá quan được ba, bốn bận như thế, thì hai công chức đã được cái vốn ba mươi vạn rúp. Tsitsikôp, theo người ta nói, thì đã vượt cái số nửa triệu; vì y táo bạo hơn. Có Chúa biết được là những món tiền quá may mắn ấy sẽ đạt đến con số khổng lồ như thế nào, nếu không có việc bất hòa xảy ra, quỷ sứ đã chơi cho hai công chức một vố độc: họ cãi nhau, rồi đâm ra thù nhau chỉ vì một chuyện không đâu. Trong một bữa rượu vào, lời ra khá ầm ĩ; Tsitsikôp, có lẽ sau khi đã quá chén, gọi bạn đồng liêu là "Đồ con ông pôp" {*Nguyên văn là* ***pôpôvits***}; dù đúng như vậy thật, lão kia cũng giận xanh mắt, không hiểu tại sao; và cãi lại, giọng gay gắt:

- Không phải, cậu nói dối; tớ là tư vấn quốc gia, chứ không phải là con ông pôp; cậu mới là "con ông pôp"

Một lát, lão nhắc lại: "Ừ đúng thế".

Dù đã giã được y, đã miếng trả miếng như vậy rồi; lão vẫn chưa cho là đủ và đã gửi một cái đơn nặc danh tố giác y nữa. Vả lại, người ta cho rằng hai bên đã cãi lộn nhau vì một cô ả lẳng lơ, thịt chắc và mát như củ su hào nõn, theo lối nói của các nhân viên thuế quan; và có cả những đứa đã được thuê tiền để rình đả nhân vật của chúng ta một trận, lúc trời nhá nhem, trong một ngõ hẻm tối tăm; nhưng sau cùng thì cả đôi tình địch đều bị lừa và con mẹ vui tính kia rơi vào tay một lão thượng úy Samsariôp nào đấy. Sự thật đã xảy ra như thế nào, người ta không biết; hãy để cho bạn đọc

tưởng tượng lấy, nếu bạn muốn. Cái chính là những quan hệ bí mật với bọn buôn lậu bị vạch ra cả. Viên tư vấn quốc gia tự hại mình và hại luôn cả bạn đồng liêu. Hai công chức bị đưa ra tòa; tất cả của cải bị tịch thu, sung công; chẳng khác nào sét đánh ngang đầu. Như chợt tỉnh rượu, họ hoàn hồn và kinh khiếp về việc họ đã làm. Ông tư vấn quốc gia không chống chọi lại được với số phận và qua đời ở một nơi hẻo lánh {*Câu này là Gôgôn viết lại để thay vào một câu như sau, mà kiểm duyệt bỏ:* ***ông tư vấn quốc gia, tiêu sầu trong cốc rượu, theo đúng phong tục Nga***}; nhưng ông tư vấn bộ thì vẫn vững. Mặc dù các nhà chức trách theo dõi y đều rất thính, y cũng giấu được một phần của cải và vận dụng tất cả mọi thủ đoạn của bộ óc y, cái vốn kinh nghiệm già dặn của y, để tự vệ. Khi thì nhờ những cử chỉ duyên dáng; khi thì nhờ những lời lẽ cảm động; khi thì nịnh hót, việc ấy chẳng bao giờ có hại cả; lúc khác thì dùng sức thuyết phục của kim tiền và y đã khéo thu xếp, nên đã khỏi bị lột hết phẩm hàm một cách ô nhục như ông bạn đồng liêu, lại khỏi phải truy tố nữa. Nhưng mà phải từ giã cái vốn cóp nhặt được, với mọi thứ vặt vãnh nhập từ nước ngoài; và tất cả những cái ấy đều tìm được người ưa thích cả. Y chỉ còn giữ lại được mười nghìn rúp cất giấu riêng, phòng những khi bất trắc, hai tá sơ mi vải Hà Lan mịn, chiếc britska thông dụng của những kẻ độc thân và hai nông nô: xà ích Xêlifan và tòng bộc Pêtruska; cuối cùng, vì từ tâm, các nhân viên thuế quan để lại cho y được vẻn vẹn năm hay sáu bánh xà phòng con để giữ cho da dẻ tươi tắn.

Đó là cái tình cảnh của nhân vật của chúng ta lại bị sa sút vào! Đó là những cơn bất hạnh trút xuống đầu y như mưa rào; đá đổ! Đó là cái mà y gọi là "đau khổ trong sự nghiệp vì chân lý". Bạn có thể nghĩ rằng sau những giông tố, những sự thử thách, những bước thăng trầm, và những nỗi thất vọng đến như thế; thì y sẽ rút lui với cái vốn con, vào cái cảnh tĩnh mịch, an nhàn của một thị trấn nhỏ; để suốt đời sống lười biếng, không rời cái áo ngủ vải bông và chỗ ngồi cạnh cửa sổ của một ngôi nhà con; ngày chúa nhật ra hòa giải một đám mujik đả nhau ở cạnh nhà hay tiêu khiển bằng cách xuống chuồng gà, tự tay nắn nắn con gà mái sắp đem hầm; rằng y sẽ sống như vậy một cuộc đời không tiếng tăm, nhưng không phải

không có ích. Nhưng sự việc lại không như thế. Cũng phải công nhận rằng cá tính của y thật là mãnh liệt, bất khuất. Sau tất cả những cái có thể, nếu không giết chết được một con người, thì ít ra cũng làm cho nó phải nguội lạnh, phải bị áp phục y vẫn hăng hái, không hề nhụt chí; thật là khó hiểu. Ngao ngán, uất ức quá, y nguyền rủa tất cả thiên hạ; y nổi giận vì sự bất công của số phận, phẫn nộ với sự bất công của loài người; tuy vậy y vẫn không thể chừa mà không xoay sở cách khác được. Y nhẫn nại đến nỗi cái tính nhẫn nại bất động của người Đức, nhờ vào sự lưu thông chậm chạp, lười biếng của máu, mà so với cái nhẫn nại của y thì thật chẳng nghĩa lý gì cả. Trái lại, máu của Tsitsikôp sôi sục; và phải rất nhiều nghị lực mới kìm hãm nổi tất cả mọi manh tâm biểu hiện cái khí chất bồng bột của y ra ngoài. Y lập luận như thế này, và lẽ của y không phải không có chỗ đúng:

"- Tại sao nỗi bất hạnh này lại đổ xuống đầu ta? Thời buổi này có ai để mất thì giờ khi còn tại chức không? Ai mà chẳng làm giàu. Ta có làm hại ai đâu? Ta có bóc lột đàn bà góa bụa, có làm cho ai bị gậy đi ăn mày đâu? Ta chỉ lấy cái của thừa thôi; ở địa vị ta, ai mà chẳng làm thế. Ta mà không lấy, thì kẻ khác cũng chẳng tha. Tại sao người khác thì phát đạt mà ta lại phải thân giun, phận dế thế này? Rồi ta sẽ ra sao đây? Ta làm được việc gì đây? Làm sao ta có thể nhìn một người chủ gia đình đáng kính, mà không hổ thẹn được? Sao mà không phải hối hận vì biết mình sống thừa, làm chật đất như thế này được? Sau này con cái ta sẽ trách móc ta như thế nào? - Bố mình thật là đồ đểu, chẳng để lại cho mình một chút gì cả!"

Ta đã biết là Tsitsikôp rất quan tâm đến dòng dõi. Đó là một vấn đề ai cũng thiết tha. Có thể là người này, người nọ sẽ bớt ăn cắp, ăn trộm; nếu không có cái câu hỏi: "- Rồi các con mình sẽ nói ra sao?" Cứ tự nó hiện ra cho người ta, chẳng ai hiểu tại sao cả. Thế là người chủ gia đình tương lai, tựa hồ con mèo khôn ngoan, liếc nhìn xem chủ có để ý không; rồi vội vàng vồ lấy tất cả những gì vừa tầm nó, dù là xà phòng, dù là thịt mỡ, là nến, hay là một con chim sẻ vàng; bất cứ cái gì rơi vào chân nó là nào nó có để cho thoát.

Nhân vật của chúng ta than thở và rên rỉ như vậy. Nhưng trí óc y, linh hoạt chẳng kém lúc nào hết, mong muốn hành động, chỉ chờ có một kế hoạch là bắt tay vào việc. Một lần nữa, y thu mình lại, sống một cuộc đời kham khổ, tự hạn chế đủ mọi thứ; và lại từ một hoàn cảnh khá giả sa xuống một địa vị thấp hèn. Trong khi chờ được công việc khá hơn, y phải làm người chạy việc; cái nghề trong xã hội chúng ta, chưa được đếm xỉa đến; ở đâu cũng chẳng ai coi ra gì; từ bọn thư lại cặn bã đến những kẻ có việc ủy thác đều khinh thường; người chạy việc bắt buộc phải lê la trong các phòng chờ, sẵn sàng cho thiên hạ xúc phạm… Những cảnh bần cùng bắt buộc y cái gì cũng phải nhận cả.

Trong các việc người ta ủy thác cho y, có việc đi cầm mấy trăm nông nô cho Hội đồng Giám hộ {*Hội đồng Giám hộ là một thứ cơ quan quản lý các công ty cho vay. Các nhà nuôi trẻ mồ côi; cũng nhận quản lý trang viên và nông nô mà người ta đem đến cầm; thành lập năm 1763 ở Mạc tư khoa và năm 1772 ở Pêterbua*}. Một điền trang đang ở trong cảnh điêu tàn, đổ nát vì dịch gia súc, vì bọn quản lý ăn cắp, vì mất mùa, vì bệnh dịch làm chết nhiều thợ giỏi và sau cùng là vì cái ngu xuẩn của trang chủ đã lên Mạc tư khoa dựng một cái nhà theo đúng kiểu mới nhất; nó ngốn hết sạch gia sản tới đồng kôpêk cuối cùng, đến nỗi chẳng còn gì mà ăn nữa {*Về đoạn này, Gôgôn có kể lại ý kiến của hội đồng kiểm duyệt cho Pletniôp nghe trong bức thư ngày 7 tháng bảy năm 1842 như sau:* ***"Ủy viên Karsênôpxki bẻ: - Nhưng Hoàng đế cũng xây ở Mạc tư khoa cả một tòa cung điện thì sao! Nhân đấy, nổi lên giữa các nhà kiểm duyệt một cuộc thảo luận có một không hai trên thế giới:… Với những ý kiến đại khái như thế, họ cấm không cho Những linh hồn chết ra đời***}. Rút cục phải cầm cái điền trang cuối cùng này đi. Bấy giờ cầm cố cho Nhà nước còn là việc mới lạ và làm cho người ta rất ngại. Với tư cách là đại quyền cho người đi cầm, Tsitsikôp đã làm cho mọi người đều sẵn sàng giúp đỡ (vì ai cũng rõ là không có sự chạy chọt trước như thế thì không tài nào được hay biết một chút tin tức gì, được sửa chữa một chữ, một con số nào; muốn được việc, cần phải rót vào mỗi cuống họng ít nhất là một chai vang Mađêrax); vậy là Tsitsikôp, sau khi đã làm mọi việc

cần thiết, mới nói rõ, để tránh những sự lôi thôi về sau, là một nửa số dân ấp đã chết rồi.
Người thư ký hỏi: - Nhưng chúng vẫn còn tên trong sổ đinh chứ?
Tsitsikôp đáp: - Nhất định rồi.
- Vậy thì việc gì mà ngại? Đứa chết thì đứa đẻ ra; đâu lại vào đấy, chẳng hòa hay sao? {*Nguyên văn là:* ***ođin umer, đrugôi rôđitxia, a vxiô v đêlô gôđitxia***. *Nghĩa là* ***một đứa chết đi, một đứa đẻ ra, mọi việc thỏa đáng cả****; ở câu tiếng Nga,* ***rôđixia*** *vần với* ***gôđitxia***}
Người thư ký, như ta thấy, nói năng rất có vần. Nhưng lúc ấy, chính là lúc nhân vật của chúng ta bỗng nảy ra cái ý kiến hay nhất xưa nay, chưa bao giờ thấy trong óc một người.
Y nghĩ thầm: "- Mình ngu thật! Đi tìm bao tay, hóa ra bao tay đeo ở thắt lưng. Giá mình mua tất cả những đứa chết, trước khi người ta gửi về những bản điều tra dân số mới; và nếu chẳng hạn mình mua được một nghìn mà Hội đồng Giám hộ cầm cho, đúng hai trăm rúp mỗi nông phu; thì rõ ràng là được cái vốn hai chục vạn rúp rồi còn gì! Bây giờ đang là lúc tốt nhất; nhờ ơn Chúa, một trận dịch vừa giết chết bao nhiêu người. Bọn trang chủ nướng hết tiền vào bài bạc, tiệc tùng, nhiều tay phải đi làm công chức ở Pêterbua; điền trang bỏ mặc, quản lý thế nào thì quản; mỗi năm càng mỗi chật vật thêm mới nộp đủ thuế; đến nỗi anh nào cũng sẽ rất sung sướng để lại cho mình những nông phu chết, dù chỉ là để khỏi phải đóng thuế thân; và có thể nhân dịp này; mình kiếm được ít nhiều kôpêk gì chăng. Tất nhiên, việc cũng khó đấy, gay đấy; mình có thể lại bị tóm và gặp nhiều rắc rối. Nhưng trí thông minh trời cho là để sử dụng cơ mà. May mà cái mẹo này xem có vẻ huyền hoặc, nói ra cũng chẳng ai tin. Thật ra, không có đất thì không thể mua nông phu, cũng không thể cầm được. Nhưng mình sẽ mua nông phu để đưa đi đinh điền, đi đinh điền cơ mà; hiện ở các tỉnh Tavriz và Kherxon, có thể xin được đất mà chẳng mất gì, chỉ với điều kiện là di dân đến ở. Mình sẽ di chuyển tất cả chúng nó đến đấy! Chúng cứ việc mà đến sinh cơ lập nghiệp ở Kherxon! Việc di chuyển có thể tiến hành bằng con đường hợp pháp. Nếu người ta đòi một chứng thư về các nông phu thì cũng chẳng sao; mình có thấy gì trở ngại đâu. Mình sẽ đưa ra một giấy chứng nhận do đại úy - quận

trưởng cảnh sát ký. Có thể gọi trại đinh điền là ấp *Tsitsikôvô* hay là làng Paplôpxkôê, theo tên thánh của mình cũng được".
Cái kế hoạch lạ lùng nảy ra trong óc nhân vật của chúng ta như thế đấy; đối với kế hoạch ấy, bạn đọc mà không biết ơn chăng nữa thì tác giả cũng phải cảm bội, một lòng cảm bội khó mà tả xiết; vì cái ý kiến ấy mà không đến với Tsitsikôp thì thiên trường ca này đã không ra đời được.
Sau khi đã làm dấu thánh giá, theo tục lệ Nga, y bắt tay vào việc. Lấy nhiều cớ khác nhau, chẳng hạn như tìm một nơi ở; y đi dò xét nhiều miền trong nước ta, nhất là những miền bị thiên tai, mất mùa, chết chóc, tàn phá nhiều hơn cả; tóm lại là những nơi có thể mua những nông phu mà y cần, dễ dàng và giá hời hơn cả. Không phải bất cứ trang chủ nào y cũng hỏi cầu may; mà y chọn người hợp ý mình, hay là người có thể điều đình những việc mua bán như thế không khó khăn gì; y cố làm quen người ta trước; khiến người ta sẵn có thiện cảm với mình, để có thể, thì người ta biếu không, vì tình bạn, chẳng phải mất tiền bạc gì. Vậy thì bạn đọc cũng không nên tức giận tác giả, nếu những nhân vật xuất hiện từ trước tới nay, bạn đều không ưa: đó chỉ là lỗi Tsitsikôp thôi; về mặt ấy thì y là kẻ toàn quyền quyết định, mà chúng ta phải đi theo y đến bất kỳ nơi nào y muốn. Còn ai mà trách chúng ta về vẻ nhạt nhẽo và bộ mặt xấu xa của các nhân vật và các tính cách; thì chúng ta chỉ cần nói rằng mới đọc một tác phẩm, không bao giờ có thể thấy ngay tất cả vẻ rộng lớn của nó được. Mới đến một thành phố, dù là một chốn đế đô, thì bao giờ mà chẳng thất vọng; thoạt tiên, mọi vật đều tẻ nhạt, đơn điệu; nhà máy, xưởng thợ đều ám khói đen sì, chạy dài mãi không hết; rồi trong ánh sáng rực rỡ, trong tiếng ồn ào, náo nhiệt, mới hiện ra những nhà sáu tầng, cửa hàng, tên hiệu, những đường phố thênh thang, thẳng tắp với gác chuông, hàng cột, với tượng, tháp, tất cả cái gì mà bàn tay với thiên tài của con người đã tạo ra để làm cho đôi mắt phải kinh ngạc. Bạn đọc đã chứng kiến những cuộc mua người đầu tiên; những gì xảy ra về sau: những thành công và thất bại của nhân vật; những trở ngại gay go hơn mà y phải vượt qua; những con người lớn lao sẽ xuất hiện; những động cơ bí mật của tấn kịch sắp tác động; chân trời sẽ mở rộng;

chủ nghĩa trữ tình sẽ đạt đến mức uy nghi, lộng lẫy; tất cả những cái ấy rồi sẽ đến đúng lúc. Hiện giờ thì còn một đoạn đường dài nữa phải đi nốt, đối với cái cỗ xe lưu động gồm một ông đã quá niên, một chiếc britska thông dụng của những kẻ độc thân, anh tòng bọc Pêtruska, anh xà ích Xêlifan và ba con ngựa mà bạn đọc đã biết tên, từ con Trợ tá đến cái con Vằn xỏ lá ấy.
Đấy nhân vật của chúng ta vẽ đúng chân tướng là như thế! Nhưng để đánh giá tổng kết, chắc người ta sẽ đòi phải vẽ rõ ra một nét dứt khoát: về mặt đạo đức y là người như thế nào? Y không phải là một nhân vật đức hạnh, toàn diện, toàn mỹ; điều đó đã rõ rồi. Vậy y là cái gì? Y là một kẻ vô lại chăng: Tại sao lại là một kẻ vô lại? Tại sao lại nghiêm khắc với người ta quá như thế? Ngày nay chẳng còn ai là vô lại nữa; chỉ toàn những người tử tế, đáng mến cả. Còn những kẻ có thể bị cái nhục ăn bạt tai trước công chúng, thì may ra chỉ tìm được hai hay ba người là cùng; mà chính những người ấy nay cũng đều nói đạo đức cả rồi. Tên gọi đúng nhất cho nhân vật chúng ta phải là: *ông chủ - thu mua {Trong bản thảo thứ hai, từ đây cho đến hết đoạn này, Gôgôn đã viết lại những dòng cụ thể và có vẻ trữ tình hơn như sau:* ***Tên gọi đúng nhất là kẻ mưu đồ… Mỗi người chúng ta đều có mưu đồ cả. Có những bạn đọc mếch lòng vì đó là đặc điểm nổi bật của nhân vật của tôi. Nhưng có ai mà chẳng để cho tâm hồn bị một dục vọng chủ yếu xâm chiếm? Như một bạo quân lạnh lùng, lòng lim dạ sắt; dục vọng ấy dần dần giết chết hết mọi khát vọng của người ta. Trong nhiều người, dục vọng rộng lớn hay hẹp hòi, đã phát triển lên, làm cho họ quên những bổn phận lớn lao và thần thánh, để chạy theo những việc nhỏ nhặt không ra gì. Tuân theo một dục vọng nào đấy là chúng ta điên cuồng, mù quáng hy sinh cho nó tất cả; nhưng trong sự lôi cuốn ấy có một thứ say sưa cuồng nhiệt. Tác giả những dòng này cũng có dục vọng của mình; cái dục vọng thu vào những hình tượng rực rỡ, cái ước mơ và ảo tưởng thường đến với nó trong những giây phút kỳ thú mà đôi mắt đăm đăm hướng về một thế giới khác, nó cảm thấy được đưa đi xa khỏi quả đất này. Những phút giây kỳ thú đến với nó trong căn buồng tồi tàn sát mái nhà; ấy là tất cả cuộc đời của nó; cái của***

đặc hữu trời cho ấy làm cho nó phải nhỏ những giọt lệ cảm niệm. Nó chẳng thèm muốn gì ở thế gian này; nó yêu cảnh nghèo nàn của nó, yêu nhiệt liệt, say đắm như một người yêu. Nhưng mà bạn đọc sẽ không tin đâu, và thế là đúng. Mỗi người đều có quyền tin hay không tin. Người bạn đọc tự để cho một dục vọng thống trị lôi cuốn, mà không hay rằng đó chỉ là một thời thượng độc đoán; người bạn đọc ấy lại luôn khinh bỉ cái dục vọng thu góp của cải, dĩ nhiên là khi anh ta thấy dục vọng ấy ở một nhân vật trường ca; vì trong đời thì anh ta vẫn thích ứng với nó khá tốt… Nhân vật của chúng ta sẽ làm cho lắm bạn đọc chán ghét. Tác giả cũng khá bị thương tổn về điểm ấy. Nhưng mà việc đâu phải thế…}. Cái khao khát thu nhặt là nguyên nhân của mọi sự; chính nó đẩy người ta đến những hành động mà người đời gọi là *không sạch sẽ lắm*. Thật ra, một cái tính cách loại ấy thì tự nó đã có gì ghê tởm rồi; và có bạn đọc, trong đời thật thì giao du với một con người như thế, tiếp đãi nó trong nhà và sống với nó những lúc rất thích thú; nhưng giá nó thành ra nhân vật của một vở bi kịch hay một thiên trường ca, thì lại nhìn nó với vẻ giận dữ. Nhưng người khôn là kẻ, không những không khinh thường một tính cách, mà lại quan sát nó với cái nhìn sâu sắc và dò xét đến tận nguyên lý của nó. Trong con người ta, cái gì cũng biến đổi rất chóng; chỉ trong một nháy mắt là một con sâu ghê gớm lớn lên trong bản thân chúng ta và hút hết mọi sinh chất của ta. Và nhiều lần, cái dục vọng, rộng lớn hay hẹp hòi, phát triển lên trong một con người, vốn sinh ra để xây dựng một sự nghiệp tốt đẹp, đã làm cho nó quên những bổn phận lớn lao và thần thánh để chạy theo những việc nhỏ nhặt không ra gì. Dục vọng của người ta nhiều vô số; chẳng khác nào cát biển; và có cái nào giống cái nào đâu; nhưng tất cả, dù đê tiện hay cao quý thì khi mới sinh ra, cũng đều lệ thuộc vào người ta, rồi sau đều thành ra bạo chúa đối với người ta cả. Sung sướng thay kẻ chọn được dục vọng cao quý nhất: hạnh phúc vô biên của họ lớn lên, tăng thêm từng giờ, từng phút và càng ngày họ càng vào sâu hơn trong thiên đường vô tận của linh hồn. Nhưng có những dục vọng mà quyền lựa chọn không phải ở con người. Chúng sinh ra cùng một lúc với người và người không đủ

sức để tách mình ra khỏi chúng; chúng có một sức thu hút người ta liên miên, trọn đời. Vận số đã định cho chúng đóng một vai trò quan trọng ở thế gian này; dù là dưới một hình thức tối tăm hay như những sự biểu hiện rực rỡ, thế nào chúng cũng chỉ có mục đích: vì một lợi ích mà loài người chưa biết được. Và có lẽ cả cái dục vọng lôi cuốn Tsitsikôp nữa, cũng không phải từ y mà ra; có lẽ cuộc đời ủ ê của y đã mang một cái gì sau này sẽ làm cho mọi người sửng sốt và quỳ gối trước đức hiền minh của thượng đế {*Ý Gôgôn định kết thúc* ***Những linh hồn chết*** *bằng việc cải tà quy chính của Tsitsikôp; câu này lộ rõ cái ý ấy*}. Vả chăng, việc xuất hiện của con người ấy trong thiên trường ca này đây, bản thân việc ấy cũng đã là một niềm bí ẩn rồi.

Nhưng mà cái nặng nề không phải là việc nhân vật làm cho người ta không ưa; mà là điều chắc chắn tuyệt đối rằng chính nhân vật ấy, chính cái thằng cha Tsitsikôp ấy, lại có thể làm hài lòng các bạn đọc. Giá mà tác giả không dò vào tận những uẩn khúc của tâm hồn y, xáo trộn những cái gì trốn tránh ánh sáng ở tận chốn sâu thẳm, phát giác ra những tư tưởng thầm kín nhất mà người ta không bao giờ ngỏ với ai; giá tác giả chỉ giới thiệu y như y đã ra mắt Manilôp và bà con trong thành phố; thì mọi người đã say mê và cho y là một con người lý thú. Chẳng cần gì đó là bộ mặt, một con người cứ chấp chới như một ảo ảnh không chút sinh khí; chỉ biết là đọc xong cuốn sách, tâm thần không bị hoang mang, người ta yên tĩnh trở lại với cái bàn đánh bài, rất thân thiết với toàn thể nước Nga. Vâng, bạn đọc thân mến ạ, bạn không muốn thấy nỗi thống khổ của nhân loại bóc trần ra. Bạn bảo: "- Ích gì? Tự chúng tôi, há chúng tôi không biết rằng trong đời có nhiều cái đáng khinh và vô lý lắm hay sao? Cơ hội được nhìn thấy những cảnh nặng nề nào có thiếu đâu. Hãy trình bày cho chúng tôi xem những bức tranh đẹp đẽ, hấp dẫn có hơn không? Để chúng tôi vui chơi cho khuây khỏa có hơn không?" .

Một trang chủ bảo người quản lý rằng: "- Này chú, sao lại đem chuyện điền trang làm ăn không ra gì mà nói với tôi? Tôi biết rõ rồi, chú ạ; chú không có gì khác nói với tôi nữa sao? Chú để cho tôi quên đi, đừng biết đến nữa; thế là tôi được sung sướng".

Và thế là số tiền có thể vãn hồi được tình thế, lại hoang phí vào nhiều cách mua vui, giải phiền cho ông chủ. Một cái trí tuệ, có thể dồi dào phương sách ứng biến với thời cơ lại ngủ lì; trong lúc ấy thì điền trang phải đem bán đấu giá; rồi thì trang chủ đi khắp thế gian để tìm cách khuây khỏa, nhưng tâm hồn đầy oán hận và sẵn sàng làm những việc đê tiện mà trước đây hắn vẫn ghê tởm.
Tác giả lại còn vấp phải những lời buộc tội của những người tự xưng là yêu nước nữa. Những kẻ ấy ngồi yên trong cái xó của họ, chỉ quan tâm đến những việc vụn vặt của họ, lo cóp nhặt vốn liếng, kiếm cho nhiều tiền trên lưng người khác; nhưng hễ xảy ra một việc gì mà họ cho là xúc phạm tới Tổ quốc, hễ ra đời một cuốn sách có nói đến những sự thật nhiều khi cay đắng; là họ tức tốc xồ đến, như con nhện thấy một con ruồi mắc vào cái mạng của nó, và kêu lên: "- Tất cả những gì tả trong ấy đều quan hệ đến chúng tôi; đem phơi bày cả ra chốn thanh thiên bạch nhật như thế có đúng không? Ngoại quốc người ta sẽ nói thế nào? Được nghe một dư luận xấu về mình, dễ chịu lắm hay sao? Thế mà không phiền lòng à? Hay chúng ta không phải là những người yêu nước?"
Đối với những lời nhận xét hiền minh như thế, nhất là về việc dư luận nước ngoài, thì tác giả xin thú thực là không có gì trả lời cả {*Những lối nhận xét như thế tuy Gôgôn đoán trước, nhưng sau này sẽ có thật; lúc* ***Những linh hồn chết*** *đưa ra kiểm duyệt. Trong thư ngày 7 tháng giêng năm 1842 viết cho Pletniôp. Gôgôn kể lại rằng:* ***"Bây giờ, đây là ý kiến của các nhà kiểm duyệt Âu châu, những người trẻ tuổi, từ nước ngoài về: "- Dù sao (một người trong bọn tên là Krưlôp nói) giá tiền mà Tsitsikôp trả - hai rúp rưỡi một đầu người - cũng làm cho linh hồn chúng ta phẫn nộ. Dĩ nhiên giá tiền ấy chỉ để mua một cái tên ghi trên giấy; nhưng cái tên ấy là một linh hồn, một linh hồn người; nó đã sống và có tồn tại. Ở Pháp, cũng như ở Anh, sẽ không ai chấp nhận được điều ấy. Rồi đây không một người ngoại quốc nào muốn đến nước ta nữa đâu".*** *Vì những ý kiến đại khái như thế, hội đồng kiểm duyệt không cho* ***Những linh hồn chết*** *ra đời*}. Phải chăng ngoài cái này ra. Có hai người chính trực sống ở một góc hẻo lánh trên đất Nga. Một người, tên là Kifa Môkiêvits; tính tình hiền lành,

sống uể oải, thờ ơ; không ngó gì đến gia đình; cuộc đời chỉ hướng về việc suy cứu, tư biện; và bận rộn về vấn đề sau này, mà ông ta gọi một cách trịnh trọng, là một vấn đề triết học:
"- Đấy, những ác thú chẳng hạn, - vừa nói ông ta vừa đi đi, lại lại trong phòng, - ác thú ra đời đều trần trụi cả. Tại sao lại trần trụi như thế? Tại sao không như loài chim, tại sao lại không từ một quả trứng mà nở ra? Thật ra, thật ra, càng đi sâu vào thiên nhiên, càng không nắm được gì hết".
Kifa Môkiêvits nghĩ như vậy. Nhưng đó không phải là cái cốt yếu. Người chính trực là Môkii Kifôvits, con ông ta {*Gôgôn thích đặt cho nhân vật những cái tên oái oăm như vậy*}; đúng như thường nói ở nước Nga thì anh ta là một bôgatưa {*Bôgatưa là người tráng sĩ trong văn học dân gian Nga*}; và trong khi ông bố mải suy nghĩ đến việc đời của các ác thú, thì bản chất dồi dào sinh lực của tuổi hai mươi kia cứ nóng nảy đòi phô trương ra. Anh ta chẳng biết làm cái gì nhẹ nhàng cả; lúc nào cũng do anh ta mà, hoặc có người sái tay, hoặc có người dập mũi. Trong nhà cũng như quanh vùng, ai thấy anh ta cũng phải chạy trốn, từ chị hầu buồng cho chí con chó giữ nhà; anh ta đập nát cả giường của anh ta ra. Môkii Kifôvits như thế, nhưng thật ra lại là một tâm hồn phúc hậu. Nhưng nó chưa phải là cái cốt yếu. Cái cốt yếu là như thế này:
Tôi tớ trong nhà và quanh vùng thường kêu với ông bố rằng: - Thưa cha, thưa chủ, Kifa Môkiêvits ạ, ngài làm phúc cho, chao ôi là cậu cả Môkii Kifôvits! Chẳng còn ai có thể yên ổn được với cậu ta nữa.
- Vâng, nó nóng nảy, nóng nảy lắm, ông bố thường đáp lại thế; nhưng làm thế nào được? Nó lớn rồi, đánh nó sao được nữa; vả lại mọi người sẽ bảo tôi là ác; mà nó thì tự ái. Mắng nó trước mặt người khác tất nhiên nó làm thinh; nhưng không may mà người ngoài biết được, cả thành phố sẽ biết và cho nó là đồ chó. Người ta mà cho là như thế thì không khổ cho tôi hay sao? Tôi chẳng phải bố nó là gì? Vì tôi bận triết học và nhiều khi không có thì giờ, nên không phải là bố nó nữa hay sao? Quỷ bắt họ đi, tôi vẫn là bố nó, là bố nó, là bố nó chứ! Chính đây, vâng, chính quả tim này là nơi tôi đặt Môkii Kifôvits!

Rồi Kifa Môkiêvits nắm tay đấm ngực bình bịch và nổi khùng lên quát: "- Nếu con trai tôi là đồ chó thì nó cứ là đồ chó; nhưng ít ra cũng không phải tôi đi nói ra cho thiên hạ biết; không phải tôi đi tố cáo nó!"
Sau khi đã biểu lộ tình phụ tử như thế rồi; ông ta để cho Môkii Kifôvits tiếp tục những hành vi hảo hán của người bôgatưa; và trở về với đề tài ưa thích của mình, ông ta tự đặt cho mình những câu hỏi đại khái thế này;
"- Nếu con voi mà từ một quả trứng nở ra, thì vỏ trứng sẽ dày một cách phi thường; đại bác bắn không vỡ được và phải sáng chế ra một thứ súng mới vậy!"
Hai cư dân ở cái xó yên tĩnh ấy sống như thế; họ bỗng như hiện ra ở một khung cửa sổ vào cuối thiên trường ca của chúng ta, để khiêm tốn đáp lại lời buộc tội của những người yêu nước nhiệt thành, từ trước đến bây giờ chỉ yên thân nói triết lý hay làm giàu bằng cách đục khoét Tổ quốc thân yêu của họ; và đối với họ, cái cần không phải là không làm việc ác, mà chỉ đừng có ai nói rằng họ làm việc ác. Nhưng, không phải thế; những lời buộc tội ấy không phải vì lòng yêu nước, cũng không phải vì tình cảm bột phát nào; mà che giấu một cái gì đấy. Tại sao không nói ra? Ai là người phải công bố chân lý thần thánh, nếu không phải là tác giả? Các anh sợ một cái nhìn sắc sảo; chính các anh sợ phải thám sát sự vật sâu sắc; các anh thích đi lướt qua tất cả mọi vật với đôi mắt trống rỗng chẳng có chút tư tưởng nào. Các anh cũng thật bụng chê cười Tsitsikôp đấy; và có lẽ các anh còn khen cả tác giả nữa; các anh nói:
- Tuy vậy, hắn cũng quan sát kỹ được một số nét nào đấy! Chắc hắn phải là một thằng cha vui tính lắm!
Sau đấy, lòng tự phụ tăng lên gấp bội và một nụ cười tự mãn nở trên môi, các anh nói thêm:
- Phải thú thật rằng ở một số tỉnh, người ta kỳ quái đến lố bịch; hơn nữa còn là những tên vô lại chính tông!
Nhưng mà, ai là một người trong các anh, giữa cảnh yên tĩnh, tịch liêu của những phen tự vấn lương tâm, với lòng khiêm tốn cơ đốc giáo, sẽ nghĩ kỹ đến câu hỏi nặng nề này: "- Ở tôi cũng có một

phần nào của Tsitsikôp chăng?". Chắc là không có ai như vậy! Nhưng giữa lúc ấy mà có một người quen biết nào, phẩm hàm không cao mà cũng không thấp, đi qua gần chỗ anh; thì anh liền thúc khuỷu tay vào người bên cạnh và vừa kêu, vừa cười ầm lên:
- Nhìn kìa, nhìn kìa; Tsitsikôp, Tsitsikôp đi qua kia kìa!
Rồi, như một đứa trẻ, quên hết sự tôn trọng đối với địa vị và tuổi tác, anh chạy theo y, gọi mãi để chòng ghẹo:
- Tsitsikôp! Tsitsikôp! Tsitsikôp!
Nhưng mà chúng ta đã nói khá to, không nhớ rằng nhân vật của chúng ta, ngủ quên trong khi ta kể chuyện y, đã tỉnh dậy rồi và có thể nghe thấy tên y được nhắc đi nhắc lại. Bạn đọc thì có cần gì cái việc Tsitsikôp giận mình hay không giận; nhưng còn tác giả thì trong bất cứ trường hợp nào, cũng không nên sinh sự với nhân vật của mình: cả hai chúng tôi còn không ít dặm trường nữa phải cùng đi với nhau, tay khoác tay; trước mắt còn hai phần lớn của cuốn sách, đâu phải là việc nhỏ.
- Này, này! Mày nghĩ gì thế? Tsitsikôp quát Xêlifan.
- Cái gì ạ? Xêlifan dài cái giọng ra hỏi lại.
- Sao, cái gì à? Đồ con vịt! Đi cái lối gì thế? Nhanh lên chứ!
Sự thật là Xêlifan đã nhắm đôi mắt lại để ngủ gà, ngủ gật từ lâu; trong cơn mơ màng chỉ thỉnh thoảng lắm mới giật giật dây cương, khẽ chạm vào sườn các con ngựa cũng đã thiu thiu ngủ; còn Pêtruska thì cái mũ bay mất từ lâu, cũng ngả người ra đằng sau, tựa đầu vào gối Tsitsikôp mà ngủ, khiến cho Tsitsikôp phải đẩy ra. Xêlifan tỉnh dậy và vụt lấy, vụt để lên lưng con Vằn, làm cho nó phải chạy nước kiệu; rồi hoa cây roi trên đầu cả ba con, hắn nói giọng nho nhỏ, ê a như hát: "- Có gì mà sợ!"
Ba con ngựa rùng mình và kéo vun vút chiếc britska, nhẹ nhàng như một cái lông. Xêlifan chỉ cần hoa roi, và kêu: "- Hê, hê, hê"; hắn nhảy chồm chồm trên ghế, mỗi khi chiếc trôika lên hay xuống những cái dốc, nhiều vô số trên đường trường; nhưng con đường cũng nghiêng và thấp dần xuống. Người Tsitsikôp cũng nẩy nhè nhẹ trên chiếc đệm da, y mỉm cười vì y thích đi nhanh.
Vả lại người Nga nào mà chẳng thích đi nhanh? Họ không thích thế nào được, khi mà tâm hồn họ khát khao vui chơi, bay lượn và

thỉnh thoảng lại nói: "- Quỷ bắt hết cả đi!". Người ta không thích thế nào được khi người ta cảm thấy một mối nhiệt thành kỳ diệu? Có thể nói là một sức mạnh huyền bí đã mang anh đi trên cánh. Ta bay và tất cả mọi vật cũng bay như ta; các cột chỉ verxta đều bay, những gã lái buôn ta gặp, ngồi trên thành xe kibitka {*Kibitka là xe chở hàng có mui*} cũng bay; rừng hai bên đường cũng bay với những hàng cây tùng, cây bách âm u với những tiếng rìu bổ và tiếng quạ kêu; tất cả những gì trên đường trường đều bay và mất hút vào nơi xa xăm. Có cái gì ghê rợn trong những sự hiển hiện ngắn ngủi ấy mà sự vật đều thoáng qua không kịp dừng lại; chỉ có bầu trời, những đám mây nhẹ và mảnh trăng đi qua những đám mây ấy là trông còn đứng yên mà thôi. "- Ôi! Trôika! Con chim - trôika: ai đã phát minh ra ngươi?" Ngươi chỉ có thể sinh ra giữa một dân tộc dũng cảm; trên đất nước không làm cái gì nửa vời này, mà đã lan ra như một vết dầu trên một nửa thế giới, chưa kịp đếm hết trên bao nhiêu verxta, là đã mỏi mắt rồi!... Chiếc xe không có gì phức tạp, người ta sẽ nói như thế: nó không được đóng bằng đinh ốc sắt, mà chỉ dựng lên và lắp vào một cách đại khái, bằng rìu và dao gọt; do bàn tay khéo léo của người mujik ở Iarôxlap. Người đánh xe không đi ủng to kiểu Đức; với bộ râu và đôi bao tay, hắn ngồi lên xe, có quỷ biết là như thế nào; nhưng khi hắn vừa khẽ nhướn người lên, hoa cây roi và cất tiếng hát, thì mấy con ngựa hùng dũng lồng lên: các nan hoa chỉ còn là một mặt phẳng liền; dặm trường phải rung chuyển, khách bộ hành hoảng hốt thốt lên một tiếng kêu; và chiếc trôika vút lên, vút lên, vút lên… Và, từ xa, chỉ còn thấy như một vật lao xuyên qua không khí.

"Và ngươi, nước Nga, chẳng phải ngươi cũng bay vút lên như một chiếc trôika mãnh liệt, không ai có thể vượt được? Ngươi đi qua, dặm trường bụi cuốn mịt mù; những chiếc cầu kêu răng rắc; mọi vật bị bỏ lại, nằm lại đằng sau ngươi! Kẻ nhìn ngươi phải dừng chân, sửng sốt vì sự thần diệu phi thường ấy. Phải chăng là sét trên trời giáng xuống? Cuộc chạy không gì kìm hãm nổi, làm cho người ta khiếp sợ ấy có ý nghĩa gì? Có cái sức bí ẩn nào tiềm tàng trong các con ngựa mà thế gian chưa từng thấy bao giờ ấy? Ôi, tuấn mã, tuấn mã, tuấn mã, tuyệt vời! Những cơn gió lốc nào thổi tung bay

bờm của các ngươi? Cái tai rất thính nào ẩn trong mỗi một mạch máu li ti của các ngươi; vừa nghe trên đầu cất lên bài hát quen thuộc, các tuấn mã ưỡn đều bộ ngực đồng đen cùng một lúc; và móng chân chỉ hơi lướt qua mặt đất, chúng vươn mình thành một đường căng thẳng duy nhất, lao vút qua không khí, được cuốn theo một linh cảm thánh thần… Nước Nga, ngươi bay đi đâu? Hãy trả lời ta.” - Không hề có câu trả lời. Tiếng nhạc ngựa nghe vẫn du dương; không khí bị xé tan, ầm ầm như tiếng sấm, và chuyển thành gió; tất cả những gì ở trên trần thế đều bị bỏ lại sau; và với một cái nhìn thèm thuồng, các dân tộc rẽ ra, nhường lối cho nước Nga.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn

BỐN BỨC THƯ CỦA TÁC GIẢ
nói về Những linh hồn chết.

Phần thứ nhất

*{Bốn bức thư này in trong chương XVII của cuốn **Trích thư từ gửi các bạn tôi** xuất bản cuối năm 1846; nhưng những thư này chỉ là những lời thanh minh của tác giả, không phải là những thư gửi đi cho ai cả}*

I.

Anh có tỏ ý phẫn nộ vì cái giọng quá quắt của một số lời chỉ trích *Những linh hồn chết*. Tôi thấy như thế không được đúng: việc đó cũng có mặt tốt: đôi khi cũng cần có người phỉ báng mình. Người nào đã mê say với những cái đẹp rồi thì không thấy được những cái xấu, cho nên cái gì cũng dung thứ cả; ngược lại người nào đã muốn dèm pha thì cố tìm cho ra những cái xấu của anh và nêu rõ cái xấu đó lên đến nỗi buộc lòng anh phải thấy. Người ta ít khi có dịp nghe sự thật lắm; cho nên chỉ cần được một phần nhỏ sự thật thôi, người ta cũng đã có thể dung thứ cái giọng phỉ báng của kẻ

lên tiếng nói sự thật. Những lời phê phán của Bungarin Xenlôpxki, Pôlêvôi có nhiều cái đúng, kể cả lời họ khuyên tôi nên học tiếng Nga trước khi có tham vọng viết lách {***Những linh hồn chết*** *phần thứ nhất, ra đời năm 1842, bị những nhà phê bình lạc hậu và phản động ghen ghét la ó. Trong tờ* ***Tín sứ Nga****, nhà phê bình lãng mạn chủ nghĩa N.A Pôlêvôi cho rằng* ***Những linh hồn chết*** *chỉ là một bức biếm họa, không thể xem là nghệ thuật được và tác giả chưa biết viết văn, còn mắc nhiều lỗi ngữ pháp; Pôlêvôi viết:* ***"- Hãy gác sang một bên những cảm hứng bồng bột của anh mà đi học tiếng Nga đi!"****. Có người chế giễu chữ* ***poema*** *ở bìa sách và suy diễn ra, gọi cả những sách giáo khoa vật lý học và sách dạy làm vườn là* ***poema****. Nhưng những lối phê bình ấy làm cho quần chúng chân chính rất căm phẫn*}. Quả nhiên, giá tôi giữ bản thảo trong ngăn kéo thêm một năm nữa, chứ đừng vội vã cho in; thì chính bản thân tôi cũng đã thấy rằng không thể nào đem nó ra mà xuất bản dưới một hình thức kém cỏi như vậy. Tuy những bài thơ châm biếm và những lời chế giễu lúc đầu có làm cho tôi khó chịu thật; nhưng vẫn rất bổ ích cho tôi. Ôi! Những lời dèm pha liên miên ấy, cái giọng phỉ báng và những lời chế giễu cay cú ấy, thật có lợi cho ta không biết bao nhiêu mà kể! Trong thâm tâm ta thường giấu nhiều tự ái ti tiện, nhiều tham vọng xấu xa, đến nỗi ta cần phải luôn luôn bị châm chích, đánh đập bằng đủ mọi thứ khí giới; và phải cảm ơn bàn tay đã đánh ta.

Tôi những mong được phê phán nhiều hơn nữa, nhưng lại muốn rằng người phê phán không phải là những người làm văn học, mà là những người có kinh nghiệm về thực tế. Tiếc thay, ngoài những người làm văn học, không có một bộ óc thực tiễn nào lên tiếng cả. Tuy nhiên *Những linh hồn chết* cũng đã gây nên lắm xôn xao bàn tán, lắm lời đồn đại, đã xúc phạm đến lòng tự ái của khá nhiều người vì lối giễu cợt, vì tính xác thực, vì lối biếm họa. Tuy đầy rẫy những sự lầm lẫn, sai lệch hiển nhiên; nó cũng đả động đến một tình hình mà ai nấy đều được chứng kiến hàng ngày. Tôi lại còn xen vào đấy một số đoạn có tính chất khiêu khích, hy vọng rằng sẽ có người lên tiếng quát mắng tôi và trong cơn phẫn nộ, sẽ vô tình mách cho tôi biết cái sự thực mà tôi đang tìm kiếm. Tại sao chưa

có ai lên tiếng cả? Ai ai cũng đều có thể làm việc đó, và có đủ cơ sở để làm việc đó. Người viên chức có thể công khai chứng minh cho tôi thấy rằng câu chuyện tôi kể là không xác thực, bằng cách kể ra vài ba sự kiện có thật đã xảy ra và như vậy là đã đưa ra một lời cải chính hùng hồn hơn bất cứ lời biện luận nào. Vả chăng, cũng bằng cách ấy, người kia cũng lại có thể xác nhận thêm những lời miêu tả của tôi. Việc dẫn sự kiện có sức thuyết phục hơn là những lời lẽ rỗng tuếch và những bài luận văn về văn học. Nhà buôn, trang chủ, nói tóm lại là bất cứ ai biết cầm bút, cũng đều có quyền làm như vậy; dù người ấy chỉ sống quanh quẩn trong nhà hay vẫn thường đi đây đó khắp đất nước Nga. Ngoài ý kiến cá nhân của mình ra, bất cứ người nào, dù giữ chức vụ gì, ở địa vị xã hội nào, nghề nghiệp, học vấn ra sao, cũng đều có dịp quan sát sự việc trên một quan điểm riêng. Với đề tài của *Những linh hồn chết*, lẽ ra quần chúng độc giả có thể viết nên một cuốn sách hay hơn *Những linh hồn chết* không biết bao nhiêu mà kể; một cuốn sách có thể dạy nhiều điều, không những cho tôi, mà ngay cho các bạn đọc nữa; bởi vì giấu giếm mà làm gì, chúng ta đều biết nước Nga rất ít.

Chao ôi! Tại sao không có ai công khai lên tiếng! Thật có thể tưởng chừng như mọi vật đều đã chết; và ở nước Nga, những linh hồn sống đã nhường chỗ cho *Những linh hồn chết*! Thế mà người ta lại trách tôi không biết rõ nước Nga! Làm như thể do một phép lạ của Đức chúa Thánh thần tôi nhất thiết phải biết rõ tất cả những sự việc xảy ra ở bất cứ xó xỉnh nào; phải học cho kỳ hết, không cần ai chỉ dẫn cả. Tôi làm thế nào mà học hỏi được! Thử nghĩ một nhà văn như tôi, vì nghề nghiệp phải ngồi ru rú ở nhà, sống cuộc đời khổ hạnh, lại thêm bệnh tật nữa và buộc lòng phải sống xa nước Nga; thì còn học hỏi làm sao được? Tôi không thể học hỏi các nhà văn hay các nhà báo, vì họ cũng sống cô độc và quanh quẩn trong phòng giấy. Nhà văn chỉ có một người thầy: bạn đọc. Thế nhưng những bạn đọc ấy đã từ chối, không chịu dạy dỗ tôi. Tôi biết rằng tôi sẽ phải chịu trước Thượng đế một trách nhiệm ghê gớm vì đã không làm tròn bổn phận; nhưng tôi lại biết rằng những người khác cũng sẽ phải chịu một trách nhiệm như thế. Và đây

không phải là những lời nói suông: có Thượng đế chứng giám cho tôi, đây không phải là những lời nói suông.

1843

II.

Tôi đã cảm thấy từ trước là những đoạn mạn đàm trữ tình trong thiên trường ca của tôi sẽ bị hiểu sai. Những đoạn ấy thiếu minh xác, ít ăn nhập với tình tiết và phong cách của cuốn truyện, đến nỗi khiến cho những người công kích tôi, cũng như những người bênh vực tôi, đều bị lầm. Người ta đã tưởng lầm rằng tất cả những đoạn nói về nhà văn nói chung, đều nhằm nói về tôi cả; tôi đã lấy làm xấu hổ khi thấy họ giải thích những đoạn ấy để bênh vực tôi. Chẳng qua, cũng đáng kiếp cho tôi! Lẽ ra, dù sao tôi cũng không nên cho xuất bản một tác phẩm tuy cắt khéo, nhưng khâu thì lại vụng, bằng chỉ trắng lên vải đen; như một bộ áo quần mà người thợ may vừa lược chỉ qua để thử. Tôi lấy làm lạ sao người ta ít có lời chê trách tôi về nghệ thuật và nghiệp vụ như vậy. Âu cũng tại những người phê phán tôi quá phẫn nộ, mà cũng tại họ không đủ sức khảo sát cách cấu tạo của một tác phẩm. Lẽ ra phải nêu rõ phần nào có vẻ dài một cách quái gở so với các phần khác; ở chỗ nào nhà văn đã tự phản mình, vì không nhất quán dùng cái giọng mà mình đã chọn từ đầu. Thậm chí cũng không có ai nhận thấy phần thứ hai của cuốn sách không được gọt giũa bằng phần đầu; nó chứa đựng những chỗ hổng lớn; những nét thứ yếu được khai triển quá mức, choán hết chỗ của những nét chính; các chương quá khác nhau, làm cho cuốn sách có tính chất vá víu, khiến người đọc không thấy tinh thần chung của nó. Nói tóm lại, lẽ ra nhà phê bình có thể có những lời phê phán sáng suốt và chính xác hơn, chê trách tôi nhiều hơn và một cách đích đáng hơn không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng vấn đề không phải ở chỗ ấy. Đây tôi muốn nói đến cái đoạn mạn văn trữ tình đã bị các nhà báo công kích nhiều hơn cả, vì

họ thấy nó biểu lộ một sự kiêu ngạo, một lòng tự mãn {*Biêlinxki phê bình **Những linh hồn chết**, phần thứ nhất, ngay khi sách mới xuất bản, trong tạp chí **Niên san của Tổ quốc**, ca tụng khả năng hiện thực chủ nghĩa và tâm hồn nhiệt thành của tác giả: nhưng cho rằng tác phẩm có những đoạn tỏ lòng yêu nước quá huênh hoang*}, một lối khoác lác xưa nay chưa từng thấy ở một nhà văn nào. Đó là đoạn mạn văn ở chương cuối: sau khi tả Tsitsikôp ra đi, tác giả bỏ nhân vật của mình ở giữa đường thiên lý, thay mình vào chỗ đó và ngạc nhiên trước vẻ đơn điệu chán ngắt của sự vật, trước khoảng không gian bao la hoang vắng và tiếng hát ai oán từ dải đất Nga vang lên suốt từ biển này sang biển kia; trong một phút cảm khái, đã lên tiếng hỏi bản thân nước Nga, van xin nước Nga cắt nghĩa mối cảm xúc khó hiểu đang làm lòng mình thắt lại: tại sao cứ có cảm giác như tất cả mọi sinh linh, mọi sự vật trong nước Nga đều như đang nhìn mình đăm đăm và chờ đợi ở mình một cái gì? Người ta đã thấy trong những lời lẽ đó bằng chứng của kiêu ngạo, một sự huênh hoang không tiền khoáng hậu; nhưng thật ra đây không phải là huênh hoang, cũng chẳng phải là kiêu ngạo, mà chỉ là sự diễn đạt một cách vụng về của một tình cảm chân thành. Ngay giờ phút này, tôi vẫn còn cảm thấy ấn tượng đó. Tôi không sao chịu đựng nổi những âm thanh ai oán, não lòng của một bài ca Nga khi nó rung lên trong không gian vô tận của thôn quê ta. Những âm thanh ấy ám ảnh tâm hồn tôi. Thậm chí tôi còn lấy làm lạ sao mỗi một người trong chúng ta lại không biết đến cái cảm giác đó. Ai là người trông thấy những không gian vắng lặng, lạnh lẽo ấy mà không thấy lòng mình se lại; ai là người trong những âm thanh thê thiết của bài dân ca Nga, không nhận thấy những lời trách móc đau xót đối với bản thân mình - tôi nói rõ: đối với bản thân mình - thì người ấy đã làm xong bổn phận của mình một cách trọn vẹn, trừ phi không có một tâm hồn Nga.

Sự vật như thế nào, ta hãy cứ nhìn nhận nó như thế. Gần một trăm năm mươi năm đã trôi qua kể từ ngày Hoàng đế Piôtr đệ nhất mở mắt ra cho chúng ta, dắt dìu chúng ta bước lên con đường văn hóa Âu châu, và đặt vào tay chúng ta đủ mọi phương tiện hành động: thế nhưng nông thôn của ta vẫn buồn tẻ và hoang vắng như xưa.

Quanh ta mọi vật đều có vẻ ghẻ lạnh, thù địch; tưởng chừng chúng ta chưa phải đang ở trong nhà mình, mà chỉ là đang cắm trại trên đường trường; tưởng chừng đối với ta, nước Nga không phải là một nơi trú ẩn ấm áp, thân tình, mà là một ngôi trạm phủ tuyết lạnh ngắt; ở đấy chỉ thấy hiện ra một gã coi trạm lãnh đạm buông thõng một câu trả lời gắt gao: "- Không có ngựa!". Tại sao lại như thế? Lỗi tại ai? Tại chính phủ hay tại ta? Nhưng chính phủ vẫn hoạt động không ngừng: chứng cớ là những tập quy chế, chỉ thị, sắc lệnh dày cộm, cái số khổng lồ những tòa nhà đã xây, những cuốn sách đã xuất bản; những thiết chế đủ loại, giáo dục có, từ thiện có, bác ái có; không kể những thiết chế mà ở nước ngoài không thấy chính phủ nào lập ra. Từ trên có những câu hỏi đưa xuống, ở dưới có những lời giải đáp đưa lên. Đôi khi ở trên đưa xuống những câu hỏi chứng tỏ sự đại lượng của một vài nhà vua đã dám hy sinh cả quyền lợi bản thân. Thế mà ở dưới đã trả lời ra sao? Tất cả đều tùy ở cách thức, ở nghệ thuật ứng dụng một tư tưởng sao cho nó thành hiện thực và đi hẳn vào đời sống. Một đạo dụ, dù nội dung có hay ho, dù lời lẽ có chính xác bao nhiêu chăng nữa, cũng vẫn chỉ là một tờ giấy không hồn; nếu ở dưới không tỏ ra có ý muốn đem ứng dụng nó theo một cách thức thích đáng, theo cái cách thức mà chỉ có người nào quan niệm sự công bằng dưới ánh sáng của Thượng đế, chứ không phải dưới ánh sáng của con người, mới tìm ra được. Nếu không, tất cả sẽ thành ra có hại. Chứng cớ là những tay gian lận và ăn hối lộ tinh ma của chúng ta vốn biết cách xoay xở với tất cả các quy chế; một đạo dụ mới đối với họ là một nguồn thu hoạch mới, một phương tiện mới để làm cho sự giải quyết công việc rối ren thêm, để thọc thêm một gậy vào bánh xe.

Nói tóm lại, nhìn về đâu tôi cũng thấy rằng thủ phạm chính là những kẻ có bổn phận thi hành pháp luật. Có người vì quá ước ao danh vọng và huân chương, mà đâm ra hấp tấp. Lại có người vì muốn tỏ ra nhiệt thành và tận tụy - một thói xấu rất Nga, - mà cứ đâm đầu vào công việc, không chịu khó nghiên cứu, những tưởng mình có thể điều khiển công việc một cách thành thạo; nhưng hễ thất bại một lần là nản chí ngay, và sau đó, - cũng một thói xấu không kém tính chất Nga, - lập tức thờ ơ với công việc. Lại có

người, khi lòng tự ái nhỏ nhen của mình bị tổn thương, liền để lọt vào tay một tên trùm bịp bợm cái cương vị mà ở đấy mình đã bắt đầu phấn đấu cho chính nghĩa. Nói tóm lại, trong chúng ta, ít có người biết yêu cái thiện đến mức có thể vì việc thiện mà hy sinh tham vọng, tự ái cùng tất cả những cái nhỏ nhen của một lòng vị kỷ dễ đâm ra cay cú đến mức có thể khép mình vào một luật lệ bất di bất dịch là phụng sự đất nước, chứ không phải phụng sự bản thân mình; luôn luôn nhớ rằng mình ở cương vị là để mưu cầu hạnh phúc cho người khác, chứ không phải cho bản thân. Ngược lại từ ít lâu nay người Nga chúng ta tuồng như có dụng tâm muốn phô trương tính vị kỷ và dễ chạnh lòng của mình ra.

Không biết trong chúng ta liệu có những người mà sau khi làm tròn nhiệm vụ mình rồi, có thể đứng trước toàn thể thiên hạ tuyên bố rằng mình không có lỗi gì đối với nước Nga hết; rằng khắp những khoảng đồng không mông quạnh của đất nước này, không có cái gì có thể coi như một lời trách móc đối với mình cả; rằng mọi vật đều hài lòng về mình và không còn mong chờ gì hơn nữa không? Tôi không biết số người có thể làm như vậy có nhiều không. Tôi chỉ biết rằng riêng tôi, tôi đã nghe thấy lời trách móc thầm lặng đó. Giờ đây, nó vẫn còn văng vẳng bên tai tôi. Sự nghiệp văn chương của tôi có hèn kém thật, nhưng lẽ ra dù sao nó cũng có thể giúp tôi là một việc có ích hơn. Tuy lòng tôi xưa nay vẫn ấp ủ khát vọng làm điều thiện và chỉ vì khát vọng đó mà tôi cầm bút; những cái đó phỏng có gì quan trọng đâu! Tôi đã làm tròn nhiệm vụ ấy như thế nào? Chẳng hạn, cuốn sách vừa rồi của tôi, nhan đề *Những linh hồn chết*, liệu có gây được cái ấn tượng mà lẽ ra nó phải gây nên; nếu nó được viết cho đúng với yêu cầu không? Vì không biết diễn đạt những ý nghĩ của chính mình; tuy đó là những ý nghĩ khá giản đơn, tôi đã làm cho nó bị hiểu sai, và lại hiểu sai theo một hướng có phần tai hại. Lỗi tại ai đây? Tôi có nên viện cớ là đã nghe theo những thị hiếu xốc nổi của những kẻ tài tử ưa chuộng những phong cách hào nhoáng và trống rỗng không? Tôi có nên đổ lỗi cho hoàn cảnh và tuyên bố rằng vì cần kiếm kế sinh nhai mà phải cho in vội, in vàng tác phẩm của mình không? Không. Ai là người đã từng quyết chí làm tròn nhiệm vụ một cách

trung thực thì không thể để cho hoàn cảnh chi phối mình được; nếu cần, thà ngửa tay ra ăn xin, chứ quyết không nhượng bộ trước những lời chê trách hời hợt hay những ước lệ giả dối của xã hội được. Người nào đã vì muốn tuân theo những ước lệ giả dối đó mà làm hỏng một tác phẩm có ích cho nước nhà, thì người đó không phải là người yêu nước. Chính vì tôi đã cảm biết được cái tính nhu nhược đáng hổ thẹn của tôi, cái tính hèn nhát đáng khinh của tôi, nỗi bất lực của lòng yêu nước của tôi; cho nên tôi mới nghe thấu được lời trách móc đau xót mà tất cả những sự vật đang ở trong nước Nga đã lên tiếng nói với tôi. Nhưng một sức mạnh cao cả đã nâng tôi dậy; không có lỗi lầm nào không bổ cứu được; và tuy lúc đầu tôi đã chán nản trước cảnh tượng những không gian hoang vắng, về sau chính cảnh tượng ấy đã làm cho tôi đầy nhiệt tình: tôi đã thấy khoảng không vô tận ấy là một môi trường hoạt động tuyệt vời. Và tự đáy lòng tôi đã thốt lên lời kêu gọi đất nước Nga: "- Chẳng phải Ngươi vốn có sứ mệnh sinh ra những bậc anh hùng đó sao? Ngươi hiến cho họ biết bao nhiêu là không gian để xây dựng sự nghiệp!"

Đó không phải là một câu văn viết cho kêu để lòe người, cũng không phải là một lời huênh hoang. Không: lời kêu gọi đó tôi thốt ra tự đáy lòng, và đến nay lòng tôi vẫn còn rung cảm vì nó. Giờ đây, sống ở nước Nga bất cứ lúc nào người ta cũng có thể trở thành một bậc anh hùng. Mỗi địa vị, mỗi chức vụ đều đòi hỏi bản lĩnh anh hùng. Mỗi người trong chúng ta đã làm ô uế tính chất thiêng liêng của địa vị và chức vụ của mình (tất cả mọi chức vụ đều thiêng liêng), đến nỗi phải có những sự cố gắng anh dũng mới đưa được địa vị và chức vụ trở lại trạng thái cao cả thích đáng. Trực giác tôi đã cảm thấy được sự nghiệp cao quý ấy, sự nghiệp ngày nay chỉ dành cho dân tộc Nga mà thôi; vì chỉ có dân tộc Nga biết được chủ nghĩa anh hùng và thấy trải ra trước mắt mình những khoảng không vô tận như vậy. Chính vì thế mà tôi đã thốt lên lời than kia, lời than mà người ta đã tưởng lầm là một biểu hiện của tính kiêu ngạo, một lời huênh hoang.

1843

III.

Tôi lấy làm lạ rằng một người am hiểu lòng người như anh mà lại có thể đi hỏi tôi những câu ngớ ngẩn chẳng khác gì những người khác. Phần lớn những câu hỏi ấy đều liên quan đến phần sau này của bộ sách: tò mò như vậy mà làm gì? Chỉ có mỗi một câu hỏi thật là tế nhị và xứng đáng với anh; và tuy cũng chưa dám chắc là có thể trả lời một cách thỏa đáng, tôi vẫn ước ao rằng có những người khác cũng hỏi tôi câu đó. Cụ thể là: tại sao những nhân vật trong các tác phẩm gần đây của tôi, nhất là trong *Những linh hồn chết*, tuy không phải là những bức chân dung của người thật, lại cũng chẳng có gì hấp dẫn cho lắm, mà sao vẫn có vẻ thân thuộc, gần gũi với chúng ta; tưởng như có thể tìm thấy ở các nhân vật đó những nét riêng của bản thân mình? Mới năm ngoái đây thôi, giá có ai hỏi như vậy, dù người đó là anh đi nữa, thì tôi sẽ lúng túng, khó trả lời. Nhưng bây giờ thì tôi xin thú hết: sở dĩ các nhân vật của tôi gần gũi với lòng người là vì chúng ở lòng người mà ra; tất cả những tác phẩm gần đây của tôi đều là lịch sử của tâm hồn tôi. Để anh hiểu rõ hơn những điều này, tôi xin giãi bày để anh rõ tôi là nhà văn như thế nào. Người ta đã bình luận về tôi khá nhiều: người ta đã xác định một số khía cạnh trong tài năng của tôi, nhưng vẫn chưa nhận ra nét căn bản của nó. Puskin là người duy nhất đã nhận thấy nét đó. Puskin vẫn nói với tôi rằng chưa có nhà văn nào có được đến mức như tôi, cái năng khiếu làm hiện rõ sự nhạt nhẽo của cuộc đời, làm cho sự tầm thường dung tục nổi lên, sắc sảo đến nỗi những chi tiết nhỏ nhặt nhất cũng đập ngay vào mắt người ta. Đó chính là cái khả năng thiên bẩm trội nhất của tôi, cái khả năng mà quả nhiên không còn nhà văn nào có. Tôi bẩm sinh đã có khả năng đó, và sau một cơn khủng hoảng tinh thần, nó lại càng phát triển thêm. Và đó chính là điều mà dạo ấy tôi chưa thể thú nhận, dù là với Puskin cũng vậy.

Trong *Những linh hồn chết*, khả năng đó còn thể hiện một cách

mạnh mẽ hơn nữa. Sở dĩ *Những linh hồn chết* đã làm cho nước Nga hoảng sợ và đã gây nên nhiều tiếng xôn xao như vậy, không phải là vì nó phát hiện những ung nhọt hay những bệnh tật ở bên trong; đó không phải là vì nó bày ra cái cảnh đắc thắng của sự xấu xa và cái cảnh những người vô tội bị áp bức, khiến người ta sửng sốt. Không, các nhân vật của tôi không phải là những kẻ vô lại. Tôi chỉ cần thêm một nét dễ ưa vào một trong các nhân vật đó là bạn đọc sẽ vừa lòng với tất cả các nhân vật khác; nhưng vẻ tầm thường dung tục của toàn thể khiến bạn đọc ghê tởm. Các nhân vật của tôi nối đuôi nhau xuất hiện, nhân vật này lại tầm thường hơn nhân vật kia; và độc giả hoài công đi tìm một đoạn có thể an ủi mình, một nơi có thể dừng lại để thở; gấp sách lại, bạn đọc tưởng như vừa từ cái hầm ngột ngạt bước ra để trở lại với ánh mặt trời. Giá đó là những tên gian phi có lắm màu, lắm vẻ đẹp mắt, thì hẳn người ta đã bỏ quá cho tôi; đằng này lại là những kẻ rất mực tầm thường, nên người ta không dung thứ được. Sự vô nghĩa lý của người Nga đã làm cho bạn đọc hoảng sợ hơn là những thói hư tật xấu của họ. Đáng khen thay nỗi kinh hoàng đó! Đã thấy ghê tởm như vậy trước sự đê tiện, hẳn phải có những đức tính trái ngược với sự đê tiện. Vậy thì cái khả năng trội nhất của tôi chính là ở chỗ đó; và xin nhắc lại rằng cái khả năng ấy lẽ ra không phát triển mạnh như vậy nếu tâm trạng của tôi và quá trình diễn biến tinh thần của tôi không góp sức vào đấy. Trong các bạn đọc của tôi, không có ai biết rằng trong khi cười các nhân vật của tôi, họ cũng cười cả chính bản thân tôi đó.

Tôi không có một tật xấu, một đức tính nào đủ mạnh để chế ngự các tật xấu, các đức tính khác; ngược lại, tất cả những tính xấu mỗi cái một tí, đều họp nhau trong con người tôi; tôi chưa từng thấy ai tập họp nhiều tính xấu như thế. Thượng đế đã phú cho tôi một bản tính rất phức tạp. Người đã cho tôi một vài đức tính; đức tính đẹp nhất mà tôi không biết làm thế nào để tạ ơn người, là *ước vọng tu thân*. Tôi chưa bao giờ thích thú với những thói xấu của mình và cũng may mà Thượng đế chí nhân đã cho tôi phát hiện dần từng thói xấu một chứ không phải đột nhiên khám phá ra tất cả một lúc, trong khi tôi chưa quan niệm được lòng từ bi vô cùng vô tận của

Người; nếu không thì chắc chắn tôi đã treo cổ mà chết cho rồi. Trong khi tôi dần dần phát hiện ra những tính xấu của mình, thì một sự xui khiến kỳ diệu của bề trên làm cho tôi tăng thêm ý muốn trút bỏ những tính xấu đó đi; một cơn khủng hoảng tinh thần kỳ dị đã thúc đẩy tôi chuyển những tính xấu đó cho các nhân vật của tôi. Cơn khủng hoảng đó cụ thể ra sao thì anh cũng không nên biết làm gì; ví thử điều đó có chút gì bổ ích cho bất cứ ai, thì tôi đã nói ra từ lâu rồi. Từ dạo ấy, tôi bắt đầu lấy những tính xấu của tôi thêm vào các tính xấu của nhân vật. Tôi làm như thế này: tôi lấy tính xấu của tôi gán cho một người nào mà cương vị và chức vụ khác tôi, rồi theo dõi tác dụng của nó trong người ấy; tôi cố gắng hình dung người đó là một kẻ thù không đội trời chung của tôi, đã từng lăng nhục tôi một cách tàn tệ; tôi hằn học, chế nhạo, dè bỉu hắn. Giá có ai trông thấy những quái vật mà ngòi bút tôi đã vẽ ra lúc đầu, người đó hẳn phải rùng mình, sởn gáy. Tôi chỉ xin nói với anh rằng khi nghe tôi đọc những chương đầu của *Những linh hồn chết* dưới dạng thức nguyên sơ, thì Puskin, - tính vốn hay cười xưa nay và bao giờ cũng vui lên khi nghe tôi đọc, - lần này lại cau mặt, mỗi lúc một thêm ủ dột. Khi tôi đọc xong, Puskin thốt lên, giọng thảm đạm: "Trời ơi, nước Nga của chúng ta thật buồn quá!"

Tôi lấy làm lạ Puskin biết rõ nước Nga như vậy mà vẫn không nhận thấy rằng đây toàn là biếm họa và bịa đặt! Đến đây tôi mới hiểu thế nào là ý nghĩa của một tác phẩm tự đáy lòng viết ra, và người ta có thể trình bày bóng tối và tình trạng *thiếu ánh sáng* đáng sợ dưới một hình thức khủng khiếp như thế nào. Từ đấy tôi bắt đầu suy nghĩ cách làm giảm bớt cái ấn tượng nặng nề mà *Những linh hồn chết* có thể để lại trong lòng người đọc. Tôi nhận ra rằng có nhiều tính xấu không đáng để cho người ta tức giận; tốt hơn là hãy cứ vạch hết cái hư không của nó ra. Tôi cũng muốn xem thử người Nga ta sẽ nói thế nào khi đứng trước sự ti tiện của nó. Theo bố cục của *Những linh hồn chết* đã được vạch ra từ lâu, thì những nhân vật có mặt trong phần đầu của thiên trường ca chính là những con người vô nghĩa lý. Song không thể vẽ thành những bức chân dung được, mà phải dồn vào các nhân vật đó, dĩ nhiên là dưới một hình thức sa đọa hơn; những nét mượn của những kẻ hay tự

cho mình tốt hơn kẻ khác. Ngoài những nét của bản thân tôi ra, ở đây có thể tìm thấy những nét của các bạn tôi. Có một số nét vốn là của anh; tôi sẽ chỉ cho anh thấy khi nào việc đó có thể bổ ích cho anh; và từ bây giờ cho đến lúc ấy thì tôi sẽ giữ kín. Tôi đã phải tước của tất cả những người tốt mà tôi biết, những cái đê hèn và xấu xa ngẫu nhiên thấy có ở họ, để đem trả lại cho các chủ nhân chính đáng của nó. Anh đừng hỏi tôi tại sao phần đầu lại phải chứa *toàn những nét đê tiện* và đưa lên sân khấu toàn những kẻ dung tục; các tập sách sau sẽ trả lời anh rõ. Tuy có bao nhiêu khuyết điểm như vậy, phần đầu cũng đã có công hiệu: nó đã làm cho mọi người căm ghét các nhân vật của tôi và cái vô nghĩa lý của chúng; nó đã gây nên một sự bất mãn đối với bản thân và một cảm giác buồn buồn mà tôi cho là cần thiết. Tạm thời tôi thấy như thế đã là đủ. Dĩ nhiên, cái công hiệu đó sẽ lớn hơn, nếu tôi chịu khó gọt giũa cho cuốn sách hoàn chỉnh hơn, chứ đừng vội đem xuất bản. Vì chưa tách hẳn ra khỏi bản thân tôi được, cho nên các nhân vật của tôi chưa có một cuộc sống thật là độc lập. Tôi chưa đặt được cho chúng đứng thật vững trên cái mảnh đất mà rồi đây sẽ là đất của chúng; tôi chưa bao bọc chúng trong một bầu không khí có tính chất Nga đầy đủ. Cuốn sách này là một tác phẩm đẻ non; nhưng cái tinh thần chủ đạo đã bắt đầu toát ra được chút ít và việc xuất bản vội vàng như vậy cũng có thể có ích cho tôi, ở chỗ nó khiến cho các bạn đọc nảy ra ý mách bảo tôi những điều nhầm lẫn, mà tôi đã có thể phạm phải trong khi miêu tả cuộc đời tư nhân cũng như sinh hoạt xã hội của dân Nga. Giá anh đừng hỏi tôi những câu ngớ ngẩn đã choán hết nửa bức thư của anh, những bức câu hỏi chỉ nhằm thỏa mãn về một trí tò mò vô ích; mà lượm lặt tất cả những lời nhận xét xác đáng về cuốn sách của tôi, dù là nhận xét của anh hay nhận xét của những người thông minh khác cũng sống một cuộc đời hoạt động và thực tiễn như anh; giá anh thêm vào đấy một số sự kiện khả dĩ xác nhận hay phản bác ý này hay ý khác của tôi; mà những sự kiện hay những mẩu chuyện như vậy thì ở tỉnh anh, cứ xung quanh mỗi trang của tôi, có thể thu nhặt được hàng tá; giá được như thế thì anh đã làm một việc hữu ích và công việc của tôi sẽ dễ dàng hơn biết bao nhiêu!

Nhưng chẳng ai chịu nghe tôi cả; ai nấy đều coi khinh những câu hỏi của tôi, và chỉ những câu hỏi của bản thân họ thì họ mới cho là quan trọng; thậm chí còn có những người, tuy không hiểu rõ mình muốn gì cho lắm, vẫn đòi hỏi tôi phải thẳng thắn, phải thành khẩn thế nào đấy, tôi cũng không biết nữa. Việc gì cứ phải muốn biết trước sự việc; việc gì phải vội vàng như thế? Anh cũng đã bắt đầu nhiễm cái thói ấy rồi đấy. Anh thử nghĩ xem: trong thiên nhiên, mọi sự đều diễn ra một cách khôn ngoan, thong thả, hài hòa biết chừng nào! Các hiện tượng liên hệ với nhau một cách ăn ý biết chừng nào! Chẳng biết tại sao chỉ có chúng ta là cuống quít, quay cuồng như thể lên cơn sốt nóng. Anh viết thư cho tôi đúng như thế đấy: "Phải làm sao cho phần thứ hai ra thật chóng". Anh đã cân nhắc kỹ những lời lẽ ấy chưa? Tôi đã dại dột đem xuất bản phần thứ nhất quá sớm; tôi lại sẽ dại dột một lần nữa, nếu hấp tấp cho xuất bản phần thứ hai, chỉ vì tôi đã làm cho mọi người bất bình. Tôi điên rồi hay sao? Nỗi bất bình ấy cần cho tôi; những nỗi bất bình có lẽ sẽ cho tôi biết một điều gì. Vả lại anh căn cứ vào đâu mà kết luận rằng phần thứ hai phải cho ra đúng vào lúc này? Anh chui được vào não tôi chắc? Anh đã hiểu thấu thực chất của cái phần thứ hai đó chưa? Theo anh thì nó phải ra ngay bây giờ, theo tôi thì phải hai hay ba năm nữa là sớm nhất mà cũng phải xem từ bây giờ đến lúc ấy, hoàn cảnh có thuận lợi cho tôi không đã. Vậy ai đúng? Người đã mang sẵn cái phần thứ hai ấy trong óc, hay người chưa biết gì về nội dung của nó cả? Ở Nga, có cái mốt thật kỳ lạ! Một anh chàng lười biếng, ăn không ngồi rồi, lại xen vào thôi thúc một người bạn, và chắc là trong bụng cũng cho rằng người bạn đó sẽ mừng quýnh lên khi nghĩ rằng anh ta không làm gì cả. Hễ thấy một người nào nghiêm túc bắt tay vào một công việc nghiêm túc là từ bốn phía người ta xô nhau vào thôi thúc; rồi nếu công việc có hỏng thì người ta lại trách là làm vội quá. Nhưng la rầy anh như thế cũng đã đủ. Anh có một câu hỏi xác đáng thì tôi đã trả lời rồi: tôi lại còn cho anh biết những điều mà cho đến nay, tôi chưa hề nói với ai cả. Tuy vậy, anh cũng đừng vin vào những lời tâm sự ấy mà cho rằng tôi cũng là một con quái vật giống như các nhân vật của tôi. Không, tôi không giống họ đâu. Tôi yêu cái thiện; tôi đi tìm cái

thiện; cái thiện làm cho tôi nức lòng. Tôi không ôm ấp các tính xấu của tôi như họ; tôi căm ghét, tôi ghê tởm những thói đê tiện làm cho tôi cách xa cái thiện. Tôi đấu tranh với những thói đó, và nhờ ơn Chúa, tôi sẽ thắng được. Bởi vì, quả là ngu xuẩn, nếu ta bắt chước các bậc trí thức lỗi lạc của ta mà cho rằng con người chỉ có thể tu thân ở nhà trường, và sau đó thì không còn có thể thay đổi một tí gì trong nhân cách nữa! Một ý nghĩ kỳ quặc như vậy chỉ có thể sinh ra trong cái đầu óc đần độn của một gã phong lưu công tử mà thôi. Tôi đã bỏ được nhiều thói xấu trước kia, bằng cách đem gán cho các nhân vật của mình, và như vậy là đã đưa các thói xấu ấy ra cho bản thân mình chế nhạo và cho kẻ khác dè bỉu. Trong khi giật bộ trang phục mỹ lệ và cái mặt nạ anh hùng mà ở nước ta sự xấu xa vẫn khoác, tôi đã bắt đầu tự giải thoát. Khi tôi xưng tội với Đấng đã sáng tạo ra tôi và đã rủ lòng muốn cho tôi sửa chữa các khuyết điểm, thì tôi thấy mình còn nhiều tính xấu lắm; nhưng đó không còn là những tính xấu năm ngoái nữa; một sức mạnh thần thánh đã giúp tôi thoát khỏi chúng rồi. Tôi khuyên anh không nên bỏ ngoài tai những lời của tôi: đọc xong thư, anh hãy tĩnh mặc một lát, hãy ôn lại cả cuộc đời của mình; rồi anh sẽ thấy tôi nói đúng. Nếu anh chủ tâm suy nghĩ về câu trả lời của tôi: anh sẽ thấy nó cũng có thể dùng để trả lời những câu hỏi khác của anh. Anh cũng sẽ hiểu tại sao cho đến nay tôi vẫn chưa đem hiến bạn đọc những đoạn có sức an ủi khích lệ, tại sao tôi chưa lấy những người có đạo đức làm nhân vật. Những nhân vật như thế không thể bịa ra được. Bao giờ mà còn chưa giống họ ít nhiều, bao giờ mà còn chưa đủ sức mạnh và chí kiên nhẫn để có được một vài đức tính quý báu, thì tất cả những gì viết ra dưới ngòi bút của anh, đều có mùi xác chết và cách xa sự thật một trời một vực. Tôi cũng chẳng hề bịa ra những cơn ác mộng; những cơn ác mộng ấy đang đè nén tôi, và từ tâm hồn tôi chỉ toát ra được những gì vốn sẵn có ở trong ấy mà thôi.

1843

IV.

Phần thứ hai *Những linh hồn chết* đã bị đốt, bởi vì nó phải bị đốt. Muốn tái sinh thì trước hết phải chết đi đã. Cũng thật khổ tâm cho tôi khi phải đem đốt một công trình đã tốn của tôi năm năm làm việc không tiếc sức; trong đó mỗi dòng đều làm cho tôi bồi hồi xúc động; một tác phẩm trong đó tôi đã để lại tất cả những gì tốt đẹp nhất của mình. Nhưng tôi đã đốt hết, và làm thế vào một giờ phút trông thấy cái chết trước mắt và muốn để lại một kỷ niệm xứng đáng với vong hồn mình hơn.

Tôi cảm tạ Thượng đế đã cho tôi có đủ sức làm như vậy. Ngọn lửa vừa thiêu hủy những tờ cuối cùng của cuốn sách, thì nội dung của nó, một con phượng hoàng {*Trong thần thoại, phượng hoàng là con chim sống nhiều thế kỷ giữa sa mạc Ả Rập rồi tự thiêu trên dàn hỏa và tái sinh từ đám tro tàn của mình*} mới, bỗng hồi sinh dưới hình dáng tinh khiết, rực rỡ hơn; và tôi nhận ra rằng cái mà trước đây tôi tưởng là một sự hài hòa thật ra chỉ là một mớ hỗn mang. Đem xuất bản phần thứ hai dưới hình thức đó sẽ có hại cho tôi nhiều hơn là có lợi. Kể ra, cũng có thể làm vui lòng một vài người ham chuộng thứ sách như thế, nhưng điều đó có gì quan trọng đâu; người đáng cho tôi quan tâm không phải là họ, mà chính là quần chúng độc giả; tôi viết *Những linh hồn chết* là viết cho quần chúng độc giả. Miêu tả dăm ba tính cách đẹp đẽ, tiêu biểu cho những đức tính của giống nòi ta, sẽ chẳng đưa lại kết quả nào khác hơn là làm tăng tính khoe khoang và hợm hĩnh của chúng ta. Trong chúng ta, nhất là trong đám thanh niên, có nhiều người quá tâng bốc các đức tính Nga; lẽ ra phải làm cho những đức tính đó phát triển trong bản thân họ, thì họ lại chỉ lo phô trương nó ra và hò hét với châu Âu: "Hỡi những người nước ngoài, hãy nhìn mà xem: chúng tôi tốt hơn các anh đây này!" - Lối hợm mình này rất tai hại. Nó vừa làm cho người khác bực tức, vừa làm cho chính mình thiệt thòi. Tính khoe khoang làm cho những hành vi cao quý nhất cũng thành ra ti tiện. Thế mà giờ đây, dù chưa làm được chút gì, ta đã đi phô trương những kỳ công tương lai của ta! Riêng tôi, tôi thấy thà nhất thời nản chí còn hơn là tự túc, tự mãn. Quả nhiên, khi nản chí,

con người ta đi tới chỗ thấy rõ sự ti tiện của mình, cái trống không của mình, và dù muốn, dù không, cũng phải nhớ đến Thượng đế là đấng sáng tạo ra mọi vật, từ chỗ hư vô; trái lại, nếu tự mãn, con người sẽ tự mình trốn tránh mình để hiến thân cho quỷ Xa tăng, cha đẻ của lòng kiêu ngạo, thường làm cho con người lóa mắt vì ánh hào quang giả dối của những đức tính mà họ tưởng là mình có. Có những thời mà người ta chỉ có thể hướng một xã hội hay cả một thế hệ về cái thiện bằng cách cho nó thấy hết sự bỉ ổi của nó; có những thời mà cách tốt nhất để nói đến cái mỹ, cái thiện là vạch rõ ngay ra một cách thật rõ ràng một con đường đưa mỗi người đến được cái mỹ, cái thiện. Có lẽ đúng ra việc đó phải làm thành cốt tủy của phần thứ hai *Những linh hồn chết*, nhưng trong phần này, cái đó lại quá mờ nhạt; chính vì thế mà tôi đã đốt nó đi… Anh đừng phê phán; anh đừng kết luận; anh sẽ nhầm như một số bạn tôi; vì muốn xem tôi là nhà văn lý tưởng đúng như họ quan niệm, nên đòi hỏi tôi phải đáp ứng cái lý tưởng đó. Khi sáng tạo ra tôi. Thượng đế chẳng hề giấu không cho tôi biết sứ mệnh của tôi. Tôi sinh ra không phải để mở đầu một thời đại trong văn học, mà để làm tròn một nhiệm vụ đơn giản hơn, quen thuộc hơn, một nhiệm vụ mà mỗi người trong chúng ta đều phải nghĩ đến, chứ không riêng gì tôi. Lĩnh vực của tôi là tâm hồn, là việc nghiên cứu cuộc đời một cách nghiêm túc. Cho nên tôi phải hành động thong thả và trù tính chuyện lâu dài. Người khác cứ việc mà vội vã; tôi thì tôi không cần. Khi cần, tôi đốt đi, và chắc hẳn tôi làm như vậy là phải; vì tôi không tiến hành một việc gì mà không cầu nguyện. Anh sợ sức khỏe của tôi kém quá không cho phép tôi viết phần thứ hai. Nói cho đúng, sức khỏe của tôi quả cũng đã khá suy rồi; đôi khi cơn bệnh làm tôi đau đớn đến nỗi, giá không có sự phù trợ của Chúa, thì tôi đã không tài nào chịu nổi. Tôi đã kiệt sức và ngoài ra, tôi nhát lạnh đến nỗi sưởi mấy cũng không thấy ấm; lẽ ra phải cử động nhiều, nhưng tôi không đủ sức. Chật vật lắm tôi mới làm việc được mỗi ngày một tiếng, mà công việc không phải bao giờ cũng có kết quả. Nhưng tôi không hề mất hy vọng. Đấng đã dùng sự phiền não, những bệnh tật, những trở ngại đủ thứ để thôi thúc sự nảy nở trong con người tôi những năng lực và những tư tưởng mà

không có, thì tôi không thể nào soạn nổi tác phẩm này. Đấng đã giúp cho tôi viết xong hơn một nửa tác phẩm đó, chắc chắn sẽ cho tôi đủ sức hoàn thành đến cùng. Trong khi thể xác tôi suy vi, thì tinh thần tôi càng ngày càng vững mạnh; mà tinh thần mạnh thì rồi thể xác cũng sẽ mạnh theo. Tôi nghĩ rằng khi đã đến lúc thì chỉ trong vài tuần là tôi sẽ hoàn thành cái công trình đã tốn của tôi những năm năm đau khổ.

1846

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
PHẦN II - Chương thứ nhất

Hơi đâu mà cứ miêu tả mãi cảnh sinh hoạt nghèo nàn và thấp kém của dân ta, đào bới những nhân vật này nọ ra từ những xó xỉnh hẻo lánh, từ những nơi thâm sơn, cùng cốc? Biết làm thế nào được nếu bản tính tác giả vốn dĩ như vậy, và vì tác giả có ý thức bệnh hoạn về sự kém cỏi của mình, cho nên không dám miêu tả gì hơn là những khía cạnh đáng buồn của cuộc đời và những con người sống ở tỉnh xép như một cái hang? Và đây, chúng ta lại ghé vào một xó xỉnh hẻo lánh, chúng ta lại gặp một nơi thâm sơn, cùng cốc rồi. Nhưng xó này, nơi này cũng mới đáng chú ý làm sao!

Như bức trường thành đồ sộ của một đồn lũy khổng lồ có nhiều góc nhọn, có cửa để súng, một dãy đồi chạy ngoằn ngoèo kéo dài trên nghìn dặm. Nó oai nghiêm mọc lên, sừng sững trên những cánh đồng bao la, khi thì là một sườn núi thẳng đứng bằng đá vôi pha sét, chằng chịt những lỗ khoét và những hố đào; khi thì lại là một quả đồi cỏ xanh ngoạn mục, phủ những bụi cây rậm như một lớp lông cừu; lại có khi đó là những khu rừng sum suê do một sự may mắn kỳ dị nào đã thoát khỏi những nhát rìu của tiều phu. Đôi khi một dòng sông men theo chân dãy đồi, uốn khúc theo từng chặng lồi lõm, hoặc lảng xa ra phía các đồng cỏ, lượn quanh một lúc, rồi mất hút trong các khóm cây trăn, cây bạch dương, cây hoàn diệp liễu; đoạn đắc thắng thoát ra cùng với những cầu, những cối xay nước, những đập, có vẻ như cùng chạy trốn với sông qua những đoạn rẽ ngoặt.

Ở một nơi nào đấy, trên sườn đồi dốc đứng, cây cối xanh tươi lại

càng thêm rậm rạp. Nhờ có tay người trồng trọt thêm và do sự chênh lệch về độ cao, các loài thực vật phương Bắc và phương Nam đã tập hợp lại cùng một chỗ. Cây sồi, cây thông, cây lê dại, cây bạch dương, cây anh đào, cây mận hoang, cây kim tước, cây thanh lương trà chéo cành với cây hốt bố, khi thì nâng đỡ nhau cùng lớn, khi thì lại lấn át lẫn nhau, mọc khắp sườn đồi từ trên xuống dưới. Trên đỉnh đồi, giữa các ngọn cây xanh um, hiện ra những công trình kiến trúc phía trên của một dinh cơ: những chiếc mái đỏ của nhà gia nhân, nóc của những izba lẫn ở đằng sau, tầng gác thượng được trang hoàng một cái bao lơn chạm trổ và một khung cửa sổ lớn phía trên xây hình bán nguyệt. Nổi hẳn lên trên đám cây cối và các mái nhà ấy là một ngôi nhà thờ cũ kỹ, mộc mạc và năm cái nóc củ hành thiếp vàng đều óng ánh lên. Trên mỗi nóc đều có một chiếc thập tự bằng vàng chạm thủng, buộc bằng những sợi xích vàng, đứng xa mà nhìn có thể ngỡ là những đồng tiền vàng lấp lánh treo lơ lửng trên không. Ngọn cây, mái nhà, thánh giá đều duyên dáng hắt ngược hình bóng xuống dòng sông; mấy cây thùy dương thân rỗng và quặt quẹo; cây thì mọc trên bờ, cây thì lẩn lá cành vào những đám bọt đá nhầy nhụa nổi lên lều bều giữa mấy khóm sen vàng, như đang chiêm ngưỡng bức tranh thần diệu ấy.

Đứng trên bao lơn mà ngắm, phong cảnh còn đẹp gấp bội và chẳng ai là người có thể dửng dưng được. Khách kinh ngạc đến nghẹn thở; họ chỉ có thể kêu lên: “Trời ơi, cảnh đẹp quá!” - Tầm mắt bao quát những khoảng không vô tận; bên kia các cánh đồng cỏ lác đác điểm những khóm cây và những cối xay, có mấy khu rừng phô màu xanh biếc; xa hơn nữa, qua làn không khí đã mờ hơi sương, thấp thoáng những dải cát vàng; rồi lại những khu rừng, nhưng lần này lại là màu lam mờ như màu biển hay như một làn sương mù xa xa, rồi lại đến những dải cát màu vàng nhạt. Tận cuối chân trời, dựng lên những đỉnh đồi đá vôi dù trời xấu vẫn giữ một màu trắng muốt, tưởng chừng vĩnh viễn tắm mình trong một ánh nắng không bao giờ tắt. Trên cái nền sáng loáng ấy, thấp thoáng những vết nho nhỏ màu lam tối. Đó là những khóm làng xa xa; nhưng mắt không

còn trông thấy rõ được nữa. Chỉ thấy cái tháp mạ vàng của giáo đường đang lung linh trong nắng, cho hay rằng nơi ấy có một thị trấn khá lớn. Trên khắp cảnh vật ấy là một sự tĩnh mịch thâm ảo, mà ngay đến tiếng hót khe khẽ chỉ vừa đủ nghe của mấy con chim, gần như mất hút trong không gian, cũng không hề phá rối. Tóm lại là sau hai giờ ngắm cảnh trên bao lơn, khách chỉ còn biết thốt lên: "- Trời ơi, cảnh đẹp quá!"

Thế thì ai là kẻ cư trú trong cái dinh cơ tựa hồ một pháo đài kiên cố, chỉ có thể đi vào bằng phía đối diện với phía chúng ta vừa tả này? Phía ấy, những cây sồi rải rác, thân mật chào đón khách đến thăm, những cành lá sum xuê vươn ra như để ôm lấy khách; chúng đưa chân khách cho đến tận tòa nhà ở mà chúng ta vừa ngắm phần trên từ phía sau. Bấy giờ tòa nhà sừng sững trước mặt ta; một bên là dãy nhà gỗ của nông dân với những đầu hồi chạm trổ, bên kia là ngôi nhà thờ với những cây thánh giá và những sợi dây chuyền bằng vàng lấp lánh. Ai là kẻ có diễm phúc có được quyền sở hữu nơi cư trú này? Đó là một trang chủ ở huyện Trêmalkhan tên là Anđrêi Ivannôvits Tentietnikôp, ba mươi ba tuổi, chưa vợ. Nhân vật này ra sao, tính khí thế nào? Thưa các nữ độc giả, xin cứ hỏi các bạn láng giềng của chàng thì rõ.

Một trong những ông bạn láng giềng đó, thuộc cái hạng sĩ quan cao cấp về hưu, vui nhộn và láu lỉnh mà nay đã có chiều muốn tuyệt diệt; thường nói về chàng như sau: - Một thằng súc sinh thực sự!

Một viên tướng ở cách đấy mười dặm nói: - Cái anh chàng ấy không đến nỗi ngu, nhưng hắn lắm tham vọng quá. Giá hắn cậy tôi thì hơn, tôi không thiếu gì vây cánh ở Pêterbua, và ngay ở… - viên tướng không nói hết câu.

Viên đại úy quận trưởng cảnh sát thì trả lời như sau: - Cấp bậc của hắn xoàng xĩnh lắm; mai ta phải đến truy thu số thuế mới được!

Thật vô tư mà nói thì chàng ta chẳng phải là người ác, chỉ có điều là một người mộng tưởng viển vông. Trên đời này không thiếu gì những kẻ sống lay lắt như thế; vậy thì tại sao mà Tentietnikôp lại không sống như thế? Vả chăng, đây cứ xin kể hú họa một ngày của chàng làm dẫn chứng; như thế bạn đọc sẽ có thể đánh giá được tình hình chàng và đoán xem sinh hoạt của chàng có xứng với những quang cảnh mỹ lệ bao quanh chàng không.

Buổi sáng chàng thức giấc khá muộn. Chàng ngồi dậy và bắt đầu dụi mắt. Vì chẳng may mắt chàng nhỏ, cho nên thủ thuật này kéo dài khá lâu; trong khi đó, anh đày tớ Mikhailô đứng đợi ở ngoài cửa với một thùng nước và một chiếc khăn mặt. Cái anh Mikhailô tội nghiệp ấy đứng như thế một giờ, hai giờ, đi một vòng ra sau bếp; và khi anh trở lại, ông chủ vẫn còn ngồi dụi mắt như cũ. Mãi sau, Tentietnikôp mới đứng dậy, rửa mặt và mặc áo choàng ngủ ra phòng khách dùng trà, cà phê, ca cao và cả sữa tươi còn nóng nữa; chàng nhấm nháp mỗi thứ một tí, bẻ vụn bánh mỳ ra một cách không thương tiếc và làm tàn thuốc lá trong chiếc tẩu bắn tung tóe khắp nhà. Hai giờ trôi qua như thế. Chưa hài lòng, chàng rót cho mình một tách trà nguội nữa, đến ngồi ở khung cửa sổ trông ra sân mà uống; và ngày nào cũng chứng kiến cái cảnh sau đây.

Grigôri, anh người nhà giữ nhiệm vụ trông coi đồ gia dụng, quát bà quản gia Perfiliepna, lời lẽ đại khái như sau:
- Mụ có im đi không, đồ ăn cắp, đồ mặt dầy!
- Gớm chửa! "Đồ mặt dầy"; *tức thị* Perfiliepna, bĩu môi, quát lại. Bà ta là người cung cách thô lỗ; tuy rất ham nho khô, mứt quả và các thứ của ngọt khác mà bà cất trong buồng khóa kỹ.

- Mụ lại còn gây chuyện cả với bác quản lý nữa, đồ ăn hại! Grigôri hét lên.
- Lão quản lý cũng một phường trộm cắp như mày. Mày tưởng ông chủ không biết tỏng bụng dạ chúng mày phỏng? Ông kia kìa, ông nghe rõ hết.
- Ông ở đâu nào?
- Ông ngồi bên cửa sổ kia kìa, ông trông thấy hết.

Quả nhiên, ông chủ đang ngồi bên cửa sổ và trông thấy hết.

Để tăng thêm cảnh huyên náo, một thằng nhóc bị mẹ đét vào mông gân cổ lên gào; một con chó borzôi ngồi xổm dưới đất tru tréo lên vì bị anh đầu bếp hắt nước sôi phải. Nói tóm lại, thật là một cảnh ầm ĩ khủng khiếp, không sao chịu nổi. Ông chủ nghe và thấy hết. Và mãi cho đến khi tiếng ồn ào quấy rầy đến mức có thể xúc phạm đến phút rỗi rãi êm đềm của chàng, chàng mới cho người ra bảo họ chịu khó làm ồn in ít một chút.

Hai giờ trước bữa ăn trưa, chàng lui về phòng giấy để chăm chỉ tiếp tục một công trình nghiên cứu bao quát toàn thể nước Nga về mọi phương diện: công dân, chính trị, tôn giáo, triết học; xác định cái tương lai vĩ đại của nước Nga, giải quyết những vấn đề thời sự khó khăn; tất cả những việc ấy đều làm với cái cung cách và dưới cái hình thức mà những người sống cùng thời với chúng ta vẫn ưa chuộng. Vả chăng cái công trình vĩ đại này hãy còn ở tình trạng dự định mà thôi. Tentietnikôp gặm bút, vẽ hình này hình nọ lên giấy, rồi bút lẫn giấy đều bị gạt sang một bên, nhường chỗ cho một cuốn sách mà Tentietnikôp đọc mãi cho đến bữa ăn trưa, không rời tay. Chàng đọc trong khi người nhà dọn xúp, dọn món khai vị, món rô ti và ngay cả món tráng miệng cũng thế; thành thử có mấy món bị để nguội và có mấy món dọn ra thế nào thì khi bưng đi vẫn còn nguyên thế ấy. Rồi đến tách cà phê và chiếc tẩu, bàn cờ tướng đánh

một mình. Sau đó chàng làm những gì trước khi ăn tối? Tôi cũng khó lòng mà nói được; nhưng tôi có cảm tưởng là chẳng làm gì sốt.

Đó là cách tiêu dao ngày tháng của một thanh niên ba mươi ba tuổi, sống trong cảnh cô độc hoàn toàn. Không hề bước chân ra khỏi nhà, mình mặc áo choàng ngủ, không cà vạt. Chàng không đi dạo, cũng chẳng buồn lên gác hai, chẳng buồn mở cửa sổ cho thoáng; và cái phong cảnh tráng lệ vốn chẳng để ai có thể dửng dưng kia, dường như không hề tồn tại đối với chủ nhân. Như ta đều thấy, Ađrêi Ivannôvits Tentietnikôp thuộc một hạng người đang sắp tuyệt diệt ở Nga. Trước kia, người ta gọi họ là cốc đế, là cù lì; nhưng ngày nay thì tôi chẳng biết gọi là gì. Những tính cách ấy có phải thiên bẩm không, hay đã sinh ra do những hoàn cảnh đáng buồn thường đã nhào nặn con người một cách thật là phũ phàng. Thôi, hẵng khoan trả lời một cách thật là phũ phàng. Thôi, hẵng khoan trả lời câu hỏi đó đã; tốt hơn là hãy kể lại thời thơ ấu và quá trình ăn học của chàng {*Gôgôn rất quan tâm đến vấn đề giáo dục và đã hai lần làm nghề dạy học: năm 1831 làm giáo sư sử học ở Học viện ái quốc cho nữ sinh, năm 1834 làm phụ giảng môn lịch sử Trung cổ thế giới ở trường Đại học Pêterbua*}.

Hình như mọi việc đều góp sức làm cho chàng nên người. Hồi mới mười hai tuổi, chàng là một cậu bé nhanh trí, vừa mơ mộng, vừa ốm yếu, được gửi vào một trường học do một con người xuất chúng điều khiển. Là một thần tượng của giới thanh niên, là mẫu mực của các nhà mô phạm, ông Alexanđr Pêtrôvits vô giá ấy, vốn có cái tài thấu hiểu được bản chất con người. Ông ta am hiểu tính cách Nga và tâm hồn trẻ biết chừng nào! Ông ta biết khích lệ chúng tài tình làm sao! Không có một ông tướng nghịch nào mà sau khi làm điều dại dột là không đến thú hết tội với ông. Hơn nữa, gặp ông xong, chúng ra về lòng tràn đầy phấn khởi, chỉ mong lập công chuộc tội. Ngay đến những lời quở trách của Alexanđr Pêtrôvits cũng có một cái gì khích lệ lòng người; ông ta gọi tham

vọng là động cơ của các năng khiếu, cho nên ông cố gắng kích thích nó. Với ông ta thì đừng nói chuyện hạnh kiểm làm gì, ông ta thường nói:
"- Tôi đòi hỏi trí thông minh, chứ không cần gì khác. Ai mơ ước làm người thông minh thì không có thì giờ làm điều ngu xuẩn; những việc ngu xuẩn phải tự mất đi".
Quả đúng như thế. Đứa trẻ nào không cố gắng tự sửa chữa thì sẽ bị bạn bè khinh rẻ. Những đứa ngu dốt và đần độn phải chịu nhận những biệt hiệu hết sức nhục nhã mà các bạn ít tuổi nhất đặt cho, không dám động đến lỗ chân lông của chúng.
- Ông làm thế khí quá đấy! - Có nhiều người bắt bẻ - những đứa có thiên tư rồi trở nên láo xược mất.
- Không đâu, ông đáp; tôi không giữ lâu những đứa trẻ không có thiên tư, chúng chỉ cần theo một lớp là đủ; còn đối với bọn học trò giỏi, tôi có một lớp bổ túc.

Thật vậy, tất cả các trẻ có thiên tư đều theo lớp này. Mọi ý nghĩ của chúng, dù nhỏ nhặt đến đâu, ông cũng đều biết rõ; ông có vẻ như chẳng trông thấy gì hết; nhưng tựa hồ một pháp sư nấp trong một chỗ ẩn bí mật, ông quan sát những năng khiếu và thiên hướng của chúng. Có khá nhiều hành động láu táu không bị ông trấn áp, vì ông cho đó là mầm mống của những đức tính đang phát triển; nhưng ông nói rằng ông cần đến những hành động ấy cũng như người thầy thuốc cần đến một mụn lở, để biết đúng bên trong của con người.

Các học sinh mới quý ông làm sao! Không, thật không bao giờ trẻ lại quyến luyến cha mẹ chúng đến thế! Không, ngay trong những năm phóng đãng điên cuồng, cũng không thể có được một tình cảm bồng bột như tình cảm ông gây nên trong lòng học sinh! Cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay, cứ hàng năm, người học trò sẽ nâng cốc tưởng niệm ngày giỗ của ông thầy vô song đó, con người đã từ lâu nằm dưới đáy mộ… họ sẽ nhắm mắt lại và nhớ tiếc hương hồn

thầy… Mỗi lời khích lệ nhỏ nhặt nhất của thầy cũng khiến lòng họ vui mừng xúc động, những muốn vượt hết các bạn bè.

Ông ta cho rằng có rất nhiều tri thức vô ích và có thể cản trở sự phát triển nội tại của trí thông minh. Ngược lại, ông dành rất nhiều thì giờ cho những công việc tay chân ở ngoài trời, nhằm tôi luyện cho thân thể cường tráng.

Những trẻ ít năng khiếu không học với ông được bao lâu; ông có một khóa học tắt cho chúng; nhưng những đứa khác thì phải theo một chương trình nặng gấp đôi. Và khóa học cuối cùng dành cho học sinh ưu tú chẳng có chút gì giống với các tổ chức tương tự. Chỉ ở lớp này ông mới đòi hỏi ở học sinh tất cả những điều mà một số người khác vẫn nhất loạt đòi hỏi ở trẻ em, không hề suy xét; cái trí tuệ siêu quần không bao giờ thèm chế nhạo, nhưng lại biết chịu đựng những lời chế nhạo, biết tỏ ra khoan dung đối với bọn ngu ngốc. Không nổi cáu, không bao giờ trả thù, mà luôn giữ thái độ điềm tĩnh đầy tự hào của một tâm hồn bình thản, ông vận dụng tất cả những gì có thể làm cho học trò ông có được tính trượng phu, và không ngớt làm những cuộc thí nghiệm với họ. Chao ôi! Ông ta am hiểu khoa học và cuộc đời biết chừng nào!

Số giáo viên làm việc với ông rất ít, và phần nhiều các môn học đều do ông dạy lấy. Không dùng những từ ngữ cầu kỳ, không đưa ra những lời biện luận khoa trương; ông biết cách truyền đạt cái linh hồn của một ngành khoa học và làm cho các học viên, dù nhỏ tuổi cũng hiểu được sự bổ ích của nó. Vả chăng ông chỉ dạy những khoa học có thể đào tạo được những người công dân. Một phần lớn các buổi học của ông dành để kể cho học trò nghe những gì đang đợi họ khi họ rời ghế nhà trường; ông mô tả sự nghiệp tương lai của họ một cách hay ho đến nỗi chưa chi họ đã tưởng tượng thấy mình đang sống trong sự nghiệp đó. Ông không che giấu gì hết.

Ông trình bày hết sức thẳng thắn những nỗi thất vọng, những trở ngại, những sự cám dỗ, những cạm bẫy đang mai phục họ. Ông biết rõ hết, và có thể tưởng chừng như ông đã trải qua đủ các nghề nghiệp, đủ các chức vụ. Không biết có phải vì một tham vọng sớm nẩy nở, hay vì ngay đôi mắt của nhà giáo dục vô song ấy cũng như đang nói với các thính giả: *Tiến lên*! Một câu nói quen thuộc đối với người Nga và có khả năng thực hiện những điều kỳ diệu trong cái tâm hồn nhạy cảm của họ? Dù thế nào chăng nữa, thì ngay từ những bước đầu trên con đường sự nghiệp, các môn đệ của ông đều chỉ xăm xăm tìm những sự khó khăn, nóng lòng muốn ra tay hành động ở nơi nào đầy những trở ngại, ở nơi nào cần tỏ rõ một chí khí phi thường. Học trò của ông đào tạo rất ít; nhưng toàn là những nhân cách có thể chịu đựng mọi thử thách. Ở những chức vụ bấp bênh nhất, họ cũng giữ vững được tiết tháo; trong khi những kẻ khác có tư chất hơn, lại nản chí, buông xuôi tất cả, vì những trở ngại vụn vặt, hoặc giả rơi vào trạng thái dửng dưng, lười biếng, trở thành mồi ngon của bọn bịp bợm và bọn ăn hối lộ. Còn như họ thì vẫn không hề nao núng; được những khó khăn tôi luyện, họ có ảnh hưởng mạnh mẽ ngay cả đối với những kẻ có tâm địa xấu xa nhất.

Ông thầy lỗi lạc ấy đã khiến Anđrêi Ivannôvits phải hân hoan, sùng mộ biết nhường nào! Chỉ nghĩ rằng mình có thể được theo học lớp cao nhất thôi, quả tim đầy nhiệt huyết của cậu bé giàu tham vọng đã đập rộn ràng; cho nên năm mười sáu tuổi, khi đã vượt qua chúng bạn và được xét là xứng đáng được nhận vào lớp này, Tentietnikôp không dám tin rằng mình lại có cái diễm phúc đó. Liệu có thể tìm đâu ra một người giáo dục hơn thế cho chàng thiếu niên của chúng ta? Thế nhưng đến khi chàng được thấy ước vọng tha thiết nhất của mình sắp thành sự thực, thì nhà giáo dục vô song kia - người mà chỉ cần khen một câu chàng cũng đã bồi hồi xúc động - lại lâm bệnh và ít lâu sau thì qua đời. Anđrêi Ivannôvits chết điếng đi được. Thật là một tổn thất kinh khủng, tổn thất đầu tiên trong đời Anđrêi Ivannôvits.

Trong trường mọi sự đều thay đổi. Kẻ kế tục Alexanđr Pêtrôvits là một ông Fiôđô Ivannôvits nào đấy, một người phúc hậu và nhiệt thành, nhưng đầu óc đầy những tư tưởng khác hẳn. Thoạt tiên ông ta ấn định ra những quy tắc bề ngoài, bắt các học sinh tuyệt đối im lặng và lúc nào cũng phải đi từng đôi một; ông ta thân hành đo khoảng cách giữa từng đôi. Khi ngồi ăn, ông ta xếp học sinh ngồi theo vóc người cao thấp, chứ không phải theo mức độ thông minh; thành thử những miếng ngon, miếng bổ đều được dành cho bọn dốt đặc; còn các học sinh ưu tú thì chỉ được gặm xương. Những việc đó gây nên những tiếng xì xào bất mãn, nhất là khi ông giám đốc mới, như để thách thức người cũ, tuyên bố rằng dưới ánh mắt ông ta thì trí thông minh và những bước tiến trong học tập không đáng kể, rằng ông ta chỉ coi trọng hạnh kiểm mà thôi, rằng nếu có một học sinh nào học dốt nhưng hạnh kiểm tốt, thì ông còn thích hơn là một học sinh có thiên tư xuất chúng. Nhưng Fiôđô Ivannôvits không làm cho học sinh có hạnh kiểm tốt được. Bọn trẻ bắt đầu nghịch ngầm. Ban ngày thì nề nếp đâu đấy, nhưng đêm đến là nghịch vỡ trời.

Trong lớp cao nhất, mọi thứ cũng đều bị ông ta đảo lộn lên cả. Với những ý định rất tốt, ông ta đưa vào một mớ những cải cách tai hại. Ông ta mời thêm thầy giáo có những tư tưởng và quan niệm mới. Họ trút tới tấp lên đầu thính giả cả một mớ danh từ lạ tai, họ tỏ ra thông hiểu những học thuyết mới mẻ nhất, trình bày những học thuyết ấy một cách rất minh xác và nhiệt thành; nhưng hỡi ôi! Khoa học của họ thiếu hẳn sự sống và vẫn chỉ là một mớ từ ngữ chết. Nói tóm lại, mọi việc đều rối tung lên. Lòng tôn kính không còn nữa; người ta bắt đầu giễu cợt các giáo sư, gọi ông giám đốc là ma bùn. Sự lăng loàn vượt ra ngoài phạm vi trẻ con; đã xảy ra những chuyện xấu xa khiến người ta phải đuổi một số học sinh rất đông. Hai năm sau, không còn nhận ra nhà trường được nữa.

Anđrêi Ivannôvits tính vốn hiền lành. Chàng không bị thu hút vào những cuộc truy hoan ban đêm của các bạn, đã từng gạ gẫm một thiếu phụ ngay dưới cửa sổ của ông giám đốc; cũng không bị lôi cuốn theo những lời báng bổ mà họ dùng để giễu cợt tôn giáo, chỉ vì ông linh mục thường đến làm lễ không được thông minh cho lắm. Không, linh hồn Anđrêi Ivannôvits, dù chưa được thức tỉnh, cũng cảm biết được cái cội nguồn thiên giới của nó. Duy có điều là chàng nản chí. Tham vọng của chàng đã được kích thích, nhưng không tìm được lối thoát trong một sự nghiệp nào; giá đừng có thức tỉnh cái tham vọng ấy còn hơn. Chàng nghe các giáo sư hăng hái thuyết lý trên bục và hồi tưởng đến ông thầy cũ vốn không hề mất sự điều độ, mà biết nói năng một cách dễ hiểu. Chàng phải hấp thụ bao nhiêu môn học! Y học, hóa học, triết học, luật học và môn sử thế giới được giảng với một quy mô rộng lớn đến nỗi trong ba năm mà giáo sư chỉ mới giảng xong phần dẫn luận, và trình bày quá trình phát triển của các công xã trong một số thành phố Đức {*Gôgôn rất thiết tha với sử học; đầu những năm 30, Gôgôn dự định viết một bộ lịch sử thế giới, vì theo lời nhà văn "Không những ở Nga, mà ngay cả ở châu Âu nữa, cũng chưa có một hình thức lịch sử thế giới nào chân chính". Dạy lịch sử thế giới ở trường Đại học Pêterbua, Gôgôn gặp ban giám đốc trường không cùng quan điểm với mình; nên mới một năm đã từ giã ngành sử học cũng như nghề dạy học*}.

Có trời biết được chàng đã phải ngốn những gì! Nhưng tất cả những thứ đó có còn lại trong đầu chàng cũng chỉ là những mảnh vụn chẳng thành hình dạng gì cả. Nhờ có tư chất thông minh, chàng cảm thấy rằng lẽ ra không nên giảng dạy như thế; nhưng chàng cũng không hiểu rõ cho lắm thế nào mới là phương pháp giảng dạy tốt. Chàng thường hay nhớ lại Anđrêi Ivannôvits và thấy lòng buồn rười rượi, đến nỗi không biết trốn vào đâu cho khuây khỏa. Nhưng tương lai thuộc về chàng, và chỉ riêng điều đó thôi cũng đủ đem lại hạnh phúc cho tuổi thanh xuân của chàng rồi. Càng gần đến ngày mãn khóa, lòng Anđrêi Ivannôvits càng xao xuyến. Chàng tự nhủ: "- Đây chưa phải là cuộc đời, đây chỉ là

bước chuẩn bị; cuộc đời thực sự sẽ bắt đầu từ khi nào ta phụng sự Quốc gia; và đến lúc ấy ta sẽ có dịp tỏ ra xuất sắc".

Anđrêi Ivannôvits không buồn đoái nhìn đến cái phong cảnh vẫn khiến cho khách đến đây đều phải bàng hoàng, ngây ngất; thậm chí chàng cũng không nghiêng mình trước mộ hai cụ thân sinh. Cũng như tất cả những kẻ giầu tham vọng khác, chàng lập tức đi Pêterbua, nơi mà, như ai nấy đều biết, giới thanh niên đầy nhiệt huyết của chúng ta, từ khắp các nơi trên nước Nga, đổ xô về để phụng sự, để tìm công danh, để xô đẩy, chen lấn nhau, hay chẳng qua chỉ để có được một lớp sơn hào nhoáng của cái vốn lịch duyệt kia, cái thứ lịch duyệt nhạt nhẽo, dối trá, lạnh lùng như băng giá. Nhưng ngay từ đầu, khát vọng nhiệt thành của Anđrêi Ivannôvits đã bị ông chú là Ônufri Ivannôvits, tư vấn quốc gia thực thụ {*Chức quan văn bậc thứ tư, ngang hàng với chức thiếu tướng*} dội cho một gáo nước lạnh. Ông chú nọ tuyên bố rằng cái chính là chữ phải viết cho tốt, bằng không thì đừng hòng làm bộ trưởng hay chính khách gì cả. Chật vật lắm, nhờ có sự che chở của ông chú, rốt cục chàng thanh niên mới kiếm được chỗ làm trong một bộ. Người ta đưa Anđrêi Ivannôvits vào một gian phòng lộng lẫy sàn gỗ đánh xi, bàn giấy sơn bóng lộ, chắc là nơi các vị đại thần trong triều ngồi tham nghị; nhưng liền lúc ấy Anđrêi Ivannôvits trông thấy một đoàn người ăn mặc trang nhã đang nghiêng đầu viết hí hoáy, bút lông ngỗng kêu xoèn xoẹt; và khi người ta đưa người mới nhận việc đến một cái bàn, bảo chép - cứ như là cố ý vậy - một tờ giấy chẳng có chút gì quan trọng (một tờ công văn về một khoản tiền ba rúp, trao đi gửi lại đã sáu tháng rồi), thì một cảm giác lạ lùng tràn vào lòng người công chức trẻ tuổi. Chàng ngỡ mình đang ngồi trong một nhà trường, tiếp tục học lại; vì một lỗi lầm gì đấy, người ta đã bắt chàng tụt một lớp. Những nhân vật ngồi xung quanh, Anđrêi Ivannôvits thấy giống như những cậu học trò! Để cho sự giống nhau được trọn vẹn, có một vài người đút một quyển tiểu thuyết dịch ngu xuẩn nào đó vào giữa các tờ công văn để đọc trộm, bề ngoài làm ra vẻ như đang mải mê làm việc; và hễ ông thủ

trưởng xuất hiện, lại giật mình đánh thót một cái. Tất cả những cái đó gây nên trong lòng Anđrêi Ivannôvits một ấn tượng thật là kỳ quặc, chàng cảm thấy những việc làm trước kia của mình nghiêm túc hơn thế, và công việc chuẩn bị cho cuộc đời công chức còn thú vị hơn chính cuộc đời công chức {*Đây có lẽ là cảm tưởng thực sự của Gôgôn, thuở đi làm công chức ở bộ Thái ấp*}. Chàng đâm ra tiếc trường học. Hình ảnh Anđrêi Ivannôvits bỗng hiện lên trước mặt chàng, như lúc sinh thời; và chàng chật vật lắm mới nén nổi nước mắt. Căn phòng, lũ công chức, bàn ghế, mọi vật đều quay cuồng trước mắt chàng; chàng suýt ngất đi - "Không, - chàng nghĩ thầm khi đã trấn tĩnh lại - ta sẽ bắt tay vào làm việc, mặc dầu lúc đầu công việc có vẻ vụn vặt đến đâu cũng mặc!". Chàng bèn thu hết nghị lực, quyết làm nhiệm vụ như mọi người.
Nơi nào mà chẳng có những cái thú riêng? Ngay ở Pêterbua cũng có thể tìm thấy, mặc dầu cái vẻ khắc khổ và tù mù của thành phố này. Trời băng giá đến nứt nẻ cả mặt đường ra; bão tuyết, nàng con gái thực sự của phương Bắc, đang hoành hành dữ dội, quất vào lề đường, làm cho khách qua đường tối tăm mặt mũi, rắc bột lên cổ áo bông, lên các bộ ria của người, lên những cái mõm xù lông của vật. Nhưng qua những bông tuyết quay cuồng, vẫn có một ánh đèn niềm nở chiếu sáng trên một gác tư nào đấy, trong một căn buồng ấm cũng thắp mấy ngọn nến giản dị. Trong khi xamôva sôi khe khẽ, một câu chuyện rôm rả làm ấm lòng người; người ta đem đọc một đoạn ưu tú nào đấy của một trong những nhà thơ giàu cảm hứng mà Thượng đế ban cho nước Nga; và tâm hồn trẻ trung của người thiếu niên cũng rung lên với một niềm hân hoan chẳng khác gì dưới ánh nắng tươi vui của miền Nam ấm áp {*Đây là một kỷ niệm của những ngày Gôgôn mới đến Pêterbua*}.

Chẳng bao lâu Tentietnikôp đã làm quen được với chức vụ; nhưng trái với những dự tính ban đầu của chàng, nhiệm vụ đó cũng không trở thành mục đích chủ yếu của đời chàng. Cái chức vụ đó giúp chàng phân phối thì giờ và làm cho chàng thưởng thức những giờ phút rỗi rãi được trọn vẹn hơn. Ông tư vấn quốc gia đã bắt đầu tự

nhủ rằng thằng cháu mình có thớ làm nên đây, thì Anđrêi Ivannôvits bỗng phạm sai lầm. Trong số các bạn bè của Anđrêi Ivannôvits - số đó cũng khá đông - có hai kẻ thuộc các hạng mà người ta thường gọi là những đầu óc cay cú. Những con người bất an một cách kỳ quặc ấy không sao thản nhiên trước những cảnh bất công đã đành, mà ngay trước những gì họ thấy có vẻ bất công cũng vậy; tính vốn trung hậu, nhưng hành động thì lại lộn xộn, họ đòi hỏi người ta phải khoan dung với mình, trong khi họ xét đoán người khác thì chẳng khoan dung chút nào. Những lời lẽ kịch liệt và lòng công phẫn cao quý của họ đối với xã hội đã có ảnh hưởng rất mạnh đối với Tentietnikôp. Họ làm cho chàng đâm ra dễ xúc động, dễ cáu bẳn, họ làm cho chàng để ý đến tất cả những chi tiết mà trước kia chàng không hề chú ý đến chút nào. Fiôđô Fiôđôrôvits Lênitxưn, thủ trưởng của một bộ phận văn phòng đặt trụ sở trong những gian phòng lộng lẫy kia, bỗng dưng mất hẳn thiện cảm của chàng. Chàng bắt đầu tìm thấy ở Lênitxưn cả một mớ tính xấu. Chàng thấy rằng Lênitxưn khi tiếp chuyện cấp trên thì toàn những lời đường mật, mà khi tiếp xúc với cấp dưới thì lại chua như dấm; rằng giống như những kẻ ti tiện, hắn bắt lỗi những ai không đến thăm hắn vào những ngày lễ và để bụng thù những người không thấy ghi tên trong cuốn sổ của người gác cổng. Cuối cùng, con người ấy gây nên trong lòng chàng một cảm giác ghê tởm, bệnh hoạn. Dường như có một hung thần thôi thúc chàng gây ra một việc gì khó chịu cho Fiôđô Fiôđôrôvits. Chàng chờ cơ hội với một cảm giác gần như khoái lạc và cuối cùng cơ hội đã đến. Một hôm, chàng nói với Fiôđô Fiôđôrôvits bằng một giọng gay gắt đến nỗi người ta buộc chàng một là phải xin lỗi, hai là phải từ chức. Chàng liền từ chức. Ông chú chạy lại, hoảng hốt van lơn.

- Trời ơi, Anđrêi Ivannôvits, anh làm gì thế? Từ bỏ một sự nghiệp đã bắt đầu một cách ổn thỏa như thế, chỉ vì ác cảm với người trên? Lạy Chúa! Anh nghĩ thế nào mà lại làm như vậy? Nếu cứ cố chấp như thế thì còn ai có thể giữ chức được nữa! Anh nghĩ lại đi; hãy gác sang một bên cái tính sĩ diện, tự ái; đến phân trần với ông ta đi!

- Vấn đề không phải ở chỗ ấy, chú ạ; Anđrêi Ivannôvits đáp. Tôi mà đến xin lỗi ông ta thì cũng dễ thôi; tôi trái; ông ta là thủ trưởng

của tôi, lẽ ra tôi không nên ăn nói với ông ta như thế. Nhưng chú ạ, một công việc khác đang chờ tôi; ba trăm nông dân, một điền trang đang sa sút, một lão quản lý đần độn. Thôi để cho một người làm thuê khác cạo giấy thay tôi. Nhà nước chẳng thiệt thòi gì; nhưng nếu ba trăm đinh mà không nộp thuế thì công quỹ sẽ hao hụt nhiều lắm. Tôi chả là trang chủ mà… nếu tôi dành đời tôi để lo cho những người được giao cho tôi coi sóc, làm cho họ sống khá hơn; nếu tôi hiến được quốc gia ba trăm thần dân gương mẫu, điều độ, cần cù; thì công lao của tôi có thấp kém hơn công thủ trưởng một bộ phận văn phòng như Lênitxưn?
Ông tư vấn quốc gia chỉ còn biết há hốc mồm. Ông ta không ngờ được nghe một tràng lý lẽ thao thao bất tuyệt như thế. Nghĩ một lát, ông nói đại khái như sau:
- Thế nhưng… ai lại về nằm lì ở nhà quê thế? Tìm đâu ra bạn bè giữa những kẻ…? Ở đây, ít nhất người ta cũng được gặp những vị tướng quân, những bậc vương công ở ngoài phố. Người ta cũng thường được đi qua bên cạnh một… Rồi lại có đèn hơi, có công nghệ kiểu Âu châu; chứ ở đấy thì toàn bọn quê mùa, thô lỗ. Thế thì việc gì lại chôn vùi cả đời mình trong cảnh tối tăm như vậy?
Nhưng ông cháu vẫn một mực không lay chuyển trước những lời phân trần của ông chú. Chàng đã chán phòng giấy, chán chốn kinh đô lắm rồi. Chàng bắt đầu thấy thôn quê là một nơi ẩn dật chắc chắn, thuận lợi cho việc suy tưởng, và là môi trường hoạt động duy nhất hữu ích. Chàng đã tìm mua được những cuốn sách mới nhất về nông nghiệp. Nói tóm lại, mười lăm ngày sau khi diễn ra cuộc nói chuyện ấy, chàng đã về đến gần những nơi mà thời thơ ấu của chàng đã trôi qua; không còn xa mấy cái khoảng đất kỳ diệu ngắm mãi không hề biết chán ấy. Một cảm xúc mới mẻ khiến tâm hồn chàng xao xuyến. Trong lòng chàng dần dần bừng tỉnh những ấn tượng xưa kia, đã từ lâu vùi kín. Chàng đã quên hẳn nhiều nơi; và như một người khách mới đến, chàng tò mò ngắm những cảnh đẹp. Bỗng nhiên, không hiểu tại sao, tim chàng bắt đầu đập mạnh. Con đường men theo một khe đất hẹp đi sâu vào một khu rừng mênh mông; ở trên đầu và ở dưới chân, chàng thấy những cây sồi cổ thụ ba người ôm không xuể, xen với những cây tùng cây bách, cây du,

cây phong. "- Khu rừng này của ai? Chàng hỏi thăm. - Của ông Tentietnikôp" người ta trả lời như vậy. Rồi con đường lại men theo những cánh đồng cỏ có những rặng cây hoàn liễu, miên liễu, thùy liễu; trông rõ những dãy đồi chạy dài ở phía xa; rồi vượt qua con sông ở hai nơi khác nhau, lần trước để nó lại ở mé bên phải, lần sau ở mé bên trái; Anđrêi Ivannôvits hỏi thăm xem ai là người may mắn được làm chủ nhân những cánh đồng cỏ này và được biết rằng người đó là ông Tentietnikôp. Đến đây con đường leo lên dốc và chạy men theo một cao nguyên, một bên là những cánh đồng tiểu mạch, lõa mạch, đại mạch; còn bên kia là tất cả những nơi đã vượt qua, giờ bỗng thu nhỏ hẳn lại; rồi tối dần đi từng chặng; con đường chạy dài dưới bóng những cây cối um tùm mọc rải rác trên những tấm thảm xanh cho đến tận đầu làng. Khi những ngôi nhà gỗ chạm trổ của mujik và những mái ngói đỏ của ấp đã hiện ra rõ nét, khi chiếc mái thiếp vàng của ngôi nhà thờ đã ánh lên lấp lánh, và khi trái tim đang đập rộn rã của Tentietnikôp đã đoán ra được đây là nơi nào, thì bao nhiêu cảm giác tích lũy bấy lâu đều phát ra thành lời nói.

- Vừa qua mình có ngốc không kia chứ! Số phận đã cho mình làm chủ nhân một thiên đường trần gian, thế mà mình lại tự đày đọa tấm thân đi làm nghề cạo giấy! Sau khi được dạy dỗ chu đáo như vậy, được trang bị đủ những tri thức cần thiết để truyền bá phúc lợi cho kẻ tùy thuộc, để cải thiện cả vùng này, để làm tròn những bổn phận vốn rất nhiều của người trang chủ - vừa là quan tòa, vừa là người ra lệnh, vừa là kẻ giữ trật tự - thế mà lại giao chức vụ ấy cho một tên quản lý dốt đặc cán mai! Tự dưng lại đi chọn lấy cái nghề làm trung gian cho những kẻ mà mình chưa bao giờ gặp, chẳng biết tính tình và nhân phẩm ra sao; nói tóm lại, bỏ một công việc cai quản thực sự để chọn lấy công việc cai quản trên giấy tờ những tỉnh cách xa hàng nghìn verxta chưa bao giờ đặt chân đến, mà có đến cũng chỉ làm được những việc ngu xuẩn!

Trong khi đó, một cảnh tượng khác đang chờ đợi chàng. Nghe tin trang chủ về, nông dân đã kéo đến tụ tập bên thềm. Những chiếc áo chùng, những chiếc mũ chụp, mũ trùm, những bộ áp caftan và những bộ râu xồm xoàm trông rất thú vị đã vây quanh chàng. Khi

chàng nghe họ thốt lên: "- Ân nhân đã về đây rồi!..." khi các ông già bà cả vừa khóc vừa nhớ lại tổ phụ chàng, thì chính chàng cũng không sao cầm được nước mắt. Chàng nghĩ bụng: "Họ quý mình biết bao! Thế mà nào mình đã gặp họ bao giờ, mình có bao giờ quan tâm đến họ đâu!". Chàng liền tâm tâm niệm niệm rằng từ nay sẽ chia sẻ công việc làm ăn với họ, để cho thật xứng đáng được họ yêu quý và gọi là ân nhân. Chàng bắt tay vào điều khiển công việc. Chàng giảm bớt lực dịch để cho nông dân được nhàn hơn. Viên quản lý đần độn kia bị thải hồi. Việc gì chàng cũng muốn nhúng tay vào; chàng ra đồng, ra sân đập lúa, ra sân phơi thóc, ra cối xay, trông nom những chuyến bốc hàng lên thuyền, lên xà lan.
- Chà! Chà! Việc gì ngài cũng ngó đến, nông dân bảo nhau như vậy; và chính những kẻ chây lười cũng bắt đầu gãi tai, gãi gáy. Nhưng tình hình này chẳng được bao lâu. Con người mujik họ rất tinh khôn; chẳng bao lâu họ đã biết rằng tuy ông chủ nhanh nhẹn và xốc vác thật, nhưng vẫn chưa biết việc và ăn nói như trong cuốn sách. Thành thử, tuy chưa đến nỗi hoàn toàn không hiểu gì nhau, nông nô và trang chủ vẫn không sao hòa hợp được với nhau. Tentietnikôp có dịp nhận thấy rằng trên đất mình, hoa màu mọc kém nhiều so với đất của nông dân. Gieo thì gieo trước mà mọc thì lại mọc sau; ấy thế mà người ta làm lụng có vẻ chăm chỉ lắm đấy. Tuy thế, chàng vẫn thân hành coi những buổi lực dịch và phát vôtka thưởng cho những người làm hăng. Lõa mạch, kiều mạch, kê của nông dân đã trổ bông từ lâu, mà của chàng thì chỉ mới lên cây, chưa có đòng. Nói tóm lại, vị trang chủ bắt đầu thấy rằng tuy ân huệ ban xuống đã nhiều mà nông dân của chàng vẫn gian dối. Chàng thử trách họ, nhưng họ trả lời:
"- Thưa chủ nhân, sao chúng tôi lại không quan tâm đến quyền lợi của chủ. Ngài đã trông thấy tận mắt chúng tôi cày, gieo hạt chăm chỉ như thế nào; ngài còn sai thưởng cho chúng tôi cả một suất vôtka."
Thế thì còn biết trả lời làm sao nữa!
"- Nhưng tại sao lúa mọc xấu thế? Tentietnikôp hỏi.
- Biết làm thế nào được? Chắc là sâu cắn rễ. Với lại mùa hè mà thế này thì lúa xấu có gì là lạ? Không mưa được lấy một cơn."

Nhưng Anđrêi Ivannôvits thấy rõ rằng trên những khoảng đất của nông dân, sâu chẳng dám cắn rễ; còn như mưa thì chắc chỉ đổ xuống từng nơi, làm lợi cho mujik mà để thiệt cho trang chủ. Đàn bà thì lại còn lắm chuyện rắc rối hơn nữa. Họ xin miễn làm đồng, than phiền là lực dịch quá nặng. Lạ thay! Chàng đã bãi bỏ tất cả các khoản nộp vải, trái cây, nấm, hạt dẻ và giảm các công việc khác, chỉ còn lại một nửa, nghĩ rằng đàn bà sẽ dành thì giờ làm việc nội trợ, khâu áo cho chồng, trồng thêm vườn rau. Nhưng chẳng hề có như thế. Thói lười biếng, thói đánh nhau, thói ngồi lê đôi mách, những vụ cãi cọ đủ thứ bắt đầu phát triển trong phái đẹp; đến nỗi các ông chồng cứ luôn luôn than phiền với chàng:

- Thưa ông chủ, ngài làm phúc dạy bảo cho con quỷ cái nhà tôi nó biết điều một chút! Chẳng làm thế nào mà sống nổi với nó nữa?

Bất đắc dĩ, chàng cũng định dùng đến cách quở mắng thật nghiêm; nhưng nghiêm làm sao được? Một nữ nông dân rên rỉ dẫn xác đến, ốm yếu đứng không vững, mình quấn những mảnh giẻ rách đến là tởm, không biết nhặt được ở đâu.

- Thôi đi đi cho khuất mắt! Chúa phù hộ cho mụ! Vị trang chủ đáng thương nói. Chỉ một lát sau, vừa bước khỏi cổng đã thấy mụ túm lấy một mụ hàng xóm, làm om sòm lên vì một củ su hào, và nện vào sườn mụ kia những quả đấm nên thân, khỏe hơn tay tráng đinh lực lưỡng nhất.

Chàng đã nghĩ đến việc mở một thứ trường học, nhưng việc đó gây nên một cảnh rối ren hỗn loạn đến nỗi chẳng bao lâu chàng phải từ bỏ ý định ấy. Trong những vụ xung đột và kiện cáo, tất cả những kiến thức tư pháp tinh vi mà các thầy giáo kiêm triết gia ngày trước đã dạy cho chàng, đều tỏ ra hoàn toàn vô dụng. Cả bên bị lẫn bên nguyên đều thi nhau nói dối, không sao lần ra được chút gì. Chàng nhận thấy rằng chỉ riêng việc hiểu biết con người thôi còn quan trọng hơn những lời biện luận tinh vi trong các sách luật học và triết học; chàng thấy mình thiếu một cái gì đấy, nhưng không biết là cụ thể mình thiếu cái gì. Và cái việc rất hay xảy ra đã xảy ra: nông dân và trang chủ đã hiểu lầm nhau, hai bên đều chỉ lộ mặt xấu ra cho nhau. Tất cả những cái đó làm cho nhiệt tình của nhà trang chủ nguội lạnh đi rất nhiều.

Từ đấy chàng vẫn trông coi công việc, nhưng không hề quan tâm đến nữa. Dù khi đang gặt lúa, bó lúa hay chất lúa vào kho; nếu công việc làm gần ngay cạnh, mắt chàng cứ thẫn thờ nhìn mãi tận đâu đâu; nếu công việc làm ở xa, thì mắt chàng lại tìm những vật gần hơn hay ngắm một khúc sông, nơi có con bói cá mỏ đỏ, chân đỏ bước dọc bờ. Chàng tò mò nhìn con chim, mỏ cắn ngang một con cá vừa bắt được, vẻ như đang tự hỏi xem mình có nên nuốt con cá hay không, đồng thời lại nhìn một con bói cá khác đứng ở xa xa, chưa bắt được con cá nào, nhưng cũng đang nhìn kẻ đồng loại may mắn hơn.

Hoặc giả hai mắt nhắm nghiền, đầu ngẩng lên phía trời xanh, chàng thở hương vị của đồng quê, lắng nghe tiếng chim hót; những khi từ khắp mọi hướng, từ không trung cũng như từ mặt đất, tiếng hót quyện lại thành một bản hợp xướng hài hòa. Con cuốc gióng giả trong đám lõa mạch; con gà nước rên rỉ trong đám cỏ; ở phía trên, một đàn chim khuyên bay qua kêu chiêm chiếp và gọi nhau ríu rít; con chim dẽ gà vừa bay lên vừa cất tiếng the thé; con chim sơn ca hót líu lo, thân hình hòa tan trong ánh sáng; trong khi tiếng gọi đàn của bầy sếu bay thành chữ nhân cao ngất trên nền trời vang dội như một tiếng kèn. Cảnh vật xung quanh chỉ còn là một cuộc hòa nhạc. Hỡi Tạo hóa! Nơi đây, giữa lòng thiên nhiên, xa các đường thiên lý và các thành thị lớn, những tạo vật của Người còn đẹp đẽ biết bao! Nhưng ngay đến quang cảnh ấy cuối cùng cũng làm cho Anđrêi Ivannôvits chán ngấy; chàng không ra đồng nữa, nằm lì ở nhà, thậm chí cũng không buồn nghe những lời bẩm báo của lão quản lý nữa.

Trước kia có mấy người láng giềng thỉnh thoảng đến thăm chàng: một viên trung úy khinh kỵ về hưu, người sặc mùi thuốc lá tẩu; một anh sinh viên học hành dở dang, mang những tư tưởng tiên tiến và xem sách báo đương thời như lời thánh truyền. Nhưng cả những hạng người đó nữa cũng làm cho chàng chán ngấy. Chàng bắt đầu thấy những câu chuyện của họ nông cạn; cái lối tự nhiên theo kiểu Âu châu của họ - vỗ đùi, vỗ vế và các cử chỉ sỗ sàng khác - thì chàng cho là quá tự do. Chàng quyết định tuyệt giao với cả bọn họ và thậm chí đã tuyệt giao một cách khá thô bạo. Quả có

thế, một hôm Varvar Nikôlaiêvits Visnêpôkrômôp - con người có duyên nhất trong số những kẻ nói chuyện hời hợt, một nhân vật điển hình cho loại đại tá vui nhộn ngày nay đang sắp tuyệt diệt, và đồng thời là kẻ hâm mộ các tư tưởng mới - đã đến thăm chàng để có thể tha hồ thuyết lý về chính trị, triết học, văn học, luân lý, và thậm chí cả về tài chính nước Anh nữa; nhưng Tentietnikôp cho người ra nói là mình đi vắng, đồng thời lại vô ý ló mặt ra cửa sổ. Mắt khách và mắt chủ gặp nhau. Dĩ nhiên là khách phải làu bàu: "Rõ đồ súc sinh"; còn chủ thì bực mình quá cũng tặng khách một tính từ không kém phần khiếm nhã. Quan hệ giữa đôi bên đến đấy là hết. Từ đấy chẳng ai đến thăm chàng nữa.

Chàng lấy thế làm mừng và bắt đầu suy nghĩ về một trước tác lớn về nước Nga. Độc giả đã thấy chàng tiến hành như thế nào. Một tình trạng mất trật tự có hệ thống phát sinh. Nhưng cũng đôi lúc, chàng có vẻ như thoát khỏi trạng thái hôn mê. Những khi bưu vụ mang báo chí đến, những khi chàng thấy trên báo nhắc đến cái tên quen thuộc của một người bạn cũ đang tiến nhanh trên con đường phụng sự nhà nước, hoặc đã có tên tuổi trong khoa học hay trong công cuộc duy tân, chàng thấy lòng tràn ngập một nỗi buồn âm ỉ và bất giác buột ra một lời than thở chua chát và thầm lặng về cảnh vô công rồi nghề của mình. Chàng nhớ lại rõ mồn một thời gian sống ở nhà trường; hình ảnh Alêxanđr Pêtrôvits hiện lên, như bằng xương bằng thịt; và nước mắt chàng lại chảy ròng ròng…

Nhưng tiếng khóc ấy có ý nghĩa gì? Phải chăng đó là tâm hồn đau khổ của chàng đang thổ lộ điều bí ẩn đáng buồn về bệnh tình của nó? Phải chăng là cái nhân cách cao cả đang nẩy mầm trong chàng chưa có đủ thì giờ thành hình và củng cố; phải chăng là vì từ thuở niên thiếu chưa học được cách vật lộn với những trắc trở, cho nên chàng không đạt đến được cái mức mà những khó khăn và trở ngại càng làm cho người ta cao cả và mạnh mẽ hơn lên; phải chăng là được đưa qua lò luyện như một chất kim loại nóng chảy, cái vốn phong phú những ấn tượng cao quý của chàng chưa được tôi lại nước cuối cùng; phải chăng là ông thầy vô giá của chàng đã mất đi quá sớm và giờ đây trên đời không có ai đủ khả năng cổ vũ những sức lực đã lung lay và cái ý chí đã suy nhược, thiếu hẳn năng động

của chàng; phải chăng là không có ai để cất tiếng rắn rỏi thét lên cho tâm hồn chàng nghe hai tiếng *Tiến lên* đầy sức khích lệ, hai tiếng mà người Nga - dù ở đâu, thân phận ra sao, đứng ở bậc thang nào của xã hội - cũng đều đang mong chờ?
Người ấy ở đâu, con người đủ sức nói với chúng ta hai tiếng *Tiến lên* vạn năng ấy! Ở đâu con người biết rõ tất cả những sức mạnh, những đức tính, thấu hết được chiều sâu của bản tính chúng ta và có thể ra một hiệu lệnh thần kỳ hướng ta tới một đời sống cao cả hơn? Người Nga sẽ nhỏ những giọt lệ thân yêu, nồng nàn biết chừng nào để tỏ lòng biết ơn; giá được một con người như thế! Nhưng hết thế kỷ này đến thế kỷ khác, nước Nga vẫn làm cái mồi cho thói lười biếng đáng hổ thẹn, hoặc cho hoạt động điên rồ của một lớp thanh niên không chút kinh nghiệm; thế mà Thượng đế vẫn không ban xuống cái con người có sức nói lên hai tiếng hằng chờ mong ấy.
Một biến cố suýt thức tỉnh Tentietnikôp, một sự thay đổi suýt diễn ra trong tính tình chàng; chàng đã thể nghiệm một cái gì như thể tình yêu. Nhưng ngay ở đây nữa, cơ sự cũng chẳng đưa kết quả gì. Cách nhà Tentietnikôp mười verxta có một vị tướng mà, như ta đã biết, thường nói về chàng một cách thiếu thiện ý. Vị tướng ấy có lối sống theo đúng cấp bậc của mình, rất hay thết khách, rất thích láng giềng đến thăm hỏi, không bao giờ thăm lại ai, nói giọng khàn khàn, thường hay đọc sách, và có một cô con gái là Ulinka, một con người kỳ dị. Đôi khi nằm mơ người ta thấy một cái gì tương tự như vậy; thế rồi từ đấy, suốt đời người ta chỉ còn biết mơ tưởng đến hình ảnh đã hiện lên trong giấc chiêm bao; thực tế không đáng kể nữa; người ta trở thành hoàn toàn vô dụng. Mất mẹ từ hồi còn nhỏ, người thiếu nữ ấy được giáo dục một cách kỳ quặc. Bà gia sư của nàng là một người Anh, một chữ Nga cắn đôi cũng chẳng biết. Cha nàng không có thì giờ trông nom đến con; vả chăng ông ta quý con như điên như dại, thành thử có trông nom đi nữa thì cũng chỉ tổ làm nàng hư đi thôi. Như ở một đứa trẻ đã lớn lên trong cảnh tự do phóng túng, ở nàng cái gì cũng kỳ quái, ngông cuồng; có thể nói nàng là hiện thân của sự sống. Nếu có ai trông thấy những nét yêu kiều trên mặt nàng nhăn lại vì một cơn giận dữ đột ngột và vẻ

hăng say của nàng khi tranh luận với bố, người đó sẽ tưởng nàng là người có tính khí bất thường nhất trên đời. Nhưng nàng chỉ nổi giận khi nghe nói đến một việc bất công hay một thủ đoạn gian trá; không bao giờ nàng tranh cãi để tự bênh vực hay thanh minh. Cơn giận đó sẽ nguôi ngay, nếu nàng thấy người bị nàng giận phải khổ tâm. Bất kỳ ai cũng vậy, chỉ cần mở miệng xin một câu là nàng sẵn sàng vứt cả túi tiền của mình cho họ; không hề nghĩ rằng đó là một cử chỉ khó coi. Trong con người nàng có một cái gì thật là cuồng nhiệt. Khi nàng nói, toàn thân nàng cái gì cũng như phản ánh ý nghĩ đang được tỏ bày; vẻ mặt, giọng nói, cử chỉ, cả đến các nếp áo cũng dường như thích nghi với ý nghĩa đó; có thể tưởng chừng như nàng sắp bay bổng lên theo những lời nói của chính mình. Nàng không hề có gì giữ kín, nàng không sợ bày tỏ ý nghĩ mình ra, dù trước mắt ai cũng vậy. Khi nàng đã muốn nói thì không có sức mạnh nào buộc nàng làm thinh được. Dáng đi đẹp đẽ và mang rõ bản sắc riêng của nàng, có một vẻ chững chạc, tự tin đến nỗi ai gặp cũng phải bất giác nhường lối cho nàng. Trước mặt nàng, người ác đâm ra bối rối và không dám hé môi; dù là người vô tư lự và bạo mồm, bạo miệng mấy cũng không biết nói gì với nàng và đâm ra luống cuống; còn người nhút nhát thì lại có thể nói chuyện với nàng tự nhiên hơn với bất cứ ai. Từ những phút đầu trò chuyện, người đó có ngay cảm giác như đã quen biết nàng từ ngày xưa, hồi còn bé tí tẹo, trong một gia đình thân thuộc, nhân một tối hoan hỉ giữa cảnh chơi đùa vui vẻ của lũ trẻ con; và sau đó rất lâu còn thấy cái tuổi lớn khôn là vô vị.

Đó chính là cảm giác của Anđrêi Ivannôvits. Một cảm xúc không sao giải thích nổi, xâm chiếm lòng chàng; cuộc đời tẻ nhạt của chàng bỗng sáng rực lên.

Thoạt tiên, vị tướng tiếp Tentietnikôp khá thân mật; nhưng mãi họ vẫn không sao hợp nhau được. Những buổi chuyện trò của họ đều kết thúc bằng những cuộc cãi vã; và hai bên đều thấy khó chịu, vì vị tướng vốn không thích ai nói trái ý hoặc bác lại mình. Tentietnikôp thì lại giàu lòng tự ái. Dĩ nhiên chàng đã vì người con gái mà bỏ qua rất nhiều cho người cha, và giữa hai người không khí vẫn hòa thuận, cho đến khi hai bà mệnh phụ có họ với vị tướng

về đây. Bá tước phu nhân Borđưriôva và công tước phu nhân Yuziakina đều là ngự tiền phu nhân của triều vua trước, nay vẫn còn có thần thế ở Pêterbua; nên vị tướng sẵn sàng khúm núm trước mặt họ. Họ vừa đến một cái là Anđrêi Ivannôvits đã có cảm giác rằng chủ nhân có ý lạnh nhạt hơn, không quan tâm đến chàng, hoặc giả cư xử với chàng như với một kẻ đần độn; vị tướng nói với chàng, vẻ khinh khỉnh: - *này, ông bạn, nghe chưa*; và thậm chí còn gọi chàng bằng "*anh*" nữa.

Điều đó rốt cục làm cho Tentietnikôp cáu tiết. Chàng nghiến răng nén giận, nhưng cũng đủ nhanh trí để nói với một giọng khá lễ độ, trong khi máu dồn lên mặt đỏ bừng và trong lòng sôi sục lên.

- Thưa tướng quân, tôi xin cám ơn tướng quân đã có lòng hạ cố xưng hô như vậy; tướng quân cho phép tôi xác lập với tướng quân một tình bằng hữu thân mật, buộc tôi cũng phải xưng hô với tướng quân như thế. Nhưng sự chênh lệch về tuổi tác không cho phép chúng ta xác lập những quan hệ thân mật đến như thế.

Vị tướng đâm bối rối. Chật vật lắm mới trấn tĩnh lại được, ông ta tuyên bố rằng mình gọi khách bằng "anh" không phải với nghĩa đó; mà người già cả đôi khi cũng có thể gọi một người thanh niên bằng "anh" (ông ta không hề nhắc nhở đến cấp bậc của mình).

Từ đấy, quan hệ giao du của họ chấm dứt và cuộc tình duyên cũng đứt đoạn ngay từ đầu. Tia sáng vừa lóe ra trong chốc lát trước mắt Tentietnikôp vụt tắt, làm cho bóng hoàng hôn tiếp theo càng thêm ảm đạm. Thế là từ đấy Tentietnikôp bắt đầu cuộc sống đã tả ở đầu chương này: giờ này qua giờ khác nằm dài trên đi văng, không làm gì cả. Cảnh bẩn thỉu và lộn xộn đã len lỏi vào nhà này. Cái chổi nằm suốt một ngày giữa nhà với các thứ rác rưởi. Thậm chí còn có cả một cái quần dài vứt bừa bãi trong phòng khách; một đôi dải đeo quần cáu ghét vắt trên một chiếc bàn trang nhã cạnh đi văng, như một món quà bày ra biếu các tân khách. Anđrêi Ivannôvits quay ra sống cẩu thả đến nỗi không những người nhà chẳng còn kính nể chàng nữa, mà ngay đến lũ gà mái cũng gần như muốn mổ luôn cả chàng. Tay cầm bút, chàng ngồi vẽ hàng giờ như một cái máy, nào những cái cây quăn queo, những ngôi nhà nhỏ, những túp lều gỗ, những chiếc xe giàn, xe tam mã. Nhưng đôi khi cây bút cứ

tự nó đưa đi và mạn phép chủ nhân vẽ lên giấy một khuôn mặt nho nhỏ có những đường nét thanh tú, đôi mắt tinh anh, cái miệng bướng bỉnh; và chủ nhân ngạc nhiên thấy hiện lên bức chân dung của người con gái mà chắc hẳn không có một họa sĩ nào vẽ nổi. Đến đây, tin chắc rằng hạnh phúc không thể có được ở thế gian này, chàng lại càng ủ ê, đờ đẫn hơn.

Tâm trạng của Anđrêi Ivannôvits Tentietnikôp là như vậy.

Một hôm theo thường lệ, chàng đang ngồi thờ thẫn bên cửa sổ thì rất đỗi ngạc nhiên vì chẳng nghe thấy tiếng Grigôri và Perfiliepna cãi nhau; trái lại, ngoài sân thấy có xôn xao lên ít nhiều. Anh đầu bếp và chị lau sàn nhà chạy ra mở cổng. Cánh cổng mở ra, nhường lối cho một cỗ ngựa giống hệt như những cỗ chạm trên các khải hoàn môn; ba cái đầu ngựa trông thẳng: một cái bên phải, một cái bên trái, một ở giữa. Trên ghế xà ích có một người đánh xe và một người tùy bộc mặc áo ngoài rộng, lưng thắt chiếc khăn vuông. Ngồi ở phía sau là một ông đội mũ lưỡi trai, mình khoác áo măng tô, cổ quấn một chiếc khăn quàng sặc sỡ. Khi chiếc xe quay ngang trước thềm thì có thể nhận ra đó là một chiếc briska nhẹ có ổ díp. Người khách ngồi trên xe, vẻ rất chững chạc, nhảy xuống đất một cách nhanh nhẹn và ung dung; dáng dấp gần như của một quân nhân.

Anđrêi Ivannôvits đâm lo, tưởng khách là một viên chức nào. Cần phải nói rằng hồi còn trẻ, chàng đã dính líu vào một việc dại dột. Hai anh khinh binh triết gia, đầu óc đầy sách vở, một nhà mỹ học nửa mùa và một tay cờ bạc phá sản, đã lập ra một hội từ thiện dưới sự chỉ đạo tối cao của một lão bợm già, hội viên thợ nề tự do, cũng là một con bạc nhưng nói năng khá hùng biện. Hội tự đề ra một mục đích to tát: bảo đảm hạnh phúc cho loài người từ sông Thêmx đến bán đảo Kamtsatka {*Nghĩa là từ nước Anh đến nước Nga, từ Tây Âu sang Đông Á*}. Hội cần những số tiền khá lớn; các hội viên giàu lòng từ thiện đã cúng những món rất to. Những món tiền ấy đi đâu? Chỉ có vị chỉ đạo tối cao của hội biết. Tentietnikôp đã bị hai người bạn thuộc hạng người có đầu óc cay cú, lôi cuốn vào hội. Đó là những anh chàng tốt bụng; nhưng vì có cái thói quen nâng cốc chúc khoa học, chúc học vấn, chúc tiến bộ quá nhiều; nên đã trở

thành những con ma men thực thụ. Chẳng bao lâu Tentietnikôp đã trấn tĩnh lại và đoạn tuyệt với môi trường ấy. Nhưng hội nọ đã có tai tiếng vì một số hành vi ít có phần xứng đáng với những người thượng lưu; cho nên về sau cảnh sát đã phải can thiệp… Vì vậy, dù đã đoạn hẳn với bọn họ. Tentietnikôp cũng vẫn chưa lấy làm yên tâm; điều đó cũng không có gì là lạ. Cho nên khi thấy cổng mở, chàng không khỏi có ý lo sợ.

Tuy vậy, nỗi lo sợ của chàng tiêu tan, khi người khách khẽ nghiêng đầu chào một cách ung dung rất mực, và vẫn giữ một thái độ kính cẩn, dùng những lời lẽ vắn tắt nhưng chính xác, phân trần rằng mình lâu nay đi khắp nước Nga, vừa để giải quyết công việc tư vừa để mở mang kiến thức. Nước ta vốn nhan nhản những vật lạ, lại có rất nhiều ngành công nghệ và đất đai mỗi nơi một khác; cảnh trí ngoạn mục của dinh cơ này đã làm cho khách mê mẩn tâm thần; tuy vậy lẽ ra khách cũng không dám đến quấy quá vị chủ nhân diễm phúc, nếu xe không bị hỏng vì những cơn nước lũ mùa xuân và đường sá gập ghềnh, cần phải nhờ đến tay thợ rèn và các thứ thợ khác chạy chữa cho; vả chăng dù chiếc briska không hỏng chút nào đi nữa, khách cũng không thể bỏ qua cái thú được đến bày tỏ niềm tôn kính với chủ nhân.

Nói xong, người khách, chân đi một đôi giày cổ đánh bóng cài cúc xà cừ, cúi mình một cách duyên dáng; và tuy người to béo đẫy đà, vẫn ngẩng lên một cách nhẹ nhàng như một quả bóng cao su.

Anđrêi Ivannôvits yên tâm. Chàng nghĩ bụng người này là một giáo sư uyên bác nào đây, hẳn là đi khắp nước Nga để thu thập hoa cỏ hay hóa thạch. Chàng bèn lập tức tỏ ý sẵn lòng giúp đỡ khách về mọi mặt, gọi thợ rèn, thợ đóng xe đến cho khách sai bảo; xin khách cứ xem đây như là nhà mình; mời khách ngồi một chiếc ghế bành kiểu Vonte và sẵn sàng nghe khách thuyết lý về vạn vật học. Nhưng khách lại nói những chuyện có tính chất riêng tây nhiều hơn. Khách ví cuộc đời mình như một con thuyền mong manh, bềnh bồng trôi dạt dưới những ngọn gió bất trắc; khách cho biết mình đã nhiều lần thay đổi chức nghiệp, đã chịu nhiều nỗi bất công, đã bị những kẻ thù uy hiếp đến tính mệnh nhiều lần; khách còn kể nhiều chuyện nữa, tỏ ra rằng khách là một người rất thạo

công việc. Để kết luận, khách xì mũi trong một chiếc khăn vải mịn, nghe như tiếng kèn đồng: Anđrêi Ivannôvits chưa bao giờ nghe thấy tiếng kèn nào to như thế. Đôi khi những nhạc cụ mất dạy hễ cử lên là người ta tưởng chừng như nó không phải nằm trong dàn nhạc mà nằm đâu trong lỗ tai mình. Giờ đây, trong những căn nhà đang yên giấc, cũng vang lên một âm thanh như thế, tiếp liền theo sau âm thanh đó là một mùi ô đơ Côlôn từ chiếc khăn mùi soa vải mịn bốc lên, trong khi chiếc khăn được khách mở ra một cách khéo léo.

Chắc độc giả đã đoán ra rằng khách chẳng phải ai xa lạ, mà chính là Paven Ivannôvits Tsitsikôp đáng kính, mà chúng ta đã bỏ rơi dọc đường. Y đã già đi một ít; có thể thấy trong thời gian qua, không khỏi có những cơn dông tố, những nỗi hiểm nghèo đe dọa y. Ngay chiếc frac của y cũng có vẻ hơi nhàu, và cỗ xe, anh xà ích, anh tùy bộc, mấy con ngựa, bộ đồ thắng đều có vẻ xộc xệch, sờn cũ. Đến như tài chính của y, hẳn cũng không lấy gì làm dồi dào nữa. Nhưng mà vẻ mặt, phong độ, dáng dấp thì không hề thay đổi. Thậm chí cách đi đứng, cử chỉ còn có vẻ phóng túng hơn nữa, và khi ngồi xuống, y bắt chéo chân lên một cách ung dung, đĩnh đạc hơn. Giọng nói của y ngọt ngào hơn, lời lẽ thận trọng hơn; trong mọi trường hợp, y tỏ ra nhã nhặn và lịch thiệp hơn. Cổ và vạt trước áo sơ mi của y đều trắng tinh; và tuy vừa đi một đoạn đường dài, trên y phục của y không dây lấy một hạt bụi; giá có ai mời y đi dự yến hội ngay lúc bấy giờ y cũng có thể đi tức khắc. Hai má và cằm y cạo nhẵn đến nỗi phải là người mù mới không biết thưởng thức những đường nét tròn trĩnh, phốp pháp, dễ chịu trên khuôn mặt y.

Trong nhà lập tức có sự thay đổi. Một nửa tòa nhà, lâu nay vẫn cửa đóng, then cài tối om, được trả lại với ánh sáng. Trong các phòng đã sáng sủa trở lại, mọi vật bắt đầu được xếp đặt đâu vào đấy và hiện ra với quang cảnh sau đây. Cái buồng để ngủ chứa những đồ dùng cần thiết cho việc rửa ráy ban đêm; cái buồng để làm văn phòng… Nhưng trước hết phải biết rằng phòng này có ba cái bàn: một bàn giấy đặt trước chiếc ghế dài; một bàn đánh bài giữa hai khung cửa sổ, trước một tấm gương; một chiếc bàn tròn một chân đặt trong góc, giữa cái cửa vào phòng ngủ và cái cửa vào một căn

buồng chứa đồ cũ mà đã một năm nay chẳng có ai vào và nay được dùng làm tiền sảnh. Người ta đặt lên chiếc bàn con những quần áo vừa lấy ở hòm áo ra, gồm có: cái quần dài đi đôi với chiếc áo lễ; một cái quần mới; một cái quần màu ghi, hai chiếc gi lê nhung; hai chiếc gi lê xa tanh, và chiếc áo đuôi én. Tất cả những thứ đó được xếp lên nhau thành một chồng, trên nhỏ dưới to, và phủ một tấm khăn bằng lụa. Trong góc kia, giữa cửa lớn và cửa sổ, người ta xếp các thứ giày; đôi thì đã hơi cũ, đôi thì hãy còn mới nguyên, gồm có giày véc ni và giày vải đi trong nhà. Chúng cũng e lệ phủ kín dưới một tấm khăn lụa. Trên bàn giấy bày rất thứ tự một cái giá bút, một bình ô đơ Côlôn, một quyển niên lịch và hai cuốn sách, đều là tập thứ hai của những bộ tiểu thuyết. Áo quần lót được cất trong tủ ngăn; áo quần lót dành để giao cho chị thợ giặt thì được buộc thành gói nhét xuống gầm giường cùng với chiếc hòm áo đã lấy hết đồ đạc ra. Thanh kiếm dùng để nhát bọn cướp đường được móc lên một cái đinh, cạnh giường ngủ. Mọi vật đều có một vẻ sạch sẽ, tinh tươm khác thường; không một mảnh giấy, một chiếc lông, một sợi rác nào vương vãi. Đến không khí cũng như trong hẳn đi: nó phảng phất cái mùi dễ chịu của một người khỏe mạnh sảng khoái, thường thay áo quần lót luôn, hay tắm bồn và ngày chủ nhật thường xát mình bằng một tấm bọt biển tẩm nước. Mới đầu trong tiền sảnh còn có mùi anh tùy bộc Pêtruska; nhưng chẳng bao lâu anh được di chuyển xuống nhà bếp một cách hợp tình, hợp lý.

Những ngày đầu, Anđrêi Ivannôvits, vốn rất quý nếp sống độc lập của mình, cứ lo sẽ bị khách quấy rầy; e hắn ta sẽ phá ngang những thói quen, làm đảo lộn cách dùng thời gian đã được phân phối rất hợp lý của chàng chăng. Những mối lo sợ đó đều là hão huyền. Paven Ivannôvits chiều theo tất cả một cách mềm dẻo lạ lùng. Y tán thưởng cái nếp sống yên tĩnh, hiền triết của chủ nhân; nói rằng đó là cách tốt nhất để sống lâu trăm tuổi. Y dùng những lời lẽ rất thích hợp để khen ngợi cảnh cô liêu, môi trường nảy nở ra những tư tưởng lớn. Y liếc mắt qua tủ sách và ngỏ lời ca ngợi sách vở cái cứu người ta thoát khỏi cảnh ngồi không. Y nói ít, nhưng rất chững chạc. Trong cách sử xự y lại còn tỏ ra tế nhị hơn nữa. Y vào phòng khách rất đúng lúc, về phòng riêng cũng vậy, không làm cho chủ

nhân mệt vì những câu trò chuyện của mình; khi chủ nhân không có hứng nói chuyện, y sẵn lòng làm thinh. Trong khi chủ rít tẩu thuốc, nhả ra những cuộn khói xanh lam; thì khách, vốn không hút thuốc, nghĩ ra một cách tiêu khiển thích hợp; chẳng hạn y rút trong túi ra một cái hộp đựng thuốc lá bằng bạc khảm men đen, giữ hai góc hộp bằng hai ngón tay trái, lấy một ngón tay phải búng cho quay tít như quả địa cầu quay quanh trục của nó; hoặc giả vừa gõ gõ mấy ngón tay lên hộp vừa huýt sáo mồm khe khẽ. Nói tóm lại, y không làm phiền chủ nhân.

"Lần đầu tiên mình gặp được một người mà có thể sống bên cạnh được, Tentietnikôp tự nhủ; đó là một nghệ thuật mà ở nước ta ít người có. Ta không thiếu những người phúc hậu, thông minh, có học; nhưng những người lúc nào cũng đằm tính, có thể sống với họ một thời gian dài mà không có chuyện gì xích mích; thì hẳn giữa chúng ta không được mấy. Đây là người đầu tiên mà mình được gặp".

Đó là ý kiến của Tentietnikôp về ông khách của mình; về phần Tsitsikôp thì y lấy làm mừng cho mình đã đến trú ngụ ở nhà một con người hiền lành và điềm đạm như vậy. Y đã chán cuộc đời nay đây, mai đó. Được nghỉ ngơi, dù chỉ là một tháng thôi, giữa một chốn thôn dã tươi đẹp vào đầu mùa xuân; thật là một việc rất hay, ngay cả về phương diện vệ sinh cũng vậy.

Quả nhiên, khó lòng mà tìm được một chốn nghỉ ngơi nào tốt hơn nơi này. Mùa xuân, bị những cơn giá rét làm cho đến muộn, nay bắt đầu phô hết hương sắc; và khắp nơi sự sống lại nẩy mầm. Mới đó mà những khoảng rừng thưa đã phơn phớt màu lục; trên thảm cỏ non màu ngọc bích mát rượi, hoa bồ công anh đã nở và hoa bạch đầu ông nghiêng nghiêng mái đầu mỏng manh màu hồng phơn phớt tím. Từng đàn côn trùng bay tràn khắp các đầm lầy; những con nhện nước đuổi theo, và cùng với chúng là đủ các thứ chim từ khắp nơi bay về tụ tập trong đám lau khô. Những sông hồ ngập nước lũ, đông nghịt những bầy vịt nước và các loài thủy điểu khác.

Bỗng nhiên, mặt đất sinh động hẳn lên, các khu rừng bừng tỉnh, các đồng cỏ vang lên lanh lảnh. Trong làng, những đám khiêu vũ

bắt đầu. Không thiếu gì chỗ để nô đùa! Trong đám lá xanh có bao nhiêu màu sắc rực rỡ! Không khí mới mát mẻ làm sao! Trong các mảnh vườn, tiếng chim ríu rít mới rộn ràng làm sao! Thật là một cõi thiên đường tràn ngập hân hoan: đồng quê rung lên và cất tiếng hát như mừng một cuộc hợp cẩn.
Tsitsikôp đi chơi rất nhiều. Ở đây có vô khối những nơi có thể đi chơi được. Khi thì y thăm khoảng cao nguyên ở trên đỉnh mấy quả đồi và ngắm cảnh các thung lũng ngập nước. Ở nhiều nơi, lác đác có những khu rừng còn trụi lá nổi lên như những hòn đảo sẫm mầu; hoặc giả y đi sâu vào những đám bụi rậm, vào những khe đất trong rừng, nơi có những đám cây mọc chi chít nặng trĩu những tổ chim, sào huyệt của lũ quạ đang lượn vòng từng đàn dầy đặc rợp cả một góc trời. Y có thể đi bộ ra bến, nơi những chuyến xà lan đầu tiên xuất phát, chở đầy đậu, đại mạch; trong khi nước đổ ầm ầm vào chiếc bánh xe của chiếc cối xay đã bắt đầu hoạt động. Y đi thăm các công việc đồng áng đầu mùa xuân, y ngắm dải đất đen đen mà những chuyến cày vừa qua mới vạch ra giữa đám lá xanh; trong khi người thợ gieo khéo léo vục tay vào túi thóc treo trên ngực, ném vung ra từng nắm rơi rất đều, bên phải cũng như bên trái.
Nơi nào Tsitsikôp cũng đến thăm. Y nói chuyện với lão quản lý, với người giữ cối xay, với nông dân. Cái gì y cũng muốn hỏi; tình hình tiến hành công việc, số thóc đã bán, số thóc thu vào mùa thu và mùa xuân để đem xay bột, tên từng nông dân, quan hệ họ hàng, việc tậu con bò cái, thức ăn của một con lợn. Y cũng hỏi dò cả số nông dân đã chết, số đó không được bao lăm. Là người có kinh nghiệm, chẳng mấy chốc y đã nhận thấy rằng điền trang của Anđrêi Ivannôvits được khai thác một cách thật kém cỏi: nơi nào cũng thấy rõ sự cẩu thả, bê trễ, nạn trộm cắp, rượu chè. Và y nghĩ thầm: "Cái thằng cha Tentietnikôp tồi thật! Một dinh cơ có thể thu hoạch đến năm vạn rúp hàng năm mà lại bỏ bê như thế này!".
Đã nhiều lần, trong những chuyến đi dạo như vậy, y đã nẩy ra ý nghĩ là chính y, - không phải ngay bây giờ, cố nhiên, mà sau này kia, khi nào cuộc kinh doanh chính của y đã xong xuôi và y có được một số vốn - chính y sẽ trở thành vị chủ nhân yên ổn của một

trại ấp như thế này. Lẽ dĩ nhiên y hình dung mình sẽ làm chồng một thiếu phụ có đôi má tươi hồng, con một thương gia hay một hạng nhà giàu nào khác, và biết cả nhạc nữa. Y còn tưởng tượng một lũ hậu sinh nối dõi họ Tsitsikôp, một đứa con trai nghịch ngợm và một đứa con gái xinh xắn, hoặc hai đứa con trai, hai hay ba đứa con gái; để cho mọi người có thể biết rằng y đã từng sống ở trên đời này thực sự, chứ không phải chỉ đi qua thế gian như một cái bóng. Đến đây y lại tự nhủ rằng giá được thăng quan tiến chức cũng hay; chẳng hạn lên chức tư vấn quốc gia, một chức đáng trọng và được mọi người kính nể… Ai biết được những ý nghĩ có thể nẩy ra trong óc một người đang đi dạo; những ước mơ đang làm cho người đó quên đi trong chốc lát cái thực tế buồn tẻ; đang chào mời trêu ghẹo y, kích thích trí tưởng tượng của y và được y nâng niu; dù y có biết chắc rằng những ước mơ đó sẽ chẳng bao giờ trở thành sự thật?

Chốn thôn quê đã chiếm được thiện cảm của các gia nhân của Paven Ivannôvits. Cũng như chủ họ, ở đây họ thấy khoan khoái lắm. Chẳng bao lâu Pêtruska đã kết bạn với anh coi kho Grigôri, tuy buổi đầu cả hai đều lên mặt bề trên với nhau. Pêtruska những muốn lòe Grigôri bằng cách kể ra những nơi mình đã đi qua; nhưng Grigôri liền đưa Pêterbua ra, khiến hắn phải cụt vòi, vì hắn chưa từng biết Pêterbua. Để vớt vát, Pêtruska khoe rằng những nơi mình đã đi cách xa như thế nào; nhưng Grigôri lại kể ra những nơi chẳng hề thấy có trên một bản đồ nào, cách đấy những hơn ba vạn verxta; thành thử anh đày tớ của Paven Ivannôvits chỉ còn biết há hốc mồm ra và lập tức bị đám gia nhân chế giễu. Tuy vậy, rốt cuộc hai bên kết bạn rất thân. Ở đầu làng có lão Pimen hói đầu, có họ hàng với khắp dân làng, mở một quán rượu lấy tên là *Akumka*; hai ông bạn nhà ta trở thành hai cột trụ của cái quán này; suốt ngày lúc nào cũng thấy họ ngồi đấy.

Xêlifan thì bị một sức cám dỗ khác. Trong làng, tối nào cũng có những đám tụ tập vừa hát, vừa nhảy những điệu vũ quay tròn mùa xuân. Những cô gái rất xinh, người cao dong dỏng; ngày nay trong các thị trấn lớn cũng khó tìm được những cô như thế; khiến cho hắn phải giương mắt tròn xoe ra hàng giờ. Thật khó mà nói rõ cô

nào là cô đẹp nhất. Cô nào ngực và cổ cũng trắng nõn, đôi mắt cũng say đắm, dáng đi cũng kiêu hãnh, cô nào cũng có một bím tóc dài chấm thắt lưng.
Khi cầm những bàn tay trắng nõn của họ, quay vòng chầm chậm; khi cùng với mấy gã trai khác hắn tiến lên trước mặt những cô gái, giọng lanh lảnh đang mỉm cười hát:
Các boi-a ơi, hãy chỉ chàng tân lang… {*Dân ca hát trong lễ cưới*}
Trong khi chiều xuống nhè nhẹ ở xung quanh; và từ bên kia sông dội lại tiếng vọng của điệu hát lan đi buồn buồn; những khi ấy, hắn không biết mình ra làm sao nữa. Khi mơ cũng như khi tỉnh, buổi sáng sớm cũng như buổi chiều hôm, về sau hắn cứ ngỡ như vẫn còn nhảy múa vòng tròn và tay hắn vẫn đang cầm những bàn tay trắng nõn.
Mấy con ngựa của Tsitsikôp cũng thích chỗ ở mới. Con ngựa đầu càng, con Trợ tá và con Vằn thấy sống ở đây khá dễ chịu; thóc kiều mạch rất ngon và cách bố trí tàu ngựa lại rất tiện: mỗi con đều có ô riêng, nói cho đúng thì có vách chắn; nhưng qua vách có thể trông thấy những con khác, thành thử nếu một con nào nổi hứng lên hí dù đó là con đứng xa nhất, thì có thể trả lời ngay được.
Nói tóm lại, ai nấy đều cảm thấy như đang ở nhà mình. Còn về cái công việc mà Paven Ivannôvits Tsitsikôp đi khắp nước Nga để lo toan, tức là việc các nông phu chết; thì nay y đã trở nên rất dè dặt, ngay những khi tiếp xúc với những thằng ngốc thực thụ cũng vậy. Vả lại Tentietnikôp là người thường đọc sách, thường triết lý, cố tìm hiểu nguyên nhân và bản chất của sự vật thì "âu là thử tìm cách khác"; Tsitsikôp tự nhủ như vậy. Vì hay nói chuyện phiếm với tôi tớ trong nhà; y được biết rằng trước kia ông chủ hay lui tới nhà vị tướng ở điền trang bên cạnh, rằng vị tướng nọ có một cô con gái; ông chủ và cô tiểu thư ấy cũng có cảm tình với nhau; nhưng sau một chuyện bất hòa, họ không gặp nhau nữa. Bản thân y cũng có nhận thấy Anđrêi Ivannôvits thường vẽ, bằng bút chì và bằng bút lông ngỗng, những khuôn mặt bao giờ cũng giống nhau như đúc.
Một hôm, ăn sáng xong, tay vẫn búng hộp thuốc lá quay tít như thường lệ, y nói:
- Cái gì ông cũng đủ cả Anđrêi Ivannôvits ạ; ông chỉ thiếu có một

thứ…
- Cái gì thế? - Chủ nhân vừa hỏi, vừa rít một hơi thuốc lá.
- Một người bạn đời, Tsitsikôp nói.
Anđrêi Ivannôvits lặng thinh. Câu chuyện đến đấy là hết.
Tsitsikôp không nao núng, y chọn một lúc khác, lần này vào lúc trước bữa ăn tối; đang nói chuyện này, chuyện nọ, y bỗng thốt lên:
- Thật đấy, Anđrêi Ivannôvits ạ, ông cưới vợ đi thì hơn.
Tentietnikôp không đáp lấy một câu; hẳn là vấn đề này làm chàng khó chịu.
Tsitsikôp vẫn không chịu thua. Lần thứ ba y lại tấn công, lần này thì sau bữa ăn tối.
- Ấy thế nhưng cứ suy xét tình cảnh của ông cho đủ mọi mặt, tôi vẫn thấy rằng ông cần cưới vợ; nếu không, chứng ưu uất đang rình ông đấy.
Không biết vì lần này lời lẽ của Tsitsikôp có sức thuyết phục hơn, hay vì Tentietnikôp đang lúc sẵn sàng cởi mở tâm tình hơn thường lệ mà chỉ thấy chàng thở dài và nói sau khi rít một hơi thuốc lá:
- Muốn gì cũng phải tốt số mới được, Paven Ivannôvits ạ.
Rồi chàng kể cho Tsitsikôp nghe cặn kẽ câu chuyện chàng đoạn tuyệt với vị tướng.
Sau khi nghe kể từ đầu chí cuối và nhận định rằng chung quy chỉ vì tiếng "*anh*" mà xảy ra xích mích, Tsitsikôp ngẩn người ra. Trong khoảng một phút, y nhìn chằm chằm vào tận mặt Tentietnikôp, không biết nên nghĩ thế nào về chàng cả: đó có phải là một thằng ngốc thực thụ không hay chỉ là một gã dở hơi?
- Anđrêi Ivannôvits! Y cầm lấy hai tay Tentietnikôp nói: - Ông thử nghĩ xem, như thế mà gọi là một sự lăng mạ à? Trong tiếng "*anh*" phỏng có gì là láo xược?
- Nguyên tiếng ấy thì không có gì láo xược, Tentietnikôp nói; nhưng cái ý nghĩa mà người ta gán cho nó, cái giọng của người ta khi nói nó lên là một lối lăng mạ. "*Anh*" ở đây có nghĩa là "Anh hãy nhớ rằng anh chẳng đáng giá bao nhiêu; ta sở dĩ tiếp anh chỉ vì không có ai hơn; nhưng khi có một công tước phu nhân Yuziakina đến, anh hãy biết thân, biết phận; đừng có bước qua ngưỡng cửa". Đấy, ý nghĩa của nó là như thế đấy!

Trong khi nói mấy câu ấy, mắt của chàng Anđrêi Ivannôvits hiền lành ấy sáng quắc lên; giọng nói chứa chất nỗi uất ức của lòng tự ái bị tổn thương.
- Nhưng dù có ngụ ấy thì đã sao! Tsitsikôp nói.
- Sao! Ông muốn nói rằng sau một hành vi như thế mà tôi vẫn cứ lui tới nhà ông ta à?
- Nhưng nào có phải hành vi gì đâu, Tsitsikôp điềm nhiên đáp.
- Sao lại thế? Tentietnikôp ngạc nhiên hỏi.
- Đó không phải là một hành vi mà chỉ là một thói quen của con nhà tướng; các vị tướng ấy thì ai họ cũng gọi bằng anh. Vả lại tại sao lại không cho phép một người đáng kính, có công với Tổ quốc, được có một thói quen như vậy?
- Cái đó có khác, Tentietnikôp nói. Nếu đó không phải là một ông tướng hống hách, mà là một ông già tội nghiệp thì tôi đã để cho ông ta gọi tôi bằng anh một cách dễ dàng; tôi còn nhận lối xưng hô đó một cách kính cẩn nữa là khác.
"Cái thằng cha ngốc thật! Tsitsikôp nghĩ bụng. Một lão khố rách gọi bằng anh thì được, còn một vị tướng thì lại không!" - Được! Y lại nói to lên. Thì cứ cho rằng ông ta đã lăng mạ ông; nhưng ông đã ăn miếng trả miếng rồi còn gì; thế là xong cả, xúy xóa rồi. Đằng này lại chỉ vì một chuyện vặt ấy mà xích mích với nhau, tuyệt giao với nhau, quên cả mối lợi của mình; ấy xin lỗi, thế thì thật là… Đã vạch ra cho mình một mục đích thì phải trèo đèo, lội suối mà đạt cho kỳ được chứ. Tại sao lại cứ đinh ninh là người ta trịch thượng với mình. Bao giờ mà chả thế: con người bản tính vốn như vậy. Bây giờ ở trên đời ông không thể tìm đâu một con người không trịch thượng.
"Cái lão Tsitsikôp này khác đời thật!" Tentietnikôp nghĩ thầm; trong lòng thấy băn khoăn, khó nghĩ trước những lời lẽ đó.
"Cái lão Tentietnikôp này khác đời thật!" Ivannôvits tự nhủ.
- Anđrêi Ivannôvits ạ, tôi xin lấy tình anh em nói với ông. Ông thiếu kinh nghiệm lắm, xin ông để cho tôi dàn xếp việc này. Mai tôi sẽ đến gặp Tướng công; tôi sẽ giãi bày cho ngài rõ rằng thái độ của ông là do một sự hiểu lầm mà ra, là do ông còn thiếu lịch duyệt và không hiểu biết gì mấy về con người và việc đời.

- Tôi không có ý định lê gối trước mặt ông ta, Tentietnikôp chạnh lòng nói, và tôi không thể để ông làm như vậy được.
- Tôi không có thể lê gối trước mặt ai cả, Tsitsikôp cũng phật lòng đáp lại. Tôi có thể phạm một lỗi lầm, bản tính con người vốn dĩ như thế; nhưng làm một việc hèn hạ thì không đời nào… Ông thứ lỗi cho cái thiện ý của tôi, Anđrêi Ivannôvits ạ; tôi không ngờ những lời tôi nói lại bị hiểu theo một nghĩa nhục nhã như vậy. Những câu vừa rồi được nói lên với một giọng khá chững chạc.
- Ông thứ lỗi cho tôi! Tentietnikôp vội cầm lấy tay Tsitsikôp nói. Tôi không ngờ lại làm ông phật ý; thiện ý của ông làm tôi rất cảm động, tôi xin thề với ông như thế. Nhưng ta hãy gác chuyện này lại. Ta sẽ không bao giờ nhắc đến chuyện này nữa.
- Nếu thế, tôi vẫn cứ đến nhà tướng quân.
- Để làm gì? Tentietnikôp hỏi, băn khoăn nhìn vào mặt khách.
- Để chào ngài.
- "Cái lão Tsitsikôp này khác đời thật!" Tentietnikôp nghĩ thầm.
- "Cái lão Tentietnikôp này khác đời thật!" Tsitsikôp cũng nghĩ thầm.
- Ngày mai, mười giờ tôi sẽ sang bên tướng quân, Anđrêi Ivannôvits ạ. Theo tôi thì đến hỏi thăm càng sớm càng hay. Vì chiếc briska của tôi chữa chưa xong, xin ông vui lòng cho phép tôi được dùng chiếc xe tứ mã của ông.
- Tại sao ông lại phải hỏi mượn? Ông là chủ nhân ở đây; cái gì ở đây cũng thuộc quyền ông sử dụng, cả cỗ xe cũng vậy.
Sau buổi nói chuyện, họ chúc nhau ngủ ngon giấc và trở về buồng riêng; người này không khỏi ngẫm nghĩ về những cái kỳ quặc của người kia.
Song kể cũng lạ thật! Sáng hôm sau, khi người nhà đã thắng ngựa và Tsitsikôp mình mặc áo đuôi én, cổ thắt cà vạt trắng, đã leo lên xe một cách nhanh nhẹn, gần như dáng quân nhân, để sang thăm vị tướng; thì Tentietnikôp thấy lòng xao xuyến khác thường, vì một cảm giác mà đã từ lâu chàng không hề có. Dòng tư tưởng thường ngày trôi uể oải, nay đã nhường chỗ cho một sức hoạt động bồng bột. Những cảm xúc rối loạn như trong cơn sốt bỗng tràn vào tâm hồn con người trước đây vẫn lười biếng, dửng dưng ấy. Chàng

ngồi lên một chiếc ghế dài, bước ra cửa sổ, với lấy một quyển sách, rồi bỏ xuống để thử suy nghĩ. Vô ích; những ý nghĩ không chịu đến cho. Hoặc giả chàng cố gắng đừng nghĩ gì hết. Cũng không ăn thua: những mảng ý nghĩa, những hồi ức mơ hồ không biết từ đâu cứ hiện ra, len lỏi vào óc chàng!
- Thật là những cảm giác lạ lùng! Chàng vừa nói vừa đi ra cửa sổ để nhìn con đường chạy qua khóm rừng sồi; một đám bụi chưa kịp tan hết còn lơ lửng ở ven rừng.

Nhưng ta hãy từ giã Tentietnikôp để đi theo Tsitsikôp.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương thứ hai

Mấy con ngựa thật là tốt. Chỉ già nửa tiếng đồng hồ một tí, Tsitsikôp đã qua hết cái khoảng mười verxta ngăn cách hai điền trang. Sau khi vượt qua khu rừng sồi, băng qua những cánh đồng lúa đã bắt đầu xanh tốt, cỗ xe men theo con đường chênh vênh bên sườn núi - từ đấy luôn luôn thấy hiện ra những chân trời mới - rồi qua một con đường rộng hai bên trồng hai cây bồ đề lá còn thưa thớt, và đi thẳng vào trung tâm trang ấp của vị tướng. Tiếp theo hai dãy bồ đề là những cây phong ở phía dưới thân quây một vòng rào đan bằng miên liễu. Con đường vòng sang phải, dẫn đến một cái cổng sắt; qua cánh cổng có thể trông thấy cái mặt hiên hình tam giác của tòa nhà chạm trổ rất đẹp, dựng trên tám cái cột kiểu Kôrintiakôx {*Cột thuộc kiểu kiến trúc cổ Hy Lạp lộng lẫy nhất, đầu cột trang trí*}. Mùi sơn phảng phất tỏ ra rằng ở đây người ta không để cho một vật gì cũ đi cả. Cái sân sạch bóng như một sàn gỗ. Tsitsikôp kính cẩn xuống xe, cho người vào báo và được đưa vào phòng làm việc của vị tướng. Vẻ uy nghiêm của gian phòng khiến y phải sửng sốt. Tướng quân Bêtrisep mặc một chiếc áo

trong nhà bằng xa tanh chần màu huyết dụ rất đẹp. Cái nhìn thẳng thắn, vẻ mặt quắc thước, bộ ria mép và bộ râu má rậm đã hoa râm, cái gáy cạo nhẵn dưới bộ tóc húi bàn chải, cái cổ phốp pháp, ở phía sau da dày cộm lên ba ngấn, có một nếp gấp ở quãng giữa: nói tóm lại, đó là một trong những viên tướng mà người ta gặp nhan nhản hồi năm 1812 bất hủ. Cũng như rất nhiều người trong chúng ta, tướng Bêtrisep có rất nhiều đức tính tốt bên cạnh một mớ tính xấu; cả hai thứ đó kết hợp, pha trộn lẫn nhau trong người ông ta thành một mớ hỗn mang rất thú vị. Vào những giờ phút quyết liệt, có thể thấy rõ tính đại lượng, lòng dũng cảm một lòng hào hiệp không bờ bến, một trí thông minh sâu sắc; bên cạnh đấy lại có những cơn dở chứng bất kỳ, tính tự ái và dễ mếch lòng mà không một người Nga nào thoát khỏi khi sống trong cảnh ăn không ngồi rồi. Ông không ưa tất cả những ai vượt qua mặt ông trên con đường thăng quan tiến chức, và khi nói đến họ ông dùng một giọng cay cú và đưa ra những lời châm chọc chua chát. Ông đặc biệt thù ghét một người bạn cũ mà ông cho là thua kém mình cả về tài lẫn trí; nhưng lại đã bỏ xa ông và nay đã lên đến chức tổng trấn hai tỉnh, mà lại đúng là hai tỉnh trong đó có những điền trang của ông, thành thử có thể nói là ông đang ở dưới quyền cai trị của hắn. Để trả đũa, bạ có dịp là ông công kích hắn ta, lên án những mệnh lệnh của hắn ta, và trong bất cứ hành động nào của hắn, ông cũng đều thấy thể hiện một sự phi lý đến cùng cực. Ở ông ta cái gì cũng kỳ cục, bắt đầu từ học vấn trở đi, tuy ông ta là một người bênh vực nền học vấn rất nhiệt thành. Ông thích nghi lễ hào nhoáng; ông cũng thích biết những điều mà người khác chẳng hề hay, và không ưa những kẻ nào biết được những điều mà ông không biết. Nói tóm lại, ông rất sẵn sàng phô trương trí thông minh của mình. Được hấp thụ một nền giáo dục mà một phần nửa là ngoại lai, đồng thời ông lại muốn đóng vai một đại lãnh chúa Nga. Với một tính khí thất thường như vậy, với những nét tương phản rõ ràng như vậy; dĩ nhiên trên bước đường sự nghiệp, ông phải gặp nhiều trắc trở. Ông bèn từ chức, đổ hết tội nợ cho một bè phái thù địch với ông; vì không có đủ tính cương trực để buộc tội mình bất cứ một điểm nào. Trong nhà, ông vẫn giữ nguyên tư thái lúc nào cũng uy nghi, dù khi mặc áo đuôi én, áo dài

rộng hay áo ngủ. Từ giọng nói cho chí những cử chỉ nhỏ nhặt nhất của ông cũng đều oai vệ, hách dịch, khiến người dưới nếu không kính nể thì cũng phải e dè.

Tsitsikôp có cả hai cảm giác đó. Đầu kính cẩn cúi xuống, hai cánh tay dang ra như sắp sửa nâng một cái khay xếp đầy chén tách; y cúi gập mình xuống một cách rất đẹp mắt và nói:
- Lòng đầy niềm tôn kính đối với những tranh anh hùng đã cứu quốc trên các chiến trường, chúng tôi tự thấy có bổn phận đến trình diện Tướng công.
Mấy lời mở đầu này hình như không khỏi làm cho vị tướng hài lòng. Sau một cái nghiêng đầu đầy thiện cảm, ông ta nói:
- Rất sung sướng được làm quen với ông. Mời ông ngồi. Ông đã tòng ngũ ở đâu?
- Chúng tôi đã bắt đầu hoạn lộ trong ngành tài chính - Tsitsikôp vừa trả lời vừa ngồi xuống ghế bành; không phải ở chính giữa ghế, mà ngồi lệch sang bên mép, cánh tay tựa vào tay ghế - sau đó chúng tôi chuyển qua nhiều nơi: tòa án, thuế quan, lại cả một ủy ban xây dựng nữa. Bẩm Tướng công, đời chúng tôi có thể ví như một con thuyền bềnh bồng trên sóng. Chúng tôi được bao bọc trong tính kiên nhẫn, được khoác một bộ giáp kiên nhẫn; có thể nói chúng tôi là hiện thân của tính kiên nhẫn. Còn như những kẻ thù đã mưu hại chúng tôi thì dù là lời nói, dù là thuốc vẽ hay bút lông, cũng đều không thể nào gợi lên một hình ảnh đứng đắn được; thành thử trong buổi xế chiều của cuộc đời, chúng tôi chỉ tìm một nơi thanh vắng để sống nốt những ngày tàn. Hiện nay chúng tôi trú ngụ ở nhà một người láng giềng của Tướng công.
- Ai thế?
- Thưa, Tentietnikôp ạ.
Mặt vị tướng sa sầm lại.
- Ông ta rất hối tiếc đã không bày tỏ được lòng tôn kính xứng đáng với…
- Với gì?
- Với phẩm giá của Tướng công. Ông ta không tìm được lời lẽ…

“Giá tôi có được cách gì… ông ta nói thế, vì tôi biết tôn quý những bậc anh hùng đã cứu quốc.”
- Xin phép ông, tôi không giận đâu; vị tướng nói, trong bụng đã nguôi nguôi. Trong thâm tâm, tôi vẫn thành thật mến ông ta và tôi tin chắc rằng rồi đây ông ta sẽ trở nên một người rất hữu ích.
- Thưa Tướng công, ngài dạy rất phải: một người tối ư hữu ích; ông ta có khiếu hùng biện và là người biết cầm bút.
- Chắc ông ta viết những chuyện phiếm, làm thơ làm thiếc chứ gì?
- Thưa Tướng công, không phải ạ… ông ta viết đúng đắn. Ông ta viết… sử.
- Sử gì?
- Sử…, Tsitsikôp ngừng một lát; rồi không biết vì đang đứng trước mặt một vị tướng, hay vì muốn cho câu chuyện có vẻ quan trọng hơn, y nói thêm:
- Thưa Tướng công, lịch sử các tướng lĩnh ạ.
- Tướng lĩnh nào?
- Dạ, các tướng lĩnh nói chung ạ… Nghĩa là, nói cho đúng ra là lịch sử các tướng lĩnh của ta ạ.
Tsitsikôp líu lưỡi lại, bực quá suýt nhổ toẹt một bãi và nghĩ thầm: “Chà, mình nói nhảm gì thế này…”
- Xin lỗi ông, tôi chưa hiểu rõ… Đây là lịch sử một thời đại hay là lịch sử một số nhân vật riêng rẽ? Có phải là thân thế tất cả các tướng Nga hay chỉ là những vị tướng đã tham gia chiến dịch 1812?
- Chính thế, thưa Tướng công, chính là các tướng hồi 1812 đấy ạ!
Trong khi nói như vậy, y nghĩ thầm “Có giết chết, tớ cũng chẳng hiểu đầu đuôi ra sao!”.
- Thế sao ông ta không đến gặp tôi? Tôi cũng có thể cung cấp cho ông ta những tài liệu khá lý thú.
- Bẩm Tướng công, ông ta không dám ạ.
- Thật là vớ vẩn! Chỉ vì một câu nói vô nghĩa mà đâm ra thế… Nhưng tôi có phải hạng người như thế đâu. Tôi sẵn sàng đến thăm ông ta nữa là khác.
- Ông ấy sẽ không để Tướng công nhọc lòng đâu, Tsitsikôp nói; bây giờ y đã lấy lại được lòng tự tin. Y nghĩ thầm: “Chà! Chà! Các vị tướng lĩnh của ta đến đúng lúc thật! Thế mà mình cứ tưởng là lỡ

lời nói nhảm!”.
Có tiếng sột soạt nhè nhẹ trong phòng làm việc. Cánh cửa bằng gỗ hồ đào của một chiếc tủ chạm mở ra; và bàn tay đặt trên quả đấm bằng đồng, một dáng người hiện ra trong khung cửa. Giả sử trong căn phòng tối mờ mờ này mà có một bức tranh sáng rực hiện ra, thì sự hiển hiện đột ngột ấy hẳn không làm cho người ta sửng sốt bằng người vừa vào. Có thể thấy rằng người ấy định đến nói điều gì, nhưng vì thấy có khách lạ nên lại thôi. Tưởng chừng như cùng vào với người đó, có cả một tia nắng tươi vui tràn ngập căn phòng làm việc khắc khổ của vị tướng. Không thể nào đoán ra xứ sở quê hương của nàng; không thể tìm thấy ở một nơi nào, họa chăng là ở những bức phù điêu cổ chạm trên ngọc thạch, những nét mặt thuần khiết, cao quý đến như vậy. Vóc thẳng và nhẹ như một mũi tên, nàng có vẻ như vượt lên cao hơn hẳn mọi người; sự cân xứng hoàn thiện của mọi bộ phận trên thân thể nàng khiến người ta có ảo giác như vậy. Chiếc áo dài nàng mặc vừa vặn ăn nhịp với vẻ đẹp của nàng đến nỗi có thể tưởng như tất cả các bà thợ khâu khéo léo nhất đã cùng góp sức lại bàn cách ăn mặc cho nàng. Lại một ảo giác nữa: dường như ở vài ba nơi nào đó, mũi kim đã kết lại một tấm hàng nguyên vẹn, và tấm hàng đã tự nó rập khuôn lên thân hình nàng một cách trang nhã; đến nỗi, giá có ai vẽ nàng đứng cạnh những tiểu thư ăn mặc theo thời trang mới nhất, thì so với nàng những tiểu thư ấy sẽ có vẻ những hình nhân buộc vải. Và giá có ai tạc hình nàng vào cẩm thạch với tất cả những nếp gấp của chiếc áo vừa vặn như đúc khuôn lên mình nàng, người ta sẽ có ngay một kiệt tác… Một khuyết điểm duy nhất là nàng quá mảnh và gầy.
- Xin giới thiệu cô con gái rượu của tôi, vị tướng nói với Tsitsikôp. Xin lỗi, tôi vẫn chưa được biết tên thánh và phụ danh của ông.
- Có cần gì phải biết tên của một kẻ chưa chút gì tỏ ra tài đức? Tsitsikôp khiêm nhường đáp.
- Thế nhưng cũng phải biết chứ.
- Thưa Tướng công, Paven Ivannôvits ạ; Tsitsikôp vừa nói vừa nghiêng mình một cách nhanh nhẹn, thoải mái, gần như một quân nhân và vụt ngẩng lên một cách nhẹ nhàng như một quả bóng cao su.

- Ulinka ạ, vị tướng nói, Paven Ivannôvits vừa cho cha biết một tin khá thú vị. Ông Tentietnikôp, láng giềng của chúng ta, tuyệt nhiên không phải ngốc như chúng ta tưởng. Ông ta đang viết một bộ sách khá lớn: lịch sử các tướng lĩnh năm 1812.
- Ai bảo ông ta ngốc? Người con gái nói nhanh. Ngốc thì họa chăng chỉ có Visnepôkrômôp, con người vô nghĩa và đê tiện mà cha vẫn tin cậy ấy.
- Vô nghĩa thì được, nhưng đê tiện thì không phải đâu; vị tướng nói.
- Không những vô nghĩa, mà còn hèn hạ và khả ố nữa. Một người mà đã làm hại các em trai và đuổi em gái ra khỏi nhà cha mẹ là một con người khả ố.
- Toàn những chuyện đồn nhảm!
- Không phải vô cớ mà người ta lại đồn như thế. Cha ạ, con không hiểu tại sao một người có tấm lòng trung hậu và tâm hồn cao cả như cha mà lại đi tiếp một kẻ thấp kém hơn cha đến như vậy, một người mà cha đã biết là tâm địa xấu xa.
- Ông thấy chưa, vị tướng mỉm cười nói với Tsitsikôp; cha con chúng tôi vẫn cãi nhau như thế đấy. Rồi quay về phía con gái, ông nói tiếp:
- Nhưng con ạ, chả lẽ cha lại tống cổ hắn ra khỏi nhà?
- Thôi được. Nhưng tại sao lại tỏ ra ân cần với hắn như vậy. Sao lại yêu mến hắn?
Đến đây, Tsitsikôp thấy cần chêm vào một câu.
- Mọi sinh vật trên đời đều muốn được yêu mến, tiểu thư ạ. Ngay như con vật cũng thích được vuốt ve; qua các chấn song của chuồng bò, nó chìa mõm ra để cho người ta vuốt ve nó.
Vị tướng cười lớn:
- Đúng thế đấy; nó chìa mõm ra cho người ta vuốt ve!... Ha, ha, ha! Khắp mõm, khắp mình mẩy nó đều lấm bùn, nhưng nó cũng đòi hỏi một cử chỉ khuyến khích, như người ta thường nói… Ha! Ha! Ha!
Một trận cười như phá làm rung cả nửa người trên của vị tướng. Hai vai của ông, trước kia đã từng đeo một đôi ngù vai nặng trĩu, rung lên như thể nay vẫn còn đeo đôi ngù vai đó.

Tsitsikôp cũng bật cười theo; nhưng vì kính nể vị tướng, cho nên không mở to thành tiếng "*a*", mà chỉ mở hé miệng thành tiếng "*ê*": Hê! hê! hê! Nửa người trên của y cũng rung lên vì trận cười, nhưng hai vai y xưa nay chưa từng đeo ngù vai nặng cho nên không rung.
- Ha! Ha! Con vật ấy ăn cắp, nó vục cả hai tay vào Ngân khố để ăn cắp, thế mà lại còn đòi hỏi một phần thưởng! "- Tôi cần được khuyến khích, hắn nói thế, công lao khó nhọc thì phải được đền bù"… Ha! Ha! Ha!
- Thưa Tướng công, Tướng công đã có bao giờ nghe nói đến câu: "*Hãy yêu quý chúng tôi khi cằm chúng tôi còn râu ria bờm xờm, đến khi cằm chúng tôi nhẵn rồi thì thiếu gì người yêu*" chưa ạ? Tsitsikôp nói với vị tướng, môi nở một nụ cười tinh quái.
- Không, tôi không biết chuyện ấy.
- Một mẩu giai thoại rất lý thú, thưa Tướng công ạ. Trong điền trang của công tước Gukzôpxki, mà Tướng công chắc có biết…
- Không, không biết.
- Thưa Tướng công, xin Tướng công thử tưởng tượng là quản lý điền trang này là một anh chàng người Đức trẻ tuổi, nhân dịp tuyển binh và nhân một số việc khác, lên tỉnh gặp một số người có vai vế, và tất nhiên là có chút vi thiềng cho họ (Tsitsikôp nháy mắt, làm một điệu bộ ngụ rất nhiều ý nghĩa)… vả lại họ cũng thết đãi hắn ta, thành thử có một hôm đang ăn tiệc với bọn họ, hắn nói: "Ấy, thưa các ngài, sau này thế nào cũng xin mời các ngài đến chơi tôi, ở nhà công tước!". Họ trả lời: "Được lắm!". Ít lâu sau, tòa án phải điều tra tại chỗ, nhân một vụ lôi thôi xảy ra trên địa phận bá tước Triôkhmêtiep mà Tướng công chắc có biết.
- Không biết.
- Đáng lẽ đi điều tra thì họ lại kéo thẳng vào nhà lão quản gia và suốt ba ngày, ba đêm đánh bài liên miên. Ấm xamôva và liễn rượu pơns không rời khỏi mặt bàn. Lão quản gia của bá tước phát điên lên với họ. Lão nói: "- Thưa các ngài, xin các ngài sang thăm ông quản lý của công tước một chút; anh ta ở gần ngay đây thôi, và đang mong các ngài. - Phải đấy, anh ta có mời chúng mình nữa là khác!". Lập tức cả bọn, mặt ngái ngủ, râu ria không cạo, lên xe têlêga đến nhà anh chàng người Đức. Thưa Tướng công, anh này

lại vừa mới cưới vợ. Anh ta lấy được một cô thiếu nữ mới ở trường có nội trú ra, hết sức xinh xắn và *tế nhị* vô cùng (Tsitsikôp làm ra một vẻ mặt *tế nhị*). Bấy giờ có thể nói là họ đang giữa tuần trăng mật. Họ đang ngồi uống trà như hai con cừu non, thì cánh cửa vụt mở, và cả bọn ập vào.
- Chắc bọn họ trông hay đáo để nhỉ! Vị tướng vừa cười vừa nói.
- Thưa Tướng công, anh chàng người Đức ngạc nhiên quá, mất cả trí khôn. Anh ta bước tới, nói với họ: "Các ông cần gì?" - À ra thế đấy. Họ lập tức thay đổi thái độ: đã thế thì cho biết tay. - "Ta vào việc thôi. Trong điền trang này cất bao nhiêu rượu? Sổ sách đâu đưa xem!". Anh kia muốn trì hoãn, nhưng lập tức bị trói gô lại, bắt giải lên tỉnh ngồi tù mười tám tháng.
- Ái chà! - Vị tướng nói.
Ulinka chắp hai tay lại.
- Vợ anh ta cố chạy chọt, nhưng thưa Tướng công, một người thiếu phụ chưa có kinh nghiệm, có thể nói là chưa được thử thách ở trường đời như vậy, thì phỏng làm gì được? May thay có những người phúc hậu, người ta khuyên nhủ cách dàn xếp cho ổn thỏa. Anh chàng người Đức được tha sau khi đút lót hai nghìn rúp, và phải mở tiệc hậu tạ. Trong bữa tiệc, khi mọi người, kể cả khổ chủ, đều đã chếnh choáng hơi men, họ bảo anh ta: "Anh thấy chưa! Dạo ấy anh kinh tởm chúng tôi! Giá chúng tôi cạo râu tử tế thì anh thích hơn. Không được, hãy yêu quý chúng tôi khi cằm chúng tôi còn râu ria bờm xờm; đến khi cằm chúng tôi nhẵn rồi thì thiếu gì người yêu".
Vị tướng cười phá lên.
Khuôn mặt đẹp đẽ và cao quý của người thiếu nữ đượm vẻ đau thương.
- Ồ! Cha kìa! Con không hiểu tại sao cha lại có thể cười được! Những hành động bất lương ấy chỉ làm cho con buồn thôi. Khi con thấy sự gian dối diễn ra công khai trước mắt mọi người như vậy, mà những kẻ như thế lại không bị mọi người phỉ nhổ, con không còn biết trong lòng con ra sao nữa; con đâm ra cáu gắt và thậm chí trở thành độc ác…
Nàng suýt khóc.

- Nhưng xin con đừng giận cha và ông bạn đây, vị tướng nói. Chúng ta biết làm thế nào được, phải không ông? ông ta nói với Tsitsikôp. Hôn cha rồi về phòng đi con ạ. Cha sẽ đi mặc áo để ăn chiều đây. Anh ăn chiều với tôi chứ? Ông ta vừa nói vừa nhìn vào tận mắt Tsitsikôp.
- Thưa Tướng công, con thật không biết…
- Thôi đừng có khách khí nữa. Nhờ trời, tôi còn có đủ súp và thịt bò để thết khách.
Hai tay dang ra, Tsitsikôp nghiêng đầu kính cẩn tỏ lòng biết ơn, thành thử trong giây lát y không còn trông thấy những đồ đạc ở trong phòng nữa, chỉ thấy có đôi mũi giày của mình. Sau khi giữ cái tư thế kính cẩn ấy một lát, y ngẩng đầu dậy thì không thấy Ulinka đâu nữa. Ở chỗ nàng đứng lúc nãy chỉ có một người hầu phòng to lớn, để râu má và ria mép rất rậm, tay bưng một cái chậu bạc và một bình nước.
- Anh cho phép tôi mặc áo trước mặt anh chứ?
- Thưa, Tướng công không những có thể mặc áo, mà còn có thể làm bất cứ việc gì trước mặt chúng tôi, cũng xin tùy ý ạ.
Vị tướng dùng một tay hất chiếc áo mặc trong nhà xuống, xắn hai ống áo sơ mi trên đôi cánh tay lực lưỡng, rồi bắt đầu rửa mặt, vừa rửa vừa rung đầu lia lịa như con vịt, làm nước và xà phòng bắn ra tung tóe.
- Thế nào ấy nhỉ? - ông ta vừa kì cổ vừa nói… *Hãy yêu quý chúng tôi khi cằm chúng tôi nhẵn…*
- Thưa Tướng công, *khi cằm chúng tôi hãy còn râu ria bờm xờm* ạ.
- *Hãy yêu quý chúng tôi khi cằm chúng tôi còn râu ria bờm xờm đến khi cằm chúng tôi nhẵn rồi thì thiếu gì người yêu*. Hay lắm! Quả tình, người ta thích được khuyến khích lắm. Người ta thích được khuyến khích lắm. Người ta thích được vuốt ve, vì không có ai khuyến khích thì người ta không ăn cắp được… Ha! Ha! Ha!
Tâm trạng Tsitsikôp lúc này thật khó tả. Bỗng y nảy ra một ý: "- Vị tướng này vui tính đây, hay ta thử xem sao", y tự nhủ, và khi thấy người hầu phòng đã bưng chậu ra ngoài rồi, y nói: - Thưa Tướng công, con thấy Tướng công đối với ai cũng nhân hậu, cho nên con dám mạo muội xin Tướng công giúp con một việc lớn.

- Việc gì thế?
- Con có một ông bác già nua lụ khụ. Ông ta có ba trăm nông nô và hai nghìn héc ta đất… Con là kẻ thừa kế duy nhất của ông ta; thế nhưng mặc dầu đã quá già yếu không cai quản được ấp nữa, ông ta vẫn không chịu giao lại cho con. Tướng công thử tưởng tượng, ông ta viện ra một cớ thật lạ lùng: "- Tôi không biết cháu tôi là người thế nào, ông ta bảo thế; có thể là đồ phá gia chi tử cũng nên. Hắn phải chứng tỏ rằng hắn là người chí thú bằng cách tự kiếm lấy ba trăm nông nô đã; đến lúc ấy, tôi sẽ cho ba trăm nông nô của tôi."
- Thế thì ông ta là một lão ngốc thực thụ rồi còn gì? vị tướng nói.
- Nếu thế cũng chưa đến nỗi nào, nhưng khốn nỗi lại còn thế này nữa. Tướng công thử xét tình cảnh của con mà xem! Ông lão có một cô gia sư, cô này lại có mấy đứa con; con sợ rằng chúng nó sẽ được hưởng hết.
- Lão già ngốc ấy mất trí rồi còn gì. Nhưng tôi không biết có thể giúp được gì cho ông; viên tướng vừa nói vừa nhìn Tsitsikôp, vẻ ngạc nhiên.
- Đây, con nghĩ thế này ạ. Giả Tướng công để lại cho con tất cả các nông nô chết trong điền trang của Tướng công, làm như thể chúng đang còn sống, có làm văn khế hợp lệ; con sẽ đưa văn khế cho ông lão và ông ta sẽ cho con hưởng gia tài.
Vị tướng cười phá lên; có lẽ trước ông ta chưa có ai cười to đến thế. Ông ta cứ thế ngả người ra ghế bành, đầu hất ngược ra phía sau và suýt ngạt thở. Cả nhà náo động lên. Người hầu phòng bước vào. Cô con gái hoảng hốt chạy đến.
- Cha ơi, có việc gì thế? Nàng nhìn vào mặt cha, vẻ lo sợ.
Hồi lâu, vị tướng không nói ra được một câu nào.
- Không có gì đâu, cô bạn ạ. Con ra đi, lát nữa ta sẽ tới ăn chiều. Con cứ yên tâm. Ha! Ha! Ha!
Và tiếng cười của vị tướng, bị nén mấy bận, lại bùng lên mạnh mẽ hơn, vang dội suốt từ tiền sảnh cho đến gian phòng trong cùng. Tsitsikôp thấy lo lo.
- Cái ông bác ấy được một món bở nhé. Ha! Ha! Ha! Ông ta muốn nông nô, thì sẽ được một lũ xác chết. Ha! Ha!
- Lại cười nữa rồi, Tsitsikôp nghĩ thầm. Ông ta mau cười thật.

Miễn sao đừng có mệnh hệ nào!
Vị tướng già càng cười.
- Thật ngu như con lừa! Ai lại đòi hỏi như vậy bao giờ? "Hắn phải tự kiếm lấy ba trăm nông nô đã rồi ta sẽ cho hắn ba trăm nữa!". Thật là một con lừa chứ còn gì nữa!
- Thưa Tướng công, quả là một con lừa ạ.
- Lại còn cái mẹo đem cống nông nô chết cho lão già của anh nữa! Ha! Ha! Ha! Nếu được chứng kiến lúc anh trình tờ văn khế cho lão già, thì mất gì tôi cũng chịu. Lão ta có già lắm không?
- Tám mươi tuổi ạ.
- Chắc là còn sung sức lắm, nên mới nuôi một cô gia sư trong nhà chứ.
- Thưa Tướng công, không đâu ạ, cứ mủn ra như cám ấy.
- Ngốc thật! Vì, lão là một thằng ngốc, phải không nào?
- Thưa Tướng công, quả là một thằng ngốc!
- Nhưng lão ta còn đi lại được không?... Lão vẫn lui tới các bạn bè chứ?... Đứng còn vững chứ?
- Vâng ạ, nhưng chật vật lắm.
- Ngu thật! Nhưng tuy thế hãy còn khỏe chứ? Răng có còn không?
- Chỉ còn có hai chiếc thôi ạ.
- Thật là con lừa! Đừng giận, anh bạn nhé… Tuy lão ta là bác anh, lão vẫn là con lừa như thường.
- Thưa Tướng công, quả là một con lừa ạ. Là người có họ, con thật lấy làm khổ tâm khi phải nhận như thế, nhưng dù sao cũng phải tôn trọng sự thật trước đã.
Tsitsikôp nói dối: y chẳng khổ tâm chút nào khi phải nhận như thế, hơn nữa có lẽ xưa nay y chưa hề có ông bác nào cả.
- Thế thì xin Tướng công để lại cho con…
- Nông nô chết ấy à? Để thưởng một sáng kiến như thế, tôi sẵn sàng cho cả đất, cả nhà nữa ấy chứ! Anh cứ lấy hết cả nghĩa địa đi cho tôi! Ha! Ha! Ha! Lão già! Ha! Ha! Ha! Ông bác được một vố ra trò nhé! Ha! Ha! Ha!
Và tiếng cười của vị tướng lại vang dội khắp nhà…

Bản thảo của Gôgôn, đến đây thì mất. L.J. Arnônđi kể lại nội dung

phần sau chương thứ hai và các chương tiếp theo như sau:
"…Nếu tôi nhớ không sai thì chương thứ hai của phần hai *Những linh hồn chết* mở đầu có khác và lời văn trau chuốt hơn, tuy nhìn chung thì nội dung vẫn là một. Một trận cười của Bêtrisep kết thúc chương này. Chương sau miêu tả một ngày sinh hoạt trong nhà vị tướng. Tsitsikôp ở lại ăn bữa cơm chiều. Đến bữa ăn, xuất hiện hai nhân vật mới: một nữ gia sư người Anh dạy học cho Ulinka,và một người Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha gì đấy, trú ngụ trên lãnh thổ của Bêtrisep từ đời nảo đời nào, chẳng ai hiểu tại sao. Nữ gia sư là một người đàn bà độc thân đứng tuổi, một con người tẻ nhạt, bề ngoài chẳng có chút gì hấp dẫn, mũi nhỏ và dài, hai mắt linh hoạt lạ thường. Bà ta ngồi thẳng đuỡn, im lặng suốt buổi, và chỉ luôn luôn nhìn khắp bốn phía với đôi mắt dò hỏi và ngơ ngác. Người Bồ Đào Nha tên là Ekxpantôn, Xitenđôn hay một cái gì đại loại như thế; nhưng tôi nhớ rằng các gia nhân gọi ông ta là Exkađrôn {*Có nghĩa là đội kỵ binh*}. Ông ta cũng im thin thít; chức vụ của ông ta là đánh cờ với vị tướng sau bữa ăn chiều. Trong bữa ăn không có gì đặc biệt xảy ra cả. Tướng Bêtrisep khá vui vẻ, luôn đùa cợt với Tsitsikôp. Tsitsikôp ăn rất ngon lành, và ăn rất nhiều. Ulinka thì đăm chiêu tư lự, và gương mặt nàng chỉ linh hoạt lên khi nào câu chuyện đả động đến Tentietnikôp. Sau bữa ăn, vị tướng đánh cờ với người Tây Ban Nha. Vừa nhấc quân cờ, ông ta vừa nói đi, nói lại luôn mồm: "Hãy yêu quý chúng tôi khi cằm chúng tôi nhẵn…" và mỗi lần như thế, Tsitsikôp lại nhắc: "Thưa Tướng công, khi cằm chúng tôi hãy còn râu ria bờm xờm ạ". Viên tướng lặp lại: "À phải, hãy yêu quý chúng tôi khi cằm chúng tôi hãy còn râu ria bờm xờm, chứ đến khi cằm chúng tôi nhẵn rồi thì đã có đích thân Đức Chúa Trời yêu quý chúng tôi." Năm phút sau, ông ta lại nói nhầm trở lại như cũ: "Hãy yêu quý chúng tôi khi cằm chúng tôi nhẵn…". Tsitsikôp lại chữa, và vị tướng lại cười lớn, nhắc lại: "Hãy yêu quý chúng tôi khi chúng tôi hãy còn râu ria bờm xờm, chứ đến khi cằm chúng tôi nhẵn rồi thì đã có đích thân Đức Chúa Trời yêu quý chúng tôi." Sau mấy ván cờ đánh với người Tây Ban Nha, vị tướng rủ Tsitsikôp đánh với ông ta một vài ván. Trong lĩnh vực này Tsitsikôp cũng tỏ ra điêu luyện. Y đánh rất cao làm cho đối thủ

phải lúng túng với cái chiến lược của y, và cuối cùng y thua cuộc. Hởi lòng, hởi dạ vì đã thắng được một đối thủ cao tay như vậy, vị tướng càng mê Tsitsikôp; khi chia tay, ông ta khẩn khoản mời y sớm ghé lại chơi và đưa cả Tentietnikôp đến.

Về đến nhà Tentietnikôp, Tsitsikôp kể cho chàng nghe nỗi buồn của Ulinka, nỗi nhớ tiếc của vị tướng lâu nay không được gặp chàng, lòng hối hận của ông ta, ý định của ông ta là chấm dứt câu chuyện hiểu lầm bằng cách thân hành đến thăm Tentietnikôp trước và xin lỗi Tentietnikôp. Dĩ nhiên đó là những chuyện do Tsitsikôp dựng đứng lên mà thôi. Nhưng Tentietnikôp vốn yêu Ulinka tha thiết nên lẽ đương nhiên là rất mừng khi nghe những tin đó. Chàng tuyên bố rằng đã vậy, thì chàng sẵn sàng đến nhà vị tướng ngay hôm sau, để vị tướng khỏi phải nhọc lòng đến thăm mình. Tsitsikôp tán thành quyết định đó; họ thỏa thuận với nhau là ngày hôm sau sẽ cùng đến nhà Bêtrisep. Cũng tối hôm ấy, Tsitsikôp đánh bạo thú thật rằng y đã làm cho vị tướng tưởng là Tentietnikôp đang viết một bộ sử về các tướng lĩnh. Tentietnikôp chẳng hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao; chàng sợ sẽ bối rối khi vị tướng nói đến việc này. Tsitsikôp đáp là chính y cũng không hiểu tại sao lại buột mồm nói ra như thế, nhưng dù sao thì cũng đã trót nói ra rồi; cho nên y van nài Tentietnikôp ít nhất phải hứa im lặng và đừng cải chính việc này, để y khỏi mất tín nhiệm của vị tướng.

Sau đó là chuyến đi đến điền trang vị tướng, cuộc gặp gỡ giữa Tentietnikôp với Bêtrisep và Ulinka, và cuối cùng là bữa ăn chiều. Theo tôi thì đoạn miêu tả bữa ăn này là đoạn hay nhất trong tập hai. Vị tướng ngồi ở giữa, bên phải là Tentietnikôp và người Tây Ban Nha, bên trái là Tsitsikôp và Ulinka; bà gia sư người Anh ngồi giữa Ulinka và người Tây Ban Nha; ai nấy đều vui vẻ và hài lòng. Vị tướng rất sung sướng vì đã giảng hòa với Tentietnikôp và vì được dịp nói chuyện với một người đang soạn một bộ lịch sử các tướng lĩnh; Tentietnikôp thì rất sung sướng vì được ngồi gần ngay trước mặt Ulinka; hai người thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn nhau; cô thiếu nữ thì rất sung sướng vì người mình yêu đã trở lại với gia đình và đã giảng hòa với cha mình. Tsitsikôp cũng thỏa lòng vì được đóng vai trò người hòa giải trong các gia đình giàu sang và

đài các này. Bà gia sư người Anh đưa mắt nhìn quanh một cách sỗ sàng; người Tây Ban Nha thì chăm chú nhìn vào đĩa ăn và chỉ ngước mắt lên khi người nhà dọn lên một món mới: ông ta lập tức nhận ra miếng nào ngon nhất và đưa mắt dõi theo miếng ấy, trong lúc nó đi quanh bàn tiệc, mãi cho đến khi nó được trút sang đĩa ăn của một người nào đấy. Sau món thứ hai, vị tướng nói chuyện với Tentietnikôp về cuốn sách mà chàng đang soạn, và nhắc đến năm 1812. Tsitsikôp đâm hoảng và lo sợ chờ đợi câu trả lời. Nhưng Tentietnikôp đã khéo léo thoát ra khỏi tình trạng khó xử; chàng phân trần rằng việc soạn lịch sử chiến dịch và lịch sử những nhân vật đã tham gia chiến dịch không phải là việc của mình; vì đã có nhiều sử gia viết về thời đó. Nhưng năm 1812 không phải chỉ đáng ghi nhớ vì những chiến công oanh liệt; phải xét giai đoạn này theo một quan điểm khác kia. Theo ý chàng thì điều quan trọng hơn cả là lúc bấy giờ toàn dân đã nhất tề đứng dậy, muôn người như một, để bảo vệ tổ quốc; là mọi sự suy tính, mọi thủ đoạn bon chen, mọi dục vọng đều phải im hơi lặng tiếng; là tất cả các giai cấp đều ra sức thi thố lòng yêu nước, mỗi tầng lớp đều nô nức dốc hết tài sản cuối cùng và hy sinh tất cả để cứu nước. Đó chính là điều quan trọng nhất trong cuộc chiến tranh này, và cũng là điều mà chàng có ý định miêu tả; cố sức đưa ra ánh sáng mọi chi tiết trong những chiến công vô danh đó, trong những sự hy sinh cao cả nhưng tối tăm đó! Tentietnikôp nói khá dài, và rất nhiệt thành. Bêtrisep hân hoan nghe chàng nói; đây là lần đầu ông được nghe những lời lẽ nồng nhiệt như vậy; một giọt lệ long lanh như một viên kim cương vô giá đọng trên bộ ria mép hoa râm của vị tướng. Ulinka đắm đuối nhìn Tentietnikôp; bao nhiêu tâm trí của nàng dồn hết vào những lời lẽ của chàng; nàng nghe say sưa, ngây ngất như nghe nhạc; nàng yêu Tentietnikôp; nàng tự hào về chàng! Người Tây Ban Nha càng chúi đầu vào đĩa ăn; bà gia sư người Anh đưa mắt ngơ ngác nhìn khắp mọi người, không hiểu lấy được một chữ. Tentietnikôp dứt lời, ai nấy trầm ngâm, xúc động… Tsitsikôp cũng muốn góp chuyện. Y là người đầu tiên lên tiếng phá tan sự im lặng, y nói: “Phải, năm 1812 lạnh ghê người! - Vấn đề không phải ở chỗ lạnh hay ấm”, vị tướng vừa đáp vừa đưa mắt nghiêm nghị nhìn

Tsitsikôp, khiến y luống cuống. Vị tướng giơ tay cho Tentietnikôp và ôn tồn cảm ơn chàng; nhưng sự đồng tình mà Tentietnikôp đọc được trong đôi mắt Ulinka cũng đủ cho chàng thấy mình là người có diễm phúc. Câu chuyện các tướng lĩnh bị quên đi. Suốt ngày hôm ấy, mọi người đều thấy vui thích.

Tôi không nhớ các chương sau kế tục nhau theo thứ tự nào; nhưng tôi nhớ rằng sau ngày hôm ấy Ulinka đã quyết định nói chuyện nghiêm trang với bố về Tentietnikôp. Trước cuộc nói chuyện có tính chất quyết định này, một buổi chiều Ulinka ra viếng mộ mẹ, cầu nguyện để củng cố thêm quyết tâm. Rồi nàng đến quỳ xuống dưới chân bố, van xin bố cho phép nàng lấy Tentietnikôp. Sau một thời gian do dự, rốt cục vị tướng cũng thuận. Việc này xảy ra sau cuộc giảng hòa mấy ngày. Thấy việc trăm năm đã quyết định xong, Tentietnikôp lòng đầy hạnh phúc, rời Ulinka một lát và chạy ra vườn. Chàng cần đứng riêng một mình. Hạnh phúc làm cho chàng nghẹt thở… Ở đây Gôgôn có được hai trang trữ tình tuyệt tác. Vào một buổi trưa hè nồng nực, Tentietnikôp đứng trong một khu vườn um tùm râm mát, chìm sâu trong im lặng. Bằng một bút pháp điêu luyện, Gôgôn gợi lên từng cành cây, làn không khí nóng hầm hập như lò lửa, những con dế và những côn trùng khác bò trong đám cỏ, và cuối cùng là những cảm xúc của Tentietnikôp, kẻ đang yêu và được yêu. Đoạn miêu tả này đẹp đẽ, nhiều màu sắc, nên thơ đến nỗi - bây giờ tôi vẫn còn nhớ - tôi nghẹt thở khi nghe Gôgôn đọc; Gôgôn đọc rất hay {*Gôgôn nổi tiếng về đọc tác phẩm văn học một cách diễn tình: nguyên thời thanh niên Gôgôn đóng kịch rất giỏi, được các bạn bè công nhận là có "một tài hoa đặc biệt lớn lao" nhất là đóng vai nữ; có người cho là không có một nữ diễn viên nào, dù là ở Mạc-tư-khoa hay Pêterbua, đã đóng được vai Prôxtakôva trong hài kịch Thanh niên quý tộc của Fônvizin đạt như Gôgôn hồi mười sáu tuổi*}.

Lòng tràn đầy hạnh phúc, Tentietnikôp khóc, nguyện sẽ hiến cả cuộc đời mình cho người yêu. Vừa lúc ấy Tsitsikôp hiện ra ở cuối lối đi trong vườn. Tentietnikôp ôm chầm lấy y, cảm ơn y. "Ông là ân nhân của tôi. Tôi có được hạnh phúc cũng là nhờ ông; tôi biết

làm thế nào để bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với ông?... Cả cuộc đời của tôi cũng chưa chắc đã báo đền được…" Tsitsikôp lập tức nảy ra một ý tài tình: "- Ồ không phải, y đáp, toàn là do tình cờ mà nên cả; và tôi rất lấy làm mừng; nhưng nếu ông muốn trả ơn cho tôi thì dễ lắm. - Thế nào? Trả ơn ông bằng cách nào? Xin ông mau mau cho tôi biết?". Tsitsikôp liền đưa chuyện ông bác tưởng tượng của y ra, và nói rằng mình cần phải có ba trăm nông phu, ít nhất là trên giấy tờ. "Nhưng tại sao ông lại cần những nông phu đã chết làm gì?" Tentietnikôp chưa hiểu rõ Tsitsikôp muốn gì, nên hỏi lại; đoạn nói tiếp: "Tôi có ba trăm nông phu: tôi sẽ làm giấy bán cho ông cả ba trăm, ông sẽ đưa tờ giao kèo cho ông bác xem, và khi ông ta đã để lại điền trang cho ông, thì chúng ta sẽ hủy nó đi." Tsitsikôp ngẩn cả người ra. "- Ô kìa! thế ông không sợ tôi lừa… lạm dụng lòng tin cậy của ông hay sao?" Nhưng Tentietnikôp không để cho y nói hết đã kêu lên: "Sao? Tôi mà lại đi ngờ ông, ngờ một người đã đem lại cho tôi một cái còn quý giá hơn cả đời sống!". Hai người ôm choàng lấy nhau, và công việc giữa đôi bên như vậy là đã thỏa thuận.

Tối hôm ấy, Tsitsikôp đi ngủ với một cõi lòng thanh thản. Hôm sau, vị tướng mở một cuộc hội nghị gia đình. Cần phải báo cho họ hàng biết lễ đính hôn của Ulinka như thế nào đây? Nên gửi thư, phái người nhà đi báo tin, hay thân hành đi lấy? Bêtrisep có vẻ băn khoăn lo lắng về thái độ của công tước phu nhân Yuziakina và những người bà con tai to, mặt lớn khác khi biết tin này. Một lần nữa Tsitsikôp lại tỏ ra mình là một người rất quý; y tình nguyện đi thăm tất cả bà con của vị tướng để báo cho họ biết tin. Lẽ dĩ nhiên, thâm ý của Tsitsikôp vẫn là tìm cơ hội thực hiện âm mưu mua nông phu chết. Đề nghị của y được chấp nhận với những lời cảm ơn nhiệt thành. Vị tướng nghĩ thầm: "- Còn gì hơn nữa? Anh chàng này thông minh, lịch thiệp; mọi người sẽ phải hài lòng". Để thực hiện chuyến đi này, vị tướng giao cho Tsitsikôp một chiếc xe kiệu hai chỗ ngồi và Tentietnikôp cho y mượn thêm một con ngựa cho đủ bốn. Vài ngày sau Tsitsikôp sẽ lên đường. Từ đấy y được coi

như một người bạn của gia đình, một người thân thuộc trong nhà Bêtrisep.

Trở về nhà Tentietnikôp, y lập tức gọi Xêlifan và Pêtruska đến bảo chuẩn bị lên đường. Trong thời gian vừa qua, sống ở nông thôn, Xêlifan đã thay đổi rất nhiều; hắn xoay ra rượu chè và chẳng còn cung cách gì của một anh xà ích nữa; mấy con ngựa bị thả lỏng, không ai trông coi. Còn Pêtruska thì tỏ ra rất trai lơ đối với các thiếu phụ nông dân. Trong khi đó, bên nhà tướng Bêtrisep đã đưa sang một chiếc xe kiệu nhẹ gần như mới tinh… Thấy mình sẽ được ngồi chễm chệ trên một chiếc ghế rộng như chiếc ngai, đánh bốn con ngựa thắng ngang, Xêlifan cảm thấy cái tâm hồn xà ích của mình sống dậy: hắn xem xét tỉ mỉ cỗ xe ra vẻ thành thạo, và đòi người nhà của vị tướng giao những thứ đinh vít dự trữ và những thứ lặc lè gì gì chưa từng thấy đâu có cả. Tsitsikôp cũng khoái trá nghĩ đến chuyến đi: y đã tưởng tượng mình ngồi trên đống đệm êm ru, trong cỗ xe nhẹ mà bốn con ngựa sẽ kéo dễ dàng như kéo một chiếc lông.

Đó là nội dung những đoạn mà tôi đã được nghe Gôgôn đọc trong tập hai của *Những linh hồn chết*. Theo chỗ tôi biết thì hình như Gôgôn có đọc chín chương cho chị tôi nghe…”

Về phía mình, Xmirvnôva phu nhân có kể lại cho L.J. Arnôndi em trai bà, rằng:

“Trong một chương sau có một nhân vật được miêu tả rất thần tình; đó là một giai nhân sống phúng túng, được xã hội nuông chiều, một người đàn bà ưa làm dáng, suốt thời niên thiếu đã sống ở cung đình và ở nước ngoài. Đến năm ba mươi lăm tuổi, số phận đã dun dủi đưa nàng về thôn quê; nàng buồn chán, đời sống trở thành một gánh nặng. Vừa lúc ấy nàng gặp Platônôp, con người lúc

nào cũng buồn chán không nguôi, cũng đã từng phung phí tuổi trẻ trong những phòng khách thời thượng. Gặp nhau ở một nơi hẻo lánh, giữa những con người nhạt nhẽo, vô nghĩa ở xung quanh; hai người cảm thấy cuộc hội ngộ này là một hạnh phúc vô biên. Họ bắt đầu quyến luyến nhau; đây là một cảm xúc mới mẻ đối với cả hai người, nó làm cho họ hồi sinh. Họ say sưa buông mình vào cuộc tình duyên mới. Nhưng một tháng sau khi họ thổ lộ tâm tình lần đầu, cả hai đều nhận thấy rằng đây chỉ là một ngọn lửa rơm, một ý thích nông nổi nhất thời, và họ là những kẻ đã mất khả năng có được một tình yêu thực sự. Rồi sau đó hai người dần dần nhạt tình đối với nhau, và nỗi buồn chán bất tuyệt lại đến với họ; dĩ nhiên là một nỗi buồn chán còn tệ hơn trước kia".

Theo chú thích trong bản dịch của Mônggô thì hình như qua nhân vật này - "nàng giai nhân phóng túng" - Gôgôn có ý định miêu tả chính Xmirnôva phu nhân."

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương thứ ba

…. "Nếu quả đại tá Kôskariôp điên thật, thì cũng chẳng sao!", Tsitsikôp tự nhủ khi xe đã đưa hắn trở lại chốn đồng không mông quạnh. Xung quanh chỉ thấy những không gian vô tận, đất lẫn trời. Trên cao lơ lửng hai đám mây.
- Xêlifan, mày đã hỏi kỹ đường đến ấp đại tá Kôskariôp chưa?
- Con chưa kịp hỏi, Paven Ivannôvits ạ, con còn phải lo chữa xe; nhưng Pêtruska nó đã hỏi anh xà ích rồi.
- Mày điên rồi sao? Tao đã bảo mày bao nhiêu lần là đừng có tin vào cái thằng Pêtruska ấy! Nó là đồ súc sinh, đồ bị thịt, và giờ đây biết chắc là hắn đang say bí tỉ.
- Có gì khó đâu; Pêtruska nói, người hơi quay lại, đôi mắt lấm lét.

Xuống khỏi dốc là rẽ ra đồng cỏ, chỉ có thế thôi, chẳng có gì khác. - Còn mày thì chỉ nốc rượu mạnh vào thôi, chẳng có gì khác phải không? Đồ bợm! - Nói đoạn Tsitsikôp vừa xoa cằm vừa nghĩ bụng: "Nghĩ cho cùng, một người quý tộc với một thằng hầu thô kệch thật khác nhau một trời một vực!". Trong khi đó, con đường bắt đầu xuống dốc. Một lần nữa lại hiện ra những cánh đồng cỏ và những khóm phong dương.

Khẽ đưa qua đưa lại trên những bộ díp mềm mại, cỗ xe êm ái, thận trọng lăn xuống con đường dốc thoai thoải để cuối cùng đổ ra đồng cỏ, dọc theo các nhà xay lúa; bánh xe lăn ầm ầm mỗi khi qua cầu, hòm xe đung đưa khe khẽ mỗi khi đi qua những khoảng đất ruộng mềm và lồi lõm. Nhưng Tsitsikôp không hề cảm thấy xe xóc chút nào, y cứ tưởng như đang ngồi ghế bành vậy.

Bây giờ xe đang đi giữa hai dãy thùy dương xen lẫn những cây trăn gầy guộc, những cây phong bạc có vẻ như đang chạy trốn trước mặt họ, cành cây quất vào Xêlifan và Pêtruska đang ngồi trên ghế xà ích. Cái mũ lưỡi trai của Pêtruska cứ chốc chốc lại rơi. Tên đầy tớ cục mịch vừa nhảy xuống đất nhặt mũ, vừa nguyền rủa cái cây chết tiệt kia cũng như kẻ đã trồng nó lên. Nhưng mỗi lần như thế lại hy vọng rằng cái nạn rơi mũ sẽ không xảy ra nữa, hắn nhất định không chịu buộc quai mũ, mà cũng chẳng thèm giữ lấy mũ.

Chẳng bao lâu đã thấy những cây phong dương, cây bạch dương, cây tùng nhập bọn với những cây kia. Khu rừng tối sẫm lại, dường như sẵn sàng chìm vào đêm tối. Nhưng đột nhiên giữa các cành cây và thân cây lóe ra những đường sáng; tựa hồ những mảnh gương chói lòa. Cây cối mỗi lúc một thưa dần, những vệt ánh sáng to dần lên… và khách lữ hành thấy mình đứng trước một cái hồ, cả một bình nguyên nước bề rộng đến bốn verta. Bên bờ đối diện, một cái làng vươn cao lên phía trên mặt hồ, với những nếp nhà gỗ xám

rải rác. Những tiếng reo hò vang lên. Một tốp chừng hai mươi người, lội nước đến ngang thắt lưng, có người đến vai, đang kéo về phía bờ một cái lưới rộng mênh mông; trong đó, không biết vì một sự tình cờ kỳ quái nào, không phải chỉ có cá, mà còn có một lão tròn huyn, béo thu lu, chiều ngang vừa bằng chiều cao, trông y như quả dưa hấu, giống hệt cái thùng tô nô! Hắn đang có vẻ hoảng hốt lắm, gân cổ lên thét.

- Thằng Đênix Bị thịt, đưa đầu dây cho thằng Kuzma đi! Kuzma, cầm lấy đầu dây cho thằng Đênix. Cái thằng Fôma Lớn kia, đừng kéo khỏe quá thế. Mày đỡ thằng Fôma Con một tay thì hơn! Kìa, nhẹ tay với chứ, nhẹ tay chứ; rách mất lưới bây giờ!

Có thể thấy rõ rằng cái thùng tô nô kia không hề sợ cho mình; với cái hình dáng tròn thu lu ấy thì chết đuối sao được! Hắn có muốn lặn chăng nữa thì dù có cố gắng đến đâu nước cũng sẽ đẩy hắn nổi lên; cho dù có hai người khác cưỡi lên lưng hắn nữa, thì hắn vẫn sẽ nổi lên mặt nước như một quả bong bóng lì lợm; chẳng qua chỉ hơi rên rỉ một chút vì sức nặng của họ, và thở một ít bong bóng ra đằng mũi. Hắn sợ là sợ lưới rách và cá chuồn mất; cho nên hắn cứ bảo mấy người đứng trên bờ kéo hắn nữa, bằng những sợi thừng mà người ta vừa ném xuống cho hắn.
- Chắc đúng là đại tá Kôskariôp, Xêlifan nói.
- Sao biết?
- Vì ông này trắng hơn tất cả bọn, ông trông, người lại phát phì ra thế kia; biết ngay là một ông chủ.

Trong khi đó người ta đã lôi con người mắc lưới vào gần bờ. Khi thấy chân đã chạm đáy, hắn đứng dậy thì vừa trông thấy cỗ xe đang men bờ đê đi xuống, và Tsitsikôp đứng trên xe.

Thân hình quấn chặt trong cái lưới như bàn tay của một phu nhân đi găng rua mùa hạ; ông chủ kia, vừa lóp ngóp lên bờ cùng với chỗ cá bắt được, vừa quát:
- Ăn chiều chưa đấy?

Hắn ta giơ một tay lên che mắt cho khỏi chói nắng, còn tay kia thì bụm lấy phía dưới như kiểu thần Vệ nữ Mêđisix tắm xong, vừa ra khỏi nước {*Một công trình nghệ thuật có tiếng của thời thượng cổ: tượng này hiện ở viện bảo tàng thành phố Firenze (tiếng Pháp gọi là Florence) nước Ý. Có tên gọi là Vệ nữ Mêđisix vì nguyên là sở hữu của họ Mêđisix (Médicis), chúa công quốc Firenze thời Phục hưng (thế kỷ XV-XVI). Cách ví của tác giả ở đây chỉ có tính chất trào lộng, chứ không hiện thực; vì pho tượng Vệ nữ Mêđisix là một tuyệt tác thể hiện vẻ ngại ngùng, e thẹn có vẻ hoảng sợ, nhưng rất thanh tú, chứ không thô trọc như lão địa chủ này*}.
- Chưa, Tsitsikôp vừa nói vừa cất mũ lưỡi trai và tiếp tục đứng trên xe chào.
- Thế thì hãy cảm ơn Thượng đế đi!
- Có những gì thế? Tsitsikôp tò mò hỏi.
- Này! Fôma Con, buông lưới ra, đưa con cá chiên đây xem nào. Thằng Kuzma Bị thịt, đến giúp nó một tay!
Hai người đánh cá nâng từ đáy thùng lên cái đầu của một con cá to tướng.
- To lạ lùng phải không nào? Từ ngoài sông bơi thẳng vào cho chúng ta chén đấy; người tròn thu lu quát. Kìa, vào đi chứ! Này, anh xà ích, đi theo con đường dưới, qua khu vườn rau ấy. Fôma Lớn chạy mở rào! Đi đi, đi đi, nó chỉ đường cho. Tôi về ngay đây.

Chân đi đất, mình mặc mỗi chiếc sơ mi, Fôma Lớn chạy trước cỗ xe qua suốt cả làng. Ở đây, trước mỗi ngôi nhà gỗ đều có phơi những tấm lưới, những cái lờ, những cái rớ, vì dân ấp đều làm nghề chài lưới. Rồi nó mở cái rào chắn ra, cỗ xe đi qua các vườn rau đến một khoảng đất trống cạnh một ngôi nhà thờ bằng gỗ, phía

sau thấp thoáng những mái nhà của trang chủ.
- Cái lão Kôskariôp này khác đời thật! Tsitsikôp nghĩ thầm.
- Tôi về đây rồi; có tiếng ai nói bên cạnh.
Tsitsikôp ngoảnh lại. Người to bé kia đang đi về phía y, mình mặc một chiếc áo dài bằng hàng Nam-Kinh màu lá cây, một cái quần rộng ống màu vàng, cổ thắt ca vát theo kiểu Cupiđôn. Hắn ta ngồi nghiêng người trên một chiếc xe đrôjki, người choán chật cả xe. Tsitsikôp định nói với hắn điều gì, nhưng hắn ta đã biến đâu mất. Chiếc đrôjki lại hiện ra ở chỗ bắt được con cá. Những tiếng quát tháo lại vang lên… Fôma Con, Fôma Lớn! Kuzma! Đênix!
Khi Tsitsikôp vào đến thềm nhà, y rất đỗi ngạc nhiên lại thấy ông béo ra đón và ôm y vào lòng. Không sao hiểu được ông béo làm thế nào về chóng đến thế. Họ ôm quàng lấy nhau ba lần theo hình chữ thập, đúng phong tục cổ truyền của dân Nga. Chủ nhân là một người phái cũ.
- Tôi xin chuyển lại ngài những lời chào của tướng công, Tsitsikôp nói.
- Tướng công nào?
- Người bà con của ngài ấy mà, tướng quân Alexanđr Đmêtriêvits.
- Nhân vật nào thế nhỉ?
- Tướng quân Bêtrisep ấy mà; Tsitsikôp đáp, hơi ngạc nhiên.
- Không biết!
Tsitsikôp lại càng lấy làm lạ.
- Sao lại thế nhỉ!... Thế mà tôi hy vọng là đang được hân hạnh tiếp chuyện đại tá Kôskariôp…
- Không, ông đừng hy vọng. Đội ơn Chúa, nơi ông đến đây không phải là nhà hắn đâu, mà chính là nhà của tôi, Piôtr Pêtrôvits Pêtukh, Pêtukh Piôtr Pêtrôvits!
Tsitsikôp đớ người ra.
- Thế nghĩa là thế nào? y ngoảnh về phía Xêlifan và Pêtruska đang đứng đực ra đấy, mồm há hốc, mắt tròn xoe, kẻ trên ghế xà ích, kẻ trên bậc cửa xe. Bọn chúng mày làm ăn thế à, đồ ngu? Người ta dặn chúng mày là đến nhà đại tá Kôskariôp, thế mà bây giờ lại hóa ra nhà ông Piôtr Pêtrôvits Pêtukh!... {*Họ* ***Kôskariôp*** *có từ căn* ***Kôska*** *có nghĩa là "****con mèo****". Còn* ***Pêtukh*** *có nghĩa là "****con gà***

trống*”*}
- Họ làm thế là rất phải! Hai chú ra nhà sau đi, anh sẽ rót mời hai chú một cốc vôtka ra trò; Piôtr Pêtrôvits Pêtukh nói. Tháo ngựa nhanh lên mà ra nhà sau!
- Tôi thật ân hận. Một sự nhầm lẫn bất ngờ như vậy… Tsitsikôp nói.
- Nhầm gì? Ông cứ hãy nếm thử bữa ăn chiều đã, rồi sau hẵng tự hỏi xem đây có phải là một sự nhầm lẫn hay không. Xin mời ông vào nhà cho, Pêtukh vừa nói vừa khoác tay Tsitsikôp.
Hai người trẻ tuổi mặc vét tông mùa hè ra đón họ, hai chàng đều mảnh dẻ và cao dong dỏng như hai cây cói, hơn hẳn bố một đầu.
- Xin giới thiệu hai con tôi, đang đi học, nay về nghỉ hè… Nikôlasa, ngồi đây nói chuyện với ông. Còn Alexasa đi theo bố.
Nói đoạn, chủ nhân biến mất. Tsitsikôp nói chuyện với Nikôlasa. Hắn tỏ ra là một anh chàng vô tích sự. Ngay từ mấy câu đầu, hắn đã kể cho Tsitsikôp nghe là trường học ở tỉnh lỵ chẳng ra gì, rằng hai anh em đang muốn lên Pêterbua, vì ở tỉnh nhỏ cuộc đời thật chẳng đáng sống.
“- Rõ rồi; Tsitsikôp nghĩ bụng; chúng mơ ước những tiệm cà phê với những đại lộ đây…” Này, y hỏi to, điền trang của ông nhà ra sao đây?
- Cầm đi rồi, chính ông bố trả lời: ông ta vừa trở ra phòng khách, cầm đi rồi!
- Phiền thật, Tsitsikôp tự nhủ, chẳng bao lâu nữa sẽ không còn lấy một điền trang nào. Ta phải làm gấp mới được… - Ông vội đem cầm điền trang đi như vậy thật không nên, y thốt lên, giọng có ý phàn nàn.
- Không đâu, Pêtukh đáp, người ta bảo làm thế rất lợi. Mọi người đều làm thế, chả nhẽ mình lại chậm chạp cũng muốn nếm thử đời sống ở Mạc-tư-khoa. Hai con tôi nó tán thành lắm; chúng muốn được hưởng ánh sáng thủ đô.
“Thằng cha ngu thật! Tsitsikôp nghĩ thầm; hắn sẽ phung phí hết cả tài sản và biến hai thằng con thành hai thằng phá gia chi tử. Thế mà cái điền trang xinh ra phết, chứ có phải không đâu! Cứ trông bề ngoài thì cả trang chủ lẫn nông dân đều sống khá giả. Rồi đây hễ

hai ông tướng quen mùi tiệm ăn và nhà hát rồi là đi đời nhà ma hết! Ngốc thật, ở nông thôn có phải sướng không!".
- Tôi biết ông đang nghĩ gì rồi, Pêtukh nói.
- Nghĩ gì nào? Tsitsikôp hỏi hơi ngượng.
- Ông nghĩ thế này: "Cái thằng cha Pêtukh này ngu thật! Hắn mời mình ăn chiều, thế mà bữa ăn chưa thấy dọn ra". Sắp xong rồi đấy, ông bạn ạ, còn chóng hơn là một đứa con gái trọc đầu mà tết bím nữa kia.
- Bố ạ, Platôn Mikhailưts kia rồi! Alexasa đang nhìn ra cửa sổ bỗng nói.
- Cưỡi con ngựa hồng… Nikôlasa đệm thêm.
- Đâu, đâu nào? Pêtukh vừa chạy ra cửa sổ vừa hỏi.
- Platôn Mikhailưts là ai thế? Tsitsikôp hỏi Alexasa.
- Một ông bạn láng giềng của chúng tôi, Platôn Mikhailôvits Platônôp, một người rất dễ ưa; Alexasa đáp.
Nói đến đấy thì thấy đích thân Platônôp bước vào, một thanh niên rất đẹp, vóc người thanh tú, tóc quăn màu vàng nhạt. Một con chó to tướng tên là Yarb vào theo, cái vòng cổ bằng đồng kêu lanh canh.
- Ông dùng bữa chiều chưa? Chủ nhân hỏi.
- Rồi.
- Ông nhạo tôi chắc?
Người khách mỉm cười nói: - Ông yên tâm; tôi chưa ăn gì đâu, tôi không muốn ăn.
- Giá ông trông thấy mẻ cá của chúng tôi vừa bắt được! Cá chiên, cá quả đâu mà to thế!
- Nghe ông nói mà bực cả mình. Sao lúc nào ông cũng vui thế?
- Xin lỗi, tại sao tôi lại phải buồn kia chứ?
- Thì tại vì cuộc đời có gì thú vị đâu.
- Ông ăn ít quá, chỉ có thế thôi. Ông thử ăn cho ra trò một bữa xem. Buồn chán là một phát minh mới gần đây thôi. Trước kia có ai buồn chán gì đâu.
- Thôi đừng khoác lác nữa! Làm như thể ông không bao giờ buồn ấy!
- Ồ, không, không bao giờ! Tôi không biết buồn là gì, tôi không có

thì giờ để buồn. Buổi sáng bảnh mắt dậy đã thấy thằng đầu bếp vào: phải sai bảo hắn nấu bữa ăn; đang uống trà thì thằng quản lý dẫn xác đến; xong đi đánh cá, loay hoay một lát là đã đến giờ ăn chiều. Mới đánh được một giấc đã phải dậy sai bảo nó nấu bữa ăn tối… Ông bảo tôi biết buồn chán vào lúc nào kia chứ?
Trong khi hai người trò chuyện, Tsitsikôp quan sát người mới đến, thán phục vẻ đẹp thanh tú của khách, vẻ tươi tắn của một tuổi thanh xuân còn nguyên vẹn, vẻ thuần khiết như trinh nữ của một khuôn mặt không có lấy một tí mụn nào; dục vọng, u buồn, và cho đến cả cái vẻ bối rối hay lo âu nữa, cũng đều chưa hề dám xâm phạm tới khuôn mặt trinh bạch ấy. Nhưng cả sự sống cũng không thấy có; khuôn mặt im lìm, uể oải, mặc dầu thỉnh thoảng cũng nở một nụ cười mỉa mai.
- Tôi cũng thế, Tsitsikôp xen vào, xin ông cho phép tôi được nói rằng tôi cũng không hiểu tại sao có được một dung mạo như ông mà lại có thể buồn chán được. Thà là khi người ta thiếu tiền hoặc khi có những kẻ thù uy hiếp đến tính mạng, thì đã đành…
- Tôi xin cam đoan với các ngài, người khách ngắt lời Tsitsikôp, rằng đôi khi tôi cũng muốn có điều gì lo lắng, cho nó thay đổi một chút… Giá có ai trêu tức tôi thì hay quá! Nhưng không có. Tôi buồn chán, chỉ có thế thôi.
- Chắc ông không được nhiều đất đai lắm?
- Ồ không phải đâu. Hai anh em chúng tôi có một vạn héc ta và hơn một nghìn nông dân.
- Thế thì lạ thật, tôi không hiểu nổi! Có lẽ ông vừa bị mất mùa, có lẽ một đại dịch vừa làm cho ông mất nhiều nông dân chăng?
- Ồ không, tình hình điền trang chúng tôi rất tốt; anh tôi là một trang chủ gương mẫu.
- Thế mà ông lại chán! Quả thật tôi không tài nào hiểu nổi! Tsitsikôp so vai nói.
- Để đấy, rồi chúng ta sẽ đuổi cái buồn chán của anh ta đi! Pêtukh nói. Alexasa, chạy xuống bảo thằng bếp mang ngay món nấm nhồi thịt ra đây. Cái thằng Êmêliên Ngáp ruồi với cái thằng Antôska Ăn cắp làm gì ở đâu thế? Quỷ sứ, sao mãi không bưng đồ khai vị ra hả?

Nhưng cánh cửa mở ra ngay, Êmêliên Ngáp ruồi và Antôska Ăn cắp, khăn mặt vắt tay, bước vào dọn bàn ăn, đặt lên bàn một cái mâm và sáu bình thủy tinh đựng rượu mùi ngũ sắc. Chỉ một lát sau, quanh mấy chiếc bình đã có một loạt đĩa đầy thức ăn ngon lành. Các gia nhân ra tay thi tài nhanh nhẹn, bưng ra thêm, không ngớt những đĩa thức ăn đậy kín; trong đĩa có thể nghe thấy tiếng bơ sôi xèo xèo. Êmêliên Ngáp ruồi và Antôska Ăn cắp làm tròn bổn phận một cách vẻ vang. Những biệt hiệu này tặng cho chúng là để khuyến khích. Ông chủ phúc hậu của chúng không ưa quở mắng tí nào; nhưng người Nga vốn không thể thiếu những từ ngữ thú vị được, họ cần đến chúng như cần uống vốtka cho tiêu cơm vậy. Biết làm thế nào được? Bản tính người Nga vốn dĩ như thế, họ không thích những cái gì nhạt nhẽo.

Sau các món khai vị là bữa ăn chính thức. Vị chủ nhân nhã nhặn liền biến thành một tên bạo chúa tàn ác. Nếu khách chỉ có một miếng trên đĩa. Pêtukh lập tức tiếp thêm miếng nữa, tay tiếp miệng nói: - Không có bạn thì dù người hay chim chóc cũng không thể nào sống trên thế gian được.

Khách có hai rồi thì Pêtukh bồi thêm miếng thứ ba, vừa bồi, vừa phân trần: - Con số hai bất tường lắm! Hai bao giờ cũng thành ba! Nếu khách ngốn hết ba suất rồi, thì ông ta la ó lên: - Đời thủa nào lại có xe bò ba bánh? Có ai lại đi xây nhà ba góc?

Đối với con số bốn, cũng có một câu ngạn ngữ; con số năm cũng thế. Có một món Tsitsikôp phải ăn đi ăn lại đến mười hai lần "Phào! Hắn tự nhủ, bây giờ chắc hắn để cho mình yên thân rồi đấy". Tsitsikôp lầm; Pêtukh lẳng lặng đặt lên đĩa y một súc thịt mông bê quay xiên, có dính cả bộ bầu dục, mà bê mới thật ra bê chứ!

- Tôi đã nuôi nó hai năm bằng sữa đấy, chủ tiệc nói; tôi đã chăm sóc nó như chăm con đẻ.
- Chịu thôi, Tsitsikôp nói.
- Cứ thử đi; rồi sau hẵng nói: *chịu thôi*.
- Tôi đã bảo là chịu mà; không còn chỗ nào mà nhét nữa!
- Ở nhà thờ cũng không còn chỗ; nhưng khi ông *gôrôđnitsi* {*Chức cảnh sát coi việc an ninh ở huyện lỵ*} vào thì vẫn tìm ra chỗ. Ấy

thế mà người đông đến nỗi một quả táo tung lên, không thể nào rơi xuống đất được. Cứ thử đi: miếng này cũng sẽ như ông *gôrôđnitsi.* Tsitsikôp bèn thử; quả nhiên miếng thịt bê giống ông *gôrôđnitsi* thật. Nó vẫn tìm được chỗ chứa, mặc dầu đã tưởng là không còn có thể nhét gì vào nữa hết.

"- Ấy thế mà cái lão vô phúc này lại muốn đi Pêterbua hay Mạc-tư-khoa à? Cứ cái lốt thết khách thế này thì chỉ ba năm là chén sạch gia sản thôi!" Tsitsikôp nghĩ thế; y không biết rằng bây giờ người ta đã cải tiến nhiều lắm, không cần gì phải thết khách, người ta cũng cứ phá sản; mà chẳng cần phải đến ba năm, chỉ ba tháng thôi. Rượu đem thết khách cũng không dè dặt hơn chút nào. Được ngân hàng Lomba {*Tên một địa ốc ngân hàng*} cho vay tiền ê hề, Piôtr Pêtrôvits đã mua cất sẵn một hầm rượu uống mười năm cũng không hết. Ông ta luôn tay rót cho khách; chỗ khách không uống hết, ông ta chuyển cho Alexasa và Nikôlasa; hai anh chàng cứ nốc hết cốc này đến cốc khác; ngay từ bây giờ cũng có thể thấy rõ là một khi đến chốn kinh đô rồi, họ sẽ chú ý đến mục nào trong vốn hiểu biết của loài người.

Khách không tài nào đương nổi nữa; họ khó nhọc lê ra bao lơn và gieo mình xuống những ghế bành. Vừa ngồi xuống chiếc ghế bành to tướng đủ chỗ cho bốn người thường ngồi, chủ nhân đã ngủ ngay. Cái thân hình phì nộn của ông ta biến thành một cái bễ lò rèn, bắt đầu phát qua cái mồm há hốc và qua khoang mũi những âm thanh kỳ dị mà một nhà soạn nhạc, dù là hiện đại, cũng ít khi tưởng tượng ra được. Nghe vừa như tiếng sáo, vừa như tiếng trống, vừa như tiếng chó sủa.

- Thật là một cây đại phong cầm! {*Đàn lớn dùng trong nhà thờ, có tiếng kêu rất to*} Platônôp nói.

Tsitsikôp phì cười.

- Dĩ nhiên, Platônôp nói tiếp, khi người ta ăn như vậy thì giấc ngủ xua tan sự buồn chán, phải không nào?

- Đúng thế. Nhưng, xin ông bỏ quá cho, tôi vẫn không hiểu tại sao người ta lại có thể buồn chán được. Có bao nhiêu là phương thuốc trị chứng buồn chán.

- Những phương thuốc nào thế?

- Thanh niên thì thiếu gì? Khiêu vũ, âm nhạc… cả hôn nhân nữa.
- Hôn nhân ư? Lấy ai bây giờ?
- Ông làm như quanh vùng hiếm những cô gái chưa chồng, giàu có và dễ yêu lắm!
- Làm gì có!
- Thế thì phải tìm nơi khác, phải đi du lịch… - Một ý rất hay vụt hiện lên trong trí Tsitsikôp. Đấy, cách ấy hay tuyệt đấy! Vừa nói y vừa nhìn thẳng vào mặt Platônôp.
- Cách nào?
- Đi du lịch ấy mà.
- Đi đâu?
- Nếu ông rỗi, mời ông đi với tôi, Tsitsikôp nói. Nhìn Platônôp y nghĩ bụng: "Hay lắm. Ta sẽ chia đôi các khoản chi phí, còn tiền chữa xe thì để hắn chịu".
- Ông đi đâu?
- Hiện nay tôi đi việc người khác nhiều hơn là việc của tôi. Tướng quân Bêtrisep, bạn thân và có thể nói là ân nhân của tôi, nhờ tôi đi thăm họ hàng… Họ hàng cố nhiên cũng có phần quan trọng; nhưng đi như thế cũng được việc cho tôi, vì được xem cảnh thế gian và trông thấy thế sự thăng trầm cũng dường như có được một pho sách sống, một vốn học thức thứ hai.
Nói đến đây, Tsitsikôp nghĩ thầm: "Phải đấy, thật tuyệt! Có thể bắt hắn chịu hết khoản chi phí nữa là khác; lại có thể lợi dụng ngựa của hắn, trong khi đó thì ngựa của mình sẽ để nghỉ ở nhà hắn!".
Về phía chàng, Platônôp, cũng tự nhủ: "Thật tình, mình cũng chẳng có việc gì làm ở nhà cả; ông anh, ông ấy quán xuyến hết; mình đi vắng cũng chẳng hại gì. Tại sao không thử một chuyến?"
Rồi Platônôp nói to: - Ông có thuận lại nhà anh tôi hai hôm không? Phải thế, nếu không ông ta chẳng để tôi đi đâu.
- Rất sẵn lòng; ba ngày nữa ấy chứ, nếu ông muốn.
- Thế thì ổn rồi! Ta đi thôi! Platônôp cao hứng lên nói.
- Phải đấy, ta đi đi!
- Đi đâu, đi đâu thế? chủ nhân choàng dậy, giương to mắt, kêu lên. Không được đâu các ngài ạ. Tôi đã sai tháo bánh xe ngựa ra rồi, còn con ngựa giống của ông thì tôi đã cho dắt đi cách đây mươi

lăm verxta, Platôn Mikhailôvits ạ. Không được, các ông sẽ nghỉ đêm ở đây, đến mai ăn sáng xong hẵng đi.
Làm sao mà có thể cưỡng lại một con người như Pêtukh được? Họ đành phải ở lại. Để bù lại, họ được hưởng một đêm xuân huyền diệu. Chủ nhân tổ chức một cuộc đi chơi thuyền. Mười hai tráng đinh vừa hát vừa chèo thuyền cho họ đi trên hồ, nước phẳng như gương. Rồi họ đi vào con sông kéo dài vô tận giữa đôi bờ thoai thoải; chốc chốc thuyền lại luồn qua những sợi chão căng ngang sông để đánh cá. Mặt nước không một thoáng gợn; cảnh vật im lặng diễu qua; những khóm cây muôn hình, muôn vẻ luôn thay nhau mua vui cho mắt khách. Những người chèo thuyền, cả mười hai người như một, cầm hai mươi bốn chiếc mái chèo nhấc bổng lên; chiếc thuyền được buông xuôi lao đi tựa một bóng chim trên dải nước trong vắt như pha lê. Một gã trai người vạm vỡ, người thứ ba kể từ phía lái, cất giọng trong và vang hát một bài; những câu đầu của bài ca tưởng như từ cổ một con chim họa mi đưa ra. Bốn người khác đệm theo, và một lát sau, sáu người còn lại cũng hòa giọng hát theo; và tiếng hát cứ thế to dần lên, rộng lớn, mãnh liệt, vô cùng, vô tận như nước Nga. Pêtukh cất giọng sang sảng trợ lực cho dàn hợp xướng mỗi khi giọng hát yếu đi, và ngay cả Tsitsikôp cũng cảm thấy mình là một người Nga. Chỉ có một mình Platônôp nghĩ thầm: "Hát làm gì các bài thê thảm ấy? Nó chỉ làm tăng nỗi khắc khoải trong lòng ta mà thôi."
Mãi đến sẩm tối, họ mới trở về. Trong bóng tối, các mái chèo nhịp nhàng vỗ trên mặt nước bấy giờ không còn in bóng trời chiều nữa. Trên bờ, nơi họ cập bến, mấy đống lửa đã được đốt lên; trên những chiếc kiềng ba chân, mấy người dân chài đang nấu những nồi canh cá măng rõ tươi rói. Bò, cừu và gà vịt đã về chuồng từ lâu; những người mục phu đã lùa chúng về, bây giờ đang đứng trước cổng đợi một liễn sữa hay một đĩa xúp. Trong bóng tối có những tiếng nói rì rầm; những tiếng chó sủa xa xa từ những làng mạc ở xung quanh vẳng lại. Trăng lên, cảnh vật đang chìm trong bóng tối, bây giờ bắt đầu hửng sáng. Cái cảnh thần tiên! Nhưng nào có ai để ý đến. Lẽ ra phải cưỡi hai con ngựa giống, dũng mãnh thi nhau phi nước đại, thì Nikôlasa và Alexasa lại mơ tưởng đến Mạc-tư-khoa, đến những

tiệm cà phê, những nhà hát mà một học sinh sĩ quan bạn họ đã nói với họ; cha họ thì đang tự hỏi xem nên thết đãi tân khách như thế nào; Platônôp thì ngáp dài. Tsitsikôp là người phấn chấn hơn cả. "- Thật đấy, một ngày kia ta sẽ tậu một dinh cơ nho nhỏ", y nghĩ thầm, và chưa chi y đã tưởng tượng thấy mình làm chủ một gia đình, làm một ông bố diễm phúc.
Đến bữa ăn khuya, họ lại ních một chầu no nê nữa. Khi đã về phòng ngủ, nằm dài trên giường, Paven Ivannôvits nắn nắn cái bụng: "Thật là một cái trống! Không một ông *gôrôđnitsi* nào len vào đâu được nữa." Y tự nhủ. Tình cờ, phòng ngủ của y lại sát ngay cạnh phòng làm việc của Pêtukh. Tấm ván ngăn rất mỏng, phòng bên nói gì, bên này cũng nghe rõ. Để khách có cái lót dạ sáng mai, chủ nhân sai đầu bếp làm một bữa tiệc thực sự, và nghe những lời dặn dò của lão thì đến một xác chết cũng phải phát thèm. Chốc chốc lại nghe:
- Nhỏ lửa nhé; nghe chưa, và rưới mỡ cho đều, rán thật vàng.
Và cái giọng vịt đực của anh đầu bếp họa theo:
- Thưa ông, rõ ạ, rán thật vàng ạ!
- Thế còn món *kulêbiaka {Một thứ bánh bao nhân cá và trứng, thức ăn người Nga rất thích}* thì mày phải nắm cho vuông; Pêtukh vừa nói tiếp vừa chép miệng giòn tan… một góc này nhớ bỏ mấy miếng cằm cá chiên với mấy miếng sụn cá đuối, góc kia mày phải đổ một ít chả lúa mạch đen thật quánh trộn hành, nấm; rồi nhớ bỏ tinh cá đực, óc bò; rồi thì… rồi thì… ấy, mày cũng biết tao định dặn gì rồi…
- Biết chứ ạ, thưa ông, con biết chứ.
- Phải trông cho một đầu thật vàng, còn đầu kia thì tai tái một chút. Phải làm sao cho bột với chả mạch thật nhuyễn vào với nhau, sao cho nó đừng rã ra, khi cắn nó đừng vụn ra mà phải tan đi trong miệng như tuyết mùa xuân ấy.
Vừa nói, Pêtukh vừa tắc lưỡi và liếm mép.
"Quỷ bắt hắn đi cho rảnh! Hắn chẳng cho mình ngủ nữa!" Tsitsikôp lẩm bẩm một mình, tay kéo chăn trùm kín đầu để đừng nghe thấy nữa. Không ăn thua: tiếng nói của Pêtukh xuyên qua cả lần chăn.

- Xung quanh con cá chiên mày nhớ sắp những lát củ cải đường tỉa ngôi sao, mấy con cá đối con, mấy cái nấm hương, rồi thì… mày biết rồi đấy… củ cải hoa, cà rốt, một ít đậu… nghĩa là phải bày gia vị cho cẩn thận; nghe chưa. Xong mày làm cho chúng tao một món cổ hũ lợn tẩm bột rán, nhớ bỏ vào đấy một cục nước đá nho nhỏ cho da nó thật căng.
Pêtukh còn dặn làm nhiều món nữa, nhắc đi nhắc lại luôn mồm:
- Nhỏ lửa nhé, nghe chưa? Rưới mỡ cho đều, rán thật vàng.
Cuối cùng, Tsitsikôp ngủ thiếp đi trên một con gà tây quay!
Sáng hôm sau, khách khứa ních một bụng no căng, đến nỗi Platônôp không lên ngựa được nữa; một mã phu của Pêtukh phải dắt con ngựa giống của chàng về. Hai người lên xe kiệu. Con chó mõm dài uể oải bước theo; nó cũng đã được một chầu no đến cổ.
- Thật là quá chừng! Tsitsikôp nói, khi xe đã ra khỏi sân.
- Ông lại không buồn mới chết chứ!
"Giá tao có được bảy vạn rúp để ăn hàng năm như mày, tao sẽ không biết buồn chán là gì! Tsitsikôp nghĩ thầm. Thế mà cái lão thầu thuế rượu Murazôp kia có đến những mười triệu, có ghê không!..."
- Tôi ghé bà chị và ông anh rể tôi một chút có được không? Tôi muốn từ biệt họ tí.
- Rất sẵn lòng, Tsitsikôp nói.
- Vị trang chủ giỏi nhất vùng đấy. Ông à, anh ta thu hàng năm hai mươi vạn rúp trên một điền trang mà tám năm trước đấy không thu nổi hai vạn.
- À! Tất nhiên là một người rất đáng trọng. Tôi rất mong được làm quen với ông ta… Tên ông ta là gì?
- Kôxtanjôglô.
- Tên thánh và phụ danh?
- Kôxtantin Fiôđôrôvits.
- Được làm quen với ông ta tôi sẽ sung sướng vô cùng. Tìm hiểu một con người như thế chỉ có thể có ích mà thôi.
Platônôp lĩnh lấy trách nhiệm hướng dẫn Xêlifan: điều đó cũng không phải là thừa, vì Xêlifan ngồi không vững nữa. Pêtruska thì hai lần lăn từ trên xe xuống; đành phải trói gô hắn lại. - Đồ súc

sinh! Tsitsikôp nhắc đi nhắc lại.
- Ông nhìn kìa, Platônôp nói; đã đến địa phận của ông anh rể tôi rồi đấy; trông khác hẳn.
Quả nhiên, bên kia cánh đồng hiện ra một vườn ươm cây non, thân cây thẳng tắp như những mũi tên; tiếp theo là những cây cao hơn một chút, rồi đến một rặng cây cao hơn hẳn. Sau đó họ đi qua những cánh đồng lúa mì đã bắt đầu hứa hẹn một mùa rất tốt; rồi lại đến những khoảng đất trồng cây theo thứ tự như lúc nãy; cây non rồi mới đến cây già. Xe đi qua ba khu vực phân bố như vậy, như đi qua ba dãy rào.
- Ông thấy không, trong tám chín năm anh rể tôi đạt được một kết quả mà giá người khác thì hai mươi năm cũng chưa ăn thua gì.
- Ông ta làm cách nào thế?
- Ông cứ hỏi anh ta thì biết. Đó là một nhà nông học kiệt xuất. Không những anh ta biết rõ chất đất, mà còn biết nên trồng cái gì cạnh nhau, loại cây nào có lợi cho loại cây nào. Cái gì của anh ta cũng một công đôi ba việc. Ngoài mối lợi trực tiếp ra, các khu rừng còn đem lại một ít khí ẩm cho đồng lúa, trông lại mát mắt, lá lại có thể dùng làm phân bón. Dù quanh vùng có đại hạn, đói kém, anh ta cũng không bao giờ mất mùa. Thật tiếc là tôi không thạo những việc này và cũng không biết kể lại; anh ta có những cái nó… Người ta cho anh ta là phù thủy!... Nhưng những cái chuyện ấy chán lắm…
"Quả là một người phi thường! Tsitsikôp tự nhủ. Tiếc rằng anh chàng này hời hợt quá và không biết kể lại…"
Cuối cùng làng mạc hiện ra với những xóm nhà gỗ đông đúc rải rộng trên ba ngọn đồi; trên đỉnh có ba ngôi nhà thờ; đâu đâu cũng thấy những đống rạ to tướng. Tsitsikôp nghĩ thầm: "Người ta thấy rõ ngay đây là dinh cơ của một tay cự phách trong nghề nông". Nhà gỗ của nông dân đều vững vàng, đường sá rộng rãi; xe tải mới mẻ, chắc chắn; những người nông dân gặp giữa đường đều có vẻ thông minh; gia súc có sừng đều là những giống ưu tú; ngay cả lợn cũng phảng phất một vẻ quý tộc. Đây chắc hẳn là nơi mà nông dân xúc bạc bằng xẻng, như trong dân gian người ta vẫn thường hát. Không có vườn tược kiểu Anh, không có những bãi cỏ tô điểm đủ

thứ hoa hòe, hoa sói; chỉ có một con đường đi kiểu cổ, hai bên toàn nhà kho và vựa thóc kéo dài vào tận tòa gia trạch, để cho trang chủ có thể trông thấy tất cả những việc diễn ra quanh mình; trên mái nhà cao có một khoảng sân thượng không phải để trang hoàng hay để ngắm cảnh, mà để giám sát những nông dân làm việc trên những cánh đồng ở xa.

Ra tiếp những người mới đến là những gia nhân nhanh nhẹn khác hẳn anh chàng say rượu Pêtruska, mặc dầu họ mặc thay cho lễ phục những chiếc áo chẽn bằng dạ xanh dệt lấy. Nữ chủ nhân chạy ra thềm. Đẹp lộng lẫy, nước da chẳng khác màu hoa huệ và hoa hồng, bà ta giống Platônôp như hai giọt nước; chỉ khác một điều là không có vẻ uể oải như em trai, mà lại vui vẻ và cởi mở.

- Chào chú, chú đến chơi chị mừng quá. Anh Kônxtantin đi vắng, nhưng sắp về ngay đây.

- Anh ấy đi đâu?

- Đi có việc ở ngoài xóm, bà ta vừa nói vừa đưa khách vào nhà.

Tsitsikôp tò mò muốn xem xét chỗ ở của con người phi thường thu được những hai mươi vạn rúp lợi nhuận trong việc khai thác điền trang. Y định căn cứ vào nhà ở mà suy ra các đức tính của chủ nhân; như người ta căn cứ vào vỏ sò để phục hồi con sò hay con ốc, trước kia đã ở trong vỏ và để lại dấu vết ở đấy. Nhưng tòa nhà không cho phép người ta phỏng đoán được điều gì cả. Các phòng đều giản dị hết sức, trống trải nữa là khác; không có bích họa, không treo tranh, không có tượng đồng, không có hoa, không có tủ ngăn đựng đầy đồ sứ; thậm chí sách cũng không có nốt. Nói tóm lại, tất cả đều cho thấy rằng đời sống của con người trú ngụ nơi đây trôi qua trên đồng áng nhiều hơn là giữa bốn bức tường; rằng người ấy không suy nghĩ xếp đặt từ trước các kế hoạch của mình trong khi ngồi thoải mái bên lò sưởi, trong một chiếc ghế bành êm ấm; mà những kế hoạch đó nảy ra trong trí y ngay trên địa bàn hành động. Trong các phòng, Tsitsikôp chỉ có thể nhận thấy những dấu vết của một bàn tay phụ nữ; trên các bàn, các ghế có những tấm ván gỗ bồ đề dùng để phơi các loại cánh hoa.

- Phơi đồ gì mà bẩn thế này, hở chị? Platônôp hỏi.

- Sao, đồ bẩn à! Nữ chủ nhân đáp. Này nhá, đây là phương thuốc

hiệu nghiệm nhất để chữa sốt; năm ngoái bao nhiêu nông dân ốm chữa thuốc này đều khỏi cả đấy. Những cỏ này sẽ thành một chất rượu mùi rất ngon, còn những cây kia dùng làm hương liệu cho các món thịt ướp. Các ngài lúc nào cũng nhạo báng các thứ mứt với thịt ướp; nhưng sau đó nếm xong lại khen lấy khen để.
Platônôp đến cạnh chiếc dương cầm, xem các bản nhạc.
- Trời ơi! Toàn những của cũ rích! Chị không biết ngượng hay sao?
- Chú bỏ qua cho chị, chị làm gì có thì giờ. Chị có đứa con gái lên tám, và ý chú thế nào không biết, chứ chị thì không đời nào đi giao nó cho một bà gia sư ngoại quốc với mục đích duy nhất là dành thì giờ rỗi mà chơi nhạc.
- Chị dạo này đâm ra cau có tợn, thật đấy! Platônôp vừa nói vừa ra cửa sổ. Anh ta đây rồi, anh ta đây rồi! chàng bỗng kêu lên.
Tsitsikôp vội vàng ra cửa sổ và trông thấy một người trạc tứ tuần, nhanh nhẹn, da rám nắng, đội mũ lưỡi trai bằng nhung, mặc áo vét bằng lông lạc đà. Có thể thấy rõ là ông ta không chú ý đến cách ăn mặc. Đi cạnh ông ta là hai người dân, cũng mũ lưỡi trai cầm tay, vừa đi theo vừa nói chuyện; một người là nông dân; người kia là một tay đầu cơ, buôn nước bọt, ở đâu ghé qua vùng này, mặc caftan xanh. Cả ba người dừng lại bên thềm; trong nhà có thể nghe rõ câu chuyện họ đang nói.
… Các anh cứ xin chủ các anh cho chuộc mình lại thì hơn. Ta sẽ cho vay tiền, các anh sẽ trả bằng lực dịch.
- Không Kôxtantin Fiôđôrôvits ạ, chuộc mình làm gì? Ông cứ lấy chúng tôi vào làm đi. Làm với ông thì học khôn được nhiều. Tiếc thay thời buổi này không sao giữ mình được. Bọn chủ quán chúng nó dọn những thứ rượu quỷ quái, uống một cốc là muốn nốc thêm cả một vại. Chưa kịp định thần thì trong túi đã không còn lấy một xu. Vô khối những cám dỗ. Chắc quỷ Xa tăng đang cai quản thiên hạ, thật đấy! Người ta dùng đủ thứ để lung lạc dân cùng: nào thuốc lá, nào đủ các thứ khác. Biết làm thế nào được, hở Kônxtantin Fiôđôrôvits? Con người ta vốn dĩ yếu đuối, không có sức cưỡng lại.
- Hãy nghe kỹ những điều ta nói đây. Ở nhà ta không phải muốn

làm gì thì làm đâu. Quả tình, vào làm một cái là được lĩnh ngay một lúc cả bò lẫn ngựa, đủ thứ; nhưng ngược lại, không chủ nào khó tính như ta đâu. Trước hết phải làm việc, làm cho bản thân hay làm cho ta cũng thế, nhưng ta không cho phép ai được chây lười hết. Chính ta cũng làm khỏe như bò mộng, và nông dân của ta cũng thế; vì ta đã có kinh nghiệm, anh bạn ạ, chỉ khi nào ngồi không, người ta mới nảy ra những ý nghĩ dại dột. Bàn với nhau cho kỹ đi đã rồi hẵng quyết định.

- Chúng tôi đã bàn cả rồi, Kônxtantin Fiôđôrôvits ạ. Các cụ già đã bảo là nông dân của ông người nào cũng giàu, không phải vô cớ mà được như thế. Với lại các linh mục của ông biết thương người lắm. Linh mục bên chúng tôi bị người ta đem đi cả, không còn ai để mà chôn cất người chết nữa.

- Thế nhưng cứ hãy về nói chuyện với bà con đi đã.

- Vâng ạ.

- Kìa ông Kônxtantin Fiôđôrôvits, ông làm ơn… ông bớt cho một ít; tên buôn nước bọt mặc caftan xanh nói.

- Ta không thích mặc cả, ta đã bảo mà. Ta không phải là hạng trang chủ mà anh đến gặp đúng vào lúc sắp phải trả nợ đâu. Ta biết rõ bọn các anh lắm; các anh có đủ danh sách các trang chủ mắc nợ, có cả ngày hẹn trả nợ nữa. Đơn giản lắm. Bị nợ thúc sau đít, thì các anh muốn mua gì mà người ta chẳng bán rẻ gấp đôi. Nhưng ta thì ta có cần gì tiền của anh? Nông sản của ta, ta cứ để đấy ba năm cũng được; ta có nợ gì ngân hàng Lomba đâu.

- Ông nói rất đúng đấy, ông Kônxtantin Fiôđôrôvits ạ. Tôi nói thế chỉ để kết giao với ông mà thôi. Đây, ông nhận cho một nghìn rúp tiền đặt cọc.

Tên buôn nước bọt rút trong ngực ra một tập giấy bạc cáu ghét. Kôxtanjôglô điềm nhiên cầm lấy và đút luôn vào túi sau áo dài, không đếm.

"Hừm! - Tsitsikôp nghĩ thầm - cứ như một chiếc khăn mùi soa vậy!"

Kôxtanjôglô hiện ra ở ngưỡng cửa phòng khách. Nước da rám nắng, mớ tóc rễ tre đen nhánh, bạc từng đám, mặc dầu chủ nhân chưa đến tuổi bạc đầu; cái nhìn tinh anh và cái phong thái hơi hách

dịch - dấu hiệu của một khí huyết bồng bột và của một dòng máu phương Nam - lại càng làm cho Tsitsikôp ngạc nhiên. Kôxtanjôglô không hẳn là người Nga, nhưng cũng không biết rõ gốc gác tổ tiên của mình vì không hề quan tâm đến gia phả, cho đó là một việc thừa, không có giá trị thực tiễn. Ông ta vẫn yên trí rằng mình là người Nga, và không biết thứ tiếng nào ngoài tiếng Nga.
Platônôp giới thiệu Tsitsikôp. Hai người ôm quàng lấy nhau.
- Anh Kônxtantin ạ, để chữa cái chứng ưu uất của tôi, tôi định đi du lịch đây; Platônôp nói; ông Paven Ivannôvits đây rủ tôi cùng đi với ông ta.
- Hay lắm! Kôxtanjôglô nói. Các ông định đi những đâu? hắn quay sang phía Tsitsikôp nói tiếp, vẻ hòa nhã.
- Xin thú thật - Tsitsikôp nói, duyên dáng nghiêng đầu về một bên, vừa nói vừa vuốt vuốt lên tay ghế bành - hiện tôi đi việc người khác nhiều hơn là việc tôi; tướng quân Betrisep, bạn thân và có thể nói là ân nhân của tôi, có nhờ tôi đi thăm họ hàng… Họ hàng dĩ nhiên cũng có phần quan trọng; nhưng đi như thế cũng được việc cho tôi, vì chưa kể đến cái lợi về phương diện vệ sinh, được đi xem cảnh thế gian và trông thấy những cảnh thế sự thăng trầm cũng dường như có được một pho sách sống, một vốn khoa học thực nghiệm.
- Phải, có nhiều nơi đáng xem lắm.
- Ông nói rất phải. Người ta được thấy những cái mà giá không đi thì không thấy được, được gặp những người mà giá không đi thì không gặp được. Có những buổi nói chuyện đáng giá nghìn vàng, như dịp này đây, chẳng hạn… Tôi muốn nhờ đến ông, ông Kônxtantin Fiôđôrôvits đáng kính ạ; ông hãy chỉ cho tôi, hãy dạy cho tôi, hãy thỏa mãn lòng khát khao hiểu biết của tôi. Tôi mong chờ những lời chỉ bảo của ông như mong chờ một thứ nước cam lộ.
- Nhưng tôi biết gì mà mách bảo ông? Kôxtanjôglô nói, vẻ lúng túng. Tôi có học thức gì đâu.
- Sự khôn ngoan, thưa ông, sự khôn ngoan; cái nghệ thuật nắm tay lái trong một công việc khó khăn như việc khai thác nông nghiệp, nghệ thuật thu những món lợi nhuận đích đáng, kiếm được những

của cải thực sự chứ không phải ảo tưởng, đồng thời làm tròn nhiệm vụ của người công dân, xứng đáng để đồng bào kính trọng.
- Ông ạ, Kôxtanjôglô vừa nói vừa nhìn Tsitsikôp trong khi y suy nghĩ, ông cứ ở lại nhà tôi một hôm. Tôi sẽ chỉ ông thấy rõ mọi việc tiến hành ra sao. Ông sẽ thấy chẳng có bí quyết gì ghê gớm cả.
- Phải đấy, mời ông ở lại đây, nữ chủ nhân nói đoạn quay sang em trai bảo thêm: Chú ở lại đây với anh chị; có việc gì vội đâu.
- Tôi thì thế nào cũng được. Ông Paven Ivannôvits nghĩ sao?
- Tôi cũng thế, tôi rất sẵn lòng ở lại… Duy chỉ có một điều này; một người bà con của tướng quân Bêtrisep, một ông đại tá Kôskariôp nào đấy…
- Nhưng ông ta dở hơi lắm.
- Rất có thể. Tôi cũng chẳng thiết gì đến thăm ông ta; nhưng tướng quân Bêtrisep, bạn thân và có thể nói là ân nhân của tôi…
- Nếu thế thì dễ lắm, Kôxtanjôglô nói. Ông cứ đến nhà ông ta đi, chỉ non mười vexta thôi. Xe của tôi đã thắng sẵn; ông đi ngay đi, rồi về đây dùng trà là vừa.
- Thế thì hay quá! Tsitsikôp vừa nói vừa cầm lấy mũ.
Y lên xe và nửa giờ sau đã đến nhà ông đại tá. Cả làng đang rối beng lên: những ngôi nhà đang xây dở, những đống vôi, gạch và xà gồ bừa bãi khắp các lối đi. Một dãy nhà trông giống như những công sở; trên một ngôi nhà có đề chữ vàng: *Kho cơ khí nông nghiệp;* một nhà khác đề: *Kế toán trung ương;* rồi lại: *Ủy ban nông vụ; Trường trung học nông dân*, và có trời biết là còn những gì nữa {*Kôskariôp là chân dung biếm họa của hạng người thuộc phái Tây phương chỉ canh tân có cái vỏ bên ngoài*}.
Tsitsikôp tìm thấy đại tá trong văn phòng của trang ấp, đứng trước một bàn viết, răng cắn cây bút lông ngỗng. Kôskariôp trông có vẻ rất phúc hậu, thuộc hạng người hòa nhã nhất đời. Ông ta tiếp Tsitsikôp khá ân cần và trình bày cho y nghe tất cả những khổ công của mình để làm cho điền trang hưng thịnh như ngày nay. Giọng ai oán, ông ta than phiền là đã gặp rất nhiều khó khăn để cố làm cho kẻ quê mùa biết được những lạc thú cao quý mà nếp sống văn minh tao nhã, nghệ thuật, hội họa có thể đem đến cho con người; ông ta đã tốn bao nhiêu công sức mà đàn bà trong làng còn

vẫn chưa chịu mặc coócxê; trong khi ở Đức, nơi ông đã cùng trung đoàn đóng quân năm 1814, con gái một người giữ cối xay cũng biết đánh dương cầm.
Nhưng mặc dầu sự dốt nát cứ một mực cưỡng lại, một ngày kia nông dân làng ông cũng sẽ vừa cày ruộng, vừa đọc tập *Nông ca {Tác phẩm của thi hào La mã Vecjiliux (71-19 trước CN) ca tụng nghề nông, nổi tiếng nhất trong văn học thế giới về loại thơ lấy chủ đề ấy}* hay một cuốn sách nói về ống thu lôi của Franklin hay về phân tích hóa học chất đất.
"Cứ tin vào! Tsitsikôp nghĩ thầm. Mình đây cũng chưa có thì giờ đọc hết cuốn *Công tước phu nhân đơ la Valie {Tiểu thuyết của nữ sĩ Pháp đơ Jăngliх, hồi đầu thế kỷ XIX là nhà văn ngoại quốc mà tác phẩm được dịch ra tiếng Nga nhiều nhất}* nữa là!".
Ông đại tá còn thuyết lý tràng giang, đại hải một hồi về cách đưa nhân dân vào đời sống phồn vinh. Theo ý ông ta, cách ăn mặc có một tầm quan trọng lớn lao: ông ta đem tính mạng ra thề rằng chỉ cần làm sao cho mujik Nga mặc quần kiểu Âu châu, là khoa học sẽ tiến bộ, thương nghiệp sẽ phồn thịnh và một thời đại hoàng kim sẽ bắt đầu ở Nga.
Tsitsikôp vừa kiên nhẫn nghe Kôskariôp nói, vừa nhìn vào tận mắt ông ta. Cuối cùng y tự nhủ: "Với thằng cha này thì không cần dè dặt làm gì!". Y liền nói thẳng ra là hiện y đang cần một số nông dân, và có lập văn khế đúng thể thức quy định.
- Cứ theo như những lời ông, ông đại tá thản nhiên hỏi, thì hình như đây là một cuộc điều tra, phải không?
- Đúng thế.
- Nếu thế ông viết giấy trình bày cuộc điều tra đi. Giấy sẽ đưa Phòng báo cáo và thỉnh nguyện, phòng này ghi ý kiến vào rồi chuyển cho tôi; sau đó sẽ gửi đến Ủy ban nông vụ; chữa xong sẽ giao cho viên quản lý. Viên này, sẽ cùng với viên thư ký…
- Xin lỗi! Tsitsikôp kêu lên, thế thì dây dưa biết đến bao giờ mới xong! Với lại viết giấy thế nào được? Đây là một việc khá đặc biệt… Những nông phu đây, về một phương diện nào đó, là những nông nô đã… hết sống rồi.
- Không thể được. Tuy đã chết, chúng vẫn phải có vẻ như là còn

sống.
- Được, vậy thì viết: *Cần phải, người ta đòi hỏi, người ta muốn* rằng chúng có vẻ như còn sống. Thủ tục này không thể thiếu được. Cứ xem nước Anh và bản thân Napôlêông thì rõ. Tôi sẽ cho một sai nhân đưa ông đi thăm khắp các nơi.
Ông ta rung chuông. Một người bước vào. Đó là viên thư ký.
- Thư ký, gọi sai nhân vào đây cho ta!
Sai nhân vào, người dở nông dân, dở sai nha.
- Hắn sẽ đưa ông đến những nơi cần thiết nhất.
Tò mò, Tsitsikôp đi ngay theo sai nhân để xem những nơi cần thiết ấy. Phòng báo cáo và thỉnh nguyện chỉ có cái biển; cửa đóng, trưởng phòng là Khruliôp đã được thuyên chuyển sang Ủy ban xây dựng, một ủy ban mới thành lập. Người hầu buồng Bêrêđôpxki ngồi ghế trưởng phòng, nhưng cũng đang công cán do Ủy ban xây dựng sai phái. Họ đến hỏi ở Ủy ban nông vụ; bộ phận này đang trong quá trình cải tổ; một gã say rượu bị họ đánh thức dậy không cung cấp được tài liệu gì.
- Ở đây đang rối tinh lên như nhà vô chủ, cuối cùng sai nhân nói với Tsitsikôp. Ông chủ bị người ta xỏ mũi kéo đi. Ủy ban xây dựng bạ cái gì cũng xen vào; nó làm cho người ta phải bỏ công bỏ việc, nó muốn sai ai đi đâu thì sai. Chỉ có lợi cho những người trong ủy ban mà thôi.
Rõ ràng là kẻ sai nhân thù Ủy ban xây dựng lắm. Tsitsikôp không muốn xem gì thêm nữa. Trở về, y nói với ông đại tá là không tài nào hiểu được tí gì trong cái mớ hỗn độn ấy cả; phòng báo cáo không làm gì có, còn Ủy ban xây dựng thì là sào huyệt của một bọn cướp.
Ông đại tá, nổi lên một cơn phẫn nộ cao quý, siết chặt tay Tsitsikôp để tỏ lòng biết ơn. Vớ ngay lấy bút ông ta viết tám câu chất vấn nghiêm khắc. Ủy ban xây dựng có quyền gì mà tự tiện sử dụng những viên chức không thuộc ban của mình? Làm sao viên tổng giám đốc lại có thể để cho một viên trưởng phòng đi vắng mà không bàn giao công việc lại cho ai cả? Làm sao Ủy ban nông vụ lại có thể dửng dưng trước sự không tồn tại của Phòng báo cáo? "Tha hồ mà nát bét!", Tsitsikôp tự nhủ, và muốn ra về ngay.

- Không, tôi không thể để ông ra đi như thế được. Đây là vấn đề danh dự của tôi. Tôi sẽ cho ông thấy rõ thế nào là một tổ chức kinh tế nông nghiệp hợp lý. Việc của ông sẽ được giao cho một người mà năng lực bằng tất cả mọi người khác, lo liệu: nó tốt nghiệp Đại học. Tôi có những nông nô như thế đấy! Để khỏi mất thì giờ vàng ngọc, xin mời ông chờ cho một lát ở thư viện - ông đại tá vừa nói vừa mở một cánh cửa bên, ở đấy có giấy, bút mực, bút chì. Ông cứ việc dùng: ông là chủ nhân ở đây. Ánh sáng văn hóa phải thấu đến mọi người.

Thư viện là một gian phòng rộng thênh thang; quanh tường, sách bày suốt từ sàn nhà lên đến trần. Lại còn có cả những động vật nhồi rơm. Sách thuộc đủ các ngành; lâm nghiệp, chăn nuôi, làm vườn; có những tạp chí chuyên môn về đủ các vấn đề, loại tạp chí mà người ta chỉ đặt mua, chứ chẳng ai đọc cả. Thấy những sách, báo này chẳng có gì hấp dẫn, Tsitsikôp tìm sang một tủ khác. Lại thất vọng: đó là sách triết học. Sáu pho sách to tướng hiện ra trước mắt y, nhan đề là: *Dẫn luận khai tâm vào lĩnh vực tư tưởng. Lý luận về tính khái quát, về tổng thể và về bản chất; ứng dụng vào việc lý giải những nguyên lý hữu cơ của sự giải thể tương hỗ của sức sản xuất xã hội*. Giở trang nào cũng thấy nói toàn những *hiện tượng, tiến hóa, trừu tượng, trực giác, đặc chất* và những gì gì nữa, có trời biết. "- Của này không phải dành cho hạng mình". Tsitsikôp nghĩ thầm và quay sang một tủ thứ ba. Tủ này đựng sách về mỹ thuật. Paven Ivannôvits lấy ra một pho lớn, những bức tranh khỏa thân vẽ theo đề tài thần thoại khiến y chú ý. Loại tranh này rất hợp khẩu vị của những kẻ độc thân đã có tuổi ít nhiều, và đôi khi cũng vừa ý những ông già thường hứng tình khi xem vũ kịch ba lê hay những trò kích thích khác. Xem kỹ hết pho sách này, Tsitsikôp toan lấy một cuốn khác cũng về loại ấy; thì bỗng thấy đại tá Kôskariôp bước vào, vẻ hoan hỉ, tay cầm tờ giấy.

- Xong xuôi cả rồi, mà xong xuôi một cách hoàn hảo! Con người mà tôi đã nói chuyện với ông quả là một thiên tài. Cho nên tôi đánh giá hắn ta cao hơn hết thảy mọi người và sẽ lập riêng cho một mình hắn cả một nội các. Ông xem, trí tuệ minh mẫn biết bao, và chỉ có mấy phút là đã giải quyết được mọi việc!

“Đội ơn Chúa!”, Tsitsikôp nghĩ thầm và chuẩn bị nghe. Ông đại tá bắt đầu đọc.
“Sau khi suy nghĩ về cái công vụ mà Tướng công đã giao phó cho tôi, v.v… v.v… tôi lấy làm hân hạnh được trình rằng:
“Một là đơn thỉnh cầu của quan tư vấn bộ Paven Ivannôvits Tsitsikôp có một điều làm người ta hiểu lầm, vì do một sự sơ xuất, những nông phu đăng ký sổ đinh trong đơn lại gọi là linh hồn chết. Có lẽ ý quan tư vấn muốn nói rằng đó là những linh hồn đã gần cõi chết, chứ không phải đã chết rồi. Chỉ cách gọi đó đủ chứng tỏ một vốn học thức kinh nghiệm chủ nghĩa, có lẽ chỉ đóng khung trong khuôn khổ một trường xã; vì linh hồn vốn dĩ bất diệt…”
- Thằng xỏ lá! Kôskariôp ngừng đọc, và nói vẻ khoan dung. Hắn châm chọc ông một chút đấy. Nhưng chắc ông cũng phải nhận là lời văn lưu loát thật!
“- Hai là trong trang ấp không nông phu nào có tên trong sổ đinh, dù là gần chết hay không, mà chưa bị cầm cố vì tất cả, không trừ một tên nào, đều không những đã bị cầm, mà còn bị cầm lại một lần thứ hai nữa, với một giá tiền tăng lên một trăm năm mươi rúp mỗi đầu người; trừ một thôn nhỏ là Gurmailôpka, đang ở trong tình trạng tranh chấp sau một vụ kiện với trang chủ Prêđisep, cho nên hiện đang ở dưới sự kiểm soát của tòa án, theo thông tư đăng trong *Nhật báo Mạc-tư-khoa* số 42”.
- Sao ông không nói ngay? Sao ông lại giữ tôi lại vì những chuyện nhảm như thế? Tsitsikôp bực tức kêu lên.
- Nhưng phải để ông thấy rõ tất cả những việc đó trong những thể thức thỏa đáng chứ. Nếu không thì chẳng có nghĩa lý gì. Bất cứ thằng ngốc nào cũng có thể nhìn nhận sự việc một cách vô ý thức: nhưng điều quan trọng là phải nhận thức cho rõ.
Paven Ivannôvits tức giận vồ lấy mũ và bất chấp phép xã giao, đi thẳng ra cửa. Người xà ích ngồi đợi trên chiếc xe ngựa, sẵn sàng lên đường; y biết là không cần tháo ngựa làm gì, vì muốn có thóc cho ngựa ăn phải viết đơn xin, và đến hôm sau mới có quyết nghị cấp thóc. Tuy vậy, ông đại tá cũng chạy ra, giằng lấy tay Tsitsikôp siết lên ngực mình, cảm ơn y đã giúp ông ta có dịp thấy rõ thủ tục được tiến hành ra sao; cần phải lay tỉnh các nhân viên, quở mắng

họ, vì mọi việc có thể bị bỏ bê ra đấy, và bộ máy quản trị có thể han gỉ và yếu đi; việc vừa xảy ra đã gợi cho ông ta một ý rất hay, là lập thêm một ủy ban mới gọi là *Ủy ban giám sát ủy ban xây dựng*; làm như vậy thì không còn ai dám ăn cắp nữa.
Tsitsikôp ra về, lòng rất bực tức về chuyến đi; trời đã tối mịt, trong nhà nến đã thắp từ lâu.
- Sao ông về muộn thế? - Kôxtanjôglô hỏi khi y bước qua ngưỡng cửa.
- Ông làm gì với lão ấy mà lâu thế? Platônôp hỏi thêm.
- Từ bé đến giờ tôi chưa hề gặp người nào ngốc như vậy! Tsitsikôp đáp.
- Chưa thấm vào đâu, Kôxtanjôglô nhận xét. Kôskariôp là một hiện tượng lý thú. Hắn cần thiết để phản ánh, dưới một hình thức biếm họa, những thói dở hơi của các trí tuệ khôn khéo ở nước ta; việc mình thì không biết, chỉ lo đua đòi những thói rởm nhập từ đâu đâu về. Thời buổi bây giờ các trang chủ họ thế đấy; họ lập phòng này, sở nọ, lập nhà máy, trường học và những gì gì nữa có quỷ biết được. Sau năm 1812 {*Năm 1812 là năm quân của Napôlêông, hoàng đế Pháp xâm lược và tàn phá nước Nga*}, nước ta đã phục hồi ít nhiều; còn bây giờ thì cứ thi nhau mạnh ai người ấy đảo lộn cả lên và đảo lộn còn tệ hơn bọn Pháp nữa, vì bây giờ một lão Piôtr Pêtrôvits Pêtukh cũng được tiếng là trang chủ giỏi.
- Nhưng ông ta cũng cầm hết tài sản rồi. Tsitsikôp nói.
- Phải, bao nhiêu của cải vào tay ngân hàng Lomba hết. - Nói đến đấy, Kôxtanjôglô bắt đầu cáu tiết lên. - Họ mở xưởng làm mũ, làm nến; họ thuê thợ tận Luân Đôn về; họ thành ra những nhà doanh nghiệp. Một người quý tộc mà lại đi làm nến và còn khối thứ nữa,… mua máy dệt về dệt sa, dệt lụa bán cho bọn gái tơ ở thành phố!...
- Nhưng anh cũng có xưởng máy đấy thôi, Platônôp bẻ.
- Lỗi tại ai? Nó tự mọc lên đấy chứ; lông cừu cứ ứ lại, không sao tiêu thụ được. Tôi mới bắt đầu dệt nỉ, loại nỉ thô, dày cho nông dân của tôi dùng; họ mua tại chỗ, giá hạ. Từ sáu năm nay, dân chài vứt vảy cá lên bờ nhà tôi, tôi biết làm gì? Tôi mới bắt tay sản xuất keo dán, thu được bốn vạn rúp. Việc gì cũng đều như thế cả.

“Thằng cha cừ thật! Tsitsikôp vừa nghĩ thầm vừa nhìn chằm chằm vào tận mắt Kôxtanjôglô. Quả hắn biết cách làm giàu!”
- Và sở dĩ tôi quyết định làm những việc đó, là vì không làm thì sẽ có nhiều dân lao động chết đói, do mất mùa, nhờ ơn các ngài trang chủ sính công nghệ đã quên mất thời vụ gieo hạt. Những xưởng chế tạo như thế thì ở ấp tôi chẳng thiếu đâu chú ạ. Mỗi năm lại mọc thêm một cái, tùy theo cái khối những rác, bã ùn lại. Ai mà chăm chú theo dõi việc làm ăn của mình thì có thể thu lợi từ mỗi cái rác, bã mà thường người ta vứt đi, cho là vô ích! Vì tôi có xây dựng những lâu đài có hàng cột với mặt hiên tam giác để dùng những cặn bã ấy đâu.
- Thật là phi thường!... Lạ nhất là mỗi thứ cặn bã đều có thể sinh lợi, Tsitsikôp nói.
- Phải, nhưng với điều kiện là phải nhìn nhận sự việc một cách đơn giản, có thế nào cứ biết như thế. Khốn thay, ai nấy đều muốn làm người thợ cơ khí kia; ai nấy đều muốn mở tráp với một thứ khí cụ gì đó trong khi cứ thế tráp cũng đã mở ra rồi. Pêtukh lại đi cả sang Anh về việc ấy nữa! Rõ đồ ngốc… Làm như là đi ngoại quốc về một chuyến không ngu hơn trước gấp trăm lần đi à?
Nói đoạn, Kôxtanjôglô tức giận khạc nhổ.
- Kìa, anh Kôstantin, anh lại nổi giận rồi; bà vợ lo lắng trách chồng. Anh cũng biết là như thế rất có hại cho anh kia mà!
- Thấy những chuyện như thế thì dễ có tấm lòng người Nga nào mà không sôi lên vì căm phẫn? Ngày nay cái phẩm chất Nga đang hỏng đi, thật đáng phàn nàn; bây giờ nó đã nhuốm chủ nghĩa Đông Kysôt, điều trước kia chưa bao giờ thấy! Say mê học vấn chăng? Người ta liền trở thành một Đông Kysôt của học vấn; người ta mở những trường học mà đến một thằng ngu cũng không tưởng tượng nổi. Trường sẽ đào tạo ra những kẻ vô tích sự, dù ở thành thị hay ở thôn quê cũng chẳng được việc gì; những đứa say rượu mồm diễn thuyết về ý thức tự trọng. Làm việc từ thiện chăng? Người ta liền thành ra một Đông Kysôt của lòng vị tha; người ta tiêu bạc triệu để dựng lên những bệnh viện kỳ quái, những tòa nhà đầy những cột, tự mình làm mình khánh kiệt và không đầy một tuần lễ, tất cả những người giúp việc đều ra đứng đường, túi không có được một

kôpek. Thật là một thứ từ thiện đẹp đẽ.
Tsitsikôp không hề quan tâm đến học vấn; y chỉ muốn biết tường tận cách làm cho mỗi chút cặn, bã đều sinh lợi. Nhưng Kôxtanjôglô không để cho y thêm một câu nào; ông ta không sao giữ lại nổi những lời lẽ bực dọc đang tuôn ra.
- Người ta cứ tự hỏi không biết làm thế nào cho nông dân được hưởng ánh sáng học vấn… hẵng làm cho họ giàu lên đã; làm cho họ thành người thợ cày giỏi, rồi sau đó họ sẽ tự học lấy. Ông không thể tưởng tượng được thiên hạ đã ngu muội đến thế nào! Bọn văn sĩ nhảm của chúng ta ngày nay đang viết những gì? Vì hễ có quyển sách nào ra là mọi người đều vồ lấy… Người ta vẫn thường nói thế này: "Nông dân sống một cuộc đời quá ư đơn giản; phải làm cho họ biết những vật xa xỉ, gợi cho họ những nhu cầu cao hơn thân phận họ". Chính những kẻ đó, đã vì lối sống xa xỉ kia mà thành ra những đồ giẻ rách, làm mồi cho đủ các thứ bệnh; và không còn lấy một thằng nhãi ranh mười tám tuổi nào, mà lại chưa nếm đủ mùi đời! Gớm chửa! Mồm các anh đã rụng hết cả răng; đầu các anh đã hói trụi như cái bong bóng; vì thế bây giờ các anh muốn đổ bệnh cho nông dân ta phỏng! Ơn Chúa, ít nhất ta cũng còn được một giai cấp lành mạnh, không biết đến những thứ tế nhị, văn minh ấy! Người dân cày là kẻ đáng kính nhất ở nước ta. Tại sao lại động đến họ? Cầu Chúa cho mọi người đều giống họ!
- Thế ông cho rằng làm canh nông lợi hơn sao? Tsitsikôp hỏi.
- Không lợi hơn thì cũng chính đáng hơn. Đã có câu "- *Người sẽ đổ mồ hôi trán ra mà cày cuốc đất đai*" {*Lời trích trong Kinh thánh* ***Sáng thế***}. Không việc gì phải lý sự cùn. Kinh nghiệm của hàng bao thế kỷ đã chứng minh rằng làm nghề nông con người mới đạo đức hơn, trong sạch hơn, cao quý hơn. Tôi không muốn nói rằng không nên làm gì khác nữa, tôi chỉ cho rằng nông nghiệp phải là cái gốc của tất cả mọi sự. Công nghiệp sẽ tự nó phát triển, ít nhất là loại công nghiệp có lý do tồn tại vì đáp ứng những nhu cầu trước mắt của con người, chứ không phải loại công nghiệp phụng sự những lối sống văn minh đang làm cho con người thời này thành mềm yếu. Không cần đến những thứ nhà máy, mà muốn đứng vững và bán chạy sản phẩm phải dùng đến những thủ đoạn ghê

tởm, làm cho dân lành hư hỏng và trụy lạc. Không đời nào tôi đưa vào địa phận tôi những ngành sản xuất phát triển các nhu cầu tinh vi; dù người ta có ca tụng thế nào, và dù tôi có mất lãi đi một triệu cũng vậy. Không, không; không cần đường, không cần thuốc lá! Nếu sự trụy lạc tràn ngập thế gian này, thì quyết không có bàn tay tôi góp phần vào! Tôi chỉ cầu Thượng đế chứng giám cho lẽ phải của tôi… Tôi sống với người mujik đã hai mươi năm nay; tôi biết rõ hậu quả của những mối họa ấy lắm…
- Điều làm cho tôi ngạc nhiên nhất; Tsitsikôp gợi ý; là nếu biết cách, người ta có thể sử dụng những thứ cặn bã, và mỗi vật thải ra đều có thể sinh lợi.
- À phải! Các nhà kinh tế học! Kôxtanjôglô nói, giọng châm chọc chua cay, không nghe lời Tsitsikôp hỏi… chỉ là những thằng ngốc hạng nặng làm đầu têu cho những thằng ngu khác và tầm mắt không xa hơn cái mũi của chúng! Những con lừa đeo kính vào leo lên bục diễn giảng… Một lũ ngu dại!
Giận quá, ông ta lại khạc nhổ một lần nữa.
- Anh nói đúng cả, nhưng anh đừng nổi giận, em van anh; bà vợ nói. Như là cứ nói đến những chuyện ấy, là không thể không nổi khùng lên được!
- Nghe ông, có thể nói là người ta thấu hiểu được ý nghĩa của cuộc đời, Kônxtantin Fiôđôrôvits đáng kính ạ; người ta đi sâu vào thực chất của sự vật. Nhưng hãy xin gác sang một bên các vấn đề khái quát, và xin phép lưu ý ông đến một trường hợp cá biệt. Giả sử sau khi trở thành trang chủ, tôi muốn làm giàu trong một thời gian ngắn, để vì thế mà làm trọn bổn phận công dân của mình, thì tôi phải làm thế nào?
- Làm thế nào để giàu lên ấy à? Kôxtanjôglô hỏi. Thế này nhé…
- Ta đi ăn đi, nữ chủ nhân nói; đoạn đứng dậy, vừa bước ra giữa phòng vừa quấn lên vai một chiếc khăn san, có vẻ sợ lạnh.
Tsitsikôp đứng dậy nhanh nhẹn gần như một quân nhân, đến cạnh nữ chủ nhân với vẻ lịch thiệp của một người thượng lưu, giơ tay cho bà ta khoác và trịnh trọng đưa bà ta sang phòng ăn; nơi liễn xúp mở nắp và đợi sẵn, tỏa ra hương vị ngon lành của các thứ rau tươi đầu mùa. Mọi người ngồi vào bàn. Bọn gia nhân nhanh nhẹn

dọn tất cả các món ra cùng một lúc, trong những đồ đựng có đậy nắp, cùng với các thứ phụ tùng; rồi lui ra: Kôxtanjôglô vốn không thích để họ nghe chủ nói chuyện và càng không thích có người nhìn mình ăn.

Sau món xúp, Tsitsikôp nốc một cốc nhỏ rượu gì rất ngon, như rượu tôkay, đựng trong chiếc cốc nhỏ, và nói với chủ nhân:
- Xin phép ông cho tôi được nối lại câu chuyện bỏ dở. Lúc nãy tôi có hỏi ông là phải làm thế nào, cách nào là tốt nhất để… {*Chỗ này trong bản thảo thiếu mất một tờ. Trong tập thứ hai của* ***Những linh hồn chết*** *in lần thứ nhất năm 1855, có chú: "Ở đây thiếu mất một đoạn đối thoại giữa Kôxtanjôglô và Tsitsikôp. Có thể đoán rằng Kôxtanjôglô bàn với Tsitsikôp nên mua ấp của một trang chủ ở gần đấy tên là Khlôbuiep"*}
- Một điền trang mà tôi trả ngay bốn vạn rúp, không do dự, nếu họ đòi ngần ấy!
- Hừm! Tsitsikôp đâm ra ngẫm nghĩ rồi nói - Thế tại sao ông không mua lấy? Hắn hỏi, vẻ hơi rụt rè.
- Phải biết tự hạn chế mình chứ. Cứ thế này tôi cũng đã bận lắm rồi. Thế mà các trang chủ nhà ta cũng đã nói xấu tôi, bảo là tôi lợi dụng lúc họ túng quẫn và sạt nghiệp để mua đất với giá rẻ mạt. Tôi ngấy lắm rồi.
- Sao con người ta hay nói xấu thế nhỉ! Tsitsikôp nói.
- Mà trong tỉnh này, thói ấy lại hơn những nơi khác… Người ta độc gọi tôi là đồ hà tiện, đồ keo kiệt, đồ bủn xỉn. Về việc gì các ngài ấy cũng có cách tự biện bạch. Một người nói: "Tôi đã tự làm mình phá sản, đúng thế; nhưng đó là vì tôi muốn thỏa mãn những nhu cầu cao cấp của đời sống, vì tôi đã khuyến khích các nhà công nghệ (nghĩa là bọn bịp bợm ấy mà). Dĩ nhiên người ta có thể sống như con lợn, theo kiểu Kôxtanjôglô".
- Tôi chỉ mong được làm một con lợn như thế! Tsitsikôp nói.
- Những chuyện ấy thật là vô lý. Những nhu cầu cao cấp nào? Họ định đánh lừa ai đây? Họ có sách, nhưng họ không đọc. Mọi việc đều kết thúc bằng những ván bài và những cốc sâm banh. Ông ạ,

sở dĩ họ nói thế là chỉ vì tôi không thết tiệc và không cho họ vay tiền. Tôi không thết tiệc, vì tiệc tùng làm tôi bực mình; tôi không quen dự tiệc. Nhưng ai mà đến ăn thường với tôi thì đều là khách quý cả. Còn như chuyện tôi không chịu cho vay tiền thì chỉ là chuyện bịa. Người nào túng quẫn thực sự đều có thể nhờ tôi, cho tôi biết cặn kẽ định dùng tiền làm gì; nếu qua lời lẽ của họ, tôi thấy là họ sẽ dùng tiền vào việc tốt, sẽ thu được lợi ích thực sự, thì tôi không bao giờ từ chối và thậm chí cũng không lấy lãi nữa.
"Chà , chà! Điều này đáng biết lắm đấy!". Tsitsikôp nghĩ thầm.
- Không, không bao giờ tôi từ chối, Kôxtanjôglô nói tiếp. Nhưng phung phí tiền bạc thì tôi không thể làm được. Mẹ kiếp! Một lão nọ thết đãi tình nhân, mua đủ các thứ bàn ghế kỳ quặc bày trong nhà, hay lê la khắp các hội khiêu vũ trá hình với một con đĩ, tổ chức ăn mừng để kỷ niệm một cuộc đời vô ích; thế mà tôi lại phải giúp vốn cho hắn sao?
Nói đến đây Kôxtanjôglô lại khạc nhổ và suýt văng tục ra trước mặt vợ. Một nỗi u uất làm cho gương mặt ông ta tối sầm lại. Trán ông ta hằn lên những nếp nhăn biểu lộ rõ sự tức giận và nỗi bực dọc trong lòng ông ta.
- Thưa ông, xin phép ông được nối lại câu chuyện đang nói dở, Tsitsikôp vừa nói vừa uống thêm một cốc rượu phúc bồn tử thật là ngon. Giả sử tôi trở thành chủ nhân của cái điền trang ông vừa nói chuyện, thì liệu trong bao nhiêu lâu tôi có thể giàu đến mức…
- Nếu ông muốn làm giàu thật chóng; Kôxtanjôglô ngắt lời khách, giọng xẵng và ngắc ngứ; thì không bao giờ giàu được đâu; nhưng nếu ông không quan tâm đến thời gian, thì chẳng mấy chốc ông đã giàu.
- À ra thế! Tsitsikôp nói.
- Phải. – Kôxtanjôglô nói, giọng cục cằn như tức tối với chính Tsitsikôp vậy. - Phải thích làm việc, nếu không sẽ chẳng được cái gì hết. Phải yêu đời sống thôn dã, đúng thế đấy! Và xin ông tin cho rằng đời sống đó không buồn đâu. Người ta bảo sống ở nông thôn không thể nào chịu được…; nhưng tôi thì tôi sẽ chết buồn nếu tôi sống ở thành phố, dù chỉ một ngày thôi, như kiểu các ngài kia, trong những tiệm rượu, những nhà hát, những câu lạc bộ ngu xuẩn

của họ. Toàn một lũ ngốc, một giống lừa! Người ta làm nghề nông không có thì giờ để buồn chán. Cuộc đời của họ lúc nào cũng bận rộn, không lúc nào ngớt. Chỉ nói đến công việc cũng đã là bao nhiêu thứ khác nhau rồi. Mà có phải là những việc tầm thường đâu! Toàn những việc làm cho tâm hồn cao quý lên! Ở đây, con người sống theo thiên nhiên, theo bốn mùa; nó cộng tác với tất cả những gì đang thực hiện trong tạo hóa. Ông thử điểm qua cả một năm làm lụng mà xem: thời gian đón xuân, trong khi mọi vật đều khẩn trương chờ đợi, công việc chuẩn bị gieo hạt, chọn giống, kiểm tra thóc trong kho, phân phố lực dịch. Tất cả đều được xem xét kỹ từ trước và trù tính ngay từ đầu. Và hễ sông ngòi tan băng, đất lộ ra là cái cuốc hoạt động trong các vườn rau, vườn cây ăn quả; cái cuốc bàn, cái bừa làm việc ngoài đồng; người ta trồng, người ta gieo. Gieo những gì, ông có biết không? Gieo cho mùa gặt sắp tới! Gieo hạnh phúc của toàn thể trái đất! Gieo thức ăn nuôi sống hàng triệu người! Mùa hè đến… tiết cắt cỏ rộn rịp… Rồi thì mùa gặt; tiếp theo lúa mạch là lúa mì; rồi đến đại mạch, kiều mạch. Tất cả đều sôi nổi lên; không thể bỏ lỡ một phút; dù có hai chục con mắt trông cũng không xuể. Hội mùa xong, phải đưa lúa vào kho; lại còn công việc cày vụ thu, việc phân phối các kho, vựa, chuồng bọ, cùng một lúc với những công việc của đàn bà; người ta nhìn lại, người ta thấy công việc đã hoàn thành… Rồi đến mùa đông! Đập lúa trên khắp mọi sân; rồi chuyển thóc, từ bục đập lúa vào kho, rồi đẵn và cưa cây, rồi chở gạch và gỗ súc cho những việc xây dựng vào mùa xuân. Người ta đi thăm nhà xay thóc, thăm các xưởng thợ. Thấy một người thợ mộc khéo tay rìu, tôi có thể đứng nhìn hai giờ liền, vì công việc làm cho tôi vui thích. Và nếu ngoài ra, người ta lại thấy rằng tất cả những công việc kia đều lớn lên và nhiều ra, đưa lại thành quả và lợi ích, thì niềm vui thật không tài nào tả xiết! Như vậy không phải vì của cải mình tăng thêm đâu - tiền bạc là chuyện khác - mà vì tất cả những cái đó đều do mình làm ra; vì mình thấy mình là kẻ sáng tạo nắm quyền chi phối mọi việc, là người pháp sư đang gieo rắc quanh mình cảnh dồi dào no ấm. Liệu có thể tìm đâu được một niềm vui như thế? Kôxtanjôglô kết luận; trên khuôn mặt ngẩng cao lên, bao nhiêu nếp nhăn đều đã

biến hết. Tựa hồ một ông vua trong ngày lễ đăng quang, Kôxtanjôglô sáng bừng lên; gương mặt ông ta như tỏa hào quang. - Phải, trong khắp thiên hạ, không tìm đâu ra một niềm khoái lạc như thế! Chính ở đây con người bắt chước Thượng đế: Thượng đế đã dành riêng cho mình sự sáng tạo để làm niềm khoái lạc tối cao và đòi hỏi con người cũng phải sáng tạo ra cảnh phồn vinh quanh mình… Đấy, cái mà người ta gọi là một việc buồn chán, đấy!... Tsitsikôp lắng nghe những lời êm tai này như nghe tiếng hát của một con chim trên thiên đường. Mồm y ứa nước bọt. Cả đôi mắt y cũng ướt và lộ rõ vẻ hoan lạc; y cứ muốn nghe mãi.

- Anh Kônxtantin ạ, hay ta sang phòng khách? Bà Kôxtanjôglô vừa nói vừa đứng dậy. Mọi người đứng dậy theo. Tsitsikôp đưa tay cho bà ta khoác, nhưng dáng điệu y không còn nhanh nhẹn như trước nữa, vì tư tưởng của y đã theo một hướng nghiêm trang hơn.

- Anh nói thế chứ đời sống ở nông thôn vẫn vô vị, Platônôp đang đi phía sau nói.

Kôxtanjôglô nghĩ thầm: "Ông khách này không phải là người ngốc, nghe chuyện chăm chú, ăn nói đứng đắn và không khoác lác." Nghĩ đến đấy mặt ông ta tươi rói lên, tựa hồ những lời của chính mình đã sưởi ấm lòng mình và ông lấy làm mừng là đã gặp được một người có thể nghe hiểu những lời khuyên răn khôn ngoan của mình.

Mọi người đến ngồi trong một gian phòng nhỏ ấm cúng, thắp nến sáng, đối diện với bao lơn và với cửa kính rộng dẫn ra vườn. Trong khi các vì sao ngắm họ từ trên những ngọn cây của khu vườn đang ngủ yên, Tsitsikôp có một cảm giác kỳ thú đã lâu không biết đến. Y ngỡ như đang trở về nhà sau bao nhiêu năm giang hồ phiêu bạt và sau khi đã đạt được đầy đủ mọi nguyện ước, đặt chiếc gậy lữ hành xuống mà rằng: "Thôi, thế là đủ rồi!". Sở dĩ y có được cái tâm trạng phấn chấn ấy là nhờ câu chuyện khôn ngoan của chủ nhà.

Phàm ai cũng có những đề tài liên quan đến mình nhiều hơn, mà mình tha thiết hơn những đề tài khác. Và nhiều khi, đột nhiên ở một nơi hẻo lánh, một chốn ẩn dật thực sự; ta bỗng gặp một người mà câu chuyện khiến ta ấm lòng, quên những đoạn đường khó đi,

những quán trọ tồi tàn, quên tình trạng hỗn loạn vô ích của thời đại, những ảo mộng dối trá của người đời. Một tối chuyện trò như thế sẽ vĩnh viễn khắc sâu vào ký ức. Trí nhớ sẽ trung thành giữ lại tất cả mọi sự tình: những người nghe chuyện, chỗ ngồi của mỗi người, những vật họ cầm trong tay, những bức tường, những góc nhà, những chi tiết vụn vặt nhất.
Tsitsikôp tối hôm ấy cũng thế; y chú ý đến mọi vật: gian phòng xinh xắn bày biện giản dị, vẻ hồn hậu phản ảnh trên gương mặt chủ nhân, cho đến cả màu sắc của những bức thảm treo tường nữa…; cái tẩu; đầu ngậm bằng hổ phách trao cho Platônôp, những đám khói mà chàng ta thở vào mũi con Yarb, những cái rùng mình của con chó; tiếng cười của nữ chủ nhân khả ái với câu nói: "- Thôi, đừng làm khổ nó nữa"; ánh sáng tươi vui của mấy ngọn nến; tiếng con dế rả rích trong một góc phòng; cánh cửa kính; đêm xuân đang ngắm họ từ trên các ngọn cây lốm đốm những vì sao, trong khi tiếng hót du dương của mấy con họa mi thánh thót trong các lùm cây xanh tốt.
- Tôi thích nghe ông nói quá, ông Kônxtantin Fiôđôrôvits đáng kính ạ! Tsitsikôp nói. Tôi dám nói là trên đất nước Nga, chưa có nơi nào tôi gặp được một người có trí thông minh như ông.
Kôxtanjôglô mỉm cười, tự cảm thấy những lời ấy cũng chẳng có gì quá đáng.
- Không đâu, ông Paven Ivannôvits ạ, nếu ông muốn biết một con người thông minh thì ở ta có một con người quả là xứng đáng với danh hiệu đó, tôi chưa thể bén gót chân ông ta được.
- Ai thế à? Tsitsikôp ngạc nhiên hỏi.
- Murazôp, ông chủ thầu thuế rượu mạnh ở tỉnh này.
- Đây là lần thứ hai tôi được nghe nói đến ông ta! Tsitsikôp kêu lên.
- Người ấy cai quản không phải chỉ một điền trang, mà cả một quốc gia đấy. Tôi mà làm vua thì tôi lập tức phong ông ta làm bộ trưởng bộ tài chính.
- Nghe nói đó là một người vượt ra khỏi khuôn khổ bình thường; đâu như ông ta đã có trong tay tới mười triệu.
- Ông ước như thế thì còn xa sự thật. Ông ta có những hơn bốn

mươi triệu. Chẳng bao lâu, một nửa nước Nga sẽ thuộc về ông ta.
- Ông nói gì vậy! Tsitsikôp trợn tròn xoe mắt, kêu lên.
- Sự thật mười mươi đấy. Cũng dễ hiểu thôi. Người nào chỉ có vài chục vạn rúp thì lâu giàu lên lắm; nhưng đối với người có bạc triệu thì địa bàn hoạt động thật là vô biên, dù hắn có vơ cái gì thì bao giờ cũng thu được bằng hai, bằng ba số tiền hắn có. Hắn không còn địch thủ nữa, chẳng ai có thể đọ sức với hắn được. Giá cả do hắn định ra thì không gì có thể thay đổi được nữa; không ai có thể đấu giá với hắn nổi.
- Lạy Chúa tôi! Tsitsikôp vừa nói vừa làm dấu thánh giá. Y nhìn chằm chằm vào mặt Kôxtanjôglô, thở không ra hơi nữa. - Thật không thể tưởng tượng được! Nghĩ mà khiếp đi được! Ngắm một con bọ dừa, người ta thán phục cái tài tình của tạo hóa; còn tôi thì tôi lại càng lấy làm lạ rằng một người phàm trần lại có thể nắm trong tay những số tiền khổng lồ như thế. Ông cho phép tôi hỏi một điều: dĩ nhiên là lúc đầu, cái tài sản này mà có được không phải phạm tội lỗi gì chứ?
- Có được bằng cách không thể chê trách vào đâu được, bằng những phương tiện quang minh, chính đại nhất!
- Tôi không tin! Không thể được! Hàng nghìn rúp thì còn được chứ hàng triệu!...
- Trái lại; kiếm được hàng nghìn rúp bằng cách lương thiện thì khó, chứ hàng triệu thì lại rất dễ. Một nhà triệu phú không cần đến những đường lối quanh co; hắn chỉ cứ việc đi thẳng trước mặt và gặp gì nhặt nấy: người khác không đủ sức làm như vậy; cho nên hắn không có kẻ cạnh tranh! Địa bàn hoạt động thật là vô biên, tôi xin nói như vậy; hắn vớ cái gì cũng là bằng hai, bằng ba tài sản hắn có… Còn với cái vốn nghìn rúp thì lãi được bao nhiêu? Mười phân, hai mươi phân.
- Khó hiểu nhất là ông ta bắt đầu với hai bàn tay trắng!
- Sự thể bao giờ cũng diễn ra như thế, Kôxtanjôglô nói. Kẻ nào sinh ra đã giàu thì sẽ chẳng giàu thêm được, hắn có quá nhiều thói phù phiếm bẩm sinh. Phải bắt đầu từ đầu, chứ không phải từ giữa; bằng những đồng kôpêk, chứ không phải những đồng rúp; từ phía dưới, chứ không phải từ phía trên; chỉ có thế người ta mới học

được cách hiểu rõ người đời và cái môi trường mà người ta sẽ phải tiếp xúc. Sau khi chính bản thân đã nếm đủ vị đắng cay, khi đã biết rằng mỗi đồng kôpêk đều phải làm cật lực mới kiếm được, sau khi đã trải qua đủ các cảnh gian nan; người ta sẽ được huấn luyện và đào tạo thành một người không thể thất bại trong bất cứ việc gì và không thể toi mạng được. Ông hãy tin tôi, sự thật là thế đấy. Phải bắt đầu từ đầu, chứ không phải từ giữa. Kẻ nào nói với tôi: "Cho tôi mười vạn rúp, tôi sẽ làm giàu", kẻ ấy không làm cho tôi tin cậy được; hắn làm cái lối hứ họa, không chắc chắn gì cả. Phải bắt đầu bằng những đồng kôpêk.
- Thế thì tôi cũng sẽ giàu, Tsitsikôp nói, bất giác nghĩ đến các linh hồn chết; vì quả tình tôi cũng bắt đầu với hai bàn tay trắng.
- Anh Kônxtantin, đã đến lúc phải để Paven Ivannôvits đi nghỉ; nữ chủ nhân nói; thế mà anh cứ nói chuyện phiếm mãi.
Không nghe lời vợ, Kôxtanjôglô nói: - Chắc chắn là ông sẽ giàu, vàng sẽ ùn đến tay ông. Ông sẽ không biết làm gì cho hết tiền lời.
Như bị thôi miên, Paven Ivannôvits phiêu diêu trong vương quốc thần kỳ của những giấc mộng đẹp. Ý nghĩ cứ quay cuồng trong óc y. Trên tấm vóc vàng rực của những thu hoạch tương lai, trí tưởng tượng của y thêu dệt nên những hồi văn và mấy tiếng: *vàng sẽ ùn đến*... cứ vang mãi trong tai y.
- Thế đấy, anh Kônxtantin ạ, Paven Ivannôvits cần đi nghỉ.
- Thế thì mình đi ngủ đi!
Kôxtanjôglô ngừng nói vì tiếng gáy rất to của Platônôp vang dội cả gian phòng, và con Yarb cũng ra sức họa theo. Thấy rằng quả nhiên đã đến giờ đi ngủ, chủ nhân lay Platônôp dậy, mồm nói: "Thôi ngáy vừa chứ!" và chúc Tsitsikôp ngon giấc. Mọi người chia tay nhau và chỉ lát sau đã đều ngủ yên cả.
Chỉ mình Tsitsikôp là không ngủ. Óc y tỉnh như sáo. Y nghĩ đến cách trở thành chủ nhân của một điền trang thực sự, chứ không phải tưởng tượng. Sau buổi nói chuyện này, khả năng làm giàu đối với y đã thành quá hiển nhiên. Vấn đề kinh doanh khó khăn đã thành dễ dàng và có thể hiểu được, và thật là thích hợp với tính tình của y. Chỉ có việc gán quách lũ nông dân chết cho ngân hàng Lomba rồi tậu lấy một cái ấp. Chưa chi y đã thấy mình đang áp

dụng những bài học của Kôxtanjôglô hành động nhanh chóng và thận trọng, không chủ trương gì mới mà không am hiểu tường tận tình hình cũ; cái gì cũng xem xét tận mắt, biết rõ từng nông dân một, gạt bỏ mọi việc thừa để chỉ chuyên tâm vào canh tác. Y thưởng thức trước cái thú thấy mọi việc có quy củ, và tất cả những lò xo của bộ máy kinh tế hoạt động tích cực, cái này đẩy cái kia. Công việc sẽ tiến hành trôi chảy, và cũng như trong một cái cối xay quay đều, không biết mệt, hạt thóc biến thành bột, những cặn bã và những mảnh vụn đủ các loại sẽ biến thành tiền lời… Kôxtanjôglô, nhà kinh doanh thần tình, chốc chốc lại hiện lên trước mắt y. Đó là người đầu tiên ở nước Nga mà y kính trọng thực sự; vì xưa nay, y chỉ trọng người vì cấp bậc hay của cải, chứ chưa bao giờ trọng ai vì trí thông minh. Y hiểu rằng với một người như thế thì những mánh khóe thường dùng của y sẽ không ăn thua gì. Một dự định khác khiến y bận tâm: mua lấy trang ấp của Khlôbuiep. Y có một vạn rúp, y định thử vay thêm Kôxtanjôglô một vạn rưỡi nữa, vì Kôxtanjôglô đã tuyên bố là sẵn sàng giúp đỡ bất cứ ai muốn làm giàu; còn thiếu thì y sẽ liệu cách thu xếp, hoặc vay của ngân hàng Lomba, hoặc cứ bắt kẻ bán ấp phải chờ vậy. Có thể như thế được lắm: người bán cứ việc mà đi kiện, nếu hắn muốn!

Tsitsikôp suy nghĩ hồi lâu. Cuối cùng, giấc ngủ, từ bốn giờ rồi, đã ôm ấp cả nhà trong đôi cánh tay - như người Nga thường nói - cũng đến với y, và Paven Ivannôvits ngủ thiếp đi.

Những linh hồn chết

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn
Chương thứ tư

Hôm sau mọi việc đều được dàn xếp hết sức ổn thỏa. Kôxtanjôglô vui lòng cho vay một vạn rúp không lấy lãi, không bắt bảo đảm gì cả, chỉ lấy một tờ biên lai mà thôi; đủ biết ông ta sốt sắng giúp cho mọi người thành trang chủ như thế nào.

Ông ra dẫn Tsitsikôp đi xem khắp cả cơ nghiệp của mình. Không một phút nào bị bỏ phí; không có một chỗ nào sơ suất; nông dân làm gì cẩu thả một chút là có lời nhận xét ngay. Có ai làm ăn nhếch nhác là Kôxtanjôglô, con người trăm mắt, nghìn tai, lập tức chấn chỉnh lại. Không nơi nào thấy có kẻ lười biếng. Vẻ đồng tình và mãn nguyện lộ rõ trên mọi khuôn mặt. Nhờ một lối tổ chức đơn giản mà hoàn thiện, mọi việc đều tự động tiến hành. Lối xen kẽ đồng lúa với rừng cây gây cho Tsitsikôp một ấn tượng rất mạnh. Bao nhiêu việc đã được con người ấy thực hiện, không ồn ào, không cần vạch những kế hoạch phức tạp, cũng không cần biện luận về những phương sách bảo đảm sự phồn vinh cho nhân loại! Ngược lại, người dân thủ đô sống một cuộc đời thật là vô ích, suốt ngày ở trong các phòng khách, tuôn ra những câu chuyện nhạt nhẽo và trượt chân trên những sàn gỗ đánh xi! Tất cả những điều đó đều củng cố cho Paven Ivannôvits cái ý muốn tậu một điền trang.

Kôxtanjôglô tự mình đưa khách đến gặp Khlôbuiep, để cùng xem xét điền trang. Sau một bữa ăn sáng thịnh soạn, cả ba người ngồi vào chiếc xe của Paven Ivannôvits, bấy giờ y đang hết sức cao hứng; chiếc xe hai bánh của chủ nhân đánh không đi theo sau. Con Yarb chạy ở phía trước đuổi chim chóc bay tán loạn. Suốt mười lăm verxta đồng lúa và rừng cây của Kôxtanjôglô kế tiếp nhau. Qua hết rồi là quang cảnh đổi khác ngay: lúa mọc thưa thớt, những gốc cây đã bị đẵn chứ không phải là rừng nữa. Tuy ở một địa thế rất đẹp, cái ấp nhỏ nhắn này không hề được chăm sóc; từ xa đã thấy rõ như vậy. Trước tiên thấy hiện ra một ngôi nhà mới làm bằng đá, không người ở; có thể thấy rõ rằng nó được xây từ mấy năm nay mà vẫn không xong. Phía sau nhà ấy là một nhà khác có người ở. Họ gặp chủ nhân, đầu rối bù, mắt húp, vừa mới ngủ dậy. Ông ta trạc tứ tuần, cà vạt thắt lệch, áo đuôi én vá một miếng, giày thủng một lỗ.

Thấy khách đến, ông ta mừng quýnh như được gặp lại anh em ruột thịt sau một thời gian dài xa cách.
- Kônxtantin Fiôđôrôvits, Platôn Mikhailôvits, quý hóa quá. Thật không ngờ! Không ngờ lại có khách đến chơi! Ai nấy đều tránh tôi như tránh tà, họ chỉ sợ tôi hỏi vay tiền. Chao ôi! Đời sống gay go thật, Kônxtantin Fiôđôrôvits ạ. Vả chăng cũng tại tôi; tôi đã sống như một con lợn. Tôi ăn mặc như thế này mà tiếp các vị, giày thủng cả ra; xin các vị thứ lỗi. Tôi biết lấy gì thết các vị bây giờ?
- Thôi đừng khách sáo nữa. Chúng tôi đến có việc. Tôi đưa đến cho ông một người mua ấp đây: ông Paven Ivannôvits Tsitsikôp, Kôxtanjôglô nói.
- Rất hân hạnh được làm quen với ngài. Xin ngài cho tôi được bắt tay.
Tsitsikôp chìa cả hai tay ra.
- Ông Paven Ivannôvits ạ, tôi cũng muốn cho ông xem một điền trang khả quan. Nhưng… xin lỗi, các vị đã điểm tâm chưa?
- Rồi, rồi; Kôxtanjôglô cắt ngang. Chúng tôi không ở lâu đâu, ta đi xem ngay đi.
- Thế thì xin mời các vị đi xem cảnh lộn xộn và bê trễ nhà tôi.
Khlôbuiep và khách cầm mũ lưỡi trai và cùng đi xem xét điền trang. Họ xem làng mạc trước: một con đường dài hai bên là những túp nhà cũ kỹ, cửa sổ nhỏ xíu, bịt bằng những miếng giẻ rách.
- Xin mời các vị đi xem cảnh lộn xộn và bê trễ nhà tôi, Khlôbuiep nhắc lại. Các vị ăn sáng trước khi đến đây là rất phải. Ông Kônxtantin Fiôđôrôvits ạ, ông thử tưởng tượng là tôi không còn lấy một con gà giò nữa: tình cảnh tôi đến thế đấy.
Ông ta thở dài, và thấy rằng Kônxtantin Fiôđôrôvits chẳng có vẻ gì là ái ngại cho mình, liền đi lên trước với Platônôp, cầm tay chàng siết vào ngực mình. Kôxtanjôglô và Tsitsikôp khoác tay nhau đi sau họ một quãng.
- Gay lắm, Platôn Mikhailôvits ạ, Khlôbuiep nói với Platônôp. Ông không thể tưởng tượng là gay go đến thế nào! Không có tiền,

không có lúa, không có giày; ông chưa biết cái cảnh ấy. Giá còn trẻ trung thì tôi cũng cóc cần; nhưng khi cảnh trắc trở đến với người ta, lúc sắp bước vào tuổi già, lại phải đèo bòng một vợ với năm con, thì dù muốn dù không, cũng nảy ra những ý nghĩ bi quan…
- Nhưng nếu ông bán ấp đi thì sẽ ổn chứ? Platônôp hỏi.
- Chẳng ổn chút nào! Khlôbuiep vừa nói vừa hoa tay, hoa chân. Chỉ vừa đủ trả nợ, còn lại không được nghìn rúp.
- Thế thì ông sẽ làm ăn ra sao?
- Có trời biết được.
- Tại sao ông không trù tính cách gì để cứu vãn tình thế?
- Tôi biết làm cách gì bây giờ!
- Thì ông chỉ cần kiếm lấy một chỗ làm là xong.
- Tôi chỉ là thư ký tỉnh thôi {*Chức quan văn bậc mười hai, ngang với chức trung úy bên quan võ*}. Liệu họ sẽ cho tôi làm gì? Một chức vụ vô nghĩa nào đấy thôi. Liệu họ trả cho tôi được bao nhiêu lương? Năm trăm rúp!
- Ông làm quản lý vậy.
- Ai người ta giao ấo cho tôi? Ấp của tôi, tôi còn phá sạch nữa là.
- Nhưng khi người ta bị nguy cơ chết đói đe dọa, cũng phải mưu tính cái gì chứ. Tôi sẽ hỏi anh tôi xem có kiếm cho ông được công việc gì không, nhờ người nào đấy ở trên tỉnh người ta nói giúp.
- Không xong đâu, Platôn Mikhailôvits ạ, Khlôbuiep vừa nói vừa thở dài và siết chặt cánh tay Platônôp. Tôi không được tích sự gì đâu: tôi đã tàn tạ trước tuổi; đau lưng không dứt được vì hồi trẻ tôi chơi bời quá độ, vai lại tê thấp nữa. Tôi thì làm được cái gì? Tại sao phải phí tiền công quỹ để trả lương cho tôi? Bây giờ không thiếu gì những viên chức chạy theo những chức vụ béo bở. Lạy Chúa, đừng để người ta tăng thêm gánh nặng của kẻ nghèo để lấy tiền trả lương cho tôi!
"Ăn chơi phóng đãng rốt cục là thế đấy! Platônôp nghĩ thầm. Còn tệ hơn cả tình trạng dửng dưng của mình nữa!"
Trong khi họ chuyện trò như vậy, Kôxtanjôglô, đi phía sau với Tsitsikôp, mỗi lúc lại tức giận thêm.
- Ông nhìn mà xem, ông ta vừa nói vừa giơ tay chỉ mấy túp nhà lụp sụp, hắn đã làm cho nông dân cùng khổ đến thế nào! Không có xe

tải, cũng không có ngựa. Ông ạ, gặp cơn dịch tễ thì đừng tiếc của cải nhà mình làm gì; thà bán hết đi mà mua bò, mua ngựa cấp cho nông dân, đừng để họ thiếu công cụ làm ăn một ngày nào cả. Ông biết không, cứ như thế này thì hàng năm cũng chưa bù đắp lại được cái hại đã gây ra. Nông dân đã quen thói biếng nhác và rượu chè. Chỉ riêng một việc là ngồi không suốt một năm cũng đủ làm cho họ vĩnh viễn hư hỏng rồi; thế là bây giờ họ đã quen thói rách rưới và lêu lổng. Còn đất nữa! Tình trạng đất đai ra sao? Ông thử nhìn mà xem! Ông ta vừa nói vừa chỉ mấy bãi cỏ hiện ra khi họ đã đi quá dãy nhà gỗ. Thế mà mùa xuân chỗ này cũng ngập nước lũ, chứ có phải không đâu. Giá phải tay tôi thì tôi sẽ trồng gai, và chỉ mỗi chỗ gai này thôi cũng thu được năm nghìn rúp; tôi sẽ gieo cải củ, cũng thu được bốn nghìn rúp. Ông thử nhìn chỗ lúa mạch ở trên gò kia kìa; đó là lúa năm ngoái còn sót lại, vì năm nay hắn ta có gieo gì đâu, tôi biết… lại mấy cái khe kia nữa!... Phải tôi thì tôi sẽ trồng ở đây những rừng cây cao đến nỗi quạ cũng không bay lên đến ngọn được. Đất đai thế này, cả một kho vàng mà bỏ đi! Cho không có gia súc mà cày đi nữa, thì cũng phải trồng rau chứ! Tôi thì tôi làm như thế đấy. Tự tay cầm lấy cuốc, cho vợ, cho con, cho đầy tớ ra làm đi; có chết cũng chết trong khi làm, đồ súc sinh! Ít nhất cũng chết trong khi làm bổn phận, chứ không phải chết bên bàn ăn trong khi đang ngốn như con lợn!

Nói đoạn Kôxtanjôglô khạc nhổ, mặt sa sầm, nước da tái bủng ra, như thường thấy ở những người mắc chứng sung mật.

Một lát sau họ đứng ở bên trên một sườn dốc mọc chênh vênh những cây hạt đỗ {***Caragana arborescens**, một loại cây nhỏ có quả như hạt đỗ, rất phổ biến ở miền Đông nước Nga*}; một khúc sông lấp lánh ở phía xa; một góc nhà của tướng Bêtrisep nép mình trong các lùm cây, hiện ra ở chân trời. Phía sau có thể trông thấy một ngọn đồi um tùm, vì xa nên trông như phủ một làn sương lam; nhờ chi tiết đó, Tsitsikôp nhận ngay ra điền trang của Tentietnikôp.

- Nếu trồng rừng ở đây, y nói, phong cảnh có thể còn đẹp hơn nữa…
- À! Ông thích phong cảnh lắm à! Kôxtanjôglô bỗng nghiêm sắc mặt nhìn Tsitsikôp nói. Hãy coi chừng; hễ cứ tìm cách làm cho phong cảnh đẹp, ông sẽ không có bánh ăn, mà phong cảnh cũng chẳng còn nữa. Hãy chú trọng đến lợi ích đã, cái đẹp tự khắc sẽ có. Cứ xem các thành phố thì biết! Xưa nay những thành phố đẹp nhất vẫn là những thành phố tự nó mọc lên; trong đó mỗi người đều xây dựng cho nhu cầu và sở thích của mình; còn những thành phố dựng theo đồ án thì cứ như những trại lính… Gác cái đẹp sang một bên! Cái cần trước đã…
- Thật đáng tiếc là phải đợi lâu quá: tôi chỉ muốn được trông thấy ngay mọi vật được như mình mong ước!
- Dễ ông là một thanh niên hai mươi lăm tuổi chắc?... Một anh công chức ở Pêterbua?... Hãy kiên nhẫn! Làm việc sáu năm liền đi: trồng, gieo, cuốc đất không ngừng tay. Vất vả đấy. Nhưng một khi đã có đà và đất đai đã bắt đầu tự nó giúp đỡ ông, thì ông sẽ thấy nó không phải như một cái máy vớ vẩn nào đâu. Không đâu, ông bạn ạ; ngoài bảy mươi cánh tay vô hình làm việc cho ông. Mọi thứ đều sẽ tăng lên gấp mười! Trong ấp tôi, có còn phải can thiệp vào cái gì nữa đâu; bây giờ mọi sự đều tự tiến hành theo cái đà sẵn có. Phải thiên nhiên vốn ưa tính kiên nhẫn; đó là một quy luật mà chính Thượng đế đã bắt nó theo. Thượng đế vốn ưu đãi những người kiên nhẫn.
- Nghe ông nói, người ta thấy mình cường tráng hẳn lên. Trí tuệ được nâng cao lên.
- Đất đai cày bừa thế này có chết không! Kôxtanjôglô chỉ sườn đồi và kêu lên như thế, giọng chua chát. Tôi không đứng đây nữa đâu; trông thấy cảnh hỗn độn và bỏ hoang thế này tôi đến chết mất. Bây giờ ông kết thúc cuộc điều đình với hắn, không cần tôi nữa. Ông nên mau mau thu lấy cái kho tàng của lão ngốc ấy đi, đừng để hắn làm ô uế các của trời cho nữa!

Kôxtanjôglô sa sầm mặt lại, vẻ bứt rứt như những người có chứng sung mật; ông ta từ giã Tsitsikôp và đến chào chủ nhân để về.
- Sao thế, ông Kônxtantin Fiôđôrôvits? Khlôbuiep ngạc nhiên kêu

lên. Vừa mới đến ông đã về ngay rồi ư?
- Tôi không có thì giờ. Ở nhà tôi có việc cần, phải về ngay, Kôxtanjôglô nói.
Ông ta chào mọi người, lên chiếc xe nhà ra về. Khlôbuiep, hình như hiểu tại sao khách vội về như vậy.
- Ông Kônxtantin Fiôđôrôvits không đành tâm đứng nhìn cái cảnh này; ông ta nói; đối với một nhà doanh nghiệp như ông ta, mà phải chứng kiến một cảnh bê trễ như thế này, thật chẳng vui tí nào. Ông Paven Ivannôvits ạ, ông thử tưởng tượng là năm nay tôi không gieo hạt nữa, có chết không. Thật tình như thế đấy! Không có hạt mà gieo, lại không có ngựa mà cày nữa. Platôn Mikhailôvits, nghe nói ông anh nhà làm điền sản sinh lợi rất tài tình; còn như Kônxtantin Fiôđôrôvits thì thật là một Napôlêông trong lĩnh vực mình. Tôi thường tự nhủ: "Làm sao một người mà lại có tới ngần ấy trí tuệ? Giá một thằng ngốc như tôi được một mảnh nhỏ cái trí tuệ ấy!..." Thưa các vị, đi qua cái cầu này, xin cẩn thận kẻo nhào xuống ao đấy ạ; mùa xuân vừa rồi tôi đã cho chữa ván cầu rồi, chứ có phải không đâu… Nông dân của tôi thật tội nghiệp; cần phải có người làm gương cho họ noi theo; nhưng tôi thì làm gương gì? Tôi không thể đòi hỏi họ nhiều được. Ông Paven Ivannôvits ạ, ông hãy nắm lấy họ. Tôi làm thế nào mà dạy họ làm ăn ngăn nắp được, trong khi chính tôi chẳng có ngăn nắp gì cả? Tôi đã muốn giải phóng họ từ lâu, nhưng như vậy cũng chẳng ăn thua gì. Trước hết họ cần phải học cách sống đã. Phải có một người nghiêm nghị và công minh ở với họ lâu lâu và tỏ ra có sức hoạt động không biết mệt mỏi… Tôi cứ suy từ bản thân tôi thì biết, người Nga cần phải được kích thích, nếu không họ sẽ han gỉ và ngủ đi mất.
- Lạ thật, Platônôp nói, không hiểu tại sao người Nga lại có thể suy đốn đến nỗi hễ một kẻ tiện dân mà không có ai giám sát là thành một thằng say rượu, một đứa vô lại?
- Tại thiếu học thức. Tsitsikôp nhận xét.
- Có trời biết được, Khlôbuiep nói. Chúng ta đều là người có học; chúng ta đã theo các lớp ở trường đại học; thế nhưng phỏng chúng ta làm được gì nào? Tôi đã học được những gì? Chắc chắn không phải là nghệ thuật sống ở đời, mà là nghệ thuật tiêu tiền để mua đủ

những thứ vui tinh vi; tôi đã quen nhiều món rất tốn tiền. Có phải vì tôi đã học hành chẳng ra gì không? Không, vì có nhiều bạn khác cùng một cảnh như tôi. Có vài ba người thu được lợi ích thực sự, có lẽ vì họ vốn sẵn thông minh; những người khác chỉ cố học lấy những cái làm cho sức khỏe hư hỏng và tiền của hao mòn.
- Vâng, Tsitsikôp vừa mỉm cười vừa nói: quả có thế thật.
- Đôi khi tôi có cảm tưởng rằng con người Nga đã hư hỏng không có cách gì cứu vãn được nữa. Cái gì nó cũng làm, mà không đạt kết quả nào cả. Lúc nào nó cũng nghĩ rằng từ ngày mai trở đi bắt đầu một cuộc sống mới, chịu ăn uống kham khổ; nhưng ngay tối hôm đó, nó chén một bữa bất thùng chi thình, không cựa được nữa, đến nỗi chỉ còn chớp chớp được đôi mắt, lưỡi dính bết lại; và ngồi ỳ ra đấy nhìn thiên hạ, như con cú.
- Đúng đấy, Tsitsikôp mỉm cười nói; cũng có khi như thế.
- Ta về lối này đi, Khlôbuiep nói. Ta sẽ xem qua đất đai của nông dân nhà tôi. Ông thấy không, trí khôn chẳng đến phần chúng ta. Tôi e rằng trong chúng ta chẳng có ai có trí khôn cả. Dù tôi có thấy người nào sống có nền nếp, biết dành dụm tiền của, tôi vẫn không tin hắn; đến khi già, ma quỷ cũng sẽ làm cho hắn đổ đốn và hắn sẽ buông xuôi hết một lượt. Dù văn minh hay không, chúng ta đều giống nhau cả; tôi dám cam đoan như thế! Chúng ta thiếu một cái gì đấy; nhưng thiếu cái gì thì tôi không biết thế nào mà nói.

Trên đường về, quang cảnh vẫn như thế. Đâu đâu cũng một cảnh lộn xộn, bẩn thỉu, gai mắt. Lại thêm một vũng nước to tướng đọng ngay giữa đường làng. Người ta nhận thấy nông dân cũng có cái vẻ sa đọa, cẩu thả như chủ họ. Một mụ đàn bà mặc chiếc áo vải thô rách rưới và cáu bẩn, đang ra sức nện một con bé khốn khổ, vừa nện vừa chửi bới om sòm. Cách đấy một quãng, hai người nông dân thản nhiên đứng ngắm mụ say rượu đang lồng lộn. Một trong hai người gãi gãi ở chỗ phía dưới lưng; người kia ngáp dài. Nhà cửa đều hở hoác ra như ngáp, mái nhà cũng thế. Trông thấy cảnh ấy, Platônôp cũng ngáp dài. Tsitsikôp thì tự nhủ: "Điển trang tương lai của mình đây, be bét những lỗ thủng, chằng chịt những

mảnh vá". Thật vậy, một chiếc izba lấy một cánh cổng che thay mái; những cây gỗ lấy trộm trong kho nhà chủ dùng để chống đỡ mấy khung cửa sổ sắp sụp. Có thể thấy rõ là những người mujik áp dụng cái mẹo chiếc áo caftan của Triska {*Một bài thơ ngụ ngôn của Krưlôp chế giễu bọn địa chủ giật gấu vá vai, mong cầm cố gia sản để giải quyết công việc làm ăn*}; họ cắt vạt áo với cổ áo để vá khuỷu tay.
- Điền trang của ông tàn tạ lắm, Tsitsikôp nói, khi họ đã đi xem xong, sắp về đến nhà.

Họ bước vào. Trong các phòng, vẻ sang trọng lẫn với vẻ xơ xác nom rất chướng mắt. Một cuốn Sêxpia gác trên một cái giá bút; trên bàn vứt một cái nắm tay bằng ngà dùng để tự gãi lưng. Bà chủ nhà ăn mặc rất nhã và hợp thời trang, nói chuyện thành phố và nhà hát mới xây dựng. Mấy đứa con, trai có, gái có, đều tinh nhanh và vui vẻ; chúng ăn mặc khá tươm tất, lại có cả một bà gia sư nữa. Nhưng như thế trông lại càng não lòng hơn. Thà chúng nó mặc váy bằng vải tréo go, mặc sơ mi rộng chạy chơi quanh nhà, chẳng có gì khác con cái nông dân mà còn hơn. Một lát sau có một bà khách lắm mồm đến thăm, bà chủ liền đưa về phòng riêng; lũ trẻ theo vào; ba người đàn ông ngồi lại với nhau.
- Thế ông định giá bao nhiêu? Tsitsikôp hỏi. Thú thật là tôi mong một giá rất rẻ, giá hạ nhất, vì tình trạng của ấp này còn tệ hơn tôi tưởng.
- Một tình trạng thảm hại, ông Paven Ivannôvits ạ, Khlôbuiep nói. Và không phải chỉ có thế đâu. Tôi chẳng giấu gì ông: trong số một trăm nông phu có tên trong sổ đinh, chỉ năm chục là sống; còn thì đã chết dịch tả và không chết thì cũng đã chuồn mất không giấy thông hành, thành thử cũng phải xem như đã chết; nếu đưa ra tòa thì đến phải cúng hết cả gia tài vào đấy. Cho nên tôi chỉ xin ba mươi lăm nghìn rúp.
Dĩ nhiên là Tsitsikôp muốn mặc cả.
- Lạy Chúa! Cái ấp thế này mà ông đòi những ba mươi lăm nghìn rúp! Hai mươi lăm nghìn thôi.

Platônôp thấy ngượng. Chàng nói:
- Mua đi, Paven Ivannôvits ạ; ấp này cũng đáng ngần ấy đấy. Nếu ông không trả được ba mươi lăm nghìn rúp, thì hai anh em tôi sẽ chung tiền nhau mua vậy.
Tsitsikôp đâm lo, vội nói: - Thôi được, tôi bằng lòng mua giá ấy. Thế là thỏa thuận; nhưng với điều kiện là trả một nửa tiền và một nửa thì sang năm.
- Không được, Paven Ivannôvits ạ, hoàn toàn không thể được. Ông trả cho tôi một nửa ngay bây giờ, rồi mười lăm ngày nữa ông trả nốt số còn lại. Vì giá có đem cầm, Ngân hàng Lomba cũng trả tôi ngần ấy; chỉ hiềm là tôi không có gì cho bọn đỉa đói nhân viên của nó ních đấy thôi.
- Làm thế nào bây giờ? Thật đấy. Tôi cũng chẳng biết nữa. Tsitsikôp nói. Tôi chỉ có cả thảy mười nghìn rúp thôi.
Hắn nói dối. Kể cả số tiền vay của Kôxtanjôglô, hắn có đến hai mươi nghìn; nhưng phải trả trong một lúc một số tiền to như vậy, hắn xót quá.
- Không được, tôi xin ông đấy, Paven Ivannôvits ạ! Xin cam đoan với ông là tôi đang cần mười lăm nghìn rúp.
- Tôi sẽ cho ông vay năm nghìn, Platônôp nói xen vào.
- Thế thì được! Tsitsikôp vừa nói vừa nghĩ bụng: "Ái chà, hắn cho vay bây giờ thật đúng lúc quá!"
Tráp bạc được bưng từ xe vào. Paven Ivannôvits lấy ra mười nghìn rúp cho Khlôbuiep, hứa đến mai sẽ đưa thêm năm nghìn nữa. Nhưng mà hứa là hứa vậy, ý định của Tsitsikôp là sẽ đưa thêm ba nghìn rúp, còn lại sẽ đưa trong hai, hay ba ngày sau, và nếu có thể thì khất nữa. Paven Ivannôvits thấy khó chịu đặc biệt khi phải buông tiền ra. Khi một việc tối cần thiết buộc y phải làm như vậy, thì y vẫn thích khất lại ngày hôm sau hơn là trả ngay hôm nay. Chúng ta cũng đều hành động như thế cả thôi. Chúng ta vốn thích chơi khăm người đến xin xỏ: cứ cho hắn ngồi rục xác ngoài phòng đợi! Ta cần gì biết mỗi một giờ đồng hồ đối với hắn quý như thế nào và công việc của hắn bị thiệt vì phải đợi như vậy! Ngày mai ông bạn hẵng ghé lại nhé; hôm nay tôi không có thì giờ!
- Ông sẽ dọn đi ở đâu? Platônôp hỏi Khlôbuiep. Ông còn có ấp nào

khác không?
- Sẽ phải dọn lên tỉnh: tôi có một ngôi nhà nhỏ trên ấy. Dù sao việc đó cũng rất cần cho lũ trẻ, chúng nó phải có thầy dạy nhạc, dạy khiêu vũ, dạy thánh sử mà ở thôn quê thì thuê đắt mấy cũng không có.
"Ăn cũng không có mà ăn, thế mà còn cho con học khiêu vũ", Tsitsikôp nghĩ thầm.
"Lạ thật!", Platônôp tự nhủ.
- Trong khi chờ đợi, ta phải uống cốc rượu, mừng việc mua bán này chứ; Khlôbuiep nói. Này, Kiriuska, đem ra đây một chai sâm banh, cậu ơi!
- "Hắn không có bánh ăn, mà lại có sâm banh!", Tsitsikôp nghĩ thầm.
Platônôp không còn biết nghĩ ra sao nữa.
Khlôbuiep có sâm banh trong nhà, chẳng qua là sự bất đắc dĩ. Ông ta cho người ra tỉnh mua kvax, nhưng chủ hiệu không bán chịu. Thế nhưng đằng nào cũng phải có gì mà uống, thì lại có một người Pháp làm đại lý rượu vang, mới ở Pêterbua đến, bán chịu cho mọi người; nên đành phải mua sâm banh vậy.
Sâm banh đã mang ra, họ uống ba cốc; không khí vui hẳn lên. Khlôbuiep quên hết lo âu: ông ta trở thành một người nhã nhặn và hóm hỉnh, luôn mồm nói những câu dí dỏm và kể những chuyện khôi hài. Lời lẽ của ông ta tỏ rõ một sự hiểu biết rất rộng về con người và cuộc đời. Ông ta quan sát được khá nhiều sự vật một cách chính xác; biết vẽ lại trong vài câu những đặc điểm của các trang chủ quanh vùng một cách sắc nét; vạch ra những nhược điểm và sai lầm của từng người một cách rõ ràng, biết tường tận lịch sử của những người quý tộc phá sản, những nguyên nhân và hoàn cảnh phá sản của họ; biết miêu tả những thói quen nhỏ nhặt nhất của họ một cách hài hước, độc đáo đến nỗi người khác thích mê, sẵn sàng thừa nhận ông ta là một người thông minh lỗi lạc.
- Tôi lấy làm lạ, Tsitsikôp nói, rằng một người thông minh như ông mà không tìm được cách cứu vãn tình thế.
- Tôi có cách đấy chứ, Khlôbuiep nói. Đoạn ông ta trình bày cho họ nghe một mớ dự định, toàn là những dự định vô lý, quái gở, ít

căn cứ vào việc biết người và hiểu đời đến nỗi người ta chỉ có thể so vai mà rằng: "Trời! Từ chỗ hiểu đời đến chỗ biết sử dụng vốn hiểu biết đó, thật còn xa lắc, xa lơ!" - Mọi sự đều dựa vào một điều kiện cần thiết là phải kiếm ra ngay lập tức mười vạn hay hai mươi vạn rúp. Ông ta cho rằng hễ kiếm được là công việc sẽ ổn ngay; những lỗ hổng sẽ được lấp kín; ông ta có thể tăng thu hoạch lên gấp bốn và trả hết nợ nần. Và ông ta kết luận: - Nhưng các ông bảo tôi làm thế nào? Làm gì có một ân nhân sẵn lòng cho vay hai mươi vạn rúp, hay mười vạn thôi cũng thế. Có thể thấy rõ ràng đó không phải là ý Chúa.

"Chúa mà cho một thằng ngu như thế hai mươi vạn rúp thì thật là chuyện lạ!", Tsitsikôp nghĩ thầm.

- Quả tình, tôi có một bà dì, giàu ba triệu; Khlôbuiep nói. Bà lão ngoan đạo vẫn thường cúng cho nhà thờ và các tu viện; nhưng lại rất keo kiệt khi cần giúp đỡ đồng loại. Một bà dì kiểu cổ; được trông thấy bà ta kể cũng hay. Bà ta nuôi bốn trăm con chim bạch yến, những chó cộc, những người ăn báo cô và một lũ đầy tớ quả là chẳng đâu có trong thời buổi này nữa. Tên gia nhân ít tuổi nhất cũng xấp xỉ sáu mươi, thế mà dì tôi vẫn gọi: "- Này, thằng nhỏ!". Có người khách nào mà thiếu lịch sự, là bà ta ra lệnh đừng dọn cho ăn món này, món nọ; và lệnh đó được thi hành ngay.

Platônôp mỉm cười.

- Bà ta tên là gì và ở đâu, Tsitsikôp hỏi.

- Bà ta ở trên tỉnh, tên bà Alexanđra Ivanôpna Khanaxarôva.

- Sao ông không đến nhờ bà ta giúp đỡ? Platônôp hỏi. Tôi chắc là nếu bà ta biết tình cảnh gia đình ông thì bà ta sẽ không thể từ chối được.

- Từ chối chứ! Bà dì yêu quý của tôi nhẫn tâm lắm; thật là một quả tim sắt đá, Platôn Mikhailôvits ạ. Hơn nữa, bà ta đã nhiều kẻ theo nịnh hót lắm rồi. Trong đó có một tay muốn làm tỉnh trưởng, hắn đã tìm cách xông vào nhận họ với bà ta… Cầu Chúa phù hộ cho hắn! May ra hắn thành công cũng không biết chừng.

"Thằng cha ngu thật! Tsitsikôp nghĩ thầm. Mình mà có một bà dì như thế thì mình sẽ chăm như vú em chăm con mọn ấy chứ!".

- Câu chuyện khô khan quá! Khlôbuiep nói. Này, Kiriuska! Đưa

chai sâm banh nữa ra đây nào.
- Không, không, tôi không uống nữa đâu; Platônôp nói.
- Tôi cũng thế, Tsitsikôp nói; và cả hai đều cương quyết từ chối.
- Ít nhất các ông cũng phải hứa là sẽ lên chơi nhà tôi trên tỉnh. Mồng tám tháng bảy, tôi sẽ thết tiệc các quan chức.
- Lạy Chúa! Platônôp kêu lên. Cảnh ngộ như ông mà lại còn thết tiệc!
- Biết làm thế nào được? Đó là một bổn phận không thể tránh được, Khlôbuiep nói. Tôi phải đáp lễ họ chứ.
Platônôp trợn tròn xoe mắt. Chàng không biết rằng ở nước Nga này, ở tỉnh nhỏ cũng như ở hai kinh đô, có những bậc hiền triết mà cuộc đời là một bài tính không ai tài nào giải nổi. Có kẻ tưởng chừng như đã ăn hết của cải, nợ nần lút đầu lút cổ và trước mắt chẳng còn phương sách gì nữa; ấy thế mà vẫn mở tiệc. Tất cả các khách đến dự đều nói rằng đây là bữa tiệc cuối cùng của hắn, và ngày mai người ta sẽ lôi cổ chủ tiệc vào tù. Mười năm sau, bậc hiền triết vẫn đấy, nợ nần nhiều hơn bao giờ hết, và lại mở tiệc: và khách lại bảo đấy là bữa tiệc cuối cùng, ngày mai chủ nhân sẽ vào tù.
Ngôi nhà của Khlôbuiep trên tỉnh có một quang cảnh chẳng tầm thường chút nào. Hôm nay một ông pôp mặc áo lễ đọc kinh trong nhà; ngày mai một tốp diễn viên người Pháp tập hài kịch ở đấy. Có khi trong nhà không tìm đâu ra một mẩu bánh mì; có khi lại tiếp đủ các thứ nghệ sĩ, và khi ra về mỗi người lại mang theo một tặng phẩm. Tình cảnh Khlôbuiep đôi khi điêu đứng đến nỗi, giá phải người khác thì đã thắt cổ hay bắn vào đầu mà chết từ lâu; nhưng do một sự tương phản lạ lùng với nếp sống phóng đãng của ông ta, lòng mộ đạo của Khlôbuiep đã làm cho ông ta tránh được tuyệt vọng. Trong những lúc khó khăn ấy, ông ta đọc thân thế các vị thánh đã luyện được cho tinh thần mình vượt lên trên cảnh khốn cùng. Những khi ấy tâm hồn ông ta cảm kích khôn xiết, lòng ông ta dào dạt tình thương, mắt ông ta nhòa lệ. Ông ta cầu nguyện; và lạ thay, hầu như lần nào cũng có một sự cứu giúp bất ngờ đến với ông ta: một người bạn cũ nào đó sực nhớ tới ông và gửi tiền cho; hoặc giả một người đàn bà không quen biết gì đi qua, tình cờ biết

được chuyện ông ta, liền động lòng trắc ẩn, biếu một món quà sang trọng; hoặc giả một vụ kiện mà ông ta chưa từng nghe nói đến, bỗng xoay ra có lợi cho ông ta. Bấy giờ ông ta thành kính nhận ra tấm lòng từ bi vô cùng, vô tận của đấng Sáng thế, bèn đặt một lễ Ca ngợi, rồi lại tiếp tục cuộc sống phóng đãng.
- Tôi thật ái ngại cho ông ta, Platônôp nói với Tsitsikôp khi họ đã từ giã ra về.
- Thật là một đứa con hoang dã lạc loài! Tsitsikôp nói. Những người như thế không đáng cho người ta thương hại.
Chẳng mấy chốc cả hai người đều không còn nghĩ đến Khlôbuiep nữa: Platônôp thì bởi vì vẫn thường nhìn tình cảnh của người khác một cách dửng dưng như nhìn mọi sự ở đời; những nỗi khổ của đồng loại khiến lòng chàng se lại; nhưng những ấn tượng không khắc sâu vào tâm hồn; chỉ mấy phút sau là chàng không còn nghĩ đến Khlôbuiep nữa; vì lý do dễ hiểu là đến bản thân chàng nữa, chàng cũng có nghĩ đến đâu. Tsitsikôp, thì bởi vì bao nhiêu ý nghĩ đều tập trung vào việc mua ấp vừa rồi: bỗng dưng trở thành chủ nhân thực sự của một trang ấp mà trước đây chỉ có trong trí tưởng tượng, y đâm ra tư lự; những dự định và ý nghĩ của y trở nên nghiêm trang hơn, khiến mặt y bất giác có vẻ sinh động hơn. "Kiên nhẫn, cần cù! Chẳng phải là khó: mình đã quen với hai đức tính đó, có thể nói là ngay từ thuở mới lọt lòng. Đối với mình, đó chẳng phải là cái gì mới mẻ. Nhưng giờ đây, ở cái tuổi này, liệu mình có còn kiên nhẫn được như thời trẻ trung nữa không?" Dù có xem đi xét lại việc tậu ấp vừa rồi về mặt nào, y cũng thấy là một việc có lợi. Có thể đem cầm cả điền trang sau khi đã bán từng khoảnh một những đất tốt nhất. Cũng có thể tự mình khai thác lấy, theo gương Kôxtanjôglô, tận dụng những lời khuyên của ông ta, người láng giềng và lại là ân nhân. Cũng có thể đem bán lại (nếu không thấy thích nghề nông, chỉ giữ lại các nông phu trốn và chết). Cách này còn có một cái lợi khác nữa: chẳng có gì ngăn trở y chuồn khỏi vùng này, không trả cho Kôxtanjôglô số tiền đã vay. Không phải Tsitsikôp nghĩ ra cái chước này; mà tự nó hiện ra, đầy vẻ khiêu khích và sức quyến rũ. Ai làm sinh ra những cái ý nghĩ mất dạy nó đến với người ta một cách đột ngột thế nhỉ?

Paven Ivannôvits có một cảm giác khoái lạc mới mẻ, cái khoái cảm được làm trang chủ thực sự, được làm chủ những đất đai, nhà cửa, những nông nô bằng xương bằng thịt. Dần dần y đâm ra nhảy nhót, xoa tay, nháy mắt, đưa nắm tay lên miệng làm kèn, khẽ thổi ứ ư một thứ hành khúc; thậm chí còn nói to lên mấy câu tự mình khích lệ mình và tặng mình những tính từ như *cái mõm xinh xinh của ta và con gà giò beo béo của ta*. Nhưng rồi sực nhớ ra rằng trong xe không phải chỉ có mình mình; y bỗng lại ngồi yên, cố ghìm nỗi hân hoan bồng bột; và khi Platônôp, nghe những âm thanh ấy tưởng là y nói gì với mình, liền hỏi: "- Cái gì ạ?" - thì y đáp: "- Không, có gì đâu!".

Mãi đến lúc ấy, Tsitsikôp mới nhìn ra chung quanh và nhận ra rằng nãy giờ, xe họ đang đi qua một khu rừng tuyệt đẹp, trên một con đường hai bên trồng bạch dương, thân trắng bóng như một dãy rào phủ tuyết, vươn lên, thanh tú và nhẹ nhàng giữa màu xanh dịu của lá non. Mấy con họa mi thi nhau hót véo von; những đóa uất kim hương điểm vàng cho thảm cỏ xanh. Tsitsikôp không tài nào cắt nghĩa được tại sao lúc nãy đang ở giữa cánh đồng không, mà giờ đã chuyển vào một khung cảnh nên thơ như vậy. Sau rặng cây, hiện ra một ngôi nhà thờ trắng, và ở phía bên kia có thể trông thấy một cái cổng sắt. Từ cuối đường đi, một người đàn ông đang tiến về phía họ, đầu đội mũ lưỡi trai, tay cầm một cái gậy sần sùi những mấu. Một con chó Anh, chân thon, chạy trước mặt người đó.

- Anh tôi đây, Platônôp nói, xà ích dừng lại!

Chàng xuống xe, Tsitsikôp xuống theo. Hai con chó đã quấn lấy nhau. Con Azô chân thon, thè cái lưỡi mềm mại liếm lên mõm con Yarb, lên tay Platônôp, rồi chồm lên người Tsitsikôp và liếm tai y. Hai anh em ôm chầm lấy nhau.

- Chú tệ quá, Platôn ạ, chú làm sao thế? Vaxili hỏi.

- Anh muốn nói gì kia? Platôn nói, vẻ hờ hững.

- Sao thế? Ba ngày liền chẳng thấy tăm hơi chú đâu! Một tên mã phu của Pêtukh dắt con ngựa giống của chú về, hắn bảo: "Cậu ấy đi với một người nào ấy". Ít nhất chú cũng nhắn về cho anh biết chú đi đâu, có việc gì, bao giờ thì về chứ! Chú ạ, ai lại thế bao giờ? Suốt mấy hôm nay có Chúa biết anh đã tưởng tượng ra những gì có

thể xảy đến cho chú.
- Vâng, em quên báo cho anh biết; Platôn nói. Em đi với ông đây đến anh Kônxtantin Fiôđôrôvits, hai anh chị gửi lời thăm anh. Ông Paven Ivannôvits, xin giới thiệu đây là anh Vaxili tôi. Anh Vaxili, đây là ông Paven Ivannôvits Tsitsikôp.
Hai người được giới thiệu bắt tay nhau, rồi bỏ mũ ra để ôm quàng lấy vai nhau.
- Cái lão Tsitsikôp này là ai thế nhỉ? Vaxili nghĩ thầm. Chú Platônôp vốn chẳng kén chọn chút nào trong việc giao thiệp.
Ông ta liền quan sát Tsitsikôp trong chừng mực mà lễ độ cho phép, và dáng dấp của ông bạn chúng ta làm cho ông yên tâm.
Về phía mình, Tsitsikôp cũng quan sát người mới quen trong chừng mực mà lễ độ cho phép. Ông này thấp hơn em trai, tóc sẫm hơn và mặt kém đẹp hơn nhiều; nhưng có sinh khí hơn, linh hoạt hơn, chân thành hơn. Có thể thấy rõ rằng ông ta ít ngủ gà, ngủ gật hơn; nhưng Paven Ivannôvits cũng không chú ý gì mấy đến điều ấy.
- Anh Vaxili ạ, em đã quyết định đi khắp nước Nga thần thánh với ông Paven Ivannôvits. Như vậy may ra có thể tiêu tan chứng ưu uất chăng?
- Sao chú lại quyết định chóng thế? Vaxili sửng sốt hỏi. Ông ta suýt nói thêm: "Mà lại đi với một gã lạ mặt chú mới gặp lần đầu, có thể còn tệ hơn quỷ sứ nữa!". Đầy ý ngờ vực, ông ta nhìn trộm Tsitsikôp; nhưng không thể nhận thấy gì ngoài vẻ đúng đắn hoàn hảo của y cả.
Họ quay sang phải, đi về phía cổng. Dãy tường đã cũ, tòa nhà cũng vậy; nó thuộc loại nhà mà ngày nay không còn ai xây nữa, có nhiều hàng hiên, và mái rất cao. Hai cây bồ đề rất lớn tỏa bóng rợp cả một nửa sân; quanh gốc cây có đặt nhiều ghế gỗ dài. Những cây tử đinh hương và anh đào đang ra hoa, như họp thành một chuỗi ngọc trai bao quanh sân, cành lá che lấp hẳn dãy tường rào. Tòa gia trạch bị cây che khuất hết; chỉ ở phía dưới, mới trông thấy những cửa lớn và cửa sổ thấp thoáng qua các cành cây. Phía sau những thân cây thẳng tắp như những mũi tên có thể trông rõ những tường trắng của nhà bếp, nhà xe và kho rượu. Đâu đâu cũng màu lá

xanh rờn với những tiếng họa mi lanh lảnh. Một cảm giác yên tĩnh dễ chịu bất giác tràn vào tâm hồn khách. Mọi vật đều nhắc nhở những thời phẳng lặng đã qua; khi mà mọi người đều sống hiền lành, và mọi việc đều đơn giản, chẳng có gì rắc rối.
Ông anh của Platônôp mời Tsitsikôp ngồi. Họ cùng ngồi trên những ghế dài dưới gốc bồ đề. Một chú con trai mười bảy tuổi mặc một chiếc sơ mi dài xinh xắn bằng tơ Nam-Kinh, màu hồng, bưng ra đặt trước mặt họ những bình thủy tinh đựng những thứ kvax màu sặc sỡ; thứ thì quánh như dầu, thứ thì sủi bọt như nước chanh hơi. Bày xong, chú cầm lấy một cái thuổng để tựa vào gốc cây và đi ra vườn. Cũng như ông anh rể là Kôxtanjôglô, hai anh em Platônôp đều không có người hầu chuyên môn, mà mấy người làm vườn thay nhau làm việc đó. Vaxili chủ trương là đầy tớ không nên làm thành một tập đoàn; mỗi nông dân đều có thể làm giúp việc nhà, không cần có những người được huấn luyện riêng. Người Nga rất tốt, nhanh nhẹn và cần cù khi còn mặc sơ mi ngắn và áo caftan: nhưng hễ mặc áo surtuk kiểu Đức vào là hóa ra vụng về, chậm chạp, không chịu bỏ cái áo ấy ra, không chịu đi tắm nữa; và cái surtuk kiểu Đức ấy sẽ nhung nhúc những rệp và bọ chó. Có lẽ Vaxili nghĩ cũng có lý. Nông dân thích diện lắm; đàn bà ai cũng đội những chiếc mũ trùm thêu kim tuyến; ống tay áo sơ mi của họ trông như những đường viền của một chiếc khăn san Thổ Nhĩ Kỳ.
- Ông giải khát nhé? Vaxili bảo Tsitsikôp. Những thứ kvax này xưa nay vốn là niềm kiêu hãnh của nhà chúng tôi đấy.
Tsitsikôp lấy một bình rót ra cốc uống, thấy vị hao hao như *lipec*, rượu mật ong, mà ngày trước y đã từng uống ở Ba Lan. Cũng sủi bọt như sâm banh, hơi xông lên the the trên mũi dễ chịu. "- Thật là một thứ rượu thần!" Y nói; đoạn lại lấy một bình khác rót cốc nữa. Lại càng ngon hơn.
- Thật là hoàng hậu của các thứ rượu! Y nói tiếp. Tôi có thể nói rằng ở nhà ông anh rể đáng kính của ông là Kônxtantin Fiôđôrôvits, tôi đã được uống một thứ rượu mùi thượng hạng; và ở đây tôi được uống một thứ kvax ngon chẳng kém.
- Rượu mùi ấy cũng ở nhà chúng tôi mà ra cả: chị tôi lấy công thức về làm đấy. Hành trình ông định vạch như thế nào? Vaxili hỏi.

- Hiện nay tôi đi du lịch, Tsitsikôp nói; người khẽ lắc lư trên chiếc ghế dài, và vừa xoa xoa đầu gối vừa nghiêng mình xuống; hiện tôi đi vì việc người khác nhiều hơn việc mình. Tướng quân Bêtrisep, bạn thân và có thể nói là ân nhân của tôi, có nhờ tôi đi thăm họ hàng. Họ hàng, dĩ nhiên, cũng có phần quan trọng, nhưng đi như thế cũng được việc cho tôi, vì chưa kể đến lợi ích về phương diện vệ sinh, chỉ được xem cảnh trần gian, thấy thế sự thăng trầm cũng có thể nói là đã được một pho sách sống, một vốn tri thức thứ hai.
Vaxili ngẫm nghĩ: "Con người này ăn nói hơi có vẻ tự phụ, nhưng trong lời lẽ cũng có phần đúng". Sau một lát im lặng, ông ta nói với Platôn:
- Platôn ạ, anh cũng bắt đầu tin rằng một chuyến đi du lịch quả có thể thức tỉnh chú đấy. Chẳng qua chú chỉ có cái tật dửng dưng với mọi việc mà thôi. Chẳng qua chú ngủ gà, ngủ gật, không phải vì no hay vì mệt, mà vì thiếu những ấn tượng và những cảm giác mạnh. Anh thì trái hẳn. Giá có thể được, anh cũng muốn đừng cảm xúc mạnh như vậy trước mọi việc và bớt để tâm đến tất cả những việc xảy ra.
- Hơi đâu mà cái gì cũng để tâm? Platôn nói. Anh cứ tìm những duyên cớ để ưu tư và tự mình tạo cho mình những mối lo sợ.
- Việc gì phải tạo ra, một khi những điều trái ý mình cứ chốc chốc lại xảy đến, Vaxili nói. Chú có biết trong khi chú đi vắng, Lênitxưn đã chơi chúng ta một vố như thế nào không? Không chứ gì? Ấy, hắn chiếm lấy một khoảng đất hoang mà hàng năm nông dân ta vẫn dùng để mở hội mừng xuân theo cổ tục. Trước hết, khoảng đất hoang ấy có trả bao nhiêu anh cũng không bán… Đó là một nơi gắn liền với rất nhiều kỷ niệm của làng ta; đối với anh phong tục là việc thiêng liêng, anh sẵn sàng hy sinh tất cả vì cổ tục {*Vaxili Platônôp tiêu biểu cho những người thuộc phái Sùng Xlav, lệ cổ*}.
- Y không biết, nên mới chiếm lấy; Platônôp nói. Y là người mới đến, ở Pêterbua về còn chân ướt chân ráo. Phải cắt nghĩa cho y rõ.
- Hắn biết rất rõ. Anh đã cho người đến nói với hắn, nhưng hắn trả lời bằng những lời rất thô bỉ.
- Đáng lẽ anh phải thân hành đến gặp y mà bàn bạc, mà giãi bày.
- Chịu thôi. Hắn vênh váo quá đỗi. Anh không đến gặp hắn đâu.

Chú có muốn đến thì đến.
- Em sẵn lòng đến; nhưng vì em không biết gì về công việc nên y có thể bịp em rất dễ.
- Nếu các ông bằng lòng, tôi sẽ xin đảm đương việc này; Tsitsikôp nói. Ông cho tôi rõ đầu đuôi ra sao đi.
Vaxili đưa mắt nhìn y và nghĩ bụng: "Cái lão này ham du lịch thật!".
- Chỉ xin ông nói qua cho tôi biết đại khái hắn ta là người thế nào, Tsitsikôp nói tiếp, và đầu đuôi câu chuyện ra sao.
- Tôi thật khó nghĩ nếu nhờ ông một việc rầy rà như việc này. Theo tôi thì hắn ta chẳng ra gì; xuất thân từ một gia đình quý tộc nông thôn ở tỉnh này, hắn đã làm công chức ở Pêterbua. Ở đấy hắn lấy con rơi của một yếu nhân nào đấy; nên mới vênh váo như vậy. Nhưng ở đấy, chẳng ai ngu ngốc gì đâu. Chúng tôi không xem thời thượng như một đạo luật, cũng không xem Pêterbua như một giáo đường.
- Dĩ nhiên, Tsitsikôp nói; nhưng đầu đuôi câu chuyện ra sao?
- Ông nghe nhá, hắn đang cần đất. Ví thử hắn đừng làm thế thì tôi sẵn lòng cho không hắn một chỗ khác. Thế nhưng bây giờ cái thằng cha ưa gây sự ấy lại tưởng là tôi sợ.
- Tôi nghĩ rằng thương lượng là hơn; may ra có thể đi đến thỏa thuận được. Chưa hề có ai giao phó việc gì cho tôi mà phải ân hận bao giờ… ngay tướng quân Bêtrisep cũng vậy…
- Nhưng để ông phải bàn cãi với một con người như thế, tôi thật khó nghĩ… {*Phần tiếp theo trong bản thảo đã thất lạc, trong phần thứ hai của* ***Những linh hồn chết****, in lần thứ nhất năm 1855, có chú: "Ở đây thất lạc một đoạn. Có lẽ trong đoạn này kể lại chuyện Tsitsikôp lên đường đến nhà trang chủ Lênitxưn"*}
{*Phần đầu câu này đã thất lạc*}… đồng thời đặc biệt chú ý làm sao cho việc này được giữ kín, Tsitsikôp nói; vì tội lỗi chưa có gì đáng sợ mấy, tai tiếng mới thật là nguy hiểm.
- Quả có thế, quả có thế, Lênitxưn nói, đầu nghiêng hẳn sang một bên.
- Cùng có những ý nghĩ như nhau thật là thú vị! Tsitsikôp nói. Tôi cũng có một việc vừa hợp pháp, vừa bất hợp pháp; bề ngoài thì bất

hợp pháp, nhưng thực ra lại là hợp pháp. Tuy cần có vật để đi cầm, tôi vẫn không muốn gây phiền cho ai bằng cách trả hai rúp một linh hồn sống. Nếu một mai tôi có mệnh hệ nào - Chúa phù hộ cho tôi đừng lâm vào nông nỗi ấy, - thì sẽ rất phiền cho người chủ. Cho nên tôi đã quyết định lợi dụng những nông phu đã bỏ trốn hay đã chết, nhưng vẫn còn tên trong sổ đinh, để làm một việc tốt và đồng thời cất bỏ gánh nặng cho vị trang chủ đáng thương phải nộp thuế cho chúng. Chúng tôi chỉ ký với nhau một văn khế cho có lệ thế thôi, làm như thể những nông phu đó còn sống.

"Nhưng kể ra cũng kỳ quặc thật", Lênitxưn vừa nghĩ thầm, vừa lùi ghế lại một chút. - Việc này có một tính chất… hắn mở đầu.

- Nhưng sẽ không có tai tiếng gì đâu, mọi việc sẽ được tiến hành bí mật; Tsitsikôp nói. Như tôi đã trình bày, đây là một việc giữa những người trung thực với nhau; những người đã đứng tuổi cả, và hình như lại là những người có cấp bậc đáng trọng, cam đoan giữ bí mật cho nhau.

Hắn vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt Lênitxưn. Mặc dầu là người rất cơ mưu và thông thạo công việc; Lênitxưn vẫn thấy rất phân vân, nhất là giờ đây hình như đang mắc vào cái bẫy do chính tay mình đặt. Bản tính y không thể làm điều bất công và không ưa làm việc ám muội, dù là kín đáo cũng vậy. "Thật là một việc kỳ khôi, y nghĩ thầm. Cứ hãy kết thân ngay cả với những người tốt mà xem!". Nhưng số phận hình như muốn chiều Tsitsikôp. Như để giúp phần giải quyết công việc khó khăn này, người vợ trẻ của Lênitxưn bước vào: một thiếu phụ xanh xao, nhỏ bé và gầy gò; nhưng ăn mặc theo thời trang Pêterbua, và rất chuộng những người "*comme il faut*" {*Tiếng Pháp trong nguyên văn có nghĩa là đủ phẩm chất thượng lưu*}. Theo sau là một người vú em, tay bế một hài nhi, kết quả của mối tình đắm thắm giữa đôi vợ chồng trẻ. Nhờ dáng điệu ung dung, và cách nghiêng đầu, Tsitsikôp làm cho người thiếu phụ Pêterbua ưa thích; rồi đứa bé cũng vậy. Thoạt tiên nó khóc òa lên; nhưng Tsitsikôp nựng: "À gư, à gư, bé ngoan nào", y búng ngón tay kêu tanh tách và quay cho chiếc lập lắc bằng mã não đỏ dính trên dây đeo đồng hồ ánh lên loang loáng, và cuối cùng nó chịu để cho Tsitsikôp bế. Y liền nhấc bổng nó lên trần nhà, làm cho nó nở

một nụ cười xinh xinh, rất đẹp lòng ông bố và bà mẹ. Nhưng bỗng nhiên, không biết vì vui mừng hay vì một nguyên nhân nào khác, đứa bé phạm một lỗi bất lịch sự.
- Ôi! Trời ôi! Bà Lênitxưn kêu lên, nó làm hỏng mất áo của ông rồi!
Quả nhiên Tsitsikôp thấy một ống tay áo của chiếc frac mới của mình đã dây bẩn ra cả. "Ôn dịch bắt mày đi đồ quỷ con!" y tức giận nghĩ thầm.
Cha mẹ đứa bé, người vú em cuống quít chạy đi lấy ô đờ Côlôn và xúm vào lau chùi cho Tsitsikôp.
- Không sao - Tsitsikôp nói, cố hết sức làm ra bộ vui vẻ, - ở cái tuổi đời đáng yêu này, trẻ nó có làm hỏng cái gì được đâu? Hắn vừa nhắc đi nhắc lại vừa nghĩ thầm: "- Sao chó sói không ăn thịt nó đi cho rảnh! Nó chơi khăm mình thật, đồ ranh con!".
Cái biến cố bề ngoài có vẻ vô nghĩa này đã làm cho thiện cảm của chủ nhân nghiêng hẳn về Tsitsikôp. Làm sao có thể từ chối điều gì với một ông khách đã âu yếm con mình một cách hồn nhiên như vậy và đã hy sinh chiếc frac của mình một cách đại lộ như vậy? Để khỏi làm thành một tấm gương xấu, họ thỏa thuận với nhau, giải quyết công việc một cách kín đáo; vì bản thân sự việc chưa có gì đáng sợ mấy, tai tiếng mới thật là nguy hiểm.
- Đến lượt tôi, xin phép được giúp ông một việc. Tôi muốn làm trung gian giữa ông với hai anh em Platônôp. Ông đang cần đất có phải không? {*Đến đây bản thảo lại gián đoạn*}
Một trong những chương cuối {*Đoạn này không biết đích xác là thuộc phần nào trong tác phẩm, cũng có lẽ là tác giả định viết cho phần thứ ba*}
… Trên đời này mỗi người đều lo thu xếp công việc của mình. Tục ngữ có câu: "- Ai ưa cái gì thì cứ chẳng để yên cho cái ấy". Việc khảo sát các rương hòm đã đem lại kết quả mỹ mãn, một phần các vật đựng trong các rương hòm đó liền được chuyển sang cái tráp bất hủ nọ. Đó là một thủ thuật hết sức khôn ngoan. Tsitsikôp lợi dụng thì đúng hơn là ăn cắp. Vì trong chúng ta, ai nấy đều lợi dụng một cái gì: người thì lợi dụng những khu rừng công, người thì lợi dụng những số tiền mình được giữ, người thì tước đoạt của con cái

để bao một nữ diễn viên đi qua, người thì lại ăn cướp của nông nô để sắm bàn ghế của hiệu Hambs {*Một nhà sản xuất bàn ghế ở Viên, thủ đô nước Áo, rất được ưa chuộng vào thời ấy*} hay sắm một cỗ xe. Biết làm thế nào được, thế gian này nhan nhản những sự cám dỗ: nào là những tiệm ăn sang trọng bán giá cắt cổ, nào là những tối khiêu vũ hóa trang, nào là những hội hè, những cuộc vui thanh nhã với gái txigan. Khó lòng mà nhịn được; nếu mọi người đều làm như thế cả, và nếp sống thời thượng đòi hỏi như thế, thì cứ thử mà cưỡng lại xem! Tsitsikôp cũng vậy; noi theo số người ưa chuộng tiện nghi mỗi ngày một đông, y đã xoay sở làm sao cho việc này có lợi cho y.

Đáng lẽ Tsitsikôp phải ra đi từ lâu; nhưng đường sá không sao đi lại được. Trong khi đó thì một phiên chợ khác sắp khai mạc trong thành phố, lần này dành cho những người thượng lưu. Phiên trước chủ yếu là để bán ngựa, bò và các loài gia súc khác, bán những nông sản mà bọn buôn nước bọt đã chiếm đoạt của nông dân. Lần này thì các nhà buôn xa xỉ phẩm đem ra bán những hàng mua ở chợ phiên Nijni Nôpgôrôt {*Chợ phiên lớn nhất toàn quốc*}. Thật là một tai họa cho các túi tiền Nga: đàn ông Pháp bán nước hoa, đàn bà Pháp bán mũ, - quả là một giống châu chấu Ai Cập, theo như lối nói của Kôxtanjôglô, không những ăn hết hoa màu, mà còn để trứng lại dưới đất nữa, - họ đến vơ vét những tiền bạc đã tốn biết bao công sức mới làm ra được.

Rất nhiều địa chủ, chỉ vì mất mùa nên mới phải ở nhà. Ngược lại, bọn công chức thì tiêu tiền như nước; và khốn thay, cả vợ con họ cũng thế. Sau khi đọc các thứ sách xuất bản trong thời gian gần đây nhằm gợi cho nhân loại những nhu cầu mới, họ nóng lòng muốn nếm thử tất cả những thú vui mới mẻ. Có một người Pháp mở một vôkxan, loại tiệm ăn và vui chơi ngoài trời trước đây chưa hề có ở tỉnh, với những bữa ăn rất rẻ, lại bán chịu một nửa tiền. Chỉ thế thôi, cũng đủ cho các ông trưởng phòng đã đành, mà ngay đến các thuộc viên thường cũng vậy, tha hồ chè chén, trông cậy vào những món hối lộ sau này sẽ bòn được của những người đến xin xỏ. Ai nấy thi nhau phô trương những cỗ xe ngựa thật đẹp. Các đẳng cấp ganh đua nhau trong các cuộc vui chơi… Mặc dầu trời

mưa tầm tã và đường sá lầy lội, xe kôliaxka vẫn đi lại tấp nập. Không biết những cỗ xe ấy từ đâu ra; nhưng dù có ở Pêterbua, chúng cũng không đến nỗi phải xấu mặt… Bọn lái buôn, bọn chạy hàng cất mũ một cách duyên dáng, chào mời các bà, các cô. Rất ít thấy những người râu dài, đội mũ lông theo kiểu cũ. Mọi người đều có vẻ Âu Tây, chỉ thấy toàn là những cằm cạo nhẵn thín và những bộ răng thối hỏng…

Ngả người trên chiếc ghế dài, mình mặc chiếc áo ngủ Ba Tư bằng *tacmalam* kim tuyến, Tsitsikôp đang mặc cả với một tay buôn lậu ghé qua tỉnh, vốn dòng dõi Do Thái, nói lơ lớ giọng Đức. Tsitsikôp đã mua được một súc vải Hà Lan mịn để may sơ mi và hai hộp xà phòng thượng hảo hạng, thứ xà phòng mà sở thuế quan Rađizivilôp {*Thị trấn nhỏ ở miền Vôlưni, hồi ấy là một thị trấn quan ải ở giữa nước Nga và nước Áo*} ngày trước vẫn cung cấp, có cái đặc tính huyền diệu làm cho da dẻ mịn màng và trắng trẻo lạ lùng. Trong khi Tsitsikôp đang ra tay sành sỏi mua những thứ hàng cần thiết cho mọi người thượng lưu đó, thì có tiếng bánh xe lăn khẽ rung các cửa kính, và Alexêi Ivannôvits Lênitxưn Đại nhân bước vào.

- Quan lớn thấy tấm vải, mấy bánh xà phòng và những hàng vặt này thế nào? Tôi vừa mua hôm qua đấy.

Nói xong, Tsitsikôp đội lên đầu một chiếc mũ chụp thêu kim tuyến và đính ngọc trai giả, trông uy nghi như một vị quốc vương Ba Tư. Nhưng Quan lớn không trả lời câu hỏi của Tsitsikôp mà lại nói, vẻ ưu tư: - Tôi có chuyện cần nói với ông.

Người lái buôn nói giọng Đức lập tức được mời ra ngoài; hai người ngồi lại với nhau.

- Gặp rắc rối rồi đấy! Người ta vừa phát hiện ra một chúc thư khác của mụ già, lập cách đây năm năm, để lại một nửa điền trang cho một tu viện; nửa còn lại thì chia cho hai đứa con nuôi, và trước sau chỉ có thế!

Tsitsikôp luống cuống…

- Nhưng tờ chúc thư không đáng kể. Nó không có giá trị gì hết: nó bị tờ thứ hai hủy bỏ; y nói thế.

- Việc hủy bỏ này không thấy nói đến trong chúc thư thứ hai.

- Nhưng hiển nhiên là như thế rồi, còn phải nói gì nữa. Tôi biết rất

rõ ý nguyện của người quá cố: lúc ấy tôi ở cạnh bà ta; tờ chúc thư thứ nhất không có hiệu lực. Ai ký? Ai làm chứng?
- Tờ chúc thư này được nhận thực rất hợp thức và có chữ ký của hai nhân chứng: Khavanôp và Burmilôp, nguyên thẩm phán Tòa án Lương tâm {*Theo sổ tay của Gôgôn thì đó là một tòa án độc lập không thuộc quyền tỉnh trưởng, mà các thẩm phán lấy lương tâm xét xử chung thẩm, không có thủ tục khống tố, những vụ mà luật pháp được khinh giảm, như những vụ mà can phạm là vị thành niên, người điên*}.
"Rầy thật! Tsitsikôp nghĩ thầm. Khavanôp xưa nay vẫn có tiếng là người trung thực; Burmilôp là một lão già mê tín mà những ngày lễ người ta vẫn giao cho đọc Thư Sứ đồ {*Theo phong tục Nga, vào ngày chủ nhật và ngày lễ, nhà thờ thường mời những người tai mắt trong xứ đọc to thiên Thư Sứ đồ Kinh Thánh*}" - Thật là vô lý! Hắn nói to lên, tự vũ trang bằng một quyết tâm không gì lay chuyển nổi. Tôi là người biết rõ việc này hơn ai hết: tôi đã chứng kiến phút lâm chung của người quá cố. Tôi sẵn sàng lấy tư cách nhân chứng mà tuyên thệ trước tòa.
Những lời lẽ quả quyết này làm cho Lênitxưn yên tâm trong chốc lát. Ông ta tự trách mình là trong khi bối rối, đã ngờ cho Tsitsikôp viết ra tờ chúc thư nọ. Y đã vội vàng thề thốt như vậy thì hiển nhiên là không phải. Chúng ta không biết liệu Paven Ivannôvits có cả gan tuyên thệ trước Kinh Phúc âm không; dù sao y cũng đã đủ can đảm nói như vậy.
- Ông cứ yên tâm: tôi sẽ đem việc này nói với mấy vị cố vấn pháp luật, còn ông thì xin đừng làm gì cả, phải tuyệt đối đứng hẳn ra ngoài. Tôi muốn ở lại trong thành phố này bao nhiêu lâu là tùy tôi.
Tsitsikôp lập tức sai thắng ngựa và lên xe đến nhà một cố vấn pháp luật nổi tiếng là có kinh nghiệm trong việc tố tụng. Tuy đã bị cáo từ mười lăm năm nay, hắn đã xoay sở tài tình đến nỗi người ta không thể nào tước quyền làm luật sư của hắn được. Mọi người đều biết rõ rằng cứ những công trạng của hắn, lẽ ra hắn phải bị đày biệt xứ sáu lần rồi. Đâu đâu người ta cũng nghi hắn. Nhưng không ai đưa ra được những bằng chứng buộc tội hắn cả. Hắn là bên trong phải có một uẩn khúc gì đây; và giả sử cái chuyện của chúng ta

diễn ra ở thời gian ngu muội, chắc chắn người ta sẽ cho hắn là một tay phù thủy. Vẻ lạnh lùng của viên luật sư, chiếc áo ngủ cáu bẩn của hắn tương phản gay gắt với những bộ bàn ghế rất đẹp bằng gỗ đào hoa tâm, với chiếc đồng hồ quả lắc mạ vàng đậy trong cái lồng kính, với bộ đèn treo bằng pha lê mà người ta có thể trông thấy qua cái chụp bằng sa; nói chung là với mọi vật ở xung quanh đều mang dấu vết rõ rệt của nền văn hóa Âu châu.
Sự tương phản đó khiến Tsitsikôp kinh ngạc; nhưng y không để ý lâu và liền giãi bày những điểm gay go của vụ này; lại dùng những lời lẽ rất bùi tai để tả lòng biết ơn, nhất định sẽ hậu tạ những lời khuyên khôn ngoan và công lao của luật sư.
Đáp lại, vị luật gia tả cái tính phù du bất ổn của mọi sự ở thế gian này, và khéo léo ngụ ý cho khách hiểu rằng tiền có trao thì cháo mới múc.
Dù muốn, dù không cũng đành phải nhờ đến sức thuyết phục của kim tiền. Vẻ lãnh đạm hoài nghi của nhà hiền triết biến ngay tức thì. Hắn tỏ ra một người rất tốt, nói chuyện rất có duyên và trong lĩnh vực xã giao cũng chẳng thua kém gì ngay cả Tsitsikôp nữa.
- Ta không nên làm cho sự việc phức tạp thêm làm gì, tôi chỉ xin phép nói với ông rằng chắn hẳn ông chưa xem kỹ tờ chúc thư; tất nhiên nó phải có một điều khoản bổ chính về sau. Ông hãy lấy chúc thư ấy đem về nhà ít lâu. Tuy đó là một việc cấm, nhưng nếu thỉnh cầu cho đúng cách một vài quan chức nào đấy… Về phía tôi, tôi sẽ can thiệp.
"Mình hiểu rồi", Tsitsikôp nghĩ thầm rồi nói: - Thật ra, tôi cũng không nhớ rõ là có điều bổ chính hay không. Y làm như thể tờ chúc thư không phải do chính tay y viết ra ấy!
- Ông cứ xem xét cho kỹ thì hơn. Vả lại - viên luật sư nói tiếp với một giọng đầy thiện ý bao dung, - ông đừng mất bình tĩnh, dù có xảy ra việc gì rầy rà cũng vậy. Ông đừng bao giờ tuyệt vọng. Không có gì là không thể cứu vãn được cả. Ông nhìn tôi đây mà xem. Tôi bao giờ cũng điềm tĩnh. Dù người ta có sinh sự kiện cáo tôi thế nào, sự điềm tĩnh của tôi vẫn không thể nào lay chuyển nổi.
Quả nhiên, gương mặt của nhà cố vấn pháp luật hiền triết phản ánh một sự điềm tĩnh lạ lùng, khiến cho Tsitsikôp thấy yên tâm.

- Dĩ nhiên, điều đó tối quan trọng, y nói; tuy vậy ông cũng nhận cho rằng có thể có những trường hợp những lời vu cáo của kẻ thù, những cảnh ngộ khó khăn có thể làm cho người ta mất hết bình tĩnh.
- Xin ông tin cho rằng như thế là hèn nhát, nhà pháp luật trả lời rất ôn tồn. Ông phải làm sao cho vụ này được thẩm vấn toàn bằng văn bản, giấy trắng mực đen, không có một lời khai miệng nào hết. Và hễ ông thấy sắp đến lúc kết thúc, và có giải pháp, thì đáng lẽ tự thanh minh và biện hộ cho mình, ông cứ việc ra sức làm cho mọi việc rối tung lên, bằng cách chen vào đấy những yếu tố ngoại lai.
- Nghĩa là để…
- Để làm cho rối tung lên, chỉ có thế thôi; phải đưa vào vụ này những sự việc phụ làm cho một số người khác dính líu vào: thế thôi! Sau đấy có viên công chức nào ở Pêterbua về thì hắn cứ thử gỡ đầu mối đi mà xem! Phải, cứ thử gỡ mà xem, nếu liệu sức có thể gỡ được! - Hắn vừa nhắc lại vừa nhìn chằm chằm vào mặt Tsitsikôp với một vẻ thích chí đặc biệt, như ông thầy nhìn cậu học trò khi giảng một mục lý thú của ngữ pháp Nga.
- Hay lắm, nhưng với điều kiện là phải tìm ra những sự việc có thể làm rối mắt thiên hạ; Tsitsikôp nói; mắt cũng nhìn nhà hiền triết một cách thích chí, như người học trò đã hiểu được cái mục lý thú ông thầy vừa giảng cho.
- Bao giờ cũng tìm được. Ông hãy tin tôi; được vận dụng thường xuyên thì trí tuệ sẽ tinh xảo. Trước hết ông nhớ cho rằng người ta sẽ giúp ông. Nguyên cái tính chất rắc rối của vụ này cũng đã có lợi cho nhiều người: cần nhiều viên chức hơn và họ được lĩnh nhiều hơn… Tóm lại, phải làm cho nhiều người dính líu vào. Nếu có những người liên lụy vào mà không việc gì thì cũng chẳng sao; họ sẽ phải thanh minh, làm đơn trả lời. Cái đó có lợi lắm! Có thể làm cho mọi việc rối tung lên đến nỗi không còn ai hiểu đầu đuôi ra làm sao nữa. Tại sao tôi lại điềm tĩnh được? Tại vì tôi có một đường lối xử sự đã vạch sẵn. Hễ tình hình công việc của tôi mà trở nên nghiêm trọng, thì tôi sẽ lôi ông tỉnh trưởng, ông phó tỉnh trưởng, ông cảnh sát trưởng, ông tổng giám đốc ngân khố: ai nấy đều dính líu vào đấy cả. Tôi biết hết những hành vi cử chỉ của họ,

những mối thù hiềm, những chuyện hờn dỗi, những thủ đoạn bon chen của họ. Dù họ có tìm được cách thoát đi nữa, thì cũng sẽ tìm ra những người khác. Đục nước béo cò.
Rồi viên trạng sư hiền triết nhìn vào tận mắt Tsitsikôp, lần này cũng với cái vẻ khoái trá như ông thầy đang giảng cho học trò nghe mục còn lý thú hơn nữa của bộ ngữ pháp Nga.
"Người này quả là một bậc hiền triết!" Tsitsikôp nghĩ thầm, đoạn từ giã vị cố vấn pháp luật và ra về với một tâm trạng hết sức phấn chấn.
Hoàn toàn vững dạ, y gieo mình một cách ung dung uể oải xuống những cái đệm êm ái của chiếc kôliaxka và ra lệnh cho Xêlifan bỏ mui xuống. (Khi đi đến nhà viên cố vấn pháp luật thì xe trương mui và buông rèm kín mít). Y ngồi lại cho thật thoải mái như một viên đại ta khinh kỵ hưu trí hay như đích thân Visnêpôkrômôp, chân bắt tréo lên, ngoảnh về phía khách qua đường một khuôn mặt hòa nhã, tươi rói dưới một chiếc mũ lụa mới tinh, đội hơi lệch sang một bên. Xêlifan được lệnh đánh xe đến chợ bán tạp hóa. Những lái buôn ngoại quốc và bản xứ đứng trên bậc các cửa hiệu, kính cẩn cất mũ chào; và Tsitsikôp cũng ngả mũ đáp lại, không khỏi có phần trịnh trọng. Y đã quen được nhiều người trong bọn; những người khác, tuy chưa quen, nhưng rất hài lòng về cái vẻ ung dung, đĩnh đạc của cái ông lớn ấy; cũng chào y. Chợ phiên Tfuxlavl vẫn tiếp tục họp; sau phiên chợ bán những xa xỉ phẩm dành cho những khách thượng lưu. Những lái buôn đi xe ngựa đến đây, đều định bụng là sẽ ra về bằng xe trượt tuyết {*Tức là định ở cho hết thu sang đông, đến tháng chạp là lúc tuyết xuống đóng kín mặt đất*}.
Đứng cạnh cửa hàng mình, một gã bán dạ, mặc chiếc áo dài may theo kiểu Mạc-tư-khoa, ngả mũ chào Tsitsikôp một cái hết sức lễ độ, tay kia mân mê cái cằm mới cạo.
- Xin ngài ban cho chúng tôi hân hạnh được đón tiếp ngài; hắn nói, giọng cầu kỳ.
Tsitsikôp bước vào hiệu.
- Nào, anh bạn, đưa dạ xem nào.
Gã lái buôn nhã nhặn lập tức giở một tấm ván ngăn ở gần quầy thu tiền; sau khi đã dọn cho mình một lối đi như vậy, hắn quay lưng về

phía hàng hóa và mặt về phía khách hàng. Đầu để trần, mũ vẫn cầm tay, hắn chào Tsitsikôp một lần nữa. Sau cùng, hắn đội mũ và chống hai tay lên quầy, nói:
- Ngài muốn chọn thứ dạ nào? Dạ của các xưởng Anh hay dạ nội hóa?
- Dạ nội hóa, Tsitsikôp nói; nhưng hạng nhất ấy, loại mà người ta vẫn gọi là dạ Anh ấy!
- Ngài dùng màu nào? Gã lái buôn vừa hỏi vừa đu đưa người một cách duyên dáng trên đôi tay chống thành vòng cung.
- Màu ô liu lấm chấm, hoặc màu da chai có ánh ngả sang màu tía: Tsitsikôp nói.
- Chúng tôi xin chọn hầu ngài loại tối thượng hảo hạng. Phải sang các thủ đô của thế giới văn minh mới tìm được thứ tốt hơn. Thằng nhỏ, lấy xem cái số 34 kia, trên cao ấy. Không phải thứ này, cậu ạ: mày thì lúc nào cũng ngơ ngơ ngẩn ngẩn như đồ *vô sản* {*Ở đây, gã lái buôn dùng chữ nhầm. Đáng lẽ nói* ***prôlêtiet*** *nghĩa là người bị phá sản, sạt nghiệp; hắn lại nói* ***prôlêtar*** *nghĩa là người vô sản*}. À đấy, đúng rồi! Ném xuống đây! Một loại dạ trứ danh!
Và vừa giăng tấm dạ ra, gã lái buôn vừa đưa đến sát tận mũi Tsitsikôp; thành thử không những y có thể vuốt ve tấm hàng mà lại còn có thể ngửi nó nữa.
- Cái này tốt, nhưng còn có thứ hơn nữa cơ; Tsitsikôp nói. Tôi đã từng làm thuế quan. Thử đưa xem loại thật tốt hơn tất cả ấy, màu thẫm hơn, ngả sang màu tía nhiều hơn là màu da chai.
- Chúng tôi hiểu rồi: đúng là ngài thích cái màu hợp thời trang nhất hiện nay. Chúng tôi có một loại dạ tối hảo hạng. Xin thưa trước là giá có cao. Nhưng phẩm chất cũng cao ngang thế.
Gã người Âu leo lên. Súc hàng được ném xuống. Hắn giăng tấm dạ ra với cái nghệ thuật ngày xưa, trong chốc lát quên khuấy đi rằng mình thuộc thế hệ mới. Hắn đưa hàng ra chỗ sáng, thậm chí còn bước ra ngoài cửa hiệu cho khách xem, mắt hấp háy vì chói nắng, và cuối cùng tuyên bố:
- Màu tuyệt đẹp: huyết dụ lửa khói {*Màu đỏ như lửa, nhưng lấp loáng có ánh xanh như khói*}.
Hàng đã vừa lòng khách; hai bên thỏa thuận về giá cả, mặc dù gã

lái buôn cam đoan là chỉ bán giá nhất định. Tấm dạ lập tức được xé ra khỏi súc - một động tác rất gọn của hai cánh tay thay cho nhát kéo - và được gói lại theo kiểu Nga với một tốc độ phi thường. Một lát kéo vào đầu mũi dây buộc, và nhoáng một cái, mọi thứ đều đã nằm gọn trong xe. Gã lái buôn cất mũ chào. Hắn có đủ lý do để làm như vậy: món hàng vừa bán rất được giá.
- Cho tôi xem thứ dạ đen; có tiếng ai nói.
"Ái chà, Khlôbuiep đây rồi", Tsitsikôp vừa nghĩ thầm vừa quay lưng lại để khỏi phải trông thấy ông ta, vì cho rằng phải nói với ông ta về việc cái gia tài cho rõ ràng là dại dột. Nhưng Khlôbuiep đã trông thấy y.
- Ông Paven Ivannôvits, ông cố tình tránh mặt tôi hay sao? Tôi tìm ông khắp nơi mà chẳng gặp; chúng ta cần nói chuyện nhiều với nhau kia mà!
- Thưa bác, thưa bác, Tsitsikôp vừa nói vừa bắt tay Khlôbuiep; xin cam đoan là tôi rất muốn hầu chuyện bác; nhưng thật có chút thì giờ rỗi rãi nào đâu!
Trong khi nói như vậy, y nghĩ thầm: "Quỷ bắt mày đi cho rảnh!".
Bỗng y thấy Murazôp bước vào. - À! Trời ơi, Afanaxi Vaxiliêvits! May quá!
Vừa lúc ấy Visnêpôkrômôp cũng bước vào cửa hiệu và nhắc lại: - Afanaxi Vaxiliêvits!
Và gã lái buôn lịch sự, cất mũ với một động tác của cánh tay vẽ thành một đường vòng cung rất rộng, cả người cúi rạp xuống, mồm thốt lên:
- Xin kính chào ngài Afanaxi Vaxiliêvits.
Bấy nhiêu gương mặt đều phản chiếu cái vẻ khúm núm, tôi đòi của những kẻ phàm trần đứng trước các nhà triệu phú.
Ông già chào mọi người và quay thẳng về phía Khlôbuiep nói: - Xin ông thứ lỗi cho! Từ ngoài xa trông thấy ông vào đây, tôi quyết đến làm phiền ông. Nếu ông có thì giờ và tiện đường đi, xin ông vui lòng ghé qua nhà tôi một chút. Tôi có câu chuyện cần thưa với ông.
- Thưa, xin vâng ạ! Khlôbuiep nói.
- Trời đẹp quá, ông Afanaxi Vaxiliêvits nhỉ, Visnêpôkrômôp nói

tiếp; thật là một tiết trời khác thường!
- Phải, đội ơn Chúa, trời đẹp lắm. Nhưng cũng phải có mấy hạt mưa mới gieo được.
- Vâng, đúng thế đấy ạ, Visnêpôkrômôp nói; đi săn cũng cần có mấy hạt mưa.
- Phải, mưa xuống mấy hạt cũng hay, Tsitsikôp tán thành, tuy y chẳng cần đến mưa chút nào cả; nhưng bao giờ người ta cũng thích tán thành những lời nói của một nhà triệu phú.
- Đến chóng mặt lên được, Tsitsikôp nói, khi Murazôp đã đi khuất. Con người ấy mà có bạc triệu trong tay! Thật khó lòng mà tin được!
- Đó là một việc trái tự nhiên, Visnêpôkrômôp nói; vốn liếng không được tập trung vào tay những cá nhân. Bây giờ khắp châu Âu đều có những cuốn sách bàn vấn đề đó. Khi người ta có tiền, cần phải cho người khác được nhờ với: phải mở tiệc, tổ chức vũ hội, phô trương một sự xa xỉ hữu ích, đưa lại bánh mì cho công nhân và thợ thủ công.
- Có điều này tôi không thể hiểu được, Tsitsikôp nói; là ông ta có bạc triệu mà lại sống như gã nhà quê! Có mười triệu bạc thì làm gì mà chả được! Nếu muốn, thì người ta có thể chỉ lui tới toàn các tướng quân và các vương công mà thôi.
- Vâng, gã chủ hiệu nói thêm; tuy có nhiều đức tính đáng quý, Afanaxi Vaxiliêvits vẫn thiếu văn hóa về nhiều mặt. Khi một anh lái buôn đã có vai vế, anh ta thành một *thương gia* {*Tư sản trong xã hội Nga hoàng*} và phải xử sự cho ra một thương gia, thuê lô ở nhà hát, gả con cho một vị tướng. Một ông đại tá quèn đã không thích hợp với anh ta nữa rồi. Anh ta cho chị nấu bếp thôi việc và đặt bữa ăn ở một khách sạn.
- Dĩ nhiên, Visnêpôkrômôp nói, có mười triệu thì làm gì mà chả được! Cứ thử cho tôi mười triệu xem.
"Không, Tsitsikôp nghĩ thầm; mày chẳng dùng được vào việc gì ra trò đâu. Nhưng phải tay tao thì lại là chuyện khác".
"Ước gì ta có được mười triệu sau những thử thách gian khổ này nhỉ, Khlôbuiep nghĩ. Kinh nghiệm đã dạy cho ta biết giá trị của mỗi đồng kôpek. Ta sẽ biết dùng khác hẳn". Sau một phút suy

nghĩ, ông ta tự hỏi: "Liệu bây giờ ta có dùng tiền khôn ngoan hơn không?". Rồi ông ta so vai nghĩ tiếp: "Mẹ kiếp! Chắc rồi ta cũng lại phung phí, như ngày trước mà thôi!".
Chỉ lát sau, ông ta ra khỏi hiệu, rất nóng lòng muốn biết Murazôp sẽ nói gì với mình.
- Tôi đang đợi ông đây, Xêmiôn Xemiônôvits ạ, Murazôp nói khi thấy ông ta vào; mời ông sang phòng tôi.
Murazôp dẫn Khlôbuiep vào một căn buồng nhỏ, giản dị chẳng khác gì gian buồng của một anh thuộc loại lương mỗi năm bảy trăm rúp.
- Ông ạ, tôi chắc bây giờ tình cảnh của ông đã khá hơn. Chắc bà dì ông mất đi, ông cũng có được ít nhiều gì chứ?
- Thực tình mà nói thì tôi cũng không biết tình cảnh của tôi có khá hơn không nữa, ông Afanaxi Vaxiliêvits ạ. Tôi chỉ được cả thảy có năm mươi nông dân và ba vạn rúp; số tiền ấy tôi phải trả nợ hết, mà cũng chỉ trả được có một phần; và thế là bây giờ tôi lại cạn túi. Ông Afanaxi Vaxiliêvits ạ, ông có biết không? Vụ tờ chúc thư này khả nghi lắm lắm! Để tôi kể cho ông nghe, ông sẽ lấy làm lạ về những việc đang xảy ra. Cái lão Tsitsikôp ấy…
- Khoan đã, ông Xêmiôn Xemiônôvits ạ; trước khi nói đến cái lão Tsitsikôp ấy, ta hãy bàn chuyện ông đã. Ông thử nói cho tôi nghe, theo ước lượng của ông, thì ông cần có bao nhiêu tiền để hoàn toàn thoát khỏi cơn túng quẫn?
- Tình cảnh tôi khó khăn lắm, Khlôbuiep nói. Muốn thoát khỏi cơn túng quẫn, trả hết nợ và có đủ phương tiện để sống một cuộc đời hết sức thanh đạm tôi cần ít nhất là mười vạn rúp, nếu không được nhiều hơn.
- Thế giả sử ông có được số tiền ấy, ông sẽ tổ chức đời sống ra sao?
- Được thế thì tôi sẽ thuê một căn nhà nhỏ và sẽ lo việc giáo dục con cái. Không cần nghĩ đến bản thân tôi làm gì: đời tôi thế là hết, tôi không còn được tích sự gì nữa.
- Nếu thế thì ông sẽ ngồi không. Nhưng ông cũng biết thừa là trong cảnh nhàn cư, người ta có thể bị những sự cám dỗ mà một người bận rộn không đời nào biết đến.

- Ông bảo tôi biết làm thế nào được, tôi là người bỏ đi; khắp người tôi tê liệt, lưng đau như dần.
- Nhưng làm sao có thể sống mà không làm việc được? Làm sao có thể vẫn ở trên đời này mà không có chức vụ, không có một chỗ đứng? Ông cứ thử nhìn tất cả các tạo vật của Chúa mà xem: mỗi vật đều có một công dụng, mỗi vật đều được dành cho một mục đích nào đấy. Đến như hòn đá cũng có công dụng của nó; thế mà con người, tạo vật khôn ngoan nhất, lại không chịu làm một cái gì có ích ư? Như thế có công bằng không?
- Nhưng tôi có hoàn toàn ngồi không đâu. Tôi sẽ chăm lo việc giáo dục con cái kia mà!
- Không được, ông Xêmiôn Xemiônôvits ạ; không được đâu, không có gì khó khăn hơn việc đó nữa. Làm sao một người không giáo dục nổi bản thân lại có thể giáo dục được con cái? Cách giáo dục duy nhất là làm gương. Nhưng cuộc đời của ông liệu có đáng đem ra làm gương cho chúng noi không? Cùng lắm cũng chỉ dạy được cho chúng ăn không ngồi rồi và đánh bài mà thôi. Không được đâu, ông Xêmiôn Xemiônôvits ạ, ông hãy giao các cháu cho tôi; ở với ông, chúng sẽ hư hỏng. Ông hãy suy nghĩ cho chín: sự nhàn rỗi đã làm hỏng đời ông; ông cần phải trốn nó đi mới được. Làm sao có thể sống mà không phụ thuộc vào cái gì cả được? Người ta phải có một nhiệm vụ gì chứ. Ngay như kẻ làm công nhật cũng có ích cho cái gì đó. Bánh hắn ăn là hạng bánh một kôpek, quả có như vậy; nhưng đó là cái ăn kiếm được bằng mồ hôi, nước mắt, và hắn thấy có hứng thú trong khi làm việc.
- Ông Afanaxi Vaxiliêvits ạ; quả tình tôi đã cố thử thắng bản thân. Nhưng chẳng ăn thua gì! Tôi già rồi, tôi đã thành bất lực rồi. Đi làm công chức ư? Tôi đã bốn mươi lăm tuổi đầu, chả nhẽ lại đi ngồi cùng bàn với bọn sai nha? Hơn nữa, tôi không ăn của đút được. Tôi sẽ làm hại thân tôi và làm hại người khác. Vả lại họ đã có cách với nhau cả. Không xong, ông Afanaxi Vaxiliêvits, tôi đã nghĩ chín rồi; tôi đã điểm qua tất cả các chức vụ; dù ở chức vụ nào tôi cũng sẽ bất lực. May ra chỉ có nhà dưỡng lão là thích hợp với tôi.
- Nhà dưỡng lão là để cho những người đã từng làm việc; còn

những kẻ suốt thời thanh niên chỉ chơi bời, thì người ta trả lời họ như con kiến trả lời con ve: *Thế thì bây giờ anh múa đi!* {*Trong bài thơ ngụ ngôn của thi hào Pháp La Fôngten.* ***Con ve và con kiến****, con ve vô tư lự hát suốt mùa hè, đến mùa đông không có gì ăn phải đến vay con kiến cần kiệm và biết lo xa, bị con này hỏi mỉa: mùa hè làm gì. Ve trả lời là mùa hè mải hát, thì kiến bảo: "- Thế thì bây giờ múa đi!"*} Vả lại ngay ở nhà dưỡng lão người cũng làm việc, chứ có phải đánh bài uyxt đâu. Xêmiôn Xemiônôvits ạ, Murazôp vừa nói vừa nhìn ông ta chằm chằm; ông tự dối mình và lừa cả tôi nữa.

Murazôp nhìn vào tận mắt ông ta; nhưng ông Khlôbuiep đáng thương kia chẳng biết trả lời ra sao cả và Murazôp thấy thương hại.

- Này, ông Xêmiôn Xemiônôvits ạ… Ông đọc kinh; ông đi nhà thờ, tôi biết; ông không bỏ sót một lễ chiều, lễ sáng nào. Dù không thích dậy sớm, ông vẫn đi lễ, ông đi từ bốn giờ sáng trong khi mọi người còn ngủ.

- Đó là việc khác, Afanaxi Vaxiliêvits ạ. Tôi làm như thế không phải vì thế gian, mà vì Đấng đã phán truyền cho tất cả chúng ta sống trên thế gian. Tôi tin rằng Người sẵn lượng từ bi đối với tôi; rằng mặc dù tôi hư hỏng. Người vẫn có thể tha thứ và đón tôi về với Người; trong khi thiên hạ hắt hủi tôi, trong khi người bạn thân nhất của tôi cũng sẽ phản tôi, rồi sau đó lại bảo rằng làm như vậy là vì thiện ý.

Một nỗi buồn vô hạn hiện lên trên mặt Khlôbuiep. Murazôp im lặng một lát, như để cho Khlôbuiep trấn tĩnh lại, rồi nói:

- Tại sao ông không ra làm việc? không phải làm vì thế gian, cũng không phải để vừa lòng người đời? Ông hãy phụng sự Đấng có lòng từ bi như vậy. Làm lụng cũng làm cho Người vui lòng như cầu nguyện. Ông hãy làm lấy một việc gì; nhưng làm như thế vì Người, chứ không phải vì thiên hạ. Ông làm cái việc giã nước trong cối {*Thành ngữ Nga, có nghĩa là làm một việc vô ích, đại ý như ta nói dã tràng xe cát*} cũng được; nhưng vừa làm vừa nghĩ rằng mình vì Người mà làm. Như thế đã có ngay một cái lợi là ông sẽ không còn thì giờ để làm điều xấu, để thua bạc, để chè chén với bọn ăn ghẹ, để chơi bời phóng đãng. Xêmiôn Xemiônôvits ạ, ông

có biết Ivan Pôtapưts không?
- Có, và tôi rất trọng ông ta.
- Ấy đấy, ông ta là một nhà buôn rất giỏi. Ông ta có nửa triệu bạc. Thấy làm gì cũng lãi, ông ta đã muốn sống một cuộc đời sang trọng. Con trai học tiếng Pháp, con gái lấy một vị tướng. Chẳng còn ai trông thấy mặt ông ở cửa hiệu hay ở sở chứng khoán nữa; suốt ngày ông ta la cà trong các quán rượu, tiệc tùng với bạn bè và cuối cùng ông ta vỡ nợ. Lại thêm một nỗi khổ nữa, là Chúa đã cho con trai ông về thiên đường. Bây giờ thì, ông thấy không, ông ta làm người chạy việc cho tôi.
Ông ta đã đổi lốt hẳn. Công việc của ông ta đã trở lại bình thường. Ông ta lại có cái vốn năm mươi vạn rúp để buôn bán. Nhưng ông ta bảo: "- Không, tôi nay là người chạy việc, tôi chỉ muốn làm người chạy việc đến trọn đời. Bây giờ trong người tôi thanh thản, khỏe khoắn; chứ trước kia tôi đã bắt đầu phệ ra và bị chứng thủy thũng đe dọa… Xin chừa!".
Bây giờ ông ta không uống trà nữa, chỉ ăn toàn bánh mì tiểu mạch với xúp bắp cải mà thôi. Ông ta ngoan đạo và sẵn lòng cứu giúp kẻ nghèo hơn hết thảy chúng ta đây; vì có lắm người, sau khi đã hoang phí hết tiền của thì lấy làm sung sướng được cứu giúp người nghèo.
Ông già cầm lấy tay Khlôbuiep. Con người đáng thương ấy đang suy nghĩ rất lung.
- Xêmiôn Xemiônôvits! Giá ông biết ông làm cho tôi khổ tâm đến nhường nào! Lúc nào tôi cũng nghĩ đến ông! Ông ạ, ông cũng biết là ở trong tu viện có một vị ẩn sĩ, không hề tiếp ai. Ông ta là một người thông minh lỗi lạc. Ông ta rất ít nói, nhưng khi ông ta khuyên ai điều gì… Tôi có nói với ông ta rằng tôi có một người bạn, mà tôi không nói rõ tên, đang lâm vào tình trạng thế này thế nọ. Lúc đầu ông ta lắng nghe, rồi bỗng ngắt lời tôi và nói: "- Phải nghĩ đến Chúa trước khi nghĩ đến mình. Người ta đang xây một ngôi nhà thờ mà tiền thì thiếu: cần phải quyên tiền cho nhà thờ". Nói đoạn, ông ta đóng cửa lại trước mặt tôi. "Như thế nghĩa là thế nào, tôi nghĩ bụng. Ông ta không muốn khuyên bảo mình hay sao?". Tôi đến tìm Cha Bề trên. Tôi vừa bước vào, Cha đã nói: "-

Ông có biết ai có thể đảm đương việc đi quyên tiền xây nhà thờ không? Cần phải là người quý tộc hay là nhà buôn, có giáo dục kha khá và thấy rõ rằng việc thiện này là một cách cứu vớt linh hồn mình". Tôi sửng sốt: "- À lạy Chúa! Ra ý ẩn sĩ muốn nói như vậy đấy. Ông ta dành công việc này cho Xêmiôn Xemiônôvits đấy. Được đi đây đi đó, Xêmiôn Xemiônôvits sẽ chóng khỏi bệnh. Cầm sổ quyên đi gặp hết trang chủ đến nông dân, hết nông dân đến người thành thị, ông ta sẽ biết được hoàn cảnh sinh hoạt và nhu cầu của từng người; thành thử sau khi đã đi qua vài tỉnh, khi về ông ta sẽ biết rõ vùng này hơn hết thảy những kẻ chỉ luẩn quẩn ở nhà như chúng ta". Lại vừa đúng là người ta đang cần những người như thế. Công tước có nói với tôi là ngài đang thiết tha mong có một viên chức biết rõ mọi việc như trong thực tế; vì ngài bảo là trên giấy tờ người ta chẳng trông thấy gì hết, cái gì cũng rối tung lên.
Khlôbuiep ngạc nhiên nhìn Murazôp và nói:
- Ý giúp đỡ của ông làm tôi khó nghĩ quá, Afanaxi Vaxiliêvits ạ. Tôi thật khó lòng mà tin được rằng ông có thể bàn với tôi một việc như thế; làm việc đó phải là một người tháo vát, không biết mệt. Vả lại làm thế nào mà bỏ vợ con ở nhà, chẳng có miếng bánh ăn được.
- Ông đừng lo. Tôi xin nhận việc chu cấp cho họ; con ông sẽ có thày dạy. Chẳng thà đi quyên cho Chúa, còn hơn là bị gậy đi ăn xin cho mình ông ạ; cao quý hơn nhiều. Tôi sẽ cho ông một chiếc xe mui nhỏ; ông đừng sợ xóc, vì như thế có lợi cho sức khỏe của ông. Tôi sẽ giao tiền cho ông đi đường, để ông có thể cứu giúp những kẻ túng quẫn nhất ở những nơi mà ông đi qua. Như vậy ông có thể làm nhiều việc thiện, ông sẽ không lầm lẫn và những kẻ được ông giúp sẽ là những kẻ đáng được. Đi như vậy, ông sẽ biết thiên hạ sống ra sao. Người ta sẽ không ngờ vực ông như ngờ vực một quan chức mà mọi người đều sợ. Biết là ông đi quyên tiền cho nhà thờ, người ta sẽ sẵn lòng bắt chuyện với ông.
- Thật là một ý hay, và tôi rất muốn thực hiện, ít nhất là một phần; nhưng tôi thấy công việc quá sức tôi.
- Có việc nào là việc vừa sức ta không? Murazôp nói. Không, việc gì cũng quá sức ta cả; không có sự giúp đỡ của Chúa, ta không thể

làm gì hết. Nhưng ta có sức mạnh nhờ cầu nguyện. Ta làm dấu thánh, ta cầu xin sự cứu giúp của Chúa, ta cầm lấy chèo và ta vào bờ được. Không phải suy nghĩ gì nhiều nữa; ông hãy nhận lấy một cách đơn giản như nhận một mệnh lệnh của Chúa. Xe sắp thắng xong, ông đến gặp Cha Bề trên mà lấy sổ quyên và xin cha ban phước cho, rồi lên đường!
- Tôi xin theo lời ông, và nhận việc này như nhận lời chỉ bảo của Chúa. "Xin Chúa ban phước cho con!" ông ta khấn thầm và tức thì sức mạnh với tinh lực tràn vào lòng ông ta. Tâm trí ông ta như bừng tỉnh với niềm hy vọng thoát khỏi tình cảnh đáng buồn của mình. Một tia sáng lóe lên ở đằng xa.
- Bây giờ xin phép hỏi ông một câu, Murazôp nói. Cái lão Tsitsikôp ấy là người thế nào?
- Chuyện hắn thật là không tiền khoáng hậu, để tôi kể ông nghe. Hắn làm những việc hết sức bỉ ổi… Afanaxi Vaxiliêvits ạ, ông có biết tờ chúc thư ấy là giả mạo không? Người ta đã tìm ra tờ thật, nói là để điền trang lại cho hai người con nuôi.
- Ông nói sao? Ai làm ra chúc thư giả ấy?
- Người ta bảo chính Tsitsikôp làm ra, và chúc thư ấy được ký sau khi người đương sự chết rồi. Một người đàn bà được mua chuộc đã ký giả vào đấy. Tóm lại, thật là một vụ hết sức nhơ nhuốc. Hiện có vô số đơn khiếu nại từ khắp nơi gửi về. Có nhiều người đến dạm hỏi Maria Iêrêmêiepma; hai viên công chức đã đánh nhau vì cô ta. Tình hình như thế đấy, Afanaxi Vaxiliêvits ạ.
- Thế mà tôi chẳng biết gì cả; vụ này thật là đáng khiển trách. Paven Ivannôvits, nói thật, là một người rất khó hiểu.
- Tôi cũng đã đệ một lá đơn khiếu nại, để nhắc họ nhớ rằng có một người bà con gần có quyền hưởng gia tài.
"Cứ để cho chúng xâu xé nhau! Khlôbuiep nghĩ thầm khi ra về. Afanaxi Vaxiliêvits không phải là người ngốc. Ông ta giao cho mình việc này, chắc là đã nghĩ kỹ; mình cứ việc làm cho tròn phận sự". Ông ta đã lo đến việc lên đường trong khi Murazôp vẫn còn nghĩ mãi: "Cái lão Paven Ivannôvits này, thật là một người khó hiểu. Giá hắn để ngần ấy ý chí và nghị lực mà làm việc thiện!" Trong khi đó, đơn khiếu nại gửi tới tấp đến các tòa án. Lần lượt

thấy xuất hiện những người có thể thừa hưởng gia tài mà xưa nay chẳng ai từng nghe nói đến. Như một đàn quạ sà xuống một cái xác chết đã thối, ai nấy đều dòm dõi cái gia tài kếch sù của bà già để lại. Có những đơn tố giác Tsitsikôp, những đơn phủ nhận tính xác thực của tờ chúc thư sau, cũng như của tờ chúc thư trước; có những chứng tích về tội biển thủ và thụt két. Tsitsikôp lại còn bị tố cáo là đi mua những linh hồn chết và buôn lậu trong thời gian làm ở ngành thuế quan. Người ta lục lạo cả cuộc đời của Tsitsikôp, vạch rõ những ba đào đã xảy ra ngày xưa cho y. Có trời biết họ làm thế nào mà đánh hơi được những việc đó; chỉ biết là họ bới ra được nhiều việc mà Tsitsikôp vẫn tưởng là ngoài y với bốn bức tường ra, chẳng ai hay biết gì hết. Vả chăng, tất cả những việc đó đều được nhà chức trách giữ kín và chưa đến tai Tsitsikôp; mặc dù một mảnh giấy của nhà pháp luật gửi đến đã cho y biết rằng sắp có chuyện chẳng lành.

Nội dung mảnh giấy ấy chỉ vắn tắt: "- Tôi xin vội vàng báo để ông rõ rằng sẽ có chuyện lôi thôi; nhưng xin ông nhớ là không nên bối rối. Hãy bình tĩnh, hãy bình tĩnh. Rồi mọi việc sẽ được dàn xếp ổn thỏa". Mảnh giấy làm cho Tsitsikôp hoàn toàn vững dạ. Y tự nhủ: "Đúng là một thiên tài!".

May mắn hơn nữa là vừa lúc ấy thợ may lại đem áo đến. Y đang nóng lòng được mặc chiếc frac mới, màu huyết dụ lửa khói. Y mặc cái quần vào, thấy vừa vặn, sít sao quá, hai bên hông cũng vừa đẹp, đôi bắp chân cũng thế; chất dạ ăn sát vào từng chi tiết một, làm cho các bắp thịt trông lại càng dẻo dai hơn. Khi đã mắc cái khóa lưng ở phía sau thì bụng y phềnh ra như cái trống, y cầm cái bàn chải đập vào bụng và kêu lên:

- Trông thộn quá! Nhưng nhìn gộp vào thì lại rất cân xứng!

Cái áo lại còn có vẻ khéo cắt hơn cái quần nữa; không một nếp nhăn; vạt áo buông rất thẳng; áo ăn sát vào người, làm nổi bật cái lưng ong. Tsitsikôp phàn nàn là hơn vương vướng ở nách bên phải, thì người thợ may chỉ mỉm cười: như thế, áo lại càng bó sát lấy người và chỉ làm nổi bật tấm thân lên thôi.

- Xin ngài yên tâm, về kỹ thuật may thì xin ngài cứ yên tâm, - hắn cứ nhắc đi nhắc lại với một vẻ đắc thắng không hề giấu giếm; - trừ

ở Pêterbua ra thì không nơi nào may được như thế này đâu!
Chính gã thợ may là người Pêterbua, tuy trên biển hiệu, hắn đề: *Thợ ngoại quốc ở Luân Đôn và Ba Lê*. Hắn vốn là kẻ làm đến nơi đến chốn và khi tuyên bố mình là người của hai thành phố như vậy, hắn muốn khóa mõm tất cả các bạn đồng nghiệp: từ đấy về sau, bọn này đành phải chịu làm người Karlxru hay Kôbenhagen {*Karlxru, một thành phố lớn ở Đức, Kôbenhagen, thủ đô nước Đan Mạch, là những thành phố ăn diện kém Luân Đôn và Ba Lê nhiều*} mà thôi.
Tsitsikôp trả tiền cho thợ may; và khi chỉ còn lại một mình trong phòng, y tha hồ ngắm nghía mình trong gương, *con amore* {*Tiếng Ý trong nguyên văn có nghĩa là: một cách âu yếm*}, với tư cách một nghệ sĩ có khiếu thẩm mỹ. Mỗi bộ phận của bức tranh hình như đều được tăng thêm sắc đẹp; đôi má hồng hào hơn, cái cằm duyên dáng hơn; cổ áo trắng làm nổi nước da đôi má; cái cà vạt xa tanh xanh làm nổi màu cổ áo; những nếp gấp hợp thời trang trên vạt trước áo sơ mi làm nổi chiếc cà vạt; chiếc gi lê nhung sang trọng làm nổi vạt trước áo sơ mi và chiếc frac màu huyết dụ lửa khói làm nổi toàn bộ lên. Y quay sang phải: tuyệt! Quay sang trái: còn tuyệt hơn nữa! Quả là cái lưng ong của một viên thị thần {*Chức quan coi việc quản lý trong cung, hầu cận vua, chúa*} hay của một nhân vật gãi cũng gãi theo lối Pháp, một con người mà ngay lúc giận dữ cũng không văng ra một câu nói tục nào bằng tiếng Nga, mà chửi bới, nguyền rủa toàn bằng tiếng Pháp cả! Tóm lại, thật là văn minh đến cực điểm! Đầu hơi nghiêng nghiêng, y đứng theo cái tư thế của một gã công tử hợm mình đang tiếp chuyện một phu nhân đứng tuổi có học thức tinh tế: thật là một đề tài rất đẹp để vẽ thành tranh, chỉ còn thiếu có họa sĩ và bút vẽ nữa mà thôi. Đắc chí, Paven Ivannôvits phác một bước vũ antrasat. Chiếc tủ ngăn rung lên, một lọ ô đơ Côlôn lăn xuống đất. Không chút nao núng, y chỉ chửi cái lọ là đồ ngốc, rồi nghĩ thầm: "Nên đến thăm nơi nào trước đây? Tốt hơn cả là…".
Bỗng phòng ngoài nghe như có tiếng cựa giày lạch cạch. Một viên sen đầm hiện ra với đầy đủ trang bị như thể chỉ một mình hắn đại diện cho cả một quân đoàn.

- Có lệnh đòi lên trình diện ngay quan lớn tổng trấn.
Tsitsikôp đớ người ra. Trước mắt y sừng sững một ngoáo ộp, ria mép vểnh lên, đầu đội cả một cái đuôi ngựa {*Mũ sắt của sen đầm thời ấy có ngù rất dài làm bằng lông đuôi ngựa*}, mỗi vai đeo một chiếc nịt da, một thanh gươm lớn lủng lẳng bên sườn. Y có cảm giác là bên sườn kia còn đeo một khẩu súng và có trời biết là còn những gì nữa… cả một quân đoàn tập trung vào một cá nhân! Y toan cãi; ngoáo ộp liền tuôn ra, rất cục cằn: - Lệnh đòi lên ngay tức khắc!
Ở phòng ngoài, Tsitsikôp thoáng thấy bóng một ngoáo ộp nữa; nhìn qua cửa sổ, y thấy một cỗ xe. Biết làm thế nào bây giờ? Mình vẫn mặc nguyên chiếc áo lễ đẹp màu huyết dụ lửa khói, y đành phải lên xe; và với viên sen đầm áp giải một bên, y run rẩy đi đến dinh tổng trấn. Vào đến phòng chờ, người ta cũng chẳng để cho y có thì giờ hoàn hồn nữa.
- Vào đi! Công tước đang đợi, người trực nhật nói.
Y trông thấy như qua một làn sương mù gian phòng đợi, nơi mấy anh chạy giấy đang nhận những gói công văn, rồi một gian phòng lớn mà y vừa đi qua, vừa nghĩ thầm: "Họ sẽ tống cổ mình đi Xibia, không xét xử lôi thôi gì nữa". Trống ngực y đập còn mạnh hơn trống ngực của gã tình nhân hay ghen nhất. Cuối cùng, cánh cửa oan nghiệt mở ra; phòng làm việc hiện lên; y trông thấy những cái tủ, những tập hồ sơ, những chồng sách, và công tước tổng trấn, hiện thân của thịnh nộ.
"Hung thần! Hung thần! Tsitsikôp tự nhủ. Hắn sẽ xé xác mình ra như con sói xé xác con cừu non!".
- Gớm nhỉ! Công tước nói, đôi môi run lên vì giận; ta đã tha cho ngươi; đáng lẽ phải tống ngươi đi đày khổ sai, thì ta cho phép ngươi ở lại trong thành phố; thế mà để trả ơn ta, ngươi lại đi làm cái việc bịp bợm, bỉ ổi nhất xưa nay chưa từng có ai làm!
- Thưa Đại nhân, việc bịp bợm, bỉ ổi nào kia ạ? Run lẩy bẩy, Tsitsikôp hỏi.
- Con mụ đàn bà, công tước vừa nói vừa tiến lại gần và nhìn chằm chặp vào Tsitsikôp; con mụ đàn bà đã viết cái chúc thư do ngươi đọc cho, đã bị bắt và sẽ được đem ra đối chất với ngươi.

Mắt Tsitsikôp tối sầm lại. Mặt y trắng bệch ra như tờ giấy.
- Thưa Đại nhân! Con xin thưa hết sự thật. Con có tội, thật là có tội; nhưng không đến nỗi như Đại nhân nghĩ, những kẻ thù đã vu oan cho con.
- Không ai có thể vu oan cho ngươi được, vì ngươi có nhiều mánh khóe bỉ ổi mà một tên lừa đảo vô liêm sỉ nhất cũng không tưởng tượng ra nổi. Ta tin rằng suốt đời, ngươi chưa từng có một hành động nào mà không bất lương. Mỗi đồng kôpek ngươi kiếm ra đều do thủ đoạn vô liêm sỉ; mỗi đồng kôpek ngươi kiếm ra là một vụ ăn cắp và một hành động nhơ nhuốc, đáng gia hình bằng knut {*Knut là roi da gồm nhiều sợi có buộc những cục sắt nhỏ, công cụ để gia hình thông dụng dưới thời Nga hoàng*} và đày đi Xibia. Quá quắt lắm rồi! Mày sẽ phải tống ngục ngay tức khắc và vào đấy, cùng với bọn vô lại đê hèn hạng nhất, sẽ chờ người ta quyết định số phận mày. Mà thế còn là một ân huệ cho mày đấy, vì mày còn tệ hơn bọn chúng nữa; chúng nó chỉ mặc sơ mi thụng và tulup, còn mày thì…
Công tước nhìn chiếc frac màu huyết dụ lửa khói và kéo dây chuông.
- Xin Đại nhân! Tsitsikôp kêu lên. Xin Đại nhân thương tình! Đại nhân là một người cha. Đại nhân không thương con thì cũng xin Đại nhân rủ lòng thương mẹ già con!
- Mày nói dối! Công tước tức giận quát lên. Trước kia mày đã van xin ta vì mấy đứa con, vì cái gia đình bịa đặt của mày; bây giờ mày lại nói đến mẹ mày.
- Thưa Đại nhân! Con là một tên vô lại, một kẻ khốn nạn nhất đời. Quả con đã nói dối; con không hề có con cái, không hề có gia đình; nhưng có Chúa chứng dám cho con, xưa nay con vẫn mong có một người vợ, mong làm bổn phận của một con người và một nông dân, để xứng đáng được xã hội trọng nể. Nhưng hoàn cảnh oái ăm thay! Thưa Đại nhân, con đã phải kiếm kế sinh nhai trong những điều kiện khủng khiếp. Cứ mỗi bước là gặp những cám dỗ… những kẻ thù... cả cuộc đời con như một cơn lốc hay một con tàu bềnh bồng trên sóng, phiêu bạt theo gió. Thưa Đại nhân, con chỉ là một con người!

Nước mắt y bỗng tuôn ra như suối. Mình diện nguyên chiếc frac màu huyết dụ lửa khói, chiếc gi lê nhung, chiếc cà vạt xa tanh, cái quần hoàn mỹ, bộ tóc thơm phức ô đơ Côlôn, y sụp xuống chân công tước và dập trán xuống sàn nhà.
- Lui ra! Quân đâu! Lôi nó đi! Công tước quát.
- Xin Đại nhân! Tsitsikôp rống lên, hai tay ôm chặt lấy chiếc ủng của công tước.
Người công tước run lên bần bật.
- Ta bảo mày lui ra! Ngài vừa quát vừa cố gỡ chân ra khỏi đôi tay của Tsitsikôp.
- Xin Đại nhân, con cứ phủ phục ở đây cho đến khi Đại nhân làm phúc tha cho con! Tsitsikôp nói; tay vẫn không buông chiếc ủng của công tước và cứ lê gối theo chân ngài trên sàn gỗ, trong bộ lễ phục đẹp đẽ màu huyết dụ lửa khói.
- Buông ra, công tước nói với cái cảm giác ghê tởm mơ hồ như khi người ta trông thấy một con bọ mà không đủ cam đảm giẫm cho chết. Ngài giãy chân ra mạnh đến nỗi đá phóc vào mặt Tsitsikôp, làm cho mũi, môi và cằm y đau ê ẩm; nhưng y vẫn không chịu buông tay và càng bám chặt hơn nữa vào chiếc ủng. Sau cùng, phải hai viên sen đầm lực lưỡng dùng vũ lực kéo y ra và xốc nách lôi tuột qua khắp các phòng. Y nhợt nhạt, thẫn thờ, ở trong cái trạng thái hôn mê khủng khiếp của một kẻ đang đứng trước một cái chết thảm khốc, không sao tránh khỏi, trước cái cảm giác hãi hùng hết sức trái ngược với bản tính con người…
Ở chân thang máy, y gặp Murazôp. Một tia hy vọng lóe lên. Chỉ trong nháy mắt y vùng ra khỏi tay hai viên sen đầm và sụp xuống chân Murazôp, khiến cho ông già hết sức ngạc nhiên.
- Ông ơi, Paven Ivannôvits ơi! Ông làm sao thế?
- Cứu tôi với! Họ đưa tôi vào tù, vào chỗ chết…
Hai viên sen đầm túm hắn lôi đi, không cho nói nốt… Một gian hầm bẩn thỉu và ẩm thấp, nồng nặc mùi đế ủng và xà cạp của lính coi ngục, một cái bàn bằng gỗ mộc; hai cái ghế ọp ẹp; một cửa sổ có chấn song, một cái lò sưởi thủng móp, phun khói ra các kẽ hở mà chẳng tỏa được tí hơi ấm nào: đó là nơi trú ngụ mới dành cho nhân vật của chúng ta; con người mà, chỉ một lát trước đây, đang

tưởng mình được hưởng những lạc thú ở đời và được đồng bào chú ý vì một chiếc frac màu huyết dụ lửa khói. Thậm chí người ta cũng không để y có thì giờ thu vén những thứ cần dùng, lấy cái táp… Bao nhiêu giấy má, văn khế mua người chết, tất cả đều đã vào tay các nhà tư pháp. Y buông phịch người xuống, và một nỗi buồn u uất cấu xé lòng y như một con sâu háu đói. Với một tốc độ mỗi lúc một tăng, nó gặm nhấm cõi lòng bơ vơ không nơi nương tựa đó. Chỉ cần một ngày sầu thảm như thế nữa thôi là Tsitsikôp đã không còn ở trên thế gian này nữa. Nhưng một bàn tay hộ mệnh đang che chở cho y. Một giờ sau, cửa ngục mở ra, và ông già Murazôp bước vào.

Một kẻ lữ hành đang bị cơn khát bỏng họng hành hạ, người đầy bụi bặm, phờ phạc, kiệt sức mà được người ta đổ cho một tí nước suối vào cái cổ họng khô rát; hắn cũng không thấy mát, thấy mình hồi sinh, như thằng cha Tsitsikôp bất hạnh khi thấy Murazôp vào.

Từ cái sàn gỗ mà y đã nằm vật xuống trong cơn tuyệt vọng, y giơ tay nắm chặt lấy tay Murazôp mà hôn, mà áp lên ngực, và nói: - Cứu tinh của tôi! Chúa sẽ thưởng cho ngài đã rủ lòng vào thăm một kẻ khốn nạn!

Đoạn y khóc òa lên.

Ông già ái ngại nhìn y và chỉ nói:

- Ôi, Paven Ivannôvits, Paven Ivannôvits! Ông đã làm gì thế?

- Biết làm sao được! Cái tính vô độ đáng nguyền rủa nó hại tôi, tôi quên hết chừng mực! Tôi không biết dừng lại kịp thời. Quỷ Xa tăng đã cám dỗ tôi, đã lôi tôi ra khỏi giới hạn của lương tri! Tôi đã sa ngã, tôi đã sa ngã, thật vậy: nhưng làm sao người ta lại có thể hành động như thế này? Bỏ tù một người quý tộc mà không xét xử, không điều tra!... Một người quý tộc, Afanaxi Vaxiliêvits ạ!... Không để cho người ta có thì giờ ghé về nhà thu xếp đồ đạc nữa! Bây giờ mọi vật đang bỏ đấy, vô chủ. Cái táp của tôi, Afanaxi Vaxiliêvits, cái táp của tôi! Bao nhiêu tài sản của tôi đều ở cả trong ấy. Tất cả những gì tôi đã đổ mồ hôi trán ra mới kiếm được, trong bao nhiêu năm lao lực, chịu đựng thiếu thốn. Cái táp của tôi, Afanaxi Vaxiliêvits ơi! Người ta sẽ lấy hết, cướp hết! Trời ơi là trời!

Không có đủ sức cưỡng lại cơn tuyệt vọng mới này, y khóc nức nở; tiếng khóc xuyên qua những bức tường dày của ngục thất, âm ỉ ra mãi tận xa. Y giật đứt cái cà vạt bằng xa tanh và nắm lấy chỗ sát cổ áo xé toạc chiếc lễ phục đẹp đẽ màu huyết dụ lửa khói.
- Chao ôi, Paven Ivannôvits! Số của cải ấy đã làm ông mờ mắt! Nó làm cho ông không thấy được tình cảnh khủng khiếp của ông.
- Ân nhân của tôi ơi, cứu tôi với, cứu tôi với! Con người khốn nạn tuyệt vọng kêu lên, phủ phục xuống chân Murazôp. Công tước quý ông lắm: vì ông, việc gì ngài cũng làm.
- Không đâu, Paven Ivannôvits ạ; tôi rất muốn giúp ông, nhưng không thể được. Không phải ông lọt vào tay một người nào, mà đang ở dưới uy quyền của một pháp luật không gì lay chuyển nổi.
- Chính quỷ Xa tăng, thằng đao phủ của loài người, đã cám dỗ tôi! Y nện đầu vào tường và giáng một quả đấm xuống bàn, mạnh đến nỗi bật máu ra; nhưng chẳng thấy đau đớn gì.
- Paven Ivannôvits, hãy bình tâm; hãy nghĩ cách hòa giải với Chúa, chứ không phải với người; hãy nghĩ đến linh hồn mình.
- Chao ôi cái số phận tôi! Afanaxi Vaxiliêvits! Ai đời lại có một số phận như thế? Vì nếu tôi có kiếm được vài xu, thì chính là nhờ kiên gan làm lụng chứ nào phải trộm cắp của người hay ăn cướp của công như bao nhiêu kẻ khác. Tôi gom góp để làm gì? Để được nhàn hạ khi tuổi già; để lại ít nhiều cho vợ, cho những đứa con mà tôi định tâm là sẽ có, để giúp ích và phụng sự tổ quốc. Tôi muốn có của chỉ vì thế! Tôi đã đi theo con đường quanh co, tôi xin nhận như thế. Nhưng chỉ sau khi tôi thấy rõ rằng theo con đường chính trực người ta chẳng tiến được chút nào, mà theo đường vòng người ta lại đi nhanh hơn. Nhưng tôi đã làm việc, tôi đã nỗ lực. Tôi lấy cái gì là lấy của kẻ giàu có. Ông thử nghĩ đến những bọn vô lại ăn cắp của công hàng nghìn rúp, bóc lột kẻ nghèo, cướp đến những đồng xu cuối cùng của kẻ đói khổ!... Số phận đâu mà hẩm hiu đến thế! Mỗi lần sắp đạt kết quả, có thể nói là đã sờ được ở đầu ngón tay, là một cơn bão táp nổ ra; người ta lao vào một tảng đá ngầm, thuyền vỡ tan tành. Tôi đã có gần ba mươi vạn rúp vốn liếng; một ngôi nhà ba tầng, đã mua được hai cái ấp… Afanaxi Vaxiliêvits, sao lại có một nỗi bất hạnh đến như thế? Sao lại có những vố phũ phàng

đến như thế? Đời tôi há chẳng phải như một con thuyền bềnh bồng trên sóng đó sao? Công lý của Thượng đế ở đâu? Đâu là sự đền đáp cho một trí kiên nhẫn, một sự bền gan không lấy gì sánh được? Vì đã ba lần tôi phải bắt đầu lại từ hai bàn tay trắng, tôi bắt đầu lại với mấy đồng xu; giá phải người khác thì đã mất hết hy vọng và thành ra con ma men rồi. Tôi đã phải đấu tranh, chịu đựng, đau khổ biết bao nhiêu… Mỗi kôpek là phải đem hết sức mạnh của tâm hồn ra mới kiếm được. Hãy cho rằng có kẻ kiếm ra tiền chẳng khó nhọc gì; nhưng đối với tôi thì đúng như câu tục ngữ đã nói: mỗi kôpek đóng chặt xuống đất với một cái đinh đáng giá những ba kôpek; thế là tôi phải vận dụng một ý chí gang thép để đánh gãy cái đinh mà lấy đồng kôpek; và có Chúa biết cho là tôi đã làm thế với chí kiên cường không mệt mỏi.

Trong lúc quá buồn khổ, y khóc hu hu, để mình rơi bịch xuống một chiếc ghế, giật đứt mảnh vạt áo rách treo lủng lẳng mà ném ra xa. Y giơ hai tay túm lấy những mớ tóc mà trước kia đã chăm chút biết bao, nhổ từng nắm không tiếc tay; y tìm trong cái đau đớn về thể xác một phương thuốc đánh lạc nỗi đau khổ về tinh thần.

Hồi lâu, Murazôp im lặng ngắm cái cảnh tượng lạ lùng ấy. Kẻ khốn nạn mới đây còn vênh vang đi lại với cái thư thái thong dong của một người thiệp thế hay một quân nhân; giờ đây quẫn chí đang vật vã điên cuồng, áo quần hở hang, khó coi, chiếc frac thì rách vạt, cái quần thì hở cúc, bàn tay thì vấy máu, nỗi uất hận trút vào những sức mạnh thù địch vẫn hành hạ con người.

- Chao ôi! Paven Ivannôvits, Paven Ivannôvits! Giá ông dùng cái nghị lực và chí kiên nhẫn của ông vào việc thiện, giá ông theo đuổi một mục đích tốt hơn; ông đã thành một người như thế nào rồi! Ông đã có thể làm được bao nhiêu việc hữu ích! Giá tất cả những người phúc thiện cũng ra công gắng sức làm việc tốt như ông đã ra công thu góp tiền bạc, giá họ biết hy sinh lòng tự ái và tham vọng để làm việc đó thì trời ơi, trái đất của chúng ta phồn vinh biết chừng nào!... Paven Ivannôvits, Paven Ivannôvits! Ông còn có tội với bản thân nhiều hơn là với đồng loại. Ông đã làm ô uế những khả năng phong phú mà tạo hóa đã ban cho ông. Sinh ra để trở thành một vĩ nhân, ông chỉ biết làm hỏng cả đời mình. Đó là điều

làm cho tôi phiền lòng hơn cả.
Lòng người thật lắm uẩn khúc. Dù một kẻ lầm lạc có đi xa con đường chính trực bao nhiêu, dù một tên tội phạm thâm căn cố đế có lòng lim dạ sắt bao nhiêu, có lê la bao nhiêu trong ao tù của cuộc đời bất nghĩa chăng nữa; nhưng khi người ta đem con người hắn và những khả năng mà hắn đã làm nhơ bẩn ra trách hắn; thì hắn cũng bất giác bị lay chuyển và xúc động.
- Afanaxi Vaxiliêvits - con người khốn nạn cầm tay Murazôp nói - ôi, giá tôi ra được khỏi nơi này, lấy lại được của cải của tôi! Tôi xin thề với ông là từ nay tôi sẽ sống một cuộc đời khác hẳn. Xin ông cứu tôi với, ân nhân ơi, cứu tôi với!
- Tôi biết làm thế nào được? Muốn thế phải chống lại pháp luật. Cứ thử cho là tôi dám làm như thế đi nữa: nhưng công tước là người nghiêm minh; dù có thế nào ngài cũng không lùi bước.
- Ân nhân ơi! Không có việc gì mà ông không làm được. Pháp luật chẳng phải là cái làm cho tôi khiếp sợ: tôi sẽ có cách dàn xếp với pháp luật; nhưng vô cớ bị tống ngục, phải nằm bẹp ở đây như con chó, trong khi tài sản của tôi, giấy má của tôi, cái tráp của tôi… Cứu tôi với! Y ôm chặt lấy hai chân ông già, nước mắt chảy xuống ướt dầm dề đôi chân.
- Chao ôi Paven Ivannôvits, Paven Ivannôvits! Ông già Murazôp lắc đầu nói, mớ tài sản ấy làm cho ông mù quáng đến thế kia ư! Nó làm cho ông không nghe được tiếng nói của linh hồn ông nữa!
- Tôi cũng sẽ nghĩ đến linh hồn tôi, nhưng xin ông cứu lấy tôi đã!
- Paven Ivannôvits, tôi không đủ quyền để cứu ông; nhưng tôi sẽ cố hết sức làm cho số phận ông đỡ khổ và đưa ông ra khỏi nơi này. Vạn nhất mà tôi làm được như vậy, thì xin ông đền công cho tôi bằng cách từ bỏ mọi mưu toan mua bán của ông. Tôi xin lấy danh dự mà nói với ông rằng giá tôi có mất hết tài sản, và tài sản thì tôi có nhiều hơn ông, tôi sẽ không hề khóc lóc. Bởi vì cái đáng kể không phải là những của cải người ta có thể tịch thu của mình, mà là những của cải không ai có thể lấy trộm hay cướp của mình được! Ông đã sống khá đủ trên thế gian này. Chính ông cũng gọi cuộc đời ông là một con thuyền bềnh bồng trên sóng. Ông có đủ tiền của để sống cho trọn đời. Hãy kiếm lấy một nơi yên tĩnh mà ở,

cạnh một nhà thờ và gần những người hèn mọn; hoặc giả ông thiết tha muốn có người nối dõi, thì lấy một người con gái trung hậu, địa vị tầm thường, đã quen sống với cuộc đời giản dị. Hãy quên cuộc đời phồn hoa và những cám dỗ của nó. Đồng thời cũng để cho cuộc đời phồn hoa quên ông đi; nó không đem lại yên tĩnh cho con người. Ông cũng đã biết là ở đấy chỉ có cám dỗ và phản bội mà thôi.

- Vâng, vâng, nhất định là như thế! Tôi vẫn có ý định sống một cuộc đời giản dị, phải chăng, làm nghề trồng trọt. Chính con quỷ cám dỗ, chính Xa tăng đã quyến rũ tôi, đã kéo tôi ra khỏi con đường chính trực!

Y cảm thấy trong lòng chớm nở những tình cảm mới mẻ, xưa kia đã bị bóp nghẹt vì lối giáo dục khắc khổ và không hồn, vì cảnh sống khô cằn của một thời thơ ấu ảm đạm, cảnh hiu quạnh của nhà bố, vì sự nghèo nàn của những ấn tượng thiếu thời, vì cái nhìn nghiệt ngã của số mệnh ngắm y một cách cau có qua một ô cửa kính mờ đục, phủ đầy tuyết. Y cất tiếng rên, và giơ hai tay bưng lấy mặt, nói giọng thảm sầu: "Phải rồi, phải rồi!".

- Cái vốn biết người, hiểu đời đã không giúp ích được gì cho ông trong việc phi pháp; nhưng giá được dùng để phụng sự chính nghĩa!... Nào, Paven Ivannôvits, phải tỉnh ngộ; còn kịp đấy…

- Không, muộn quá rồi! Tsitsikôp rên rỉ với một cái giọng khiến Murazôp phải rùng mình. Quả tôi đã bắt đầu thấy mình đi lầm đường, thấy rằng mình đã rời khỏi con đường chính trực; nhưng biết làm thế nào được? Tôi không cưỡng nổi. Tôi đã được giáo dục không phải cách. Cha tôi dạy luân lý cho tôi, đánh đập tôi, bắt tôi chép những câu cách ngôn; nhưng bản thân ông lại ăn trộm gỗ của láng giềng trước mắt tôi và còn bắt tôi giúp sức nữa. Ông ta đã gây ra trước mắt tôi một vụ kiện bất công, bất chính và quyến rũ một người con gái mồ côi mà ông ta là người đỡ đầu. Gương xấu đã thắng những lời răn dạy. Afanaxi Vaxiliêvits ạ, tôi thấy, tôi biết rằng tôi đang sống một cuộc đời bậy bạ; nhưng thói xấu không làm cho tôi ghê tởm. Bản tính tôi đã thành đê tiện; tôi không thấy yêu thích điều thiện, không có cái khuynh hướng kỳ diệu muốn làm những việc nhân đức; nó thường trở thành một bản tính thứ hai,

một tập quán… Tôi nói thật như vậy. Biết làm thế nào!
Ông già buông một tiếng thở dài nặng trĩu.
- Paven Ivannôvits, ông có bao nhiêu là nghị lực, bao nhiêu là kiên nhẫn! Phương thuốc này đắng thật, nhưng có người bệnh nào lại không chịu uống, khi biết rằng đây là cách duy nhất có thể chữa khỏi bệnh. Nếu ông không thấy yêu điều thiện, cũng hãy cứ làm việc thiện một cách miễn cưỡng đi. Như vậy, ông sẽ có công hơn người làm việc thiện vì yêu thích. Ông hãy tự bắt buộc vài lần rồi lòng yêu thích sẽ đến. *Thiên đường phải chinh phục bằng bạo lực {Lời trong Kinh Thánh}, chỉ có dùng sức mạnh mới vào được vương quốc của Chúa.* Thế nào, Paven Ivannôvits, ông có cái sức mạnh mà bao nhiêu người khác không có, cái chí kiên nhẫn không gì thắng nổi ấy, mà ông vẫn không làm được hay sao? Tôi tin rằng ông có bản chất của người anh hùng. Vì ngày nay mọi người đều nhu nhược, không có chí khí.
Những lời ấy như đã gây một ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn Tsitsikôp và làm rung lên một sợi tơ đồng tham vọng trong lòng y. Cái gì như thể một ánh quyết tâm long lanh trong mắt y.
- Afanaxi Vaxiliêvits! - Y nói, giọng rắn rỏi - miễn là ông tìm cách cho tôi được tha và đi khỏi nơi này với một số tiền này đó thì xin thề với ông là tôi sẽ bắt đầu một cuộc đời mới. Tôi sẽ mua một cái ấp; tôi sẽ làm nghề nông; tôi sẽ thu nhặt tiền của không phải cho tôi, mà để giúp đỡ kẻ khác trong chừng mực mà sức tôi có thể làm được; tôi sẽ tự quên mình; tôi sẽ quên những cuộc truy hoan ở thành thị, tôi sẽ sống một cuộc đời giản dị, điều độ.
- Cầu Chúa phù hộ cho ông giữ vững ý định ấy! Ông già nói, lòng vui mừng khôn xiết. Tôi sẽ hết sức xin công tước tha ông. Không biết có xin được hay không; dù sao, ông cũng sẽ được đối xử khoan hồng hơn. Ông cho phép tôi hôn ông. Vì ông đã đem đến cho tôi một niềm vui lớn. Cầu Chúa phù hộ cho ông! Tôi đến gặp công tước đây.
Tsitsikôp ngồi lại một mình.
Cả con người y xao xuyến, bồi hồi, rồi tâm hồn y dịu lại. Ngay đến bạch kim là kim loại ít sợ lửa nhất, cũng phải chảy ra khi ngọn lửa trong lò to lên. Nếu thổi to ngọn lửa làm cho độ nóng không thể

chịu được nữa, thì chất kim loại kiên gan kia sẽ trắng ra và chảy thành nước; con người rắn rỏi nhất cũng vậy, cũng tan đi trong lò lửa của hoạn nạn, khi hoạn nạn tăng lên, và như một ngọn lửa vô địch, tấn công cái bản chất đã chai sạn của hắn…

"Mình thì không biết và không cảm thấy điều thiện, nhưng mình sẽ đem hết sức làm cho người khác cảm thấy. Mình xấu xa và không xứng đáng; nhưng mình sẽ dùng hết sức để làm cho người khác tránh điều xấu. Mình là một con chiên ghẻ; nhưng mình sẽ cố gắng cho khỏi gây nên tai tiếng ô nhục. Mình sẽ làm lụng, sẽ đổ mồ hôi nước mắt, mình sẽ làm ăn lương thiện để có ảnh hưởng tốt đối với kẻ khác! Quả tình có thể nói là mình đã thành người hoàn toàn vô dụng! Nghề nông làm cho mình thích, mình có những đức tính cần kiệm, tháo vát, biết lo xa, cả tính nhẫn nại nữa. Chỉ cần có quyết tâm là được…".

Tsitsikôp suy nghĩ như vậy. Những khả năng tinh thần của y như bừng tỉnh, tự nhận thức được bản thân. Do một bản năng mơ hồ, trong thâm tâm y dường như đã bắt đầu hiểu rằng có một bổn phận mà con người phải làm và có thể làm trọn ở bất cứ nơi nào trên trái đất; bất chấp những hoàn cảnh, những nhiễu loạn, những khó khăn quanh mình. Và đời sống cần cù, xa tiếng ồn ào của thành thị, xa những sự cám dỗ mà con người đã phát minh ra trong cảnh nhàn cư, sao nhãng công việc; đời sống đó bắt đầu hiện lên trước mắt y rõ nét đến nỗi y gần quên hết vị đắng cay của cảnh ngộ mình. Có lẽ y còn sẵn sàng tạ ơn Thượng đế về cái vố nặng nề này, miễn là người ta thả y ra và hoàn lại cho y ít nhất là một phần…

Nhưng cánh cửa của gian hầm bẩn thỉu mở ra, và một viên chức bước vào. Đó là Xamôxvixtôp, một người theo chủ nghĩa hưởng lạc, trai tráng, vai rộng, chân cẳng lực lưỡng, rất tốt với bạn bè, ăn chơi vong mạng "một con vật tinh khôn ranh ma", như chính các bạn đồng liêu của hắn thường gọi. Giá phải thời chiến tranh, con người đó hẳn đã lập được lắm kỳ công; vạch một lối đi qua những nơi hiểm nghèo không ai qua được, đánh thó một khẩu đại bác ngay trước mũi quân địch; đó chắc phải là những chiến công, xứng đáng với hắn. Nhưng nếu trong sự nghiệp kiếm cung, hắn có thể thành một người lương thiện; thì trong cuộc đời văn quan hắn lại

phạm đủ mọi tội lỗi xấu xa. Hắn có những nguyên tắc thật lạ lùng: hắn cư xử rất phải lẽ với bạn bè, không bao giờ phản bội ai và bao giờ cũng giữ lời hứa với mọi người; nhưng hắn coi các quan trên như một vị trí pháo binh của địch mà hắn phải chọc thủng bằng cách lợi dụng mọi nhược điểm, mọi khe hở, mọi sơ xuất.
- Chúng tôi biết rõ tình cảnh ông, chúng tôi biết hết, hắn nói sau khi thấy cánh cửa đóng chặt lại sau lưng. Ông đừng sợ, mọi việc sẽ ổn thỏa. Cả bọn chúng tôi đều làm việc cho ông, phụng sự ông rất trung thành. Ba vạn rúp cho cả bọn; không lấy hơn một xu.
- Thật chứ? Tsitsikôp kêu lên. Và tôi sẽ được thanh minh hoàn toàn chứ?
- Hoàn toàn! Và còn được bồi thường nữa.
- Và để đền công… ông lấy bao nhiêu?
- Ba vạn rúp. Đủ phần mọi người: bọn chúng tôi, bọn thuộc lại của tổng trấn và viên thư ký nữa.
- Nhưng, xin lỗi ông, tôi làm thế nào mà…? Bao nhiêu đồ đạc của tôi… cái tráp… tất cả đều đã bị niêm phong và bị canh giữ cẩn mật rồi.
- Nội một giờ nữa, ông sẽ có tất. Thế nào, bằng lòng chứ?
Tsitsikôp bằng lòng. Trống ngực y đập mạnh; Y không tin là có thể như thế được.
- Thôi hãy tạm chia tay! Ông bạn chung của chúng ta có nhờ tôi dặn ông yên tâm và tĩnh trí.
- "Hừm! Tsitsikôp nghĩ thầm, biết mà, nhà cố vấn pháp luật của mình đang ra tay đấy!"
Xamôxvixtôp ra. Tsitsikôp ngồi lại một mình, vẫn chưa dám tin câu chuyện vừa rồi là thật; nhưng chưa đầy một giờ, đã có người mang cái tráp vào, giấy má, tiền bạc, tất cả đều hoàn toàn ngăn nắp. Số là Xamôxvixtôp đã đến nhà trọ của Tsitsikôp, quở mắng bọn lính canh là thiếu cẩn mật, ra lệnh cho viên giám thị về lấy thêm lính để tăng cường canh phòng, rồi cướp lấy cái tráp và cả những giấy tờ có thể có hại cho Tsitsikôp, hắn gói thành một bọc, niêm phong lại và ra lệnh cho một người lính đưa ngay vào cho phạm nhân, nói rằng đó là những đồ cần dùng ban đêm; thành thử ngoài giấy tờ ra, Tsitsikôp còn nhận được đủ thứ cần thiết để che

đắp tấm thân khả diệt của mình. Thấy công việc tiến hành mau lẹ như vậy, Paven Ivannôvits vui mừng khôn xiết. Y chứa chan hy vọng và lại bắt đầu mơ đến những cảnh hoan lạc: một tối xem kịch ở nhà hát, một vũ nữ mà y ve vãn. Thôn quê với cảnh tĩnh mịch mờ nhạt dần; chốn phồn hoa với cảnh náo nhiệt lại chói lọi như xưa… Ôi, đời là thế!

Trong khi đó thì ở các tòa án, ở khắp các công sở, vụ Tsitsikôp đã bành trướng đến những quy mô không thể tưởng tượng được. Bút của bọn ký lục kêu kèn kẹt, thuốc lá hít hết mớ này đến mớ khác, và những đầu óc tinh vi cặm cụi làm việc. Như những nghệ sĩ, bọn thư lại thưởng thức tất cả những câu văn hay ho, những đoạn văn tràng giang đại hải, cứ kế tiếp nhau tuôn ra, bôi đen không biết bao nhiêu là giấy. Viên cố vấn pháp luật nọ, như một đám mây vô hình, điều khiển toàn thể bộ máy; hắn làm cho mọi người rối tinh lên trước khi người ta kịp nhận ra phương hướng. Cảnh hỗn loạn tăng lên. Xamôxvixtôp vượt hẳn lên quá sức mình, bằng một hành động táo tợn chưa từng thấy. Biết được chỗ giam giữ người đàn bà bị bắt, hắn đến tận nơi, đi thẳng vào, vẻ oai vệ đến nỗi lính canh phải đứng nghiêm, bồng súng chào.

- Mày ở đây lâu chưa?
- Thưa Quan lớn, từ sáng ạ.
- Sắp đổi gác chưa?
- Thưa Quan lớn, còn ba tiếng nữa ạ.
- Ta có việc cần đến mày. Ta sẽ bảo viên sĩ quan cho người khác đến thay.
- Thưa Quan lớn, xin tuân lệnh ạ.

Về đến nhà, không để chậm một phút, và cốt không cho ai dính líu vào việc này, hắn cải trang thành một viên sen đầm, đeo vào cả ria mép và râu má xồm xoàm; đến quỷ Xa tăng cũng không nhận ra được nữa. Xong, hắn cứ thế đến nhà trọ của Tsitsikôp, bắt ngay lấy người đàn bà đầu tiên gặp ở đấy và giao cho hai gã viên chức, cũng cỡ như hắn giữ; sau đó hắn cầm súng đến gặp tên lính canh, theo đúng quy chế.

- Đi đi, quan chỉ huy sai tôi đến gác thay anh.

Hắn thay chân tên lính gác. Chỉ cần có thế. Trong lúc đó, người ta

đánh tráo mụ đàn bà bị giam với mụ mới bị bắt, chẳng hay biết tí gì về vụ này cả. Mụ kia được đem giấu kín đến nỗi về sau chẳng ai biết mụ ta ra sao.
Trong khi Xamôxvixtôp trổ tài trong bộ áo sen đầm, thì vị cố vấn pháp luật làm những việc thần diệu bên phía văn quan. Hắn đánh tiếng cho quan tỉnh trưởng biết rằng quan chưởng lý có gửi báo cáo tố giác ông ta lên Pêterbua; hắn lại làm như vậy với một viên chức của sở cảnh sát, lần này thì kẻ tố giác lại là một viên chức khác đang bí mật cư trú trong thành phố. Người này lại được báo tin là có một viên chức khác bí mật hơn, đang do thám mình. Hắn làm cho họ cuống cuồng lên, đến nỗi ai nấy đều phải tìm đến hắn, nhờ làm quân sư. Tình trạng hỗn loạn đến cực điểm: những kẻ tố giác thi nhau xuất hiện, người ta phát giác ra những việc chưa từng ai hay biết; thậm chí cả những việc không hề có nữa. Chẳng còn có phương tiện nào là không được dùng đến: nào người này là con hoang, nào người kia có tình nhân, nào bà nọ có chồng mà theo ve vãn một nhân vật nào đấy. Thôi thì những chuyện nhơ nhuốc, những việc phát giác này nọ được pha trộn vào vụ Tsitsikôp và những linh hồn chết một cách khéo đến nỗi rút cục không ai tài nào biết được việc nào là việc quái gở nhất; việc nào cũng đều có vẻ quan trọng như nhau cả.
Cuối cùng, khi các giấy tờ đến tay quan tổng trấn, thì vị công tước đáng thương ấy không còn biết đằng nào mà lần nữa. Một quan chức khá thông minh và thạo việc được giao cho làm bản tóm tắt, đã suýt phát điên lên vì việc này. Bấy giờ công tước lại đang bận tâm về một mớ việc khác, việc nào cũng khó chịu chẳng kém việc nào. Nạn đói đang hoành hành trong một phần tỉnh này. Những phái viên được cử đi phát lúa mì không làm đúng luật lệ. Ở một vùng khác, những dân ly giáo {*Phong trào ly giáo (raxkol) là một phong trào tôn giáo xã hội ở Nga, chống lại giáo hội chính thống. Chủ trương bảo tồn những quy tắc giáo hội cũ*} rục rịch nổi dậy. Có người phao tin trong đám dân này là Quỷ sứ Phản Cơ đốc {*Theo Kinh Thánh. Phản Cơ đốc là kẻ thù của Chúa Cơ đốc, xuất hiện trên trần gian trước ngày tận thế*} đã hiện ra và đến người chết hắn cũng không để yên, vì hắn đi mua bán những linh hồn

chết. Họ vừa sám hối về những tội lỗi đã phạm, lại vừa phạm thêm những tội lỗi mới, và lấy cớ là lùng bắt Quỷ sứ Phản Cơ đốc, họ tàn sát dân lành. Ở một nơi khác, nông dân nổi lên chống trang chủ và chống các quận trưởng cảnh sát. Có những quân du đãng phao tin rằng đã đến lúc dân mujik biến thành trang chủ và mặc áo frac, còn trang chủ thì mặc áo caftan và thành ra mujik; thế là cả một tổng, quên mất rằng nếu thật vậy thì trang chủ và cảnh sát trưởng sẽ nhiều vô số, bèn không chịu nộp thuế. Đã phải dùng đến những biện pháp quyết liệt.

Vị công tước đáng thương rất bực tức. Vừa lúc ấy, có người báo Murazôp đến.

- Mời ông ta vào! Công tước nói.

Ông già bước vào.

- Nào, ông đã thấy cái thằng Tsitsikôp của ông chưa! Ông bênh hắn, ông bảo vệ hắn; thế là bây giờ hắn mắc vào một vụ mà đến một tên trộm cướp hạng bét cũng không dám làm liều.

- Thưa Đại nhân, xin phép cho tôi nói rằng tôi không được hiểu vụ này cho lắm.

- Một vụ làm giả chúc thư. Mà trong hoàn cảnh như thế nào!... Đúng ra hắn phải phạt roi ở nơi công cộng.

- Thưa Đại nhân, tôi không dám có ý bênh Tsitsikôp; nhưng dù sao cũng chưa có đủ bằng chứng; cuộc điều tra chưa kết thúc.

- Một bằng chứng đây: con mụ đàn bà giả chữ ký của người chết đã bị bắt. Tôi muốn hỏi cung nó ngay trước mặt ông, để ông rõ.

Công tước giật chuông và ra lệnh đưa mụ đàn bà đến. Murazôp lặng thinh.

- Một vụ hết sức bỉ ổi! Và xấu hổ cho họ là những quan chức cao cấp nhất trong thành phố đều liên lụy, cả viên tỉnh trưởng cũng thế. Lẽ ra ông ta đừng nhập bọn với quân trộm cắp, bịp bợm mới phải chứ! Công tước nói, rất bực tức.

- Quan tỉnh trưởng được dự phần gia tài, ông ta có quyền đòi hỏi; còn như những người khác mà xúm xít vào cái gia tài này, thì cũng là thường tình thôi. Thưa Đại nhân, một người giàu có chết đi mà di chúc để lại những điều không công bằng và phải lẽ, thì những kẻ hám lợi khắp nơi kéo đến dây máu ăn phần: bản tính người ta vốn

dĩ như vậy.
- Nhưng tại sao lại làm những việc đê tiện đến thế?… Quân vô lại! Công tước tức giận quát lên. Tôi không có được lấy một viên chức tốt. Toàn là những quân khốn nạn!
- Thưa Đại nhân, chúng ta ai là người không có tội? Tất cả quan lại trong tỉnh đều là những người có tài, nhiều người rất có năng lực; nhưng con người ta dễ sa ngã lắm.
- Ông Afanaxi Vaxiliêvits ạ, ông là người lương thiện độc nhất mà tôi được biết. Sao ông lại khăng khăng bênh bọn vô lại như vậy?
- Thưa Đại nhân - Murazôp nói - dù người mà ngài gọi là vô lại là ai chăng nữa, thì đó vẫn là một con người. Làm sao lại có thể không bênh vực một sinh linh mà ta biết là một nửa lỗi lầm mà nó phạm phải, là chỉ vì thô lỗ và dốt nát. Chúng ta, lúc nào mà chẳng phạm những điều bất công và luôn luôn cho kẻ khác khốn đốn, dù là không có ác ý. Chính Đại nhân cũng đã làm một việc rất bất công.
- Thế nào! Công tước kêu lên, kinh ngạc vì thấy câu chuyện xoay sang một hướng bất ngờ như vậy.
Murazôp ngừng một lát như để suy nghĩ, rồi nói:
- Cứ thử lấy vụ Derpennikôp chẳng hạn.
- Ông Afanaxi Vaxiliêvits! Một tội ác vi phạm những luật lệ cơ bản của Nhà nước cũng chẳng khác gì tội phản quốc!
- Tôi không có ý muốn thanh minh cho anh ta. Nhưng thử hỏi một thanh niên không chút kinh nghiệm ở đời, bị những kẻ khác cám dỗ và lôi cuốn như vậy, mà cũng kết án nghiêm khắc như một kẻ cầm đầu; thử hỏi như thế có công bằng không? Vì Derpennikôp phải chịu chung số phận với Vôrônôp; nhưng tội của họ có giống nhau đâu!
- Vì Chúa…, công tước nói, vẻ xúc động rõ rệt. Ông có biết gì về việc này, ông cho tôi rõ. Vừa rồi tôi có viết thư lên Pêterbua xin giảm hình cho hắn.
- Thưa Đại nhân, không phải đâu. Tôi nói đây không phải vì tôi có biết những điều mà ngài không biết. Tuy vậy, có một việc có thể làm cho anh ta được giảm tội; nhưng chính anh ta cũng không muốn nói ra, sợ có hại cho một người khác. Tôi chỉ dám nghĩ rằng

có lẽ dạo ấy, ngài hành động quá vội. Xin Đại nhân bỏ quá cho; tôi cứ theo cái trí khôn kém cỏi của tôi mà phán đoán; và ngài đã nhiều lần ra lệnh cho tôi phải nói thật. Tôi đã từng có nhiều thủ hạ, người thuộc đủ các hạng, tốt có, xấu có. Bao giờ cũng phải xét kỹ dĩ vãng của một con người; vì nếu không xét mọi việc một cách tỉnh táo, chưa chi đã quát mắng ngay; thì chỉ làm cho nó hoảng sợ mà thôi, không thu được những lời thú nhận thành thật. Nhưng nếu hỏi nó với sự thông cảm, như một người anh, thì chính nó lại thú nhận hết và không xin khoan hồng; nó sẽ không thù oán ai hết, vì nó thấy rõ là không phải con người, mà chính là pháp luật trừng trị nó.

Công tước suy nghĩ. Vừa lúc ấy, một viên chức trẻ tuổi bước vào và kính cẩn dừng lại, tay cầm cái cặp. Vẻ bận rộn và chăm chỉ lộ rõ trên gương mặt trẻ măng của anh ta. Có thể thấy rõ là không phải vô cớ mà người ta dùng người này vào những công cán đặc biệt. Anh ta thuộc vào cái số hiếm hoi những người vẫn nghiên cứu hồ sơ *con amore*. Không hề biết ham danh, tham của, không hề muốn bắt chước ai; anh ta làm việc chỉ vì tin chắc rằng mình phải ở nơi này, chứ không phải ở đâu khác; rằng mình sinh ra là để làm việc này. Theo dõi một vụ án phức tạp, phân tích, tìm ra manh mối; công việc chuyên môn của anh ta là như vậy. Miễn là vụ án rốt cục được đưa ra ánh sáng, những nguyên nhân bí ẩn của nó được phát hiện, miễn là anh thấy mình có thể trình bày nó ra ngắn gọn mà rõ ràng để cho mọi người có thể hiểu được; là công lao khó nhọc của anh ta, những cố gắng của anh ta, những đêm thức suốt sáng của anh ta được đền bù xứng đáng. Có thể nói rằng nỗi vui mừng của một cậu học trò sau khi giải thích được một câu văn khó và tìm ra được ý nghĩa thật của tư tưởng một đại văn hào, cũng có kèm niềm vui của anh ta, khi lần ra được manh mối một vụ án phức tạp.

Ngược lại… {*Ở đây bản thảo lại mất. Đoạn dưới bắt đầu ở một trang khác; phần đầu câu bị mất*}

… -… lúa mì đến nơi đang có nạn đói; tôi biết rõ vùng này hơn các viên chức: tôi sẽ tự mình điều tra xem người ta cần cái gì. Và nếu Đại nhân cho phép, tôi sẽ nói chuyện với dân ly giáo. Họ sẵn sàng nói chuyện với những người bình thường. Biết đâu tôi chẳng có thể

góp phần dàn xếp được việc này. Các viên chức của ngài không làm được đâu; họ mà bắt tay vào thì sẽ phải giấy đi tờ lại, và họ sẽ ngập đầu trong đống giấy tờ đến nỗi chẳng còn thấy được việc gì nữa. Tôi sẽ không xin ngài tiền, vì trong khi người ta đang chết đói mà mình lại nghĩ đến tư lợi thì thật là xấu hổ. Tôi có ít lúa mì dự trữ, tôi lại đã cho lấy thêm ở Xibia về để dùng mùa hè sang năm.
- Chỉ có Chúa mới có thể đền công được cho ông vì một việc như thế, Afanaxi Vaxiliêvits ạ. Tôi chẳng biết nói gì với ông, vì ông cũng hiểu rằng trong những trường hợp như thế này thì lời nói hoàn toàn bất lực. Nhưng ông cho phép tôi nói một câu về lời thỉnh cầu của ông. Liệu tôi có quyền dìm việc này đi không, và nếu tôi dung thứ cho bọn vô lại này thì về phía tôi có công bằng, có trung thực không?
- Thưa Đại nhân, thực tình không thể nói như thế được; huống chi trong bọn họ có nhiều người tốt. Có những tình thế rất khó xử; đôi khi có kẻ tưởng chừng như có tội mười mươi, nhưng xét kỹ lại thấy là không phải.
- Nhưng họ sẽ nói gì nếu tôi nhắm mắt làm ngơ? Vì về sau, trong bọn họ sẽ có những kẻ cất đầu lên và thậm chí còn nói rằng tôi sợ họ. Những kẻ đó sẽ là những kẻ đầu tiên khinh nhờn…
- Thưa Đại nhân, tôi xin phép được trình bày thiển ý; xin Đại nhân hãy triệu tất cả lại, nói cho họ rõ là ngài đã biết hết mọi việc và trình bày cho họ thấy tình cảnh của ngài như ngài vừa cho tôi được biết, rồi hỏi xem ý họ thế nào: giá ở địa vị ngài, thì mỗi người trong bọn họ sẽ xử trí ra sao?
- Ông cho rằng họ có thể nghe theo một cảm xúc cao thượng hơn là âm mưu, vơ vét cho đầy túi hay sao? Tôi dám chắc là họ sẽ nhạo tôi.
- Thưa Đại nhân, tôi thì không nghĩ như vậy. Con người, dù là hư hỏng, vẫn có ý thức về công lý. Ít ra thì người Nga là như vậy, vì đối với người Do Thái…! Không ạ, Đại nhân chẳng có gì phải giấu giếm hết. Xin ngài cứ nói lại đúng như đã nói với tôi. Họ vu cho ngài là hám danh, là kiêu ngạo, là quá tự phụ, không thèm nghe phải trái gì cả; ngài hãy cho họ thấy rõ sự thực. Chính nghĩa ở phía ngài. Ngài hãy nói với họ như thể ngài đang xưng tội, không phải

trước mặt họ, mà trước mặt Chúa.
- Ông Afanaxi Vaxiliêvits ạ, công tước nói, vẻ suy nghĩ. Tôi sẽ nghĩ kỹ việc này; dù sao cũng xin cảm ơn ông đã khuyên tôi.
- Còn Tsitsikôp, thì xin Đại nhân cho thả ra.
- Ông hãy bảo cái thằng Tsitsikôp ấy là phải cuốn xéo tức khắc khỏi chốn này và cút đi đâu càng xa càng tốt. Ông mà không can thiệp thì tôi không đời nào đi tha cho nó.
Murazôp nghiêng mình lĩnh ý và lập tức vào gặp Tsitsikôp. Ông ta thấy y đang vui vẻ và ung dung ngồi trước một bữa ăn tuyệt ngon đặt ở một khách sạn khá sang và được người bưng vào trong một bộ cặp lồng sứ. Trao đổi qua mấy câu, ông già nhận thấy rằng Tsitsikôp đã nói chuyện với một trong những viên chức láu lỉnh nọ. Ông ta lại còn thấy rõ được cả sự can thiệp bí mật của viên cố vấn pháp luật quỷ quyệt.
- Ông Paven Ivannôvits ạ, Murazôp nói, tôi đem lại tự do cho ông đây; nhưng với điều kiện là ông phải rời khỏi thành phố này ngay lập tức khắc. Ông hãy thu xếp hành lý đi, và chúc ông thượng lộ bình an! Ông đừng chậm trễ một phút nào, nếu không sẽ hỏng hết. Tôi biết ở đây có một người đang xúi bẩy ông; nhưng xin nói riêng để ông biết rằng người ta sắp khám phá ra một việc mà khi đã vỡ lở thì không gì có thể cứu vãn được nữa; dĩ nhiên là hắn rất vui lòng kéo được những người khác cùng chết theo hắn; hắn sẽ có phần của hắn… Lúc nãy, khi tôi chia tay với ông thì ông có những ý định khá tốt, tốt hơn là bây giờ. Tôi muốn nói chuyện nghiêm chỉnh với ông. Thật ra, chẳng quý báu gì những của cải mà người ta xâu xé nhau, cướp giật nhau, làm như là có thể bảo đảm được hạnh phúc trên thế gian này mà không cần nghĩ đến kiếp sau. Hãy tin lời tôi, Paven Ivannôvits ạ; khi mà người ta chưa gạt sang một bên tất cả những gì đang làm cho người ta tàn sát nhau trên trái đất, khi mà người ta chưa quan tâm đến hạnh phúc tinh thần thì hạnh phúc vật chất chưa thể nào có được. Rồi sẽ đến những thời kỳ đói kém và nghèo khổ trong toàn dân, cũng như trong từng… Đó là điều hiển nhiên. Ông muốn nói gì thì nói, chứ thể xác vẫn lệ thuộc vào linh hồn. Đừng nghĩ đến những linh hồn chết nữa, hãy nghĩ đến cái linh hồn đang sống của ông; và cầu Chúa phù hộ cho ông

trên con đường mới! Ngày mai tôi cũng lên đường. Ông hãy thu xếp nhanh lên! Nếu không, tôi đi rồi thì ông cứ liệu lấy!
Dứt lời, ông già lui ra. Tsitsikôp ngẫm nghĩ. Y lại thấy cuộc đời là quan trọng. "Murazôp nói phải - y tự nhủ - đã đến lúc phải bước vào một con đường khác!". Một lát sau y ra khỏi tù. Một người lính gác bưng cái tráp cho y… Xêlifan và Pêtruska mừng cuống khi thấy ông chủ được tha.
- Nào thôi, hai cậu - Tsitsikôp bảo họ, giọng khoan dung - thu xếp đồ đạc mà đi thôi.
- Xin tuân lệnh, Paven Ivannôvits ạ, Xêlifan nói. Chắc có thể đi xe trượt được rồi đấy: tuyết xuống đã khá nhiều rồi. Chắc chắn rời khỏi thành phố lúc này là vừa. Con chán ngấy đi rồi, không còn nhìn được nữa.
- Mày đến lão thợ đóng xe bảo đóng giá trượt tuyết vào xe đi, Tsitsikôp nói.
Chính y cũng ra phố, nhưng không muốn đi chào ai cả. Sau khi xảy ra một chuyện như thế, thì chào hỏi cũng phiền; huống hồ trong tỉnh đang đồn đại những tin rất đáng buồn cho Tsitsikôp. Y tránh mặt mọi người và chỉ lén vào cửa hiệu của lão nhà buôn đã bán cho y tấm dạ trứ danh màu huyết dụ lửa khói. Y lại hỏi mua bốn arsin và đem đến hiệu thợ may cũ. Với tiền công gấp đôi, gã chủ hiệu may bằng lòng nỗ lực gấp đôi và bắt thợ thắp nến làm suốt đêm; kim chỉ, kéo, bàn là, mọi thứ đều nhộn nhịp và sáng hôm sau thì chiếc frac may xong, dù có hơi muộn, vì ngựa đã thắng xong rồi. Tuy vậy, Tsitsikôp cũng đưa ra mặc thử. Bộ áo may vừa sít, như bộ trước. Nhưng hỡi ôi, y nhận thấy một vệt trắng bóng trên đầu và buồn bã thốt lên rằng: "Tại sao ta lại buông mình vào một cơn tuyệt vọng gớm ghê đến như vậy? Ta lại càng không nên bứt tóc đi như thế!".
Trả công thợ may xong, y lên đường với một tâm trạng lạ lùng. Đây không còn là Tsitsikôp trước kia nữa; đây dường như chỉ còn là cái đống hoang tàn của y mà thôi. Có thể ví tâm trạng y với một ngôi nhà đã tháo rời ra, vật liệu dành để xây một ngôi nhà khác chưa khởi công; vì kiến trúc sư chưa gửi quy hoạch đến và thợ chẳng biết làm gì.

Trước đấy một giờ, ông già Murazôp vừa lên đường với Patapưts, đi một chiếc xe nhỏ bằng nan miên liễu; và sau đấy một giờ, công tước cho báo với tất cả các quan lại rằng ngài sắp đi Pêterbua, muốn gặp họ trước khi lên đường.
Tụ tập trong gian phòng lớn, cả tập đoàn quan lại - từ tỉnh trưởng cho đến tư vấn thực thụ {*Hàm quan văn bậc thứ chín tương đương với đại úy bên quan võ*}, trưởng phòng, tư vấn, trợ tá; đủ các thứ Kixlôiêđôp, Kraxnônôxôp, Xamôxvixtôp; từ kẻ ăn hối lộ cho chí người thanh liêm; kẻ mà lương tâm đã ít nhiều hoen ố cũng như người không có gì phải tự chê trách - đều đứng đợi quan tổng trấn, trong lòng không khỏi lo lắng. Công tước bước ra, vẻ mặt kín như bưng, khóe mắt cũng rắn rỏi như dáng đi. Mọi người cúi chào. Nhiều người rạp xuống gần sáp đất.
Khẽ nghiêng đầu đáp lễ, rồi công tước bắt đầu nói:
- Vì phải lên Pêterbua, tôi thấy cần gặp tất cả các ông và hơn nữa cần nói rõ để mọi người biết một phần lý do chuyến đi này. Ở đây vừa xảy ra một việc hết sức nhơ nhuốc. Tôi chắc trong các ông, nhiều người biết là việc gì. Việc này lại lôi ra ánh sáng một số việc khác không kém phần ô nhục, liên can đến những người mà trước đây tôi vẫn tưởng là lương thiện. Tôi lại còn biết rằng người ta có ý định làm rối tung lên, để cho nhà chức trách không thể tiến hành điều tra bằng những con đường hợp pháp. Tôi cũng biết thủ phạm chính, và biết hắn nấp sau lưng ai… tuy hắn đã che giấu sự tham gia của hắn một cách khá khéo léo. Sự thật là tôi không có ý định dùng thủ tục thông thường; mà phải dùng đến cách xét xử nhanh chóng của tòa án binh, như trong thời chiến; tôi hy vọng rằng Hoàng thượng sẽ cho tôi được quyền làm như vậy, sau khi tôi đã trình bày để Ngài rõ hết vụ này. Khi mà tòa án dân sự đã bất lực, khi mà các hồ sơ đã bị tiêu hủy cùng một lúc với tủ đựng, khi mà người ta cố dùng một loạt ngụy chứng và tố giác dối trá gửi đến tới tấp để làm mờ ám thêm một vụ vốn đã mờ ám; thì tôi cho rằng tòa án binh là phương tiện duy nhất để chấm dứt tình trạng này. Tôi mong được biết ý kiến mọi người về việc đó.
Công tước ngừng lại như để chờ một câu trả lời. Mọi người đều đứng yên, mắt nhìn xuống đất. Nhiều người mặt tái mét.

- Tôi còn biết một vụ nữa, tuy những kẻ đương sự đinh ninh rằng không ai biết đến cả. Vụ này sẽ không tiến hành thẩm vấn theo thủ tục thông thường, vì chính tôi sẽ đứng ra làm nguyên cáo và sẽ trình bày những bằng chứng cần thiết.
Trong đám viên chức có người giật mình, những kẻ nhát gan nhất đâm ra luống cuống.
- Lẽ dĩ nhiên những kẻ tội nặng nhất sẽ bị lột phẩm hàm, tịch thu tài sản; những kẻ khác thì cách chức. Tất nhiên sẽ có những kẻ vô tội bị liên lụy. Nhưng làm thế nào được? Vụ này quá nhơ nhuốc và đòi hỏi công lý xét xử. Tuy tôi biết rằng như thế cũng chẳng răn được những kẻ khác, - vì những kẻ sẽ thay bọn họ, cũng như những kẻ xưa nay vẫn lương thiện, rồi sẽ thành bất lương, sẽ lừa đảo và sẽ bị mua chuộc; tuy vẫn được người trên tin cậy - nhưng dù sao tôi cũng phải hành động nghiêm khắc,vì công lý đòi phải xét xử. Tôi biết người ta sẽ trách tôi là tàn nhẫn; nhưng mọi người đều chỉ nên coi tôi là công cụ vô tri vô giác của công lý, là chiếc rìu phải bổ xuống một cái đầu.
Công tước rất điềm tĩnh. Gương mặt ngài không lộ vẻ gì tức giận hay bất bình.
- Bây giờ, chính người đang nắm trong tay vận mệnh của nhiều người trong số các ông, người mà chưa có một lời van xin nào lay chuyển được; chính người ấy đang van xin tất cả các ông nói lên. Mọi việc sẽ được quên đi, sẽ được xóa bỏ; tôi sẽ đứng ra bênh vực các ông, nếu các ông đáp lại lời cầu xin của tôi. Lời cầu xin đó như sau… Tôi biết rằng không có gì, dù là sợ hãi, dù là hình phạt, có thể tiêu diệt được sự bất công trên trái đất: gốc rễ nó đã quá sâu rồi. Các hành vi bất lương là ăn hối lộ đã thành ra một việc tất yếu và một nhu cầu, ngay cả đối với những người không phải sinh ra để làm việc ấy. Tôi biết rằng đối với nhiều người, chống lại dòng nước là một việc hầu như không thể làm được. Nhưng giờ đây, cũng như vào giờ phút quyết liệt và thiêng liêng mà vấn đề đặt ra là phải cứu lấy tổ quốc, giờ phút mà mỗi người dân đều chịu đựng và hy sinh tất cả; tôi phải kêu gọi, dù chỉ là kêu gọi những kẻ hãy còn quả tim của một người Nga trong lồng ngực và ít nhiều hiểu được mấy chữ *tâm hồn cao thượng*.

Việc gì phải tự hỏi trong chúng ta ai là kẻ nặng tội nhất? Có lẽ tôi là kẻ nặng tội hơn ai hết; có lẽ lúc mới nhận thức tôi đã đối xử quá nghiêm khắc với các ông, có lẽ tôi đã vì hoài nghi quá mức mà hắt hủi những người đã thành tâm muốn giúp tôi; tuy về phía tôi, tôi cũng có thể làm… Nếu họ thật lòng yêu công lý và thiết tha với lợi ích của tổ quốc thì lẽ ra họ không nên phật lòng vì những thái độ hách dịch của tôi, lẽ ra họ phải ghìm bớt lòng tham và hy sinh tự ái của mình. Và như thế thì chẳng lẽ tôi lại không hiểu lòng trung thực của họ, lòng thiết tha với điều thiện của họ; chẳng lẽ rốt cục tôi lại không nhận được của họ những lời khuyên thông minh và bổ ích. Tuy vậy, kẻ thuộc hạ phải chiều theo tính khí của trưởng quan thì đúng hơn là trưởng quan chiều theo tính khí của kẻ thuộc hạ. Dù sao, thì như vậy cũng hợp lẽ thường hơn; vì những kẻ thuộc hạ chỉ có một trưởng quan, còn trưởng quan thì có hàng trăm thuộc hạ. Nhưng hãy gác sang một bên mức tội nặng nhẹ của mỗi người. Sự thật là chúng ta phải cứu lấy đất nước. Tổ quốc ta đang suy vong, không phải vì hậu quả cuộc xâm lược của hai mươi dân tộc {*Người Nga gọi cuộc xâm lược của hoàng đế Pháp Napôlêông năm 1812 là "xâm lược của hai mươi dân tộc", vì quân của Napôlêông gồm người nhiều nước chư hầu, nói nhiều thứ tiếng khác nhau ở châu Âu*} mà chính là vì lỗi của chúng ta; bên cạnh chính phủ hợp pháp, đã hình thành một chính phủ khác, thế lực còn hơn cả pháp luật. Cái gì cũng bị đánh thuế; thậm chí giá ngạch còn được loan báo cho mọi người biết nữa. Và không một trưởng quan nào, dù có khôn ngoan hơn tất cả các nhà lập pháp và các nhà cầm quyền, là có đủ sức tiêu diệt được tệ nạn đó, hay chỉ hạn chế những tác hại của bọn quan lại xấu bằng cách đặt họ dưới quyền kiểm soát của các bạn đồng liêu. Những cách đó sẽ vô hiệu, chừng nào mà mỗi người chúng ta chưa cảm thấy rằng cũng như trong thời nổi dậy của các dân tộc, mình đã cầm vũ khí chống lại… thì bây giờ mình cũng phải tranh đấu với sự bất công như thế. Chính là với tư cách người Nga, cùng một huyết thống với các ông mà tôi nói như vậy. Tôi nói với những người hiểu được thế nào là những tư

tưởng cao quý. Tôi xin các ông nhớ lại cái nhiệm vụ mà con người vẫn gặp trên mỗi bước đi của mình. Tôi xin các ông xét kỹ hơn nữa bổn phận của mình, và những nhiệm vụ mà chức vị của các ông trên thế gian buộc các ông phải làm tròn; vì về những nhiệm vụ đó, tất cả chúng ta đều có một khái niệm rất mơ hồ và chúng ta… {*Đến đây bản thảo mất hết*}.

HẾT

Nguồn: Chân Trời Tím
NXB Văn Học
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 18/07/2009 1:58:01 SA